

V.P. BOROVICKA

MARMA

TÊN GỌI ĐÂY BÍ ẨN

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

tve-HU

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Table of Contents

Lời Giới Thiệu
Thời đại hoàng kim của các “Bố Già”
Chiến dịch Luciano
CHIẾN TRANH CÁC BĂNG
TRIỀU ĐÌNH MAFIA
CUỘC THẬP TỰ CHINH CHỐNG TỘI ÁC
TÙ NHÂN ĐÁNG KÍNH
TÍN HIỆU CHO “BỐ GIÀ”
“BỐ GIÀ” HAI MẶT GENOVESE
THỊ TRƯỞNG DON CALÒ
NGÀY TRỞ VỀ
NỔI BẤT HẠNH CỦA MEYER LANSKY
TÒNG PHẠM AHEARN THÚ NHẬN
SỰ PHỤ CỦA SẾP VÀ SẾP CỦA SỰ PHỤ
NHỮNG NGÓN TAY DÀI
TÙ NHÂN SỐ 16877
HIỆP ƯỚC QUÂN TỬ
THỦ ĐÔ MAFIA
CON ĐỜ ĐẦU CỦA CÁC “BỐ GIÀ”
LA HABANA
PHƯƠNG ÁN MONGOOSE
LIÊN DOANH CÔNG ĐOÀN MAFIA
NHÂN CHỨNG CHẾT
CÁI CHẾT CỦA DON GIOVANNI
NGƯỜI TÌNH CỦA TỔNG THỐNG
AI ĐÃ BẮN TỔNG THỐNG
KẼ THÙ SỐ MỘT CỦA MAFIA
DỌA NẠT

NHÂN CHỨNG SỐNG
TUYÊN THỆ
ĐÁM CƯỜI GANGSTER
ĐẶT HÀNG GIẾT NGƯỜI
CÁI HÔN THẦN CHẾT
MAFIA Ở TEL AVIV
“BỐ GIÀ” MAFIA VÀ CÁC CHỦ NHÀ BĂNG VATICAN

MAFIA

(TÊN GỌI ĐẦY BÍ ẨN)

Tác Giả: **V. P. Borovicka**

Người dịch: **Trần Quốc Chiến**

Bản PDF: **Ngahoang**

Soát lỗi: **Mennguyen, Anne, Văn Cường**

Soát thể & Hiệu đính: **Văn Cường**

Tạo bìa: **inno14**

OCR & Tạo Ebook: **tran ngoc anh**

Nhà xuất bản: **Đà Nẵng**



Lời Giới Thiệu

Nghe đến Mafia, người ta thường nghĩ ngay tới những vụ giết người rùng rợn, những trận đấu súng đẫm máu, những vụ cướp nhà băng ly kỳ... Nhưng ai biết Mafia ngày nay còn là một chính phủ vô hình với quyền lực vô hạn, gồm những chủ ngân hàng giàu sụ, những giám đốc công ty kếch xù, những chính khách bệ vệ, chẳng những đã từng ăn cánh với CIA (Cục tình báo trung ương Mỹ) nhúng tay vào nhiều vụ đảo chính khủng bố tàn đing, mà còn có thể lực lớn, thừa sức đưa lên hay hạ bệ được cả tổng thống Hoa Kỳ.

Vậy tổ chức này xuất phát từ đâu và vì sao nó mang tên Mafia? Hầu hết các nhà nghiên cứu đều nhất trí quê hương của Mafia là Sicilie, một hòn đảo lớn phía nam nước Ý, nằm ở đường giao nhau giữa các châu Âu, Á, Phi. Trong quá khứ cũng như hiện tại, Sicilie vẫn là một vị trí chiến lược quan trọng, nơi giành giật giữa các thế lực đối lập. Những mỏm đá trên đảo đã từng in dấu vó ngựa của các danh tướng như Caesar, Alexandros Đại đế, Hannibal... Trong chiến tranh thế giới thứ hai, đây là nơi đổ bộ của quân Anh, Mỹ, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng dẫn đến chiến thắng hoàn toàn của phe Đồng minh, ở một vị trí lịch sử như vậy, nhưng Sicilie lại phải chịu một khí hậu vô cùng khắc nghiệt, đất đai lại quá ư cằn cỗi. Đời này qua đời khác, gió và sóng biển bào đi hết những gì màu mỡ, chỉ để lại những mỏm đá hình thù quái dị. Dưới nước thì toàn những bạch tuộc và mực đen, trên bờ thì đầy rẫy những tổ chim xơ xác như muốn điểm thêm vẻ hoang vu trên đảo. Người dân ở đây sống trong những ngôi nhà nhỏ bằng đá dựng và chòm lấp trong đá. Mùa đông lạnh buốt xương mùa hè lại như rang trong chảo. Cuộc đời quá vất vả không cho phép họ có thì giờ nghĩ đến ngày mai. Phải chăng vì thế mà động từ trong tiếng Sicilie không có thì tương lai? Sicilie miền đất vô hy vọng?

Cùng cực và đói rách, nhưng người dân Sicilie vẫn yêu tha thiết bầu trời trong xanh của mình. Khi gót giày quân viễn chinh Pháp đặt lên đảo, họ đã vùng lên chống cự quyết liệt. Vì độc lập dân tộc, các chiến sĩ ngã xuống trong tiếng hô cảm tử: *Morta Alla Francia Italia Anela* (Giết giặc Pháp, tự do cho nước Ý). Phải chăng Mafia là tên gọi tắt gồm những chữ đầu trong khẩu hiệu trên?

Có giả thiết cho rằng tổ chức Mafia xuất hiện sớm hơn từ năm 1670. Lúc đó ở Palermo nảy sinh tổ chức *Beati Paoli*, thường gọi là “Hội những quý tộc văn minh”. Những cuộc họp bí mật của hội thường được triệu tập trong các hang đá. Từ những thế kỷ trước, Mafia là tên gọi các mỏm đá ở gần Trapani thuộc Sicilie. Tên gọi Mafia bắt nguồn từ đây chăng?

Các nhà ngôn ngữ học cũng đã đưa ra một số giả thiết. Mafia trong ngôn ngữ Toscana nghĩa là đói khổ. *Mauvais* trong tiếng Pháp có nghĩa là xấu, tồi. Còn trong tiếng Ả Rập *Mahias* là thằng lừa đảo, *Magtaa* là hang động. Cũng trong tiếng Ả Rập, *Mufah* còn có nghĩa là sức mạnh tự vệ. Buổi đầu, Mafia là tổ chức tự vệ của những người nghèo chống lại áp bức, bất công. Vậy tên gọi Mafia có liên quan gì đến các từ trên hay không?

Dẫu từng ra đời như một tổ chức chính nghĩa nhằm bảo vệ quyền lợi của dân nghèo đi nữa, thì ngày nay Mafia đã hoàn toàn biến chất và trở thành một hội kín khổng lồ, chuyên gây tội ác, có quyền lực vô bờ, có nguồn thu nhập lớn có thể sánh với các tổ hợp tư bản kình địch như General Motors, Standard Oil, IBM, Texaco, General Electric, Chrysler và Ford. Nó có mặt trong hầu hết các lĩnh vực công nghiệp, thương nghiệp, du lịch, nghệ thuật... Nó nhúng tay vào chính trị, hợp tác với CIA, tổ chức ám sát Tổng Thống, mua chuộc quốc hội...

Vậy mảnh đất và không khí nào đã nuôi dưỡng ”cây Mafia xanh tươi” như vậy? Cuốn sách bạn đang cầm trong tay sẽ giúp bạn trả lời câu hỏi đó. Là một nhà nghiên cứu nghiêm túc, tác giả đã từng đến tận các mỏm đá Sicilie tìm hiểu cội nguồn Mafia, từng vượt qua sa mạc nóng bỏng tìm đến

thủ đô Mafia Las Vegas để tận mắt chứng kiến bao thủ đoạn kinh doanh của các “bố già”. Bằng ngòi bút sinh động, hấp dẫn, ông đã vẽ nên một bức tranh chân thật về “thế giới ngầm Hoa Kỳ”; từ những thủ đoạn giết người tàn bạo đến các mảnh khoé kinh doanh tinh vi, từ sự cấu kết bí mật với CIA trong các hành động lật đổ, ám sát, bắt cóc đến sự liên minh ma quỷ với giới chính khách Hoa Kỳ, từ những cuộc tình kim tiền với các nghệ sĩ danh tiếng đến các phi vụ béo bở với những cha cố trong tòa thánh Vatican, từ vụ ám sát anh em Kennedy đến kế hoạch mưu sát Fidel Castro... Phải chăng chính phủ vô hình Mafia là anh em sinh đôi với chính phủ phản động, hiếu chiến Hoa Kỳ, và xã hội “thế giới ngầm” là hình ảnh thu nhỏ của thế giới tư bản, nơi thịnh hành quy luật: Catch as catch can (cướp giật đến mức tối đa), bất chấp mọi đạo lý, tình người?

Sinh ngày 8-9-1920 ở Praha, V.P Borovicka trải qua thời thơ ấu ở Praha và Trencin, nơi ông học tiểu học và trung học phổ thông. Tốt nghiệp trung học năm 1938, ông học đại học thương nghiệp ở Praha cho tới khi trường bị bọn phát xít đóng cửa. Từ năm 1939 đến năm 1941, ông làm việc trong một hiệu thuốc, nhưng sau đó ông bị bắt sang Đức lao động khổ sai cho tới hết chiến tranh trở về Tổ quốc, chàng trai Borovicka hăm hở cùng mọi người góp sức hàn gắn vết thương chiến tranh và góp phần xây dựng xã hội mới trên đất nước Tiệp Khắc (cộng hòa Czech) tươi đẹp. Từ năm 1962 đến năm 1964, ông làm biên tập viên cho nhật báo “Dân chủ nhân dân”. Từ năm 1964 trở đi, ông hoàn toàn chuyên tâm viết văn. Ông du lịch khắp năm châu và đặc biệt lưu tâm đến việc thu nhập tư liệu cho các cuốn sách của mình. Tác phẩm đầu tay của ông là “Kết thúc đảo Oscar”, thuộc thể loại khoa học viễn tưởng, xuất bản năm 1959, đã cho thấy lĩnh vực quan tâm của tác giả. Các đề tài chính trị, thời sự được thể hiện dưới dạng tiểu thuyết viễn tưởng, tiểu thuyết trinh thám, trung thành với lịch sử nhưng không kém phần hấp dẫn. Ông quan tâm trước hết đến các hoạt động tình báo và loại chiến tranh vô hình này (Các bậc thầy tình báo những vụ ám sát xoay chuyển thế giới Watergate). Ông còn viết các tiểu thuyết tâm lý như “Tôi, anh hay Juan”, “Người yêu từ đỉnh núi Cáo”. Trí tưởng tượng phong phú đã được ông sử

dụng trong các sách viết cho trẻ em. Trước hết phải kể đến tiểu thuyết viễn tưởng nổi tiếng “Cô bé từ trên trời rơi xuống”, kể về cuộc du lịch của một em bé từ hành tinh xa đến và thành phố kỳ diệu, nói về một xã hội lý tưởng. Theo hai cuốn sách này, tác giả đã viết kịch bản cho một bộ phim cùng tên mà truyền hình Việt Nam đã cho phát nhiều lần. Hai truyện thiếu nhi khác là “Cái bốt” và “Safari” cũng được quay thành phim vô tuyến truyền hình, gồm 7 và 13 tập. Borovicka còn là tác giả kịch bản “Anh tôi có người em tuyệt vời”, đạt huy chương bạc trong đại hội liên hoan phim lần thứ 5 ở Moskva. Phim này cũng đã ra mắt khán giả Việt Nam (Tác phẩm của V.P.Borovicka gồm có: Kết thúc đảo Oscar (1959), Cô bé từ trên trời rơi xuống (1968), Thành phố kỳ diệu (1964), Tôi, anh hay Juan (1964), Vụ giết nhà tiên tri Hanissen (1968), Các bậc thầy tình báo (1969-1974-1984), Các nữ tình báo thế kỷ (1970-1973), Bí mật tình báo (1969), Những phát súng phục kích (1976), Watergate (1976), Người yêu từ đỉnh núi Cáo (1973), Thám tử từ Tel Aviv (1979), Mật mã tuyệt mật (1980), Mafia (1985), Thế kỷ chó sói (1985).

Thời đại hoàng kim của các “Bố Già”

Tháng 1 năm 1981, Ronald Reagan bắt đầu nhận chức tổng thống Hoa Kỳ. Trong lễ tuyên thệ ở Nhà Trắng, giữa các quan khách, người ta thấy xuất hiện ca sĩ Frank Sinatra nổi tiếng bởi các quan hệ với tổ chức Mafia ở Mỹ. Mặc dù đã biết rõ tình bạn của hai diễn viên Hollywood, Reagan và Sinatra, khách nước ngoài cũng không giấu nổi ngạc nhiên trước sự có mặt của ca sĩ nọ.

Nhưng sự việc không chỉ dừng lại ở vụ khiêu khích dư luận đó, Reagan đã bổ nhiệm Raymond Donovan làm Bộ trưởng lao động mặc dầu không ai lạ gì về những quan hệ cá nhân cũng như thương mại của ông ta với Mafia. Một trong những nhiệm vụ của Cục điều tra liên bang là kiểm tra tư cách của các ứng cử viên vào các chức vụ nhà nước. Giám đốc FBI [1] lưu ý Tổng thống điều đó, nhưng Reagan đã bỏ ngoài tai và giấu các thượng nghị sĩ về việc phê chuẩn bổ nhiệm Donovan.

Trong thời gian đó có tin đồn rằng Hãng xây dựng Schiavone ở New Jersey của Donovan hợp tác với gia đình Mafia Genovese. Hãng này đã hối lộ các quan chức địa phương, những người lãnh đạo công đoàn, bất chấp pháp luật và cướp công của công nhân. Bởi vậy, sự bổ nhiệm Donovan làm bộ trưởng lao động đã gây nên một làn sóng bất bình trong dư luận. Còn ai có trách nhiệm hơn bộ trưởng lao động về sự đảm bảo các điều kiện làm việc và các quyền lợi của người lao động cũng như quyền lợi của người thất nghiệp? Tạo điều kiện cho Donovan lũng đoạn trong lĩnh vực liên quan đến quyền lợi của công nhân và lợi nhuận tư bản những kẻ cực tả đã làm đúng như câu tục ngữ “bắt dê làm vườn”.

Một số nghị sĩ đã chống lại việc bổ nhiệm Donovan. Bộ tư pháp, dưới áp lực của dư luận, đã phải tiến hành điều tra việc này. Nhiều vụ bê bối đã bị lộ ra ánh sáng. Mafia có mặt trong nhiều lĩnh vực thương mại và chính

trị ở Mỹ. Ủy viên công tố Leon Silverman đã có trên bàn các bằng chứng về sự hợp tác giữa các chính trị gia và các tổ chức gangster.

Mafia lập tức phản công và một lần nữa người ta thấy những ngón tay Mafia dài đến mức nào. Tháng 6 năm 1982, chỉ ít giờ sau khi hỏi cung, cảnh sát đã tìm thấy xác chết của gangster Fred Furin, người mà lẽ ra phải là một trong những nhân chứng. Hai tháng sau đó, một thành viên Mafia tên là Nat Masselli bị bắn chết. Tên này cũng bị Silverman chất vấn như là một nhân chứng. Lần này cảnh sát đã điều tra ra một trong những kẻ bắn thuê. Hắn tên là Salvatore Odierno và là người của gia đình Mafia Genovese. Nat Masselli là con của William Masselli, người đã bỏ ra khá nhiều tiền trong chiến dịch vận động vào Nhà Trắng của Reagan. Bộ trưởng Donovan quan hệ mật thiết với Masselli, và “người của Masselli” chuyên lo về “hoà hợp giai cấp” trong hăng của Donovan.

Trong thời gian xảy ra vụ bê bối, William Masselli đang ngồi tù, nhưng người con 30 tuổi của y có thể tiết lộ nhiều điều, vì vậy hắn phải chết. Cuộc điều tra vẫn tiếp tục và rất ít khả năng Donovan phải ra trước vành móng ngựa. Vụ này một lần nữa đã khẳng định sự thật cay đắng: Mafia ở Mỹ có ảnh hưởng rất lớn, đến nỗi nó có thể can thiệp vào tận các bộ máy nhà nước.

Làm sao lại có thể như thế được? Ở nước Mỹ, ai có tiền người đó cũng có quyền. Mafia ở Mỹ giàu, thậm chí rất giàu, cho nên nó có thể trở thành một “chính phủ vô hình” khủng khiếp ở Mỹ. Đã 100 năm kéo dài sự giết người, tống tiền, đã 100 năm gangster thao túng pháp luật. Và bây giờ là thời đại hoàng kim của các “bố già”. Chúng kiểm soát việc phát hành và tiêu thụ văn hóa phẩm, tạp chí khiêu dâm. Phim con heo với số vốn quay vòng hàng năm là 2,2 tỉ dollar. Chúng nắm trong tay phần lớn thị trường thuốc, cà phê và nha phiến. Làm chủ các sòng bạc là những tên chuyên nghiệp về hối lộ, cho vay nặng lãi. Chúng có người trong các tổ chức công đoàn. Có nhiều giả thiết dự đoán về thu nhập của Mafia. Có bộ trưởng tư

pháp Mỹ, Ramsey Clark, đã coi Mafia như là “tổ hợp quyền lực nhất thế giới”. Theo ông ta, lãi hàng năm của Mafia có thể sánh với các tổ hợp khổng lồ như General Motor, Standard Oil, IBM, Texaco, General Electric, Chrysler và Ford.

Mafia kỷ niệm sinh nhật lần thứ 100. Trong biên bản của tòa dự thẩm ở New Orleans ngày 24-1-1889, xuất hiện những dòng đầu tiên về tổ chức tội lỗi này: “Mafia là tổ chức bí mật, nó đã gây những tội ác ghê tởm nhất và bao giờ cũng bắt được các nhân chứng phải im lặng”. Điều đó đúng với ngày nay.

Lịch sử Mafia Hoa Kỳ bắt đầu từ năm 1980. Ban đầu ở New Orleans, nó có tên là Mano Nera (Bàn tay đen). Đứng đầu tổ chức này là anh em Antonio và Carlo Mantragi, dân di cư từ Palermo thuộc Sicilie (Ý). Giống như ở Ý, chúng cũng bắt đầu “sự nghiệp” bằng buôn bán hoa quả và rau xanh, sau một thời gian không lâu, chúng làm chủ thị trường địa phương. Trên bến cảng sầm uất New Orleans, công nhân không bốc xếp hàng, nếu như chủ tàu hay thuyền trưởng không chịu trả “lệ phí an toàn”, cảnh sát, phần lớn là dân di cư từ Ý cũng phải làm ngơ không thấy, không nghe gì cả. Từ đó đã bắt đầu sự hợp tác giữa Mafia và cảnh sát.

Nhưng không phải tất cả những người bảo vệ pháp luật đều ăn hối lộ. Giám đốc cảnh sát New Orleans, David Hennensy đã tập trung tất cả các bằng chứng tội ác của “Bàn tay đen” và trao nó cho ủy viên công tố để tòa có thể lập cáo trạng. Một ngày trước phiên họp của tòa dự thẩm. Hennensy đã bị bắn chết trên đường về nhà.

Vụ giết sếp cảnh sát là sự khiêu khích quá đáng đối với dư luận Mỹ. Những ngày tiếp theo, cảnh sát có bắt 19 người nhưng tòa chỉ có thể kết án được 3. Cả thành phố cảng bất bình về kết quả đó: Người ta cho rằng những kẻ phạm pháp phải bị trừng phạt đích đáng chứ không phải chỉ bị giam sau song sắt. Thế là hàng nghìn dân bản xứ, theo luật rừng ở Mỹ, đã kéo tới nhà giam, phá cửa, bẻ song sắt, đập chết 2 tù nhân và treo xác lên để cảnh cáo, 9

người còn lại bị bắn chết. Sự kiện đổ máu này đã khơi sâu thêm mâu thuẫn giữa dân bản xứ và người di cư. Thảm kịch đã dẫn đến sự phân biệt đối xử. Các phóng viên mở đầu cuộc thập tự chinh chống dân di cư và bỗng nhiên, người Ý nào cũng là Mafia cả. Cơ quan di cư của chính phủ thậm chí còn đề nghị đóng cửa biên giới đối với người Ý. Sự căng thẳng đạt tới mức độ quốc tế. Chính phủ Ý buộc tội Mỹ phân biệt chủng tộc và dọa cắt quan hệ ngoại giao.

Nếu như lúc đó Chính phủ Mỹ giải quyết vấn đề tệ nạn hơn thì có thể Mafia đã không có đất sống cho tới ngày nay. Nhưng ở nước Mỹ, không ai quan tâm đến quyền lợi người nghèo, vì thế ảnh hưởng của Mafia ngày càng tăng và nó đã trở thành một tổ chức có thế lực ở đầu thế kỷ. Từ lúc đó người ta đã nói về các gia đình Mafia. “Bố già” của gia đình Mafia đầu tiên ở New York là Giuseppe Morello, còn sếp của gia đình Mafia khác là Vito Cascioferro. Ngay từ đầu chúng đã “làm ăn” khấm khá, đỡ đầu cho các “con” của mình và trở thành tấm gương cho người khác. Không lâu sau đó xuất hiện hội gangster với sếp là Francesco Yale.

Mafia xâm nhập vào hầu hết các lĩnh vực đời sống ở Mỹ. Nó cung cấp những dịch vụ không thể thiếu được ở Mỹ. Cho vay tiền, nhận các khoản cá cược. Với món tiền lớn, nó có thể bắt công nhân đang bãi công phải làm việc, các nhà hàng dưới sự “bảo hộ” của Mafia sẽ nhận được đồ ăn tươi hơn, rẻ hơn.

Mafia là con đẻ của chế độ xã hội tư bản. Trong xã hội Mỹ, các nhà kinh doanh luôn tìm đường quanh co để né tránh pháp luật và thuế má. Không ai coi đó là phạm pháp. Có những hãng hợp pháp và những cố vấn tư chuyên chỉ về những mảnh lối qua mặt nhà nước. Hàng năm ở Mỹ xảy ra một vài vụ bê bối mà giá phải trả không phải từ chức vì vụ Watergate. Phó tổng thống Spiro Agnew đã bị ra trước tòa vì ăn hối lộ. Ai cũng cố để lừa người khác.

Tài trợ cho các hãng lớn, đồng thời Mafia cũng “giúp đỡ” những người làm ăn nhỏ. Từ những tài xế taxi, chủ quán ăn, công nhân cảng, cho đến những người chưa gặp thời trong ngân hàng, đều phải vay nặng lãi ở Mafia. Những tên chủ nợ Mafia này lấy lãi rất cao tới 300% hàng năm, nhưng chúng lúc nào cũng có tiền kịp thời. Các khoản vay đều phải trả tất nhiên là cả lãi nữa, đúng hạn. Mafia có những biện pháp đặc biệt để đòi nợ: Doạ nạt, hành hạ thể xác và kể cả giết người.

Mafia tiêu thụ trên qui mô lớn các loại hàng ăn cấp. Hàng năm, số hàng bị mất cắp trên sân bay, xa lộ, bến cảng, kho tàng lên tới hàng tỉ dollar. Các hãng bảo hiểm bồi thường thiệt hại và sau đó vài tháng, hàng ăn cấp xuất hiện ở đầu bên kia nước Mỹ với giá hạ hơn. Một số người Mỹ khi mua được tivi rẻ từ hàng ăn cấp, thực chất đã trở thành tòng phạm với Mafia. Nhưng điều đó chẳng làm anh ta bận lòng. Chính anh ta cũng có cảm giác thích thú vì mua được hàng với giá hời.

Một thời gian dài, các cơ quan cảnh sát đã phủ nhận sự tồn tại của các tổ chức tội ác. Giám đốc FBI John Edgar Hoover “kẻ thù của sự tiến bộ” đã khẳng định trong những năm sáu mươi, là ở nước Mỹ không tồn tại các tổ chức tội ác. Mặc dù vậy, bộ tư pháp đã bắt đầu xem xét đến các vấn đề Mafia. Các nhân viên huấn luyện đặc biệt đã được phái tới 26 thành phố. Họ đã thu thập thông tin từ các nhà chức trách địa phương, các phân nhánh FBI, các chuyên gia trong lĩnh vực chống ma túy. Năm 1975, cảnh sát tiến hành chiến dịch Unirack (Union Rack) nhằm chống nạn hối lộ, tống tiền trong các tổ chức công đoàn. Người của cảnh sát đã được gài vào các hiệp hội xe tải, bốc xếp... Kết quả là 128 thủ lĩnh công đoàn bị xử án.

Năm 1970, Nghị viện Mỹ đã thông qua đạo luật trưng thu tất cả các tài sản bất hợp pháp. Tuy nhiên, trong 10 năm qua, nhà nước chỉ tịch thu của Mafia không đầy 700.000 dollar trong lĩnh vực ma túy, mặc dù ai cũng biết rằng hàng năm Mafia thu tới hàng tỉ dollar tiền lời trong lĩnh vực này. Trên giấy tờ, những tên tỉ phú Mafia như Garagua, Brorklie hay Seiortino không

có lấy một dollar. Tiền của chúng được giữ trong các nhà băng Thụy Sĩ, còn bất động sản thì đứng tên các thành viên khác trong gia đình.

Bạn sẽ đọc quyển sách về Mafia Hoa Kỳ, đồng thời đây cũng là quyển sách về sự suy đồi của đạo lý, về quan hệ giữa các tổ chức tội ác và các cơ quan nhà nước, về sự hợp tác giữa những tên tội phạm và CIA. Các bạn sẽ thấy và đó cũng là ý đồ của tác giả, cái gì và tại sao nó đã biến Mafia, trong vòng 100 năm, thành một bộ phận không thể thiếu được của xã hội Hoa Kỳ.

Chiến dịch Luciano

Người ta mời y tới chỗ hẹn. Linh tính cho y biết chuyến đi này lành ít dữ nhiều. Mặc dù vậy, vẫn đi. Bạn bè ngăn cản, y vẫn ngoan cố đến chỗ hẹn, thậm chí còn không mang theo vũ khí. Có thể y tin rằng đối phương là những người quân tử trọng danh dự. Người tầm thước, tóc quăn sẫm, y sinh ra ở Sicilie quê hương của Mafia. Y để người ta chở đến bờ biển. Đó là một đêm không quên “16.10.1929”. Trời gió to sóng mạnh làm chiếc xuồng chở y nhô lên tụt xuống có lúc tưởng chừng như mất hút dưới đáy biển.

Chúng gặp nhau trong một ga ra hoang vắng. Đây không phải là địa điểm thích hợp cho cuộc nói chuyện của hai “bố già” Mafia, nhưng chúng cũng làm ra vẻ như đang ngồi trong khách sạn Waldorf Astoria, một trong những khách sạn lớn nhất nước Mỹ. Chúng nói khẽ nhưng trang trọng, làm như trên đầu chúng không phải là ngọn đèn dơ dáy mà là bộ đèn chùm Benat (Benat là thành phố sản xuất đèn chùm nổi tiếng ở Ý).

Tên già hơn, to béo phục phịch là Salvatore Maranzano. Y trách người đồng nghiệp, trẻ đã liên kết với các băng khác buôn bán thuốc phiện trên địa hạt của y. Y nói diêm dăm như là những người lịch thiệp được giáo dục tốt. Sau đó cánh cổng bằng tôn rỉ rít lên ken két và một vài tên lâu la lắc lư đi vào. Chúng đội mũ dạ mềm kéo sụp xuống tận mắt.

– Thế nào, Sếp? Một tên trong bọn hỏi.

– Khoan đã! Maranzano quát bọn thủ hạ - Nghe đây, Charlie - hãy quay lại và vẫn với giọng diêm tĩnh - Tao muốn mày nhớ mãi buổi tối hôm nay. Bọn em út tao sẽ đùa giỡn với mày một chút. Bắt đầu từ ngày hôm nay mày phải nghe lời. Từng chữ một. Mày phải làm mọi điều tao ra lệnh. Bằng không tao sẽ cho thịt mày. Mày sẽ làm phó cho tao. Nhưng để tỏ ra xứng đáng với sự đề bạt ấy, mày phải khử thằng Masseria.

– Sao? Masseria?

– Ừ. Mà nghe không sai.

– Tại sao tôi phải giết nó?

– Tại vì tao nói vậy. Tại vì tao muốn vậy. Và tại vì tao ra lệnh cho mày như vậy.

Bọn em út của Maranzano xông vào. Chúng treo y lên trần nhà. Chúng đâm vào mặt, vào bụng, dí thuốc lá cháy bỏng vào ngực. Mắt sưng vù, mặt bầm tím, máu chảy ra lỗ tai, nhưng y còn ngẩng lên nhổ nước bọt vào mặt Maranzano:

– Đồ lợn hủi! Quỷ tha ma bắt mày và cả con mẹ của mày đi.

Nhẽ ra y không nên như vậy. Maranzano tái mặt. Y không thể tha thứ cho sự hỗn xược này được. Y vồ lấy dao và tiến lại tên kia.

– Con lợn! Charlie lại nhổ vào mặt y.

Lưỡi dao loé lên trước mặt Charlie. Chỉ bằng một cái vung tay, Maranzano đã rạch nát mặt Charlie, từ mắt xuống tới tận cằm. Charlie xiêu luôn. Sếp hất đầu ra hiệu. Lũ lâu la xối cả thùng nước lên nạn nhân. Sau đó chúng còn đá vào chỗ hiểm nạn nhân một lúc nữa.

– Thôi! Nó đã lãnh đủ. Sếp chấm dứt cuộc tra tấn.

Chúng khiêng nạn nhân vào xe, trong vải bọc để không lưu lại dấu vết. Vài phút trước ba giờ sáng, y được vớt lên bãi biển Huguenot Beach và một đội tuần tra đã phát hiện ra y.

Người ta chở y vào bệnh viện, vẫn còn chưa muộn. Các bác sĩ đã cứu sống y. Còn sống sau một cuộc tra tấn như vậy, quả là một điều may mắn hiếm có. Bởi vậy đồng nghiệp gọi y là “Lucky” Kẻ may mắn. Tên thực là

Salvatore Luciano, nhưng y đã đi vào lịch sử tội ác bằng cái tên Lucky Luciano. Y là một trong những nhân vật chủ chốt của chiến dịch tuyệt mật mà trong đó cơ quan tình báo hải quân Mỹ cộng tác với Mafia.

Khi bắt đầu tham chiến sau trận Trân Châu Cảng, Mỹ chưa có cơ quan tình báo đáng kể. Những tên thám báo Đức thường bị các nhân viên FBI truy tìm và chúng bị sa lưới đa phần là do đại đột hoặc do chính chúng đầu thú. Các cơ quan tình báo của lục quân, không quân và hải quân cũng không khá hơn. Bằng chứng là khi phòng mật mã giải được mã “Purpur” của Nhật, các nhân viên tình báo, các tướng lĩnh, thậm chí cả tổng thống cũng không sử dụng được tin tức đó.

Các đô đốc của Hitler bắt đầu cuộc chiến tranh tàu ngầm tàn khốc và giành được thắng lợi. Thiệt hại của hải quân Mỹ quả là lớn. Người ta đã phải đặt câu hỏi, làm sao các tàu ngầm phát xít có thể hoạt động ở cách xa căn cứ mẹ đẻ tới hàng nghìn cây số và ai cung cấp cho chúng xăng dầu cũng như các thông tin về các tuyến đường vận tải của Mỹ.

New York, ngày 7.3.1942. Vào lúc 11 giờ trưa, một chiếc xe màu đen dừng trước tòa nhà số 155, phố Leonard Street. Hai sĩ quan hải quân bước ra khỏi xe. Người già hơn, khoảng 60 tuổi, là đại úy hải quân Boscoe C. McFall, người đã từng chỉ huy các tàu chiến California và West Virginia. Sau khi Pháp đầu hàng ông ta phụ trách phân cục tình báo vùng hải quân 3. Phân cục của ông ta phải bảo đảm sự hoạt động thông suốt của cảng New York, từ cảng này lương thực và đạn dược được chở đi tiếp tế cho nước Anh.

Cảng thuộc vùng hải quân 3 là một khu vực khổng lồ. Thường xuyên có 200 tàu thả neo ở đây. Năm 1942, hàng ngày có tới 200 tàu thả neo ở đây. Năm 1942, hàng ngày có tới 2000 chuyến tàu lửa ra vào. Mỗi ngày cũng có tới 25 nghìn xe tải vận chuyển hàng hóa.

Người sỹ quan thứ hai còn rất trẻ. Anh ta tên là James O'Maley và đeo quân hàm thượng úy. Trước khi nhập ngũ anh ta làm việc ở phòng hình sự thuộc viện công tố bang New York. Giờ đây anh ta tháp tùng sếp mới đến gặp sếp cũ của mình. Chả là ngôi nhà số 155 phố Leonard là trụ sở của ủy viên công tố bang New York Frank S.Hogan. Hogan nhậm chức ngày 1.1.1942 và có trách nhiệm giúp đỡ tình báo Hải quân bảo vệ vùng biển.

Viện công tố truy tìm các tên gangster hoạt động ở các bến tàu và kho cảng. Rất có thể những tên thám báo và phá hoại phát xít trà trộn trong đám này.

Thợ sửa chữa, lái xe, lái cầu và công nhân cảng là thành viên của tổ chức công đoàn “International Longshoremens Association” chịu sự thao túng của Mafia. Hiệp hội tội ác này có quyền lực vô biên ở bến cảng. Chỉ cần một cái gật đầu của sếp là việc bốc xếp vũ khí đạn dược cho Châu Âu được tiến hành trơn tru như bôi mỡ. Nhưng cũng chỉ cần một lệnh từ miệng sếp là cả bộ máy đang hoạt động bị dừng lại.

Cảnh sát không đủ sức kiểm soát cả địa phận rộng lớn với hàng trăm nghìn công nhân. Bộ trưởng Hải quân Frank Knox đã báo cáo tình hình này lên Tổng thống Roosevelt. Roosevelt lập tức ra lệnh thành lập phân cục tình báo đặc biệt vùng hải quân 3 gồm bang New York, bang Connecticut và bắc phần bang New Jersey. Phân cục này trực thuộc bộ của Knox và sự tồn tại của nó được giấu kín mãi cho tới gần đây.

Không một cơ quan tình báo nào trên thế giới yêu mến ký giả báo chí. Cục tình báo hải quân Mỹ còn một lý do nữa để giữ kín các hoạt động của mình, đó là sự hợp tác với Mafia, một vết nhơ không sao xoá sạch. Một thời gian dài, người ta không sao thu thập được các thông tin tin cậy về các sự kiện trong những năm chiến tranh. Mãi tới năm 1954, một hội đồng điều tra đứng đầu là chánh án William B.Herlands được thành lập để điều tra các quan hệ mờ ám. Cuộc điều tra kéo dài 10 tháng trong điều kiện tuyệt mật và các sếp Cục tình báo hải quân đã “lưu ý” để cho các tin tức không lọt ra

ngoài. Mãi tới gần đây chính phủ Mỹ mới tiết lộ một văn bản 100 trang cùng với gần ba nghìn trang lời khai của 57 nhân chứng. Những tài liệu này giúp chúng ta lần theo dấu vết của sự kiện có một không hai trong hậu trường chiến tranh thế giới thứ hai.

“Khoảng cuối tháng hai hoặc đầu tháng ba năm 1942, đại úy Charles Radcliffe Haffenden trưởng phòng điều tra B3 và các sỹ quan tình báo khác bắt đầu nghiêm túc nghiên cứu, nghi vấn rằng có thể những tên tội phạm gốc Đức hoặc Ý tiết lộ tin tức về các tuyến vận tải và cũng có thể những tên này cung cấp nhiên liệu cho các tàu ngầm Đức”, trung úy O'Maley tuyên bố.

Liệu những nghi vấn đó có thật không? Một số thủy thủ và dân chài nói rằng họ nhìn thấy hàng hoá Mỹ trên các xác tàu ngầm Đức. Vì vậy các sỹ quan tình báo đã phải đến phố Leonard Street để gặp ủy viên công tố Frank S.Hogan.

Tàu chở khách Normandie của Pháp là một tàu nổi tiếng. Nó đã chiếm được “Dải lụa xanh” vì thành tích bơi nhanh nhất từ châu Âu đến Mỹ, và hành khách trong các cabin hiện đại đắt tiền phần lớn là các nhân vật tiếng tăm. Các minh tinh màn bạc cùng với các nhà triệu phú làm cho những tối dạ hội trên tàu thêm phần “hào nhoáng”. Nhưng chiến tranh nổ ra và nó trở thành tàu vận tải quân sự Lafayette, có nhiệm vụ chở quân. Khi quân đội Đức chiếm Pari, tàu thả neo ở Hudson gần bờ biển phía đông Manhattan. Ngày 9.2.1942 tàu bốc cháy dữ dội.

Có bàn tay phá hoại? Thoạt nhìn người ta có cảm giác đám cháy do những tên phá hoại chuyên nghiệp gây ra vì nó bắt đầu cùng một lúc trên các chỗ xa nhau trên tàu. Ai đã đốt tàu? Những tên phá hoại Đức hay là những người Ý cảm tình với Mussolini? Sự kiện choáng váng này củng cố thêm nghi vấn rằng ở New York có gián điệp đối phương hoạt động. Phóng viên báo chí tung ra nhiều giả thuyết, dư luận đòi phải có biện pháp hiệu quả, nhưng tình báo hải quân bất lực. Không phương tiện, cũng không kinh

nghiệm. Trong thời gian này, người của Haffenden không biết rằng hạm đội của đại đô đốc phát xít Donitz có trong tay những tàu ngầm hiện đại khổng lồ. Những tàu này có hệ thống radar cực mạnh, xuất phát từ các cảng bị chiếm của Pháp St.Nazaire và Lorent, chúng có thể hoạt động ở vùng biển Caribe và trở về mà không cần tiếp nhiên liệu. Ngoài ra, Đức còn đóng những tàu ngầm cực lớn có khả năng tiếp tế thực phẩm và nhiên liệu cho mọi loại tàu trên bất cứ vùng biển nào. Những tàu này không có khả năng chiến đấu, chúng chỉ được trang bị hai súng máy. Còn đồ hộp Mỹ trên các tàu ngầm Đức? Trước chiến tranh, đồ hộp Mỹ được bán ở mọi nơi trên thế giới, như vậy có thể chúng cũng có trong các kho thực phẩm Đức.

Đám cháy tàu Lafayette đã gây nên sự báo động lầm lẫn tai hại. Hiển nhiên đó là một tai nạn rủi ro, vì sau chiến tranh trong các hồ sơ phát xít không có một tư liệu nào về các hoạt động phá hoại tương tự và ủy ban điều tra thuộc hạ nghị viện Mỹ cũng không tìm ra dấu vết nào cả.

Ủy viên công tố Hogan là chuyên gia với đúng nghĩa thực thụ của nó. Cùng với thống đốc Dewey họ là những người đầu tiên chống lại tổ chức tội ác ở Mỹ. Sau này Robert Kennedy cũng liên kết với họ trong vấn đề này với mưu đồ chính trị riêng, chiếm cảm tình dư luận.

Hogan xuất thân từ Waterbury, tốt nghiệp đại học tổng hợp Columbia, đã từng chơi bóng đá nhà nghề, bóng rổ, là thành viên hội luật gia New York. Ông ta nổi tiếng bởi chiến dịch không khoan nhượng chống các băng gangster, đặc biệt là băng của Lucky Luciano, Hogan đã khuất phục được Luciano và cũng chính ông ta cuối cùng đã đưa được tên cướp lừng danh này vào sau song sắt nhà giam. Thế giới ngầm New York gọi ông ta là “Cha Hogan”. Bộ mặt ông ta lúc nào cũng tỏ ra bình tĩnh và phúc hậu.

Sau này người ta thường gán những thành công cũng như thất bại của chiến dịch cho Charles B. Haffenden là sếp của phòng điều tra B3 tình báo hải quân, Haffenden quả là phải chịu trách nhiệm về kết quả cũng như ý đồ của chiến dịch. Nhưng tham gia vụ này còn có trung úy O'Maley và

Anthony J. Marzullo, sau này đổi sang tên Mỹ là Marsloe. Marsloe là luật sư, tốt nghiệp đại học tổng hợp Stalin John và là chuyên gia trong vấn đề chống Mafia. Ông ta tuyên bố:

“Khi biết rằng đại úy Haffenden có ý định sử dụng thế giới ngầm, tôi đã chống lại. Tại sao chính những người Mỹ xấu xa đó lại phải giúp đỡ không vụ lợi các hoạt động quân sự?”

Marsloe đã trao đổi vấn đề này với sếp cũ, nhân viên lâu năm của Cục an ninh liên bang John F. O’Connell.

– Tôi không hiểu tại sao tình báo Mỹ lại phải liên minh với bọn tội phạm!

– Vẫn còn chưa liên minh, - O’Connell nói.

– Điều đó không còn lâu nữa.

– Họ đã có danh sách?

– Có.

– Tên Sếp?

– Đấy không phải là câu lạc bộ những bà già không chồng, anh biết đấy, mà là tổ chức với kỷ luật sắt.

– Dù sao đi chăng nữa chúng cũng phải có sếp.

– Tôi không tin rằng sẽ tiếp cận được hẳn.

– Song công tố ủy viên có phương tiện.

– Anh quả là ngây thơ, O’Connell! Anh không biết luật Mafia? Ai nói, kẻ đó phải chết, trong số những người đang bốc xếp dưới cảng hoặc làm

việc trong xưởng tàu kia sẽ không ai nói một lời nếu không có lệnh của “bố già” đâu. Tôi không tán thành kế hoạch này.

– Nhiều khi mục đích biện minh cho phương tiện, - O’Connell nói.

– Điều đó đúng trong chiến tranh, - trung úy Marsloe tán thành.

– Ồ cuối cùng anh cũng đã nhận thức được vấn đề. Trong lịch sử thủy chiến, có thể gọi tháng ba năm 1942 là tháng thảm họa. Tàu ngầm phát xít đã đánh đắm 22 tàu Mỹ, 8 tàu Anh, 5 tàu Na Uy, 2 tàu Panama và 11 tàu khác. Kể từ trận Trân Châu Cảng, các tàu ngầm Đức đã tiêu diệt 121 tàu Mỹ, phần lớn không xa bờ biển Mỹ bao nhiêu. Cuộc gặp gỡ lần thứ hai, lần này với ủy viên công tố địa phương Gurfein, tiến hành chiều 23.3.1942 trong bầu không khí ảm đạm của những thất bại trên. Đại úy Haffenden, và các phụ tá O’Maley và Marsloe yêu cầu sếp phòng hình sự giới thiệu một nhân vật Mafia có thể cộng tác được.

– Joseph Lanza Bít tất, - Gurfein. - Tôi có thể gọi luật sư Guerin của y. Chả là Lanza có “vết” ở chỗ chúng tôi. Một vụ tổng tiền. Nhưng vụ này có thể hoãn lại. Guerin sẽ bố trí cho các anh gặp hẳn. Một mình, các anh không tìm ra hẳn đâu.

Họ gặp nhau ở góc phố, chỗ giao nhau giữa đường Broadway và 103 Street West chỉ cách nhà bảo tàng Riverside có mấy bước. Đó là một đêm xấu trời, gió to, đường phố vắng tanh, chỉ còn 30 phút nữa là tới nửa đêm. Murray Gurfein đi đến bằng xe con. Cửa mở, Lanza và luật sư của y lên xe. Họ đi theo hướng Hudson. Riverside Park nằm trên bờ biển bắc Manhattan.

Chỉ còn ít phút nữa là tới nửa đêm. Từ Hudson gió vẫn rít lên từng cơn lạnh buốt, cả hai người trên ghế đều dựng đứng cổ áo và đội mũ sụp xuống che kín trán. Người cao hơn nhưng cũng gầy hơn, Murray Gurfein, trong vai phụ tá đặc biệt của đại úy tình báo Haffenden. Người mập, lùn, Lanza

“Bít tất” là một gangster có hạng, bố già của chợ cá lớn nhất thế giới Fulton Fish Market.

Lanza là một tên độc tài dã man. Người của y chuyên thu “lệ phí an toàn”. Chủ nhân các thuyền đánh cá phải nộp 100 dollar sau mỗi chuyến. Ai không chịu nộp, đêm đến lâu la của y sẽ tưới dầu hôi lên cá. Tài xế xe tải chở cá đi cũng phải trả tiền “rửa xe”. Nếu không, xe họ sẽ không rời bến, một bàn tay vô hình đã cho đường hoặc trứng giập vào bình xăng.

Lanza cũng là một tên triệu phú thế lực. Cách đó mấy năm, y bị cảnh sát bắt quả tang và toà đã kết án y mấy năm tù giam. Y ngồi tù ở Michigan, tỏ vẻ ngoan ngoãn, hối lộ giám ngục và tù xà lim vẫn điều khiển các “phi vụ” bên ngoài. Ra tù, y trở lại thành bố già với quyền lực hơn trước. Điều đó giải thích tại sao đại diện quyền lực và những người bảo vệ pháp luật nhà nước lại phải yêu cầu y giúp đỡ.

— Đây là nghĩa vụ đối với tổ quốc của ngài, ngài Lanza ạ! Gurfein cố gắng thuyết phục tên gangster.

– Ủ... m, - Sếp cả Mafia âm ừ trong họng.

– Chúng tôi cần tin tức, từ các thuyền trưởng, thủy thủ, chúng tôi cần biết về mọi việc xảy ra trên bờ biển. Người của ngài biết vùng này như lòng bàn tay. Trong thời kỳ cấm rượu, các anh đã dẫu rượu lậu trong vịnh kín. Bây giờ có thể bọn phá hoại và gián điệp lại sử dụng những chỗ đó làm nơi ẩn nấp. Các anh phải giúp chúng tôi bắt bọn chúng.

Là một sỹ quan tình báo đặc biệt, Haffenden đã quyết định thực hiện một kế hoạch mạo hiểm: Hợp tác với Mafia để bảo vệ an toàn cho các tuyến vận tải quân sự và dân sự. Y đã không đếm xỉa đến các nguyên tắc, điều lệnh, lại càng không quan tâm đến quan niệm đạo đức hay thẩm mỹ. Trong chiến tranh, cái chính là kết quả.

Địa điểm gặp nhau là khách sạn sang trọng Astor. Gangster là những tên trưởng giả, đi đến chỗ hẹn, chúng mặc đồ đại lễ và đeo những chiếc nhẫn đắt tiền.

– Đây là vấn đề danh dự của mỗi người dân yêu nước Mỹ, - Haffenden thuyết giáo. - Mỗi người Mỹ phải có nghĩa vụ phục vụ tổ quốc theo khả năng và sức lực của mình. Ai sắp đi biển, ngài Lanza?

– Dân chài Ý và Bồ Đào Nha. Đang mùa cá nục.

– Ngài sẽ nói chuyện với họ. Tôi cần vài người của mình vào nhóm này. Chúng tôi phải xác minh xem ai đã cung cấp tin tức về các đoàn tàu của chúng ta cho quân Đức. Ngài làm điều gì đó vì tổ quốc chứ, ngài Lanza?

– Tôi sẽ cố gắng.

Thời kỳ cộng tác giữa phòng B3 của Haffenden và Mafia cảng New York được coi là thắng lợi, các sếp của tình báo hải quân rất hài lòng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trên, Lanza và phụ tá của mình là Benjamin A. Espy đã gặp Haffenden khoảng 12 lần, theo Espy thì trong những gặp đó, không bao giờ đã động đến chuyện tiền nong... Người của chúng tôi đã phụng sự tổ quốc như những người dân yêu nước chân chính, y tỵ hào. Các tình báo viên đã có được thẻ công đoàn do người của Lanza xoay sở, điều đó cho phép họ xâm nhập vào nhiều văn phòng, kiểm tra thư từ tài liệu...

Người của Haffenden, trung úy Joseph Treglia và trung úy Maurice Kelly, đã tổ chức những cuộc đột nhập ban đêm vào các công sở với mục đích chiếm đoạt tài liệu mật. Có lần họ còn đột nhập vào một lãnh sự quán.

Trung úy Herbert F. Kemp với sự giới thiệu của Mafia đã đến tận các trạm nhiên liệu kiểm tra việc cấp phát xăng dầu. Cộng sự viên của Kemp là Paul A. Alfieri. Một kẻ chuyên mở két tháo vát. Vì có nhiều quen biết trong thế giới ngầm New York, y lĩnh trách nhiệm tuyển mộ người cho chiến dịch. Sĩ quan tình báo Willis George lại đóng vai thủ lĩnh công đoàn và

Mafia đưa y đến bất cứ nơi nào y yêu cầu. Tuy vậy, phải nói rằng các nhân viên tình báo đã không phát hiện ra dấu vết gì, mặc dù họ đã kiểm soát được phần lớn bến cảng. Thế rồi một sự kiện bất ngờ xảy ra làm xôn xao dư luận. Trong lịch sử tình báo nó được ghi lại dưới cái tên “Chiến dịch Pastorius”.

Khoảng nửa đêm ngày 13.6.1942, dưới màn sương mù dày đặc, tàu ngầm phát xít U2002 “Insburk” đổ bộ lên bờ biển Mỹ Long Island bốn tên biệt kích được trang bị đầy đủ. Những tên biệt kích Hitler với chỉ huy là George Dasch chôn giấu chất nổ và đạn dược trên bãi biển rồi đi ra ga. John Cullen lính thuộc đơn vị tuần tra bờ biển Mỹ đã bắt gặp những tên biệt kích này, nhưng lại tin rằng chúng là dân chài bị lạc trong sương mù. Mãi cho đến sáng, khi cùng với đồng nghiệp phát hiện ra các vỏ chai Đức và sau đó các thùng cất giấu, Cullen mới báo cấp trên. Trong khi đó những tên biệt kích đã ra ga và lên tàu đi mất. Tin tức về cuộc đổ bộ đã gây nên tình trạng báo động. Các bộ phận FBI và các đơn vị tình báo được đặt trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu. Đại úy hải quân Haffenden thì cho là sự kiện này chứng minh tính đúng đắn của giả thuyết cho rằng có thám báo và phá hoại Đức hoạt động trong vùng cảng.

Nhóm phá hoại thứ hai, dưới sự chỉ huy của Eduard Kerling, đổ bộ ngày 17 tháng 6 trước lúc rạng đông lên bờ biển không xa Ponte Vedra, bang Florida. Chúng có nhiệm vụ cho nổ tung các thiết bị của các phân xưởng sản xuất nhôm của hãng Aluminium Company of America ở Alcoa, thuộc bang Tennessee và nhà máy sản xuất nhôm ở East Stalin. Louis Illinois, một loạt đập trên sông Ohio River bang Kentucky, nhà ga Pennsylvania Railroad Station ở New York, cầu đường sắt Hell Gate qua sông East River ở New York, đoạn đường sắt Chesapeake và Ohio Railroad và một số mục tiêu khác.

Chúng cải trang, ẩn náu trong các khách sạn và chuẩn bị hoạt động. George Dasch đã từng sống ở Mỹ và theo lời y khai, y tham dự chiến dịch

này chỉ để trốn khỏi nước Đức phát xít. Vài ngày sau cuộc đổ bộ y đến đầu thú FBI ở Washington.

Thoạt đầu người ta không tin y, coi y là kẻ tâm thần. Nhưng y mở cặp và lôi ra trước mặt các nhân viên FBI Tain, Parr và Cornely 80 nghìn dollar. Đó quả là bằng chứng tin cậy! Trong một thời gian ngắn, những tên gián điệp Đức cùng bọn đồng lõa bị tóm gọn. Một bộ phận mạng lưới gián điệp Đức bị phát hiện. Tất cả toán biệt kích, trừ Dasch tù chung thân, bị kết án tử hình.

Sự kiện “Pastorius” làm nhóm Haffenden bối rối. Không có lý do để không tin Lanza và người của y, nhưng dù sao cũng đã xuất hiện nghi vấn rằng Capo Mafia [2] “chơi không đẹp”. Tuy nhiên. Sự thật hoàn toàn khác và sếp Mafia đã chứng minh y không gian lận.

Nhà hàng có tiếng Shines Restaurant nằm trên đại lộ Bảy. Lanza, phụ tá Espy và một người của Haffenden đang cùng nhau thưởng thức món cừ non tẩm rượu vang.

– Tôi đã làm tất cả những gì tôi có thể làm được cho sếp của các ngài. - Lanza nói. - Nhưng tôi không phải là Đức chúa trời vô biên, thưa ngài.

– Ngài nói không được khích lệ cho lắm, thưa ngài Lanza. - viên tình báo trả lời.

– Vỗ ngực như một người anh hùng, điều đó tôi không ham. Ngón tay tôi còn ngắn, thưa ngài, và tôi không xấu hổ khi phải thú nhận điều đó.

– Như vậy có nghĩa là đầu hàng? Hay ngài có đề nghị gì?

– Có. Sếp của các ngài cần phải nói chuyện với một người, ông ta với tới những chỗ mà tôi không đủ sức. Ngài hãy bố trí cho tôi gặp sếp.

Họ gặp nhau tại khách sạn Astor. Sau vài câu về thời tiết và về sự xuống “phông” của cầu thủ dã cầu Terry Miller, hai bên đi ngay vào vấn đề.

– Ngoài Charlie không ai làm được điều này. - Lanza nói.

– Charlie nào? - Haffenden hỏi lại.

– Charlie Luciano tức Lucky Luciano.

– Địa chỉ!

– Ông ta làm việc ở hiệu giặt. Ở Dannemora.

– Capo Mafia làm việc ở hiệu giặt? Quả là một sự cải trang độc đáo - Haffenden cười.

– Chắc chắn ngài nghe nhầm địa chỉ. Lucky Luciano không cần chỗ ẩn nấp. Ông ấy làm việc ở hiệu giặt của nhà tù Clinton Prison ở Dannemora. Bị kết án 30 năm tù.

Từ lời khai của các nhân chứng ủy ban điều tra Herlands, đặc biệt từ người của “bố” các “bố già” Meyer Lansky, người ta đã dựng lên hai giả thiết về đề nghị hợp tác giữa tình báo Mỹ với trùm gangster nổi tiếng và tệ hại hơn cả là Al Capone lừng danh, đã man hơn cả tên giết người số một John Dillinger. Có thể nói, y ranh ma và nguy hiểm hơn tất cả những tên khác. Theo giả thiết thứ nhất, người đề nghị tình báo gặp tù phạm Luciano là Espy. Theo giả thiết thứ hai, tin cậy hơn, thì ngay cả Capo Mafia chợ cá Lanza (Bít tất) cũng không dám quyết định một bước đi quan trọng như thế một mình. Y đã đến gặp đồng nghiệp Meyer Lansky và chúng cùng nhau đi trao đổi ý kiến với các “bộ trưởng” của chính phủ tội ác vô hình Frank Costello và Joe Adonis. Cảnh sát đã biết về các quan hệ chiến hữu của chúng. Tháng hai năm 1941, chúng họp mặt nhân dịp đám cưới Lanza. Lần ấy một cảnh sát, cải trang làm đầu bếp, đã chụp ảnh được cả bọn. Có tin đồn rằng người ta đã gửi một ảnh chụp chung các sếp Mafia trong lễ cưới

cho giám đốc FBI Edgar Hoover và ông ta đã để nó dưới kính bàn làm việc của mình.

Những tên gangster lừng danh John Dillinger, Karpis, Al Capone, Torrio hay Dion O'Banion ăn mặc như những tên quý tộc nửa mùa. Bất cứ cảnh sát nào cũng có thể nhận ra chúng theo những dây chuyền vàng nặng, những chiếc nhẫn đắt tiền thiếu thẩm mỹ hay là những chiếc gim đính kim cương gài trên cravat. Lucky Luciano là đại diện của thế hệ mới. Y ăn mặc sang trọng như các chủ ngân hàng của phố Wall Street và điều khiển việc làm ăn từ văn phòng của mình. Y chỉ đi “thực tế” trong trường hợp thật cần thiết, và trước đó y đã chuẩn bị cho mình một alibi [3] thật vững chắc. Những người cùng thời đã phải công nhận y là một thiên tài trong thế giới tội ác, một Capo di tutti capi [4] bẩm sinh, sếp của tất cả các sếp, lão xược hơn cả Al Capone, nhưng cũng thận trọng hơn cả Joe Adonis và ranh ma hơn cả Frank Costello. Y có khả năng bẩm sinh dự đoán được phản ứng của đối phương và vì vậy y trở thành chúa tể thế giới ngầm.

Luciano sinh ngày 11.11.1897 [5] tại Sicilie, ở làng Lercara Friddi, không xa Palermo. Chưa đầy mười tuổi, y đã phải cùng cha mẹ đi tha phương cầu thực tận nước Mỹ. Mới biết đọc biết viết, y đã từ giã ghế nhà trường và bước vào đời. Học nghề ăn cắp, y tốt nghiệp tổng hợp gangster trên đường phố Brooklyn và được tôn làm sếp của băng trẻ con, chuyên đập phá các cửa hiệu nếu chủ hiệu không chịu trả “lệ phí an toàn”.

Mới 15 tuổi y đã làm liên lạc cho một băng buôn thuốc phiện. Muốn có nhiều tiền phải mạo hiểm, và y đã bị bắt quả tang và lãnh án một năm tù giam. 42 tháng trong tù, y có thời gian nghiên ngẫm: Y phạm sai lầm ở khâu nào. Khi trở về đường phố Brooklyn, y đã là một gangster chuyên nghiệp, thành viên của băng, “Five Points” nổi tiếng dưới sự chỉ huy của Giuseppe Masseria.

Luciano có đầy đủ mọi điều kiện để thành công trên con đường tội ác. Là người Sicilie nhưng y có thể xử sự lạnh lùng như băng, bình tĩnh suy xét

trong mọi tình huống, không để bị hoàn cảnh chi phối và từ bộ mặt chai đá của y, không ai có thể đọc được y thực sự đang nghĩ gì.

Họ là dân di cư từ Sicilie, ban đầu không biết lấy một từ tiếng Anh. Không biết đọc cũng không biết viết, họ há hốc mồm ngạc nhiên xem tranh ảnh trong các báo ảnh. Họ xuất hiện bẩn thỉu, râu tóc bù xù và lúc nào cũng hôi mùi tỏi. Họ có tất cả khoảng hai triệu người di cư đến châu Mỹ. Họ cảm thấy bất lực và riêng rẽ từng người một, họ bất lực thật sự.

Họ sống trong những ổ chuột bẩn thỉu ở khu Little Italy. Đây là ghetto [6] di cư cùng với tất cả những gì tồi tệ nhất thuộc về khái niệm này. Người Mỹ xếp họ thậm chí còn sau cả dân da đen, người da đen dù sao cũng còn hiểu được tiếng Anh. Từ Sicilie họ mang đến thế giới mới ý thức về Mafia, một tổ chức dân nghèo chống lại các ông chủ phong kiến trong quá khứ xa xưa. Một số trong bọn họ thậm chí còn có cả kinh nghiệm sống. Thế là xuất hiện “Hội đáng kính” Mỹ. Tuy còn giữ được một số luật của Mafia Sicilie “Omertà” (Ai nói, kẻ đó phải chết), trong thế giới mới tinh thần quân tử không còn nữa. Họ bắt đầu tổng tiền lẫn nhau theo luật rừng Mỹ: Cá lớn nuốt cá bé.

Ngay từ đầu, châu Mỹ đã quen với nhiều hội khác nhau. Trong số dân di cư từ châu Âu, nhiều người đã từng can án và không muốn sống nốt cuộc đời sau các song sắt nhà giam. Trong thời gian định cư “Miền Tây” liên tục ngày đêm cập bến những thuyền chạt ních người Trung Quốc đói rách, họ phải làm việc trên các tuyến đồn điền California. Cả họ cũng thấy bất lực trong thế giới mới và do hoàn cảnh bức bách, họ liên kết nhau trong tổ chức bí mật. Từ hội tự vệ, nó biến thành tổ chức tội ác, tổng tiền ngay cả thành viên của mình. Những năm đầu thế kỷ, những người “Hatchet Men” [7] trở thành nỗi khủng khiếp của các khu phố người Hoa ở New York và San Francisco. Họ sống bằng buôn lậu ma túy và giết đối phương bằng rìu.

Dân di cư từ Sicilie tin cậy đại diện của mình đồng thời cũng là sếp Mafia, những người duy nhất có thể nói chuyện được với dân bản xứ.

Giống như ở Sicilie, ở New York họ cũng thu “lệ phí bảo vệ”. Cứ thế, các sếp Mafia giàu lên, có thế lực và địa vị xã hội, biết cách hối lộ cảnh sát và tòa án. Để giữ kỷ luật, chúng phải tàn nhẫn. Để giữ quyền lực, chúng giết những người chống đối hoặc thuê những tên giết người chuyên nghiệp làm việc đó.

Người Sicilie không phải là dân di cư duy nhất đói rách ở châu Mỹ. Những cộng đồng thiểu số Ailen, Ba Lan và Do Thái cũng có những tổ chức tự vệ của mình. Điều đó dẫn đến những va chạm quyền lợi địa phương và dân tộc, trên đường phố đã xảy ra những trận đùng độ đẫm máu chết người. Các băng cướp sống bằng ăn cắp, cờ bạc bất hợp pháp và tổng tiền. Khi chính phủ Mỹ tuyên bố cấm rượu, lập tức việc buôn bán Rum và Whisky được chuyển vào tay các băng gangster, các sếp Mafia “phất” lên nhanh chóng, Lucky Luciano cũng vậy.

Ở đâu ra đội quân chống pháp luật lớn như vậy? Tại sao dư luận lại chấp nhận sự liên kết giữa những tên tội phạm và các thương gia? Ai tạo điều kiện cho Mafia trở thành một tổ chức đầy uy quyền như vậy?

Tội ác có cội rễ trong điều kiện xã hội, kinh tế mà kẻ phạm pháp lớn lên. Trong trường hợp này đó là những ghetto di cư, đặc biệt là “vườn ươm” sự nghèo khó Little Italy. Đây là cái nôi của tội ác có tổ chức ở Mỹ. Nó sinh ra trong lòng xã hội mà ở đó hiện hành các quan hệ sản xuất bóc lột. Tất cả vì lợi nhuận, luật đầu tiên đó của Tân thế giới là động cơ cho tất cả những ai đang ngoi lên trong bậc thang xã hội Mỹ. Vì lợi nhuận và sự giàu có chiếm đoạt được, quan hệ con người đã bị chà đạp.

Những năm hai mươi ở Chicago, ngự trị sếp gangster Torrio và Al Capone. Băng này không phải Mafia. Capone không phải người Sicilie mà xuất thân từ Naples. Nhiều trận đọ súng đẫm máu giữa các băng gangster được ghi nhận. Tất cả đều vì tiền, vì địa phận làm ăn, vì quyền lực. Nhiều khi người băng này lại cướp hàng của băng kia, thế là phía bị cướp phải tự vệ. Trong những trận kịch chiến trên đường phố này ở Chicago, hơn 200

gangster thiệt mạng. Ở New York có lẽ còn nhiều hơn nữa, vì chiến tranh Castellammare giữa các băng kéo dài cho tới tận năm 1931. Trong trận chiến một mất một còn này giữa hai sếp Mafia thế lực, có một kẻ đã lợi dụng “đục nước béo cò”, kẻ đó chính là Lucky Luciano ranh ma.

Cuộc chiến tranh này mang tên làng Castellammare del Golfo ở Sicilie, nơi chôn rau cắt rốn của Salvatore Maranzano. Đối thủ của y tên là Giuseppe Masseria, Hai đảng tranh giành ngôi bá chủ. Hơn 100 xác chết rải rác các đường phố New York. Cảnh sát phần lớn theo dõi cuộc chiến như khán giả, dư luận cũng vậy. Không ai bận lòng khi bọn tội phạm chém giết lẫn nhau. Ngược lại, pha chút cảm giác thỏa mãn, họ bàn luận với nhau: Thêm dăm mươi tên Ý bắn thiu về châu diêm vương, sau trận đọ súng hôm qua.

CHIẾN TRANH CÁC BĂNG

Chiến tranh các băng không chỉ là cuộc tranh giành đấm máu tiền bạc và quyền lực. Đó là sự kiện lịch sử của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, là điểm giao thời trong lịch sử tội ác. Nó mở đầu kỷ nguyên mới của Mafia Hoa Kỳ. Từ một tổ chức bảo vệ dân di cư Sicilie chống lại thế giới bên ngoài, nó đã trở thành một hiệp hội tội ác khổng lồ. Người thủ vai chính trong việc này là Lucky Luciano. Lật đổ chính quyền của các Capo Mafia già cỗi, y đã giải quyết căn bản vấn đề thế hệ của Mafia.

Trước đó mấy năm y đã liên kết với Meyer Lansky. Chúng kinh doanh như những tên khác với cùng một loại hàng, thêm vào đó là thuốc phiện, mặt hàng quen thuộc với Luciano, và giống như Al Capone ở Chicago, chúng cũng áp phe gái làm tiền. “Hãng” Luciano - Lansky phát đạt bởi vì chúng rất tháo vát, các trùm Mafia già nua Maranzano và Masseria làm mọi cách để kéo chúng sang phe mình. Mỗi người làm theo kiểu của mình và chúng ta đã biết Maranzano dùng biện pháp gì để khuất phục Luciano.

Luciano chỉ có một lối thoát duy nhất: Đứng giữa, không theo bên nào cả. Y biết rõ ràng trong trường hợp ngược lại, phe cạnh tranh sẽ làm thịt y trong vòng vài ngày. Là một nhà chiến thuật cừ khôi, y khôn khéo làm như đang đàm phán với cả hai phe và đã xỏ mũi được hai trùm Mafia cáo già. Tuy vậy, Maranzano đã cảnh cáo y một trận thừa sống thiếu chết ở gara hoang trên Staten Island và y hiểu ra ai là kẻ nhiều cơ hội chiến thắng hơn.

Nhiều tư liệu khẳng định Luciano là thành viên của băng Masseria, thậm chí y đã trở thành phó sếp. Giuseppe Masseria là một tên tội phạm nhiều tham vọng, một Capo Mafia tàn bạo. Khi cần giết người một cách “tế nhị”, y đặt hàng tại hãng Murder Incorporated [8]. Hãng này thuộc về ba tên gangster Joe Adonis, Abe Reles và Albert Anastasia. Hãng này cũng được tổ chức như bất cứ mọi hãng khác. Chỉ có điều nhân viên của nó được tuyển chọn bằng phương pháp đặc biệt và phần lớn không tự nguyện. Ba

tên sếp gangster này đã phát minh ra phương pháp hiệu quả để tuyển chọn những tên giết thuê tin cậy và ngoan ngoãn.

Chúng chọn một người khố rách áo ôm nào đó từ những tầng lớp dưới. Khi có lý do, chúng bắt đầu tổng tiền gã này. Nếu lương tâm gã còn trong sạch, chúng cố gắng, chẳng tốn mấy hơi sức, để gã phải vay nợ. Không có tiền trả nợ, chúng nhét súng hoặc búa vào tay gã và bắt gã đi giải quyết “đơn đặt hàng”. Một khi tay đã nhúng chàm, gã hoàn toàn nằm trong tay bọn chúng. Nếu chẳng may gã không nghe lời hoặc nói quá nhiều, gã lại bị những người tiếp theo thủ tiêu. Các vụ giết người mà hãng Murder Inc, thực hiện rất là khủng khiếp, bởi vì trong phần lớn các vụ khách hàng yêu cầu “hiệu quả giáo dục”, cái chết của một tên ăn mày nào đó phải có tác dụng cảnh cáo đối với những tên khác. Người ta đã phát hiện ra xác chết trong các ô tô bị nén chặt chuẩn bị tháo ra để lấy sắt vụn, có cái lại được tìm thấy trong các nhà máy sản xuất đồ hộp cho chó và mèo. Có khi chúng gắn chân người còn sống bằng xi măng hay thạch cao rồi ném nạn nhân xuống nước, lúc khác chúng lại thiêu cháy nạn nhân trong ô tô.

Không hiếm trường hợp những người còn sống, không may may nghi ngờ, khóc thương hại người chết trong một quan tài. Đêm hôm trước, trong nhà xác gangster đã cho thêm một xác nữa vào quan tài dưới xác người quá cố. Bom nổ, đạn chì, một loạt băng súng máy rồi tẩu thoát nhanh bằng ô tô, phần lớn các phi vụ được tiến hành theo kịch bản trên. Với những vụ đơn giản thì chỉ cần những tên mới hành nghề “Punks”, còn để giải quyết những đơn đặt hàng phức tạp đã có những tên lành nghề “Troops”.

Sếp của hãng này là Joe Adonis, con Anastasia, tức “Bum Bum”, là chuyên gia về các vụ ám sát bằng bom. Theo các hồ sơ của tòa án và FBI thì một tay Anastasia đã giết chết 40 người, Abe Reles cũng không phải là con cừu con trong nghề. Sáu lần ra trước tòa vì tội giết người, sáu lần y được tha bổng vì thiếu chứng cứ. Đây cũng là một sự thật quen thuộc. Bỗng nhiên nhân chứng không nhìn thấy gì, không nhớ được gì về những tên giết

người. Trong phần lớn các vụ chỉ phải ngồi tù một thời gian ngắn vì những tội khác nhỏ hơn. Chỉ có tên giết thuê của hãng Murde Inc, Arthur Strauss, kết thúc cuộc đời trên ghế điện khi hãn ba một tuổi.

Chính tại hãng Murder Inc, Maranzano đã đặt hàng thanh toán đối thủ của mình - Masseria. Nhưng người đạo diễn chính không phải những kẻ giết thuê mà là Lucky Luciano. Khi người ta thả y ra khỏi bệnh viện, mặc dù trên người đầy sẹo, chân đi khập khiễng và không cúi xuống được, y đã nhanh chóng hồi phục và bắt đầu thực hiện kế hoạch mà y đã vạch ra đến tận chi tiết trên giường bệnh.

15 tháng 3 năm 1931, một ngày xuân đẹp trời. Văn phòng sang trọng của “Joe the Boss” Masseria nằm trên đại lộ Hai. Lucky Luciano, trong bộ comple flanel xám đắt tiền, vui vẻ xuất hiện trong văn phòng sếp gangster. Y ngồi xuống ghế và mở đầu:

- Tôi có một đề nghị.
- Đừng úp mở nữa, - Joe the Boss sốt ruột.
- Có cách thanh toán Maranzano.
- Nói đi.
- Anh biết nó chơi tôi như thế nào chứ?
- Ừ. Ở đây ai mà không biết chuyện đó.
- Tôi không biếu không nó đâu. Nhìn mắt tôi đây này.
- Cái sẹo trên mặt cũng tởm quá
- Tôi sẽ xóa sổ cả băng của nó.
- Làm thế nào?

- Tôi sẽ giải thích. Nhưng không phải ở đây.
- Mà có thể yên tâm nói ở đây, sau cửa toàn là em út tao.
- Tôi không muốn nói ở đây. Này, chúng ta phải ăn mừng một trận ra trò chứ. Chỉ trong tuần này là sẽ xong mọi chuyện.
- Thế mà muốn nói chuyện này ở đâu?
- Trời đẹp lắm. Ta đi dạo một chút đi.
- Đi đâu?
- Chẳng hạn đến Coney Island. Chúng ta có thể ăn trưa ở đó.
- Tại sao không!
- Anh biết nhà hàng Tammaro chứ?
- Biết. Ở đấy có mì Milan ngon nhất New York?

Nhà hàng Ý ở số 2715 phố West Fifteenth Street tên là Nueva Villa Tammaro, chủ hiệu là Gerardo Scarpato, bạn thân của Luciano. Như vậy Luciano đã chuẩn bị trận đấu trên sân nhà. Masseria có bất lợi là chơi trên sân đối phương. Y còn có một yếu điểm nữa mà Luciano đã tính tới. Giống như phần lớn người Ý, Joe the Boss là một kẻ khoái khẩu kinh khủng.

Theo hồ sơ của FBI, tất cả có năm người, ngoài hai nhân vật chính của màn kịch còn có ba nhân vật vô danh nữa. Có thể là đàn em của Masseria, mà cũng có thể là người của Luciano. Nhưng chẳng nhẽ chúng lại mang theo nhân chứng tới một cuộc hội đàm quan trọng như vậy, trừ khi chúng đã bàn mọi chuyện ở văn phòng và đi đến Coney Island chỉ để ăn mừng. Những nhân chứng này công nhận Gerardo Scarpato hôm đó đáng được gắn huân chương, Masseria khoái antipasto [9] đến mức y làm sạch trơn một đĩa có ngọn, chianti Rufina [10] với polpetti [11], rồi một chai rượu vang đỏ

nữa. Khi hầu bàn mang ra anatra selvatica vịt rừng với cải đỏ thì gã sành ăn, không biết cái chết đang tới gần, xoa tay sung sướng và cho gọi thêm polei eipolline al forno [12], pasta colle sarde [13], cassata [14] và một chai rượu vang Ý nữa. Sau này hầu bàn kể lại rằng Masseria nhồi nhét liền trong ba tiếng và cuối cùng y còn đặt nướng một fruit cake [15] Mỹ chính cống.

Lucky Luciano vui vẻ pha trò và đốt thuốc liên tục. Bỗng nhiên y liếc đồng hồ, vồ vồ vào vai Masseria một cách thân mật rồi đi ra nhà vệ sinh. Khi y vừa mới biến sau cánh cửa thì bốn người lạ mặt bước vào quán. Masseria ngẩng lên. Y nhận ra bọn kia và hiểu ngay chúng đến làm gì. Y đứng dậy, nhìn xung quanh định chạy. Quán ăn rung lên trong tiếng nổ.

Joe the Boss trúng đạn, sáu viên tất cả, gục xuống sàn nhà. Mười bốn viên nữa găm vào tường và sàn gỗ. Những tên giết người quay người đi ra khỏi cửa. Bên ngoài một xe hòm lớn màu đen đã chờ sẵn chúng. Chúng biến mất không để lại dấu vết gì. Mãi gần năm mươi năm sau, chiến hữu của Luciano, Meyer Lansky mới tiết lộ tên bọn chúng. Chỉ huy đội hành quyết của hãng Murder Inc là Bugsy Siegel, ba tên giết thuê nữa tên là Joe Adonis, Alberto Anastasia và Vito Genovese. Những tên này đã đóng vai trò quan trọng trong lịch sử Mafia.

Lucky Luciano có alibi [16]. Trong khi súng nổ y đang ở ngoài nhà vệ sinh. Khi trở lại quán ăn, y kinh hoàng trước cảnh đổ máu khủng khiếp và chính y đã báo cảnh sát.

- Tôi bị đầy bụng. Y khai với các điều tra viên.
- Bốn người kia là ai? Cảnh sát hỏi y.
- Làm sao tôi biết được? Khi đó tôi không ở đây. Lúc tôi trở lại thì mọi việc đã xong rồi.

Điều tra dẫm chân tại chỗ. Không ai nhìn thấy gì cả, không có lấy một dấu vết nhỏ nhất. Chỉ những nhân chứng ngoài đường phố nói rằng tài xế

không sao nỗ máy được, thế là một trong những người vừa rời quán ăn Ý ngồi lên sau vô lăng và xe biến mất.

Các bố già Mafia rất thích lễ lạt linh đình, Maranzano đã tổ chức một lễ đăng quang long lẫy. Y mời tất cả mọi người, nhưng chỉ dân Sicilie. Như vậy cả Bugsy Siegel, cả Meyer Lansky, những tên Mafia Do Thái, đều không có mặt trong buổi tiệc. Khác với những tên khác, sếp mới không phải là kẻ mù chữ. Ở Ý, y đã từng học thần học, các thần tượng của y là Gaius Julius Caesar [17] và Charles Đại đế [18].

“Hắn đúng như hoàng đế”, sau này Luciano nói. “Hắn tuyên bố rằng bắt đầu từ lúc đó hắn là chúa tể, chỉ có hắn mới được ra lệnh. Tất cả phải nghe lệnh hắn và chia lãi cho hắn. Hắn chia địa hạt New York cho năm gia đình Mafia lớn: Họ không được xung đột lẫn nhau, mỗi gia đình bây giờ có một lãnh thổ riêng”.

Lucky Luciano trở thành sếp một gia đình Mafia, sếp các vùng khác là Joe Profaci, Vincent Mangano, Tim Gagliano và Joe Bonanno. Mỗi bố già lớn có một số phó sếp của mình, những tên lính tốt cũng có chỉ huy. Những tên này có trong tay mười người. Nghi thức quả là giống lễ đăng quang, thậm chí sếp vua còn chú ý để ghế của y cao hơn của mọi người. Y ăn, uống bao quanh là những kẻ nịnh thần, nhưng cũng không thiếu kẻ thù không đội trời chung mà y không biết. Maranzano tin chắc rằng hắn đã trở thành vĩ nhân, một nguyên soái chỉ huy các sư đoàn tội phạm, một tỷ phú có thể độ lượng võ vai thống đốc bang New York, nếu ông ta tỏ ra xứng đáng với vinh dự đó bằng sự ngoan ngoãn của mình. Tạm thời y chỉ võ vai Lucky Luciano và xúc động tuyên bố:

– Chú là người đáng yêu nhất của ta. Chú sẽ là phó sếp cho ta.

Như vậy Lucky Luciano được phong thành hoàng tử kế vị, điều mà y hoàn toàn không xứng đáng. Bởi vì Luciano là một Judas [19]. Y nghĩ về những kế hoạch đầy tham vọng của mình trong khi những kẻ khác thề thốt

trung thành với vua mới. Y bỏ ngoài tai khi tất cả long trọng hứa sẽ tôn trọng lẫn nhau và không đánh nhau vì tiền và địa vị. Nhưng y lại chú ý nghe khi vua Mafia bỏ qua cho tất cả mọi tội lỗi từ trước đến nay, nhưng đồng thời nhắc lại luật lệ lâu đời bất công đối với phụ nữ Sicilie: “Không một người nào của Mafia được nói chuyện với vợ, con gái hay bà của thành viên khác mà không có người thứ ba như là nhân chứng”.

Những kẻ trẻ hơn, trong đó có Luciano, cười thầm trong bụng. Chúng biết rằng những tập tục cứng nhắc Sicilie không còn tồn tại lâu nữa, cũng như chính Maranzano sẽ không còn sống bao lâu nữa. Tuy vậy lần lượt từng người một. Chúng lễ phép cúi đầu, hôn tay và trao cho vua mới những phong bì dày cộp. Đó là tập quán xa xưa từ thời phong kiến, nó không những chỉ được giữ lại trong nội bộ Mafia mà còn được những kẻ quyền thế khác áp dụng tinh vi hơn. Ở Mỹ, trong mỗi chiến dịch vận động bầu cử, ứng cử viên mời các cử tri của mình đến ăn sáng và mỗi người phải đặt dưới đĩa của mình phong bì với ít nhất là 100 dollar. Nghe đâu tập quán này, cùng với cái chết của Maranzano, đã không còn nữa trong tổ chức Mafia. Tuy vậy, trong giới chính trị, nó còn tồn tại mãi cho tới vụ bê bối Watergate.

Maranzano, tuy là người của những phương pháp lạc hậu, những kỹ thuật tội ác thô sơ, là một địch thủ mạnh, Lucky Luciano hiểu rõ điều đó. Giống như chuẩn bị đảo chính, y sưu tầm các thông tin làm mất uy tín kẻ đang cầm quyền, y nghiên cứu những thói quen, kế hoạch hàng ngày của đối thủ. Tóm lại, y muốn biết tất cả về địch thủ của mình. Y hiểu rằng kế hoạch không cho phép thất bại. Điều đó đồng nghĩa với cái chết của y, của bạn bè y, và của cả đồng minh của y nữa.

Cùng với Meyer Lansky, y đi đến nhiều bang ở Mỹ, thăm dò quan điểm của các sếp Mafia địa phương. Chúng muốn che kín phía sau. Không ít người đã đứng về phía Luciano. Xuất hiện một người cải cách và nhiều tên tội phạm đã linh cảm rằng y là người được “lịch sử” chọn để quyết định tương lai của Mafia. Chúng đặt cá cược vào Luciano.

Ban đầu Maranzano bị lóa mắt vì quyền lực. Trong hào quang của ngai vàng, y đã mất cảnh giác. Nhưng những kẻ cải cách, trong khi đi tìm đồng minh đã không được hoàn toàn thận trọng, và sếp Mafia đã biết về mưu đồ của chúng. Không muốn để rơi vào thế thủ, y quyết định tấn công trước.

Trong thời gian này, không phải chỉ có Mafia Sicilie là tổ chức tội ác duy nhất. Ở đây còn có người Ailen, vương quốc độc lập của Al Capone và tổ chức gangster Do Thái lớn mạnh của Bugsy Siegel và Meyer Lansky.

Lansky có một người bạn ở Philadelphia. Gã tên là Nick Rosen và chỉ huy bọn gangster địa phương. Tình cờ gã biết được mưu đồ của Maranzano và báo động ngay cho Lansky.

Mặc dù lúc đấy chưa có gì chắc chắn cả, Lansky, sau khi bàn bạc với Luciano, đã giương bẫy. Con mồi là Angie Caruso, một tốt đen của Mãn Châu Quốc (chính phủ bù nhìn do đế quốc Nhật lập nên, giải thể 1945). Mồi nhử là Jessie, một gái nhảy với thân hình khêu gợi, tóc bạch kim dài và quan niệm đạo đức khá thoải mái. Caruso là người Sicilie và gã say Jessie như điên đảo. Gã uống nhiều hơn mức được phép, có thể vì sung sướng, có thể để lên gân hoặc là gã ăn mừng trước “big business” [20] của mình. Trước khi trời sáng, gã thổ lộ với Jessie rằng phía trước gã là một tương lai rạng rỡ, gã sẽ có rất nhiều tiền, 30 nghìn dollar từ tay sếp, sau khi “khử” được hai kẻ khó chịu.

– Đừng xạo, Angie! - Jessie khiêu khích và đồng thời ả đã thăm tính trong đầu sẽ bán tin này với bao nhiêu tiền.

– Thật đấy. - Angie nhún vai.

– Thế cái cơ hội thế kỷ của anh tên là gì? ả gái nhảy xảo quyết nũng nịu.

– Vito Genovese, - Angie nói, gã đã say không tự chủ được nữa.

– Em không quen.

– Làm sao em quen hẳn được. Cỡ “sộp” đấy! Em phải là ngôi sao Hollywood thì may ra hẳn mới để ý đến.

– Thế còn người thứ hai?

Angie nhú lông mày. Có thể là gã giết mình vì đã nói quá nhiều, cũng có thể gã không thể nhớ nổi.

– Chuyện này chẳng mắc mớ gì đến em cả! Ồ, sao anh lại nói chuyện làm ăn với em cơ chứ!

– Tại sao không, khi anh là cục cưng của em? Đúng không, Angie?

Jessie tiết lộ tin này. Angie không sống hết thứ bảy. Tin này còn được khẳng định từ một nguồn khác, Luciano có chỉ điểm trong đám phục vụ của Maranzano. Gã này nghe lỏm được một phần cuộc mật đàm, ghi lại tên những kẻ liên quan rồi mang bảng danh sách đến cho chủ của mình. Ván bài đã bắt đầu.

Maranzano biết rằng những kẻ giết người đang bám chân y. Để trả miếng, y cũng cho những tên giám sát Luciano. Maranzano không phải là cừu non. Y biết rằng giết một gangster cỡ như Luciano không thể đặt hàng ở hãng Murder Inc, y cũng không thể dùng người của mình được. Luciano biết bọn này, bọn này cũng quá quen y, chưa biết chừng chúng có thể chạy sang phía bên kia cũng nên.

Maranzano thuê một tên bắn súng chuyên nghiệp. Gã tên là “Chó điên” Vincent Coll. Bắn ai, gã dừng dừng, nhưng bao nhiêu tiền, cái đó còn bàn lại. Gã biết rằng Maranzano không phải là kẻ keo kiệt. Thế là gã đi từ Chicago đến New York lần tìm dấu vết Luciano.

Salvatore Maranzano không phải là người quê mùa. Y có khả năng của một trùm tư bản lớn. Văn phòng của y trên đại lộ sang trọng Park Avenue, trông cũng giống như của Rockefeller hay Morgan [21]. Các hãng xuất nhập khẩu của y rất phát đạt mặc dầu chỉ bằng buôn bán hợp pháp. Hãng xây dựng Ragle Building Corporation của y làm việc hoàn toàn nghiêm túc, lãi nhiều và trả thuế đàng hoàng. Mặc dù vậy trong thời gian cuối, y tránh né phòng làm việc tiện nghi đầy đủ của mình, luôn chuyển từ khách sạn này sang khách sạn kia. Y chưa ăn nếu như một trong những người phục vụ chưa nếm thức ăn trước, chung quanh y là những tên vệ sĩ tinh nhuệ. Khi y đi đâu, lúc nào cũng có hai xe hòem với những tay súng thiện nghệ đi theo bảo vệ. Tất cả đều vô ích. Tử đò đi đến từ phía mà ngài sếp Mafia thận trọng và lữ lâu la không đề phòng. Bọn này chỉ chú ý người Ý, người Sicilie, nhưng lại quên những tay súng của Lansky.

Một người trong đội hành quyết là Red Levine, người thứ hai là Bugsy Siegel mà ta đã có dịp làm quen trong vụ nhà hàng Tammaro. Không ai trong bốn tên còn lại trông giống người Sicilie cả. Sân khấu của màn kịch ám sát cũng không đến nỗi nào: Văn phòng deluxe trên đại lộ Park Avenue. Ở đó, Maranzano được bao bọc xung quanh bởi các vệ sĩ của mình và y cảm thấy an toàn.

Ngày 10 tháng 9 năm 1931. Chỉ vài phút sau buổi nghỉ trưa, xuất hiện trong phòng khách bốn người đàn ông điệu bộ tử tế.

– Kiểm tra tài chính, - một người trong bọn họ nói và trình cho nữ thư ký xem giấy tờ gì đó.

– Chúng tôi muốn xem sổ chứng từ của hãng, - người thứ hai nói.

– Để tôi gọi kế toán, - thư ký nói.

Những lúc đó bốn người này đã rút súng, nhanh như chớp họ tước vũ khí các vệ sĩ của Maranzano và bước đến cửa văn phòng của sếp. Nghe

tiếng động. Maranzano bước ra mở cửa và nhìn thấy những họng súng đen ngòm. Súng nổ chát chúa, sau đó một trong những đột nhập còn rút dao găm và đâm nhiều nhát vào cổ, vào ngực sếp Mafia. Chúng đến như thế nào thì cũng đi ra như vậy.

Trong hồ sơ của cảnh sát New York còn giữ lại biên bản sơ sài sau:

“Ngày 10-9-1931 vào lúc 14h40’, Salvatore Maranzano, đàn ông, da trắng, cư ngụ 2706 đại lộ J ở Brooklyn, đã bị bắn và đâm chết tại các phòng 925 và 926 của văn phòng hãng xây dựng Eagle, số 230 đại lộ Park Avenue. Thủ phạm là bốn người lạ mặt đóng giả cảnh sát. Nguyên nhân tử vong: Bốn phát súng và năm nhát đâm”.

Hơn ba mươi năm sau, trước ống kính máy quay, một thành viên của Mafia đã khai ra những bằng chứng về vụ ám sát trên. Người này tên là Joe Valachi, y đã đi vào lịch sử Mafia bởi thiên tình sử “Romeo và Juliet” của mình và y là một trong số ít người tránh được lưỡi dao trừng phạt: Omertà (kẻ nào nói ra người đó phải chết), chúng ta sẽ còn gặp y ở những chương sau. Y không tham gia vụ giết người nhưng y khớp với biên bản của cảnh sát. Bốn người lạ mặt quả là đã cải trang làm cảnh sát. Khi nói rằng muốn xem sổ sách chứng từ, một tên hỏi:

- Chúng tôi có thể làm việc với ai đây?
- Với tôi. - Maranzano nói, lúc đó y đã xuất hiện bên cửa văn phòng.

Ban đầu chúng chỉ định dùng dao để khỏi gây tiếng nổ, nhưng tình thế bắt buộc phải dùng súng. Tuy nhiên cảnh sát cũng không tìm ra dấu vết chúng.

Người ta nói không ngoa rằng Đêm Thánh Bartolomeo [22] đã xảy ra đối với những tên gangster sau cái chết của Maranzano. Báo chí đã đưa tin rằng sau vụ trong văn phòng hãng Eagle, các đội hành quyết còn thi hành bản án xử tử với hơn 40 tên gangster khác. Cảnh sát không khẳng định tin

trên. Điều đó cũng dễ hiểu: Không một vụ nào được điều tra thành công, không một tên giết người nào bị bắt và buộc tội cả.

Mặc dù vậy, theo lời khai của Meyer Lansky, sau này, một tên giết thuê của Maranzano Vincent Coll, đã thề độc sẽ trả thù cho chủ. Nhưng y thề to quá đến nỗi những liên quan như Bugsy Siegel, Red Levine và một số tên khác nghe được. “Cá lớn nuốt cá bé”, luật muôn đời đó cũng được áp dụng trong bọn gangster. Cơ hội sẽ thuộc về ai mạnh dạn tấn công đầu tiên. Bugsy không phải là kẻ mới vào nghề, y bám sát Coll. Trong những tuần đầu, hai địch thủ một sống một chết vờn nhau như chơi trò ú tim. Tuy nhiên, nửa năm sau cái chết của Maranzano, Coll đã bị giết bất ngờ trong khi đang gọi điện thoại. Súng nổ và Bugsy Siegel nhẹ người như trút được gánh nặng.

TRIỀU ĐÌNH MAFIA

Trước vụ ám sát Maranzano, Lucky Luciano đã thỏa thuận với các sếp địa phương, vì vậy y không gặp trở ngại nào trong việc nhậm chức cả. Ba mươi tư tuổi, y trở thành chủ tịch Mafia Hoa Kỳ. Tuy vậy, y đã kinh qua một quá trình tội ác chồng chất. Y bị bắt lần đầu tiên ngày 17-6-1916, khi người ta tìm thấy bạch phiến trong người. Y bị kết án ngồi tù ở nhà tù thành phố Blacwell's Island. 15-12-1921, y bị cảnh sát thành phố Jersey City bắt vì mang bất hợp pháp vũ khí có đạn và ngày 5-6-1923, y bị giải lên đồn một lần nữa cũng vì bạch phiến. Lần này y không phải vào nhà đá. Cảnh sát hứa sẽ tha bổng, nếu y chỉ nơi cất giấu bạch phiến. Y phản bội đồng bọn và dẫn cảnh sát đến một nhà kho, ở đó có cất giấu một vali bạch phiến. Ngoài ra, trong hồ sơ FBI còn ghi một số tội khác nhỏ hơn. Ngày 27-7-1926, y phải ra trước tòa vì tuần tra cảnh sát đã tìm thấy trong xe y hai súng lục và một súng cựa nhanh với bốn lăm viên đạn. Y được tha bổng, y có giấy phép mang vũ khí, cho nên, giống như nhiều người Mỹ khác, y có thể đi xe hay đi bộ vũ trang như ngoài mặt trận vậy.

Mãi đến năm 1928, người ta mới bắt quả tang được tên gangster đầy hứa hẹn này. Y tập kích và “trấn lột” một nhân viên ngân hàng 8.347 dollar. Y phải ra trước tòa, nhưng người bị cướp bỗng nhiên như bị thôi miên. Anh ta không nhớ gì cả, không nhận ra kẻ cướp mình, không biết gì cả. Anh ta muốn sống. Cả trong vụ này: Luật omertà (ai nói, kẻ đó phải chết) cũng đóng vai trò quyết định nếu như nhân chứng còn chưa muốn chết. Những năm tiếp theo, Luciano đã thận trọng hơn trong việc làm ăn và y đã không phải gặp các dự thẩm viên điều tra nữa. Sao chiếu mệnh của y phất mạnh và y có hy vọng trở thành sếp của các sếp, vì y là đại diện cho thế hệ mới đang lên với quan điểm tân tiến hơn.

Atlantic City [23], 23 tháng 5 năm 1929. Hàng chục xe con lộng lẫy với tài xế trong những bộ đồng phục đắt tiền, liên tục kéo về các khu nghỉ mát

phía đông thành phố. Những xe này, chiếc nọ sau chiếc kia, lần lượt dừng lại trước cửa các khách sạn đắt tiền nhất “President”, “Ritz” và cả “Ambassador”, tài xế lễ phép cúi người mở cửa xe. Từ những chiếc xe bóng lộn bước ra những người đàn ông ăn mặc lòe loẹt, nức mùi nước hoa, ngón tay lấp lánh những chiếc dây bạch kim với những viên đá quý thô kệch. Các ngài này hút những điếu xì gà đắt tiền, chào hỏi nhau quá lớn tiếng và những người đi đường nhận ra đây không phải là những người được lịch sự cho lắm. Chủ khách sạn sang nhất Atlantic City “Breakers” cũng nhận ra điều đó. Một biển con với hàng chữ “Cấm người da đen và Do Thái vào khách sạn” được treo lên trước cửa khách sạn. Tất nhiên các ông khách giàu có đòi vào bằng được, nhưng người thường trực kinh nghiệm biết cách xoay xở. Y giải thích với những người kia rằng, khách sạn không còn giường trống nữa. Những tên sếp gangster nguy hiểm nhất Hoa Kỳ đành phải hậm hực quay ra và tiếng nói của khách sạn không bị sút mẻ.

Hội nghị nổi tiếng, đại hội toàn quốc hiệp hội ác đã tiến hành tại khách sạn “President” và đi vào lịch sử tội ác với tên gọi là hội nghị Atlantic City. Tất cả những ai có quyền lực trong thế giới ngầm, từ Al Capone tới Luciano, đều tham dự hội nghị. Quả là đủ mặt các anh tài Mafia. Đó là người tổ chức John Torrio và phó sếp của Al Capone Jack Guzik tức “Ngón cái mập”, đại biểu của Philadelphia là Nick Rosen, Boo-Boo Hoff và Waxey Gordon, của Boston là King Solomon, từ Cleveland tới dự có Leo Berkowitz, Moe Dalitz và Lou Rothkopf, Abe Bernstein, bố già băng “Purple” ở Detroit, đã gửi đại diện tới dự vì y bị ốm không đi được, John Lanza, sếp băng “Pendergast” ở Kansas City, Moretti và Zwillman từ New Jersey và tất nhiên cả bầu đoàn từ New York Bugsy Siegel, Lepke Buchalter, Meyer Lansky, Frank Costello, Vito Genovese, Joe Adonis, Dutch Schultz, Frank Erikson và Joe Aiello đều có mặt. Thành phố Brooklyn đã gửi tới một đoàn đông đảo, Albert Anastasia, Albert Scalise, Vincente Magnano và Frankie Yale. Hiển nhiên trên ghế chủ tịch đoàn, bên cạnh John Torrio là một trong những kẻ đề xướng hội nghị hợp nhất thế giới, trọng vọng nhất trong thời

gian đó là Masseria và Maranzano không thấy có mặt. Có lẽ chúng sợ những quan điểm lạc hậu của mình sẽ không được ủng hộ tại đại hội.

Thành phố đầy rẫy gangster và các vệ sĩ của chúng. Khắp nơi đậu ngổ ngang những xe hơi đắt tiền nhất, lớn nhất và bóng lộn nhất. Những người hầu bàn, bán hàng và cả khách nghỉ mát lo sợ theo dõi những người đàn ông ăn mặc loè loẹt đắt tiền, thoát nhìn tưởng như những người làm xiếc. Chúng nằm trong vườn, ngồi trên sân thượng hoặc từng tốp hai ba người, quần xắn lưng chùng, dạo chơi trên bờ biển và hút xì gà đắt tiền. Trong đại hội những kẻ sáng lập hệ thống tổ chức tội ác mới này, chúng thống nhất với nhau về mọi điểm. Bởi vì tất cả bọn chúng đều hiểu rằng có thể kiếm được nhiều tiền một cách dễ dàng trong lĩnh vực này. Hiện thời chúng thu nhập cao nhất trong việc buôn bán và nấu rượu lậu, kinh doanh gái mãi dâm. Tuy vậy, những ngành khác như xổ số bất hợp pháp, các trò chơi cờ bạc và thuốc phiện cũng phải được phát triển. Đây là tương lai của Mafia Hoa Kỳ. Thậm chí còn có ý kiến trong tương lai sẽ không cần đến những tên giết người chuyên nghiệp, nước Mỹ có đủ chỗ dưới mặt trời cho tất cả và trong túi người Mỹ cũng có khá nhiều tiền. Các vùng làm ăn sẽ được hoạch định quy củ và giá cả sẽ được thống nhất, và súng sẽ không còn nổ nữa. Điều đó quả là hấp dẫn nhưng cũng ngậy thơ làm sao.

Ở hội nghị Atlantic City, tổ chức Mafia Do Thái “Kosher Connection” hay còn gọi là “Group of Seven” Nhóm Bảy tên, được thành lập. Cũng ở đây, Al Capone quyền lực liên kết với Moses Annenberg từ Chicago và Frank Erikson từ New York đã lập nên văn phòng xổ số bất hợp pháp lớn nhất từ trước tới nay. Một bộ phận của nó là văn phòng báo chí có nhiệm vụ giả mạo các kết quả đua ngựa và đua chó. Nó có cả một hệ thống điện thoại và điện báo riêng, nhanh và sẵn sàng hơn cả của Nhà nước. Ở Hội nghị Atlantic City đã ra đời một vương quốc xổ số và chỉ trong vòng mấy tháng đầu của sự tồn tại, nó đã thu được mấy chục triệu tiền lời.

Chi phí cho những buổi tiệc phè phỡn đã do sếp Mafia địa phương Nucky Johnson gánh chịu. Không thiếu những sáng kiến, kế hoạch được bọn gangster thảo luận trong những bữa tiệc thừa mứa này. Ở đây, Frank Costello đã tiết lộ cho đồng nghiệp biết những “ưu điểm” khác của máy chơi tự động, mà sau này còn được gọi là “tên cướp một tay”, từ Las Vegas hoặc những nhà chơi khác trên thế giới. Tên vua trò chơi may rủi này, đã quyết định mở rộng lãnh thổ của mình ra Florida tới tận Louisiana. Ở đây cũng nhất trí mở các quán ăn sang trọng và các dịch vụ ban đêm tại New York những công trình này vẫn còn hoạt động cho đến tận ngày nay ở phố Bourbon Street.

Cũng ở hội nghị này, những tên gangster đã bỏ phiếu bầu một hội đồng trọng tài toàn quyền xét xử. Hội đồng này sẽ phân giải những mâu thuẫn giữa các thành viên các băng, sẽ quyết định các hình thức trừng phạt đối với những tên không ngoan ngoan hay vi phạm điều luật đã được thống nhất. Sau này, trong các hồ sơ hình sự đã xuất hiện quan điểm cho rằng kẻ bị kết án hình sự đầu tiên là Al Capone. Danh tiếng của y quả là bất lợi cho y, mỗi người dân Mỹ đều biết tên y, hành động của y, thu nhập của y, nhưng y lại tự hào về điều đó. Các sếp Mafia đã khiển trách y và để xoa dịu dư luận, lúc này đang bất bình chống đối gangster y phải tự đầu thú và chịu một hình phạt nhỏ.

Giả thiết trên không được chứng minh mà cũng không thể phủ nhận. Có điều là không lâu sau đó, Al Capone đã yêu cầu viên cảnh sát quen biết là Malone bắt y vì tội mang vũ khí trái phép. Y bị “kết án” và nghỉ ngơi một năm trong một nhà tù tiện nghi đầy đủ. Có ý kiến cho rằng y làm như vậy để tránh các tay súng của những băng cạnh tranh.

Khi Maranzano trở thành Capo di tutti capi (sếp của các sếp) y đã mời hơn 500 gangster quyền lực gốc Sicilie tới dự lễ đăng quang của mình. Khi chia tay, y ngồi lên ngai vàng của mình để mọi người lần lượt theo truyền

thống cũ, hôn tay và “kính” phong bì với tờ 100 dollar. Người ta nói rằng Maranzano đã bỏ túi tới hơn một triệu dollar trong bữa tiệc đó.

Khi Lucky Luciano nhậm chức, y cũng tổ chức yến tiệc linh đình tuy nhiên y từ chối không nhận phong bì 100 dollar và chiếm được cảm tình bằng hành động “tiến bộ” sau: Không những chỉ mời người Sicilie, y còn mời tất cả những tên ăn cướp Do Thái, Ailen và các băng khác nữa. Nghe đâu Mafia còn được đổi tên thành Unione Siciliana. Luciano là Capo di tutti capi kiểu mới. Y ăn mặc lịch thiệp, xuất hiện trong các quán ăn đắt tiền, sang trọng nhất ở New York, khi thì cùng với ngôi sao màn bạc Hollywood Orlo, lúc khác thì có mặt bên những vận động viên nổi tiếng, các chính trị gia hoặc tầng lớp trên của thế giới tài chính. Y có những ngón tay dài và can thiệp tới cả đời sống chính trị. Điều này sẽ còn được nói tới sau này.

Tuy nhiên, tuyên bố của sếp mới rằng Unione Siciliana sẽ tiến hành những hoạt động bất hợp pháp mà không cần dùng vũ lực là một điều mỉa dân. Không dùng vũ lực sao được, khi mà buôn lậu Whisky và thuốc phiện, cho vay nặng lãi, tổng tiền, hối lộ và các trò chơi cờ bạc bất hợp pháp là nội dung kinh doanh của hiệp hội tội ác. Lucky Luciano tuyên bố bãi bỏ chế độ chức sắc cũ cho đến tận sếp của các sếp, mỗi vùng sẽ có sếp riêng của mình.

“Tôi cho rằng như vậy sẽ tốt hơn” - đồng nghiệp của y, Doc Stacher, bình luận về tuyên bố “lịch sử” này. “Không quan trọng nếu tổ chức tên là Cosa Nostra, Unione Siciliana hay Kosher Connection. Tên gọi tự nó không có giá trị gì cả. Chúng tôi có mục đích khác, xây dựng và phát triển kinh doanh thương mại”.

Một trong người hoạt động của kinh doanh loại này là mãi dâm có tổ chức và nhiều khi bắt buộc. Có thời nó còn là “ngành công nghiệp” có lời nhất. Khi đến Chicago, thủ đô tội ác lúc bấy giờ, mặc dù còn trẻ, Al Capone đã sẵn sàng làm tất cả mọi chuyện. Ban đầu y đầu tư vào buôn bán rượu lậu. Sau đó y mở rộng địa bàn kinh doanh sang mạng lưới nhà thổ đang “phất”.

Lucky Luciano biết điều đó, y là bạn thân của Al Capone mà. Trong lần viếng thăm Chicago, y đã được đón tiếp linh đình.

Lần đó Meyer Lansky cũng được mời. Al Capone đón tiếp bọn này như các nguyên thủ quốc gia. Để chào mừng chúng, nhưng chủ yếu là để biểu dương sức mạnh và quyền lực, y triệu tập các sếp Mafia địa phương từ tất cả các thành phố và đặt cho bọn này những căn phòng đắt tiền trong những khách sạn sang trọng nhất Chicago. Chúng sống trong các khách sạn “Blackstone” và “Congress”, và có hàng chục tên vệ sĩ bảo đảm an ninh. Đó là lần gặp mặt đầy đủ nhất các đại diện của thế giới ngầm Hoa Kỳ: Ở đây tập trung gangster từ tất cả các nhóm dân tộc khác nhau, người Thiên chúa giáo, Tin lành, người da đen từ Poocroi và cả những tên gangster tập sự từ châu Mỹ la tinh cũng tới dự. Tất nhiên không thể thiếu người trùm tội ác như Dutch Schultz, Moe Dalitz và Bugsy Siegel.

Đó là tinh hoa thế giới ngầm. Những tên nhỏ hơn và lính trơn thì phải làm những việc vất vả. Giá công gây lộn là hai dollar, bêu đầu sứt trán bốn dollar, giập lá mía mười dollar, đánh như tử mười lăm dollar, cắt một tai cũng chỉ nhận được mười lăm dollar, bẻ gãy chân hay tay chỉ có mười chín dollar, đâm hay bắn vào chân hai lăm dollar, thủ tiêu đối phương 100 dollar. Giá thấp nhất ở các nhà thổ ngoại ô là một dollar, ở những thanh lâu chất lượng cho các tầng lớp trên thì khách hàng phải trả giá tới 50 dollar hay nhiều hơn nữa. Đó là những công ty “dịch vụ” trang bị tốn kém nhưng hấp dẫn với hệ thống cửa ra vào màu sắc phong phú. Đứng ở cửa là người thường trực chỉnh tề trong bộ đồng phục đen ngù vàng, bên cạnh y là một “trật tự viên”. Đây không phải là chức vụ thấp hèn. Ngay cả Al Capone cũng bắt đầu ở New York như một “trật tự viên”. Bên trong bốn phía tường giát gỗ đào, trên trần đèn chùm pha lê lấp lánh, lộng lẫy, ghế bành da trong phòng tiếp khách, bàn con với đèn nhỏ ánh sáng mờ ảo ở quầy rượu, dàn nhạc hạng một chơi những bài du dương gợi cảm. Phần chính của quán rượu là một bar rộng lớn. Ngồi trên những ghế cao là những người đàn bà bán thân mình, như vậy họ có điều kiện khoe cặp chân dài. Họ hút thuốc

màu kẹp trong những ngón tay dài loè loẹt và quyến rũ khách chơi bằng những cái nhìn mời mọc.

Ngồi thu tiền trên hành lang dẫn đến các phòng “tiếp khách” là một mù tú bà. Nếu khách hàng nào không thêm tipping (tiền boa) vào tiền công thì chưa hết thời gian quy định, mù đã đến tổng cổ y ra kèm theo những lời chửi rủa tục tằn. Những người “làm công” chỉ nhận được một phần rất nhỏ trong số tiền thu được, thậm chí có khi chỉ là của bố thí và cũng vì bị bắt buộc “hành nghề”, họ được gọi là “nô lệ trắng”.

Mãi dâm có tổ chức là một trong những lĩnh vực kinh doanh bất hợp pháp của gangster và Mafia. Lucky Luciano trở thành vua của các nhà thổ ở Mỹ và những “nô lệ trắng” là nguyên nhân thất bại của y. Bởi vậy, ta hãy xem qua một số vụ có ghi trong tài liệu của John Kobler.

Ở Chicago, tại góc phố Mười Chín và đại lộ Amour Avenue là một dãy nhà rẻ tiền “Red Bug Row”, tất cả đều là nhà chứa với gái làm tiền da đen. Đây là “dịch vụ” rẻ nhất loại này, vé vào cửa chỉ có hai mươi lăm cent. Liên đó, phía đối diện là công ty “Bucket of blood”, một tổ hợp phòng khách với thanh lâu, vài bước nữa trên phố Dearborn Street là “hãng California”. Công ty này nổi tiếng thế giới bằng “cải cách” mạnh dạn của mình, ngay từ những năm hai mươi, những người đàn bà bán mình đã ngồi trong tủ kính trưng bày, mặc đồ trong suốt và bằng những cử động khêu gợi, họ quyến rũ khách qua đường.

Những mù tú bà ban đầu cũng là gái mại dâm. Ada và Minna Everleigh cũng vậy. Nhưng sau năm tháng làm công, từ “nô lệ trắng” chúng trở thành chủ nô. Bắt đầu bằng nhà chứa lưu động, chúng tiến tới làm chủ một thanh lâu lớn nhất Chicago, một tòa nhà ba tầng hiện đại với đầy đủ tiện nghi. Phòng tiếp khách được trang trí bằng những cây lá lạ mắt, thấp thoáng giữa những khóm dừa cảnh là các tượng đài cẩm thạch. Bên cầu thang bằng gỗ đào hồng tâm là bà chủ nhà, ăn mặc không chê vào đâu được, đứng tiếp khách. Một thiếu nữ xinh xắn, đội mũ trắng và mặc váy viền đăng ten, dẫn

khách lên các tầng trên. Trên đó là những salon với sàn gỗ bóng lộn, thảm trang trí Phương Đông sắc sỡ và đồ gỗ kiểu cách. Ghế bành là trang bị quan trọng nhất. Rộng thoải mái và êm như bông. Các nhạc công piano chơi những bản nhạc êm dịu. Ada và Mina chỉ tuyển dụng những đầu bếp, hầu bàn hạng một, thìa đĩa đều bằng vàng hoặc bạc, đĩa sứ Trung Quốc, cốc pha lê mài. “Phòng” làm việc của “nữ nhân viên” cũng rất kiểu cách và phong phú: Kiểu Nhật và Thổ Nhĩ Kỳ, kiểu Rome và Ả Rập, trong tất cả các phòng đều có những vòi phun nhỏ phun nước hoa ra bốn phía. Bữa ăn tối có rượu giá năm mươi dollar, trong những năm hai mươi như vậy là quá nhiều. Còn mỗi cô gái làm tiền thì tùy theo chất lượng, giá từ mười tới năm mươi dollar. Mỗi đêm, những mụ tú bà thu tới hơn 2500 dollar. Ở Chicago, trong những năm hai mươi, thu nhập của những chủ nhà chứa lên tới 60 triệu một năm với hơn 15 triệu dollar tiền lãi. Đó là tiền lời của hơn một nghìn thanh lâu lớn nhỏ, trong đó hơn năm nghìn phụ nữ “làm việc” ngày đêm. Ngoài ra, ở Chicago còn có hàng nghìn gái làm tiền nghiệp dư và callgirls - gái làm tiền được đặt hàng tới tận nhà bằng điện thoại, cũng thu nhập tới mười triệu dollar hàng năm.

Lucky Luciano, những mụ tú bà và những kẻ giúp việc cho chúng đã phạm một tội ác không thể tha thứ, chống nhân phẩm con người. Bởi vì nhiều cô gái đã không chịu làm việc một cách tự nguyện. Chủ các thanh lâu không khi nào có đủ người làm việc, do vậy, chúng phải tuyển dụng nhân công với mọi giá. Chủ nô nổi tiếng nhất lúc bấy giờ là Mary Hastings. Mụ đi khắp Hoa Kỳ và lừa gạt các thôn nữ xinh xắn từ mười ba đến mười bảy tuổi Mụ kể về cuộc sống hấp dẫn ở các thành phố lớn, hứa với họ chỗ làm tốt và một tương lai huy hoàng, nhưng mụ lại dẫn họ đến tòa nhà ba tầng của thanh lâu trên quảng trường Custom House Place.

Những cô gái đáng thương này bị lột trần truồng và nhốt trong một chỗ trên tầng ba. Sau đó tới lượt những tên “dạy nghề”. Chúng cưỡng hiếp các cô gái và truyền cho các các “thủ thuật” hành nghề. Dọa nạt, đánh đập, bỏ đói và sau đó ma túy, đó là phương tiện “giáo dục”. Một số cô gái thành

nghe được Mary Hastings giữ lại thanh lâu của mình, còn đa số mụ bán lại cho đồng nghiệp với giá từ năm mươi tới ba trăm dollar tùy theo nhan sắc và tuổi tác. Một trong những cô gái bị bóc lột đã ném được xuống đường mẫu giấy với tiếng kêu thất vọng: Họ giữ tôi ở đây như một nô lệ trắng! Một người đi đường đã mang mảnh giấy đến trình cảnh sát, và trong biên bản tòa án xử Mary Hastings, lần đầu tiên xuất hiện tên gọi “nô lệ trắng”. Và người phụ nữ nô lệ này, tưởng như đã mất hết tinh thần và ý chí, đã đưa được “ngài chủ nô Lucky Luciano” ra trước vành móng ngựa và cuối cùng phải vào tù.

Tạm thời y đang đứng trên đỉnh cao danh vọng. Tuy vậy, hàng triệu dollar thu nhập bất chính đã không làm y thỏa mãn, y khao khát một địa vị xã hội và quyền lực tương ứng. Dưới cái tên Charles Ross, y chuyển tới khách sạn sang trọng “Waldorf Astoria”, ăn, hút và làm tình vô độ, y bảy lần bị lậu và một lần bị giang mai. Cuối cùng, nghe đâu ghê tởm đồng tiền dơ dáy từ các nhà thổ, y muốn bán chúng đi. Rõ ràng đây là một quảng cáo hòng chiếm cảm tình dư luận.

Sau đó y đến ở trong tòa nhà đẹp nhất New York “Ritz Towers”. Y ăn mặc như chủ nhà băng, giao du với những nhân vật nổi tiếng và thích thú khi báo chí viết về mình. Giống như Al Capone, Luciano cũng rất háo danh và điều đó đã làm hại y.

Tạm thời triều đình của y đang hưng thịnh, Lucky Luciano, chủ tịch hiệp hội, là người tổ chức giỏi, một thương gia cừ khôi. Phó chủ tịch và Vito Costello là thứ trưởng thương mại, phụ trách xổ số và các trò chơi bất hợp pháp. Y quản lý các máy chơi tự động, các cuộc đua ngựa và đua chó, y độc quyền tổ chức và điều hành các văn phòng xổ số ở Florida. Dandy Phil là tỉnh trưởng chỉ huy thế giới ngầm ở Louisiana, Joe Adonis chịu trách nhiệm kho tàng và xưởng tàu ở cảng New York. Ngoài ra, y còn là “ủy viên chính phủ” phụ trách các quan hệ xã hội và chính trị, và y cũng là sếp của hãng giết thuê Murder Inc. Albert Anastasia chỉ huy vùng bờ biển

Brooklyn, ngoài ra y còn là chỉ huy trực tiếp đội hành quyết của Murder Inc, Meyer Lansky, một chính khách đa mưu túc kế và là cố vấn thân cận nhất của Luciano. Tên đồ tể Bugsy Siegel phụ trách các sòng bạc, đặc biệt ở bờ biển phía tây và ở La Habana. “Bộ trưởng” Louis Lepke Bachalter chịu trách nhiệm nhiều ngành công nghiệp khác nhau: Thực phẩm, đồ da, dệt và may mặc, điện ảnh và giao thông. Ngoài ra, y còn nắm cả công đoàn và là trưởng ban thu nhận “lệ phí an toàn”. Dutch Schultz là con cừu đen của hiệp hội tội ác. Y không nắm hoàn toàn trong hội và có những kinh doanh riêng của mình, tuy nhiên y cũng là “thứ trưởng” phụ trách công nghiệp thịt các nhà hàng và hộp đêm ở vùng New York và New Jersey.

Lucky Luciano trở thành “bố già” quyền lực vô biên và một thời gian dài mọi việc đều trôi chảy. Y có hàng triệu dollar, có quen biết đáng kể, có địa vị xã hội, thậm chí chính trị nữa. Nhưng cũng có kẻ thù mà y không hề hay biết. Người đó tên là Thomas E. Dewey. Ông ta là đặc phái viên chính phủ tại khu vực nam New York và đang chuẩn bị một cuộc thập tự chinh chống tổ chức tội ác. Ông ta biết về hiệp hội tội ác, hầu như tất cả, khá đủ, để bắt đầu một đòn hiệu quả.

CUỘC THẬP TỰ CHINH CHỐNG TỘI ÁC

Bước vào Nhà Trắng, Tổng thống Roosevelt đã làm cho những tên gangster thất vọng. Ký lệnh bãi bỏ việc cấm rượu, ông ta đã làm mất đi một nguồn thu nhập đáng kể của các băng gangster, hơn nữa ông ta còn tỏ rõ quyết tâm, bằng mọi phương tiện, tiêu diệt tổ chức tội ác.

Thoma E. Dewey, đặc phái viên chính phủ ở vùng nam New York. Ông ta là một luật sư trẻ, đầy tham vọng. Thành tích đầu tiên của ông ta bắt tên tội phạm Waxey Gordon, bị các nhà báo coi là một bước mạo hiểm, vì hiệp hội tội ác không thể bỏ qua cho ông chuyện này. Không mấy may lo sợ, Dewey tuyên bố công khai là sẽ tiêu trừ từng sếp Mafia một. Lần này đến lượt Dutch Schultz, chiến hữu của Luciano.

Schultz là một tên tội phạm tay nghề cao. Tuy học nghề cờ bạc, y là thành viên của một băng cướp. Khi còn ở tuổi thiếu niên. Y tham gia các vụ trộm lộn, trộm cắp và cả giết người. Thích ăn mảnh, y không muốn hoàn toàn tuân theo những nguyên tắc mới do Luciano đề ra. Dutch Schultz sinh ra ở Bronx. Từ nhỏ y đã là một đứa trẻ lập dị. Khi mà hiệp hội tội ác đã biến đổi thành một tổ hợp thương mại bất hợp pháp thì y vẫn tiếp tục làm ăn bằng cách tống tiền. Y đi đến nhà hàng cho gọi chủ quán và thông báo một cách bình thản nhưng cương quyết, thời hạn và số lượng tiền mà chủ quán phải nộp, nếu ông ta không muốn những tên du côn lạ mặt đổ các hóa chất hôi thối vào thức ăn, nếu ông ta không muốn quán ăn của mình bay lên trời, hoặc thậm chí, nếu ông ta không muốn rời bỏ thiên đường trần gian này một cách tự nguyện. Cuối cùng tất cả các chủ quán ở New York, New Jersey và các bang lân cận phải trả “lệ phí an toàn” cho y.

Y tên thực là Arthur Flegenheimer và là một trong những tên gangster Do Thái thông minh nhất. Lần đầu tiên y phải vào tù khi mới 17 tuổi, sau đó y đã tỏ ra thận trọng. Y không kết bạn với bất kỳ một ai và chuyên đi làm ăn một mình, có thể vì vậy mà thu nhập của y lên tới hàng triệu mỗi

năm. Cánh tay phải của y là Joe Ras. Đây cũng là một gangster có hạng. Y có những quen biết trong chính phủ và là thành viên của câu lạc bộ “Tammany Hall” của đảng Dân chủ, nổi tiếng bởi những vụ biển lận.

Trò chơi “policy” cũng tương tự như những trò chơi xổ số khác. Ba trong 100 số được rút ra từ hộp kín, ai đặt tiền và đoán đúng tất cả ba số được ăn 60% số tiền đặt. Từ những người dân da đen ở các đảo vùng Caribe, trò chơi này đã lan truyền ra khắp nước Mỹ vào đầu thế kỷ này. Ở Mỹ, các trò chơi cờ bạc bị cấm và mặc dù “policy” cũng thuộc vào loại những trò chơi này dưới mọi hình thức, nó vẫn được lưu hành cho tới ngày nay. Đây là trò chơi cho tất cả mọi người giàu cũng như nghèo, số tiền đặt thấp nhất là năm xen. Nó được thịnh hành nhất trong tầng lớp nghèo nhất ở các khu da đen New York. Chỉ với năm xen, một người thất nghiệp mua một hy vọng trong vài tiếng đồng hồ, rằng tối nay mình sẽ trở thành người giàu có, “Policy” là một áp phe khổng lồ. Dutch Schultz trở thành chủ nhân của “mỏ vàng” này với tổng số doanh thu hàng năm lên tới 300 triệu dollar.

Y đi đến ngôi bá chủ không phải bằng con đường hợp pháp. Trước hết, y phải gạt bỏ chủ nhân trước là người da đen Casper Hollstein. Người này đưa trò chơi vào Hoa Kỳ và nắm vững chắc trong tay một mạng lưới gồm hàng nghìn người thu tiền, kiểm soát viên, liên lạc và kế toán. Schultz cho bắt cóc Hollstein. Y đòi 50 ngàn dollar tiền chuộc. Bỗng nhiên y có 50 ngàn, hơn thế nữa y còn khủng bố được tinh thần Hollstein. Vì quá khiếp sợ, người này đã phải chuyển xuống phía nam và sống ở đó cho đến hết đời trong im lặng. Hollstein chết năm 1941.

Schultz chiến thắng, y tiếp nhận cả một hệ thống sòng bạc với nhân viên của nó và tự xưng là chủ tịch của hội. Y chỉ định các giám đốc địa phương, thăm tra lại các trưởng phòng trong toàn nước Mỹ, thiết lập những văn phòng mới và ngân hàng riêng để xử lý hàng triệu dollar doanh thu mỗi ngày.

Đây là tổ chức bất hợp pháp khổng lồ với hàng ngàn nhân viên. Những người này cũng được bảo hiểm, nếu chẳng may họ lọt vào tay cảnh sát và phải ngồi tù một thời gian thì họ vẫn được lĩnh nguyên lương cho tới khi đi “làm” lại. Schultz lo việc hối lộ dự thẩm, cảnh sát. Y lấy quỹ của hội để nộp tiền bảo lãnh và thưởng cho các luật sư bào chữa. Tồn tại một hệ thống phức tạp để trao đổi kết quả xổ số nếu chẳng may có ai đó thắng được một số tiền lớn. Nhiều người biết điều đó nhưng họ vẫn tiếp tục chơi. Mất mát thì tối thiểu không có gì mạo hiểm mà hy vọng lại lớn. Cảnh sát bất lực. Hầu hết các chỉ huy cảnh sát lĩnh tiền hối lộ hằng tháng, nhân viên bình thường cũng nhận “lương” tháng hay “tiền thưởng”.

Nhưng chiến dịch chống tổ chức tội ác đã bắt đầu. Ở Chicago, các nhân viên FBI đã quyết định tiêu diệt vua thế giới ngầm Al Capone. Y phải ra tòa vì tội trốn thuế và đến “ở” trong nhà đá trên đảo Alcatraz. Số phận tương tự đang chờ Schultz ở New York. Y đánh hơi thấy nguy hiểm và quyết định dọn bãi vì “trong 36 chước”, chước chuẩn là hơn. Như những triệu phú khác, y du lịch vòng quanh thế giới. Y xuất hiện trên các bãi biển có tiếng. Một thời gian, y sống ở Acapulco, sau đó y lại đi tiếp. Y tạm thời bàn giao việc điều hành công ty cho chiến hữu là Bo Weinberg. Còn các đồng nghiệp gangster thì rình thời cơ thuận lợi để chiếm đoạt gia tài đồ sộ của y.

Nhiệm vụ của Weinberg quả là không dễ dàng chút nào. Đối thủ quá mạnh: Luciano và hiệp hội tội ác của y. Đầu tiên chúng chiếm đoạt một phần các nhân viên chuyên đi thu tiền đặt. Sau khi bị mất luôn nguồn thu nhập từ các chủ quán ăn. Weinberg nhận được tối hậu thư. Chống lại ưu thế của đối phương, Weinberg không có một mảy may hy vọng. Thế là y đầu hàng và nộp cho hiệp hội tội ác tất cả mạng lưới xổ số “policy” bất hợp pháp. Đây là một thất bại lớn và Weinberg đã phải trả giá đắt cho nó.

Cảnh sát tăng cường việc lùng bắt Schultz. Trên tường nhà các thành phố ở Mỹ xuất hiện 50 ngàn lệnh truy nã. Tên gangster chạy trốn, nhưng y không đầu hàng, y có khá nhiều chỗ quen biết có thể lực bị y hối lộ, và tin

rằng họ sẽ lôi y ra khỏi nguy hiểm. Thế là xuất hiện một người lạ mặt ở sở cảnh sát. Từ chối khai tên và chỗ ở, nhưng y mang đến một tin nhắn: Dutch sẵn sàng trả 100 ngàn dollar (thời đó, đây là khoản tiền lớn hơn một triệu bây giờ), nếu cảnh sát ngừng quấy rầy y. Số tiền này sẽ được trao một lần cho nhân viên thu thuế. Đề nghị được chuyển tới tận bàn làm việc của bộ trưởng tài chính Morgenthau. Tất nhiên là bộ trưởng không có ý kiến gì cả. Dutch Schultz hiểu y không có hy vọng trốn thoát. Bởi vậy, y phải thay đổi chiến thuật.

Ở New York có nhiều nhân viên cảnh sát cao cấp mà bằng hăm dọa, y có thể bắt họ phải giúp y. Thế là y xuất hiện ở sở cảnh sát và làm như không biết chuyện gì cả. Người ta bắt y, đọc cho y nghe lời buộc tội. Luật sư bào chữa nộp tiền bảo lãnh và người khác lo chạy sao cho y không bị xử ở New York mà là ở Syracuse. Ở đó dù sao Schultz cũng còn có cơ hội lớn hơn là sẽ thoát khỏi vụ này với một hình phạt có thể chấp nhận được. Thế là cả hiệp hội tội ác chuyển động. Gangster hối lộ, hăm dọa các dự thẩm viên, dọa nạt hoặc hứa hẹn với các nhân chứng, chúng còn “lưu ý” để các tài liệu buộc tội “không cánh mà bay”. Trong khi đó, Schultz ra sức tranh thủ cảm tình dư luận. Y biểu một số lớn tiền cho các hội từ thiện. Y tuần được vào báo chí các bài báo ca ngợi y như là một công dân Mỹ thành đạt từ hai bàn tay trắng, y đã làm nên sự nghiệp, y mang lại công ăn việc làm cho hàng trăm người và xổ số bất hợp pháp, xét cho cùng, là một ngành kinh doanh từ thiện, vô tội, y có cướp của ai đâu, ai trúng số thì nhận được tiền ngay ngày hôm ấy cơ mà.

Schultz tổ chức meeting, bày tiệc chiêu đãi các chính trị gia thế lực và các ký giả. Y trả tiền trước để cho bất cứ ai cũng có thể uống chúc sức khỏe của y trong bất cứ quán bia nào trong thành phố. Y bị ra trước tòa và hội đồng dự thẩm đã giải thoát cho y. Nhưng ủy viên công tố Dewey không nhụt chí trong việc cố gắng đưa tên gangster nguy hiểm vào sau song sắt nhà tù. Vụ án mới được tiến hành ở thành phố nhỏ, mãi tận biên giới Canada. Ở đây, y cũng được tòa tha bổng. Nhưng Lucky Luciano không

phải là kẻ thương người và Schultz đã phải trả giá đắt cho những cuộc đàm phán hậu trường nhằm giải thoát cho y. Quả là hiệp hội có cấp cho Schultz một lợi tức đến hết đời nhưng y phải trao tất cả các cơ sở làm ăn của mình cho tổ chức tội ác.

Bị ép đến tận chân tường như vậy nhưng Schultz vẫn không chịu đầu hàng. Y đã phạm sai lầm khó hiểu đầu tiên là phản bội tín ngưỡng Do Thái và xin nhập đạo Thiên chúa. Gangster Do Thái coi đây là một sự phản bội và đã kết án hẳn. Y lại phạm sai lầm thứ hai khi y buộc tội biến thủ cho phó sếp của mình là Abraham Bo Weinberg. Y tuyên bố công khai rằng Weinberg đã lợi dụng tình hình “đục nước béo cò”, phản lại sếp và chiếm đoạt gia tài của y, rằng Weinberg đã bật đèn xanh cho đối phương thôn tính vương quốc của y. Y nêu tên tội phạm: Lucky Luciano, Meyer Lansky, Bugsy Siegel. Hơn thế nữa, y còn tuyên bố rằng y sẽ khai tất cả những gì y biết, nếu y bị công tố ủy viên Dewey đưa vào sau song sắt nhà đá. Đó là sai lầm cuối cùng: Ai vi phạm luật im lặng, người đó phải chết. Dutch Schultz đã tự ký vào bản án tử hình y.

Phái viên chính phủ Dewey, sau một thời gian làm việc khác, nay trở lại cơ quan và hợp tác với thống đốc New York Fiorello La Guardia. Ông này, trong đợt vận động tranh cử, đã hứa với cử tri là sẽ trừng phạt mọi tội ác và sẽ tống cổ những tên gangster nguy hiểm vào nhà đá. Ông ta quyết tâm thực hiện lời hứa của mình. Ông cũng mở đầu chiến dịch chống nạn tham nhũng. Giám đốc cảnh sát Lewis J. Valentine đã nhận lệnh bắt đầu cuộc tiến công.

Trong khi đó Schultz thuê người giết Bo Weinberg và xác chết sau khi chân bị đổ bê tông, được vớt xuống đáy sông Hudson. Đồng thời cảnh sát cũng thu được những bằng chứng về vụ sát hại một trong các vệ sĩ của Schultz. Nếu như tòa kết tội y về vụ này thì ít nhất y cũng bị mấy năm tù giam, cảm thấy nguy hiểm đang tới gần, và mặc dù quan hệ của y với lãnh đạo hiệp hội tội ác không hữu hảo cho lắm, y cũng đề nghị triệu tập hội đồng lãnh đạo.

– Dewey quả là khó chịu, thừa các ngài, y tuyên bố - Bây giờ là tôi, nhưng rồi sẽ đến lượt các ngài. Nếu chúng ta khoanh tay, hẳn sẽ tóm hết chúng ta, người này sau người kia. Chúng ta phải khử ngay hẳn. Không có sự lựa chọn khác.

Người ủng hộ, kẻ phản đối, một số biết điều thì lưu ý cả bọn sự phản ứng của cảnh sát. Nếu xảy ra vụ ám sát, chúng khó lòng tránh khỏi đòn trả thù, cuối cùng, chúng nhất trí với chiến thuật “án binh bất động”. Rõ ràng là không ai muốn mạo hiểm vì Schultz.

Mặc dù vậy, để chắc chắn, Murder Inc tiến hành chuẩn bị ám sát ủy viên công tố Dewey. Anastasia dự thảo phương án, những tên giết thuê khác theo dõi ngài phái viên chính phủ. Chúng đã điều tra được các cảnh sát viên, trong những bộ đồ dân sự, bảo vệ Dewey rất kỹ. Hầu như ông ta không ra khỏi nhà, tuy nhiên ông đi ăn trưa rất đều đặn tại một cửa hiệu nhỏ. Ở đây ông ăn một chút gì đó, uống nước, rồi ra nhà vệ sinh. Đây là cơ hội cho những tên giết người. Anastasia đã đề nghị phương án sau: Các tay súng sẽ giấu mình trong các cabin của nhà vệ sinh. Lúc các bảo vệ của Dewey đang ngồi trong quán, chúng sẽ bắn ủy viên công tố bằng súng lục giảm thanh và sẽ có đủ thời gian để tẩu thoát.

Nhưng Thomas E. Dewey không bị ám sát, vì gangster quyết định một giải pháp khác. Dutch Schultz không biết điều bất lợi này. Đối với “hội nghị tối cao” Mafia và giới lãnh đạo của nó, y đã cư xử một cách vô lễ và rất không thận trọng. Một lần nữa y đứng lên, phát biểu trước hội đồng tối cao Mafia, một lần nữa y nhấn mạnh nguy hiểm từ phía công tố ủy viên Dewey, và khi không thuyết phục được đồng bọn, y giận dữ, hai tay đút túi, nhổ vào mặt chúng:

– Đồ hèn nhát. Các anh không muốn bị ướt tay. Được các anh muốn nghĩ thế nào thì nghĩ, tôi sẽ một mình thanh toán chuyện này với hẳn. Tôi sẽ chịu trách nhiệm về ngài Dewey.

Y không cảm thấy rằng đồng bọn đứng đưng trước những lời khiển trách của y. Y không thể biết rằng sẽ chẳng bao giờ y có cơ hội để nổ súng.

– Tất cả đều đồng ý với quyết định đó?

– Về việc vô hiệu hóa Schultz thì nhất trí 100% - sau này, một thành viên của hội đồng Mafia, Doc Stacher, nói lại.

– Các anh đã kết án tử hình y?

– Tôi không nói như thế. Nghe không hay lắm. Tất cả đều hiểu rằng không thể để Dewey bắt Schultz. Schultz không được phép nói, vì vậy phải có người khóa mồm nó một cách kịp thời.

– Như vậy đó chẳng phải là bản án tử hình sao?

– Quan điểm của chúng tôi là một con voi điên sẽ nguy hiểm cho cả đàn.

– Ai phải thi hành bản án?

– Ban đầu là Anastasia.

– Sau đó các anh thay đổi quyết định?

– Ừ. Chúng tôi bàn với nhau: Việc gì phải bắn tay, hãy để cho bạn bè Do Thái của nó giải quyết việc này. Quả là nó mới nhập đạo Thiên chúa đấy, nhưng có lẽ đầu óc nó lúc đấy mù mẫm cả rồi.

– Thế thì ai?

– Có người đề nghị Bugsy Siegel. Cũng là tay súng tin tưởng. Nhưng ở đây có một vấn đề khó xử.

– Vấn đề gì?

– Vệ sĩ của Schultz tất nhiên cũng là người Do Thái và một đứa trong bọn, Otto Abbadabba Berman thậm chí còn là bạn của Bugsy Siegel.

– Bugsy Siegel từ chối?

– Không, nhưng tất cả hiểu rằng, y không muốn và thế là cuối cùng sắp chọn Charlia Workman tức “con rệp”.

– Tại sao lại chính là hắn?

– Nó cũng cẩn thận và máu lạnh như Anastasia và là người của chúng tôi. Vì thế chúng tôi báo cho nó biết quyết định này.

– Hắn không phản đối?

– Tại sao? Xin lỗi các ngài. Đó là một vinh dự cho nó. Chúng tôi cho xe đi trước, sau hai tiếng nó đến và nhận lời.

– Anh cũng có mặt lúc đó, Stacher?

– Không. Tôi được nghe kể lại. Chả là sau này người ta bàn tán nhiều về chuyện này.

– Anh còn nhớ đến thể cơ à? Dù sao thì cũng đã bao nhiêu năm rồi.

– Các ngài coi tôi là người thế nào? Tất nhiên là tôi nhớ. Các ngài có biết, tôi kể lại chuyện này cho báo chí bao nhiêu lần rồi không? Thế thì các ngài hãy nghe đây, hay viết cũng được. Hôm đó là ngày 23 tháng 10 năm 1935. Cũng như mọi lần, chúng sử dụng xe hòm đen, giống như xe cảnh sát. Chúng đến Newark lúc mặt trời đã lặn.

– Dưới Hudson? Đường ngầm Holland?

– Ngài thông thuộc đường ấy?

- Tôi có đến đó. Ai ở trong xe?
- Charlie Workman, Mendy Weiss và một tay nữa không ai biết hẳn cả. Cả đời tôi chưa bao giờ nghe tên hẳn.
- Người ta gọi hẳn là Piggy.
- Làm thế nào ngài biết được?
- Tôi quan tâm tới vụ này.
- Nhưng tại sao ngài lại hỏi tôi?
- Tôi muốn biết nhiều hơn những cái đã biết. Nếu được thì anh hãy nói tất cả.

Một thoáng do dự. Người kể nhấm nháp bia như uống trà, nhìn người nghe với cặp mắt nghi ngờ, nhưng rồi y tự nói với mình: Đẳng nào thì y cũng là ông già gần đất xa trời và nhớ lại thời xa xưa “oanh liệt” là cái duy nhất còn lại với y.

- Chúng nhận được mật báo: Dutch đang ở Newark trong khách sạn Palace Chop House và thường đi ăn ở quán ăn bên dưới. Lập tức chúng phóng ngay đến đấy, dừng lại trước cửa ra vào. Tất cả nhảy ra khỏi xe và xông thẳng vào bên trong.

- Và ngồi sau bàn là ba người đàn ông, họ đang chơi bài hay đang đếm tiền.

- Tôi không kể cho ngài điều gì nữa. Ngài đã đọc vụ này ở đâu rồi.

- Tất nhiên. Tôi đọc tất cả để tôi biết sao cho thật nhiều. Tất cả các vệ sĩ của Schultz đều bị bắn chết. Họ là những ai thế?

– Những người này tên là gì à? Abbadabba Berman, người này tôi đã nói với ông rồi, An Landen và Bernard Lulu Rosenkvanz. Tất cả đều chết ngay tại chỗ.

– Thế còn Schultz?

– Lúc ấy y ở trong nhà vệ sinh. Workman chạy ra đằng ấy tìm và chỉ bằng một phát, kết liễu đời Schultz.

– Như vậy là hoàn toàn giống như kế hoạch ám sát Dewey.

– Ừ, nhưng đó chỉ là ngẫu nhiên.

– Thế có đúng Schultz chết ngay tại chỗ không? Hình như không thì phải.

– Người ta chở hăn vào bệnh viện. Hăn nằm mê man ở đó một ngày một đêm, xung quanh toàn là “cóm”. Người ta cho gọi đến một cha cố, chả là hăn theo đạo mà. Nghe đâu cha cố còn kịp đến lúc hăn còn sống, ban phước tống tiễn hăn lên đường xuống địa ngục.

– Cảnh sát ngồi cạnh hăn trong bệnh viện là các nhân viên FBI.

– Hăn bị hỏi tới tấp. Người ta muốn hăn khai, ai đã bắn hăn.

– Hăn nói cho họ biết.

– Tất nhiên là không. Hăn biết đời hăn thế là hết, có được gì nữa mà phải bôi nhọ thanh danh.

– Không khi nào họ điều tra ra? Họ không biết tên của những kẻ sát nhân?

– Sát nhân? - Tên gangster nổi giặc. - Các ngài dùng từ mới hay nhỉ. Thế còn người đóng cầu dao điện ở Sing Sing để truyền điện vào ghế điện,

sao các ngài không gọi là kẻ sát nhân. Tên thì không thành vấn đề, nhưng tệ hơn là cảnh sát tìm ra được sổ sách chi tiêu của Dutch, phải công nhận với các ngài rằng hắn là thằng ngu hết chỗ nói. Hắn ghi chép tất cả! Từng cắc một! Ai đã đưa tiền cho hắn. Và ai đã nhận tiền của hắn.

– Đầy đủ tên họ chứ?

– Nó cũng chưa ngu đến mức ấy. Nhưng những ký hiệu của hắn cũng giống như là khi trẻ con chơi trò tình báo. Người ta giải ra hết.

– Họ làm gì với những thứ ấy, đảng nào thì Schultz cũng chết rồi?

– Thì đấy là tài liệu chống lại tất cả chúng tôi mà lại, chống lại Lucky Luciano và các sếp khác. Với Luciano, cho tới lúc ấy họ mới nghi ngờ thôi, mà nghi ngờ thì...

– Dewey, nhận được những sổ sách này?

– Ừ, chính cái đó là điều tởm nhất, Dewey lau mép khi Schultz đã không thể khai bậy, và ai cũng mừng thoát nạn. Không ngờ bỗng dưng đổ bể hết. Cuối cùng thì đảng nào lão ủy viên công tố cũng thắng một không. Hậu quả thật là tai hại. Tất cả chúng tôi đều bị dính vào vụ này. Nếu không thì hầu như tất cả. Thế là hết.

Ủy viên công tố Thomas E. Dewey không bắt được Schultz, thế là ông chuyển sang điều tra các vụ khác. Lucky Luciano đứng đầu trong danh sách của ông. Sau này ông còn đưa ra trước tòa Lepke Buchalter, ông cũng bắt được Relas đáng sợ vào sau lưới sắt nhà đá. Dewey trở thành sự chú ý số một của dư luận và được mọi người hoan hô, vì ông là một trong những người đầu tiên, nếu không muốn nói là người đầu tiên xông vào trận chiến chống tổ chức tội ác. Ba lần ông được bầu làm thống đốc New York, thậm chí có lần ông còn ra tranh cử tổng thống Hoa Kỳ.

Trong tất cả các thành phố ở Mỹ, các quán ăn Tàu thuộc loại đông khách nhất. Tại phố “Chinatown” [24] ở New York cũng chen chúc các quán ăn Tàu. Món ăn quen thuộc của dân Ý là spaghetti và maccheroni [25]. Khi không đến quán ăn Ý, họ thường ngồi trong các quán Tàu.

Là tay sành ăn. Lucky Luciano hay cùng đồng bọn bàn chuyện làm ăn trong hương vị các món ăn Tàu. Chúng ăn, uống và nghe quyết định kỳ lạ của sếp. Dự cuộc họp ở “Chinatown” có các phụ tá của Luciano trong ngành mãi dâm: “Little Davie” Bertillo, James Federico và một trong những mụ tú bà có công nhất Cokey Flo Brown.

– Tôi không ưa những thứ kinh doanh bẩn thỉu này! Lucky Luciano nói. Ý nói nhẹ nhàng như một người lịch thiệp, có giáo dục. Tôi muốn chấm dứt việc này. Nhưng ngay một lúc thì không được. Ta cứ để nó hoạt động thêm hai, ba tháng nữa. Chờ xem tình hình xoay chuyển thế nào. Tôi có cảm giác rằng các anh đã để món kinh doanh này tuột khỏi tay. Không có lời nữa. Tạm thời ta hãy thử như thế này: Bắt đầu từ giờ phút này, tất cả chủ hộp đêm sẽ nhận lương nhất định hàng tuần. 50% tổng số tiền lời sẽ không còn. Còn một việc khác nữa. Chúng ta sẽ sáp nhập các hộp đêm ở New York vào hiệp hội. Sắp tới ta sẽ điều hành các hộp đêm này giống như mạng lưới cửa hàng tự động.

Sự thay đổi “cách mạng” động chạm trước hết đến Cokey Flo Brown. Mụ tú bà từng trải này vẫn thản nhiên, thậm chí không thèm động đậy mắt, Làm như không nghe thấy gì quan trọng cả. Mụ gật đầu ra hiệu cho người hầu bàn:

– “Bien-chen” [26], suất đặc biệt.

Lucky Luciano đã phạm sai lầm một cách thiếu sáng suốt và y đã phải trả giá đắt cho sự sai lầm này. Bị mất một khoản thu nhập lớn, chủ các hộp đêm tất nhiên phải phản ứng chống lại sếp. Mặc dù không phải ngay lập tức và công khai, nhưng sự chống đối sẽ đến trong cơ hội đầu tiên, cơ hội ấy

cũng không còn lâu nữa. Ủy viên công tố Dewey và giám đốc FBI Hoover tiếp tục, bằng mọi phương tiện, truy tìm bằng chứng về các hoạt động tội lỗi của Lucky Luciano.

Luciano ẩn mình trong biệt thự lộng lẫy của mình ở Ritz Towers, tắm nắng trong vườn, ngâm mình trong bể tắm riêng và không xuất hiện công khai. Y biết rằng người ta đang truy lùng y và y cũng biết rằng địch thủ của y là những người như thế nào. Thậm chí thị trưởng New York đã cho bắt y, nhưng giám đốc cảnh sát Valetine phải thả y, vì cảnh sát chưa có đủ chứng cứ để có thể đưa y ra tòa.

Joe Adonis, Tomny Luchese và Vito Genovese thay y điều khiển hoạt động của cả một thế giới thương mại: Bởi vì kinh doanh của Luciano phần lớn mang tính chất thương mại. Tiền bất hợp pháp có được y đầu tư vào những công trình công nghiệp nghiêm túc, y có sổ sách chứng từ đàng hoàng và nộp thuế đúng hạn.

Nhưng FBI có sổ chứng từ và các bằng chứng khác về Dutch Schultz. Cả một êkíp (equipe) chuyên gia của trung tâm FBI ở Washington nghiên cứu từng dòng một. Mặc dù vậy, bước ngoặt trong điều tra không đến từ Hoover ở Washington, mà đến từ New York. Có ai ngờ, số phận của Luciano, ông chủ của hàng nghìn “nô lệ trắng”, lại bị bàn tay đàn bà quyết định. Người đó tên là Eunice Carter và là đại diện chính phủ ở vùng Broadway thuộc New York.

Công tố ủy viên Eunice Carter là chuyên gia về vấn đề mãi dâm. Bà đã thăm vấn hàng trăm cô gái làm tiền, quan tâm đến các vấn đề của họ không những chỉ từ khía cạnh hình sự, mà còn cố gắng truy tìm những nguyên nhân và các mối liên quan xã hội nữa. Khi xem xét các biên bản và so sánh nội dung của chúng, bà đã phát hiện ra lời khai của một số cô gái mãi dâm giống nhau như đúc. Tất cả những người khai giống nhau này đều là thân chủ của cùng một văn phòng luật sư. Lý do tại sao và như thế nào họ sa vào hố tội lỗi được một luật sư, hoặc do kém thông minh hoặc lười biếng, bịa ra

và những cô gái mãi dâm này nhắc lại trước tòa câu chuyện được học thuộc lòng. Nhưng bà Carter còn tìm ra được một mẫu số chung. Văn phòng luật sư này làm việc cho hiệp hội tội ác, các luật sư được hiệp hội trả lương.

Nhân viên FBI lần theo dấu vết và phát hiện ra hai tên ma cô Ralph Liguori và Benny Spiller. Những tên này đều giữ vai trò quan trọng trong tổ chức. Liguori canh giữ các cô gái, còn Spiller thì lo việc thu và chuyển tiền. Sau vài ngày theo dõi, cảnh sát đã phát hiện ra hai tên này chỉ là loại cá nhỏ. Sếp của chúng, Bertillo, đứng ở trong hậu trường. Y ngồi trong văn phòng giống như một hãng thương mại, nhưng thực ra y điều khiển cả một mạng lưới 200 hộp đêm ở Manhattan và chỉ huy một đội quân 2000 gái làm tiền. Thu nhập hàng tháng của Little Davie Berillo là một triệu dollar. Những cô gái làm tiền cần cù đã mang lại cho hắn món thu nhập khổng lồ này, nhưng cũng chính họ sau này đã lật đổ hắn. Thậm chí không phải chỉ lật đổ có hắn, mà cả Lucky Luciano quyền lực vô biên. Thu nhập của y trong kinh doanh mãi dâm tất nhiên phải hơn hẳn thu nhập của Bertillo.

Cảnh sát biết tên các sếp, chỗ ở của chúng, các nhân viên đặc biệt lập được danh sách các hộp đêm. Một êkíp lớn chuẩn bị vây ráp lớn chưa từng có ở New York. Hàng trăm gái mãi dâm bị bắt vào nhà giam. Liguori, Spiller và Bertillo cũng phải vào nhà đá. Để các xạ thủ của hiệp hội tội ác không có cơ hội can thiệp, người ta giam chúng ở các nơi khác nhau. Chúng bị nhốt trong các xà lim một người, không ai biết ở đâu cả.

Những cô gái bị bóc lột đã khai. Họ nói về những điều kiện sống vô nhân đạo, họ bị bắt “làm việc” 12 tới 16 tiếng hàng ngày. Từ số tiền kiếm được họ phải nộp hơn ba phần tư. Những mục chỉ huy đối xử với họ như ở trại cải tạo. Nếu ai đó dám chống lại thì những tên giết người của hiệp hội sẽ “quan tâm” để người đó không sống đến sáng hôm sau. Đánh đập, tra tấn và làm nhục, đó là các biện pháp vô nhân đạo được sử dụng.

Chủ các hộp đêm cũng khai. Dù sao thì quyết định của Luciano đã làm họ mất đi một khoản thu nhập đáng kể. Ngay cả những tên ma cô, những

ông bầu chuyên lo khâu bổ sung “sức sản xuất” cũng không im lặng. Một số khách chơi cũng khai về quan hệ trong các hộp đêm ở Manhattan. Sự thật quả là khủng khiếp. Cáo trạng đã có thể được thảo ra.

Sau này các ý kiến cho rằng chiến dịch vây ráp và sự nổi dậy của các cô gái làm tiền chưa phải là nguyên nhân trực tiếp làm cho Luciano sa lưới pháp luật. Những bằng chứng quan trọng hơn nhiều Dewey nhận được từ các chủ nhà hàng và cửa hiệu bị tống tiền. Những người này không còn gì để trả “lệ phí an toàn” quá cao và cuộc sống của họ bị đe dọa. Hiệp hội cũng lũng đoạn các tổ chức công đoàn và một số công đoàn viên đã tố giác các quan hệ bất minh.

Trong không khí của chính sách đối nội New Deal (hành động mới) của Tổng thống Roosevelt, công tố ủy viên Dewey đã cố vũ được dư luận chống các tệ nạn tham nhũng, hối lộ, tống tiền và tổ chức tội ác. Ông ta cần không những sự thông cảm và cả giúp đỡ nữa, thiếu nó ông không thể làm gì được với những tên gangster thế lực. Cho nên, ông đã nói trong đài với các công dân Mỹ.

“Tôi tin chắc rằng với sự giúp đỡ của các bạn, chúng tôi sẽ quét sạch tổ chức tội ác ra khỏi New York. Thành phố này không có chỗ dung thân cho gangster. Các bạn hãy trao cho chúng tôi bất kỳ bằng chứng nào, nhỏ hay lớn, mà các bạn biết. Phần còn lại là việc của chúng tôi. Chúng tôi sẽ làm tất cả, với hết khả năng của mình”.

Chủ tịch Liên đoàn lao động Mỹ American Federation of Labour - William Green cũng kêu gọi các lãnh tụ công đoàn đấu tranh cương quyết chống tệ nạn hối lộ và lạm dụng quyền lực: “Tôi sẽ ủng hộ mọi cố gắng nhằm quét sạch mọi ảnh hưởng của những tên tội phạm trong tổ chức mà tôi làm chủ tịch. Tôi sẽ chiến đấu chống lại chúng bất kỳ ở đâu, trong bất kỳ hoàn cảnh nào”.

Có người cho rằng người tuyên bố Luciano là “kẻ thù số một của dân chúng” là giám đốc FBI Hoover, người khác lại khẳng định đó là phái viên chính phủ Thomas E. Dewey. Có điều chắc chắn là, ngày 2 tháng 4 năm 1936 là tiếng trống báo động cho thế giới ngầm New York. Lucky Luciano cảm thấy nguy hiểm. Y chuyển đến khu nghỉ mát Hot Springs ở Arkansas. Ở đó y có nhiều quen biết trong hội đồng thành phố và băng quỹ của hội, y hối lộ cả bộ máy cảnh sát, từ sếp cho tới cảnh sát vi cảnh. Nhưng công tố viên Dewey đã đệ đơn kiện Luciano. Y phải ra trước tòa cùng với các đồng phạm Liguori, Spiller và Bertillo vì tội buôn gái mãi dâm.

Nhân viên FBI đến Hot Springs để bắt Luciano, nhưng họ phải tay không trở về. Luciano biết trước việc này, y để cho quận trưởng cảnh sát quen thuộc bắt y và với số tiền bảo lãnh 5000 dollar y lại được thả ra. Vị quan tòa ăn hối lộ đã từ chối không giao tội nhân cho các nhân viên FBI, điều này phù hợp với pháp luật vì y đang bị xét xử trong vụ khác.

Mặc dù vậy, ủy viên công tố Dewey không chịu đầu hàng và giám đốc FBI Hoover cũng vậy. Ít nhất họ cũng thuyết phục được thống đốc bang Arkansas ra lệnh cho quận trưởng cảnh sát bắt giam tên gangster nguy hiểm. Mặc dù đó là nhà tù với đầy đủ tiện nghi, nhưng dù sao nhà tù vẫn là nhà tù. Lucky Luciano có trong hiệp hội một bộ tham mưu các luật sư, họ đảm nhiệm các can thiệp hợp pháp cũng như bất hợp pháp và có thể lo liệu được hầu như mọi chuyện. Giữ chức vụ trưởng cố vấn luật sư là luật sư có năng lực Moses Palakoff, y đã bào chữa thành công không phải chỉ một lần cho những tên tội phạm Hoa Kỳ. Y và các đồng nghiệp của y cố gắng giải thoát cho sếp của mình. Nhưng chúng đã không đạt được điều đó và đây là dấu hiệu: Có chỗ rạn nứt trong bộ máy tổ chức tội ác. Palakoff đạt được điều duy nhất khi trung tâm FBI ở Washington yêu cầu nộp phạm nhân, cảnh sát địa phương, với vũ khí trong tay, đã chống lại các nhân viên FBI. Thống đốc bang Arkansas đã nhận được lệnh từ Washington huy động vệ binh chống lại cảnh sát địa phương. Một sự can thiệp ngoài sức tưởng tượng, nhưng ở Hoa Kỳ là hoàn toàn có thể.

Trong khi có sự giằng co giữa các cơ quan chính phủ, Luciano được chuyển từ nhà tù ở Hot Springs đến Little Rock. Ở đó, theo quyết định của ủy viên công tố, y phải được giao cho các nhân viên FBI. Nhưng hiệp hội tội ác đã tung ra một cố gắng cuối cùng. Một người đàn ông lạ mặt xin được gặp phái viên chính phủ ở bang Arkansas. Không tự giới thiệu, y đặt lên bàn ủy viên công tố một gói to với 50 nghìn dollar. Điều kiện? Không nộp Luck Luciano cho FBI.

Cuộc tranh chấp về sếp hiệp hội tội ác kéo dài cho đến tận 13.5.1936. Ngày hôm đó, Luciano và 12 đồng bọn bị áp giải từ xà lim đến trước tòa. Sếp không cho vấn đề này là nghiêm trọng, bởi vì y tin chắc rằng quan tòa Phillip J. Mc Cook không thể kết án được y. Y mỉm cười với ký giả, chào hỏi các đồng nghiệp tới dự phiên tòa. Y không may may nghi ngờ vào thắng lợi của mình, êkíp luật sư giỏi nhất New York, đứng đầu là Moses Palakoff, sẽ hạ đo ván ủy viên công tố và thuyết phục được các dự thẩm viên tin rằng y vô tội.

Nhưng ngay sau lời phát biểu đầu tiên của Dewey, y hiểu rằng tình hình sẽ không đơn giản như thế. Ủy viên công tố chuẩn bị vụ án một cách xuất sắc. Ông biết rằng ở Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, một vụ án, nếu được điều khiển khéo léo sẽ có thể đưa quan tòa, luật sư bào chữa, mà trước hết là ủy viên công tố, người đại diện quyền lợi công chúng từ trong “bóng râm” ra ngoài mặt trời và mở cửa cho họ bước lên vũ đài chính trị. Đó cũng là mục đích của Dewey. Là một luật sư xuất sắc, hãnh tiến, ông điều khiển vụ án với tài nghệ một đạo diễn. Ông biết cách làm nổi bật đúng những thời điểm gay cấn nhất và tung ra đòn quyết định khi đối phương bất ngờ nhất.

Sau một buổi hỏi cung, Luciano không còn cảm thấy tự tin như khi y mới bước vào tòa sảnh. Sau đó, ủy viên công tố cho gọi đến 68 nhân chứng và đã hỏi cung từng người một hết sức gay gắt. Luciano kinh hoàng khi nghe những lời khai của nhân chứng. Làm thế nào mà họ tự cho phép mình làm điều đó? Họ lấy ở đâu lòng dũng cảm dẫn đến sự buộc tội như vậy?

Tai hại cho bị cáo nhất là lời khai của tên giết người Joe Bendix. Y bị kết án tù chung thân vì can tội giết người và đang ngồi tù ở Sing Sing, nhưng ủy viên công tố cũng cho gọi y ra toà như là nhân chứng. Bendixie được hứa giảm án, tuyên bố rằng Lucky Luciano đã nhận hẳn là giám sát viên và thủ quỹ của các hộp đêm. Gái mãi dâm cũng ra trước hội đồng dự thẩm. Cokey Flo Brown kể lại trước toà: Lucky Luciano đã đàn áp dã man các cô gái bị bóc lột khi họ phản đối điều kiện sống vô nhân đạo. Nancy Presser kể lại cuộc đời buồn thảm của chính mình, một cô gái mãi dâm cùng cực, tàn tạ vì rượu và thuốc phiện. Ban đầu cô là tình nhân của một sếp Mafia. Sau đó Luciano cho gọi cô đến phòng của y ở Ritz Towers và mỗi lần y trả “công” cho cô 250 dollar. Khi đã chán chê, y “bàn giao” cô cho hộp đêm hạng chót. Trong tiếng lóng của gái mãi dâm, những hộp đêm loại này được gọi là “lò mổ”. Cô mất giá nhanh chóng và cuối cùng để có tiền hút thuốc phiện, cô phải “làm việc” như callgirls gái phục vụ tại nhà. Các dự thẩm viên bàng hoàng khi nghe thuật lại các biện pháp của những chủ nô hiện đại.

Tòa không phải làm việc lâu, các bị cáo phạm tội theo 62 điều của luật pháp. Chánh án Phillip J. Mc Cook kết án Luciano từ 30 đến 50 năm tù giam.

Ban đầu Luciano được giải đến Sing Sing. Ở đây, cũng như mọi tù nhân khác, y được bác sỹ Le. Kienholz khám bệnh. Y được thăm vấn và trong hồ sơ của y có ghi: Hệ số thông minh ở gần cận dưới. Trong đó còn được viết thêm: Lệ thuộc vào thuốc phiện, rất nguy hiểm, cần phải đến một trường học nhà tù để học một nghề nào đó. Sau đó y được chuyển đến nhà tù Clinton ở Dannemora, gần thành phố Malone, bang New York, ở đó Lucky Luciano trở thành tù nhân với số tù 92168 và được phân hạng tội phạm bình thường.

TÙ NHÂN ĐÁNG KÍNH

— Tôi tên là John Harding. Tôi là giám ngục đêm ở nhà tù Clinton.

– Ông có biết gì về việc tù nhân Charles Luciano có những cuộc viếng thăm đặc biệt trong thời gian từ 2-7-1936 đến đầu năm 1942?

– Tôi không rõ y có được phép hay không, nhưng chắc chắn có những người lạ mặt đến thăm y sáu hay bảy lần.

– Tại sao lại lạ mặt?

– Họ giấu tên.

– Nhưng họ phải trình giấy tờ và viết vào sổ thăm hỏi chứ?

– Tôi không thể khẳng định chắc chắn, nhưng tôi nghĩ rằng họ không viết vào sổ thăm.

– Thời gian đó ai là trưởng giám ngục ở Clinton?

– Thomas H. Murphy.

– Ông có cho rằng Murphy ăn hối lộ và tạo điều kiện để sáu, bảy người lạ mặt gặp Luciano?

Tôi không thể khẳng định ông ta ăn hối lộ, nhưng các cuộc viếng thăm đó không hợp pháp. Cách tiến hành thăm hỏi có gì đó không minh bạch, cần phải nói thêm là không phải sáu hay bảy mà lúc nào cũng vẫn ba người đó cả. Họ bay bằng chuyến máy bay chiều từ New York đến Plattsburgh. Từ đó họ đi bằng taxi đến nhà của trưởng giám ngục Murphy.

– Có xa không?

– Khoảng 16 dặm từ sân bay. Murphy đưa họ đến văn phòng nhà tù, ở đó có thư ký Frank Murphy là em của ông ta. Trông bề ngoài thì giống như họ đến đó có công chuyện. Họ không viết vào sổ thăm viếng. Sau đó thư ký Murphy cho gọi trung sỹ Wilfred Bourey, người này dẫn Luciano từ xà lim đến phòng giám ngục, ở đó y có thể tự do nói chuyện với khách mà không bị giám sát. Tám giờ tối bắt đầu ca trực đêm, trong đó có tôi, trung sỹ Bourey thông báo vắng tất: Luciano, dưới sự giám sát của Frank Murphy, có người thăm và không ai được quấy rầy y.

– Nhưng trong thực tế thì Murphy không còn ở trong văn phòng?

– Không. Chỉ có mình Luciano và khách của y. Khoảng giữa tám giờ mười lăm và tám rưỡi, Murphy gọi điện cho tôi dẫn Luciano về xà lim.

– Nghĩa là ông không nhìn thấy những người đến thăm?

– Có thấy.

– Ông có biết ai không?

– Tôi không nhớ mặt họ.

– Họ trông giống như người Mỹ, hay người Ý?

– Không, giống như người Ý thì không. Họ ăn vận sang trọng như những thương gia giàu có, nhưng không mang theo cặp, như đi chơi vậy.

– Ông có thể nhận ra họ trên ảnh?

– Sau chừng ấy năm? Tôi cũng chẳng biết nữa.

Luciano cũng có một số lần thăm được ghi vào sổ. Những người đến thăm là anh, chị em và cháu của y. Một lần có hai nhân viên của phòng cảnh sát chống ma túy đến hỏi y. Nhưng Luciano đã từ chối nói chuyện với mấy người này và cho dẫn trở lại phòng giam. Tất cả những lần thăm viếng này,

dù hợp pháp hay bất hợp pháp, là sợi dây liên lạc giữa chủ tịch hiệp hội với các phụ tá của y. Các phó sếp này nhận chỉ thị từ nhà tù ở Dannemora, báo cáo chứng từ cho tù nhân số 92168. Giống như những tên gangster bị kết án khác. Luciano tiếp tục điều hành các phi vụ từ trong tù.

Trong hồ sơ của ủy ban điều tra Herlands còn có nói về một lần thăm mà người ta không sao cắt nghĩa và giải thích nổi. Ngày 24-8-1930, chánh án Phillip J. Mc Cook tới thăm phạm nhân. Sau này Luciano đã bịa ra một câu chuyện cổ tích về nguyên nhân lần thăm này: Vì lương tâm bị dẫn vật, không thể ngủ được, nên chánh án đến nhà tù xin Luciano tha thứ cho sai lầm của mình.

Mặc dù không có bằng chứng nhưng có thể suy luận từ những vụ ám sát thành viên Mafia trong tù, rằng Luciano lo ngại ai đó trong các tù nhân sẽ ám sát y theo lệnh của phó sếp nào đó của y. Có thể chánh án đến nhà tù để xem xét thực hư vấn đề này. Bởi vì Luciano vẫn bình yên sau những lần thăm hợp pháp, có thể nói rằng lo ngại của y là không có căn cứ. Còn những lần thăm khác, tuy bất hợp pháp nhưng lại được chính quyền cho phép. Tình báo hải quân Hoa Kỳ đã chuẩn bị cho những lần gặp mặt này cực kỳ thận trọng và pha chút gây căng thẳng thường có trong các phim tình báo.

Khi đã rõ rằng Capo Mafia Lanza, sếp vùng cảng, không đủ sức thực hiện các nhiệm vụ của Haffenden, tình báo hải quân tìm đường tiếp cận tù nhân Luciano, Ch. R. Haffenden nhớ đến thanh tra cảnh sát New York Howard W. Nugent, y liền mời viên thanh tra này đến nhà hàng ở Railroad Club.

- Tôi có thể nói rằng, - viên thanh tra cảnh sát trả lời ngay, không đắn đo, - con đường duy nhất đến Clinton phải qua John Lyons. Đây là ủy viên chuyên trách thi hành án. Ngoài ông ta ra không ai có thể bố trí được cuộc gặp mặt này.

– Thế có nghĩa là bắt đầu từ Gurfein, ủy viên công tố vùng, - Haffenden suy luận.

– Tất nhiên rồi, thưa ngài đại úy, còn chỗ nào khác nữa?

Phải công nhận rằng tình báo Mỹ hồi đó giống như một hội nghiệp dư. Ngày nay CIA chỉ cần gọi điện cho giám đốc nhà tù và sau một giờ, tù nhân đã có thể đứng trước mặt các sĩ quan tình báo rồi. Hồi đó là buổi đầu chiến tranh, nhiều sĩ quan là lính dự bị, khoác quân phục. Còn có cả những kẻ phiêu lưu, thậm chí có cả gangster đang bị cảnh sát truy nã cũng tình nguyện nhập ngũ. Chúng tìm nơi lẩn trốn cảnh sát trong bộ quân phục. Đại úy hải quân Haffenden, chắc chắn là một người yêu nước cuồng nhiệt, cho mời ủy viên công tố Gurfein đến văn phòng của mình ở khách sạn Astor.

– Lanza đã ở tận đáy khả năng rồi, - Haffenden nói, - Chúng tôi cần Luciano.

– Đây là ý kiến của anh, hay của Lanza? - ủy viên công tố hỏi.

– Lanza nói vậy.

– Liệu có trò gì xảo trá trong đề nghị đó không?

– Tôi không cho như vậy. Không có căn cứ, Lanza đã cố gắng, nhưng Luciano là chủ tịch hiệp hội tội ác. Y muốn trực tiếp gặp Luciano và yêu cầu hắn giúp đỡ.

– Quả là một sự tận tâm cảm động. Anh biết đấy, tôi cũng biết chút ít về những tên vô lại này. Những tên macheroni [27] chạy trốn khốn khổ đến với chúng ta, nhưng chúng vẫn giữ nguyên là macheroni, nay bỗng nhiên làm ra vẻ như những người Mỹ yêu nước. Điều này làm tôi nghi ngờ. Mới để ra chúng đã căm thù tất cả mọi thứ thuộc về Mỹ rồi. Tất nhiên là phải trừ dollar ra.

- Ông giúp chúng tôi chứ?
- Tất nhiên. Nhưng tôi cần sự đồng ý của sếp.
- Frank Hogan? - Haffenden hỏi.
- Tôi sẽ nói chuyện với ông ta ngay ngày mai.

Vòng quay lại được khởi động. Gurfein gặp Hogan và được phép tiến hành việc chuẩn bị. Hogan khuyên Gurfein tìm gặp Moses Polakoff, luật sư của Luciano và yêu cầu y sắp xếp gặp Luciano trong tù. Sau đó Lanza sẽ thỏa thuận với Luciano và Polakoff sẽ có mặt như là người trung gian.

Polakoff là thành viên chính thức của Hội luật gia New York. Từ năm 1920, y làm việc ở tòa án New York, thậm chí từ năm 1921 đến tháng 3 năm 1925, y còn là phó đại diện chính phủ ở vùng Nam New York và là trưởng phòng hình sự của đại tá William Hayward. Từ năm 1928 đến 1932 y là thành viên của viện công tố tối cao và chuyên về điều tra và trừng phạt những trò gian lận trong bầu cử. Y là một luật gia tháo vát. Mặc dù thất bại trong việc bào chữa cho Luciano, y vẫn nhận được 100.000 dollar tiền công. Trong các văn bản của nhà giam Clinton có ghi lại: Y hãy còn thăm thân chủ của mình trong các ngày 28- 8-1937 và 17-8-1939. Sau đó y không liên lạc với Luciano nữa. Y quay lại trường hợp Luciano khi công tố ủy viên Gurfein gọi điện cho y.

- Về phần tôi, thưa ngài đồng nghiệp, - Moses Polakoff nói - vụ án đã kết thúc. Tôi không biết tại sao tôi lại phải làm việc với các ngài một lần nữa?

- Chuyện này rất quan trọng. - Gurfein khẩn thiết yêu cầu. - Tiện hơn là ngài đến chỗ tôi.

- Nếu vấn đề quan trọng đến thế thì được. Tôi sẽ đến.

Moses Polakoff khai trước ủy ban điều tra Herlands rằng Gurfein đã thông báo những lo ngại của tình báo rằng người Đức và người Ý, đang làm việc trên bến trong xưởng và trên các cầu cảng, có thể tiến hành các vụ phá hoại hoặc thông báo tin tức cho kẻ thù: Có thể người Đức khởi xưởng còn người Ý thì thực hiện.

“Ông ta cũng nói, tôi là người có thể nói chuyện với Luciano về đề nghị hợp tác, vì tôi là luật sư của y. Nếu y giúp đỡ thì người ta sẽ không quên công y. Tôi nói với Gurfein rằng không cần thiết phải mặc cả với Luciano và chính tôi cũng muốn làm cái gì đó cho hải quân nhưng tôi không quen Luciano tới mức có thể nói chuyện với y về những việc tế nhị như thế. Nhưng tôi biết một người có thể làm trung gian được”.

Người trung gian là gangster Meyer Lansky, chiến hữu của Luciano, Bộ trưởng tài chính của hiệp hội, một trong những tên tội phạm ranh ma nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Họ gặp nhau ở khách sạn Long Camps đại lộ Năm và đại lộ Sáu. Nghe đâu Meyer Lansky xử sự như cha cố của thế giới ngầm, như một người yêu nước chân chính. Y hứa hẹn giúp đỡ nhiệt tình và cam đoan với những người có mặt là y sẽ làm tất cả với hết khả năng của mình. Luật sư Polakoff do dự đến gặp thân chủ trong nhà tù ở Dannemora, y sợ người ta thấy và nhận ra y ở đó. Y coi đó là điều bất lợi. Nhưng mọi chuyện lại phát triển hoàn toàn khác.

Họ thống nhất trước hết phải bảo đảm hoàn toàn bí mật công việc và tên tuổi những người tham dự. Nhưng điều đó không thể có được trong nhà tù với một chế độ nghiêm khắc như là nhà tù Clinton ở Dannemora. Nếu họ thăm “sếp lớn” Luciano ở đó thì ngay ngày hôm ấy, không những 1.500 tù nhân biết chuyện mà những tên chạy việc vô danh của thế giới ngầm New York cũng bàn tán về chuyện đó vào buổi tối rồi.

Nhà tù Clinton ở Dannemora vừa là nơi tĩnh giáo, đồng thời cũng là địa ngục. Một bức tường cao từ 12 đến 15m tách nhà tù khỏi thế giới bên ngoài. Adirondack Mountains là dãy núi thơ mộng, chạy dài từ biên giới Canada

và tạo nên khu bảo tồn nguyên thủy hấp dẫn Adirondack Forest Preserve. Khí hậu khắc nghiệt ở đây như muốn thách thức du lịch. Nửa năm bão tuyết và băng giá. 12 tháng gió lùa khe cửa. Cái nóng của mùa hè lầy lội cũng không vượt qua được bức tường đá cao. Một nhà tù u ám. Một địa ngục trần gian. Nhà tù này được xây dựng từ năm 1845, dành cho những tội phạm nguy hiểm nhất. Ngày nay người ta vẫn tiếp tục nhốt chúng ở đó.

Bữa ăn sáng dỗi dào ở nhà hàng Long Camps kết thúc. Gurfein, Polakoff và Lansky đi đến khách sạn Astor. Đại úy hải quân Haffenden đã chờ họ trong phòng 196. Gurfein giới thiệu khách, nhưng viên sĩ quan tình báo đã biết trước mình đang hân hạnh gặp ai. Người của Haffenden đã điều tra: Meyer Lansky thuộc loại bộ trưởng trong chính phủ của thế giới ngầm. Trong thời kỳ cấm rượu y cũng giàu lên, giống như Al Capone lừng danh nhờ buôn lậu Whisky. Bây giờ y đang tiếp tục giàu lên nhờ hàng nghìn máy chơi tự động được đặt khắp nơi trong quán ăn, cửa hiệu phòng nháy.

Lansky cũng biết hoạt động là ai và tại sao ông ta không ngồi trên văn phòng ở Church Street. Đây là một hoạt động lớn, tuyệt mật. Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đang tổ chức một đoàn tàu lớn, rất quan trọng đối với tình hình chiến sự trên các mặt trận Âu Châu. Địa điểm xuất phát là cảng New York.

- Thế này nhé, thưa ngài, - Haffenden nói - Chúng tôi biết luật Mafia: Ai nói, kẻ đó phải chết. Tôi không cần gì khác ngoài sự im lặng của công nhân cảng. Làm sao cho họ không nói, không nhìn và không nghe gì cả. Sẽ có rất nhiều hàng hóa và rất nhiều lính.

Meyer Lansky là gangster gốc Do Thái. Cho dù tội lỗi của y như thế nào đi chăng nữa, y vẫn sẵn sàng, vì những lý do dễ hiểu: Giúp đỡ bất cứ ai chống lại chủ nghĩa Quốc xã. Sau này quả là y có nhắc lại sự sốt sắng của y lúc đó tự quảng cáo và phục hồi danh dự, nhưng thử hỏi, thời kỳ đó ở Mỹ ai lại thờ ơ với việc này, hơn nữa nó cũng nằm trong lĩnh vực quan tâm của hiệp hội tội ác. Meyer Lansky đã kể lại tiểu sử của mình cho các nhà báo

Israel Eisenberg, Dan và Landen, và chính các nhà báo này cũng cho tuyên bố của y là quá “bốc”.

Từ khách sạn Astor, Mayer Lansky đi thẳng đến boss [28] Mafia Frank Costello và yêu cầu tên này hợp tác. Albert Anastasia, tên giết người đáng sợ, sếp của hãng Murder Inc, hài lòng vì được yêu cầu giúp đỡ, đã nhận lời. Hiển nhiên là Joe Lanza và tay chân của y cũng tham gia việc này. Tất cả đều đồng ý, mặc dù vậy, bản hợp xướng vẫn chưa thể bắt đầu. Haffenden hiểu rằng y phải gặp Lucky Luciano, nhạc trưởng của “ban nhạc”.

Ban đầu người ta định đưa Lucky Luciano tới Sing Sing. John A. Lyons đưa ra phương án hay hơn.

– Tốt nhất là đưa đến Great Meadows, - Lyons nói. - Ở Comstock? - Haffenden hỏi.

– Gần Comstock. Điều kiện ở đây tốt hơn. Cho tù nhân cũng như cho các anh. Nhà giam này như là được dành riêng cho những cuộc viếng thăm mà không được nhiều người biết tới.

Meyer Lansky, Frank Costello và luật sư khôn ngoan Moses Polakoff lên tàu đi đến Albany. Họ thuê xe ở đó và đi nốt một trăm cây số đường bộ. Mọi cuộc gặp gỡ giữa tù nhân và khách dân sự đều giống nhau. Lồng lười sắt, sự mong đợi, tò mò và sau đó là ngạc nhiên khôn tả.

– Quả là tôi không chờ các anh ở đây. Tại sao họ lại đưa tôi tới đây? Làm sao các anh tìm ra tôi? Ai cấp giấy phép cho các anh?

Họ đưa cho y một giỏ đầy các đồ ăn ngon, giải thích các mối quan hệ và cả hậu quả nữa. Lucky Luciano tính toán hợp tác với tình báo hải quân sẽ có lợi cho y. Mọi nơi trên thế giới này đều có đi có lại. Chả nhẽ họ lại không trả gì cho sự giúp đỡ này

– Anh có nghĩ rằng họ sẽ giảm án cho tôi?

- Anh có thể nêu điều đó ra như một điều kiện.
- Nhưng, sau đó?
- Sao, cái gì sau đó?
- Họ sẽ trục xuất tôi.
- Tại sao họ lại làm điều đó? - Lansky hỏi và luật sư Polakoff giải thích:
 - Luciano không có quốc tịch Hoa Kỳ. Khi bị kết án thì luật về trục xuất vẫn còn hiệu lực.
 - Họ kết án bao nhiêu?
 - 30 đến 50 năm, tùy theo thái độ.
 - Phải giữ kín điều này. Không ai được phép biết. Kể cả chi tiết nhỏ nhất. Nếu không, khi tôi về Ý, người ta sẽ giết tôi ngay. Mà trở về thì không tránh được rồi. Khi kết án tôi, người ta còn đưa vào tận nhà giam quyết định trục xuất. Sau hình phạt này không ai cho tôi quốc tịch cả. Nhưng ra tù và chờ một viên đạn...?
 - Không có bằng chứng rằng tình báo hải quân Hoa Kỳ có hứa hẹn điều gì với Luciano, nếu hắn đồng ý giúp đỡ. Mặc dù điều đó là hợp logic, mặc dù điều đó được các luật sư Polakoff và Wolf nói đến, các chiến hữu của Luciano như Lansky, Costello và một số tên khác cũng không phủ nhận. Tất cả đều coi sự hợp tác này có lợi cho cả hai bên. Nhưng đó là một sự thỏa thuận ngầm, không ràng buộc và không có bảo đảm.
 - Không còn úp mở gì nữa, hiệp hội tội ác đã giúp quân đội Mỹ trong việc chuẩn bị đổ bộ lên Sicilie, trong việc bảo đảm bốc xếp và di chuyển của một số đoàn tàu thủy quan trọng, hướng tới Anh quốc. Chúng ta biết rằng cuộc đổ bộ đã thành công. Nhưng ta không biết đây có phải một phần

nhờ công lao của bố già Mafia Lucky Luciano và các chiến hữu của y hay không. Về cuộc đổ bộ lên Sicilie, tướng George Patton tuyên bố: “Đó là một đòn chớp nhoáng nhanh nhất trong lịch sử”. Chúng ta thử quay về quá khứ, tìm hiểu sự đóng góp của Mafia Hoa Kỳ cho sự thành công của chiến dịch, đánh dấu một bước ngoặt cơ bản trên chiến trường châu Âu trong đại chiến thế giới lần thứ hai.

Lại nói về việc chuyển Luciano từ nhà giam Clinton đến Great Meadows. Giai đoạn hoàn toàn thứ yếu này cũng được giấu kín kỹ lưỡng. Ngày 5-5-1942, trung úy Lawrence Cowen, sĩ quan tình báo hải quân Hoa Kỳ, có trung sỹ Harold V. Lamberson tháp tùng, đến gặp Lyons, chỉ huy trưởng nhà tù. Họ trao cho Lyons một mật thư dòng chữ “Đốt sau khi đọc”. Trong thư có đề nghị chính thức về việc chuyển Luciano đến nhà giam khác, dễ gặp hơn. Cuối thư có chữ ký của đại úy hải quân Haffenden. Việc di chuyển được thực hiện không lâu sau đó, bằng con đường quanh co.

– Luciano, anh hãy mang theo tất cả đồ dùng của mình! - Giám ngục nói không những với tù nhân số 92168, bấy giờ còn chưa biết gì cả, mà còn với bảy tù nhân khác, cũng không biết gì hơn.

Cũng sáng hôm ấy, ở nhà giam Great Meadows, người ta cũng chuẩn bị cho tám tù nhân chuyển đi nơi khác, họ cũng không được biết tại sao. Sự trao đổi đã diễn ra cùng ngày. Những người từ Great Meadows được chở tới Dannemora và ngược lại. Tại sao lại phải rắc rối như vậy, khi trong thực tế chỉ cần chuyển Luciano?

Sau này điều đó đã được giải thích, Lucky Luciano là ngôi sao trong đám tù nhân, là bá tước của nhà tù Dannemora, là triệu phú giữa những tên trộm cắp. Không tù nhân nào là không biết y cả. Nếu như một ngày nào đó người ta đưa y lên xe và chở đi chỗ khác, thì một nghìn rưỡi đồng nghiệp của y sẽ nghi ngờ ngay. Cũng như vậy, sự có mặt của y ở Great Meadows sẽ gây nên sự chú ý không cần thiết. Thế là thanh tra Lyons nghĩ ra điều bí ẩn

rắc rối này. Bên ngoài thì giống như là hậu quả của các biện pháp hành chính.

Sự di chuyển này được tiến hành ngày 12-5- 1942. Ba ngày sau, trưởng giám ngục nhà tù Great Meadows, thanh tra Vernon A.Morheus, nhận được một bức thư riêng tin cậy sau:

“Ngài chánh ngục Morheus kính mến!

Tôi được phép thông báo với ngài rằng, tôi đã cho phép ông Meyer Lansky đến thăm tù nhân Charles Luciano trong nhà tù của ngài, nếu có luật sư của tội nhân là Polakoff đi theo. Chắc ngài đã biết, việc này nằm trong khuôn khổ cuộc điều tra cực mật của chính phủ, mà cách đây không lâu chúng ta đã nói chuyện trong văn phòng ở Albany. Ngài có quyền không lấy dấu tay của các ông Polakoff và Lansky, và để họ nói chuyện không có giám sát. Ký tên Lyons”.

Trong hồ sơ của ủy ban điều tra Herlands, chúng tôi tìm thấy cả lời khai cam đoan của chánh ngục Morheus:

“Từ buổi đó, mỗi chuyến viếng thăm của Polakoff và các nhân vật khác đều được ngài thanh tra (Lyons, chú thích của tác giả) thông báo trước với tôi. Sau mỗi lần, tôi đều gửi cho Lyons báo cáo cuộc viếng thăm xảy ra khi nào và bao nhiêu lâu. Thông thường thì Polakoff đưa cho tôi danh sách khách tới thăm. Tôi đã gửi tất cả mười chín báo cáo về các cuộc đến thăm, bắt đầu từ 4.6.1942. Hướng dẫn về cách thức đi thăm tù nhân Luciano được thảo ra trong tháng 5-1942 về không thay đổi cho tới cuối vụ việc”.

Cùng với bảy đồng nghiệp còn chưa hết ngục nhiên, Luciano đến Great Meadows đêm 12-5-1942, trước phiên đối gác. Y được dẫn đến phòng khám, ở đó bác sĩ Leo A.Thume khám sức khỏe cho y và viết vào hồ sơ của y: “Phát triển tốt, chế độ ăn uống tốt, tù nhân 44 tuổi không có bệnh tật gì. Bệnh giang mai rõ ràng là đã được chữa khỏi, thử nghiệm Wassermann [29]

đã không có phản ứng gì từ năm 1942”. Theo lời khuyên của bác sĩ, người đã nghe thấy tiếng lạo xạo nhỏ trong tim tù nhân, Luciano chăm đi bộ trong hành lang. Trong hồ sơ còn có quyết định trục xuất ngay sau khi tù nhân được trả tự do.

Từ mối liên quan này, ta hãy trở lại tuyên bố của Luciano trong lần thăm đầu tiên. Sau này Moses Polakoff đã cố gắng nhớ lại chính xác từng lời của Luciano: “Các ngài hãy chú ý”. Luciano nói với những người tới thăm. “Đến lúc được thả ra, tôi sẽ bị trục xuất. Không ai biết kết cục chiến tranh sẽ ra sao. Dù tôi làm gì đi nữa thì tôi cũng muốn ngoài chúng ta ra, không ai được biết và tôi muốn tất cả phải im lặng. Tôi không muốn bị đóng dấu phản quốc lên trán, khi quay trở lại Ý”.

Đây là lòng yêu nước của “công dân Mỹ” Luciano được nhiều người nói tới sau này. Tên tội phạm cáo già và sếp Mafia quyền lực đã tính cả mọi chuyện, thậm chí cả khả năng thua trận của Hoa Kỳ.

Ngày 4.6 Joe Lanza đến thăm Luciano và phàn nàn về những khó khăn trong khi thực hiện nhiệm vụ của tình báo hải quân. Với sự có mặt của Polakoff (người này không tham dự câu chuyện, chỉ ngồi ở góc nhà và đọc báo), Luciano khuyên Lanza.

– Hãy đến gặp Dunn, - Luciano nói.

– Cockeye Dunn?

– Chứ còn ai nữa. Hẳn là bạn của Ryan trong tổ chức công đoàn International Longshoremens Association.

– Quả là cao kiến, - Joe Lanza nói.

Dunn là kẻ giết người và là một trong các boss nguy hiểm nhất vùng cảng. Mọi người đều biết y không mấy suy nghĩ trước khi phải thủ tiêu một bạn hàng khó chịu hay một nhân chứng. Y là người thô tục, nhưng y có

quen biết và lời nói của y có hiệu lực trong các xưởng tàu vì mọi người đều sợ y. Những người khác mà Luciano gửi Lanza đến, cũng không phải vô danh. Anh em Camard là các thủ lĩnh công đoàn từ Brooklyn: Albert Anastasia, Jack Parisi và Anthony Romeo là những gangster với mục lục tội lỗi đầy ắp với nhiều vụ giết người bí ẩn những người này có nhiệm vụ giúp đỡ tình báo hải quân Mỹ bảo đảm việc bốc xếp yên lặng, nhanh và tin tưởng lên các đoàn tàu chở hàng tới châu Âu và Liên Xô.

Hai tên cuối cùng, Joe Adonis và Frank Costello, mà Lanza nghe được từ Luciano, thuộc về những nhân vật ngoại hạng của thế giới ngầm. Lucky Luciano ra lệnh, Joe Lanza chuyển lệnh xuống cấp dưới mọi việc đều suôn sẻ. Mafia chịu trách nhiệm an toàn vùng cảng và tình báo hải quân Mỹ đã ngầm đồng ý cho thế giới ngầm Mafia ngự trị cả một vùng cảng rộng lớn. Đó là một nước cờ cao? Cái giá phải trả có đắt quá không?

Mafia lợi dụng cơ hội. Ngay cả trong chiến tranh và trong những hoàn cảnh đặc biệt, các sếp cũng nghĩ tới lợi nhuận và uy tín của hiệp hội. Những người ý gốc Sicilie này quả là có căm ghét Mussolini, người mà sau khi nắm quyền binh trong tay đã bắt đầu một chiến dịch chống Mafia, hoàn toàn chỉ vì các lý do cạnh tranh. Nhưng Sicilie thì xa mà bức tranh về tình hình ở tổ quốc mẹ đẻ thì mờ mịt. Họ không muốn quay lại với đói khổ của đảo đá Sicilie. Con cháu của họ đi học ở các trường Mỹ, chúng chỉ nói được thứ tiếng Ý đứt đoạn, và không biết tới thổ âm Sicilie. Sau này, nếu ai đó giải thích hành động của Mafia như là tình cảm và nghĩa vụ đối với tổ quốc mới, lòng cảm thông với các chiến sỹ chống phát xít, hay thậm chí sự cống hiến quân sự ở địa phương, thì người đó hoặc là nhầm lẫn vô cùng, hoặc là muốn tác động tới dư luận.

Trong lần gặp thứ hai, mọi người đã thảo luận việc tổ chức hành động. Luciano chú ý nghe, công việc bắt đầu đầy hứa hẹn và tất cả đều sẵn sàng hợp tác. Sau đó bọn gangster nói tiếng Ý và không ai hiểu chúng nói gì. Cuộc họp kéo dài ba tiếng. Hiển nhiên là chúng bàn về tương lai Mafia, về

kế hoạch và tổ chức, về việc chuẩn bị cho thời kỳ sau chiến tranh. Tình báo hải quân Mỹ đã tạo điều kiện cho các nhà lãnh đạo của “chính phủ vô hình” Mafia được tự do đàm luận trong yên tĩnh và tiện nghi.

Sự chiều chuộng những tên tội phạm đã vượt quá giới hạn cho phép. Cockeye Dunn, chín lần bị kết án tù đã nói chuyện bằng vai phải lứa với đại úy hải quân Haffenden trong văn phòng bí mật ở khách sạn Astor. Không rõ họ bàn về chuyện gì. Nhưng Haffenden có thể yêu cầu cung cấp các thông tin cần thiết cùng với danh sách các tội phạm. Có thể trong thực tế Haffenden biết điều đó, nhưng ông ta không bận tâm về việc mới đây Dunn đã phải ngồi tù hai năm ở Sing Sing, phải ra trước toà vì tội tống tiền và dùng vũ lực, và ngày 16.1.1942 y bị kết án tù vô thời hạn. Y trả tiền bảo lãnh và đang chờ kháng án. Trong khi chờ xét xử, y được mời làm việc cho tình báo hải quân Hoa Kỳ! Sau này y kết thúc cuộc đời trên ghế điện vì tội giết người. Nhưng lúc bấy giờ y là cộng sự viên chính thức của tình báo hải quân.

Cùng với em vợ Mc Grath, y lo chạy giấy tờ công đoàn cho người của Haffenden và giúp họ trà trộn vào các công đoàn viên ở khu vực sông Hudson. Những người này phải chịu trách nhiệm về các vụ phá hoại hay bãi công ở vùng họ quản lý.

Great Nothern Hotel là một nhà hàng thủy thủ. Hai chục phòng cho thuê đầy đủ tiện nghi, một bar với rượu và nhạc tới tận sáng. Công nhân cảng đến đây giải trí và uống rượu, thủy thủ tiêu nốt đồng lương cuối cùng với gái điếm. Tình báo hải quân được mật báo rằng thám báo phát xít thường gặp nhau ở đây. Thế là gangster Dunn được yêu cầu xác minh nghi vấn trên. Tên gangster chỉ điếm nhậu nhẹt trong bar và nghe ngóng tất cả mọi chuyện. Trong những người hầu bàn xuất hiện vài ba khuôn mặt mới, lóng ngóng sếp thì đĩa như thợ vụng mất kim. Họ ghi lại các tên nghe được, sau đó chuyển danh sách những kẻ bị tình nghi cho sếp. Nhưng Great Nothern không phải là nhà hàng duy nhất bị giám sát. Trong những quán ăn ban đêm

khác cũng xuất hiện người của Dunn. Ở khách sạn West Side, họ đã khám phá ra hai người lạ mặt đang cố moi tin tức từ các thủy thủ.

Sự vụ được báo cáo lên tận Haffenden. Tình báo có trách nhiệm xử lý những nhân vật khả nghi, nhưng để bắt họ thì còn thiếu bằng chứng. Thế là Cockeye ra tay và hai kẻ phản bội biến mất không để lại dấu vết gì. Khi được hỏi cái gì đã xảy với họ, Dunn trả lời với nụ cười khó hiểu: “Về những thằng vô lại đó, các anh khỏi phải bận tâm”. Mặc dù biết rằng Dunn dù đã cho giết chúng, tình báo vẫn làm ngơ cho qua. Y chỉ bị nhắc nhở một cách thân mật rằng lần sau trước khi tiến hành những việc “tế nhị” như vậy, y cần phải thông báo trước cho cơ quan tình báo.

“Đang thời kỳ chiến tranh và Dunn là người cục cằn”, sau này Meyer Lansky nói. “Nếu không, y không thể đứng vững giữa những tay bợm vùng cảng. Y thông thạo trong việc chen lấn. Y quan tâm làm sao cho việc bố xếp không bị chậm trễ, để tất cả đều suôn sẻ. Thời gian chiến tranh là khoảng đời đẹp nhất của y. Y có cảm giác đang làm một công việc cao cả. Sau này y bị xử tử trên ghế điện vì tội giết người”.

Một cộng sự viên xuất sắc nữa của tình báo hải quan Mỹ là Jeremiah Sullivan, y cũng được Luciano giới thiệu. Tên gangster này cũng có “tay nghề” tương đối. Y đã ngồi tù mười năm ở Sing Sing vì tội giết người. Ở vùng cảng, y được biết đến dưới cái tên John Mo Cue. Với thành tích tội ác của mình, y đã trở thành cánh tay phải của chủ tịch công đoàn cảng Ryan.

Sự hợp tác của y với cơ quan tình báo có một nét đặc biệt. Y thường đi cải tạo những kẻ vô lễ với phương pháp sư phạm hiệu quả. Để răn đe, y đánh người tàn bạo tới mức nạn nhân phải kết thúc cuộc đời trong bệnh viện với thương tích đầy mình, những người khác tất nhiên phải tôn trọng ý kiến của y vô điều kiện.

Có lẽ sự hợp tác giữa tình báo Mỹ và thế giới ngầm là có một không hai trong lịch sử. Những tin tức đầu tiên về liên minh giữa các sĩ quan hải quân

và những tên giết người, những kẻ tội phạm, đã gây nên một làn sóng bất bình trong dư luận. Và chính những người thực hiện vụ việc đó cũng ngạc nhiên không kém. Lời khai của trung úy Joseph Kaitz là một ví dụ.

Kaitz làm việc từ năm 1935, như là nhân viên điều tra ở viện công tố quận từ thời Dewey và sau đó là Hogan. Khi chiến tranh bùng nổ, y nhập ngũ và học trường sĩ quan ở Dartmouth. Sau tám tuần luyện tập, người ta chuyển y sang trường tình báo hải quân ở Washington. Sau một tháng, y tốt nghiệp và được phân về phòng của đại úy hải quân Haffenden ở nhà số 50, phố Church Street, New York.

“Một hôm đại úy Haffenden cho gọi tôi đến văn phòng, sau này trung úy Kaitz tuyên bố và thông báo là tôi được phân vào một nhóm sĩ quan thực hiện một phương án đặc biệt. Tôi sẽ hợp tác với một số thành viên của thế giới ngầm. Có thể là tôi đã biết những người này khi còn làm việc ở viện công tố. Trước hết, tôi phải liên lạc với Joe Adonis và, qua y, với William Mc Cabe, tên lóng là Tough Willie hay tên giết người Mc Cabe.”

Haffenden giải thích cho viên cộng sự mục đích của kế hoạch. Y còn nói Lucky Luciano là cố vấn tối cao trong hậu trường, ủng hộ và điều hành vụ việc từ nhà tù. “Tôi hết sức kinh ngạc vì Capo Mafia cũng biết về tôi. Thậm chí, y còn ra lệnh cho những tên giết người ở thế giới ngầm New York phải tử tế với tôi”.

Vậy là Kaitz, đã một thời là người bảo vệ pháp luật, nhân viên của viện công tố, đến gặp tên giết người Mc Cabe và bàn bạc với y như người đồng trang đồng lứa. Họ đã nhiều lần thảo luận về chi tiết của vụ việc. Quả là một sự trở trêu hiếm có. Cách đây không lâu, khi còn làm việc ở viện công tố, Kaitz đã không sao lẩn ra dấu vết của Mc Cabe, còn bây giờ chỉ cần quay số điện thoại là họ đã có thể gặp nhau ở quán ăn gần nhất. Sự việc quả là quá sức tưởng tượng của Kaitz. Sau chiến tranh, khi không còn phải giữ bí mật nữa, anh ta đã biểu lộ sự ngạc nhiên của mình:

“Đang có chiến tranh và trong chiến tranh, mọi phương tiện đều có thể. Nhưng tôi đã gặp một trong các gangster nguy hiểm nhất Mỹ quốc. Lần ấy ở góc phố và tôi không tin ở mắt mình nữa. Đi đến chỗ hẹn là Joe Adonis. Y giới thiệu tôi với những gangster khác. Cùng với họ, tôi đi thăm một số quán ăn bị tình nghi”.

Mafia hợp tác chặt chẽ với tình báo Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Công việc của các tình báo viên hải quân trong Mafia cũng rất đặc biệt. Thực chất họ trở thành người làm công cho hiệp hội tội ác. Vì pháp luật và quyền lợi, họ đã làm những việc phi pháp. Có người làm việc như nhân viên thu tiền trong các hãng xổ số bất hợp pháp.

Có thể có hàng nghìn người nhận tiền chơi xổ số. Đó là những chủ quán ăn, cửa hiệu tạp hóa, quầy bán báo quán bia hay người bán thuốc lá. Hàng ngày đúng vào giờ quy định, các nhân viên thu tiền của trung tâm phải đi khắp lượt thu ticket và tiền chơi xổ số. Cũng có tới hàng nghìn nhân viên thu tiền. Họ đi lại giữa các tầng lớp dưới, có mặt đều đặn ở các quán ăn vùng cảng. Ai đó đã có sáng kiến cho các tình báo viên cải trang như nhân viên thu tiền. Lucky Luciano đồng ý, Joe Lanza tổ chức và tên giết người Mc Cabe là trưởng ban thu tiền vùng Harlem. Y đã đưa hàng chục sĩ quan tình báo vào tổ chức này một cách dễ dàng. Các nhân viên tình báo cải trang này làm việc rất đáng tin cậy, Lansky đã nhận xét một cách hài lòng về công việc của họ:

“Bao giờ họ cũng nộp tiền đầy đủ, không thiếu một cắc. Họ tự trọng và rất đáng tin. Theo tôi thì đây là trường hợp duy nhất người của hải quân Hoa Kỳ làm việc cho Mafia”.

Trong đại chiến thế giới thứ hai, giữa tình báo Hoa Kỳ và tình báo Anh Secret Service có sự cách biệt một trời một vực. Tình báo viên Anh thuộc loại tốt nhất thế giới. Trong khi đó tình báo Mỹ thực tế không tồn tại. Tình trạng bất lợi này là hậu quả của đường lối chính trị của ngoại trưởng Henry L. Stimson. Năm 1929, Stimson tuyên bố “người lịch sử không đọc thư của

người khác”, và phản đối bất cứ hình thức theo dõi nào. Mặc dù ngày nay điều đó không thể tưởng tượng nổi, nhưng quả là cho tới chiến tranh thế giới thứ hai, tình báo Mỹ thuộc loại kém nhất trên thế giới.

Ngày 14.1.1943, ngoại ô Anfa của thành phố Casablanca trở thành địa điểm của một quyết định lịch sử. Tại đây Tổng thống Mỹ Roosevelt và Thủ tướng Anh Winston Churchill đã chuẩn y các chiến dịch hợp đồng chống quân đội phát xít Wehrmacht [30], trong đó có việc đổ bộ quân Đồng minh lên đảo Sicilie. Đó là màn mở đầu sự tham chiến của quân Đồng minh trên chiến trường Âu châu. Sau này Churchill tuyên bố:

“Càng kinh nghiệm và khôn ngoan hơn bao nhiêu, chúng ta càng sử dụng những phương pháp nghi binh hoàn hảo hơn bấy nhiêu”.

Bằng chứng cho khẳng định trên là chiến dịch nổi tiếng “Thịt xay” nhưng công việc chuẩn bị đổ bộ lên đảo Sicilie từ phía Mỹ, chứng minh điều ngược lại.

Chiến dịch bí mật “Thịt xay” có mục tiêu rõ ràng: Nghi binh. Nó có nhiệm vụ làm cho Hitle và các tướng lĩnh phát xít tin rằng quân Đồng minh không đổ bộ lên Sicilie mà đang chuẩn bị tấn công vùng Balkan. Ý đồ đã thành công. Điều đó càng làm khó hiểu hoạt động của tình báo hải quân Mỹ mà Haffenden mà nhân viên của ông ta đã tiến hành trong sự hợp tác với thế giới ngầm New York, với sự hoạt động đó, ông ta đã vi phạm nguyên tắc bí mật và có thể xóa bỏ các cố gắng thực hiện một đòn bất ngờ của quân Đồng minh. Chả là không ít người biết về ý đồ đổ bộ lên Sicilie.

Sau này Mayer Lansky tuyên bố Haffenden mời y đến nhà hàng, tiết lộ ý đồ của bộ tổng tham mưu Đồng minh và yêu cầu y giúp đỡ thu thập thông tin về bờ biển Sicilie. Tình báo Hoa Kỳ không có các bản đồ chi tiết về Sicilie, thông tin về quan hệ trên đảo, quan điểm của dân đảo, tình hình quân đội và các tuyến phòng thủ, sức mạnh của đối phương. Mafia Hoa Kỳ có trách nhiệm giúp thu thập các tin tức cần thiết.

Lucky Luciano ra chỉ thị từ nhà giam, Mayer Lansky và các gangster khác tiến hành một chiến dịch thăm dò rộng lớn. Dân Sicilie sống ở Mỹ, dân di tản từ Ý và cả những khách du lịch đến Sicilie được yêu cầu thu thập các ảnh chụp, bưu ảnh về bờ biển Sicilie. Họ được mời đến trụ sở tình báo ở Churchill Street và trả lời hàng loạt câu hỏi về chất lượng các tuyến quốc lộ ven biển, về các bãi biển và các mỏm đá ngầm, về thủy triều, về trọng tải cầu đường, về sự phân bố doanh trại và các điểm phòng thủ.

Hàng trăm người Mỹ gốc Ý đến cơ quan tình báo với các bản đồ nhỏ, bưu ảnh và cả các quảng cáo du lịch. Họ thông báo cho các sĩ quan tình báo về tổ quốc của mình. Một số trong bọn họ không biết tiếng Anh thế là thông dịch viên phiên dịch ngay tại chỗ. Các sĩ quan thì ghi chép, còn các chuyên gia về bản đồ thì đưa các thông tin dữ liệu lên bản đồ. Người ta ghi lại địa chỉ dân đánh cá Sicilie, ký hiệu các số liệu về độ sâu của vùng nước ven bờ biển. Có thể nói không có gia đình Sicilie nào là không tham gia chiến dịch này.

Tình báo hải quân có nhiệm vụ tuyển các nhân viên nói tiếng Ý, thậm chí với giọng Sicilie, để sau khi đổ bộ họ có thể làm trung gian trong quan hệ với dân địa phương.

Cả Lucky Luciano cũng có sáng kiến độc đáo. Đến nay vẫn không rõ y đề nghị hợp tác lúc nào và với ai, nhưng có điều chắc chắn đây là một đề nghị độc nhất vô nhị trong lịch sử tình báo. Nếu người ta thả y ra khỏi tù một thời gian, thì y sẵn sàng nhảy dù xuống Sicilie và chuẩn bị cơ sở cho chiến dịch đổ bộ. Khả năng thành công của kế hoạch này đáng kể, uy tín của y trên đảo rất lớn, ai cũng biết y là vua thế giới ngầm, lời nói của y được tôn trọng không bàn cãi.

Đó quả là một đề nghị lạ lùng mà mãi tới gần đây người ta mới biết đến. Một sĩ quan tình báo hải quân đã khai trước ủy ban điều tra Herlands và thực chất là khẳng định đề nghị trên.

“Khoảng cuối năm 1942”, viên sỹ quan nọ nói, “sau khi đổ bộ lên Bắc Phi và trước khi đổ bộ lên Sicilie, đại úy Haffenden có nhắc đến Luciano. Ông ta nói với tôi là y sẵn sàng đi tiền trạm bắt liên lạc với dân địa phương và yêu cầu họ giúp đỡ các cánh quân đổ bộ. Theo Haffenden thì y sẵn sàng cung cấp các thông tin về địa hình và phòng bố của đối phương, Haffenden nói là Luciano yêu cầu được ra khỏi tù và được trang bị đầy đủ giấy tờ đi đường. Sau đó y có thể đến một nước trung lập, chẳng hạn Bồ Đào Nha. Về việc ra tù, Haffenden nói là có thể sắp xếp để thống đốc New York Dewey ân xá cho Luciano và trả tự do cho y”.

Nhất định là một trong những người trung gian phải nói với Luciano về chiến dịch này, vì y được thông báo đến tận chi tiết. Thậm chí y còn khuyên là nên đổ bộ ở Vịnh Castellammare gần Palermo, và đây rõ ràng không phải là một đề nghị tài tử.

Luciano không được ra tù, vì sếp tình báo hải quân không chuẩn y đề nghị của y. Con bài đã bị lật ngược. Gangster từng được tình báo Hoa Kỳ o bế, che chở, cũng phải từ từ rút lui từ sân khấu vào hậu trường. Thậm chí có khi chúng còn phải vào nhà đá. Nguyên nhân thì có nhiều. Dư luận Mỹ không bao giờ chấp nhận sự hợp tác giữa tình báo và gangster. Thống đốc Dewey không đồng ý với Charles R. Haffenden về việc trả tự do cho Luciano. Với đa số dân Mỹ, chiến đấu là việc hiển nhiên. Họ coi đó là nghĩa vụ công dân và không chờ là sẽ vì thế mà được thưởng. Vậy thì tại sao chính tên tội phạm nguy hiểm Luciano lại được ưu đãi?

Khi còn là công tố ủy viên, Dewey đã phát hiện ra một vụ áp phe bán thiu. Một vết nhơ của ngành tư pháp Hoa Kỳ. Chánh án Martin T. Manto đã nhận một khoản hối lộ lớn từ gangster Schultz, chủ nhân xổ số bất hợp pháp. Vụ bê bối tất nhiên là gây nên sự phản ứng. Từ buổi đó, tất cả các chánh án lương thiện nghiêm khắc hơn đối với bọn gangster và không lâu sau đó Joe Lanza cũng bị sa lưới pháp luật.

Vụ án được khởi tố trước khi tình báo hải quân yêu cầu Lanza giúp đỡ. Nhưng y trả tiền bảo lãnh và được tự do. Sau này y hy vọng là tòa sẽ nhắm mắt làm ngơ khi mà y đã tham gia hoạt động có ích như vậy. Mặc dù vậy, ngày 12-1-1943, y đã phải thú tội trước tòa. Ngày 29-1-1943, chánh án Wallace tuyên án: Bảy năm rưỡi cho đến 15 năm tù giam. Lanza bị đưa đến Sing Sing.

Chỉ ba ngày sau đó, luật sư George H. Wolf đệ đơn xin ân xá của Luciano lên tòa án tối cao ở New York. Điều ngạc nhiên là trong đơn không có các lý do mà mỗi người trong cuộc đều biết. Có lẽ chỉ trong một câu và hoàn toàn không cụ thể, luật sư Wolf và Polakoff, những người thảo đơn, có nhắc đến sự giúp đỡ của Luciano chống kẻ thù, Luciano không muốn các chi tiết về sự hợp tác của y với tình báo xuất hiện trên giấy trắng mực đen. Y không tin vào chiến thắng tuyệt đối của phe Đồng minh, Chiến tranh chưa kết thúc, ai mà biết trước kết cục của nó, biết đâu sau này y sẽ bị gây khó khăn.

Chánh án Mc Cook bác bỏ đơn xin ân xá, mặc dù trong văn bản trả lời cũng dành cho tội nhân một tia hy vọng. Nếu y thành tâm hối cải, nếu y tiếp tục hợp tác, thì có thể sau này người ta lại xét đến đơn xin ân xá của y.

Đêm mồng 9 rạng ngày mồng 10 tháng 7 năm 1943, quân Đồng minh Tây phương đổ bộ lên Sicilie. Trước đó, 10 giờ ngày 8 tháng 2, khai mạc cuộc hội thảo về đơn xin ân xá của Luciano. Cuộc hội thảo không tiến hành theo ý muốn của các luật sư của Luciano. Và thế là Wolf quyết định sử dụng con át chủ bài. Y đã phạm sai lầm: Một cách công khai, trước hàng chục ký giả tò mò, sẵn tin giật gân, y bắt đầu ba hoa về chiến dịch tuyệt mật, về công lao của Luciano, về sự giúp đỡ của thế giới ngầm đối với tình báo quân sự. Một bên là các hoạt động nghi binh của tình báo Anh nhằm bịt mắt đối phương, một bên là sự ngây thơ và sơ suất nghiêm trọng của các ông bạn Mỹ. Có lẽ chỉ nhờ ở sự may mắn phi thường mà Abwehr [31] phát xít mới không hay biết về chiến dịch, bởi vì hầu hết gián điệp của Canaris

[32] đã bị bắt từ lâu. Nhưng cuộc hội thảo đơn xin ân xá của Luciano không phải là nguyên nhân tiết lộ bí mật quân sự. Dư luận đã biết một phần từ các báo.

Ngày 10-2-1943, tờ New York Times và một số nhật báo khác đã đăng tin về quyết định của tòa án và cả về sự hợp tác của Luciano với cơ quan tình báo. Cùng ngày, trung tá Angelo J. Cincotta, trưởng phòng B-7-I (nghĩa là Italy), đọc tin trên. Đối với sếp phòng Italy, nhẽ ra tin này không còn mới mẻ gì nữa. Thế mà ở đây có sự bất ngờ. Trung tá Cincotta không biết gì hoạt động của Mafia và phòng tình báo mà ông ta chỉ huy. Đây là sự sơ xuất hay là ý đồ?

Angelo J. Cincotta là một người được đặt đúng chỗ. Một sĩ quan với con đường binh nghiệp đầy hứa hẹn. Cincotta xuất thân từ Sicilie, tốt nghiệp khoa luật và từ năm 1917 đã trở thành hội viên Hội luật gia New York. Từ tháng 12 năm 1940, ông ta chuyển sang làm việc ở trung tâm tình báo tại Washington. Ở đó ông gặp Haffenden, viên sĩ quan này thỉnh thoảng đến Washington nhận chỉ thị hay báo cáo.

– Sẽ có lúc tôi sẽ cung cấp cho các anh hàng đống tin tức, thưa trung tá
- Haffenden nói với Cincotta trong một lần gặp.

– Về vấn đề gì? - Cincotta hỏi.

– Về phân ban của tôi.

– Các anh đã phát hiện được điều gì đáng chú ý?

– Công việc đang được xúc tiến. Haffenden trả lời một cách bí ẩn. Một ngày nào đó anh sẽ tròn mắt vì ngạc nhiên.

Trung tá Cincotta cầm báo và đi thẳng tới sếp (Trong hồ sơ của ủy ban điều tra Herlands không có nêu tên của người này mà chỉ gọi là “sếp”. Sau này người ta đã xác minh đó không phải là chỉ huy thực sự của Cục tình báo

hải quân: Chuẩn đô đốc Arthur Train). Họ cùng ngồi xuống ghế. Sếp đọc bài báo, suy nghĩ một lát rồi bắt đầu lập luận.

– Giống như là các lực lượng hải quân của chúng ta cũng dính líu vào vụ xin ân xá này. Có thể là Luciano cố gắng đạt sự chuẩn y chính bởi vì y đã giúp chúng ta có được một số thông tin.

– Ông có biết gì về vụ này không, trung tá? - Sếp hỏi Cincotta.

– Không, thưa ngài.

– Thế thì cần phải tới ngay New York và thẩm tra vụ việc.

– Tôi hiểu, thưa ngài.

– Nhưng hãy cẩn thận, ông trung tá, đừng hỏi Haffenden, kể cả đại diện của y: Đại úy Mc Fall.

– Ngài không tin họ?

– Tôi không nói như thế. Ông hãy dựa vào cơ sở của mình. Như vậy đỡ ồn ào hơn. Ông hãy thử xác minh xem đại úy Haffenden có nhận tin từ gangster không và nếu có thì là tin gì, các tin đó được sử dụng để làm gì.

Thế là xảy ra một việc khó tin mà có thật: Cục tình báo hải quân nghi vấn các đồng nghiệp và tiến hành điều tra chống lại người của mình. Trung tá Cincotta đi đến New York và gặp một trong các cơ sở của mình: Giuseppe Lupis, người này là nhân viên kiểm duyệt chương trình phát tiếng Ý của đài phát thanh Wov. Lupis cũng không biết gì hơn. Thế là Cincotta đành phải gặp hai sĩ quan của trung tâm tình báo New York.

Không xa sở cảnh sát New York, trên đại lộ Grand Avenue là nhà hàng Ý Villa Penza. Họ bắt tay nhau ngồi xuống ghế và cho mang tới đồ nhắm và chất cay. Cincotta chuẩn bị vào đề.

– Chúng tôi biết, thưa trung tá. Anh nghĩ là chúng tôi không đọc báo sao?

– Thế các anh cũng bị bất ngờ?

– Tất nhiên.

– Nghĩa là các anh không biết tí gì về vụ này?

– Không.

– Thưa các ngài - Cincotta sáng giọng - người ta nói rằng phòng của các ngài nhận hàng đồng tin tức từ Luciano và người của hắn. Các anh đã làm gì với các thông tin đó? Các anh trao chúng cho ai? Nghe đâu tất cả là công việc của Haffenden.

– Chúng tôi không nhận được gì cả, cũng không thấy gì, thì làm sao chúng tôi có thể chuyển tiếp cho ai.

– Thế này thì quá quắt lắm, thưa các ngài, Bộ tổng hành dinh rất lo ngại về vụ này. Chúng tôi được báo là tên tội phạm này có cung cấp cho chúng ta một số tin tức, thế mà ở Washington chúng tôi không được biết gì cả.

– Chúng tôi không nhận được thông tin gì từ Luciano cả, - một sĩ quan nói (trong khi bị thẩm vấn, Cincotta không thể nhớ được tên của hai sĩ quan họ) và người thứ hai tiếp lời:

– Có thể là Haffenden nhận tin và chuyển trực tiếp đến Washington.

– Không chuyển gì cả. Chưa bao giờ chúng tôi nhận được báo cáo về việc này. Tôi được lệnh thẩm tra vụ này. Cho nên tôi ở đây.

Các sĩ quan họ nói dối? Họ không nói dối, có thể họ không nói hết hoàn toàn sự thật và chỉ trả lời các câu hỏi thôi. Nhưng trong công tác tình báo, điều đó đã trở thành thói quen nghiệp vụ. Nói ít nhất, và không tiết lộ điều

gì ngay cả với cộng sự gần nhất của mình. Dù sao đây là vấn đề liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm, xử lý thông tin là nhiệm vụ của phòng B-3 chứ không phải của phòng Italy B-7-I. Thế là Cincotta không biết thêm gì và trở về Washington với hai bàn tay không.

Nghi vấn bị lãng quên. Tình báo hải quân trung ương ở Washington cũng không xác minh vụ việc ở Viện công tố, kể cả ở phiên tòa xét đơn vị ân xá Luciano. Lập trường thờ ơ này rất đáng ngờ và chỉ có một lý giải duy nhất. Đại diện của phòng Italy thuộc Cục tình báo hải quân Mỹ có thể, với sự bình thản của lương tâm, bất cứ lúc nào cũng chứng nhận là vụ việc Lucky Luciano không tồn tại. Điều đó cũng đã xảy ra. Sau năm 1945, Cincotta tuyên bố trên giấy trắng mực đen:

“Năm 1943, Trung tâm tình báo hải quân nhận được tin là Charles Luciano đệ lên chánh án Phillip J. Mc Cook đơn xin ân xá, có kèm theo một tuyên bố rằng y đã cung cấp cho các sĩ quan tình báo địa phương sự giúp đỡ và các thông tin giá trị về Sicilie và Italy, và y cũng trao cho họ danh sách những người có thể cung cấp tin tức tình báo.

Trên cơ sở các tin trên, tôi được lệnh bí mật đến New York xác minh vai trò của tình báo địa phương và nếu có thể, các mối quan hệ với việc giải quyết đơn xin ân xá của Luciano. Kết quả điều tra cho thấy rằng phòng tình báo của tôi ở Bộ Hải quân tại Washington D.C, không nhận được một thông tin nào từ Luciano hay ở Ý.”

Tuyên bố trên không đúng sự thật. Nhưng cơ quan tình báo làm việc theo các nguyên tắc khác: Nói dối ư nếu khi không bị coi là không danh dự. Còn hợp tác với những tên tội phạm nguy hiểm nhất Hoa Kỳ là một vết nhơ lớn trong lịch sử tình báo Mỹ, cho nên, theo các sĩ quan tình báo ở Washington, nó cần được che dấu bằng mọi cách.

TÍN HIỆU CHO “BỐ GIÀ”

Sicilie là một hòn đảo bằng đá. Bờ biển được gió và sóng biển tạo nên những hình kỳ quái. Dưới nước thì đầy rẫy mực và bạch tuộc, ven biển thì được trang trí bằng một dãy tổ chim. Vùng nội địa thì khắc nghiệt, dốc đứng, xơ xác, có nơi không có lấy một ngọn cỏ và không một giọt nước, chỗ khác thì cỏ dại tràn lan. Từ bao đời nay các thế hệ nhận ra chúng, mặc dù các phố đá này nằm trên các sườn núi vươn tới tận trời. Villalba cũng là một làng đá.

Trong thời gian chuẩn bị cho cuốn sách này, tôi có đến Sicilie với ý đồ xâm nhập vào Mafia và thu thập thông tin tận nguồn. Ở Sicilie tôi làm quen với một người đàn ông nhỏ, thấp. Ông tên là Francesco d’Assaro, làm công cho hội đồng thành phố, sếp của tám người quét dọn. Tôi gặp d’Assaro trên bờ biển, khi ông ta đang về nhà với một túi sên nhỏ bắt được trên bãi cỏ cháy nắng.

- Ông định làm gì với những con sên này? - Tôi hỏi.
- Bà nhà tôi sẽ nấu chúng.
- Nhưng tất cả có bao nhiêu thịt đâu. - tôi phản đối.
- Để có chút vị tanh, thế là đủ rồi.

D’Assaro hỏi tôi từ đâu tới và mặt ông bừng sáng khi nghe tên Praha. Sau đó tôi tiết lộ mục đích chuyến đi và Cicio (tên thân mật của d’Assaro), sau này tôi được phép gọi như vậy, kể lại các trận chiến trên bờ biển. Ông và bạn bè của ông cũng có mặt lúc đó. Tôi cho ông biết là tôi đang chuẩn bị viết về Mafia và với sự lo ngại, tôi chờ phản ứng của ông ta. Tôi tưởng rằng d’Assaro sẽ bắt đầu nhìn khắp bốn phía xem có ai nghe trộm không, rằng ông sợ bạn bè nhìn thấy ông nói chuyện với tôi. Nhưng chẳng có gì như vậy

xảy ra cả. Bằng hai ba câu, ông hỏi tôi quyển sách sẽ được viết như thế nào, và vì ông là thi sĩ nghiệp dư, nghĩa là cũng có chút tình đồng nghiệp, ông sẵn sàng giúp đỡ.

Chúng tôi đứng trên mỏm Monte Cronio, và phóng tầm mắt bao quát vùng ven biển, ở đó đã từng xảy ra cuộc chiến đấu giành từng mỏm đá.

- Calogero Vizzini là xã trưởng Villalba? - tôi hỏi.
- Là Capo Mafia - Cicio trả lời.
- Thế nghĩa là cao hơn hay thấp hơn?
- Don [\[33\]](#) Calogero là don Calogero, Calò Vizzini tôn kính.

Sau này tôi có được ảnh của y. Một người cha của gia đình, nhỏ người, bụng phệ, mặc quần đeo quai không sạch sẽ cho lắm, hơi hói, với bộ mặt của thầy đồ dễ tính, không bao giờ cho điểm xấu cả. Trong khi đó y là người mù chữ, một bạo chúa, vô học và tàn nhẫn.

- Khi nào thì Calogero nhận được tin giải phóng? - tôi hỏi.
- Sáu ngày trước đó.
- Nghĩa là ngày 14.7.1943. Từ đâu vậy?
- Từ trên trời rơi xuống, - Cicio nói một cách bí ẩn như thể ông muốn tăng thêm kịch tính cho câu chuyện của mình.
- Tôi hiểu điều đó như thế nào?
- Mới sớm tinh mơ, trên bầu trời xanh thấy xuất hiện một máy bay nhỏ. Sau này tôi được biết đó là máy bay trinh sát Piper Cup, một máy bay nhỏ hai chỗ ngồi. Phi công bay tới từ phía nam, nghĩa là từ vùng bị chiếm. Anh ta tất phải thông thạo vùng núi, bay là là, luồn lách giữa các khe núi.

– Đó là phi công vùng này?

– Đâu có. Phi công không mọc trên núi, ở đó chỉ có người chăn cừu, chăn dê thôi. Có thể người ta vẽ đường bay cho phi công, hay anh ta bay với ai đó thông thạo vùng núi này. Họ phải bay qua Mussomeli Cammarata và ở đó toàn là núi cao và các dòng sâu của sông Platani.

– Như vậy, đó là chuyến bay nguy hiểm?

– Họ mạo hiểm, nhưng cuối cùng đã xuất hiện trên làng.

Tôi đến xem tận nơi làng Villalba. Những đường đá dốc đứng, hẹp tới mức chỉ có xe hai bánh là đi qua được. Những nhà đá nhỏ, giống như tổ ong, được dính vào các mỏm đá, có chỗ còn cao hơn cả gác chuông nhà thờ. Thay cho cửa sổ là những cửa gió, cửa ra vào thì lúc nào cũng khóa chặt, ở ngã tư có ống dẫn nước suối nguyên chất đến máng gia súc. Cửa hàng thực phẩm rộng tuếch, quán ăn với vài ba chiếc ghế xộc xạch, có mùi rượu vang. Trên đường phố, vài chú chó chạy rông.

– Phi công bay mấy vòng trên làng như thế đang tìm ai. - Cicio tiếp tục.

– Từ đâu mà anh biết điều đó, Cicio? Tôi hỏi. - Lúc đó anh có ở đó đâu.

Cicio chững lại nhìn tôi rồi khẽ lắc đầu, như thể không biết làm gì và rồi nói tiếp không úp mở.

– Từ đâu ư? Ai cũng biết điều đó cả. Ở đây, ở Licata, ở Caltanissetta, ở Corleone, tóm lại ở mọi nơi, ở cả Agrigento. Đây quả là một sự kiện trọng đại: Người Mỹ bay đến tìm don Calò.

– Y có biết điều đó không?

– Làm thế nào mà ông ta có thể biết điều đó được. Khi đó thì chưa. Trong ngày hôm đó cũng chưa biết. Máy bay lượn vòng rồi một vật gì đó

được ném ra, lao xuống như mũi tên, rồi một dù nhỏ mở ra. Nó nhỏ như đồ chơi trẻ con. Nhẽ ra nó phải rơi xuống Villalba, nhưng gió đã cuốn nó xuống thung lũng.

– Và ở đó nó được Romero Nuzzolese tìm thấy - tôi nói. Cái tên này tôi biết từ các tư liệu.

– Người này không phải là Romero, mà là Raniero. Gã xuất thân từ Bari, là lính trơn. Gã ngán chiến tranh tới tận cổ. Gã không có gì để ăn, không có gì để uống, gã muốn về nhà và chẳng cần biết cái gì rơi từ trên trời xuống.

– Thế gã cũng không nhìn tới cái gói đó?

– Có xem, nhưng không hiểu. Bưu kiện được gửi cho một người gã không quen và cái khăn vàng với chữ L to, đen cũng chẳng nói gì với gã cả.

– Sau này ở Mỹ người ta khẳng định rằng, mỗi chó con gangster cũng nhận ra khăn của Luciano với chữ K, còn gái điếm của Luciano thì khỏi phải nói. Những kẻ vô lễ mà y cho thủ tiêu cũng bị đóng dấu L.

– Về điều này thì tôi không biết gì cả. - Cicio nói.

– Thế gã lính ấy làm gì với cái gói đó?

– Tôi không rõ. Cả thư và khăn gã cũng không đưa lại. Nhưng ngày hôm sau máy bay lại xuất hiện.

– Trong khi ở dưới đang chiến đấu? Khi mà xe tăng của tướng Patton đang vất vả trên các con đường chật hẹp tiến lên núi? Liệu don Calò có xứng với công khó nhọc đó không?

– Có lẽ xứng đáng. Bởi vì ai cũng có thể làm chứng với anh điều mà tôi nói đây. Ngày thứ hai khi chiếc dù với gói nhỏ và khăn vàng rơi không xa

nhà xứ, thì cả làng đổ ra xem. Có ai đó đọc được địa chỉ “Zu Calò” [34]. Người ta báo cho don Calò và y cho người hầu tới lấy đồ vật. Gã này tên là Carmelo Bartolomeo. Tôi nói với anh điều đó để anh có thể đi xác minh. Tôi biết rằng anh cần phải có mọi thứ chính xác.

– Trong thư nói gì? Ai gửi? - tôi sốt ruột hỏi.

– Điều này thì không ai biết cả. Không bao giờ. Ở đây hiện hành luật im lặng. Nhưng anh có thể suy diễn. Bởi vì ngay tối hôm đó, don Calò sai thằng nhóc Magiapano mang thư đến Mussomeli.

– Anh nói rằng don Calò không biết đọc, biết viết cơ mà.

– Không biết. Nhưng em của y, Giovanni biết. Người này là cha xứ ở Villalba và thông báo trong thư gửi cho Capo Mafia Giuseppe Gence Russo - Cicio sung sướng ngẩng mặt lên trời và đọc thuộc lòng bài thơ: “Curatulu Turi Partitura culi vitaddazzi, pila fera di cerda martidi lornu 20. In partitura lu stissu iornu li vacchi, li voi di carrozzu e lu tavaru...”

– Khoan đã, Cicio, tôi ngắt lời Cicio. Đó không phải tiếng Ý.

– Chứ sao nữa, - Cicio nói. - Chúng tôi không nói tiếng Ý, mà nói tiếng Siciliano.

Sau đó Cicio dịch cho tôi nghe bức thông điệp của don Calò gửi cho sếp Mafia láng giềng Genco Russo: Ngày 20 tháng 7 xe kéo tay và bò sẽ đến Mussomeli, đó là tên giả mà Mafia đặt cho xe tăng và lính Mỹ. Họ xuất hiện chính xác đúng như đã báo trước. Mafia đã chuẩn bị chỗ đứng cho lính Mỹ: Hai ngày trước đó, ở Monte San Vito, từng tốp hàng chục lính Ý ra hàng và nộp vũ khí cho đại diện Mafia địa phương. Thiếu tá Salemi, chỉ huy toán quân Ý mà chỉ qua một đêm đã rã ngũ gần hết, thậm chí không hề thử chống cự.

Ngày nay, chúng ta đã biết là cuộc đổ bộ lên Sicilie được thực hiện thành công. Ngày 22.7 Palermo thất thủ, 17.8 cả Sicilie nằm trong tay quân Đồng minh Tây phương. Những thành viên Mafia từng góp phần vào chiến thắng, nay “phục viên về làng” nghĩa là lại quay trở lại với công chuyện của họ. Họ chiếm đoạt chợ đen, tổ chức các vụ ăn cắp kho tàng quân sự, bán thuốc lá Mỹ với giá cắt cổ. Bỗng nhiên họ có tiền tiêu xài. Và khi chung tiền với nhau, họ có cả quyền lực. Ý thức rằng mình được ưu đãi, o bế, đã khuyến khích họ. Đó là mở đầu sự thịnh vượng của Mafia. Không lâu sau đó, sự phát đạt của Mafia chuyển từ Sicilie sang Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, và ở đó cho đến nay chính phủ vô hình Cosa Nostra [35] vẫn là nỗi kinh hoàng của mọi người.

Thế giới ngầm Hoa Kỳ giúp đỡ tình báo hải quân duy trì kỷ luật và trật tự ở vùng cảng. Những tên gangster từng bị cảnh cáo truy nã và tòa kết án kết tội bỗng nhiên được nhận vào tầng lớp những người tử tế. Chúng thích nghi với môi trường mới và lợi dụng tình hình. Hiển nhiên là quân đội Mỹ mở rộng cửa cho mọi người Ý tình nguyện nhập ngũ, vì trong chiến dịch đổ bộ lên Sicilie, mỗi người lính biết tiếng Ý và thông thạo địa hình đều rất cần thiết. Hàng trăm tên vô lại gangster nhỏ có, to có, lừa gạt và trộm cướp, vượt biển trong bộ quân phục US Army [36]. Ở Mỹ có hai triệu rưỡi dân gốc Sicilie. Trong số lính Mỹ đổ bộ lên Gely và Licata có tới 15% người sinh ra ở Sicilie. Họ thông thạo địa hình, dễ dàng nói chuyện với thổ dân và họ có mặt đầu tiên ở mọi nơi.

Trong chiếc xe zip đầu tiên đến Villalba, cùng với các sĩ quan Mỹ cũng có một người mặc sevin. Ý nói đặc giọng địa phương, tên là Damiano Lumina. Đó là một trong những tên giết người thành thạo của Lucky Luciano. Ý tới để xem xét sự tiến triển của tình hình.

Tình hình không đến nỗi tồi. Tất nhiên là đối với Mafia. Sau đổ bộ, Mafia là tổ chức duy nhất hoạt động. Các bố già vẫn ngồi nguyên trên vị trí của mình, quyền lực và sức mạnh của họ tăng lên từng ngày. Đồng minh

phương Tây bắt đầu quản trị đảo bằng tổ chức AMGOT (Allied Military Government of Occupied Territory). Văn phòng dân sự được thành lập với sếp là ngài Beehr, trụ sở Mussomeli.

Don Calò biến mất ngay sau khi xuất hiện các đơn vị Mỹ ở Villalba. Không ai biết y đi đâu và bao giờ trở lại. Sự trở về của y là một thắng lợi và cũng là bằng chứng rằng người Mỹ, hay ít ra là thiếu tá Beehr, không có khái niệm Mafia là cái gì, có quyền lực như thế nào và nó dùng phương pháp gì để “thuyết phục” những kẻ chống đối. Họ không biết là đã trao vào tay tổ chức tội ác này những con bài gì. Sau một tuần, don Calò trở về Villalba với đoàn xe quân sự Mỹ, bên cạnh thiếu tá Beehr, người đại diện tối cao của chính quyền dân sự trên đảo.

Họ bước ra khỏi xe ở chính giữa quảng trường, lập tức tất cả mọi người có mặt ở nhà liền chạy ra đón họ. Mọi người đã làm chứng cho lễ nhậm chức cảm động. Đại diện chính quyền dân sự Mỹ, thiếu tá Beehr đã phong cho Capo Mafia don Calò chức xã trưởng Villalba và vùng lân cận với toàn quyền quyết định. Tham dự buổi lễ có cả những nhân vật quan trọng như Capo Mafia Genco Russo từ Mussomeli và cha xứ Piccielo từ vùng xứ Caltanissetto. Chính quyền dân sự Mỹ đánh giá cao công lao của don Calò và những bạn bè thân tín của y và trao phần thưởng cho y gồm 2 xe tải, một máy kéo với một số lượng lớn xăng dầu. Một số thành viên Mafia có công được nhận mỗi người 50 nghìn dollar tiền mặt. Don Calò không khoe khoang số tiền của mình. Nhưng y đã kịp thời sử dụng cả hai xe tải và số tiền lớn, để không lâu sau đó trở thành vua chợ đen và giàu có vô cùng.

Mafia Sicilie đã nhanh chóng vươn tới đỉnh cao quyền lực. Chả là người Mỹ không cho rằng tất cả bọn phát xít đều đã đầu hàng. Các xe tải quân đội Mỹ đi đến Villalba, Mussomeli và các làng khác, mang vũ khí cho Mafia. Tổ chức tội ác này có trách nhiệm bảo vệ tự do và dân chủ! Người Mỹ vũ trang cho những tên tội phạm và ngay ngày hôm sau chúng đã bắn chết hạ sĩ cảnh sát Pietro Purpi.

Không bao giờ có thể lập được danh sách gangster Mỹ xuất hiện trên đảo cùng với các đơn vị đổ bộ. Tên giết người Damiano Lumina thông dịch trong Bộ tổng hành dinh Đồng minh. Ở đó y gặp đồng nghiệp Vincente Collura, một tay súng khét tiếng của hãng Joe Profaci. Marcellò di Carlo, Joe Pici, Tony Chifalo, Antonio Schullaci, Giovanni Caputo hay Joseph de Luca bỗng nhiên cũng thấy xuất hiện ở cố hương và chắc chắn không phải để thăm bà con họ hàng. Chúng quan tâm đến những áp phe béo bở ở chợ đen. Một số sĩ quan Mỹ khao khát làm giàu, họ giấu hàng hóa với giá trị hàng trăm nghìn dollar từ các kho tàng quân sự và dân sự, sau đó bán ra thị trường chợ đen và chia lời với don Calò.

Tên này trị vì từ phố đá nhỏ của mình trên núi. Trong những ngày này, trung tâm thế giới ở trong ngôi nhà xấu xí của y ở Via Crisis. Tên “bố già” quỷ quyết biết cách lợi dụng tình hình đến mức tối đa. Y lập nên danh sách những người đứng đầu các thành phố và xã thôn lân cận cho chính quyền dân sự Mỹ. Tất nhiên, y đề nghị người của Mafia. Thế là Mafia trong một thời ngắn, cai quản cả nửa đảo. Nó không đại diện cho nhân dân, không bảo vệ quyền lợi của họ, mà buôn bán các loại thuốc tây ăn cắp, đặc biệt là penicillin. Xã trưởng một vùng ngoại ô Palermo Bologuetty Serafino di Peri thậm chí còn tuyển cả một đội quân một trăm tên cướp khủng bố thành phố trong nhiều năm.

Sĩ quan tình báo Hoa Kỳ Joachim Titolo, Anthony Marsloe và Paul Alfieri đã hợp tác với Mafia trong việc đánh chiếm đất Ý. Marsloe đến Roma còn trước cả khi thành phố bị quân Đồng minh chiếm. Viên trung úy tình báo này đã được thưởng huy chương dũng cảm và huân chương “Legion of Ieri” nhờ biết dựa vào sự đóng góp không nhỏ của Mafia. Người của Mafia dẫn viên trung úy tới gặp một sĩ quan Ý, người này biết có một kế hoạch bí mật ám sát chỉ huy quân Đồng minh vùng Địa Trung Hải, tướng Harold Alexander. Viên sĩ quan Ý lo sợ, ban đầu còn do dự không dám tiết lộ chi tiết vụ ám sát. Nhưng Mafia đã thuyết phục được người Ý dẫn Marsloe đến một tòa nhà nhiều tầng và chỉ lên một cửa sổ. Một đơn vị

đặc biệt của quân đội Mỹ bao vây địa điểm nghi vấn. Kết quả thật bất ngờ. Bốn tên phát xít vũ trang tận răng bị bắt, chúng đang chuẩn bị ám sát tướng Alexander trong tổng hành dinh, cách ngôi nhà có vài chục mét.

Kế sau tuyển một là đơn vị kỹ thuật đặc biệt Mỹ. Nhiệm vụ của đơn vị này là báo cáo thông tin về vũ khí của đối phương, bởi vì có tin tức nói là các lãnh tụ Quốc xã cùng với các đồng nghiệp Ý đang xúc tiến việc chế tạo bom nguyên tử.

“Trước khi quân đội chúng ta chiếm được Florence”, trung úy Marsloe khai, “chúng tôi đã phát hiện ở đây kính viễn vọng hai mắt ban đêm cho tàu ngầm, về cơ bản hoàn hảo hơn loại máy Zeiss [37] quen thuộc. Sau khi thành phố thất thủ, chúng tôi đã đoạt được máy simulator [38] “Galileo” dùng cho tàu ngầm, máy này sau này được đặt tại Trung tâm kỹ thuật đặc biệt tại Long Island ở Washington. Ở nhà máy sản xuất mìn “Pignone”, chúng tôi tìm thấy cả một viện bảo tàng mìn và những loại mìn mới chế tạo như loại P-1 600 dùng cho các độ sâu lớn. Còn một loại mìn nữa thì sẽ tự nổ sau khi vớt lên, dùng để phong tỏa vùng biển. Ở Florence, trong nhà máy “Panerai”, chúng tôi tìm thấy cả một kho dụng cụ chính xác dùng cho các hoạt động phá hoại của các toán người nhái thuộc hải quân Ý.

Ở Venise và Milan, chúng tôi đã thu được các thiết kế và mẫu tàu ngầm cực nhỏ bốn chỗ ngồi mà người Ý đã cung cấp cho Nhật sử dụng trong chiến tranh Thái Bình Dương; máy bắn mìn từ Đức, và tàu ngầm phản lực.

Trung úy Alfieri còn gặp may mắn hơn. Khi du kích Ý treo cổ Mussolini và tình nhân của y là Clara Petacci, Hitle ra lệnh cho tìm hồ sơ của Mussolini và bằng mọi giá hủy các tài liệu quan trọng. Các tài liệu này cũng là mục tiêu của tình báo Mỹ. Một thời gian dài, cả hai phía đều bất lực. Trung úy Alfieri đề nghị Mafia Italy giúp đỡ. Các sếp Mafia ra lệnh và cả bộ máy chuyển động. Chỉ sau 24 tiếng Mafia đã biết tài liệu giấu ở đâu. Một xe zip mới, với trang bị đầy đủ tới đón Alfieri, và họ đi qua nửa phần nước Ý. Xe dừng lại trước một biệt thự vắng vẻ bên hồ Lago di Garda.

Người ta dẫn Alfieri vào bên trong. Ở đấy hai thành viên vũ trang Mafia đang canh giữ hồ sơ của Mussolini. Đây là một trong những chiến lợi phẩm giá trị nhất của chiến tranh thế giới thứ hai.

Những ngày đầu, tuần đầu và tháng đầu sau giải phóng Sicilie và Italy khỏi cảnh phát xít thật là sôi động. Người Ý không còn sợ nữa, họ được ăn, được uống, mặc đồ lễ và uống cà phê trong các quán trên vỉa hè. Và họ lập tức bắt đầu buôn bán: Rau xanh mới mọc hôm qua, cá mới bắt hồi hôm; rượu lấy ra từ các kho ngầm; thuốc tây, đồ hộp Mỹ và thuốc lá cũng xuất hiện ở chợ đen đồng thời với quân đội Đồng minh. AMGOT không phải là chính quyền duy nhất trên đảo. Chính quyền thứ hai là chính phủ vô hình Mafia. Họ không đối lập, mà hợp tác với nhau.

Đó không phải chỉ là buổi lễ cảm động thăm tình anh em trên quảng trường thành phố đá Villalba, khi mà những người giải phóng muốn tỏ ra hào phóng, đầy quyền lực và rất thiện chí. Đó không phải chỉ là sự sốt sắng của các thành viên Mafia giúp đỡ các sĩ quan tình báo Hoa Kỳ. Đó là sự hợp tác hai bên cùng có lợi.

Người ta nói rằng nửa năm trước khi quân Đồng minh đổ bộ lên Sicilie, đại tá quân đội Mỹ Charles Poletti đã đến Palermo. Các nhân chứng khẳng định là ông ta, dưới một tên giả, đã ở trong nhà một luật sư ở Palermo và lúc đó đã có liên lạc với don Calogero Vizzini. Mặc dù không có tài liệu về việc này, đến nay ở Sicilie vẫn cho rằng Poletti là nhân vật quan trọng. Từ hậu trường điều khiển các hoạt động chung của Mafia Mỹ và Mafia Ý. Những hoạt động này không phải là ít.

Đại tá Poletti xuất thân từ Sieiffe, nắm vững các quan hệ địa phương, có bạn bè giữa những người quân chủ và cả những người phân lập, các sếp Mafia hoàn toàn tin tưởng ông ta. Ông ta là người có vai trò quyết định trong việc “hồi hương” hàng loạt gangster Mỹ gốc Sicilie hay Italy về đảo ngay sau tuyến một. Một điều chắc chắn là trong chiếc xe lạ mặt của mình,

ông ta đi đến khắp mọi nhà và đều được tiếp đón nồng nhiệt. Thậm chí ở Roma, ông ta còn gặp ông bạn già Genovese.

“BỐ GIÀ” HAI MẶT GENOVESE

Vito Genovese là một tội phạm chuyên nghiệp. Y “tiến thân” cực kỳ nhanh, nhưng xuống dốc còn nhanh hơn nữa. Bề ngoài trông y như công chức lương thiện, một bác sỹ hảo tâm, hay một biên tập viên của một nhật báo uy tín. Y đeo kính gọng vàng, mặc comple tuy không nổi lắm, nhưng được cắt may rất cẩn thận. Khác với Al Capone hay Luciano, y không thích được nhiều người biết tiếng, xử sự cẩn thận như một nhà ngoại giao, biết cách chiếm được cảm tình cũng như sự tôn trọng. Ngay từ trước chiến dịch đổ bộ lên Sicilie cho mãi đến sau giải phóng Italia, Genovese là một thông dịch viên tin cẩn, một cố vấn chính trị uy tín trong Bộ tổng hành dinh của quân đội đồng minh. Mọi người đều hài lòng về y. Các tướng lãnh không mảy may hay biết họ đang vinh dự được làm việc với ai. Họ không biết về “sự nghiệp” tội ác của y ở Mỹ, về sự hợp tác của y với những tên trùm phát xít. Họ chắc phải giật mình sờ tay lên gáy khi biết rằng trước kia, y đã từng đi lại với Mussolini.

Genovese bắt đầu “sự nghiệp” tội ác của mình trong thời kỳ cấm rượu. Y buôn lậu Whisky, bán bia cất từ cồn, sống bằng nghề ma cô. Ban đầu khi mới chập chững vào nghề, y đã phải mấy lần vào nhà đá. Mười một lần y bị bắt và cũng mười một lần người ta phải thả y vì thiếu chứng cứ. Sau đó y chuyên về kinh doanh thuốc phiện. Thời gian đó mọi việc đều trót lọt. Nhưng năm 1934, y đã đánh giá mình quá cao.

Genovese không thỏa thuận được với đồng nghiệp Ferdinand Boccia về phần chia. Boccia là một tên vô lại loại nhỏ, nhưng gã lại gặp may. Gã làm quen với một nhà công nghiệp từ Brooklyn, một người chơi poker [39] đam mê. họ ngồi sau bàn phủ khăn xanh, chơi một ván, rồi ván thứ hai. Boccia cố ý thua và hứa với ông bạn mới là ngày hôm sau, hăn sẽ dẫn đến một người chơi xứng đáng, ngày hôm sau, người ngồi phía bên kia bàn chơi - một thanh niên bề ngoài có vẻ đứng đắn, nghiêm túc - tên là Mike Miranda.

Chỉ trong một đêm ở sòng bạc sau quán ăn của Boccia, tên gangster đồng thời cũng là tay bạc lành nghề đã ăn của nhà công nghiệp nọ tới 150.000 dollar, thế mà ông ta không may mắn gì hết.

Công nghiệp gia bị lừa không biết rằng đạo diễn ở hậu trường là Vito Genovese, người đã xuất vốn tiền đặt cho Miranda. Genovese là kẻ lật lọng, mặc dù đã hứa chia cho một phần ba tiền lời, y không đưa cho Boccia một cắc nào cả. Khi Boccia đòi nợ, Genovese đã thuê hai tên giết người chuyên nghiệp Ernest The Hawk Rupolo và William Gallo thanh toán người bạn hữu khó chịu. Người ta tìm thấy xác Boccia trong một phố gần quốc lộ với nhiều vết đạn. Cảnh sát không tìm ra thủ phạm, thậm chí họ cũng chẳng mấy nhiệt tình trong việc điều tra. Genovese trả tiền cho những kẻ giết thuê và lại tiếp tục các phi vụ tội lỗi của mình. Nhưng chẳng may cho y, Rupolo bị bắt vì bị tình nghi từ một vụ giết người khác và cảnh sát có đầy đủ bằng chứng. Trong khi bị hỏi cung, lo sợ trước cái chết trên ghế điện, Rupolo đã khai hết. Thế là chánh án biết được chính Genovese thuê giết Boccia, cũng chính y đã vạch ra phương án bịt miệng những kẻ giết người. Ngoài Rupolo và Gallo, còn một tên giết thuê nữa là Sal Palmysa giúp chúng.

Ba tên này bắn chết Boccia và sau đó chúng thản nhiên đi xem phim như không có chuyện gì xảy ra, Rupolo còn có một nhiệm vụ nữa, tất nhiên là y được trả thêm tiền. Y phải thanh toán nhân chứng Gallo, tòng phạm với y. Chúng ngồi vào lô và theo dõi cảnh sát, rập mình trên ngựa, đuổi bắt kẻ trộm. Khi trên màn ảnh súng nổ liên hồi, thì Rupolo đặt súng vào thái dương Gallo và bóp cò. Súng không nổ, kim hỏa bị hỏng, Gallo kinh hoàng đứng dậy, nhưng Rupolo thân mật vỗ vai và ôm bụng cười. Gã giải thích rằng gã muốn đùa một tí thôi. Khi hết phim, Rupolo ra nhà vệ sinh và chữa súng, cả ba đi ra khỏi rạp và ở một hẻm phố. Rupolo đã bắn mấy phát vào Gallo. Nhưng y không gặp may. Người bị bắn nhảy vào ngôi nhà gần nhất và biến mất.

Julius Hefland là đại diện công tố chính phủ ở Brooklyn. Nhận được bản khai của Rupolo, ông liền ký lệnh bắt Vito Genovese, kẻ bị tình nghi về vụ giết Ferdinand Boccia. Vito Genovese hoảng sợ và tính nước chuồn. Dưới một tên giả, y đến cảng New York và lên tàu đi Ý. Y liên lạc với Mafia địa phương và cũng bắt đầu hợp tác với bọn phát xít.

Boccia không phải là nạn nhân duy nhất của Genovese. Năm 1932, y đã cho giết Gerardo Vernotico vì người này cản chân y. Vito Genovese yêu vợ của Vernotico và muốn chiếm đoạt cho mình. Thời kỳ này ở Ý luật pháp không cho ly dị, thế là Genovese cho gọi hai tên giết người kinh nghiệm Peter Miono và Michaelo Barrese, chúng bóp cổ người chồng đang phơi nắng trên gác thượng. Nhân chứng ngẫu nhiên Antonio Lonza cũng bị giết chết. Sau này Genovese cưới vợ của Vernotico. Có lẽ để trừ hậu họa, y cho giết luôn cả hai tên giết người Miono và Barrese. Chỉ sau đó lễ cưới linh đình mới tiến hành và chú rể bế cô dâu qua ngưỡng cửa của một biệt thự lộng lẫy.

Vito Genovese là con cừu đen giữa bọn gangster. Y không giấu diếm sự thù địch Do Thái của mình. Y không ưa Bugsy Siegl, Meyer Lansky, nhưng trước hết y thâm thù Abner Zwillman, Zwillman đã có lần biểu lộ sự khinh bỉ đối với các phương pháp của Genovese. Zwillman là tay ăn chơi lịch thiệp, rất thành công trong quan hệ với phái yếu. Y sống một thời gian lâu với nữ diễn viên điện ảnh Hollywood nổi tiếng Jean Harlow. Sau đó y cưới người khác và sống tại West Orange ở New Jersey. Y bỏ nghề gangster và kiếm sống bằng chơi cờ bạc. Genovese đã cho người giết Zwillman. Ngày 27-2-1955, người vợ thấy y đã bị treo cổ trong kho.

Thoạt nhìn thì giống như một vụ tự sát. Thậm chí Zwillman còn có lý do để rời bỏ thế giới dễ chịu này: Y đang bị truy nã về tội trốn thuế. Nhưng sau khi khám xét thi thể nạn nhân, người ta kết luận là bị bóp cổ chết rồi sau đó mới bị treo lên.

Genovese không từ bất cứ thủ đoạn nào, nếu y phải thanh toán địch thủ. Đến cả Lucky Luciano, y cũng có ý đồ ám sát. Ngày 1.5.1957, y đưa cho Vincent Gigante một món tiền lớn để tên này thanh toán ông “bạn hữu” khó chịu Frank Costello. Võ sĩ quyền anh Gigante chờ nạn nhân của mình trước tòa nhà Majestic Apartment ở phía tây Central Park và bắn ngã Costello chỉ bằng một phát súng lục. Nhưng Costello không chết như Gigante tưởng. Y được đưa tới bệnh viện và các bác sĩ đã cứu sống y.

Carlo Tresca là nhà báo, người chống phát xít, thậm chí có thể là người cách mạng. Anh làm biên tập cho tuần báo Ý “II Martello” (Búa Tạ), xuất bản ở New York. Anh là kẻ thù của Mussolini và gây nhiều khó chịu cho tên thủ lĩnh phát xít này. Trong thời gian sống ở Ý, Genovese liên kết với bọn phát xít và rõ ràng là y nhận đơn đặt hàng của phát xít. Y phải thủ tiêu nhà báo “vô lễ” này.

11.1.1913, một đêm giá buốt. Gió lạnh thổi mạnh trên đường phố và cuốn đi những mẩu báo vút trên đường. Chín giờ 30 phút, một người đàn ông tóc sẫm, dáng nhỏ thấp, rảo bước trên phố 15. Cổ áo anh ta dựng đứng còn tay thì đút sâu vào túi như muốn lẩn trốn gió rét. Trước mặt anh là phố 5. Vào giờ này phố 15 là đã vắng vẻ, nhưng ở phố 5 đèn néon vẫn nhấp nháy và xe hơi còn chen nhau trên đường. Một xe hòm đen bỗng ngoặt sang phải. Người đi bộ với cổ áo dựng đứng chỉ còn mấy bước nữa là tới ngã tư, thì từ chiếc xe đang đi vang lên mấy phát súng. Người đàn ông quy xuống quần quai một lúc trên vỉa hè, rồi nằm im không động đậy. Ký giả “khó chịu” Carlo Tresca đã tắt thở.

Người ta không tìm ra hung thủ và thực tế chẳng ai cố gắng điều tra cả. Sau này một số nhân chứng cho rằng từ Ý, Vito Genovese tổ chức vụ ám sát này, thông qua đường dây tình báo mật. Y đã nhận được nửa triệu dollar tiền công. Người ta cũng đồn rằng y đã mang từ Mỹ sang Ý gần một triệu dollar và ủng hộ một cách hào phóng phong trào phát xít. Cũng có thể 500 nghìn dollar này là tiền trả nợ. Có điều chắc chắn là y rất được trọng vọng.

Y được thưởng mẽ đay và phong danh hiệu danh dự “commendatore della Corona d'Italia”[40]. Theo một số nguồn tin khác, người ta còn tặng cho y huân chương chữ thập và danh hiệu “commendatore del Re” [41]. Khi nước Ý đầu hàng, y đến trình diện tại Bộ tổng hành dinh Đồng minh như một công dân Mỹ bị chiến tranh giữ lại nơi đất khách quê người. Y bắt đầu tổ chức các vụ áp phe hàng hóa khan hiếm ở Neapoli và ở Roma. Y hợp tác với các sĩ quan “tháo vát” ở các kho quân sự và với những món hời béo bở, y giúp họ bán đồ hộp, thuốc lá, đường và bột. Buôn bán trót lọt, thậm chí Genovese còn là chủ một nhà băng ở Roma. Y sống vương giả, có những quen biết thế lực và trong cặp lúc nào cũng đầy đủ các giấy tờ chứng nhận quan trọng.

Thiếu tá quân đội Mỹ ở cục dân sự EN. Holmgren đã viết giấy chứng nhận công lao mà cho y, còn đại úy quân cảnh Charle L. Dunn thì ký giấy ca ngợi tinh thần ái quốc của y.

“Chủ nhân giấy chứng nhận này, Vito Genovese, Holmgren viết, “là công nhân Hoa Kỳ”. Ngay sau khi đến Noly, ông ta đã tới xin tình nguyện phục vụ và làm thông dịch viên ở bộ phận của tôi hơn một tháng. Ông từ chối nhận bất cứ phần thưởng nào, tự trang trải mọi chi phí trong công việc của mình. Ông làm việc quên mình, ngày cũng như đêm, và đã dành cho Bộ tổng tham mưu Đồng minh sự giúp đỡ quý báu. Tuyên bố này là sự đánh giá cao những cống hiến không vụ lợi của ngài Vito Genovese!”

Đại úy quân cảnh Mỹ Charles L. Dunn còn thêm cả con dấu vào giấy chứng nhận.

“Tôi chứng nhận là Vito Genovese làm thông dịch viên cho tôi từ ngày 28.1.1944. Ông là người giúp việc vô giá. Ông đã giúp tôi phát hiện các vụ tham ô, các tổ chức chợ đen mà một số nhân viên dân sự của quân đội Mỹ tham gia. Ông là người rất nhanh nhẹn, sáng suốt. Ông am hiểu người Ý và trung thành tuyệt đối với tổ quốc Hoa Kỳ, cũng như với quân đội Mỹ”.

Với những giấy tờ như thế này, mọi nơi đều rộng cửa đón y. Y tổ chức lại Mafia và điều khiển các vụ áp phe béo bở. Người của y ăn cắp xe tải quân sự Mỹ ở cảng Neapoli, dùng xe đó chở hàng hóa ăn cắp từ kho quân sự Quartermaster's Supply Depot. Sau đó, ở một chỗ vắng vẻ, chúng đốt xe để phi tang. Với các sĩ quan Mỹ thì y tổ chức một đội quân gái làm tiền sẵn sàng phục vụ bất cứ ở đâu, khi nào.

Nhưng công tố ủy viên Hefland không quên y. Khi Genovese chạy trốn sang Ý, ông không thể đưa y ra tòa. Sau đó, trong nhà tù Brooklyn Civil Prison, một người lạ mặt còn đầu độc nhân chứng duy nhất trong vụ “Carlo Tresca”. Nhưng khi Ý đầu hàng, ông đã yêu cầu Bộ chiến tranh hợp tác. Ngày 8.1.1944, sĩ quan cục điều tra của Bộ chiến tranh bắt và đưa ra tòa Vito Genovese. Bốn ngày sau một người đàn ông lạ mặt xuất hiện và đưa ra đề nghị hấp dẫn: Dickey sẽ có 250 ngàn dollar nếu anh ta không thi hành lệnh. Dickey không ăn hối lộ và quyết định thực thi nhiệm vụ, mặc dù điều đó không dễ dàng. Nhiều người thọc gậy bánh xe, không những chỉ có thành viên Mafia mà cả đồng nghiệp của Dickey nữa. Một thời gian dài, Dickey không sao tìm ra Genovese. Mãi đến tháng 5.1945 tên tội phạm mới bị sa lưới.

Điệp viên Dickey có một nhiệm vụ đặc biệt ở Ý. Từ tháng 12.1943, Dickey đã đến Ý để điều tra các vụ ăn cắp thực phẩm, nhiên liệu ở các kho quân sự của quân đội Mỹ, phát giác những kẻ tổ chức chợ đen buôn bán dầu ôliu, bột và đường ăn, chủ yếu ở vùng Neapoli và Poggio. Tổ chức chợ đen làm ăn lớn và không để một sơ suất. Nó có một số lượng lớn, thực phẩm và một khoản dollar đáng kể. Những dollar này lại xuất hiện trong thị trường, chứng khoán đen, bởi vì ở Ý, sau chiến tranh mọi thứ đều có thể mua được bằng dollar. Dickey đã phát hiện ra là một số sĩ quan Mỹ tạo điều kiện cho các vụ trộm cắp ở các kho tàng quân sự bởi sự lơ là hoặc dễ dãi cố ý. Anh ta đã lần mò ra các đường dây mà qua đó thuốc lá Mỹ, thời gian đó quý như vàng, được tuồn ra chợ đen. Dickey đã phát hiện không những chỉ mạng

lười người môi giới mua đi bán lại, mà cả sếp của tổ chức kinh doanh bất hợp pháp: Vito Genovese.

Vito Genovese sống ở Neapole trong một "apartment" sang trọng mà bất cứ nhà triệu phú nào cũng có thể tự hào về nó. Y trang bị thêm những thư cảm ơn, giấy chứng nhận, giới thiệu của các sĩ quan cao cấp trong Bộ tổng tham mưu quân đội Đồng minh. Thiếu tá Young tặng bốc gangster lên chín tầng mây, nhấn mạnh sự vô tư trong khi giúp đỡ quân lực Mỹ của y.

Người vô tình dẫn điệp viên cục điều tra dân sự Dickey tới sào huyệt của Genovese lại là một thành viên Mafia Miri Castello. Tên này cũng chạy trốn pháp luật từ St. Louis Hoa Kỳ và tiếp tục hành nghề ở Ý. Castello sống trong cùng một nhà với Genovese. Dickey theo dõi Castello và tìm ra con mồi của mình: Vito Genovese. Đồng thời anh ta cũng phát hiện ra những việc không thể tin được: Genovese sử dụng các đường dây tình báo Đồng minh, điện đài của Bộ tổng hành dinh để liên lạc, nói chuyện với các chiến hữu của mình ở Mỹ bất cứ khi nào y muốn.

Điệp viên Dickey bắt Vito Genovese khi y đi trong một xe fiat bóng lộn tới trước ngôi nhà đang thuê. Genovese và tài xế đều có vũ khí. Chúng không muốn bị bắt và Dickey phải yêu cầu lính Anh can thiệp. Cuối cùng, Genovese phải đầu hàng. Sau đó Dickey cùng với tù nhân của mình tới cảng Bari và lên tàu đi New York. Cuối cùng, công tố ủy viên Herlands đã bắt được Genovese.

Mãi một năm sau Genovese mới bị ra trước vành móng ngựa. Dù cho luật sư luận tội có cố gắng thế nào đi nữa thì tòa án vẫn thiếu bằng chứng, nhân chứng duy nhất thì từ lâu đã xanh mờ. Vito Genovese được tha bổng. Người ta cũng không trừng phạt cả viên đại tá bán mình Poletti, người không những tạo điều kiện cho Mafia làm ăn mà còn trực tiếp tham gia các phi vụ. Ngay cả thiếu tá Charles Beehr, có thể do không am hiểu và do ngu xuẩn, đã bổ nhiệm bố già don Calò Vizzini làm thị trưởng Villalba, cũng không bị khiển trách gì.

Vito Genovese nhận được từ tòa án Mỹ giấy chứng nhận liêm khiết và có thể tiếp tục làm ăn với quy mô lớn. Y chọn thuốc phiện, tổ chức mạng lưới người giúp việc, chuyển hàng, bán hàng, mua hàng... Y ngồi trong văn phòng tiện nghi và xử sự, ăn mặc và sinh hoạt như một thương gia Mỹ đứng đắn. Không ai biết rằng người láng giềng đứng tuổi vui vẻ, hết lòng chăm lo gia đình, con cái, lại là kẻ giết người, là một tên gangster và triệu phú. Trong thời gian xử án, người ta dự tính có khoảng 30 triệu dollar. Có tiền mua tiên cũng được. Genovese nhiều lần bị nghi vấn, nhưng lần nào có luật sư kinh nghiệm và có khi cả những quan tòa dễ dãi nữa. Một vài lần y suýt bị sa bẫy. Khi bị bắt quả tang tham dự đại hội gangster ở Appalachian, y đã phải trả lời trước ủy ban điều tra của thượng nghị sĩ Mc Clellan. Genovese đã trả lời các câu hỏi một cách kính cẩn, với vẻ mặt nghiêm trang.

- Ông là công dân Hợp chủng quốc Hoa Kỳ? - thượng nghị sĩ Mc Clellan hỏi.

- Tôi phản đối trả lời, vì nó có thể được dùng để chống lại tôi, - Genovese nói cương quyết.

- Tôi rất sung sướng nếu nhân chứng giải thích tại sao ông ta không muốn trả lời ông ta có phải là công dân Mỹ hay không? - Thượng nghị sĩ Ives hỏi.

- Tôi phản đối trả lời - Genovese nhắc lại.

- Có thể ông xấu hổ vì quốc tịch của mình? - Thượng nghị sĩ Ives kiên trì.

- Tôi phản đối trả lời.

Y không trả lời bất cứ câu hỏi nào, ủy ban không biết thêm gì hết, không một nghi vấn nào về tội ác của y được khẳng định. Thế là vua thuốc phiện có thể tiếp tục làm ăn.

Nhân viên sở chống ma túy bám sát bố già quyền lực. Họ theo dõi các đường dây, những kẻ phân phối hàng. Cuối cùng họ bắt được một người chuyển hàng với số lượng lớn bạch phiến. Ban đầu gã này còn im lặng khi nhớ tới luật Mafia “omertà” nhưng cuối cùng gã cũng phải bắt đầu “hát”.

Lần đầu tiên tòa có các bằng chứng về tội ác của Vito Genovese và năm 1959 y bị kết án ba mươi năm tù giam.

THỊ TRƯỞNG DON CALÒ

Don Calogero Vizzini trở thành thị trưởng Villalba và chăm lo phát triển quyền lực Mafia ở Sicilie.

Vậy y là ai mà chiếm được sự tin cậy đến như vậy của người Mỹ?

Chúng tôi ngồi trên bờ biển chờ những người đánh cá chở lậu thuốc lá Mỹ vào bờ.

- Việc này vẫn còn có lời? - tôi hỏi Eranceco d'Assaro, tức Cicio.

- Họ kiếm được gấp đôi so với đánh cá. Trong khi đó, đây là cách làm ăn chắc chắn.

- Đây vẫn là tổ chức buôn lậu như hồi sau chiến tranh?

- Tất nhiên là có thay đổi một vài người.

- Thế ra Vito Genovese đã xây dựng một công ty làm ăn phát đạt?

- Một phần do Vito, nhưng còn do cả Luciano nữa, khi y trở lại Ý.

- Thế còn ông thánh trên núi, don Calò? Tôi hỏi.

- Cái gì, don Calò? Cicio không hiểu. - Chết lâu rồi, Y đã già lắm rồi.

- Tôi muốn biết y là người như thế nào mà có một quyền lực như vậy?

- Thô thiển. Vô học, - Cicio khinh bỉ và chẳng thèm nhìn xem có ai nghe trộm không. Don Calò đã nằm dưới mồ, không nguy hiểm nữa và danh tiếng của y, sau bấy nhiêu năm, cũng đã mờ nhạt rồi. - Y nổi tiếng nhiều nhất nhờ buôn bán hàng lậu. - Cicio nói thêm.

– Được rồi, nhưng trước đó? - tôi khẩn khoản - Do đâu mà y có được quyền lực?

– Quyền lực? Mọi quyền lực của Mafia ở Sicilie từ thừa cha sinh mẹ để đều xuất phát từ nghèo khổ. Ở đây phần lớn là người nghèo. Họ không có đất, không có việc làm, không có cả quyền lợi nhỏ nhất, họ không được học hành. Calogero Vizzini cũng xuất thân từ một gia đình như vậy. Bố y không có gì cả, ngoài cái đói. Nhưng bù lại, bố y lấy vợ tương đối khá.

– Cô dâu có của?

– Turida Scarlate chẳng giàu có gì, nhưng người bố có một mẫu ruộng và thế là nhiều rồi. Anh của mẹ là giám mục xứ Muro Lucano, một người có thế lực. Khi còn nhỏ, tôi nghe nói rằng don Calò là kẻ chuyên gây gổ đánh lộn. Nhưng đúng hơn y là một tên cướp chính cống. Mới 17 tuổi đã cầm đầu băng cướp, chuyên đe dọa, trấn lột. Chúng đánh gần chết tình địch của Calogero, và do sơ suất nên bị cảnh sát bắt. Nhưng Calò chỉ phải ở trong nhà giam cho đến sáng, vì ngài giám mục xứ Muro Lucano, cậu của y, đích thân tới bảo lãnh.

– Thế thì vụ đó càng làm tăng thêm uy tín cho y.

– Không những chỉ uy tín. Khi 20 tuổi y là sếp một hội anh chị, mà ngày nay có thể được gọi là cảnh sát tư hay hãng bảo hiểm. Trên núi không có cối xay và mọi người phải đi xa tới 80 cây số để xay bột. Trên đường họ thường bị cướp, có khi chính bởi băng cướp Calò. Tên cướp trẻ đề nghị đóng tiền bảo hiểm. Mọi người trả tiền và không phải sợ cướp nữa.

– Biện pháp ăn cướp này được Mafia Hoa kỳ áp dụng cho tới bây giờ.

– Nó sẽ tồn tại mãi mãi. Ai không tuân theo, sẽ bị trừng phạt.

– Thế không ai biết y là cướp sao?

– Hai ba lần y bị bắt và ra toà vì bị tình nghi giết người, nhưng lần nào y cũng được trắng án. Tiếng tăm của y được thù dệt thành những giai thoại ly kỳ. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, y còn được tặng huân chương.

– Lúc đó y đã là thành viên Mafia?

– Vâng, y và bọn đàn em cướp ngựa trong núi với quy mô lớn và bán lại cho quân đội Ý. Có khi chỉ mua bán trên giấy tờ.

– Việc này bị phát giác?

– Có rất nhiều người, kể cả sĩ quan, bị liên quan. Bộ trưởng chiến tranh ra lệnh điều tra vụ lừa đảo và đưa tội phạm ra toà án binh. Lần này Calò lại được trắng án vì thiếu bằng chứng, và được tiếng tăm là người quyền lực bất khả xâm phạm. Núp dưới danh nghĩa tập đoàn sản xuất cho cựu chiến binh với sự giúp đỡ của chính phủ, bằng các thủ đoạn lừa đảo, y chiếm đoạt đất đai của người khác. Vụ việc bị lộ, công tố ủy viên khởi tố chống Calò, nhưng y có đủ quen biết và phương tiện để thoát khỏi tình hình nguy hiểm. Khi trở thành thị trưởng Villalba nhờ sự ưu ái của các sĩ quan Mỹ, y ra lệnh huỷ bỏ vụ án trên. Trong cả vùng rộng lớn, Calò không có đối thủ cạnh tranh. Y “trị vì” hội Mafia bằng bàn tay sắt. Hội này chiếm được quyền lực, tiếng tăm, nhưng trước hết là tiền, và với nó Mafia có thể mua được tất cả. Ai không chịu khuất phục, người đó phải chết.

Sau bao năm kinh doanh, tuy tàn nhẫn nhưng thành công, sau bao năm thanh toán đối thủ cạnh tranh và những người cản trở, sau bao vụ ám sát nham hiểm và các vụ khủng bố tàn bạo mà y dự liệu và điều khiển, don Calò Vizzini từ già thế giới như một công dân lương thiện, một người yêu nước quên mình. Y bất ngờ bị nhồi máu cơ tim trong xe hơi và chỉ kịp bảo tài xế dừng xe vì y thấy mệt. Đó là ngày 15-6-1954.

Mafia có những tục lệ lâu đời. Khi bố già chết, tang lễ được tổ chức như đối với nguyên thủ quốc gia, mặc dù có thể trước đó, người quá cố bị Mafia

cho bản nát người. Những kẻ giết người, râu không cạo, đi trong đám tang như những người than khóc khác. Xe hơi, thậm chí xe tải chở hoa, một số thành viên ưu tú của Mafia không quan tài. Trong đám tang don Caló Vizzini, chúng tranh cãi lâu với nhau, ai sẽ không thi hài của bố già - thị trường đầu tiên, ở phía nào và thứ tự ra sao. Đây là vấn đề phân hạng, mỗi người sẽ có chỗ tương ứng với vị trí của mình trong Mafia. Ở mỗi góc quan tài lộng lầy có dính một dải lụa. Bốn người đàn ông giữ bốn đầu dây. Không phải ai muốn giữ đầu dây nào cũng được. Dây phía trước bên trái gọi là dây rốn, và chỉ có kẻ kế vị, bố già tương lai mới được phép cầm nó trong tay. Genco Russo từng ăn trộm, trốn lộn, nay là một chủ trại thể lực, cũng có mặt trong đám tang Calò Vizzini.

NGÀY TRỞ VỀ

Ở trong tù nhưng Lucky Luciano theo sát tình hình trên các mặt trận để nhậ thể chiến, và khi tiếng súng vừa ngừng nổ, y lập tức sử dụng sự quen biết và công lao của mình. Ngày 8.5.1945, khi Đức Quốc xã đầu hàng vô điều kiện phe Đồng minh, luật sư Moses Polakoff đệ đơn xin ân xá của Luciano lên thống đốc Dewey. Lúc này, khi kết cục chiến tranh đã rõ ràng, y không ngần ngại nhấn mạnh công lao của mình, rằng y đã tham gia cuộc chiến chống kẻ thù một cách tự nguyện và kịp thời, rằng y đã cung cấp cho quân đội những thông tin và giúp đỡ vô giá, rằng y hành động như một người yêu nước chân chính, góp phần đáng kể vào chiến thắng huy hoàng...

Tình báo hải quân Hoa Kỳ đã hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách xuất sắc và bây giờ các chỉ huy của nó bắt đầu các biện pháp ngụy trang để che giấu vết nhơ trên uy tín của mình. Mặc dù không ai hứa hẹn một cách chính thức, Lucky Luciano chờ đợi, và điều đó không phải là vô căn cứ, mọi người ghi nhận công lao của y. Nhưng y chỉ nhận được sự lạnh nhạt của các sĩ quan nhiệt tình trước kia, còn luật sư Mose Polakoff thì vô vọng đi tìm nhân chứng cho sự hợp tác trước kia. Ngược lại, ở trung tâm tình báo hải quân tại Washington, người ta khẩn trương thủ tiêu các hồ sơ liên quan. Thậm chí Meyer Lansky còn khẳng định là cơ quan tình báo bằng mọi cách cản trở việc giải quyết đơn xin ân xá của Luciano, để y phải ở mãi trong tù và không có thể tiết lộ về sự hợp tác giữa tình báo và Mafia. Moses Polakoff là một luật sư tài ba và nhiều quen biết, nhưng mặc dù đã xoay mọi cách ông ta vẫn không có được giấy chứng nhận chính thức công lao cho thân chủ của mình.

Nhưng cán cân công lý đi đến từ nơi Luciano ít hy vọng nhất. Từ thống đốc Dewey. Ngày 4.1.1946, sếp Mafia đang tuyệt vọng trong bốn bức tường xà lim, thì nghe tiếng chìa khoá tra vào ổ khoá cách, cửa mở và người giám ngục đến trước tù nhân số 15684.

— Anh hãy theo tôi, Luciano, tôi được lệnh dẫn anh đến ngài giám đốc.

Cùng ngày, Luciano được thông báo rằng thống đốc Dewey chuẩn y đơn xin ân xá và y được tự do. Nhưng y còn chưa biết là người mà y ít trông mong nhất lại giải thích quyết định của mình bằng những lý do mà cơ quan tình báo cố phủ nhận: “Trong thời gian chiến tranh, Lucky Luciano đã giành cho hải quân Hoa Kỳ sự giúp đỡ rộng lớn và hiệu quả. Mười năm là hình phạt nặng nhất đối với tội cưỡng ép mãi dâm. Những điểm trên cùng với thực tế là Luciano bị trục xuất mãi mãi khỏi lãnh thổ Hoa Kỳ là lý do mà Hội đồng xét duyệt quyết định thỏa mãn đơn xin ân xá”.

Từ nhà tù Great Meadows, y được chuyển tới Sing Sing ở Ossining, gần New York. Ở đó, trước khi được thả, ngày 9 tháng 1, còn được hai người tới thăm: Đại diện công tố ủy viên Louis A. Pagnucco và trưởng thanh tra Glynn. Họ cố gắng tìm hiểu các chi tiết về vụ giết hại biên tập viên Tresco. Lúc đó, tuy ở trong tù nhưng Luciano có liên lạc với thế giới ngầm, y có thể biết ít nhiều và vì y sẽ mãi mãi đi khỏi Hoa Kỳ, y cũng có thể tiết lộ. Đây là kinh nghiệm thông dụng được tất cả cảnh sát trên thế giới áp dụng. Tù nhân được thả thường sẵn sàng hợp tác, sốt ruột chờ giây phút đứng ngoài cổng nhà tù hít thở không khí tự do, họ suy nghĩ bộp chộp và dễ bị ảnh hưởng, nhưng điều đó không có tác dụng đối với vua Mafia Lucky Luciano. Y tuyên bố là không biết gì về vụ sát hại Tresco nhưng lại để ngõ cửa sau.

– Các ngài biết đấy, tôi sẽ bị trục xuất - y nói, - Tôi sẽ không có tự do trên đất Mỹ. Các ngài hãy thu xếp để người ta hủy bỏ lệnh trục xuất, rồi tôi sẽ chạy các thông tin đó cho các ngài, các ngài chẳng phải chờ lâu đâu.

Có đúng là y định phản bội? Y thực sự muốn nói? Hay đó chỉ là cách nói khéo để y khỏi phải nhõ vào mặt cảnh sát rằng ngay cả trong mơ, y cũng không bao giờ có ý định giúp đỡ họ trong cái nghề bán thiu của họ.

Ngày 16.1.1946, ủy viên công tố Pagnucco, sau khi thỉnh thị ý kiến của sếp Hogan, trở lại Sing Sing.

– Tôi có tin lành cho anh, Luciano, - Pagnucco thông báo, - ngài Hogan cùng chia sẻ quan điểm của tôi. Nhờ anh cung cấp cho chúng tôi các thông tin đó, thì chúng tôi sẽ thông báo cho cơ quan có trách nhiệm biết là anh đã giúp đỡ chúng tôi trong một vụ án quan trọng và nhiệt tình của anh sẽ được đánh giá xứng đáng.

– Không! Tôi không phải là con nít, thưa các ngài! Bị nhốt trong tù làm sao tôi liên lạc được với bên ngoài? Bằng chim ư? Tôi phải tin lời hứa này ư? Không, tôi đâu có ngây thơ đến như vậy, thưa quý ngài.

Ngay sau đó Luciano được đưa tới Ellis Island, dưới sự giám sát của các nhân viên cơ quan di tản. Ở đó, ngày 2 tháng 2, Moses Polokoff, Meyer Lansky và gangster Lascari còn tới thăm y. Họ mang đến cho y quần áo mới, đồ dùng cần thiết và bàn bạc với y về những việc phải thu xếp khi rời khỏi đất liền. Cả bố già Mafia Frank Costello cũng xuất hiện trong lần gặp mặt này, Lansky nói rằng y dùng cơm tối với Costello ở nhà hàng Moore để thống nhất tổ chức lễ tiễn đưa Luciano. Không một ký giả, không một kẻ tọc mạch nào được biết gì hết.

Đêm mùng 8, rạng ngày 9 tháng 2, trời lạnh và tối đen như mực. Ở bến cầu số 7 trên cảng Booklyn, một chiếc tàu không lớn lắm, với dòng chữ “Laura Keene” ở mũi tàu, đang thả neo. Tàu này mang tên nữ diễn viên nổi tiếng, sắm vai chính trong hài kịch được trình diễn cho Tổng thống Abraham Lincoln và phu nhân xem, và cũng ngay trước mắt Laura Keene, hung thủ Booth đã bắn tử thương Lincoln. Đây là tàu vận tải quân sự, trong chiến tranh nó trở thành quân sự sang châu Âu và bây giờ nó đưa lính Mỹ hồi hương.

Các cần cầu làm việc liên tục kêu ken két, công nhân cảng xếp lên tàu những bao bột cứu đói cho dân Ý, vì tàu này sẽ cập bến cảng Janov. Ba xe hòm đen bóng lộn đi qua cổng bến cảng, vòng quanh nhà kho và dừng bên bến tàu. Máy người đàn ông bước ra khỏi xe và lặng lẽ bước vội đến cầu tàu, trời vẫn mưa nặng hạt. Đội võ trang của đội di tản đưa Luciano lên

boong tàu. Thuyền trưởng R. H. Salter ra đón họ, và giám thị Ratzee cùng hai lính canh Sessa và Scanlon dẫn họ đến cabin của Lucky Luciano. Trên boong tàu xuất hiện những vị khách với tư cách đáng ngờ. Sau này người ta xác minh được rằng cả hội đồng bộ trưởng thế giới ngầm đã đến chia tay với Lucky Luciano. Chúng là những tên gangster khét tiếng: Frank Costello, Meyer Lansky, Bugsy Siegel, William Moretti, Moe Dalit, Tommy Luchese, Joe Adonis, Steve Maggadino, Phil Kastell, Owney Madden, Joe Bonanno và Albert Anastasia.

Buổi tiệc tiễn đưa được thù dệt thành một giai thoại. Theo nó thì các thức ăn đồ uống hảo hạng được mang tới để phần nào an ủi người tù bị trục xuất, có cả mỹ nhân tới mua vui cho vua hộp đêm New York. Nhưng theo sự xác nhận của các vệ sĩ của Luciano và cả của thuyền trưởng Salter thì mọi việc đều khác. Trước hết là không có người đẹp nào trên boong cả, và khi đầu bếp rung chuông báo ăn tối thì Luciano, vệ sĩ và bạn bè của y đi vào một nhà ăn khiêm tốn. Trên các tàu vận tải trong chiến tranh thế giới thứ hai không có saloon hay nhà ăn sang trọng. Trên bàn bày sẵn món cötlet bê non với khoai tây rán và salad. Nhưng giám thị Incarnato lưu ý tù nhân rằng sau mười năm ăn toàn đồ ăn thanh đạm của nhà tù, đó là thức ăn quá béo. Luciano do dự thử món cötlet và từ chối không ăn. Hai bạn hữu của y lập tức đứng dậy, đi ra chợ cá Fulton và một lúc sau mang về vài con tôm hùm và mấy chai rượu vang. Bồi bàn Eugene Queral đi nấu spaghetti, một món mì sợi ưa thích của người Ý. Không ai buồn động đến nữa, và Champagne cũng không chảy như suối, như các nhà báo ba hoa. Bữa ăn chia tay lặng lẽ trôi qua với những ký ức buồn bã về quá khứ. Dù sao họ cũng đã từng sống chết với nhau và giờ đây kẻ đi người ở, tránh sao khỏi mềm lòng.

Có tiệc vui nào mà chẳng đến lúc tàn, huống hồ đây lại là tiệc buồn. Ba hồi còi tàu, tiếng dây neo ken két, những cái bắt tay cuối cùng, những cái hôn vĩnh biệt và những giọt nước mắt hiếm hoi. Hôm đó là chủ nhật, ngày 10-2-1946, 8 giờ 5 phút giờ địa phương. Nhân viên Cục di tản Sessa,

Scanlon và sếp của họ Ratzee tổng tiền người tù trực xuất ra tận ngoài khơi và trở lại đất liền bằng xuồng máy.

Sau này tên của Lucky Luciano xuất hiện trong báo cáo của trưởng ban điều tra của thượng nghị sĩ Estes Kefauver. Còn ủy ban điều tra Herlands thì có nhiệm vụ điều tra các hoạt động của y trong chiến tranh thế giới thứ hai và sự hợp tác của gangster với Cục tình báo trung ương CIA. Ngày 17-9-1954, ủy ban hoàn tất việc điều tra, nhưng kết quả điều tra không được công khai, vì CIA, coi báo cáo này là tuyệt mật, đã khoá chặt trong két sắt hàng bao nhiêu năm.

Tên gangster bị trục xuất lo ngại rằng đến lúc nào đó, sự hợp tác của y với CIA sẽ gây khó khăn cho y và các đồng nghiệp sẽ coi là kẻ cộng tác với kẻ thù. Không rõ trong thực tế điều đó đúng đến mức nào, nhưng có điều chắc chắn là Mafia đã khai trừ Lucky Luciano. Nếu không, không thể giải thích nổi sự xuống dốc nhanh chóng của y.

Sau khi đến Ý, y lập tức tham dự tổ chức buôn lậu chợ đen, kiếm được khá nhiều tiền bằng các hàng ăn cắp từ các kho quân sự, và hiển nhiên là y nhúng tay vào cả các vụ buôn thuốc phiện. Nhưng cảnh sát Ý, các nhân viên tài chính và hải quan không lúc nào rời mắt khỏi cố chủ tịch thế giới ngầm New York.

Neapoli lúc bấy giờ là thành phố của đói rét, tội lỗi, là vương quốc của trộm cắp và lừa đảo. Via Tasso chưa phải là đường phố tiêu biểu và ngân hàng số 464 cũng không lấy gì làm sang trọng. Có thể để khỏi bị chú ý, Lucky Luciano dưới cái tên ban đầu Salvatore Luciano, thuê nhà Igea Lissonia. Họ sống không đến nỗi nào, vì y có thu nhập khá cao. Nhưng tòa án Ý đã kết tội y nhập trái phép 57.000 dollar, và phạt y về tội mang lậu một xe hơi Mỹ bị mất cắp ở New Jersey. Y cũng bị tình nghi là có buôn bán bạch phiến, cho nên các thám tử của Interpol [\[42\]](#) theo sát y từng bước.

Họ điều tra được là trong năm vừa qua Luciano chơi cá ngựa thua tới 5.400.000 lire (tương đương 8.500 dollar), như vậy y phải nhận phần ăn chia từ Mỹ. Nhưng bằng cách nào? Thủy thủ các tàu chở khách Mỹ Independence và Constitution đã mang tiền tới cho y. Cảnh sát có ghi lại các lần họ đến thăm nhà 464 phố Via Tasso, nhưng không có chứng cứ để giữ họ, hoặc ít ra là xác minh tên tuổi của họ.

Trước ủy ban điều tra Kefauver, ngày 5-5-1951, Luciano đã phải thú nhận là y cùng một người từ Mỹ đến tên là Joseph Biondo đi đến Messina để mua một số lượng lớn acid acetic một trong những nguyên liệu quan trọng trong chế biến bạch phiến. Nhưng mua bán không thành và Biondo phải tay không trở về.

Về khả năng “lập nghiệp” ở Cu Ba, Luciano đã bàn với Meyer Lansky trong tối chia tay trên tàu “Laura Keene”.

– Có ở đâu viết là anh phải ở Ý đâu, Charlie? - Lansky nói. - La Habana thực ra cũng là châu Mỹ và quan hệ của chúng ta ở đấy cũng rất tốt. Tôi sẽ thu xếp để người ta tiếp anh chu đáo.

– Thế còn chính phủ Mỹ? Nó sẽ đánh hơi được.

– Thì anh chẳng đã làm cho tình báo bao nhiêu việc rồi sao.

– Tất cả những gì họ muốn.

– Anh đã hoàn tất nghĩa vụ công dân của mình, còn trên Đảo đường chúng ta chỉ muốn lao động thôi. Mình đâu có làm cách mạng, mà cũng chẳng tham dự nội chiến. Cái mà chúng ta quan tâm là các sòng bạc và tiền lời. Anh tới đó góp vào một tay và anh sẽ có phần của mình, không ít đâu.

– Các anh hãy tin cho tôi hay nhé, Luciano nói.

Từ khi đặt chân lên đất Ý, y sốt ruột chờ điện báo từ La Habana. Sự đón tiếp nồng nhiệt của Mafia địa phương, nơi chôn nhau cắt rốn của y ở Lercara Friddi, những tối tiệc tùng cùng các cô gái đẹp cũng không làm y khuây khỏa. Y chỉ còn biết kiên trì chờ đợi và cuối cùng đã nhận được tin, qui cereatroya [43] mà. Mùa thu 1946, một điện báo với hai chữ: khách sạn National được gửi tới. Luciano lên đường.

Khách sạn National nằm trên vịnh xanh trong giống như một lâu đài, giữa La Habana, thành phố được bao bọc bởi những hàng dừa thẳng tắp và các khẩu thần công đồ sộ đã từng hơn thế kỷ bảo vệ đảo, chống những kẻ đột nhập. Khách sạn từng bị giành giật trong cách mạng 1933. Giữa khu phố hiện đại Vedado, nó nổi lên như một viên ngọc kiến trúc cổ. Quán rượu, bar La Sirena, Casino [44] Parisien và tân Casino, hai bể bơi và Cubana Club. Từ Mỹ chỉ mất một giờ đồng hồ máy bay và cuối tuần có cầu hàng không nối liền Florida với La Habana.

Ở cảng Ý Janov, Luciano lên tàu xuyên đại dương tới Venezuela, từ đó y bay đến Mexico City. Sau đó y thuê máy bay tư bay đến Cuba và lên xe thẳng tới khách sạn National. Meyer Lansky và bọn đàn em đã chuẩn bị cho Luciano một cuộc sống dễ chịu trên đảo.

Bộ trưởng nội vụ Cu Ba lúc bấy giờ là Alfredo Pequerro đã cấp giấy tạm trú vô hạn định cho ông khách quý, và chủ yếu là giàu có, Luciano. Các nhân viên hải quan và cảnh sát biên phòng dễ chịu đã chờ sẵn Luciano, họ không xem hành lý và cũng chẳng vấn hỏi gì. Y chỉ trọ ở khách sạn National có hai ngày, sau đó chuyển đến một biệt thự lộng lẫy ở khu phố hiện đại nhất Miramar. Cố chủ tịch Hiệp hội tội ác lúc này sống như vua bên cạnh các nhà triệu phú và ngoại giao Mỹ. Trên sân thượng rợp bóng dừa, trong saloon gắn máy điều hòa, cùng với Lansky, Luciano chuẩn bị cho ngày trở lại Mỹ quốc của y. Nhưng tất cả đều dừng lại ở ước vọng, mọi phương án trở về đều không được thực hiện. Harry Anslinger, sếp tổ chống

buôn bán tin chắc rằng cố Capo Mafia đến đó không phải để tắm nắng, mà để tổ chức đường dây mang các chất ma túy vào Hoa Kỳ.

Ông ta không lầm. Không lâu sau đó, người ta thấy xuất hiện trên đảo Joe Profaci, Villie Moretti, Joe Adonis, Frank Costello, Joe Benanno, Vito Genovese, Albert Anastasia, Mike Miranda và những tên kể tục Al Capone là Rocco và Charles Fischetti. Chúng ở trong các phòng tốt nhất của khách sạn National và cả tuần đóng cửa bàn bạc với nhau. Tất cả, không phân biệt thứ hạng, đều trao cho sếp cũ của mình những phong bì dày cộp.

Trong hội nghị thượng đỉnh này, các sếp thế giới ngầm Hoa Kỳ quyết định tổ chức ở Cu Ba những sòng bạc lớn nhất thế giới, biển đảo nhỏ Isla de Pinos (ngày nay là Isla de la Juventud - Đảo thanh niên) thành Monte Carlo [45] lẫn với San Remo [46]. Những người canh giữ pháp luật Harry Anslinger đã phái sang Cuba một số điệp viên cùng với Ray Olivera, chuyên gia về nghe trộm. Olivera đã gắn được một “bọ chó” (tiếng lóng gọi một loại máy nghe trộm) vào biệt thự của Luciano và nối với điện thoại của anh ta. Những đối thoại thu được là bằng chứng quá rõ ràng.

Ngoại trưởng Mỹ cho mời đại sứ Cuba và tuyên bố phản đối sự có mặt của Luciano ở Cuba, coi đó là sự nguy hiểm cho Hoa Kỳ. Chưa hết ngạc nhiên, vị đại sứ được thông báo các chi tiết phiến toái; các quan chức cao cấp Cuba đã ăn hối lộ, tạo điều kiện xây dựng trên đảo các sòng bạc và trung tâm buôn ma túy. Sự phản kháng này quả là nguy hiểm cho Luciano, cho nên Meyer Lansky đã đến thăm tên độc tài Batista, nhắc lại hàng triệu dollar hối lộ, tính toán phần lời của Batista trong các sòng bạc và cuối cùng ra lệnh cho Batista làm yên chuyện với Luciano.

Washington không nhân nhượng và cương quyết yêu cầu trục xuất Luciano về lại Ý. Nhưng giám đốc cảnh sát Cuba Benito Hervera và Bộ trưởng nội vụ Pequerro, vì đã trót ăn hối lộ quá nhiều, nên đã từ chối đề nghị của phía Mỹ. Không nao núng, Anslinger trình bày vụ việc với Tổng thống Truman, nhấn mạnh sự nguy hiểm của ma túy đối với Hoa Kỳ, nhất

là đối với thanh niên. Tổng thống quyết định can thiệp và ra lệnh cấm vận thuốc tây sang Cuba khi nào mà Luciano còn ở trên đảo.

Hàng triệu dollar mà Mafia hối lộ cho Batista và các quan chức cao cấp là vô giá trị, sự phản đối của Tổng thống Cuba Gral San Martin không cứu vãn nổi tình thế. Áp lực chính trị của Mỹ quá mạnh và thời đó Cuba lệ thuộc hoàn toàn vào “lòng tốt” của Washington. Thế là Lucky Luciano, mới đầu bị biến thành tù nhân ngay trong biệt thự của mình, sau đó bị cảnh sát giải đến trại giam Tiscoria. Tháng hai 1947, bố già của các bố già lên tàu Bakir của Thổ Nhĩ Kỳ, quay trở lại Ý. Buổi ra đi, cảnh sát nhiều hơn bạn hữu, vì tiệc chia tay đã được tổ chức ở khách sạn National với sự tham dự của tinh hoa Mafia. Ca sĩ quen thuộc Frank Sinatra đồng thời cũng là thành viên Mafia, được mời đến mua vui. Chúng tổ chức Noel ở đó và đây cũng là lần gặp gỡ cuối cùng của Luciano với các đại diện tối cao của Mafia Hoa Kỳ.

Sau này có ý kiến cho rằng Luciano đã sống những năm cuối đời với một, hai tình nhân, như một người về hưu sung túc. Meyer Lansky cố sức theo dõi những câu chuyện cổ tích tương tự. Y muốn che chở cho bạn thân và chiến hữu của mình. Y thăm Luciano mấy lần để cùng nhau kinh doanh ma túy.

Ở quê hương mẹ đẻ của mình, thực chất Luciano sống như kẻ lưu vong, không bao giờ y an phận với sự trục xuất khỏi Hoa Kỳ. Y không thể quên được quá khứ vì cho tới lúc bị kết án và ngồi tù, y quá giàu có và quyền lực.

Y lại kiên trì vạch kế hoạch trở lại ngai vàng. Cái y cần trước nhất là tiền, thứ vũ khí hiệu quả trong các quan hệ ở Mỹ. Y quyết định kiếm tiền bằng con đường dễ dàng nhất, tuy bất hợp pháp: Ma túy.

Mới nhìn, người ta nhầm đó là kinh doanh hợp pháp. Bằng khoản đút lót lớn cho các giám đốc, ba nhà máy hoá chất đã thỏa thuận sản xuất bạch phiến cho y. Chẳng có gì nghi vấn và đáng chú ý cả, bởi vì nhà máy hóa

chất “Saci” hay “Saipon” chuyên sản xuất các hóa chất và dược liệu, còn nhà máy “Shiaparelli” với các mặt hàng nước hoa nổi tiếng, cũng có thể chế biến hóa chất. Lucky Luciano chạy mua nguyên liệu và thuê chế biến. Sau ba năm, các nhà máy trên đã giao y hơn 400 cân bạch phiến nguyên chất. Không rõ y được lời bao nhiêu, chỉ biết rằng ở Mỹ số lượng bạch phiến đó trị giá 200 triệu dollar.

Phi vụ vỡ lở, ba nhà máy trên phải trả giá đắt, 5 giám đốc và một số kỹ sư hóa bị bắt. Nghe đâu Luciano không có dính dáng gì, không một bằng chứng chống lại y. Thế là y lại tiếp tục mua thuốc phiện phía đông bán sang phía tây và thu những món lời khổng lồ. Tương lai mở rộng trước mắt y, và khi bấy được địch thủ lớn nhất, đồng thời cũng là kẻ cạnh tranh trong nghề, Genovese vào sau song sắt nhà tù, y lại nổi lên trên. Nhưng với một giá như thế nào?

Đã bán Vito Genovese cho Harry Anslinger, y phàn nàn là Sở bài trừ ma túy, Ủy ban điều tra Kefauver và một số người khác loan tin rằng y là sếp tổ chức ma túy thế giới. Điều đó không đúng sự thật, y muốn rửa sạch vết nhơ và sếp Sở bài trừ ma túy phải giúp y. Nếu Anslinger giúp y trở về Mỹ, y sẵn sàng trao một danh sách những kẻ cung cấp và mua đi bán lại thuốc phiện. Chính phủ Mỹ, Sở bài trừ ma túy, và suy cho cùng, tất cả mọi người sẽ hoan nghênh nhiệt tình của y.

Y không nhận được thư trả lời. Rõ ràng là Anslinger đã vứt đề nghị của y vào sọt rác. Nhưng các bố già Mafia đã biết về đề nghị này: Đó là mở đầu ngày tàn của Lucky Luciano. Động cơ nào đã khiến trùm gangster hạ mình làm một tên phản bội đến như vậy? Ở đây chỉ có một giải thích duy nhất: Khát vọng về quê của những kẻ lưu vong. Với Luciano, quê hương là Hoa Kỳ. Ở đó y lớn lên và sống một cuộc đời kinh tởm, nhưng chắc chắn là huy hoàng đối với y. Y đã hy sinh mọi thứ cho khát vọng trở về, không còn suy nghĩ tinh táo, y quyết định mọi thứ theo cảm hứng, cả tình nhân Igea

Lissonia, cả cô gái trẻ Andrea cũng không hiểu y. Y đã mất khả năng xét đoán sự việc.

Đúng lúc này, trên sân khấu cuộc đời Luciano xuất hiện Martin Gosch từ Hollywood, một người làm phim, viết biên kịch, đồng thời cũng là nhà văn. Gosch đã từng làm phóng viên, và bây giờ đến Ý với đề nghị hấp dẫn: Quay phim về “cuộc đời và sự nghiệp” của Lucky Luciano, một siêu nhân thể giới ngầm và vua của tội ác. Đây là một cú giật gân, tiền sẽ thu về như nước. Dean Martin [47] sẽ sắm vai chính.

Trong giới điện ảnh không gì có thể giữ kín được, nhất là khi các nhà quảng cáo quan tâm đến việc tuyên truyền cho phim và diễn viên. Dean Martin nói chuyện về ý đồ của Gosch với bạn của mình là ca sĩ Frank Sinatra. Người này lập tức báo cáo lại với các boss Mafia Hoa Kỳ.

Chúng kết án dự định này, đồng thời cũng kết án luôn Luciano. Luciano muốn được nổi danh, y khát khao bất tử trên màn bạc, y tin rằng không gì cản trở con đường trở về Mỹ của mình. Hơn nữa, Gosch coi việc hồi hương của y là hiển nhiên. Y sẽ tham gia làm phim như là cố vấn chuyên môn.

Một cuộc họp khẩn cấp của các sếp Mafia lập tức được Meyer Lansky triệu tập, tham dự có Carlo Cambino, Joe Bonanno, Joe Adonis và Tommy Luchese. Các đại biểu đã nhanh chóng đi đến quyết định cấm Luciano làm phim. Tommy Eboli đáp chuyến máy bay đầu tiên đến nhà của Luciano, Napoli và truyền đạt quyết định của đại hội đồng Mafia. Luciano, một kẻ chuyên ra lệnh cho người khác, tỏ ra khó chịu khi biết điều đó, và như vậy chính y đã tự ký vào bản án tử hình của mình theo luật Mafia Omertà.

Biết được việc này, chủ phim Gosch quyết định bằng mọi giá cứu vãn bộ phim. Ông ta yêu cầu chính khách của Đảng Dân chủ là Kenny Sutherland giúp đỡ. Người này hứa hẹn là sẽ thu xếp để Luciano có thể quay lại Mỹ, lúc đầu chỉ vài ngày như là cố vấn kỹ thuật của phim khi đến New York rồi thì không khó khăn gì trong việc kéo dài thời hạn tạm trú,

cuối cùng khi phim được chiếu lên màn ảnh, hiển nhiên là thành công rực rỡ, thì chắc chắn Luciano sẽ được cho phép cư trú. Đồng thời Gosch sẽ viết hồi ký của “siêu nhân” Luciano mang tên “Di chúc” và có thể tin rằng đó là một best seller - cuốn sách bán chạy nhất.

Sáng ngày 26.1.1962, Lucky Luciano được chở ra sân bay Capodichino, Napoli. Cảnh sát Ý, lo ngại ám sát và những rắc rối có thể xảy ra, đã cử Cesare Resta, một cảnh sát mặc thường phục, làm vệ sĩ và hộ tống Luciano ra sân bay. Tuy vậy, Luciano vẫn không an tâm, y có cả vệ sĩ riêng mà y có thể tin tưởng. Đây cũng là sai lầm không có dịp sửa sai của y. Ở sân bay, y sẽ gặp chủ phim Gosch để thoả thuận dứt khoát các việc cần thiết và có thể sẽ ký cả hợp đồng làm phim.

Từ sáng, y đã thấy bồn chồn lo lắng. Cuộc gặp mặt quan trọng làm xáo động thần kinh y, Lucky Luciano đã là một gangster già và mắc bệnh tim, y phải dùng thuốc luôn luôn. Y mang thuốc trợ tim trong một cái hộp bằng vàng có khắc thần tình yêu và hai chữ mà tình nhân Igea Lissonia tặng y.

Hôm đó ngoài liều thuốc hàng ngày, trước khi ra sân bay y còn uống thêm hai viên thuốc nữa. Tuy vậy sức khỏe của y mỗi lúc một xấu. Khi trong phòng đợi vang lên tiếng phát thanh viên thông báo máy bay từ New York đã hạ cánh và sau đó một lúc, Martin Gosch tươi cười xuất hiện thì y cảm thấy ngọt thở. Họ bắt tay nhưng tên gangster mất thăng bằng, Gosch vội vàng giữ y và cẩn thận đặt y nằm xuống sàn nhà.

– Thuốc, thuốc... - Luciano thều thào.

Martin Gosch lần trong túi Luciano và rút ra hộp vàng, ông ta lấy ra hai viên thuốc con nhộng và định đặt vào miệng Luciano. Nhưng y lắc đầu, xua tay, Gosch giơ viên thuốc lên ánh sáng và sững sờ: Bên trong không phải thuốc mà là nước.

Y nằm trên nền đá cẩm thạch, được phủ bằng chiếc áo đi mưa. Người ta đi gọi bác sĩ và cảnh sát. Sau một lúc, xe cấp cứu đến, nhưng mọi cố gắng đều tuyệt vọng. Luciano đã tắt thở, y không được uống thuốc kịp thời. Ở bệnh viện người ta ghi lại các thứ y có trong người. Hộp vàng với hình thần tình yêu không có trong bản liệt kê, cả cảnh sát viên Cesare Resta, lúc đó đứng cạnh người hấp hối, cả vệ sĩ riêng của Luciano cũng không biết nó biến đi đâu. Mafia đã xóa dấu vết một cách hoàn hảo, khi mà theo luật Omertà, nó phải khoá miệng mãi mãi sếp cũ của mình.

Cho tới khi chết rồi, Lucky Luciano mới được trở về Hoa Kỳ. Chính phủ Mỹ cho phép mang xác y vào Mỹ và gia đình Salvatore Luciano chôn người quá cố trong mộ gia đình ở nghĩa địa Thánh John của khu phố Queens, New York. Để phòng xa, Lucky Luciano đã cho xây phần mộ này từ năm 1935. Không một chiến hữu nào của y tới dự lễ hạ huyệt cả. Chúng không thể đến chia tay lần cuối với cố sếp của mình được, vì nhiều tên trong bọn đang bị cảnh sát (có thể họ lẫn quất đâu đây trong nghĩa địa) truy nã với lệnh bắt có sẵn trong túi.

NỖI BẤT HẠNH CỦA MEYER LANSKY

Họ chờ y trên sân bay. Họ quan sát khi y đi đến với đoàn hộ tống, họ theo dõi khi y chờ trong phòng đợi. Từ sân thượng họ nhìn theo y bước lên máy bay.

- Hẳn không hề biết là bị theo dõi. - Moshe nói.
- Cái tay cao lớn có phải vệ sĩ của hẳn không? - Bubi Landen hỏi.
- Gã tên là Shriner. Gã từng làm việc ở cơ quan tình báo Mossad [48]. Sau đó gã làm vệ sĩ cho Thủ tướng Ben Gurion.
- Hẳn chọn loại siêu đẳng rồi còn gì.
- Hẳn có thể chơi nông như vậy. Bằng hàng triệu triệu dollar của mình.
- Chính thế! Gangster hoặc là triệu phú, hoặc là xác chết.
- Có lẽ hẳn bay đến Zurich! - Moshe ngạc nhiên - Anh có thể giải thích tại sao hẳn mua cả vé tới Lima và vé đi Asunción?
- Bởi vì lão già Stroessner tiếp bất cứ ai có đầy hầu bao.
- Tổng thống Paraguay?
- Chứ còn ai nữa? Lúc thì y che chở bọn phát xít từng triệt hạ người Do Thái, lần khác thì y cưu mang người Do Thái bị Interpol truy nã.
- Được rồi, nhưng thực chất hẳn định bay đi đâu?
- Có thể chính hẳn cũng chưa biết.

Xe thang đã đi khỏi, máy bay Swissair trên sân bê tông đang khởi động motor. Một người đàn ông thấp nhỏ, đứng tuổi, đội mũ nỉ và đeo kính đen, cùng với vệ sĩ lực lưỡng đã ngồi ở hàng đầu.

– Tôi đi báo cáo - Bubi Landen nói.

– Chờ hăn bay đã. Với những người như hăn cần phải chắc ăn.

Hôm đó là chủ nhật ngày 5-11-1972. Chỉ còn năm ngày nữa là hết hạn thị thực du lịch ở Israel và người đàn ông thấp nhỏ, trán đầy vết nhăn, từ bỏ hy vọng kéo dài thị thực. Người ta dồn y vào chân tường và y quyết định ra đi. Buổi sáng, trong phòng của mình ở Tel Aviv, y ôm hôn vợ lần cuối, chia tay với con chó yêu và sau đó với sự hộ tống của vệ sĩ riêng, y ra sân bay Lod. Máy bay cất cánh trễ vài phút. Moshe, cảnh sát viên mặc thường phục, đi đến điện thoại và quay số dành riêng cho trung tâm cảnh sát Israel ở Jerusalem.

– Hăn bay chuyển thường kỳ đến Zurich - Moshe thông báo. Viên cảnh sát nhận điện lập tức gọi tới Sứ quán Mỹ ở Tel Aviv và yêu cầu nói chuyện với đại diện của Cục tình báo liên bang FBI.

– Y bay chuyển thường kỳ đến Zurich, - gã nhắc lại tin mới nhận. Tin này được chuyển ngay cho các nhân viên FBI ở Zurich, Genève và Berne. Máy bay dừng nghỉ ở Thụy Sĩ và hành khách đi vào một trong các tòa nhà tròn trên sân bay Genève. Người đàn ông thấp nhỏ, trán nhăn và vệ sĩ Shrriner cũng vậy. Hai nhân viên FBI và cảnh sát Thụy Sĩ mặc thường phục đã chờ sẵn.

– Ông Lansky, ông không được phép rời sân bay - một người trong bọn họ nói.

– Các ngài có thể nói tôi hay tại sao không?

– Ông không có thị thực nhập cảnh.

- Thì tôi có thể làm thủ tục nhập cảnh ngay ở đây, trong sân bay.
- Không được thưa ông Lansky. Ông phải rời khỏi lãnh thổ Thụy Sĩ.

Họ chờ máy bay Swissair tuyến Rio de Janeiro. Một phần ngày và suốt đêm họ bay trên mây. Họ đốt thuốc liên tục, xem các phim cao bồi rẻ tiền chiếu trên máy bay, vài giờ lại ăn một bữa. Và cuối cùng, khi có thể duỗi thẳng chân và xuống sân bay Rio de Janeiro, cảnh sát và đại diện hãng hàng không Swissair đã chờ sẵn họ.

- Ông phải tiếp tục bay, thưa ông Lansky - Cảnh sát Brasil thông báo và đại diện hãng Swissair nói tiếp.

- Nhưng không phải bằng máy bay của chúng tôi. Swissair không muốn ông bay trên máy bay của mình. Tôi đã đặt ở hàng hàng không Mỹ Braniff cho ông chuyển bay đến Paraguay.

Họ phải chờ chuyển bay bốn giờ đồng hồ liền. Lansky hút thuốc hết điếu này đến điếu khác và gọi điện liên tục. Ngoài ra, y vẫn giữ được vẻ bình tĩnh, mặc dù cảnh sát không rời mắt khỏi y. Chuyển bay từ Buenos Aires đến Asunción kéo dài không tới một giờ. Meyer Lasky biết rằng, cảnh sát các lục địa, trong khi y bay qua nửa quả địa cầu, đã thống nhất hành động chung và y không còn hy vọng. Tuy vậy, ở Paraguay hy vọng trở lại với y trong chốc lát. Trên sân bay International ở Asunción, y đi qua phòng kiểm tra hộ chiếu và một ly cà phê đen, sau đó ra bưu điện để về cho vợ ở Tel Aviv là mọi chuyện tốt đẹp. Có lẽ lúc đó y tin như vậy.

Nhưng y đã lầm. Người ta cho y được đi lại tự do bởi vì theo dõi y lúc này là các chuyên gia lành nghề. Hai nhân viên FBI theo sát từng bước chân y. Người đầu tiên phát hiện ra “có đuôi” là Shriner, thừa kinh nghiệm từ những năm dưới quyền Menachem Begin [49]. Tạm thời các điệp viên chưa xuất đầu lộ diện, nhưng thuế quan địa phương đã can thiệp. Dù cho Meyer Lansky có phản ứng thế nào đi nữa, dù cho y cố sức giải thích rằng giấy tờ

của y đều hợp lệ, rằng y không vi phạm các điều luật thuế quan và ngoại tệ, người ta vẫn tổng tiền y quay lại máy bay. Vệ sĩ Joseph Shriner và sếp của gã, Meyer Lansky, lại lơ lửng trên không. Hai điệp viên FBI ngồi ngay sau lưng họ.

- Joske này, Lansky nói với vệ sĩ của mình. - Rõ ràng là mọi cố gắng đều không có nghĩa nữa rồi. Họ đã bắt được tôi. Anh có thể về nhà. Bây giờ FBI canh giữ tôi. Hiển nhiên là họ muốn bằng mọi giá, bắt tôi ở Hoa Kỳ.

- Chính vì vậy mà tôi theo ông tới cùng thừa sếp, - Shriner nói.

Khi máy bay đỗ ở sân bay La Paz, cảnh sát Bolivia không cho họ tới cả phòng đợi. Họ và hai thám tử FBI ở lại trên máy bay. Sau 45 phút máy bay lại cất cánh rồi lại hạ cánh ở Lima. Một trung đội cảnh sát đã chờ sẵn trên sân bay quốc tế Jorge Chaveze lập tức vây quanh máy bay, tiểu liên đã mở khóa an toàn, sẵn sàng nhả đạn.

- Ngài Lansky, ngài không được phép bước xuống lãnh thổ Peru - đặc phái viên chính phủ, trán lấm tấm mồ hôi, thông báo cho tên gangster già. Meyer Lansky biết rằng chỗ hạ cánh tiếp theo, và cũng là cuối cùng trước khi đến lãnh thổ Hoa Kỳ ở Miami là Panama City. Trong hộ chiếu, y có thị thực nhập cảnh do lãnh sự Panama ở Tel Aviv cấp. Người khác với giấy tờ như vậy sẽ không gặp trở ngại gì, nhưng còn Lansky thì không được phép rời máy bay. Trên cầu thang một nhân viên chặn y lại và nói rằng y không được phép vào lãnh thổ Panama. Người đàn ông nhiều nếp nhăn hiểu rằng ở đây cũng bị thua. Lần hạ cánh tới sẽ ở Miami, ở đó người ta đang chờ y với lệnh truy nã trong tay.

- “Tôi không sợ” - sau này y thú nhận. - “nhưng tôi mệt mỏi kinh khủng. Tôi như con thú bị săn đang cố thoát khỏi vòng vây. Một cảm giác bất lực khó chịu! Anh có thể quay cuồng giãy giụa mặc sức, tất cả đều chẳng có nghĩa lý gì. Khi máy bay hạ cánh, tôi không còn cả bực tức nữa. Tôi thay đổi, cạo mặt sẵn sàng chấp nhận tất cả”.

DC-8 hạ cánh xuống sân bay Miami International. Phi công lái máy bay về phía tòa nhà của sân bay. Hành khách vội vã bước ra cửa. Meyer Lansky, Joseph Shriver và hai thám tử FBI vẫn còn ngồi, họ ra khỏi máy bay cuối cùng. Ở hành lang, ba người đàn ông chờ sẵn họ. Một người trong số đó là Kenneth Whittaker, sếp chi nhánh FBI ở Florida.

– Rất hân hạnh đón ông trên đất nhà, thưa ông Lansky - Whittaker chào chọc. - Chuyến bay tốt chứ?

– Cũng không đến nỗi nào. - người đàn ông trán nhăn trả lời.

– Không quá lâu sao?

– Hai ngày, vẫn còn chịu được.

– Nhân danh pháp luật, tôi bắt anh. Từ giờ phút này, những gì anh nói ra, đều có thể phụng họa đến anh.

– Ok, - Meyer Lansky nói, - Chúng ta đi đâu?

– Vào nhà đá, thưa ông Lansky, - sếp FBI ở Miami Kenneth Whittaker trả lời. Ông ta tuyên bố với các phóng viên tò mò đang vây quanh xe cảnh sát:

– Ông Lansky dự tính một khoản tiền chuộc lớn. Chúng tôi muốn có bảo đảm là ông ta sẽ xuất hiện trước tòa.

Sáu trăm năm mươi nghìn dollar là một khoản tiền chuộc không bình thường. Luật sư của Lansky là David Rosen kịch liệt phản đối khoản tiền chuộc quá lớn, nhưng vô vọng. Các phóng viên tung tin rằng trong chuyến bay qua nửa địa cầu của mình. Lansky đã đề nghị: Chính phủ nào chấp thuận cho y cư trú, sẽ nhận được một triệu dollar.

Y trả tiền chuộc và được phép trở lại apartment của mình ở Collins Avenue, mà từ đây, trước đó hai năm rưỡi, y đã đi đến Israel. Chưa ấm chỗ, vẫn ngày hôm ấy, 7-11-1972, y phải vào bệnh viện vì “đau tim”. Mãi đến một năm sau, vụ án do luật sư luận tội của chính phủ Robert Rust chuẩn bị để xử vua gangster không chính thức, triệu phú và đồng thời là người bạn thế lực của các chính khách thế lực, Meyer Lansky, mới có thể bắt đầu.

TÔNG PHẠM AHEARN THÚ NHẬN

Meyer Lansky thông minh và có lẽ cũng thận trọng hơn đồng nghiệp của y. Y không hám danh, giấu mình ở phía sau, không say sưa trong các quán bar và không gài kim cương trên cravat. Y tức trực bên điện thoại và không ai biết y đang ở chỗ nào. Y có nhiều apartment, cái sau tiện nghi hơn cái trước, nhưng đồng thời y sống cả ở khách sạn. Y lạng lẽ điều khiển người của mình, và khi phải đích thân tham dự phi vụ nào đó, y che kín lưng một cách hoàn hảo. Cho nên cảnh sát cũng như FBI, Sở bài trừ ma túy cũng như các thám tử lừng danh của Interpol, không sao thiết lập được danh sách các phi vụ của gangster Lansky và sau 40 năm y muốn khai gì có lợi cho y mặc lòng, không có một bằng chứng làm y phương hại.

Nhưng cuộc đời mới trở trêu làm sao, sự phản bội lại đi đến từ phía những người bạn thân của mình. Gangster Daniel Francis Ahearn bị cảnh sát bắt quả tang trong khi đang “hành sự”, và bị tòa kết án nhiều năm tù. Những đêm dài thức trắng, nhìn trăng sao qua song sắt, y ngậm ngùi: Cho tới lúc được ra khỏi cổng nhà tù, y chỉ còn là một lão già lẩm cẩm. Thế là, khi người ta hứa sẽ giảm nhẹ án nếu y thành thực khai báo, y quyết định nói. Y có nhiều chuyện để nói vì y là bạn thân, là chiến hữu của Lansky từ những năm hai mươi. Biên bản lời khai của y ghi ngày 15.3.1957 cho nên ta không ngạc nhiên rằng sau 40 năm, Ahearn đã quên một số chi tiết, một số tên người, hoặc có khi nói sai. Dù vậy, lời khai của y là một minh họa rõ nét về tổ chức tội ác ở Hoa Kỳ.

– Ông bao nhiêu tuổi rồi, ông Ahearn? - Ủy viên công tố Robert J. Campbell hỏi. Ông ta là trưởng ban điều tra 18 chống tổ chức tội ác ở Mỹ.

– Tôi sinh năm 1901, hơn Johnny một tuổi.

– Johnny nào? Ông nói về ai vậy?

- Về Meyer Lansky. Hồi đó người ta gọi nó là Johnny Eggs [50]
- Tại sao lại là Eggs?
- Tôi chưa rõ. Không ai biết tại sao. Chưa bao giờ chúng tôi buôn trứng, chúng tôi cũng không ăn cắp thứ ấy bao giờ.
- Các anh làm quen với nhau ở đâu, khi nào?
- Trên phố. Còn ngày giờ chính xác thì tôi quên rồi khoảng năm 1917 hay 1918 gì đó.
- Ông có nhớ phố nào không?
- Nhớ. Đó là phố Jackson, nằm giữa phố South và phố Front.
- Lúc đó có nhân chứng không? - Ủy viên công tố Campbell hỏi tiếp.
- Có, Barrett, Johnny giới thiệu tôi. Bữa đó chúng tôi cãi lộn nhau vì một con bé tên là Gertie tóc hung
- Ông lập tức nhập hội với Lansky?
- Ngay ngày hôm sau chúng tôi đi “bẻ khóa” nhà kho ở Puritan Buildings, trên phố Broome Street.
- Đó là lần hợp tác duy nhất của các anh?
- Đâu có. Cho tới cuối năm chúng tôi còn làm sáu hay bảy vụ nữa. Phần lớn là kho hàng hay các xe tải đậu trên phố.
- Các anh ăn chia như thế nào?
- Tử tế. Thật đấy, rất công bằng. Tôi không ăn gian nó lần nào cả. Tôi mến nó thật mà. Nhưng sau đó tôi bị tóm và lần đầu tiên vào nhà đá.

- Vì tội gì?
- Ăn cướp.
- Ông bị bao nhiêu năm?
- Mười lăm tháng.
- Lúc đó ông vẫn chưa tới tuổi thành niên?
- Bởi thế họ nhét tôi vào Elmira. Ngài biết nơi này chứ, ngài công tố ủy viên? Một ổ chuột kinh tởm nhất thế giới dành cho trẻ con và thiếu niên!
- Sau đó ông quay lại với Lansky? - Trưởng ban điều tra hỏi.
- Tất nhiên. Tôi còn đi đâu được nữa? Tôi đến New York khi trời vừa tối và tới chỗ nó ngay.
- Hội của y trông như thế nào?
- Đổi mới nhiều. Một mặt, Lansky trang bị súng, đó là cái cách mới mẻ. Mặt khác, nó sống xịn lắm. Nó nói là đang quay quanh các trò cờ bạc.
- Trò chơi gì?
- Xóc đĩa. Không biết đó là Poker hay gieo xúc xắc bình thường. Nó cũng nói là đang làm việc cho công đoàn.
- Y nhận ông vào hội ngay?
- Vâng. Ngay tức khắc. Trước hết chúng tôi đến Essex Street, rồi sau đó tới phố Rivington, ở đó tôi gặp cả băng.
- Tên?

– Cả hai Albert, Judie, Meyer và Zeigie. Cả hội đang chuẩn bị tới quán rượu.

– Để xem hát?

– Không. Để chơi bài. Tôi có nhiệm vụ canh gác.

– Ông được trả công bao nhiêu?

– Nếu tôi không lầm, mười lăm phần trăm tiền lời.

– Ông Ahearn, chúng tôi biết rằng băng Lansky cũng phạm tội theo đơn đặt hàng. Phần lớn là để chống lại các lãnh đạo công đoàn, hoặc ngược lại, có khi công đoàn thanh toán hóa đơn.

– Vâng. Ở Allen Street có “Quán Nga”. Thỉnh thoảng chúng tôi tới đó giải trí, ở đó chúng tôi gặp một tay công đoàn không biết thẳng cha này tên là gì nữa. Hắn thuê chúng tôi tới Peekskill.

– Các anh phải làm gì ở Peekskill? - Công tố ủy viên Campbell hỏi.

– Đốt nhà máy.

– Các anh có đốt không?

– Không. Chúng tôi chỉ mới chuẩn bị. Chúng tôi ở đó 14 ngày, nhưng về sau công đoàn thỏa thuận được với chủ nhà máy, và thế là ngòi nổ được rút ra.

– Vụ đó thế là kết thúc?

– Đâu có. Một tối, lại vẫn tay công đoàn nọ đến và nói là sẽ chỉ mặt cho chúng tôi một người lãnh đạo của nhà máy mà chúng tôi phải cảnh cáo, nghe đâu người này gây khó khăn. Hắn đưa chúng tôi địa chỉ của người đó, ở vùng Brooklyn.

– Thế còn tên của ông ta?

– Đã lâu lắm rồi, tôi cũng chẳng nhớ nữa. Chúng tôi theo sát cùng đi với ông ta dưới đường ngầm, nhưng đến Grand Central Station thì “bốc hơi” mất.

– Nhưng các anh có địa chỉ ông ta mà, - ủy viên công tố khích lệ Ahearn.

– Thì chính tôi đang định nói. Chúng tôi gọi taxi và đi tới Williamsburg. Chả sống trong một ngôi nhà nhỏ, và chúng tôi đến đó trước chả. Chúng tôi chờ “lột” chả ở góc phố, nhưng rồi phải thôi vì nhiều người qua lại. Chờ trời tối hẳn, cả bọn đến nhà chả, tôi bấm chuông và từ trong nhà có người hỏi tôi là ai và muốn gì. Tôi nói giọng khàn “điện báo” và lập tức cửa mở. Chúng tôi gạt người vợ sang một bên và xông vào phía trong, chả đang ngồi bên bàn uống bia. Lansky cầm trong tay một ống bằng chì và chỉ bằng một đòn, tay kia đã gục xuống đất. Không đến hai phút và chúng tôi đã lại ở ngoài phố.

– Lansky đánh chết người đàn ông nọ?

– Tôi không bao giờ biết được và có lẽ Lansky cũng thế. Ngày hôm sau chúng tôi đến gặp tay công đoàn, hẳn khen chúng tôi và đưa 500 dollar. Khoan đã, tôi nhớ ra rồi. Thằng cha không chết! Tay công đoàn nói là từ giờ thằng cha kia không còn quấy rầy nữa, vì vợ của chả sẽ suốt đời không dám thả chả quay lại nhà máy ở Peekskill. Chả sợ hết hồn rồi còn gì.

– Các anh có nhiều đơn đặt hàng loại này?

– Vâng. Nhiều. Khi thì chúng tôi ban đêm mò vào xưởng phá máy. Hoặc có lúc chúng tôi phải “sửa đầu” những công nhân ngoan cố, không chịu vào công đoàn.

– Các anh làm những việc này bao lâu?

– Lâu đấy. Khoảng đến tận năm 1922.

– Và sau đó?

– Sau đó chúng tôi buôn lậu rượu và có một vài sòng bạc.

– Thế các anh đã làm gì với Gallaher? - Ủy viên công tố Camobell hỏi.

– Hughie Gallaher là tên giết thuê ở khu phố chúng tôi. Hắn không thích Lansky, rủa Lansky là con heo Do Thái, và khi say rượu hắn khiêu khích: Đồ chó Do Thái hãy úp mặt vào tường để tao thử súng xem sao. Một lần vào thứ hai, hai rưỡi sáng, tôi cùng một người bạn đang “làm ăn” ở Madison Street thì Gallaher sặc mùi rượu đi qua.

– Người bạn của anh tên là gì?

– Tabbo. Em họ Lansky. Con ma rượu bắt đầu khiêu khích, gây sự và rút dao ra. Tabbo bị đánh ngã xuống đất, chảy máu mũi. Hiển nhiên là nó nổi khùng, vớ được thanh sắt và cứ nhè Gallaher mà đánh. Nó quật lấy quật để vì điên tiết lên rồi. Nhưng Galhaer có cái đầu cứng như bê tông, hắn đứng dậy được và lao cả vào tôi. Tôi giật được dao và đâm hắn một nhát ra trò, lập tức hắn gục xuống đất. Chưa bỏ tức. Tabbo còn đập hắn một hồi nữa. Khi hắn không còn cựa quậy nữa, chúng tôi phủ hắn bằng mấy tấm ván lấy ở vệ đường và tẩu luôn.

– Đi đâu?

– Đến nhà Lansky ở Columbia Street. Nhưng ở đó cũng không yên vì chị của nó làm âm lên là chúng tôi không cho bà ấy ngủ. Thế là chúng tôi tới Graud Street ăn sáng và trong quán ăn người ta kháo nhau là ở Madison Street rất những cảnh sát và phóng viên, ở đằng ấy người ta phát hiện ra xác Hughie Gallaher.

Đây rõ ràng là vụ giết người, nhưng Ahearn không bị giam lấy một ngày. Ngay từ lúc ấy, Lansky đã có những quen biết thế lực với cảnh sát và cả với chánh án. Y đã cùng họ bàn bạc và chuẩn bị tất cả diễn biến của vụ án Galleher. Sau đó Ahearn đi đến sở cảnh sát ở Clinton Street, khai vào biên bản cho nhân viên hình sự Bill Burns. Tất cả đều thuộc lòng vai kịch của mình và “biểu diễn” xuất sắc. Ahearn được thả vì thiếu bằng chứng. Sau này vụ án được khởi tố lại và Ahearn bị chánh án Mc Intyre hỏi cung, nhưng cả ông này cũng bị Lansky đấm mồm thành công.

Như đã trở thành thói quen, gangster giải quyết bất đồng nội bộ một cách dễ dàng và nhanh chóng. Jake Lansky làm việc cho một người thuộc da ở Bronx. Anh em y liền lợi dụng ăn cắp cả một kiện da quý. Khi Meyer và Jake Lansky xem lại chiến lợi phẩm thì thấy thiếu vài tấm da. Lúc đầu cũng nghi Ahearn, nhưng sau đó điều tra ra kẻ lấy cắp là John Barrett. Lepke Buchalter tra khảo và Barrett thú nhận: Y thấy không công bằng vì Meyer Lansky và Bugsy Sigel được chia phần nhiều hơn. Chúng chờ dịp khử Barrett. Một lần y đi xe với Lansky, thế là chúng lên xe bám theo y. Nhưng Barrett, linh cảm thấy điều dữ, bỗng nhảy khỏi xe đang chạy và lao ra đồng.

– Có bao nhiêu phát trúng y? Ủy viên công tố Capbell hỏi Ahearn.

– Bốn viên vào đầu.

– Thế mà y hãy còn chạy?

– Tôi không biết nó có còn chạy hay không, nhưng phải nói là hãn hết sức hên. Hãn chạy tới quốc lộ đón taxi và người ta chở hãn từ Long Island đến New York, vào bệnh viện Governor’s Hospital. Lansky nói với tôi rằng đây là chỗ thuận lợi để chúng tôi có thể dễ dàng thanh toán hãn.

– Trên giường bệnh.

– Chính xác như vậy. Lansky nói: Nghe đây, Ahearn, bây giờ ta đến Mott Street. Tôi biết một tay có thể xoay được gà tẩm thuốc độc. Tôi không

thế vào bệnh viện, vì vợ nó biết về tôi. Nhưng anh thì được. Thế là tôi mang con gà quay tới gặp vợ của Barrett tên là Grace, đúng lúc ả đang chuẩn bị vào viện thăm chồng. Tôi trao gà cho ả và dặn đừng tiết lộ cho chồng biết ai gửi món quà bất ngờ mà.

– Ồ đưa gà cho chồng?

– Đưa. Nhưng các ngài còn lạ gì miệng đàn bà! Khi hẳn hỏi ai gửi, thế là mù tuôn ra hết. Y đoán ngay ra sự việc và vớt con gà quay ra cửa sổ.

Vụ Barrett cũng quá rõ ràng. Bốn viên đạn bắn từ trong xe bởi chính tay Lansky có thể là bằng chứng đầy đủ tội trạng của tên gangster. Nhưng không ai có thể chứng minh điều đó. Tất cả, kể cả nạn nhân, đều im lặng. Luật Mafia được tôn trọng triệt để. Thậm chí cả thám tử Cục di tản Benjamin B. Edelstein năm 1945, điều tra lại vụ án cũng không tiến hơn được bước nào Edelstein lấy khẩu cung cảnh sát Joseph P. Heinrich, người này trước đây đã lập biên bản với Barrett ở bệnh viện Governor's Hospital. Viên cảnh sát về hưu thấy tốt hơn là không nhớ gì cả. Thế là vụ khởi tố chống Meyer Lansky phải dừng lại vì thiếu bằng chứng.

Đại đa số gangster đốt tiền trong các bar với gái điếm. Meyer Lansky không làm như vậy. Những tờ dollars “bẩn thỉu” được y làm sạch bằng cách đầu tư vào các công việc kinh doanh nghiêm túc. Mặc dù nhỏ bé. Meyer Lansky có tháng không rời thư viện, chăm chỉ đọc sách về ngân hàng và kinh tế. Y cũng học hỏi về các nguyên tắc tài chính và thị trường chứng khoán. Sau một thời gian, quả là y có am hiểu, nhưng gangster vẫn là gangster.

Một lần, khi quyết định gửi tiền tại một chi nhánh ngân hàng ở Lower East Side, y phái người bạn trung thành Bugsy Siegel mang tiền đi gửi. Sau một lát tên này quay về thất vọng. Suốt đời, hẳn cũng không thể gửi ở đó một xu nào, ai đời chỉ có ông già nửa mù nửa điếc gác ngân hàng. Đây quả

là “cảm hứng” hấp dẫn. Chúng gửi tiền chỗ khác và băng của Lansky đến cướp chi nhánh nhà băng này. Kết quả: 8000 dollar.

SỰ PHỤ CỦA SẾP VÀ SẾP CỦA SỰ PHỤ

– Ông bạn kính mến, - tay cờ bạc vị nể trịnh trọng nói với chàng thanh niên mười tám tuổi và với con mắt lọc lõi, quan sát phản ứng của anh ta, đã bắt đầu kỷ nguyên khi mà ở Hoa Kỳ nhu cầu về Whisky chất lượng vọt lên không tưởng tượng nổi. Tôi nhấn mạnh chữ chất lượng và xin nhắc lại nó một lần nữa. Tôi không tính loại nước cống mà các anh bạn Ý của anh chưng cất trong các xô xinh ở Lower East Side. Thứ đó chỉ để cho những đứa chán đời, chưa bao giờ được uống cái gì tốt hơn.

Họ ngồi trong nhà hàng của khách sạn ăn chơi Park Central và đã dùng xong rượu khai vị, cocktail, tôm hùm nhồi ôliu, xúp rùa và filets mignon aux champignons [51]. Dân chơi và người chơi bài chuyên nghiệp hạng thượng hạng Arnold Rothstein nói chậm rãi và chín chắn như thể đang đàm luận với giám đốc nhà băng Manhattan Ghare Bank, còn gangster Meyer Lansky, còn trẻ song đầy hứa hẹn, thì hai tai đỏ như, cố làm ra vẻ là dân ăn chơi thực thụ. Sự thực thì đây là lần đầu tiên y bước vào nhà hàng loại này, lần đầu tiên được nếm những món sơn hào hải vị và cũng lần đầu tiên nghe những từ lịch sự lạ tai mà người bạn lớn tuổi ăn bặt bánh bao trao đổi với hầu bàn. Y không hồi hộp trước những bộ thìa nĩa sáng loáng, những đĩa vàng, bát bạc kép có lót đá lạnh, y nhanh nhẹn làm theo từng động tác và bắt chước thành công cách cư xử lịch sự của người thầy kinh nghiệm. Mặc dù không hút thuốc, sau cốc cà phê đặc sánh y cũng phì phèo một điếu thuốc xì gà.

Khi đệ nhất thế chiến kết thúc và cả thế giới vui mừng rằng sau bài học kinh khủng trên chiến trường châu Âu, con người không bắn lẫn nhau nữa, thì tên vô lại có cỡ Lansky mới mười sáu tuổi. Tuy vậy y đã có khá nhiều kinh nghiệm, biết cách động viên và điều khiển thuộc hạ, biết cách xỏ mũi đối thủ và ngáng chân đúng lúc để họ ngã dập mũi. Ngày 16.1.1920, khi luật cấm rượu bắt đầu có hiệu lực và Hoa Kỳ bắt đầu 13 năm dài tội ác với

một nền kinh tế vô chính phủ, có lẽ rõ nét nhất trong lịch sử kinh tế Hoa Kỳ, thì Lansky chưa đầy 18 tuổi.

Ở Mỹ người ta uống rượu có lẽ từ thừa khai thiên lập địa. Những người mới tới định cư thì bán rum cho dân da đỏ bản xứ, nô lệ da đen thì nhận khẩu phần chất cay từ các chủ đồn điền, chủ các nhà máy thì thu lại tiền lương của công nhân bằng Whisky. Người ta uống rượu trong cuộc nội chiến Nam Bắc, và lịch sử miền Tây hoang dã với các saloon nổi tiếng và những tay cờ bạc chuyên nghiệp say lúy túy vẫn được nhắc lại trong các phim cao bồi.

Các nhà cải cách xã hội khẳng định rằng “chủ nghĩa rượu” đang lan tràn nhanh chóng, là hậu quả của cách mạng công nghiệp. Rượu trở thành vũ khí lợi hại chống lại giai cấp vô sản bị bóc lột tới tận xương tuỷ. Sau tấm gương của Carry Nation được truyền tụng như một huyền thoại (người phụ nữ này đã dũng cảm bước vào các saloon mù mịt khói thuốc, dùng búa đập nát tất cả các chai Whisky trước những con mắt đỏ ngầu của các bợm rượu), Hội phụ nữ tẩy chay rượu Anti Saloon League và tổ chức đông đảo Womens Christian Temperance Union đã đấu tranh mạnh mẽ đòi cấm rượu. Những người phụ nữ bình thường và cả các bà lớn đều căm ghét các quán nhậu, vì ở đó chồng con họ uống hết những đồng lương lẽ ra được dùng cho chi tiêu gia đình.

Các tổ chức công đoàn cũng ủng hộ chiến dịch đấu tranh chống uống rượu, và thế là sau những cuộc giằng co lôi thôi chuẩn bị dài dòng ở quốc hội Hoa Kỳ đã quyết định một bước đi lịch sử. Nhưng ngay trong ngày đầu tiên, đạo luật đã bị vi phạm. Đa số người Mỹ không coi nấu và buôn bán Whisky lậu là bất hợp pháp. Người Mỹ không chấp nhận đạo luật vì họ coi quyết định uống hay không uống rượu là một trong những quyền lợi thiêng liêng của mình. Họ chỉ khác nhau ở chỗ, người này thì phải uống rượu giả, nhiều khi nguy hiểm tới tính mạng, còn kẻ khác thì uống thứ thiệt, loại một

với giá cắt cổ. Arnold Rothstein và Meyer Lansky quyết định cung cấp rượu với mức tốt nhất cho những kẻ nhiều tiền.

Đây là một cặp không cân xứng. Meyer Lansky vẫn còn là một cậu bé, mặc dù y là kẻ gây lộn lành nghề, một tên trộm tháo vát. Y đã có sau mình một số vụ trộm cướp thành công. Sau này Arnold Rothstein đã nhận xét về Lansky như sau: “Đấy là một thanh niên với những khả năng tuyệt vời, tàn nhẫn và táo bạo, sẵn sàng mạo hiểm tất cả vì tiền bất cứ lúc nào”.

Còn Arnold Rothstein là một quân sư tài ba, thậm chí y còn có biệt hiệu “The Brain” Bộ não. Đầu những năm hai mươi, y đã lên tới tột đỉnh của danh vọng. Bước sang tuổi 40, y đã trải qua một cuộc đời sôi nổi của một người chơi bài chuyên nghiệp, đi dọc ngang thế giới, ngấy đến tận cổ các khách sạn hào hoa và những cabin tàu vượt đại dương sang trọng, mà ở đấy, trong các sòng bạc, y hành nghề của mình. Khi luật cấm rượu được ban ra thì y đang ở trên đỉnh cao của vinh quang, bởi vì không lâu trước đó y đã thành công trong một vụ lừa đảo lớn ở Wall Street, nhờ vụ này mà y chiếm ngôi bá chủ trong nghề của mình.

Meyer Lansky thề thốt rằng chưa bao giờ y hành nghề gangster, mà chỉ buôn bán Whisky và sự chênh lệch giá cả tạo điều kiện cho y trở thành triệu phú. Y không phải là người duy nhất giàu có lên trong thời kỳ cấm rượu. Ngày nay họ, hay con cháu họ là chủ tịch các trust thương nghiệp và công nghiệp, đóng góp những món tiền đáng kể vào các hoạt động xã hội có ích và không ai coi họ là gangster.

— Khi tôi nói Whisky, đó là loại Scotland tốt nhất - Arnold tiếp tục giảng bài trong bữa nhậu mời Lansky. Nếu khéo léo nhập khẩu thì sẽ kiếm được cả gia tài kếch xù. Nhưng, tất nhiên là không phải chỉ một vài thùng hay toa tàu, mà là cả trọng tải tàu chở hàng lớn. Cấm rượu đến lúc nào đó sẽ kết thúc, nhưng không sớm đâu. Tôi chắc chắn là càng ngày càng nhiều người Mỹ vi phạm luật. Những kẻ giàu nhất sẽ sẵn sàng mua một chai Whisky thứ thiệt với bất cứ giá nào. Có trong nhà Seagram's, Johnny

Walker hay Teacher's [52] là sự cần thiết trong quan hệ xã giao mà. Chúng ta sẽ bán rượu cho họ, Meyer ạ, bởi vì tôi biết quá rõ những ông quý tộc này. Chúng ta ngồi chung một sòng bạc với họ, thế là họ sẽ mở rộng cửa đón ta. Chúng ta phải chạy cho họ bất cứ số lượng Whisky Scotland nào và nhất định chúng ta làm được.

Bài giảng này đồng thời cũng là lời tiên tri mười bốn năm tới cho tên gangster trẻ tuổi, chưa kinh nghiệm, Rothstein lỗi đời dự báo một cách chính xác: Đây là thời kỳ làm ăn lớn. Sau khi bãi bỏ luật cấm rượu, Bộ trưởng tài chính Hoa Kỳ Henry Morgenthau tuyên bố rằng những người Canada sản xuất Whisky, thực tế là cho gangster và bọn này lo việc chuyển qua biên giới, nợ nước Mỹ hơn 60 triệu dollar thuế nhập khẩu và thuế tiêu dùng. Giữa hai nước láng giềng xảy ra khủng hoảng và Bộ trưởng Morgenthau ra lệnh phong tỏa hàng hóa Canada nếu nợ không được trả. Phía Canada xuống thang và bày tỏ thiện chí sẵn sàng trả ba triệu dollar. Riêng hãng của Samuel Bronfman, người ta trở thành một trong những người giàu có nhất Canada, nhờ rượu Whisky lậu, trả một nửa khoản tiền trên. Hãng rượu đồ sộ Seagram's thuộc về gia đình ông ta cho tới bây giờ.

Rothstein từng trải, Meyer Lansky hãnh tiến, cùng với họ là Carlo Gambino, Lucky Luciano, Albert Anastasia, Bugsy Siegel, Dutch Schultz và hàng loạt những gangster nổi tiếng hay kém nổi tiếng, với mọi giá, và bằng bất cứ thủ đoạn nào, đi đến mục đích kiếm được thật nhiều tiền để trở thành khá giả nhất trong những kẻ giàu có, thế lực nhất trong những kẻ thế lực. Chúng đã làm được, mặc dù trước đó chúng không thể mơ tới thành công như vậy. Nhưng trên đường tới đích, chúng đã để lại bao vũng máu và xác chết mà chẳng ai trong số bị hỏi cung biết cả. Omertà: Ai không im lặng, kẻ đó phải chết.

Những tay cờ bạc thượng thặng đều biết tiếng nhau. Nếu Rothstein giữ ngôi bá chủ ở New York, thì ở Philadelphia, Irving Waxler không có đối thủ. Trong các sòng bạc bí mật, dưới cái tên giả Waxey Gordon, y qua mặt

tất cả các tay cờ bạc giàu có trong vùng. Những tên lừa đảo và cờ bạc phải cư xử lịch lãm, ăn mặc và nói năng như các quận công, não của chúng làm việc nhanh và tin tưởng như máy tính. Rothstein thuộc loại số một trong nghề và Waxey Gordon cũng vậy. Không ngạc nhiên, khi cả hai cùng có một sáng kiến giống nhau: Chuyển sang buôn lậu Whisky. Chúng quá kinh nghiệm và biết điều để không bắt đầu cạnh tranh lẫn nhau, bởi vì ở Hoa Kỳ có đủ chỗ và tiền lời cho mọi con buôn. Nhưng chúng thỏa thuận với nhau là Arnold Rothstein được ưu tiên cung cấp hàng cho mạng lưới của băng Lansky, sau đó mới tới lượt Waxey Gordon. Hai hội phải giúp đỡ lẫn nhau, cả hai cùng có lợi. Hiệp định liên thành phố này đã bắt đầu thời kỳ của tổ chức tội ác ở Mỹ, nó tồn tại cho tới ngày nay.

Sau này không phải chỉ mình Meyer Lansky cố gắng thuyết phục các phóng viên, chánh án và cả dư luận rằng cái mà y, Al Capone, Torrio và những tên gangster khác thực thi chỉ là một loại kinh doanh có lời. Nhưng đó là kinh doanh với mọi giá, kể cả giá giết người. Nhưng ở Mỹ người ta không hiểu nó theo nghĩa đen. Đạo đức miền Tây hoang dã, được truyền tụng đến ngày nay như chuyện hoang đường, có những thước đo khác với sự suy nghĩ của châu Âu.

Thế là buôn lậu được cả dân tộc chuẩn y. Không ai lên án con buôn Whisky như những kẻ tội phạm. Đa số nhân dân, ít ra thì tất cả đàn ông, khích lệ họ và coi chuyện ai đó quan tâm đến quyền lợi của dân rượu là điều hiển nhiên. Họ thống nhất với nhau, cấm rượu là điều vô nghĩa do những hội đàn bà bày đặt ra, và tất cả tin tưởng rằng nước Mỹ “khô” không thể tồn tại mãi mãi.

Arnold Rothstein lịch lãm đến châu Âu vài tuần và mua ở Scotland hàng chục nghìn két rượu Whisky loại một. Y lo cả việc chuyên chở qua đại dương, thuê cả tàu và thủy thủ đoàn, y kiểm soát cả ở tiền vận chuyển. Tính toán rõ ràng, lời lãi bảo đảm chắc chắn. Một két 12 chai Whisky giá khoảng 25 dollar, trong đó bao gồm cả tiền vận chuyển, hối lộ thuế quan và

các chi phí phụ khác kể cả giá cao, bởi vì các nhà sản xuất rượu Scotland lập tức tăng giá rượu khi biết được nỗi bất hạnh của dân rượu Mỹ. Một chai Whisky bán lậu ở Mỹ giá khoảng 30 dollar. Lãi xuất khổng lồ và mỗi đũa trong bọn, Rothstein hay Lansky, Luciano hay Al Capone, kiếm tới hàng triệu tiền lời. Chúng còn nghĩ ra mẹo làm giàu nhanh hơn.

Sẽ không đúng sự thật, nếu nói rằng trong thời kỳ cấm rượu ở Mỹ hoàn toàn không có cồn. Tồn tại không ít lò cất cồn nguyên chất cho y tế và công nghiệp dược. Cồn kỹ thuật là nguyên liệu không thể thiếu được trong nhiều ngành công nghiệp. Lansky có sáng kiến từ một chai rượu Whisky thứ thiệt, chế biến thành năm chai giả. Rõ ràng là y bỏ ngoài tai tuyên bố của sư phụ Arnold Rothstein là chỉ bán hàng loại một cho khách loại một. Chúng chạy kiếm cồn nguyên chất từ các lò cất hợp pháp, mà sau này một số bị chúng chiếm đoạt, mua rượu cất lậu, trộn lọc, nhuộm màu bằng đường đốt và thêm mùi vị. Chỉ sau một đêm, một két Whisky Scotland được nhân lên gấp bốn, gấp năm lần. Theo dự đoán chính thức, trong thời gian cấm rượu, khoảng 60 triệu lít cồn nguyên chất được chế biến để làm Whisky hay rum giả.

Một phần đáng kể các lò cất bí mật nằm ở vùng Chicago và Philadelphia. Dân di tản Ý từ bao đời nay đã tự cất lấy rượu vì họ không đủ tiền đến quán. Khi lệnh cấm rượu ban ra, họ lập tức nâng cao công suất chưng cất liên tục ngày đêm, cả gia đình thay phiên túc trực bên máy cất, sản lượng quả là kinh khủng. Ở Philadelphia Lansky có Waxey Gordon, tên này mua rượu cất lậu và lo việc vô chai. Việc này không đơn giản, chúng phải kiếm được một lượng chai khổng lồ, phải in những mác giống y hệt thứ thiệt, phải đặt làm nút chai, két đựng và giấy gói. Khi sản xuất Whisky giả phát triển với quy mô lớn, Lansky mua nhà máy sản xuất chai, xưởng in với trang bị kỹ thuật hiện đại nhất và hàng chục xe tải để vận chuyển hàng hóa. Chưa đầy 25 tuổi, y đã xây dựng được một hệ thống kinh doanh với hàng trăm nhân viên, hoạt động không một sơ suất nhỏ và ngày càng thịnh vượng.

Trong thời kỳ những cơn sốt vàng, cả thế giới thành tâm mong cho những người đào vàng kiên trì vượt qua thử thách thiên nhiên ác nghiệt, tìm được mỏ vàng của mình và sau một đêm trở thành giàu có. Nhưng những tên vô lại, lười biếng thì lại nằm trong hố uống rượu và chờ tân triệu phú đi qua với cửa cải của mình. Nhiều người bị cắt cổ, bắn chết và vàng thì chui vào túi bọn cướp. Một số tên cướp xứng đáng nhận một viên đạn vào trán, số còn lại, tẩu thoát chuyển vào thành phố, trở thành chủ ngân hàng, chủ tịch các hội kinh doanh, mua những xe hơi bóng lộn, ở trong các biệt thự sang trọng có bể bơi và bắt đầu thọc mũi vào chuyện chính trị.

Tương tự như vậy, khi Whisky được bí mật tuồn qua biên giới và chở đến các saloon bí mật, các quán rượu kín, thì cũng có những tên vô lại nằm chờ các két Whisky trong các công sự dọc đường, Meyer Lansky và bọn đàn em tháo vát cũng làm cả loại việc này. Mặc dù còn trẻ, ít kinh nghiệm, nhưng chúng trộm và cướp rất thành công.

Hồi đó trong nội bộ Mafia đã tồn tại vấn đề thế hệ. Những gangster trẻ như Meyer Lansky hay Lucky Luciano cười thầm chế giễu các bố già lấm cấm cố bám lấy ngai vàng và tàn nhẫn trị vì. Lansky ủng hộ việc hiện đại hóa tổ chức tội ác, muốn loại bỏ các thói quen và tập quán lâu đời xuất phát từ Sicilie và tồn tại như một bộ phận không hài hòa của nghề gangster trên đường phố Mỹ, trong điều kiện xã hội mới. Những tên già được gọi mỉa mai là “Moustache Petes” Ria mép, bởi vì theo truyền thống Sicilie, một thành viên đứng đầu của Mafia phải có ria mép rậm dưới mũi, đó cũng là sự thú nhận thuộc về tổ chức tội ác này.

Ngoài ra, ở đây còn có sự xung đột giữa các dân tộc nữa. Băng của Lansky là tổ chức tội ác Do Thái với một ngoại lệ duy nhất: Nó được kết hợp với Lucky Luciano và người của y thành một hiệp hội tội ác thế lực nhất, có tài chính vững vàng nhất, không những mạnh hơn Al Capone khét tiếng, mà còn tồn tại lâu hơn tới hàng chục năm.

Sếp Mafia già cỗi Joe Masseria là cái gai trong mắt những tên gangster trẻ, tài năng. Chúng không ưa tính gia trưởng của y và không chịu nổi y vì y thuộc lớp già, cứng nhắc và bất lực. Mâu thuẫn được giải quyết như thế nào. Luciano và Lansky đã sử dụng phương tiện gì để thanh toán địch thủ, chúng ta đã biết trong phần chiến tranh các băng. Tuy vậy ta hãy thử dừng lại ở một tình tiết trong “Chiến tranh các băng”, vì nó bác bỏ khẳng định của Lansky rằng y không dính dáng vào cuộc chiến. Một lần, bạn chiến đấu thân cận nhất của Lansky là Bugsy Siegel biết được Masseria mua một lượng lớn Whisky lậu và sẽ chở tới Atlantic City.

– Ai nói anh biết điều đó, Ben? - Lansky hỏi.

– Ai nói, điều đó không thành vấn đề, - Siegel trả lời một cách bí ẩn - Cái quan trọng là tin chính xác.

– Sao anh biết?

– Tôi phải mua tin đó với giá 2000 dollar.

– Bao nhiêu xe tất cả?

– Bốn.

– Anh biết chính xác thời gian và tuyến đường?

– Tất nhiên là biết.

– Hai nghìn dollar được chi đúng chỗ, Ben.

Kịch bản giống hệt như trong các phim gangster mà Hollywood làm tràn ngập các rạp chiếu bóng trên thế giới. Lansky và Siegel bí mật triệu tập những kẻ thân tín, giải thích công việc và nhiệm vụ, tính toán giá trị chiến lợi phẩm, sau đó giở bản đồ, đánh dấu bằng mực tàu lộ trình của đoàn xe chở Whisky và hẹn giờ tập trung.

- Ben này, - Meyer Lansky còn hỏi Siegel, - Whisky này được cho ai đấy?

- Anh sẽ ngạc nhiên, Meyer, nhưng món hàng này là của Waxey Gordon yêu quý của chúng ta đó.

- Ái chà! Thử xem thằng bé phản ứng thế nào!

- Ừ thì phản ứng! Nó làm rượu giả, rồi tẩu tán mà không một lời với chúng ta.

- Thôi, lên đường! Lansky ra lệnh.

Chúng tìm được một chỗ cưa thích hợp trong rừng. Bugsy Siegel quyết định áp dụng phương pháp cổ điển mà trong quá khứ bọn lục lâm thường dùng để cướp các xe ngựa Wells Fargo hay Pony Express, cho nên y mang theo rìu và cưa. Chúng đốn cây đổ xuống ngang đường để bắt tài xế phải dừng xe. Chúng ẩn nấp trong các bụi cây ven đường, không hút thuốc, để khỏi bị phát hiện, không nói chuyện, để lỡ chẳng may có ai nghe được. Chúng chờ cho tới lúc nghe thấy tiếng ô tô và ánh đèn pha. Đúng ba rưỡi sáng, tài xế thứ nhất nhìn thấy gốc cây, dừng xe, nhảy ra khỏi cabin và quan sát chướng ngại vật. Những xe sau cũng đã tới. Một toán khoảng 10 tên vũ trang đi theo hộ tống món hàng quý giá tập trung quanh khúc cây.

- Không phải tự nhiên mà nó nằm đây, - một tài xế nói, rồi nhìn ra xung quanh nhưng không phát hiện được gì khả nghi. Người của Lansky theo dõi hiện trường và chờ tín hiệu của Bugsy.

- Dù ai làm đi chẳng nữa, chúng ta cũng phải dọn để đi tiếp. Nó không đến nỗi lớn lắm để ta phải bó tay.

Họ cúi xuống, lên gân muốn nâng khúc gỗ lên. Trong ánh sáng đèn pha ô tô, những bóng đen kéo dài của họ trông như những bóng ma. Đúng lúc đó vang lên những phát súng đầu tiên. Những người đàn ông bên cạnh cây

đồ, hoàn toàn không có một mảy may cơ hội. Ba người chết ngay tại chỗ, năm người nữa tắt thở trong vòng 20 phút, những người sống sót đầu hàng vô điều kiện nhưng bị một trận nhừ tử. Bốn xe tải đổi hướng đi và sáng ra hàng đã nằm yên trong một kho khác. Trong vụ này, Lansky đã phạm một sai lầm vỡ lòng, y không che mặt và người của Masseria biết được ai chỉ huy vụ cướp.

Nhưng con cáo già Masseria không ra tay, y có kế hoạch khác, y muốn thu phục tên gangster tương lai Luciano, bạn của Lansky. Cho nên y cảm tức bặm miệng và chuẩn bị thanh toán món nợ bằng cách khác. Ta đã biết mọi chuyện kết thúc ngược lại, thế hệ gangster trẻ hiển nhiên là chiếm ưu thế.

Waxey Gordon điên tiết vì mất món tiền lớn. Món hàng Whisky này y đã trả trước bằng tiền mặt, thế mà bây giờ y phải ngậm đắng nuốt cay, vì y không được phép cho Arnold Rothstein biết rằng y vi phạm hiệp định. Hiển nhiên là đích thân Lansky báo tin này cho Rothstein. Vì tiền mà sinh ra sự thù địch kéo dài mãi tới năm 1931. “Chiến tranh Do Thái” sau nhiều bước ngoặt thăng trầm, cuối cùng thu hẹp lại thành mâu thuẫn sống còn, chỉ cho phép một người chiến thắng tồn tại.

Quả là sai lầm nếu cho Mafia là hội những hiệp sĩ luôn tôn trọng các luật lệ lâu đời. Chúng ta thanh toán Waxey Gordon bằng thủ đoạn nham hiểm, người thi hành bản án là Jake Lansky, em của Meyer Lansky. Y tới Philadelphia, trao cho cảnh sát các bằng chứng tố cáo Gordon, tên này lập tức bị bắt và tống vào tù. Năm 1933, Gordon bị tòa kết án tù. Ngay cả khi ra tù, y cũng không sao quay lại nghề cũ được. Trong chiến tranh y sống bám vào chợ đen, nhưng bị cảnh sát bắt, y lại phải ngồi tù. Bằng của Lansky đã tiếp thu cả địa hạt và khách hàng của y.

Samuel Bloom là kẻ gây lộn chuyên nghiệp. Y nhập hội Lansky hoàn toàn ngẫu nhiên. Một lần y thắng bạc một triệu phú Scotland 100.000 dollar và sau đó y biết rằng kẻ máu mê cờ bạc nợ lại là chủ một nhà máy Whisky

lớn King's Ransom. Tên gangster liên trở tài ngoại giao và chủ nhà máy nợ hứa cung cấp những khoản Whisky loại một đặc biệt. Thế là chúng chở rượu lậu trên các tàu vận tải, thậm chí có lúc bằng cả tàu quân sự của hải quân Hoa Kỳ và kiếm được những món lời khổng lồ. Samuel Bloom là một trong những kẻ ăn chia, y nhét túi nhiều tới mức còn có thể mua một biệt thự lộng lẫy và sống như trên thiên đường. Nhưng con bạc thường khó chia tay với đam mê của mình. Bloom lại thua hết tiền, có lần tới 100.000 dollar sau một tối ở apartment của Rothstein trong khách sạn Park Central. Sau đó y tụt nhanh xuống tận hố phản bội.

Một đêm tối trời, một đoàn xe lớn chở đầy Whisky xuất phát từ Boston. Dọc đường 15 ngàn két rượu biến mất không để lại dấu vết. Vì thiệt hại quá lớn, khoảng một triệu dollar, gangster lồng lộn điều tra và tìm ra dấu vết: Có bàn tay Samuel Bloom trong vụ cướp. Với món tiền hối lộ lớn giúp y khỏi cảnh túng quẫn. Bloom đã bán lộ trình đoàn xe cho băng cạnh tranh. Lansky thu thập được các bằng chứng về sự phản bội, mặc dù vậy, y vẫn không thể thi hành tử án với người đồng sự của mình.

Mafia Sicilie biết rõ là người Do Thái không giết lẫn nhau, cho nên nó tự lo việc trừng phạt. Các tên giết người của Luciano thi hành bản án tử hình. Thế rồi một ngày đẹp trời. Luciano xuất hiện và thông báo quyết định Sam Bloom tới châu Âu một thời gian để nghiên cứu nghệ thuật thời phục hưng. Xác chết bị đổ bê tông và ném xuống sông Hudson.

Trong những năm năm mươi khi điều tra vụ mất tích Samuel Bloom, các nhân viên FBI đã phát hiện ra một số phi vụ nữa của tay cờ bạc máu mê với các băng cạnh tranh. Y liên lạc với con buôn Whisky và làm ăn với băng vận chuyển Whisky bằng đường khác, từ Nassau trên đảo Baham tới Florida và vùng nam California. Đó không phải là áp phe nhỏ, mỗi chuyến hàng tới hàng chục ngàn két Whisky.

Không bao giờ Lansky tiết lộ các hăng mà y điều khiển từ trong hậu trường, y cũng giữ kín các cổ phần. Nhưng tháng 8 năm 1938, một nhân

viên FBI khai trước tòa như một nhân chứng rằng một thành viên của băng Lansky tên là Katzenberg tiết lộ là sếp của y sở hữu một hãng lớn chuyên nhập khẩu rượu bia Thomas J. Malloy Company trên phố 26 ở New York. Cũng theo Katzenberg, Lansky là chủ nhân của sân đua ngựa Revere Race Track ở Boston, sân đua ngựa ở California và có cổ phần hầu như trong tất cả các sòng bạc bất hợp pháp ở Hoa Kỳ. Theo kết quả điều tra của FBI ngày 24.8.1971, cùng với Siegel và Frank Costello, y có phần lớn các cổ phần ở hãng King's Ransom Distilling Company, hãng White House Scotch Distilling Company, y cũng sở hữu cả lò cất Capital Distillers.

Còn Arnold Rothstein, mặc dù tiên đoán được tình hình kinh tế và nhờ đó mà làm giàu, cũng kết thúc bi thảm như tất cả các con bạc máu mê, bởi vì trong các trò chơi cờ bạc chỉ có một người thắng, đó là chủ nhà băng. Rothstein thông minh và học thức, cuối cùng cũng thua hết gia sản. Tháng 11 năm 1928, y bất đồng với các con bạc khác ngay trong phòng của mình ở khách sạn Park Central và bị ai đó bắn bị thương nặng. Y chết trong bệnh viện không kịp tiết lộ tên kẻ giết mình. Vì y không để lại dollar nào và Lansky biết rằng y có thu nhập hàng triệu dollar, chúng được xuất từ túi Lansky. Tên này liền đi điều tra nguyên nhân cái chết của Rothstein. Y xác nhận có lẽ Rothstein bị tâm thần. Y dám cá và thua tới nửa triệu dollar trong một lần chơi và chỉ một lần y thắng được khoản tiền cá lớn như vậy, lần đó y cuộc rằng Herbert Hoover sẽ thắng Alfred E. Smith trong bầu cử Tổng thống năm 1928.

Đầu năm 1929, Meyer Lansky trẻ, thành công và khá giả so với tuổi trước 30, dò hỏi cô con gái Anna của Moses Citron làm vợ. Ông già Citron hài lòng là sẽ có chàng rể thành công và hai gia đình chuẩn bị lễ cưới vào ngày 9 tháng 5. Khi Meyer Lansky phải điền vào các giấy tờ đăng ký, người ta phát hiện ra y không có quốc tịch Hoa Kỳ. Nhưng ở nhà, trong ngăn kéo y có bản copy đơn xin nhập quốc tịch Mỹ số 100973 mà người ta quên giải quyết. Thế là vấn đề quốc tịch được giải quyết không khó khăn gì. Nhưng y đã không trung thực điền vào các mục khác, và điều đó vẫn bị coi là có tội

lớn ở Hoa Kỳ. Chả là khi còn trẻ, tuy đã vài lần bị kết án, nhưng trong đơn, ở mục tương ứng, y điền NCR (no criminal record - không có tiền án). Chi tiết trên đã gây khó chịu cho y khi bị xử án và cả khi y xin cư trú ở Israel sau này.

NHỮNG NGÓN TAY DÀI

Người ta nói rằng Mafia có những ngón tay dài can thiệp vào tất cả các ngành công nghiệp, nắm trong tay các tổ chức công đoàn, thu “lệ phí an toàn” từ các chủ hiệu và có ảnh hưởng đến chính trị Hoa Kỳ. Đó là những khẳng định quá quen thuộc, nhưng có điều chắc chắn là một số thành viên của hiệp hội tội ác đã cố gắng gây ảnh hưởng đến các sự kiện chính trị của thế giới mới, không phải từ những lý do chính trị hay tư tưởng, mà hoàn toàn vì mục đích lợi nhuận.

Ở Chicago, Al Capone có một thế lực chính trị đáng kể, y đưa được người của mình vào các chức vụ quan trọng và y được đền bù lại một cách xứng đáng. Quả là thỉnh thoảng mới nổ ra các vụ bê bối chính trị, phát hiện ra các quan hệ giữa các chính trị gia với thế giới ngầm Hoa Kỳ, nhưng áp phe và ám sát đã trở thành một phần của đời sống hàng ngày ở Mỹ. Kể cả cơn bão chính trị Watergate quét bay Richard Nixon khỏi ghế tổng thống cũng không làm thay đổi nếp nghĩ và hướng đi của chính trị Hoa Kỳ.

Mới ba mươi tuổi, Meyer Lansky không những chỉ là một trong các triệu phú trẻ nhất Hoa Kỳ. Biết cách tận dụng các thuận lợi trong thời kỳ cấm rượu, y còn bảo đảm được nguồn thu nhập liên tục từ các ngành khác. Y không ngừng phát triển kinh doanh các máy chơi tự động, luôn luôn mở rộng các sòng bạc phi pháp, thu về những khoản khổng lồ từ các “rules nghèo”, một loại xổ số bất hợp pháp với số tiền đặt là năm xen. Y xây dựng hàng loạt Horse Saloons ngựa cho giới thượng lưu Mỹ để những kẻ cá ngựa giàu có khỏi nhọc mình ra tận trường đua. Họ có thể cá cược, vui mừng khi được cược hay thất vọng lúc thua cược trong các bar sang trọng với sự phục vụ của phái yếu. Ở đó họ có tất cả: Cảm xúc từ trò chơi may rủi, khoái cảm của rượu ngon và sự chăm sóc dịu dàng của người đẹp.

Ở Mỹ cũng như ở các nơi khác trên thế giới, những năm ba mươi không phải là thời gian vui mừng và hy vọng. Gánh nặng của khủng hoảng kinh tế

đề nặng lên tất cả, thất nghiệp tăng nhanh và cùng với nó là sự khốn đốn của dân nghèo, nỗi tuyệt vọng của nhiều nhà tài chính bị “ngày thứ sáu đen” trên thị trường chứng khoán năm 1929 bẻ gãy cổ. Hậu quả của những vụ phá sản còn kéo dài cho tới nhiều năm sau này. Trong tình hình đó, Meyer Lansky bàn tính với các chiến hữu thân tín về tương lai loài người, điều đó có nghĩa là tương lai của chính y và băng của y.

Năm 1932, Meyer Lansky và Lucky Luciano triệu tập thuộc hạ của mình đến khách sạn sang trọng và đắt tiền Claridge để cùng nhau bàn bạc về công việc làm ăn sắp tới. Meyer Lansky có cái mũi nhạy bén, y ủng hộ mở rộng các sòng bạc, xây dựng ở Florida và Cu Ba những Casino lộng lẫy, mà bên cạnh chúng, Monte Carlo, Baden hay Sanremo trông giống như những túp lều rách nát. Nhưng Casino phải được sự cho phép của chính quyền vì không thể giấu được tòa nhà sang trọng. Thường thì thống đốc bang hay hội đồng thành phố cấp giấy phép. Trên sân khấu chính trị có nhiều người quan trọng không thể dọa được bằng súng lục, nhưng có thể hối lộ được. Meyer Lansky đã được chọn đường lối này. Y thỏa thuận với thuộc hạ thân tín hệ thống đút lót ít và nhiều, từ sự cần thiết, bắt đầu thọc gậy vào các sự kiện chính trị.

Một trong các ứng cử viên tổng thống là Al Smith, đảng viên Đảng dân chủ, một người được ưa chuộng tuy hơi thô tục, đã từng giữ chức thống đốc bang New York. Ông ta không phải là kẻ thù của thế giới ngầm, mà đã có thời là cộng sự nhiệt tình, một thương gia tháo vát, rất nhạy với các món lời béo bở. Mặc dù vậy, trong cuộc họp ở khách sạn Claridge, Meyer Lansky đã khuyên gangster ủng hộ cả hai ứng cử viên: Thống đốc bang New York - Franklin Delano Roosevelt và Al Smith. Các cố vấn chính trị của y đã đánh giá sai đối tượng.

Năm 1932 ở Chicago, nơi mà Al Capone thế lực đang trị vì, đại hội Đảng dân chủ được tiến hành để bầu ứng cử viên tổng thống. Gangster New York kéo về Chicago cổ động. Chúng đóng quân trong các khách sạn sang

trọng nhất, một số ủng hộ Smith, số khác thì cổ động Roosevelt. Meyer Lansky điều khiển hoạt động từ sau hậu trường, cử người đi thăm dò dư luận và thu nhập tin tức. Gangster cư xử như những chính khách lịch thiệp, với những bộ comple láng nhất chúng xuất hiện trong những buổi dạ hội, và chúng hào phóng chiêu đãi mọi người Whisky Scotland hảo hạng, vì với chúng, nó đâu phải loại hàng khan hiếm.

Cố vấn chính trị của Lansky là Albert Marinelli có khá nhiều kinh nghiệm và các quen biết, thế lực, tuy nhiên trong việc này dự báo của y đã sai lầm nghiêm trọng. Mặc dù y đánh giá đúng rằng Roosevelt có cơ hội hơn, nhưng y lại không nắm được chính kiến của ông ta đối với tổ chức tội ác Lansky và Luciano quyết định ủng hộ ông ta và chờ được đền ơn. F. D. Roosevelt bước vào Nhà Trắng, nhưng một trong những việc làm đầu tiên của ông ta là chiến dịch chống tổ chức tội ác Ông ta đã tước bỏ quyền lực và ảnh hưởng của hội Tammany Hall, lãnh tụ của hội này là Jimmy Hines thậm chí phải vào tù. Trước mặt gangster là một tương lai đen tối, vì giám đốc FBI Hoover nhận được lệnh thanh toán thế lực của thế giới ngầm.

“Lẽ ra tôi phải nghe theo lời khuyên của Arnold Rothstein”, Meyer Lansky tuyên bố sau nhiều năm. “Ngay từ đầu tôi đã nói rằng Al Smith là một người tuyệt vời, có thể xây nhà trên lời hứa của ông ta. Hơn nữa bao giờ ông ta cũng cảm thông các vấn đề người Do Thái và người Ý từ Lower East Side, và không phân biệt họ với dân Ailen, mặc dù ông ta là người Ailen. Không còn nghi ngờ gì nữa về sự quan tâm của ông ta đối với dân nghèo. Ông ta vận động bầu cử trong khu phố của chúng tôi, nói chuyện với chúng tôi, cư xử như một người trong chúng tôi và thực tế ông ta là người của chúng tôi. Nhẽ ra tôi phải hiểu được rằng chạy sang phía Roosevelt là một điều sai lầm.

Mặt khác, chúng tôi không có sự lựa chọn thứ hai. Ở Chicago chúng tôi đi đến kết luận rằng Roosevelt chắc chắn sẽ thắng nhưng đáng lẽ chúng tôi không được để Smith đổ. Sau những kinh nghiệm sống, tôi nhận thức ra

rằng, con người ta cần phải trung thành với bạn hữu của mình. Một khi phản lại điều đó, anh ta phải trả giá đắt. Cũng như chúng tôi đã phải trả giá đắt trong trường hợp Roosevelt. Ông ta quên những hứa hẹn của mình và tấn công chúng tôi từ phía sau”.

Cuộc chiến công khai, mỗi thù không đội trời chung giữa Mafia và Roosevelt sau này đã khởi xướng. Xuất hiện nghi vấn là Lansky, Luciano, Costello, Adonis và các tên khác đã đứng đằng sau vụ ám sát Tổng thống Roosevelt và tay súng Giuseppe Zangara, một người Ý đáng ngờ là kẻ giết thuê.

Franklin Delano Roosevelt được bầu làm tổng thống Hoa Kỳ và đang chờ lễ đăng quang. Ngày 15-2-1938 ông đến Florida. Miami chuẩn bị đón tiếp tân tổng thống rất long trọng và theo truyền thống Hoa Kỳ, cũng rất hào nhoáng. Mọi nơi tràn ngập quốc kỳ, vòng hoa, đèn kéo quân và các khẩu hiệu chào mừng. Một đám đông lớn tề tựu ở Bayfront Park để chuẩn bị đón nhà chính trị gia nổi tiếng. Roosevelt đi đến bằng thuyền của người bạn triệu phú Astor, sau mười ngày phép câu cá trên biển, ở cảng, ông lên xe, vẫy chào mọi người ra đón, khoảng chín rưỡi đoàn xe hộ tống Tổng thống tới Bayfront Auditorum. Dân chúng nhiệt tình ùa ra đường làm xe dừng lại. Từ trong xe mui trần, Tổng thống không biết rằng có một khẩu súng đang chờ nhả đạn vào mình.

Hai người đàn ông vội vã lách đám đông đi tới. Một là thị trưởng Chicago Anthony J. Cermak đi đến để chào tân tổng thống. Người đàn ông thứ hai là Giuseppe Zangara, một người Ý nhỏ, tóc đen, đi đến để giết tổng thống. Cermak nhảy lên bậc xe, chào tổng thống và đám đông. Đồng thời Zangara rút súng, bắn luôn năm phát. Gã bắn Roosevelt hay thị trưởng Chicago?

Vệ sĩ Gennerich kéo mạnh Tổng thống xuống xe và thấy Cermak trúng đạn, lăn xuống đất. Roosevelt hiểu ngay sự cố và thấy kẻ ám sát đã bị bắt giữ. Cho nên ông đứng lên trong xe, vẫy vẫy đám người chưa hết kinh

hoàng và tuyên bố ông vẫn bình an. Lúc đó trong mắt dân Mỹ, ông trở thành người anh hùng. Vị Tổng thống nào còn sống sau khi bị ám sát sẽ có một chỗ đứng chính trị vững chắc.

Cảnh sát nhanh chóng xác minh sự thật: Kẻ ám sát bắn năm phát. Một viên trúng Cermak, hai viên tiếp theo làm bị thương nhẹ hai người đàn ông trong đám đông. Một phụ nữ bị bắn xuyên ngực, chết trong bệnh viện. Người thứ năm chỉ bị xây xước sơ. Nhưng còn một người đàn ông nữa bị bắn trúng. Người thứ sáu.

Giuseppe Zangara bắn từ súng mác Smith and Wesson loại băng năm viên cỡ 32. Một trong những viên đạn được mở ra từ người đàn ông bị bắn thứ sáu có cỡ 45. Ở đâu ra viên đạn này? Cùng lúc có người nào nữa cũng bắn? Và bắn ai? Những tay súng chuyên nghiệp khó có thể nhầm.

Tên ám sát Zangara là một kẻ kỳ quặc. Y không mấy phát triển và biệt hiệu “Il nono” (thằng lùn) mà những đứa trẻ cùng phố tặng cho y càng làm tăng thêm cảm giác mặc cảm tự ti vốn có của y. Y sinh ra ở vùng đất nghèo Calabria thuộc Ý, không mảnh đất cắm dùi lại còn đau ốm luôn. Y bị đau dạ dày và ngay từ đầu y đã biết ai gây ra nỗi bất hạnh đó: Người giàu. Hiển nhiên là y có một quan niệm cứng nhắc bệnh hoạn, có thể y là kẻ tự kỷ ám thị và chắc chắn y bị méo mó về tâm lý. Y luôn lớn tiếng là sẽ giết hại vua chúa, tổng thống, giám đốc và thế giới sẽ yên ổn ngay.

Bệnh dạ dày cũng theo y phiêu bạt cùng nhiều dân Sicilie đến thế giới mới. Vừa mới xác minh được là ở Hoa Kỳ không có vua chúa trị vì, y quyết định bắn chết tổng thống, trước hết là Coolidge, sau đó Hoover và cuối cùng là Roosevelt.

Trong khi đó y không có lý do bất mãn. Zangara là thợ nề lành nghề. Các thành phố Mỹ được xây dựng lên thực tế là bằng bàn tay của các thợ xây dựng Ý, họ có uy tín và lương cao. Từ “thằng lùn”, y trở thành một người Mỹ ăn vận lịch sự với tài khoản ngân hàng đáng kể. Thậm chí còn

chuyển chỗ ở tới Florida, nơi có khí hậu gần giống như vùng quê Calabria của y. Rồi tình cờ y biết được tên Tổng thống Roosevelt sẽ đến Miami. Với tám dollar, y mua khẩu súng lục Smith and Wesson. Sau đó y bắn, nhưng không trúng đích. Thị trưởng Cermak trúng đạn và tắt thở trong bệnh viện. Joe Zangara bị đưa ra tòa, sau đó lên ghế điện. Nhưng có đúng y là kẻ giết Cermak không?

Trong những năm 80, trên các tuần báo ở Praha thỉnh thoảng xuất hiện ảnh của thị trưởng Chicago Antonia Cermak [53] với các bài báo mà nội dung của chúng có thể được tóm tắt bằng câu sau: Mọi người hãy mở mắt ra xem ông ta còn tiến tới tận đâu!

Các nhà báo yêu mến và kính trọng ông ta. Họ quảng cáo cho lối sống Mỹ: Không phân biệt giàu nghèo dân tộc ai cũng có cơ hội cả, mặc dù họ có xuất hiện chẳng hạn, từ Dolat Bhota [54]. Nhưng Cermak đã nhanh chóng học được lối sống tự do Mỹ: “catch as catch can” cướp mọi thứ mà anh có thể.

Thời Al Capone, Chicago là thành phố Sodoma và Gomora [55]: Lừa đảo và hối lộ, cả các ngài hội đồng cũng có cổ phần trong các hộp đêm của Al Capone và băng của hắn. Các phương tiện công cộng cũng bị sử dụng một cách “đặc biệt”. Quỹ thành phố bị hụt kết tới 2,5 triệu dollar, và đây chỉ là một phần nhỏ số tiền bị các chính trị gia “liêm khiết” biến lận mà cảnh sát chứng minh được. Nhiều vụ tham ô được giấu kín. Trong mọi vụ đều có bàn tay của Thompson, ứng cử viên Đảng Cộng hòa vào ghế thị trưởng. Có lẽ nhờ vậy mà đại diện của Đảng Dân chủ Antony J. Carmah mới giành được thắng lợi trong bầu cử.

Cermak giành được ghế thị trưởng một cách dễ dàng mặc dù trước đó, y không có mấy cơ hội. Tình cờ, một vụ bê bối đã nổ ra đúng lúc. Khi đã hầu như chắc chắn là Thompson sẽ tái cử, thì ủy viên công tố ra lệnh khám xét văn phòng của Dantel Seritelli - trưởng ban đo lường thành phố, người bà con của Al Capone. Phó ban của Seritelli là Harry Hockstein, bạn của Frank

Nitti phó sếp của Al Capone. Kết quả kiểm tra làm mọi người choáng váng: Hàng triệu dollar biến mất và Al Capone phải can thiệp để không một tên nô lệ nào phải ra trước tòa. Tuy vậy, vụ này đã ngáng chân Thompson và chuyển bóng vào tay Cermak.

Cermak cũng giống như những kẻ đi trước và thành công chính trị chỉ là phương tiện dẫn đến thành công trong kinh doanh mà thôi. Nhưng y khôn ngoan hơn và đã tốt nghiệp “đại học” Tammany Hall. Khi nhận chức, y đưa người của mình vào tất cả các vị trí quan trọng của chính quyền thành phố. Tất cả đều nhận hối lộ của thế giới ngầm, Anthony J. Cermak cùng hội cùng thuyền với gangster. Hơn nữa, y có thể đánh giá không những tình hình hiện tại, mà cả tương lai của các boss Mafia. Y phải có những thông tin tận nguồn để có thể kịp thời thoát khỏi sự phụ thuộc vào băng Al Capone và đặt cả vào con ngựa chắc chắn hơn. Vinh quang của Al Capone đang từ từ tắt dần, ngày tận số của hắn đang tới gần. Cermak cũng dự tính được rằng cấm rượu sẽ sớm kết thúc và y bắt đầu quan tâm tới các sòng bạc. Thế là thực chất y đặt chân vào lĩnh vực quyền lợi của Meyer Lansky và các cộng sự thế lực của hắn. Khi Al Capone phải vào nhà đá, Cermak tổ chức một mạng lưới sòng bạc riêng của y với sự giúp đỡ của các Chuyên gia Ted Newberry và Big Bill Johnson của băng Morano. Frank Nitti, phó sếp của Al Capone không phải là thủ lĩnh thế lực như sếp của y, và khi nhận thức ra thị trường Cermak là một địch thủ quá mạnh, y đầu hàng và bàn giao cho Cermak phần lớn các sòng bạc.

Nếu như Cermak không chết sau vụ ám sát ở Miami, có lẽ y sẽ sớm nếm mùi tuyệt vọng và sụp đổ, bởi vì một vụ bê bối khác bị phanh phui, vạch trần sự lừa đảo và gian dối của các ngài hội đồng thành phố, sự liên kết của họ với thế giới ngầm và các thủ đoạn không khác kiểu gangster. Cermak ra lệnh cho giám đốc cảnh sát khám xét văn phòng của Al Capone trên phố La Alle. Các hạ sĩ quan Lang và Miller chỉ huy một tốp cảnh sát ập vào bên trong và bắt gặp Frank Nitti. Frank Nitti bị bắn, được chữa khỏi và sau đó không lâu, phải ra trước tòa. Nhưng trong thời gian xử án, người ta

tìm thấy xác của Ted Newberry, công sự của thị trưởng, trong túi của xác chết có bức thư của Lang viết rằng, y sẵn sàng sát hại Frank Nitti với tiền công là 15 nghìn dollar. Các nhà báo biết được về bức thư nọ, thế là Chicago lại có thêm một vụ giết gân, và cũng là vụ Scandal. Callahan, thành viên của đội cảnh sát khám xét, đã khai là khi cảnh sát ập vào trong văn phòng. Frank Nitti không chống cự, không tự vệ chỉ hỏi họ muốn gì ở y, yêu cầu xem giấy phép khám nhà! Y không có súng lục. Không một lý do, Lang bắn ba phát vào người tay không vũ khí, vì hắn là kẻ giết thuê, sau đó hắn tự bắn vào tay để có thể nói rằng hắn hành động để tự vệ. Trước tòa, Lang tuyên bố: Nếu tòa kết án tù thì y sẽ tiết lộ các phi vụ đen tối của Cermak và các đảng viên Đảng dân chủ, và điều đó sẽ là ngày tàn của họ. Lúc đầu Lang bị kết án tù, sau đó được khoan hồng và đi khỏi Chicago để bắt đầu cuộc sống mới dưới cái tên khác. Thế là một lần nữa người ta nêu ra câu hỏi: Thực tế là ai bắn ở Miami và bắn ai, tổng thống hay Cermak?

Tên giết người Roger “The Terrible” Touhy đã trả lời, ít ra là một phần câu hỏi trên. Năm 1959, khi ra tù sau một vụ án khá trầm trọng, tên này tuyên bố rằng các viên đạn không hướng vào Tổng thống Roosevelt, Zangara với thần kinh không ổn định, chỉ là con bài đánh lạc hướng. Bên cạnh y, trong đám đông là một xạ thủ chuyên nghiệp được thuê giết thị trưởng Cermak.

– Ai thuê người giết Cermak? - viên cảnh sát viết biên bản hỏi.

– Tôi không rõ.

– Thế tại sao anh biết điều đó. - Ai mà không biết điều đó. Cermak xứng đáng ăn một viên kẹo đồng. Hắn tệ hơn bất cứ ai trong chúng tôi. Nhưng bao giờ hắn cũng giữ cho bàn tay xinh xắn của mình được trong sạch.

– Thế anh giải thích thế nào về sự thú nhận của Zangara?

– Zangara? Thì nó là thằng điên mà lại. Các anh không nhớ là nó ước ao lên ghế điện sao? Tất cả các báo đều viết về chuyện đó.

– Thế còn bằng chứng?

– Hừm, rõ như ban ngày còn gì! Smith and Wesson mà người ta nhét vào tay thằng điên ấy là loại súng lục 5 viên thế mà có tới sáu người trúng đạn. Chả nhẽ các anh cho là có viên xuyên qua hai người à?

Anthony Cermak, nguyên là dân Tiệp Khắc di cư, có tượng kỷ niệm ở Bayfront Park ở Miami, với dòng chữ khắc vào đá cẩm thạch: “Tôi sung sướng rằng người trúng đạn là tôi chứ không phải ngài”. Nghe đâu đây là câu nói cuối cùng mà Cermak còn kịp thốt lên, khi bị bắn ngã trên bậc xe của Tổng thống.

Biên bản mổ tử thi chứng minh rằng Roger “The Terrible” Touhy nói đúng sự thật. Trong bệnh viện người ta đã tìm thấy trong phổi Cermak viên đạn cỡ 45.

Edward J. Kelly, người thay thế Cermak làm thị trưởng Chicago còn tệ hại hơn tất cả các thị trưởng trước y. Y giữ chức 14 năm, trong thời gian đó tham nhũng, tống tiền và “lệ phí an toàn” là hiện tượng bình thường. Kelly còn trắng trợn công khai hợp tác với gangster và nhận phần ăn chia từ 750 sòng bạc. Phần lớn là bất hợp pháp.

Meyer Lansky đã dự đoán chính xác tình hình khi y cho rằng, không phải các vụ giết người mà chính tiền hối lộ và các khoản chia lời cho các nhà chính trị tạo điều kiện cho thế giới ngầm Hoa Kỳ phát đạt chưa từng thấy. Đó cũng chính là kết luận thực tế, vì sau này xuất hiện các thống kê chính thức cho rằng thu nhập của Mafia Hoa Kỳ đứng hàng thứ hai ở Mỹ. Vị trí số một tất nhiên phải được giành cho những tên lái súng kéch xù.

Khi Meyer Lansky và Luciano tham dự đại hội Đảng dân chủ ở Chicago, chúng không những chỉ quan tâm đến các quan hệ xã giao cần

thiết và chính trị, mà còn bàn bạc về tương lai các nghề kinh doanh của mình. Bên cốc Whisky hảo hạng, chúng thỏa thuận với Huey Long, thống đốc bang Louisiana về các khoản chia lời, nếu ông ta tạo điều kiện cho chúng mở các casino ở Orleans.

– Thưa các ngài, - Sau đó Lansky ra lệnh trong văn phòng giám đốc của mình - Ở phía nam chúng ta được bật đèn xanh. Long đòi đến mức mỗi dollar đều quý đối với y. Chúng ta sẽ đặt ở đó hàng trăm máy chơi tự động và xây dựng các sòng bạc cực kỳ. Các anh hãy gọi cho tôi Phil Kastello, hẳn sẽ là sếp xứng đáng của New Orleans.

Chúng bắt đầu với quy mô lớn và các khách sạn vẫn đứng ở đó cho tới bây giờ. Tôi đã ăn sáng ở một trong các khách sạn đó, trong một phòng tròn rêu mốc che bởi các tấm riđô nhưng đã ngả màu, chỗ đó đã có thời là một sòng bạc với hàng triệu dollar quay vòng. Những người phục vụ không mấy cởi mở, điều đó không có gì khó hiểu trong các khách sạn đang tàn tạ, không một ai trong những người hầu bàn da đen muốn nói về Mafia, về thời kỳ huy hoàng xa xưa, khi mà trưởng giả Phil Kastello là vua của Bourbon Street và vùng kế cận còn sang trọng hơn.

Meyer Lansky bổ nhiệm Seymour Weiss, một người đàn ông trẻ, học thức và đầy hứa hẹn, làm thứ trưởng thứ nhất. Weiss chuyển đến khách sạn “Roosevelt”, y thành lập tổng hành dinh trong mấy phòng tiện nghi ở gác hai. Từ đó y trị vì vương quốc các sòng bạc và quán bar với sự phục vụ của phái đẹp, thu về những món lời khổng lồ và trả các khoản ăn chia. Phần lớn nhất tất nhiên được chuyển tới tài khoản bí mật của thống đốc Long ở Thụy Sĩ. Doc Stacher, nhà ngoại giao năng khiếu của Lansky phát minh ra kỹ thuật hối lộ tân tiến này và đã thỏa thuận nó với Long. Bằng con đường này, ngài thống đốc nhận được từ hai tới ba triệu dollar hàng năm.

– Ông có còn nhớ ngài Giám đốc Weiss? Tôi hỏi người thường trực già trong bộ đồng phục lòe loẹt như ở rạp xiếc đang đứng trước khách sạn “Roosevelt” ngả mũ chào khách.

– Seymour...? Ông ta ấp úng nhưng lập tức nín lặng, có lẽ ông nhớ tới luật rừng rợn omertà: Ai nói, kẻ đó phải chết. Khẽ phẩy tay, ông ta nói bằng một giọng mệt mỏi:

– Xin lỗi ngài, ngài có biết ở đây đã từng ở bao nhiêu người tên là Weiss không?

Tôi biết rằng 10 dollar có thể làm cho câu chuyện mặn nồng hơn, nhưng nhiều lắm thì tôi cũng chỉ biết thêm: Seymour Weiss có để ria mép hay không, y thích các cô gái tóc trắng hay tóc nâu.

Hiệp định với thống đốc H.Long mở đầu chiến dịch của gangster vì lợi nhuận từ các sòng bạc lớn. Lộ trình hành quân dẫn từ New Orleans đến Hot Springs, nơi được coi là thành phố nghỉ mát của gangster. Ở đó những tên cướp của giết người tìm được nơi ẩn nấp tiện nghi, dưới sự bảo vệ của cảnh sát địa phương và dự thẩm đoàn bị hối lộ. Từ đây, sào huyệt cờ bạc mở rộng ra Florida. Trong một thời gian ngắn, gangster kiểm soát cả vùng Miami và Miami Beach, từ đó chỉ còn một bước là tới La Habana và Las Vegas.

Meyer Lansky không bị hào quang sân khấu làm lóa mắt. Y đứng ở phía sau hậu trường để cho các luật sư thân thích và có khi chỉ bạn bè xuất hiện công khai. Đó là một đường lối chính trị sâu sắc. Đến bây giờ, trong lý lịch của boss gangster có những chỗ trống và không rõ ràng, mà người ta không sao tìm được các thông tin cho chúng. Bởi vì những người giúp việc nguy trang làm việc thay cho Lansky. Khi Lansky đi chinh phục Florida, những kẻ khác mua khách sạn cho y. Bọn đàn em Frank Erickson và Herman Stark mua trường đua ngựa Tropical Park.

Các quan hệ giữa Lansky với cộng sự của y là Frank Costello, một gangster ngoại hạng chỉ huy chiến dịch chiếm lĩnh các sòng bạc, cũng ít được biết tới. Trong nhiều trường hợp tưởng như Costello tự điều binh khiển tướng, nhưng thực ra từ trong hậu trường, nhà chiến thuật khôn ngoan Lansky điều khiển các hoạt động của Costello.

Francesco Castiglia sinh năm 1889 ở Ý. Lên hai tuổi, y cùng gia đình di cư đến Mỹ và lập nghiệp ở Harlem. Lớn lên trên đường phố, y là người hăng tiến. Trong thời gian quyền lực nhất, y được coi là chủ tịch hội đồng bộ trưởng của chính phủ vô hình Mafia ở Mỹ. Ban đầu y tham gia các hoạt động chính trị, quan hệ với câu lạc bộ nổi tiếng Tammany Hall của Đảng dân chủ, nhưng sau này y chuyển sang kinh doanh rượu bất hợp pháp và cách làm ăn béo bở khác của thế giới ngầm New York. Y đổi tên thành Costello. Ngay từ năm 1915, y đã phải vào tù vì tội mang vũ khí trái phép ra tù y chuyển về các máy chơi tự động. Khi La Guardia, tân thị trưởng liêm khiết của New York, tuyên chiến với gangster, công khai thu bắt hàng đồng máy chơi bạc tự động, và trước ống kính ký giả, đích thân ông cầm búa đập nát, thì Costello chuyển tới New Orleans. Hiên nhiên là được sự ủy nhiệm của Lansky, dưới danh nghĩa là cộng tác viên kinh doanh, y đặt hơn năm nghìn máy chơi tự động “tên cướp một tay” được sản xuất trong nhà máy True Mint Co của y, trong khắp các quán bar, quán bia, hộp đêm và khách sạn của các thành phố.

Ở New Orleans, y xây dựng và điều hành Casino Beverly Country Club, ở Saratoga y có Pipong Rock Casino. Joe Adonis và Jake Lansky cũng có cổ phần ở hãng này. Khi băng Lansky chuyển đến Florida, Costello đã nhanh chóng xây dựng một mạng lưới motorest [56] dày đặc trên các tuyến quốc lộ. Ở đây không những chỉ có bán sandwich [57], khách hàng còn có thể chơi bạc ở các chỗ kín đáo phía sau. Chính vua dầu Harry Sinclair, mấy lần triệu phú, chỉ sau một đêm đã thua tới 800.000 dollar ở một trong các quán loại này.

Trong bầu cử năm 1932, Costello thỏa thuận với một phái của Đảng dân chủ và trưởng hội Tammany Hali Jimmy Hines, ủng hộ đề cử Roosevelt. Năm 1943, y đã đưa được Thomas Aurelio vào chức chánh án tòa án tối cao New York. Trong số bạn thân của y có thị trưởng New York O'Dwyer và giám đốc cảnh sát New York Philip Kennedy.

Kennedy đã chứng kiến khi người ta định ám sát Costello. Ngày 2-5-1957, 11 giờ khuya, Kennedy, Costello trở về từ bữa tiệc thừa mứa, xe dừng trước nhà của Costello gần Central Park. Khi Costello đi vào phòng khách của cư xá sang trọng “Majestic” thì có tiếng chân bước vội phía sau, y quay lại và thấy một người đàn ông súng lục trong tay. Súng nổ. Nhưng Costello đã kịp nhảy sang một bên. Đạn chỉ làm trầy da trán y.

Chánh cảnh sát, Kennedy nghe thấy tiếng súng, chạy vào phòng khách, nhưng kẻ ám sát đã biến mất, Kennedy đặt Costello lên xe và chở tới bệnh viện. Đây chỉ là vết thương ngoài da, ngày hôm sau Costello đã có thể về nhà.

Trong phòng khách trang hoàng tốn kém của các nhà ở sang trọng, xung quanh Central Park, những người quản trị cũng giữ luôn nhiệm vụ bảo vệ. Viên quản trị ở “Majestic” nhìn thấy người bắn và cũng tả lại chi tiết cho cảnh sát. Cảnh sát có hồ sơ về một tên gangster nhãi ranh khớp với lời tả. Thậm chí gã có cả động cơ ám sát. Gã tên là Vincent Gigante, làm việc cho bố già Tony Bruder trong lĩnh vực ma túy và nghe đâu có lúc bất đồng với Costello. Cảnh sát sở hình sự New York bắt Gigante, dẫn y và một số người nữa đến cho viên quản trị nhận mặt.

– Người này bắn! - ông ta chỉ Gigante.

Trong bệnh viện, khi thay quần áo cho Costello, với sự giúp đỡ của các nhân viên FBI người ta đã lục soát các túi của y. Không có gì phương hại cả. Chỉ có mẫu giấy với số liệu: Tropicana. May 570.000\$. Đây là thu nhập hàng ngày của casino Tropicana ở Las Vegas. Hiển nhiên là Frank Costello, mà bọn đàn em thường coi một cách kính nể: “Bác Frank”, nói rằng y không bao giờ có mảnh giấy đó trong túi, rằng y không biết dòng chữ đó có nghĩa gì.

Tropicana là một trong các khách sạn lớn nhất ở Las Vegas, một casino nổi tiếng. Khi tôi đến Las Vegas, lần theo dấu vết Mafia và đến xem casino

Tropicana, tôi không thể tin được chủ casino thu tới 70.000 dollar một ngày. Tôi không hỏi doanh thu của sòng bạc, vì biết rằng sẽ không nhận được câu trả lời, mặc dù ở Mỹ có thói quen nói bằng số (đường phố được ký hiệu bằng số, người hướng dẫn du lịch không biết ai là tác giả đài kỷ niệm, nhưng lại biết chính xác nó trị giá bao nhiêu tiền).

Mafia coi thường pháp luật nhà nước nhưng lại tuân thủ luật của nó. Vụ án với tội phạm Gigante diễn ra như chờ đợi. Nạn nhân, “Bác Frank”, ăn mặc đứng đắn tuy đắt tiền, đóng vai một người lịch lãm đáng kính, tỏ ra vô cùng cao thượng đối với kẻ suýt nữa đã bắn chết y. Trước tòa dự thẩm, người quản trị khẳng định kẻ bắn súng là Gigante. Costello phải xác nhận nhân chứng đó và chỉ cần nói: Đúng rồi, người này bắn tôi. Nhưng Gigante và cả Costello đều là người của Mafia. “Bác Frank” lắc đầu: Y không bao giờ nhìn thấy kẻ tấn công, cho nên không thể nhận ra ai cả. Gigante bước ra khỏi phòng xử án như một công dân tự do.

Trò hề xử án có cơ sở của nó: Vito Genovese. Dưới sự bảo vệ của các vệ sĩ vũ trang, y sống trong một biệt thự ở vùng quê Atlantic Highlands. Y có thể lực và hợm mình tới mức thú nhận tổ chức vụ ám sát chính y đã thuê Gigante, trả tiền công cho gã, y chịu trách nhiệm về sự thất bại, nhẽ ra y phải chọn tay súng khác hơn. Sau tuyên bố này, Atlantic Highlands đã đón tiếp các boss Mafia New York đến để hòa giải. Genovese đề nghị hòa bình, chúng bắt tay nhau và làm gương cho kẻ khác thấy các thành viên Mafia phải giải quyết mâu thuẫn như thế nào.

Nhưng trong cuộc gặp mặt ở biệt thự sang trọng ở Atlantic Highlands, người ta thấy vắng mặt Albert Anastasia, sếp hãng Murder Inc. Điều đó nghĩa là không đồng ý. Vito Genovese được mật báo là Albert Anastasia đã rửa độc y phản bội Costello và cả Luciano. Và khi sếp Murder Inc đã phán lời rửa, thì đó không phải là sự đe dọa mà là bản án tử hình, Vito Genovese là kẻ hai mặt và y biết rõ rằng y chỉ có một khả năng duy nhất: Tấn công và xóa sổ Anastasia trước khi chính y bị Anastasia xóa sổ.

Khách sạn Park Sheraton vào năm 1957 thuộc vào loại khá nhất ở New York. Giống như phần lớn các khách sạn tương tự, nó cũng có xa lông uốn tóc hạng nhất, đầy đủ tiện nghi. Ngày 25-10-1957, cũng như thường lệ, vào lúc 10 giờ 15 phút, nhà triệu phú lịch thiệp Anastasia đến thăm người thợ cạo Bocchina. Nhưng y vừa ngồi xuống ghế thì hai người lạ mặt bước vào. Họ khoát tay ra hiệu cho Bocchina đi vào góc phòng. Albert Anastasia tắt thở gục đầu xuống thành ghế và hai tên giết người thân nhiên bước ra khỏi hiệu, cảnh sát không điều tra được gì cả. Một thời gian sau đó, các nhân viên cục điều tra liên bang đã xác minh được một trong những kẻ sát nhân là Carlo Gambino, người mà nhờ sự ban ơn của Vito Carlo Genovese, đã trở thành kẻ kế tục Anastasia.

Carlo Gambino bắt đầu như kẻ bắn súng thuê, nhưng hiếm có tên Mafia nào lừng danh như hắn. Hắn đã trở thành hình mẫu cho nhân vật chính trong tiểu thuyết nổi tiếng *Bố già* của nhà văn Mario Puzzo. Khác với nhiều đồng nghiệp, Gambino sống khá thọ và nhắm mắt xuôi tay trên giường bằng cái chết tự nhiên. Y là “bố già” của 20 “gia đình” Mafia ở Mỹ.

TÙ NHÂN SỐ 16877

Không hiểu tại sao gangster Hoa Kỳ lại nghĩ ra lắm tên giả như vậy. Khi mà FBI có một tập hồ sơ dấu vân tay hoàn hảo, thì đó chỉ ra sự nguy trang vô bố. Hơn nữa, những cái vỏ bằng chữ này lại hầu như trong suốt và nhiều khi ngây thơ quá đỗi. Khi yêu cầu cho xem công văn số 11 của FBI ngày 8-8-1939, được bảo quản trong tòa nhà giám đốc FBI ở Pennsylvania Avenue ở Washington, tôi đã vỡ lẽ đôi chút. Đây cũng là thứ hiếm có trong ngành hình sự: Lệnh truy nã Louis Buchalter được in tới một triệu bản. Trong lệnh có viết sẽ thưởng 25.000 dollar cho ai bắt được hay bắn chết tên tội phạm nguy hiểm. Thành phố New York sẽ trả số tiền này cho thông tin dẫn đến nơi ẩn nấp của “Lepke” Buchalter, xuất hiện dưới cả các tên: Louis Buchalter, Louis Buchouse, Louis Kawar, Louis Kauvar, Louis Cohen, Louis Saffer và Brodeky. Năm dấu vân tay phải, năm dấu vân tay trái, ảnh từ anbum tội phạm và dưới ảnh là thông tin: 42 tuổi, người da trắng gốc Do Thái, cao 5 foot 5 inch [58] nặng 170 pound, tầm thước trung bình, tóc đen, mắt nâu, da màu sẫm có vợ; có con trai Harold 18 tuổi, tai to, mũi nhọn, cao cằm dài. Dưới đó là chú thích: Hãy thông báo bất cứ thông tin liên quan nào về The Detective Division, Police Department, New York City [59] bằng điện thoại hay điện báo, trực tiếp hay bằng thư từ.

Lepke là một cái tên kỳ quặc, không phải tên thánh, cũng chẳng phải biệt hiệu. Nghe đâu y được mẹ gọi như vậy khi còn nhỏ, trong ngôn ngữ y-dis [60] Lepke nghĩa là tên gọi thân mật của Louis. Lepke tới trường học đọc, học viết và trước hết là học làm tình, sau đó y trở thành tội phạm. Sếp FBI Hoover coi y là một trong những tên tội phạm nguy hiểm nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Buchalter đã gây nên hàng loạt các tội ác nghiêm trọng, những trước hết là hàng chục vụ giết người.

Bố của y là một người tử tế, làm việc trong một công sở, trong năm người con chỉ có mình Louis, sinh năm 1897, là thoái hóa như vậy. Trong

khi đó, bề ngoài trông y nhút nhát như chuột nhắt. Trong ảnh của FBI, y có cặp mắt như lo sợ điều gì chứ không ngỗ ngược hoặc khiêu khích, chắc hẳn y không giống tên giết người không ghê tay, một tội phạm nguy hiểm.

Nghe nói y rất điềm đạm, đúng mực, tối tối ở nhà vui vẻ trong bầu không khí gia đình, dạy dỗ con cái ngoan ngoãn, không hút thuốc, không uống rượu, đến nhà thờ Do Thái đều đặn. Nhưng con người “tử tế” đó đã giết hoặc cho giết tới 70 người, là chuyên gia đàn áp trong hoạt động công đoàn. Thời trẻ, y sống lúc thì như kẻ trộm, lúc thì như tù nhân. Lần đầu tiên y bị bắt vào trại cải tạo vì tội ăn cướp xảy ra năm 1915. Từ trại về, y chuyển đến sống với người bà con ở Bridgeport. Ở đó, y lại bị bắt vì tội ăn cắp và phải vào tù. Hai năm sau, y ra tù và đến New York tiếp tục nghề ăn cắp. Y vụng về và bị bắt quả tang, thế là lại phải ngồi một năm ở nhà đá. Năm 1922 y mới tìm thấy đất dụng võ: Công đoàn. Y liên kết với Jake Shapiro và cả hai bắt đầu hành nghề như những tên giết thuê của “đội trừng phạt” của công đoàn ngành dệt, 11 lần y bị truy tố trước tòa vì tội giết người, 11 lần y trắng án vì thiếu chứng cứ.

Lối sống Mỹ nổi tiếng bởi nhiều nét đặt biệt, giai cấp công nhân Mỹ cũng đấu tranh vì quyền lợi và tiến bộ xã hội bằng các phương tiện độc đáo. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, đã bắt đầu xuất hiện những tên gangster làm việc trong các tổ chức công đoàn như những người bảo vệ ăn lương, như những tên đánh lộn chuyên nghiệp. Khi công nhân bãi công đòi quyền lợi, các chủ nhà máy có bên phía họ lực lượng cảnh sát ăn hối lộ bảo vệ những kẻ phá hoại đình công và đàn áp thẳng tay công đoàn. Công đoàn phải tự vệ và họ không có phương tiện nào khác ngoài đội quân gangster chuyên nghiệp. Gangster làm việc chỉ vì tiền và chúng hoàn toàn không đắn đo là làm cho ai, chống ai. Cho nên đến năm 1924, cặp Buchalter và Shapiro lại là thành viên của băng Augie Orgen, nhận lương từ các chủ nhà máy, đàn áp công nhân.

Năm 1928, ở hãng may mặc International Tailoring Company đã nổ ra một cuộc đình công lớn, phát triển thành một vụ bạo loạn vũ trang. Công nhân ném một trong các chủ nhà máy từ cửa sổ tầng mười xuống đất. Về phía mình, một công nhân hy sinh khi đang đứng gác chống bọn phá hoại đình công. Công đoàn ngành dệt đã chi ba triệu dollar cho cuộc đình công, nhưng họ không đạt được sự nhân nhượng nào của chủ nhà máy. Một năm sau, thợ nhuộm đình công. Chủ các xưởng nhuộm mời băng Orgen tới giúp. Với tiền công 50.000 dollar, chúng phải dẹp được cuộc bãi công. Nhưng Lepke Buchalter lại có quan điểm khác và ý muốn kiếm lời trong vụ này. Y đứng về phía công đoàn, bắn chết Orgen, ngồi lên chỗ của hắn và bắt đầu tuyển mộ lính đánh thuê. Chẳng bao lâu, đội quân các tay súng bắn thuê của y lên tới 250 người. Sau đó y bắt đầu chiến dịch một mặt chống công nhân trong các tổ chức công đoàn. Mặt khác chống lại các chủ nhà máy.

Theo luật tồn tại tới ngày nay, y nhận “lệ phí an toàn” của cả hai phía, bảo vệ họ trước các tên gangster, nghĩa là trước các thành viên của chính băng của y. Bằng khủng bố, đình công, phá hoại và dọa dẫm, y bắt các chủ nhà máy trả y từ 5 tới 50 nghìn dollar, để có thể trong yên tĩnh sản xuất, Buchalter hoành hành trước hết trong công đoàn ngành may mặc Amalgamated Clothing Workers, sau đó là công nghiệp da và giao thông. Chẳng tốn mấy công sức, y kiếm được hàng năm tới hàng triệu dollar không thuế.

Nếu chủ nhà máy nào do dự trong việc trả tiền, Buchalter tổ chức đình công, cho đốt kho, phá máy hoặc phái bọn đàn em đi nện cho ông chủ không biết điều một trận như tử. Và y cũng dùng các phương pháp tương tự chống lại các thủ lĩnh công đoàn. Chủ tịch công đoàn các nhà máy bánh mì William Snyder hợp tác với Buchalter. Nhưng khi Buchalter gợi ý giảm lương các tài xế xe tải và bọn họ dọa sẽ đình công, thì Snyder chấp nhận các yêu sách đúng đắn của họ. Nhẽ ra ông ta đừng làm như vậy. Dám chống lại Buchalter, Snyder đã tự ký vào bản án của mình.

Buchalter là tên gangster không còn chút lương tâm nào. Y tổ chức vụ xử người thủ lĩnh công đoàn không vâng lời một cách hiểm có. Y mời cả khách tới chứng kiến vụ xử tử để họ thấy cái gì sẽ đến với họ, nếu như họ tỏ ra không nghe lời. Y triệu tập 12 đại diện của công đoàn tài xế đến một nhà hàng ở New York và làm như vậy muốn đàm phán một cách thiện chí. Họ vừa ngồi vào chỗ thì xuất hiện một người lạ mặt vũ trang, hăm bắn chết William Snyder ngay trước mặt mọi người và thản nhiên bước ra. Lập tức, không một lời phản đối, đại diện công đoàn tài xế chấp nhận các điều kiện Buchalter.

Năm 1932, y là “Napoléon” của các tổ chức công đoàn. Năm sau, y nắm được nhân viên và chủ các rạp chiếu bóng. Y có tiếng nói quyết định trong các nhà máy làm giày, trong công nghiệp mỹ phẩm và công nghệ thuộc da. Y ăn chia trong các quán rượu, bar và quán nhậu. Nạn nhân tiếp theo trên con đường công danh của y là các tài xế taxi, công nhân, các lò mổ, chăn nuôi gia cầm, các nhà hàng, hiệu giặt tẩy. Sau đó y chuyển sang áp phe ma túy, một điều nhẽ ra y không nên làm.

Năm 1935, một ngôi nhà trên phố Seymour Avenue ở Brooklyn bị nổ tung, không ai ngờ rằng trong ngôi nhà đó được đặt một nhà máy sản xuất nha phiến. Buchalter mua ở Hồng Kông sáu kiện hàng nha phiến thô, rồi tinh chế ở Seymour Avenue. Y buôn lậu cả bạch phiến nguyên chất và chỉ trong vòng một năm, y kiếm tới hơn 10 triệu tiền lời. Nhưng sau vụ nổ, các thám tử FBI và cảnh sát New York đã phát hiện ra dấu vết của y. Vì hợp tác với cả băng Lansky và Luciano, y có thể dẫn cảnh sát tìm được dấu vết làm ăn phi pháp của gangster, và thế là y trở thành nguy hiểm đối với cả Mafia.

Giám đốc FBI tăng cường tổ chức điều tra tội ác của thế giới ngầm. Các thám tử ngày đêm theo dõi Buchalter, nghe trộm điện thoại của y, nhưng y vẫn tinh táo điều khiển băng của mình và cai trị bằng bàn tay sắt. Ai không nghe kẻ đó phải chết. Chỉ trong năm 1939, y đã cho thủ tiêu 12 người không ăn cánh. Thậm chí y còn tuyên án tử hình cộng sự viên thân tín Max

Rubin người này làm việc cho y ở Salt Lake City và sau đó ở New Orleans, nơi gã có nhiệm vụ chuẩn bị cơ sở để thâm tóm các tổ chức công đoàn. Rubin cảm thấy cô đơn trong môi trường lạ và khi nào rồi, gã lại về sống với gia đình. Bởi vì gã bỏ “nơi làm việc” mà không xin phép sếp Buchalter, gã phải trả giá cho sự vô kỷ luật ấy bằng sinh mệnh của mình. Nhưng tay súng được Buchalter phái đi thi hành bản án đã ngắm tòi, Max Rubin chỉ bị thương nhẹ, và thế là sau này, gã trở thành một trong những nhân chứng chủ chốt trong vụ án xử Buchalter.

Buchalter lẩn tránh cảnh sát như con thú bị săn, thay đổi chỗ ở liên tục vì biết rằng người ta treo thưởng bắt y, rằng cả bộ máy cảnh sát Hoa Kỳ truy lùng y. Trong báo xuất hiện tin người ta thấy y ở La Habana, ở Mexico, y đi khắp châu Âu và ở cả trong khách sạn Pupp ở Karlovy Vary [61]. Người ta tìm y suốt hai năm trên khắp thế giới, và cuối cùng bắt được y. Một thời gian dài y giấu mình trong quán rượu Oriental Palace tại Coney Island, ở đó Albert Anastasia và Abe Reles đã liệu cho y.

Xuất hiện một vài giả thiết về hậu cảnh và cung cách Buchalter bị bắt.

– Tất cả chúng tôi từ Lower East Side họp mặt, - sau này Doc Stacher xác nhận - để bàn bạc phải làm gì với nó.

– Nghĩa là tòa án Mafia?

– Các ông muốn gọi thế nào cũng được. Lepke trở nên nguy hiểm. Không ai cảm thấy yên ổn với những tên giết người của nó. Chỉ có một lối thoát duy nhất xóa sổ nó.

– Nhưng các anh đâu có bắn y.

– Không, chúng tôi không thể cho phép mình làm điều đó. Schultz là người cuối cùng. Chỉ có Bugsy Siegel là muốn giải quyết nhanh.

– Người này lúc đó ở California kia mà.

– Hăn bay đến và nói là chúng tôi đừng lôi thôi mất thì giờ với Buchalter.

– Ai quyết định vấn đề này?

– Meyer Lansky là Capo. Y cũng bay đến nhưng với cách giải quyết hoàn toàn khác.

– Y sợ cảnh sát?

– Tôi không biết y có sợ cảnh sát hay không nhưng y nói đúng. Không thể lặp lại biện pháp áp dụng với Dutch Schultz. Thời thế khác trước, chúng tôi cũng khác trước, chúng tôi có tài sản địa vị, chúng tôi là chủ các hãng phát đạt, các khách sạn, tất cả khác trước rồi.

– Tôi biết là các anh không cho người giết y và cũng biết y bị bắt như thế nào, nhưng tôi quan tâm cái gì đã xảy ra trước đó, trong hậu trường.

– Hậu trường! Chẳng có gì như vậy cả. Lansky thuyết phục Dimples, bạn thân nhất của Lepke...

– Moe Dimples Wolensky?

– Vâng, chính hăn. Wolensky phải nhử Buchalter vào bẫy. Wolensky nói với nó là chúng tôi đã ký một hiệp ước với sếp FBI Edgar Hoover.

– Các anh đã gặp ông ta?

– Tôi không gặp. Còn người khác có gặp không, tôi không thể khẳng định hay phủ nhận, vì tôi không có mặt lúc đó, - Doc Stacher nói rồi vươn vai như thể y chỉ là người đứng ngoài, vô tội.

– Khắp nơi đều viết là có cuộc gặp mặt đó.

– Nhà báo nói láo mà, phần lớn không đúng sự thật.

– Thôi được rồi, thế Wolensky nói với Buchalter là các anh thoả thuận với Hoover. Về vấn đề gì vậy?

– Nếu Buchalter tự đến một mình, thì tuy phải ra tòa, y chỉ nhận một án nhỏ để người ta khỏi xì xầm mà FBI sẽ để yên tất cả những người khác. Chúng tôi phải làm điều đó, vì Lepke hoành hành như thẳng diên, có lẽ nó cho khử hết chúng tôi, từng người một. Nó diên rồi và muốn bịt miệng bất cứ ai biết tí gì về nó để khỏi có thể làm chứng chống lại nó.

– Phóng viên Winchell đóng vai gì trong vở kịch này?

– Người ta gọi hắn, hứa với hắn một vụ giết gân. Nếu vi phạm hắn phải làm trung gian: Thoả thuận với FBI.

– Buchalter tin tất mọi chuyện này?

– Vâng. Đầu óc nó không được thông minh cho lắm. Nó đạt được mọi thứ đúng hơn là bằng hàng loạt xác chết.

– Vâng. Khuya ngày 25-8-1939, nóng như dưới địa ngục, Lepke ở Brooklyn, phố 3. Hắn lên xe, sau vô lăng là Anastasia, đi đến Manhattan, tới góc phố 5 và phố 28. Ở đấy Hoover đã chờ sẵn, đưa hắn sang xe của mình do phóng viên Winchell lái và đi thẳng tới nhà giam. Thế là xong mọi chuyện!

Người mà Buchalter và cả những tên gangster khác lo sợ, không phải là giám đốc FBI Hoover, mà là chính ủy viên công tố Thomass Dewey, ông đã tiến hành chiến dịch chống tổ chức tội ác với một tốc độ làm chóng mặt không những gangster, mà cả các nhân viên FBI. Mọi người đều biết tên tuổi và thứ tự trong danh sách các gangster bị truy nã của ông và ông cũng đã gạt hái những thành công đầu tiên. Khi ông đưa vào nhà lao thậm chí cả vua thế giới ngầm Lucky Luciano, những tên gangster khác lo sợ rơi vào tay ông. Buchalter chỉ đồng ý nộp mình cho FBI nếu giám đốc Edgar Hoover đảm bảo không giao y cho ủy viên công tố Dewey.

Nghe nói Hoover đồng ý với điều kiện đó, nhưng sau này ông ta không giữ lời hứa. Khi Buchalter bị kết án 14 năm tù vì tội buôn bán ma túy trái phép, người ta giao y cho Thomas Dewey luận tội. Hội đồng dự thẩm kết án y thêm 30 năm tù giam vì các tội khác nữa. Những chuyện mặc cả với pháp luật, mua bán giữa FBI với những tên tội phạm quả là khó tin, nhưng luật xử án và hình phạt Hoa Kỳ có khác với các nước khác ở đây móc ngoặc và đàm phán theo nguyên tắc “có đi có lại” là có thể. Luật sư bào chữa có thể mặc cả với chánh án về các điều kiện để thân chủ của ông ta có thể thú tội, cả hai bên có thể thỏa thuận ngay trong vụ án của mình và sau đó y không bị truy tố nữa nhiều khi xảy ra những thỏa thuận trong phạm vi pháp luật như sau: Ủy viên công tố bảo đảm không xử tội phạm vì tội y bị truy tố nữa, nếu y thú nhận những hành động phạm pháp khác chưa có bằng chứng rõ ràng. Điều đó giải thích tại sao Buchalter lại tự nộp mình cho cảnh sát. Y tin vào lời hứa, không phải không có cơ sở trong quan hệ ở Mỹ, và y bị người ta lừa.

Một điều thú vị là trong mắt công chúng, kẻ có tội và kẻ lừa đảo lại chính là giám đốc FBI Hoover. Báo chí kết tội ông ta phản bội không giữ lời. Cũng trong dịp này, các chi tiết đàm phán được đưa lên trên bề mặt lấy danh nghĩa hiệp hội tội ác, nhà báo Walter Winchell sắp xếp cuộc gặp mặt giữa Frank Costello và Hoover, gangster đề nghị đổi chác trong vụ Buchalter và sếp FBI gật đầu. Thế là dẫn đến vụ bắt gangster có một không hai. Ngày 24-8-1939 do chính giám đốc FBI Hoover thực hiện không vũ khí, vì đó là điều kiện của Mafia. Chỉ có phóng viên Winchell trợ giúp lái xe.

Sau này người ta tranh luận nhiều về màn kịch cảnh sát trên và cho đến ngày nay, nó vẫn còn là vấn đề tranh cãi. Cần phải nhấn mạnh rằng, màn kịch trong lịch sử Mafia này được dàn dựng ở Hoa Kỳ vào năm 1939 và không thể đánh giá các quan hệ và suy nghĩ của người Mỹ bằng tiêu chuẩn và tập quán của chúng ta. Thành công cá nhân và cơ sở của nó - sự quảng cáo là trên hết và không ai lên án điều đó cả. Hoover gặp dịp và ông ta,

cũng giống như bất cứ ai khác, kể cả ủy viên công tố Dewey, không bỏ lỡ cơ hội.

Báo chí lên án Hoover không có lập trường, hứa một đấng, làm một nẻo. Giám đốc FBI phải lý giải hành động của mình. Ông ta tuyên bố rằng cuộc chiến với gangster không có nguyên tắc nào cả. Với những tên tội phạm, không có thỏa hiệp hay đàm phán, mà ngược lại, mọi mảnh lời đều được phép. Làm gì có vấn đề danh dự trong trận chiến của những người bảo vệ pháp luật chống tội ác.

Quả là Buchalter phải trả giá cho sự tin người của mình, nhưng y cũng chẳng còn cách nào khác. Y phải chạy núp dưới sự bảo vệ của cảnh sát, vì bên ngoài y không thể sống nổi. Lucky Luciano đã kết án y. Người làm môi giới, Wolensky sợ hãi và biến mất. Năm 1945 lại xuất hiện trên đất Mỹ và cho là người ta đã quên, nhưng Albert Anastasia đã cho người giết gã.

Thứ sáu, ngày 22-3-1940. Trong văn phòng ủy viên công tố ở Brooklyn, một phụ nữ trẻ, tâm trạng bối rối một mực yêu cầu cho nói chuyện với phái viên chính phủ William O'Dewey. Lính gác dẫn cô ta đến gặp Burton Turkus, phó của O'Dewey.

- Bà hãy ngồi xuống, - ủy viên công tố Turkus nói, - và bình tĩnh lại. Có chuyện gì xảy ra vậy?

- Tôi là Reles, vợ của Abe Reles. - người phụ nữ tự giới thiệu và nhìn người ủy viên công tố trẻ.

- Vợ của Kip Twist Reles? - ông ta hỏi.

- Vâng.

- Thế bà cần gì ở tôi, bà Reles? - Burton Turkus nói, - Chồng của bà đang ở trong tù cơ mà.

– Tôi vừa mới thăm nhà tôi xong, anh ấy bảo tôi đến gặp các ông. Tôi phải nói lại với các ông rằng, anh ấy sẽ làm mọi việc để được tự do. Anh ấy sẽ khai, sẽ nói hết với các ông. Tôi có mang, còn anh ấy thì chờ đến ghế điện. Anh ấy muốn làm điều này vì đứa con của chúng tôi.

Thông báo này gây chấn động như một quả bom. Sau này, Valachi và sau y là Vincent Teresa cũng khai trước ống kính tivi, nhưng Abe Reles là người đầu tiên.

Ủy viên công tố Turkus đề nghị tòa án tối cao cấp giấy phép, bảy giờ tối ông tới nhà giam chờ Reles về văn phòng công tố viên. Mười giờ tối, ủy viên công tố O’Dewey bắt đầu cuộc hỏi cung lịch sử trong quá trình đấu tranh chống tổ chức tội ác ở Hoa Kỳ.

Reles là một người lùn xấu xí với mặt rỗ, môi dày và mắt lồi nhỏ, tai dựng đứng, chân ngắn và tay dài như tay vượn. Y là người bắn thiu, một trong các tòng phạm nói về y như vậy, một tên giết người máu lạnh. Y chẳng có quan hệ nào với ai bao giờ. Y chỉ quan tâm tới tiền và chỉ có những xếp dày dollar mới làm y xúc động.

Bây giờ y đang ngồi trong văn phòng công tố, đảo mắt hết nhìn O’Dewey và Turkus lại nhìn ra cửa, nơi các nhân viên cảnh sát đứng gác. Y vênh vác đóng vai gangster quan trọng biết giá của mình, trong khi y là đứa tiểu nhân và y đang lo sợ.

- Tôi chỉ khai với điều kiện nhất định. - y mở đầu.
- Anh nói đi, - ủy viên công tố O’Dewey nói.
- Ông bảo đảm tôi được thả.
- Tôi không thể hứa với anh điều đó.

– Ông phải làm điều đó. Những chuyện tôi nói ra sẽ làm ông thành người nổi tiếng nhất nước Mỹ.

– Tôi không quan tâm tới cái đó.

– Nhưng ông có quan tâm, tôi biết. Ông không biết tôi có thể làm sáng tỏ những chuyện gì, 50 vụ giết người chưa được điều tra, có thể còn nhiều hơn nữa. Thế nào, đồng ý chứ?

Cuộc mặc cả kéo dài suốt đêm, cho tới bốn giờ sáng thứ bảy thì đi đến thảo luận: Mọi chuyện mà Reles khai ra thì không được dùng để chống lại y, và y chỉ ra tòa như nhân chứng. Người ta cho gọi người ghi tốc ký đến và Reles, với trí nhớ tuyệt vời, đọc chính tả liên tục mười hai ngày liền, 25 phần khai với ngày giờ chính xác, tên địa điểm, kể cả cách thức giết người, đó là kết quả của bản khai. Nghe đâu các dữ liệu từ biên bản khai đã giúp làm sáng tỏ khoảng 200 vụ giết người chưa điều tra. Từ sáng đến tối, Abe Reles hồi tưởng lại sự nghiệp gangster của mình, tội ác của mình và của cả những tên khác. Buổi tối người ta chở y trong một xe tư, với đội hộ tống mặc thường phục, đến Brooklyn, ở đó người ta thuê một phòng khách sạn Bossert cho y. Viện công tố coi việc giữ bí mật là quan trọng nhất, cho nên khi chỗ ở của Reles ở khách sạn Bossert có cơ bị lộ, người ta thuê một phòng trên tầng sáu của khách sạn Half Moon, ở bãi biển trên đảo Coney Island.

Abe Reles trong thực tế tên là Mazz Zweibach, một người nào đó gọi y là Kid Twist Reles và y lấy đó làm biệt hiệu. Y bắt đầu sự nghiệp tội ác ở Brooklyn, trong khu phố Brownsville và Ocean Hills, trong lãnh thổ của băng anh em Shapiro. Trong thời kỳ cấm rượu, y sống bằng buôn lậu rượu, kiếm tiền ở một số sòng bạc và hộp đêm trái phép. Thanh niên Reles học thành “nghề” và với 50 dollar hàng tuần, y giết người theo lệnh của sếp. Một lần y đã một chân trong tù, nhưng anh em Shapiro có người ở khắp nơi, kể cả cảnh sát và với món tiền hối lộ lớn, y lại được tự do. Trong dịp này, Reles nhận thức được giá trị của mình và y từ chối làm việc với năm

mười dollar bố thí. Y yêu cầu sếp Meyer Shapiro chia phần. Tất nhiên là anh em Shapiro không chấp thuận đề nghị của y, thế là Reles tự ái và thề sẽ trả thù.

Reles quay ra liên kết với gangster chuyên nghiệp Dugsy Goldstein, bạn học trước kia của y. Khi còn là những đứa trẻ, chúng đã cùng nhau đi ăn cắp, Reles nói với Goldstein là đã đến lúc tự đứng bằng chân của mình, chấm dứt cuộc đời làm thuê. Chúng rủ rê một vài gái điếm, kết nạp Frank Annandande, một gangster từng trải và năng nổ, thuê một chỗ rẻ tiền và thế là một hộp đêm của liên doanh Reles và Goldstein ngang nhiên hành nghề ở giữa lãnh thổ của anh em Shapiro. Ngay từ khi còn trẻ, Reles đã không từ bất cứ việc gì, đánh lộn và giết người là niềm vui của y cho nên y không hề sợ sếp cũ của mình. Ngược lại, y tuyên bố khắp nơi là sẽ cho anh em Shapiro biết cùi chỏ của y cứng như thế nào.

Mặc dù không coi liên doanh Reles - Goldstein ra gì, giới lãnh đạo của băng anh em Shapiro, ít ra cũng vì lý do danh dự, không thể cho phép cạnh tranh trên lãnh thổ của mình. Sứ giả được phái đến truyền đạt mệnh lệnh của Shapiro, dẹp tiệm, cuốn gói khỏi Brownsville, nếu không sẽ biết tay anh em Shapiro, sẽ chết không kịp ngáp. Reles đá sứ giả ra khỏi cửa hộp đêm của y và theo nguyên tắc: Ai xuất chiêu trước sẽ có nhiều cơ hội hơn, y chuyển sang tấn công.

Meyer Shapiro có một chiếc xe hơi mới, bóng lộn đậu trước nhà. Khoảng sau nửa đêm một lát, khi đường phố Brownsville đã vắng tanh, Reles cùng chiến hữu Goldstein đến gần ô tô. Bằng những thanh sắt và đá cục trên đường, chúng biến chiếc xe hòm lộng lẫy thành một đồng tôn móp méo. Tiếng động làm Meyer Shapiro thức giấc, y chạy ra và không một lời cảnh cáo, y bắn liên hồi, Goldstein chết ngay tại chỗ, còn Reles thì ôm đầu máu chạy thoát.

Bây giờ thì anh em Shapiro hiểu đã đến lúc gay cấn và chúng quyết định cho Reles một bài học. Meyer Shapiro nghĩ ra một kế hoạch quả là phi

thường. Y muốn đánh Reles xấu xí vào chỗ nhạy cảm nhất. Y biết là Reles đang yêu một cô gái xinh đẹp ở vùng kế cận. Thế là mấy đêm liền y đi tìm cô gái, trong quán ăn trước cửa rạp chiếu bóng, y đến cả quán nhảy, quan sát từng cặp trên sàn nhảy. Sau ba ngày, y tìm ra cô gái tên là Pat mới 18 tuổi và rất xinh. Đầu tiên y lạng lẽ cho xe bám sát cô gái, đến một phố nhỏ y bỗng vượt lên trước, dừng xe, mở cửa và chộp lấy tay cô gái kéo vào trong xe. Cô gái giãy giụa tự vệ, định nhảy ra khỏi xe đang chạy, nhưng Shapiro giữ chặt cô gái bằng tay phải. Y dừng xe ở một chỗ vắng, cưỡng hiếp cô gái rồi sau đó y đánh nạn nhân tới mức không nhận ra.

- Nói với thằng mất dạy Reles của mày là đây mới chỉ là mở đầu, nếu nó không biến nhanh, - Shapiro nói với Pat rồi lên xe đi mất, bỏ lại cô gái loã lồ đầy thương tích trên đồng rác.

Reles còn chưa hồi phục từ những vết thương bữa trước thì được tin chuyện gì đã xảy ra với người yêu của mình, y chỉ biết nằm trên giường và cắn chặt răng. Sau đó y tháo bỏ băng băng, ngồi dậy và bắt đầu hành động. Trước hết, y phải chiêu mộ thêm gangster, vì chỉ với hai người, y chẳng có thể làm gì được băng của Shapiro. Y tìm đến gangster từng trải Louis Capone, một tội phạm với một thực tế phong phú, dù hẳn chẳng phải bà con gì với Al Capone khét tiếng. Capone dẫn Albert Anastasia đến Phill Stauss và Maione cũng đến nhập hội. Đó đã là một hội cướp sừng sỏ, có thể bắt đầu ra quân. Tuy tất cả không tạo nên một êkíp đồng bộ, thậm chí còn cạnh tranh lẫn nhau và một số cũng không ưa gì nhau, nhưng tham vọng làm giàu một cách dễ dàng và có thể cả tính thích phiêu lưu mạo hiểm đã đưa chúng đến với nhau. Sau khi bãi bỏ lệnh cấm rượu, nhiều tên gangster đi tìm đất làm ăn mới, Abe Reles đưa ra cơ hội và chúng vồ lấy luôn.

Cờ bạc, cho vay nặng lãi và ăn cắp ô tô là nội dung kinh doanh của chúng. Chúng trở thành những người đi tiên phong trong ngành tội lỗi: Ăn cắp xe, cho đến nay ở Mỹ và cả ở Ý, đây vẫn là một trong những “kinh doanh” béo bở nhất. Chúng ăn cắp xe mới, thay số khung và số máy, chạy

giấy tờ mới và bán xe với giá “mềm” hơn, có khi chúng tháo xe, từ khuya đến sáng, để lấy phụ tùng. Tuy vậy, chúng thành công nhất trong các tổ chức công đoàn, tổng tiền cả công đoàn lẫn chủ nhà máy, ai không trả tiền “bảo hiểm” sẽ phải nhanh chóng trả giá đắt hơn nhiều, có khi chính bằng tính mệnh của mình.

Chúng tổ chức đánh bạc với tiền đặt từ 5 đến 25 cent ở những khu phố tồi tệ nhất New York, ngay trên vỉa hè hoặc trên các hẻm giữa các nhà. Với vài xu, những người nghèo nhất mua vài giờ hy vọng. Sếp của mạng lưới này là Loris Benson, đêm nào cũng như đêm nào, mang nộp cho Reles mười nghìn dollar.

Abe Reles không hề thương xót kẻ thù. Một lần y suýt toi mạng về tay Jack Painter, cũng một gangster có hạng. Chúng gặp nhau trên phố và Reles không có súng lục trong người. Jack Painter dí nòng khẩu côn vào sườn và đẩy Reles vào tường, Reles bình tĩnh giải thích cho địch thủ của mình đừng làm điều dại dột, vì bọn đàn em của y sẽ tìm ra và hắn cũng không sống nổi. Jack bùi tai, không bắn, rồi chúng kéo nhau vào quán bia gần nhất, uống mừng sự hòa giải. Chúng say sưa khoảng hai, ba giờ gì đó, ôm hôn nhau như những người bạn không gì chia cắt, cười ha hả như muốn bày tỏ tấm lòng chân thực. Bỗng nhiên Reles thọc tay vào túi Jack, rút ra khẩu côn và bắn Jack chết ngay tại chỗ.

Đó là một trong mười một vụ giết người y trực tiếp nhúng tay, 14 người nữa bị bắn chết theo lệnh của y và trong nhiều vụ sát hại khác, y cũng có bàn tay của mình.

Cảnh sát bắt lực không tìm được nhân chứng chịu ra trước tòa dự thẩm. Không ai nhớ gì cả, ai cũng lo sợ cho tính mạng của chính mình.

Alex Alpert là nạn nhân tiếp theo của Reles. Tên gangster trẻ bất đồng với sếp và bị Reles cho người giết chết. Cảnh sát điều tra vụ án mạng hơn năm trời mà không tìm ra một mảy may dấu vết. Sau đó phó ủy viên công

tổ nhận được thư từ trong tù. Trên đảo Rikers Island có một gangster tên là Hary Rudolph đang ngồi tù và bởi vì y muốn được tự do bằng bất cứ giá nào, kể cả giá phàn bội, y nhắn với ủy viên công tố rằng y biết những kẻ giết Alpert. Nếu ngài phái viên chính phủ công nhận đúng mức sự thành tâm của y, Rudolph sẵn sàng khai.

Ngay chiều hôm đó người ta đến gặp Rudolph trong tù.

- Những ai làm việc đó? - ủy viên công tố hỏi.
- Reles, Bugsy, Goldstein và Dukey Maffetore. - Tù nhân trả lời.
- Tại sao trước đây anh không nói?
- Tôi nói với gác ngục và họ phẩy tay, sau đó tôi xin gặp giám ngục và cũng nói với ông ta chuyện đó, nhưng ông ấy không báo cáo lên trên.
- Có thể ông ta không tin đó là sự thật.
- Đúng hơn là ông ta sợ trả thù.
- Anh có bằng chứng gì cho lời nói của mình?
- Tôi có mặt lúc đấy mà. Tôi nhìn thấy hết.
- Anh sẵn sàng khai trước tòa?
- Nếu các ông bảo đảm an toàn, thì tôi sẽ nói.

Người ta chở y tới chánh án và y khẳng định lại lời khai. Chánh án ký giấy bắt Reles, Maffetore và Goldstein. Nhưng vấn đề là ở chỗ tìm chúng ở đâu. Đã một thời gian lâu không một ai trong chúng thấy xuất hiện tại chỗ ở của mình. Các thám tử lùng sục, tìm hỏi nhưng vô vọng, không ai biết gì về chúng cả. Sau đó họ tìm ra Tommy Frank, chủ quán ăn nơi Reles thường tới ăn tối.

– Nghe đây Tommy - viên thanh tra nói - Anh làm ơn nhắn Reles, Bugsy và Dukey sáng mai chịu khó lên đồn. Tôi có một việc vặt cho họ. Nhắc họ đến chính xác vào 8 giờ. Đúng giờ là thói quen của những người lịch sự mà.

Có khi những biện pháp cảnh sát đơn giản nhất, lại có hiệu quả nhất. Cả ba đúng 8 giờ có mặt ở đồn cảnh sát khi Tommy Frank truyền đạt lại cho Reles lời nhắn của viên thanh tra cảnh sát, tên gangster hỏi:

– Thằng “cóm” ấy là thế nào, Tommy?

– Một thằng lông lá mặc thường phục. Làm sao tôi biết hết mọi thằng lông lá chạy rông trên đường phố New York?

Với quãng đời ngắn ngủi của mình, Reles đã hơn 70 lần vào đồn cảnh sát, không bao giờ người ta gán được cho y tội gì cả, và lần nào cũng phải thả y về. Thế là tin rằng mọi chuyện cũng êm đẹp như những lần trước, y thản nhiên bước vào đồn cảnh sát và tự giới thiệu. Lần này y bị giữ lại luôn, cả Goldstein cũng bị bắt. Tối hôm đó Dukey Maffetore bị tóm cổ trên phố. Gã này mới 25 tuổi và làm chân “gái điếm” cho bất cứ ai. Mặc dù chưa có bao nhiêu kinh nghiệm, gã cũng lo ngại một cách xác đáng rằng hai con cáo già có thể sẽ trút hết tội lỗi lên đầu gã. Khi gặp chánh án và được khuyến khích. Dukey bắt đầu “hát”.

– Tôi không biết nhiều lắm, - gã nói.

– Được, ít nhất là những chuyện anh biết.

– Họ quét lên tôi những thứ bẩn thỉu nhất. Khi có chuyện gì không ai thấy thương cả, thế là tôi phải đi, mà tiền thì không. Tôi là thằng đầu sai ít lương nhất. Tôi còn muốn nói nữa, thưa ngài chánh án, nhưng có lẽ Pretty Levin sẽ nói với ông nhiều hơn.

– Pretty Levin là ai?

– Gần như đứa trẻ, hẳn xách tráp cho Reles, nhưng sau đó lấy vợ mà Reles chẳng cho hẳn đồng nào, thế là nó vĩnh biệt sếp và nói sẽ kiếm ăn bằng công việc hợp pháp. Tất cả ngạc nhiên, nhưng nó mua xe tải thật và đi chở hàng, không phải của ăn trộm, mà là hàng hóa bình thường. Nhưng sau đó người đẹp của nó phải nằm viện, nó phải trả tiền cho bác sĩ và không còn lấy một xu. Thế là nó quay lại năn nỉ mãi, sếp mới nhận lại nó.

– Reles?

– Chứ còn ai nữa.

– Tại sao anh lại cho rằng chính Levin có thể cung cấp cho chúng tôi những tin quý giá?

– Bởi vì nó có mặt mọi nơi. Sếp mang nó theo các cuộc họp. Tôi đã nói nó là thằng hầu và Reles hài lòng khi có nó phục vụ.

Khi các thám tử FBI tiến hành điều tra theo dấu vết mới. Họ xác định là có thể Maffetore đã chết từ lâu, nếu y không kịp thời vào tù. Reles hoành hành như chó dại, y cho bắn bất cứ ai có thể làm nhân chứng chống lại y, và trước khi bị bắt, y quyết định thủ tiêu Dukey Maffetore và Pretty Levin. Thậm chí các thám tử còn biết bản án tử hình được ấn định thi hành vào ngày 9-2-1940 khi Dukey đã một tuần trong tù. Pretty Levin cũng bị ấn định giết chết ngày một tháng ba. Y cũng may mắn bị cảnh sát bắt trước đó một tuần.

Levin sợ, y không muốn khai. Y biết rõ là Murder Inc tìm được vào tới tận xà lim nhà tù và trừng phạt ai vi phạm luật omertà. Các biện pháp bảo vệ được tăng cường. Y được chuyển tới xà lim một người, để khỏi phải quan hệ với các tù nhân khác, được canh giữ liên tục 24 trên 24 tiếng đồng hồ, cảnh sát cũng bảo vệ gia đình y. Khi đã cảm thấy những kẻ báo thù không thể tới gần được, y bắt đầu khai và cuối cùng chánh án có được bằng chứng chống Reles và người của hắn.

Trước chánh án, Reles còn đóng kịch một công dân Hoa Kỳ trong sạch bị xúc phạm, oan ức. Y yêu cầu phải được thả ngay, y không biết gì cả, y chưa từng làm gì xấu, y không khai. Sau đó, phái viên chính phủ chỉ cho y thấy các bản khai của Rudolph, Dukey, Maffetore và Levin. Y hãy còn chần chừ, nhưng sau một đêm không ngủ, y đầu hàng. Cho nên y bảo vợ đến gặp ủy viên công tố O'Dewey.

Trong bản khai của mình, y dẫn các chi tiết của khoảng 50 vụ giết người ở New York, New Jersey, Detroit, Kansas City, Louisville và Los Angeles. Nhưng có ích hơn cho chiến dịch chống tổ chức tội ác ở Mỹ là y đã tiết lộ một số nguyên tắc tổ chức Mafia, các phương pháp của Murder Inc. Lần đầu tiên hoạt động của hiệp hội tội ác bị phơi bày, hàng năm nó thu hút tới 30 tỉ dollar một cách phi pháp. Ban đầu những dữ liệu trong bản khai của Reles có vẻ khó chịu, nhưng sau này người ta xác nhận, y không bịa và cũng không tô vẽ thêm. Có lẽ không có ngành công nghiệp hay thương nghiệp nào ở Mỹ không phải nộp tiền “bảo hiểm” cho Mafia.

Ủy viên công tố O'Dewey nắm trong tay một chiến lợi phẩm vô giá, sau một đêm ông trở thành nổi tiếng, ông chuẩn bị hàng chục vụ án, xử hàng trăm tên gangster, mà ở đó Abe Reles sẽ xuất hiện như nhân chứng chủ chốt.

Cảnh sát truy bắt ngày và đêm, thế giới ngầm Hoa Kỳ náo động, không tên gangster nào chắc chắn hôm nay hay ngày mai cảnh sát không đến bắt y. Mafia cấp tốc triệu tập cuộc họp thượng đỉnh, các quân sự tự vệ và phải nói đòn phản công đầu tiên của Mafia đã làm đảo ngược thế cờ.

Ngày 12-11-1941 xảy ra một sự kiện kinh ngạc, làm đảo lộn mọi giả thiết. Người ta đưa ra nhiều cách giải thích sự kiện sáng hôm đó, nhưng không một giải thích nào đầy đủ cả và cũng không một giải thích nào được công nhận hay bị bác bỏ. Chúng ta biết rằng cảnh sát canh giữ Reles ở khách sạn Half Moon trên đảo Coney Island một cách hoàn toàn bí mật. Ủy viên công tố cảm thấy phương án đó là an toàn nhất và William O'Dewey

đang tuyên bố với các phóng viên là Reles “được canh giữ còn hơn cả vàng ở pháo đài Fort Knox”. Theo các nguồn tin khác thì cảnh sát giữ Reles ở một trong các nhà tù New York, trên tầng sáu, một êkíp gác ngục tin tưởng thay phiên túc trực bên y. Cả tầng được dọn sạch, chỉ có Reles là tù nhân duy nhất. Giám ngục trưởng là Vank Bals.

Bảy giờ kém 15 phút sáng ngày 12 tháng 11, giám ngục đang làm nhiệm vụ bước vào xà kim và thấy Reles đang ngủ, không thấy gì nghi vấn, giám ngục lại cẩn thận khóa cửa, ngồi ở hành lang và chợp mắt một lát. Giám ngục ngủ khoảng 20 phút, sau đó lại đứng dậy nhìn vào xà lim của Reles và giật mình: Không ai có trong đó cả. Giám ngục vội vàng mở cửa và thấy trên cửa số 288, nghe đâu cửa số không có lưới chắn, vì nó được coi là vô ích ở độ cao này, có treo lòng thòng vài dải dây được xé ra từ chắn màn, giống như là tù nhân định trốn bằng thang dây. Hệ thống báo động làm việc hết công suất. Frank Bals và cả các giám ngục khám chạy đến. Họ phát hiện ra tử thi Reles trên mái lò bánh nhà tù. Sau này, khi vụ việc được xóa bỏ về mặt pháp lý vì đã hết hạn. Doc Stacher, người có thể được thông báo về vụ này, tuyên bố sự kiện trên xảy ra ở khách sạn Half Moon trên đảo Coney Island.

Nhân chứng chết không có giá trị gì hết. Mặc dù vẫn có các văn bản được chính tay nhân chứng ký, luật hình sự Hoa Kỳ chỉ công nhận có lời khai trực tiếp của chính nhân chứng trước tòa. Ủy viên công tố O’Dewey để tuốt khỏi tay chiến lợi phẩm lớn nhất trong sự nghiệp của mình. Sau này nhiều người đã thử giải thích cái chết của Reles. Cảnh sát thì khẳng định y định trốn và rơi từ tầng sáu xuống, bằng chứng là cái thang dây. Giải thích này không có cơ sở. Reles có thể chạy đi đâu sau khi đã phản lại đồng bọn? Y sẽ bị bắn chết ngay hôm tự do đầu tiên. Những tên giết người của hãng Murder Inc sẽ tìm ra y, cho dù y có trốn ở bên kia quả đất. Theo tuyên bố của ủy viên công tố, chính Reles còn yêu cầu được ở lại trong tù cho tới khi không còn lấy một tên gangster bị y tiết lộ còn ở ngoài nhà giam. Hơn nữa, chỉ với những mảnh chắn màn mà chạy trốn từ gác sáu là không thực tế.

Một khả năng nữa là tự sát. Nhưng rõ ràng Reles muốn sống bằng mọi giá, kể cả giá phải trả, lẽ đâu y lại bỗng nhiên hối hận, lấy cái chết để chuộc mọi lỗi lầm.

Ủy viên công tố O'Dewey thì cho rằng Reles bị giết hại. Một người lạ mặt nào đó đột nhập vào xà lim, hay vào phòng khách sạn, bóp cổ Reles và vứt y ra ngoài cửa sổ. Dây dợ lằng nhằng chỉ để đánh lạc hướng cảnh sát. Đối với thế giới ngầm Hoa Kỳ, cái chết cường bức của Reles là cách giải quyết duy nhất.

Một giả thiết nữa xuất hiện mãi nhiều năm sau đó, Lucky Luciano, lúc đó đang sống lưu vong ở Ý, tuyên bố chính thức là Frank Costello, một nhà tổ chức tuyệt vời và một người thực hành đầy kinh nghiệm, đứng ở phía sau các sự kiện xung quanh cái chết của Reles. Nghe đâu Costello hối lộ trưởng giám ngục Frank Bals và có thể cả cấp dưới của y để họ giết Reles. Thậm chí xuất hiện cả tin đồn rằng, đứng đằng sau vụ thủ tiêu Reles có cả ủy viên công tố O'Dewey, người mà sau này khi làm thị trưởng New York đã thưởng huân chương cho Frank Bals về thành tích chống tổ chức tội ác. Nhưng không ai biết Bals chiến đấu chống gangster khi nào và lập được chiến tích gì. Song, đồng thời cũng có thể tuyên bố của Luciano chỉ là tin thất thiệt với mục đích bôi nhọ O'Dewey và gây nghi ngờ trong nội bộ cảnh sát.

- Chúng tôi nhẹ hẫng cả người khi Reles chết, - Doc Stacher nói. - Người ta đã không thể đưa Bugsy ra tòa, cả Anastasia cũng ở ngoài vòng nguy hiểm. Chả là Reles có nói với O'Dewey là Anastasia chịu trách nhiệm về cái chết của thủ lĩnh công đoàn Morris Diamond, người này bị bắn chết năm 1939. Vụ sát hại này là một cú sốc đối với tôi và Lansky, vì nó hoàn toàn vô ích. Anastasia đòi công đoàn trả tiền "bảo hiểm" quá nhiều và Diamond phản đối không trả. Đó là người rất dũng cảm. Lansky nói với Anastasia để Diamond yên, nhưng Albert rất cứng đầu. Hãn phái Allie Tannenbaum đi

bắn chết Diamond tháng 5 năm 1939 ở Brooklyn, trên đường phố. Và Reles kể hết mọi chuyện với O'Dewey.

– Ủy viên công tố có bằng chứng?

– Không có, - Doc Stacher nói. - Ông ta chỉ có bản khai của Reles.

– Nhưng trước tòa cái đó không có giá trị gì cả.

– Ông ta cũng biết điều đó. Cho nên Anastasia đã thờ phào khi nghe tin Reles bị giết chết. Nhưng Dewey và cả O'Dewey còn có trong tay những con bài khác. Reles tiết lộ cả những vụ khác nữa.

HIỆP ƯỚC QUÂN TỬ

Có thể giám đốc FBI Edgar J. Hoover đã thoả thuận với gangster Buchalter và cùng nhau ký kết một hiệp ước quân tử. FBI trao cho tòa tài liệu liên quan đến buôn bán ma túy trái phép, hội đồng dự thẩm luận tội, chánh án tuyên án 14 năm tù, và thế là kết thúc sự đày đọa của Buchalter. Tội nhân được chở tới nhà lao Leavenworth, để trong yên tĩnh ngồi chờ tới lúc mãn hạn, ra tù.

Nhưng cảnh sát New York điều tra ra các vụ tống tiền ở các lò bánh, thế là Buchalter lãnh thêm 30 năm tù giam. Trước hết y phải ngồi mãn hạn cái án thứ nhất, sau đó mới có thể bắt đầu án thứ hai. Tương lai y mù mịt và hiệp ước với sếp FBI không giúp gì y cả.

Quá tam ba bận, lần này đến lượt vụ giết Joe Rosen. Cuối năm 1940, các điều tra viên đã lần được dấu vết những tên giết người, Joe Rosen là chủ một cửa hiệu nhỏ bán bánh ngọt, kẹo cao su, cả thuốc lá tẩm marihuana [62], y cũng làm thủ quỹ cho Buchalter. Y cho vay nặng lãi theo hệ thống năm ăn sáu: Với năm dollar vay đầu tiên, cuối tuần con nợ phải trả sáu dollar. Nếu con nợ không trả được, nợ sẽ tăng nhanh và con nợ càng lệ thuộc nhiều hơn vào chủ nợ, phải nghe lệnh của y và thực hiện những công việc bẩn thỉu nhất, kể cả giết người.

Năm 1936, Joe Rosen bắt đồng với Buchalter và bị bắn chết. Khi Abe Reles và các gangster khác bị dồn đến bước đường cùng và bắt đầu khai trước ủy viên công tố O'Dewey, những chi tiết của vụ giết người này được đưa ra ánh sáng. Lần này hiệp ước với sếp FBI hoàn toàn vô giá trị. Tòa kết án tử hình Buchalter.

Buchalter còn cố giãy giụa lần cuối. Y kháng án, đệ đơn xin giảm án, nhưng y chỉ đạt được một điều là ngày xử án được lùi lại. Ban đầu, bản án tử hình được ấn định thi hành vào ngày 6.2.1944. Trước đó mấy ngày

Lepke tuyên bố với thống đốc Dewey một vụ mua bán có lợi cho cả hai. Nếu được giảm án, y sẽ tiết lộ cho Dewey những bí mật liên quan đến Mafia và tổ chức tội ác, quan trọng tới mức Dewey sẽ trở thành anh hùng dân tộc và sẽ giành thắng lợi trong bầu cử tổng thống sắp tới. Dewey từ chối sự giúp đỡ của tên gangster và đã thua cuộc trong đợt chạy đua vào Nhà Trắng. Buchalter cũng thua ván bài cuối cùng và kết thúc sự nghiệp gangster trên ghế điện.

Các thành viên khác của thế giới ngầm Hoa Kỳ như Goldstein, Phill Strauss, Abandonado, Mendy Weiss và Louis Capone cũng kết thúc cuộc đời trên ghế điện. Anastasia biến mất. Y may mắn nhất trong bọn, mặc dù có lẽ tay y dính nhiều máu nhất.

Ta hãy trở lại vụ sát hại Morris Diamond mà Doc Stacher đã nhắc tới và tìm hiểu sâu thêm “sự nghiệp” của Anastasia trong lĩnh vực công đoàn. Như những tên khác, y cũng có gốc Ý, nhưng y “di cư” đến Hoa Kỳ bằng con đường kỳ quặc. Tháng 8 năm 1920, gần bờ biển Mỹ, từ trên boong một chiếc tàu chở hàng Ý, bỗng nhiên nhảy ra hai người đàn ông. Họ sải tay và bơi nhanh vào đất liền. Đó là anh em Umberto và Antonio Anastasia. Mặc dù vượt biên giới trái phép, họ vẫn được đón tiếp chu đáo. Đã mấy năm trước, bốn anh em trai khác của Anastasia làm việc ở cảng New York. Họ mang đến quần áo khô ráo và thu xếp công việc cho hai người mới tới ở xưởng tàu.

Một thời gian họ làm việc thực sự lương thiện, sau đó Antonio gia nhập công đoàn công nhân cảng và đưa cả Umberto, bấy giờ đã đổi sang tên Mỹ là Albert, vào tổ chức này. Có thể ban đầu họ thật sự vì đời sống công nhân, bảo vệ quyền lợi của đoàn viên và cố gắng đạt được những tiến bộ xã hội. Nhưng chúng nhanh chóng nhận ra cách kiếm tiền dễ dàng bằng sự tống tiền các tổ chức công đoàn và các chủ hãng. Thế là chúng liên kết với gangster, hoạt động ở vùng cảng.

Ý đồ được mang ra thử nghiệm ở nhà máy lớn Philips Dodge ở New Jersey. Chúng đưa cho lãnh đạo nhà máy một yêu sách láo xược: Từ nay trở đi nhà máy phải đều đặn trả tiền “bảo hiểm”, bằng không hậu quả sẽ không lường trước được. Ban giám đốc từ chối đàm phán với những kẻ tống tiền. Antonio và Albert Anastasia tổ chức bãi công, làm tê liệt hoạt động của nhà máy. Giám đốc đầu hàng và cam kết mỗi ngày trả cho anh em Anastasia 1000 dollar để chúng “đảm bảo” sự yên tĩnh trong nhà máy.

Sau khi thỏa thuận với lãnh đạo nhà máy, anh em Anastasia quay lại yêu cầu công nhân làm việc. Nhưng công nhân thực sự bãi công vì các quyền lợi xã hội và không chịu nhân nhượng. Thế là dẫn đến sự giằng co và Antonio cùng Albert, cho đến lúc đó đóng vai đại diện công nhân, dẫn đến những tên phá hoại bãi công để phá vỡ sự thống nhất của công nhân. Bắt đầu sự xáo động, ẩu đả, thậm chí cả bắn nhau. Công nhân canh gác cổng nhà máy bị bắn chết.

Albert Anastasia nhanh chóng nhận ra các mối quan hệ khăng khít và những luật lệ không văn bản của thế giới ngầm đang hoành hành ở vùng cảng. Y liên kết với Joe Adonis và Frank Costello, cố gắng thâm tóm các công đoàn ở các xưởng tàu tại New York và New Jersey. Trở ngại đầu tiên của y là Joe Turino.

Turino là thủ lĩnh công đoàn với bàn tay không phải hoàn toàn trong sạch. Y có địa vị cao, ảnh hưởng lớn và cũng khá nhiều tiền. Turino và Anastasia có cùng mối quan tâm giống nhau là tiền, vì thế chúng cản trở lẫn nhau. Không thỏa thuận được với nhau, chúng coi nhau như kẻ thù. Thế là Turino bị một người lạ mặt bắn chết trên phố. Cảnh sát tiến hành điều tra và nhanh chóng tìm ra dấu vết dẫn tới Albert Anastasia và chiến hữu của y, Jim Florino. Chúng bị tòa truy tố và kết án tử hình. Lúc này mới thấy Anastasia nhìn xa thấy rộng như thế nào, khi y liên kết với Costello và Adonis thế lực. Bọn này xách cặp tọng đầy dollar đi thăm quan tòa và cảnh

sát. Thế là tòa kháng án, nghiên cứu lại vụ giết người và trả lại tự do cho hai tên tội phạm vì thiếu bằng chứng.

Chiến thắng những người bảo vệ pháp luật cổ vũ gangster và thế là Anastasia lại tiếp tục sự nghiệp tống tiền. Lần này chúng nhắm vào các chủ hiệu giặt, phần lớn là người Tàu. Họ từ chối trả tiền “bảo hiểm” và ba người đã bị chúng hãm chết để cảnh cáo. Giữa những thủ phạm, các nhân chứng đã nhận ra Albert Anastasia và chiến hữu của y là Tony Romeo. Những gangster có bên phía mình nhiều nhân viên cảnh sát có thể thu xếp tất nhiên với phần thưởng béo bở, để tòa không có đủ bằng chứng. Tên giết người tàn bạo Anastasia lại tiếp tục hoành hành không từ một phương tiện nào.

Trong kho gửi hàng ở một ga nọ, các nhân viên gửi thấy một mùi khác thường từ một vali to, do một đàn ông lạ mặt mang đến gửi trước đó vài ngày. Cảnh sát được gọi tới, mở vali và mọi người kinh hoàng ôm mặt, chỉ thiếu nước nôn ọe. Trong vali là xác chết bị chặt làm bốn khúc của John Banzanno đang được cảnh sát tìm kiếm. Trước đó mấy ngày, Banzanno đến đồn cảnh sát và tỏ ra sốt sắng khai báo về các vụ giết người của Albert Anastasia và các tay súng của y.

John Banzanno là thành viên của băng nhưng lại dám chống lại sếp. Gã muốn lật đổ Anastasia và ngồi lên ghế của hắn. Gã quyết định không giết sếp mà lại nhờ bàn tay của cảnh sát.

Sau khi giải thích nguyên nhân, gã thỏa thuận với thanh tra cảnh sát là về tự nguyện ngồi tù một thời gian vì lý do an toàn. Sáng mai gã sẽ vào tù và bắt đầu khai vào văn bản. Gã không đến, cho nên người ta bắt đầu đi tìm. Khi tìm thấy tử thi của gã trong vali, ai cũng rõ kẻ đã giết gã. Nhưng cảnh sát không có lấy một bằng chứng về sự giết người, cũng như về thủ phạm.

Năm 1939, Morris Diamond là chủ tịch công đoàn xe tải. Trong thời gian ấy, Buchalter đang cố gắng chiếm đoạt tổ chức này và Diamond cản trở hắn, bởi vì ông không muốn tuân theo các điều kiện của hắn. Thậm chí

Diamond còn chống lại tên gangster thế lực, ông đến văn phòng của phái viên chính phủ Thomas Dewey khiếu nại gangster dùng các thủ đoạn tội ác chiếm đoạt các tổ chức công đoàn và nêu tên thủ phạm. Buchalter phải có người, thậm chí ở cả trong văn phòng của ủy viên công tố, vì ngay tối hôm đó hắn đã có bản copy lời khai của Diamond. Lập tức hắn triệu tập ngay hội đồng tối cao Mafia, quyết định thủ tiêu Diamond.

Trong đội hành quyết đông đảo, có tất cả những tay súng thiện nghệ. Trước khi hành động, Bugwormau, Allie Tannenbaum, Jack Parisi, Mendy Weiss và Julio Catalana còn gặp Albert Anastasia trong câu lạc bộ của Đảng dân chủ. Anastasia truyền đạt cho chúng những hướng dẫn chính xác, và dưới sự chỉ huy của y, trước hết chúng theo dõi để xác định lịch sinh hoạt hàng ngày của thủ lĩnh công đoàn.

Anastasia chuẩn bị phương án và phân chia nhiệm vụ. Trước hết, chúng ăn cắp một xe con, tất cả lên xe và đỗ không xa nhà ở của Diamond. Julio Catalana ngồi chờ sau vô lăng. Khi Diamond xuất hiện sau góc phố, Jack Parisi bắt đầu băng qua đường. Đó là tín hiệu cho Catalana. Xe đến ngã tư đúng lúc Jack Parisi nổ súng và nhảy lên xe. Julio Catalana nhấn ga, gangster biến mất và không ai để ý chiếc xe cả. Diamond nằm lại trên ngã tư, bị giết giữa phố không một nhân chứng. Anastasia đã giúp Buchalter loại được một đối thủ nguy hiểm, thu được món thù lao đáng kể và cảnh sát phải đưa vụ án vào kho lưu trữ vì không tìm ra lấy một nhân chứng sẵn sàng khai thác trước tòa.

Năm 1940, Peter Panto biến mất, như thể anh ta chui xuống đất. Đó là một công nhân cảng trẻ, hăng tiến, một thủ lĩnh công đoàn uy tín. Panto tự đặt cho mình một nhiệm vụ không dễ dàng là tẩy sạch ảnh hưởng của Mafia và các cán bộ công đoàn suy thoái khỏi các chức công đoàn. Ban đầu chúng ra sức bôi nhọ anh, loan tin anh là đảng viên cộng sản, trong báo xuất hiện các bài nói xấu anh. Nhưng tất cả các trò đó đều vô ích, công nhân biết rõ anh là một cán bộ công đoàn trong sạch, quan tâm duy nhất đến quyền lợi

của công nhân cảng. Anh được phần lớn công nhân cảng ủng hộ, Mafia càng ngày càng cảm thấy rõ rệt ảnh hưởng và uy tín của chúng đang mất dần ở vùng “Waterfront” (mặt trận nước) này. Cho nên Albert Anastasia, người bị ảnh hưởng nhiều nhất, quyết định loại trừ địch thủ.

Ngày 17-7-1940, Peter Panto, không may may linh cảm cái chết đang chờ mình, đi thăm người yêu. Một lát sau anh nói với bạn gái là phải đi họp khoảng một tiếng với các cán bộ công đoàn. Anh chia tay người yêu và không bao giờ quay lại nữa. Khi Abe Reles tiết lộ chi tiết vụ sát hại, người ta đã tìm thấy xác chết của Panto cùng nhiều người khác ở công trường phá đá bỏ hoang gần Pasaica. Chính Abe Reles đã giúp các thám tử FBI và cảnh sát xác định Panto bị giết như thế nào.

Panto thực sự có cuộc họp với hai cán bộ công đoàn nhưng do Albert Anastasia giật dây. Một tên Judas được trả công 30 dollar, còn tên thứ hai kém hơn 5 dollar. Hai tên này bắt đầu đàm phán với người cán bộ công đoàn trong sạch. Chúng muốn mua anh, hứa hẹn những đặc quyền và các khoản đáng kể, nếu anh hợp tác với Mafia. Đàm phán không dẫn đến thỏa thuận, cho nên họ chia tay và cùng đi ra. Khi đã ở trên phố và đi qua một xe đang đỗ, Panto bị đẩy vào trong xe và bị bóp cổ chết. Theo bản khai của Reles thì Mendy Weiss đã đánh chết Panto ở trong nhà. Sau đó chúng chở xác chết đến công trường đá và vùi chung với các xác khác.

Các lời khai của Reles và Buchalter tạo điều kiện cho giám đốc FBI Hoover bắt đầu chiến dịch tấn công Mafia trên mặt trận rộng lớn. Hoover thiết lập một đội tiểu trừ đặc biệt gồm 32 thám tử kinh nghiệm, những tay súng thiện xạ có nhiều chiến tích trong chiến tranh thế giới thứ hai. Họ đã bắt được 670 tên cướp của tổ chức tội ác Anastasia, làm tê liệt về căn bản lực lượng của Mafia trên vùng cảng New York.

Anastasia tẩu thoát và mãi tới năm 1942 y mới xuất hiện trong bộ quân phục hạ sĩ quan quân đội Mỹ. Y trở thành hướng dẫn viên trong trại huấn luyện ở Pennsylvania, trong khi vẫn tiếp tục chỉ huy Mafia. Y sống qua tất cả

các cuộc khủng bố, vây ráp. Bị bắt vài lần, nhưng không lần nào y bị kết án. Y sống như một chủ nhân khá giả của một số hãng phát đạt trong hoà bình, cho tới năm 1957 y bị giết chết trong hiệu cắt tóc của khách sạn Park Sheraton. Sau này người ta đã điều tra ra nguyên nhân cái chết của y.

Khi băng của Meyer Lansky chuyển đến La Habana và hối lộ tên độc tài Batista cho phép mở các casino và thu được những món lợi kếch xù thì Albert Anastasia cũng bay tới khách sạn National ở La Habana xin cho nhập hội. Bị từ chối, y tự ái thề trả thù và tuyên bố sẽ mở một hãng cạnh tranh. Với món tiền hối lộ lớn, y cũng nhận được sự đồng ý của Batista. Giám đốc của hãng Lansky ở Cuba là gangster lừng danh Luigi Trafficante, người mà chúng ta còn gặp ở các chương sau. Tên này biết được sự táo tợn của Anastasia, bay về New York báo cáo với sếp. Lansky triệu tập hội nghị thượng đỉnh Mafia, tường trình trường hợp Anastasia hỗn láo, và những tên có mặt nhất trí với bản án tử hình. Thế là quyền lợi của Vito Genovese và Meyer Lansky gặp nhau và số phận Anastasia được định đoạt. Nghe đâu tay súng thứ hai đột nhập vào hiệu cắt tóc ở khách sạn Park Sheraton ngày 25-10-1957 là Luigi Trafficante. Nhưng không ai chứng minh được điều đó.

THỦ ĐÔ MAFIA

Thủ đô của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không phải là New York mà là Washington D.C. Thủ đô của Mafia Hoa Kỳ không phải là Chicago mà là Las Vegas. Đây là một thành phố với khí hậu khắc nghiệt nằm giữa sa mạc Nevada, không xa Máng Lớn sông Colorado, một trong những kỳ quan thế giới. Thành phố được dựng lên từ những bụi lòn, phủ bằng những lớp đèn néon nhấp nháy liên tục. Các cổng vòm của những casino ở Strip nổi tiếng làm ta liên tưởng đến kiến trúc các trường bắn trên sa mạc. Las Vegas là thành phố của cờ bạc, tội ác và mãi dâm, Mafia đã tạo cho nó bộ mặt ngày nay.

Những tên tội phạm nguy hiểm, giết người, ăn cướp và lừa đảo tự dựng lên thành phố này để ở đây, cách xa đồn cảnh sát và bao bọc bởi những đồng cát nóng bỏng, chúng có thể đóng vai các nhà quý tộc tẩy sạch những đồng tiền tội lỗi và đầu tư vào ngành kinh doanh béo bở: Cờ bạc.

Ước vọng chơi và chiến thắng đã gắn liền với lịch sử loài người từ biết bao đời nay. Cuộc hành trình của thuyền Mayflower năm 1620 chở 41 con chiên thánh giáo Anh, những người hành hương và phát triển thật sự châu Mỹ, đến tổ quốc mới được tài trợ bằng số tiền thu được từ xổ số. Đội quân cách mạng chiến đấu giành độc lập cho châu Mỹ cũng nhận lương từ quỹ xổ số. George Washington lương thiện là một người đánh bạc đam mê và người ta nói rằng tối duy nhất ông không ngồi bên bàn chơi là đêm hành quân thắng lợi qua sông Delaware.

Ao ước gặp may được cuộc đã đi vào các truyện thần thoại và cổ tích, nhưng đó chỉ là những giấc mơ và mong muốn không thành. Người được cuộc duy nhất trong các kinh nghiệm và cả toán học chứng minh. Nếu không phải như vậy, các casino làm sao tồn tại được. Những casino ở Las Vegas lột từng dollar của các con bạc với sự duyên dáng của chủ nhà lịch sự, quan tâm một cách cảm động tới lợi ích của người thua cuộc.

Từ Los Angeles tôi đến thủ đô Mafia bằng xe buýt. Đó là con đường dài khoảng 400 dặm, giữa sa mạc khô cằn, có chỗ được viền bởi hàng cây số đôn điền hạnh nhân. Rời chiếc xe ca có gắn máy điều hòa, tôi băng qua vỉa hè nóng bỏng đến phòng khách mát lạnh của khách sạn The Mint. Sau đó tôi đi giữa hai hàng rào danh dự của các “tên cướp một tay” - máy chơi tự động, đến bàn thường trực. Trong khách sạn có tới 600 máy chơi kiểu này. Khi điền giấy đăng ký, một nữ chiêu đãi viên đã đưa cho tôi một số ticket chơi keno [63]. Cạnh thang máy được đặt các máy chơi tự động, xa hơn một tí là bàn chơi xóc đĩa phủ nhung được chiếu sáng rực rỡ, bàn chơi Baccarat [64] và Blackjack [65] được đặt khắp nơi, không chừa một chỗ trống nào. Đi điếm tâm, đến nhà ăn, vào các bar, ở đâu đó khách cũng gặp các sòng bạc. Las Vegas hoạt động liên tục 24 tiếng mỗi ngày. Khác với các casino khác trên thế giới, ở đây con bạc có thể nhả túi bất cứ lúc nào, đêm cũng như ngày.

Ở các máy chơi tự động, với số tiền đặt từ 5 đến 25 cent, mỗi lần trúng số, các đèn hiệu nhấp nháy và tiếng chuông vui vẻ thông báo tới một vùng rộng xung quanh. Còn các lần thua thì im lặng như lễ cầu hồn. Tiếng chuông reo của “Slot-machines” máy chơi tự động, là một mảnh khóc tâm lý được tính toán chính xác. Ai đi qua những dãy hàng chực, thậm chí hàng trăm máy chơi tự động này đều có cảm giác như người chơi luôn gặp may.

Las Vegas, tiếng Tây Ban Nha nghĩa là bãi chăn nuôi và trước đây thuộc về Mexico, nhưng xung quanh thành phố không có lấy một mét gỗ, chỉ có sa mạc như thiêu như đốt và Las Vegas cũng không có gì gợi cho ta nghĩ đến khái niệm nghệ thuật và văn hóa cả. Ở đây không có nhà hát, hòa nhạc, hay triển lãm. Trong cái nóng kiệt sức, đến thể thao cũng không chơi nổi, và ngoài công viên Grand Canyon, không còn chỗ nào để dạo chơi nữa. Thế là chỉ còn có chơi bạc, thua bạc và ăn uống không lấy gì ngon miệng lắm. Khách du lịch có thể đến Ceasars Palace xem buổi biểu diễn, được quảng cáo trên các tấm áp phích là của nhóm Follies Bergére từ Paris, nhưng tệ hơn tới hai hạng. Du khách cũng có thể chớp nhoáng cưới vợ hay li dị ở

một trong hàng trăm văn phòng, giống như nhà thờ nhỏ sặc sỡ hay saloon của một thợ chụp ảnh tỉnh lẻ. Ở đó người ta cho thuê tất cả những gì cần cho lễ cưới, từ quần áo đến người làm chứng đang ngủ gật trên ghế phía sau màn che. Và thế “ưu việt” duy nhất của Las Vegas là thực tế: Khác với các thành phố khác, ở đây các trò chơi cờ bạc được chính quyền cho phép.

Bằng xố số phi pháp, Mafia kiếm tới hàng chục triệu dollar ở New York, Chicago, Philadelphia và các thành phố khác. Sau đó Meyer Lansky và đồng bọn thử xâm nhập vào New Orleans và thu được thành công rực rỡ, nhưng chúng ta đã thất bại khi định thôn tính Florida. Vùng này đã được dành cho những người kinh doanh khác và các bố già phải vất vả lắm mới đầu tư được vài triệu dollar. Sau đó, chúng phát hiện ra “mỏ vàng” ở Las Vegas, người có công chính trong vụ này là Benjamin Siegel, biệt hiệu Bugsy.

Ben Siegel quả là kẻ giết người, gangster, tên lừa đảo nhưng y không điên. Trong cuộc chạy đua vì đồng tiền, y không từ một cái gì, kể cả sự phản bội đồng bọn và y đã phải trả giá đắt cho sự đại dột đó. Tôi đã thử tìm hiểu sau bao nhiêu năm, thực chất y là người như thế nào.

- À, Bugsy Siegel? Người bảo vệ gara ở khách sạn The Mint nói với tôi. - Đã lâu lắm rồi, lúc đó tôi còn chưa làm việc ở đây. Ông biết không, ở Sands tôi làm chân giúp việc cho một sòng bạc và kiếm được khối tiền, nhưng rồi tôi lại thua hết, cũng ở các sòng bạc. Siegel kết bạn với George Raft. Ông có nhớ không? Ngôi sao Hollywood hạng một đấy. Hắn kiếm tới bạc triệu. Hắn thường đóng vai gangster và là chuyên gia, giống như Ronald Reagan về các phim cao bồi. George Raft đỡ đầu Siegel, giúp y xâm nhập vào Hollywood. Ông có nghe nói tay ăn chơi này còn tán được cả một bá tước phu nhân chính cống từ Ý? Hắn ngủ với bà ta và để trả công, mụ giới thiệu hắn với những người mà hắn có thể nhờ vả sau này.

Theo một giả thiết, Benjamin Siegel, trong những năm sung sức nhất với bộ mặt điển trai ăn ảnh và cư xử lịch lãm, đến Hollywood không phải

để tìm sự thành công trên màn ảnh, mà là sự kiếm tiền dễ dàng. Diễn viên nổi tiếng George Raft (được biết từ phim “Ai đó thích nóng”) là bạn của y và định tìm cho y một vai vào đó. Nhưng với vai gangster, y quá đẹp trai, còn với vai chính khách lịch sự, y lại quá thô lỗ và cái chính là y hoàn toàn không có năng khiếu điện ảnh. Thế là y hòa vào đám người sống bám và thừa cơ đục nước béo cò. Y có tiền, y cần các quan hệ có ích và y kiếm chúng trên các giường nệm, trong các biệt thự lộng lẫy Beverly Hills. Người ta đồn tình nhân của y là diễn viên lừng danh Jean Harlow, mẹ đỡ đầu của một trong các con gái của Siegel.

– Một lần trong phòng của tôi xuất hiện Joe Adonis, Frank Costello và bốn người nữa - tình nhân của Siegel - Virginia Hill, người được các phóng viên gọi là “tình nhân của Mafia”, kể lại. - Trông họ cực kỳ nghiêm trang. Tôi mang nước uống tới và bật radio cho họ nghe tin. Người ta thông báo rằng, trong nhà tù Leavenworth vừa mới tử hình Lepke Buchalter, một trong các sếp của hãng Murder Inc. Hắn chết trên ghế điện. Joe và những người khác thở dài chạm cốc vĩnh biệt. Lepke là bạn thân của họ. Joe Adonis liên tục dẫn đàn ông đến và giới thiệu cho tôi. Một lần y dẫn đến một thanh niên, trông không đến nỗi nào. Anh ta cư xử đứng đắn, ăn mặc bảnh bao và lịch sự. Người đó tên là Benjamin Siegel. Ngày hôm sau Joe hỏi tôi cô thích anh ta không. Anh ta cũng như những đàn ông khác, tôi nói với Joe và y nói rằng tính tình chúng tôi giống nhau như hai giọt nước trong cùng một cốc. Thế là tôi làm quen với người tình tương lai Ben Siegel và sau này anh ta bị bắn chết ngay trên đi văng của tôi.

Benjamin Siegel là một tên gangster tự tin và có tên tuổi. Khác với nhiều tên cướp khác, y sinh ở Mỹ và các chánh án không bao giờ ghép được y vào tội giết người, vì không có bằng chứng, Benjamin Siegel là kẻ giết người ranh ma. Một bữa y đến bệnh viện New York và xin được khám bệnh. Y cảm thấy khó chịu, thần kinh suy nhược, đầy bụng, nói chung là y có bệnh gì đó. Y trả tiền một phòng từ trước hai tuần và hộ lý trải giường cho y. Ngày đầu y cũng sinh hoạt như những bệnh nhân khác, ngoan ngoãn

uống thuốc theo chỉ dẫn của bác sĩ. Ngày thứ hai, y nói với hộ lý rằng y cảm thấy rất khó chịu trong người. Cô y tá tốt bụng sửa lại gối, đưa thuốc và ly nước cho y uống, sau đó chúc y ngủ ngon và đảm bảo sáng mai y sẽ thấy dễ chịu hơn.

Người nữ hộ lý bước khỏi, lập tức Siegel ngồi dậy cuộn gối và khăn để dưới chân, nhảy lại tủ và nhanh chóng mặc áo quần. Y quan sát hành lang và khi biết chắc chắn rằng không có ai cả, y chạy xuống cầu thang. Phía sau bệnh viện, một xe con với hai người đàn ông đã chờ sẵn y. Chúng khe khẽ chào nhau và đi đến Brooklyn. Xe dừng trước một nhà cho thuê trên Fort Hamilton Parkway. Chúng chạy lên tầng ba và bấm chuông. Chúng hỏi ông già Tony có nhà không và tự giới thiệu là cảnh sát thường phục. Ông bố đi xuống bếp và nói với con là có khách từ đồn đến. Tony đứng dậy và đi ra phòng khách. Tiếng súng vang lên và Francis Anthony Fabrizzio, một trong ba anh em gangster có tiếng, gục chết trên thảm trải nhà.

Tên giết người Siegel trở lại bệnh viện, không bị ai nhìn thấy và y lặng lẽ thay đồ, lên giường nằm. Nửa đêm, khi hộ lý đi kiểm tra, y ngủ với giấc ngủ của người vô tội. Hai ngày sau, y khỏi bệnh và ra viện với alibi được bác sĩ xác nhận.

Fabrizzio không gặp may. Gã trở thành con cừu đen của băng cướp. Gã muốn cùng hai anh tách ra làm ăn riêng. Vì chuyện này, hai anh gã đã phải trả giá bằng sinh mạng của mình. Francis Anthony lo sợ, gã biết rằng số phận tương tự đang chờ gã, thế là, tuyệt vọng đến tột độ, gã bắt đầu một việc không bình thường trong nghề gangster. Gã bắt đầu viết hồi ký, hơn nữa gã còn nói về việc làm của mình. Gã biết nhiều về hậu trường của tổ chức tội ác, để có thể làm phương hại những trùm Mafia cỡ như Lucky Luciano, Pisano hay Ciro Teranov. Gã có thể làm mất danh dự cả những nhà kinh doanh và chính trị kính mến, vì đồng phạm của gã là Lito Augio Pisano, làm liên lạc giữa thế giới ngầm và các chính trị gia bán mình. Gã từng làm việc với Siegel và hồi ký của gã có thể đưa Siegel ra tòa. Gã dọa

rằng sẽ trao hồi ký cho ủy viên công tố, nếu có dấu hiệu nguy hiểm tới tính mạng, bởi trong mọi trường hợp thì luật sư của gã cũng có thể đưa cho cảnh sát tài liệu đó. Hồi ký không thấy xuất hiện. Ai mà biết liệu nó có tồn tại không, hay đó chỉ là sự đe dọa của tên gangster cùng đường.

Siegel là tên giết người khôn ngoan và tàn nhẫn. Từ năm 1925, y tham dự các vụ trấn lột, y là tay súng tin tưởng nhất của hãng giết người khét tiếng Murder Inc. Trong thời kỳ cấm rượu, y giàu lên nhanh chóng và mong muốn duy nhất của y là trở thành một người lịch lãm trong giới thượng lưu. Khi Mafia phái y đến California để khảo sát hiện tượng và trong trường hợp thuận lợi thì thu tóm luôn mảnh đất hứa hẹn này, y đi thẳng tới Hollywood.

Theo một giả thuyết, y thuê một nhà ở lớn vùng ngoại ô ở Los Angeles với 35 phòng, theo giả thuyết khác thì y mua hoặc thuê một biệt thự và chuyển đến đó cùng với vợ, hai con và một vali 25 áo sơ mi lụa. Y không bỏ phí thời gian và ngay từ ngày đầu tiên đã tổ chức buôn ma túy và lại thu được bạc triệu. Bên ngoài, y xuất hiện như một tư thương và một nhà thể thao, y mời những người nổi tiếng đến sân chơi golf riêng và tổ chức hội hè ngoài trời kéo dài tới sáng hôm sau và kết thúc với bữa ăn sáng phô trương. Y quay quanh những người nổi tiếng trong giới điện ảnh và họ lại quay xung quanh y.

Giống như bất cứ thành viên chính thức nào của giới điện ảnh Hollywood, y cũng “trang bị” cho mình một cuộc tình tai tiếng. Người đàn bà đó là bá tước phu nhân Dorothy di Frasso. Trước khi lấy chồng, rồi li dị và làm quen với gangster, ả tên là Dorothy Taylor. Dorothy đẹp, có thể làm đủ mọi chuyện và nghe đâu ả yêu Siegel cuồng nhiệt. ả biết cách tạo ra sự nổi tiếng và ở Mỹ đó là chìa khóa để bước vào xã hội thượng lưu.

Hồi đó ở Hollywood người ta đang dựng phim “Cuộc nổi loạn trên Bounty”. Khi phim quay xong, Ben Siegel, bá tước phu nhân di Frasso và hơn mười kẻ phiêu lưu khác thuê chiếc thuyền lịch sử Marthy Nelson - được sử dụng trong phim - trong vài tháng. Trên báo chí xuất hiện cuộc nói

chuyện với thuyền trưởng Mario Bello, khẳng định rằng thủ thủy đoàn, những tay quý tộc Hollywood này sẽ sống bằng đánh bắt cá mập. Mỗi ngày sẽ bắt khoảng 150 cá mập, chế biến thịt và mỡ, rồi gửi tới Đức cho một hãng dược. Không rõ họ có bắt được con cá mập nào không hay đó chỉ là một kiểu quảng cáo chính hiệu Hoa Kỳ.

Tuy Ben Siegel không trở thành danh tiếng, nhưng y cũng được mọi người biết đến nhờ tham dự cùng với thủy thủ đoàn kỳ quặc “Marthy Nelson”, cuộc tìm kiếm kho báu của cướp biển trên đảo Kokoso. Tất nhiên là họ không tìm thấy vàng bởi vì họ trở về tay không với hai thành viên bị cùm. Mario Bello đã phải nhốt hai người này vì họ nổi loạn và quấy rầy bá tước phu nhân xinh đẹp.

Tên gangster say sưa trên chín tầng mây. Y kiếm được nhiều tiền và còn giải trí trong hào quang của các minh tinh màn bạc Hollywood. Bá tước phu nhân di Frasso còn giúp tình nhân nổi tiếng bằng cách khác. Cặp uyên ương đi du lịch đến châu Âu, sau Pari và London, họ xuất hiện cả ở Roma. Dorothy di Fransso, có lẽ ngoài cái tên Ý ra, ả chỉ biết có “bon giorno” [66] và “ti amo” [67]. Cùng với tình nhân, tên giết người và gangster Benjamin Siegel, ả được những tên trùm đảng phát xít, thậm chí cả Mussolini và bộ trưởng ngoại giao - nam tước Giano đón tiếp. Đây là điều trái ngược trong lịch sử đảng phát xít Ý. Độc tài Mussolini, người đã từng tuyên chiến với Mafia Sicilie và chiến đấu chống lại thế lực cạnh tranh nguy hiểm bằng mọi phương tiện, nay hội mặt với đại diện Mafia Hoa Kỳ. Không rõ cuộc gặp mặt đó có tính chất xã giao hay kinh doanh. Duce [68] đang cần tiền và hăn kiếm tiền bằng mọi cách.

Nhưng sau đó người ta điều tra vụ thanh toán Harry Geenie, các đồng nghiệp vẫn thường gọi Greenberg như thế, là một cộng sự viên trung thành của băng Luciano và Lansky. Y bị đồng bọn nghi là đã tiết lộ các chi tiết về buôn lậu ma túy cho nhân viên FBI. Lepke Buchalter lúc đó vẫn còn tự do và hăn thề sẽ trả thù Greenberg. Greenberg hoảng sợ, dẹp tiệm và trốn sang

Canada. Ở đó y không gặp may làm ăn thất thiệt và rơi vào cảnh túng quẫn. Cực chẳng đã, y phải muối mặt ngửa tay xin đồng bọn giúp đỡ. Bạn hữu cự tuyệt. Greenberg bần tin dọa dẫm là y sẽ quay về và nói với cảnh sát mọi chuyện y biết, nếu đồng bọn không gửi gấp cho y vài chục nghìn dollar. Những kẻ tổng tiền lúc nào cũng nguy hiểm và nếu đó là gangster cùng hội trước kia, thì lại càng nguy hiểm gấp đôi.

“Chúng tôi đều quý Greenie”, sau này Doc Stacher nói. “Nhưng nó trở thành mối đe dọa và Allie Tannenbaum nhận lệnh “bịt mõm” nó. Tannenbaum thu xếp và bay sang Canada, nhưng Greenie rõ ràng là được báo động, “lặn mất”. Có lẽ nó may mắn kiếm được tiền và chui nhủi ở đâu đó. Nhưng năm 1939, Bugsy Siegel đánh hơi được là Greenie đã trở về, đang sống ở Los Angeles, trên phố Vista del Mar, số nhà 1094. Lập tức chúng tôi chuẩn bị đến “thăm” nó. Longie Zwillman lo chạy vũ khí để Allie Tannenbaum mang đến California. Chúng tôi đã nói với Bugsy đừng có nhúng tay vào vụ này. Nó đã quá quen thuộc để có thể tự cho phép bắn súng trên đường phố. Nhưng nó cứng đầu như con la. Cả Lansky cũng không thuyết phục được nó. Lúc nào nó cũng nhắc lại rằng Greenberg cực kỳ nguy hiểm đối với tất cả chúng tôi, hẳn có thể ba hoa với cảnh sát đến tận chi tiết các phi vụ trong hai chục năm qua.”

Chúng lên đường đi Los Angeles. Đội hành quyết gồm có ba người: Benjamin Siegel, Allie Tannenbaum và tay súng chuyên nghiệp Frankie Carbo. Ngày 22-11-1939, Greenberg đi dạo chơi về và dừng lại mua thuốc lá ở một quầy báo nhỏ. Y vĩnh viễn không bao giờ hút thuốc nữa. Siegel, Tannenbaum và Carbo đã chờ sẵn và y bị chúng bắn chết khi trong mồm vẫn còn điếu thuốc mới mời. Greenberg quả là bị “bịt mõm” nhưng sau đó không lâu Abe Reles đã “hát” và phái viên chính phủ Dewey đã biết được hầu như tất cả.

Benjamin Siegel cùng với các tông phạm khác phải ra trước tòa và y bị kết án một năm tù vì tội tham dự vụ giết người. Cũng như mọi lần, công tố

ủy viên không có đủ bằng chứng để kết luận là Siegel bắn Greenberg. Y sống trong tù như đi nghỉ mát. Mafia có những ngón tay dài và thừa tiền để hối lộ giám đốc nhà tù và lính canh, Siegel được phép ra ngoài tới 18 lần, nhiều lần như thể y đi nghỉ phép năm. Từ trong xà lim, y tiếp tục điều hành các vụ làm ăn. Trên báo chí thậm chí còn xuất hiện cả ảnh y ăn tối với các minh tinh màn bạc Hollywood trong một nhà hàng sang trọng trong thời gian y ngồi tù. Khi được trả tự do, y làm quen với Virginia Hill và bắt tay vào công trình xây dựng khách sạn ở Las Vegas. Cả hai, người đẹp Virginia và khách sạn Flamingo, là nguyên nhân bất hạnh không phương cứu vãn của y.

Hai bên bờ suối vẫn còn rải rác những đám tuyết chưa tan hết. Sáng 22-3-1966, thung lũng dưới sườn đồi Neuberg không xa Salzburg thuộc Áo vẫn còn trong bóng râm. Franz Inzinger nghỉ hưu đã vài năm. Ông đọc tiểu thuyết trinh thám, mùa hè trồng nho xạ, còn mùa đông và mùa xuân thì đi bách bộ đều đặn. Gần suối, một phụ nữ nằm trong một tư thế kỳ quặc, co quắp, nhưng hai cánh tay vươn ra như muốn với tới một vật gì. Hưu trí Inzinger bước vội. Ông dừng lại bên người phụ nữ và hiểu ngay đây là một xác chết. Inzinger quay người và chạy đến trạm điện thoại gần nhất. Từ tửu quán Zur Schoonen Aussicht, ông gọi điện cho cảnh sát. Cảnh sát xác minh người xấu số là bà Virginia Hauser, quốc tịch Mỹ, vợ của Hans Hauser. Gia đình của Hauser ở không xa Salzburg. Đây rõ ràng là một vụ tự sát. Cảnh sát đã tìm thấy trong túi của người chết thư vĩnh biệt cho chồng. Bác sĩ mổ tử thi đã kết luận nạn nhân dùng quá liều thuốc ngủ “Phanodorm”.

Virginia Hauser cùng với con trai sống một thời gian ở nhà của Hauser, nhưng càng ngày càng bất đồng với gia đình Hauser. Ngày 1 tháng 3, bà cùng con chuyển đến cư xá Elbi ở Salzburg.

– Virginia gọi điện, Hans Hauser khai, - bảo tôi đến gặp bà ấy ở quán Zar Schoonen Aussicht,

– Ông đến đây khi nào?

- 17 giờ 15 phút.
- Ông bà nói chuyện gì với nhau?
- Phần lớn về tương lai của con chúng tôi.
- Anh ta lên là gì?
- Peter.
- Làm gì?
- Làm bồi phòng trong khách sạn Osterreichischer Hoff.
- Ông bà có cãi nhau?
- Không.
- Tôi muốn nói là khi bà nhà bỏ đến ở cư xá.
- Không. Bà ấy im lặng ra đi. Bà ấy không chịu nổi gia đình tôi, cho nên bà ấy đi.
- Ông bà chia tay khi nào?
- Ông định nói lúc ở quán Zur Schoonen Aussicht? Khoảng bảy giờ tối.
- Ông bà cùng đi về nhà?
- Không. Bà ấy muốn một mình trở lại Salzburg.
- Nguyên nhân tự sát?
- Tôi hoàn toàn không biết.

Hans Hauser linh cảm được tại sao vợ ông ta lại chọn cái chết tự nguyện, nhưng ông không muốn nói ra. Virginia đã quen với cuộc sống của những phụ nữ chỉ biết có hết dạ hội này đến dạ hội khác. Bà ta phung phí hàng trăm ngàn và bây giờ không còn một xu dính túi. Cả đời bà ta tự hào về sắc đẹp, về tính khí và về cách sử sự quyến rũ đối với đàn ông của mình. Bây giờ bà ta già trước tuổi, chỉ còn vài tháng nữa là đến tuổi 50. Có thể bà ta không muốn thấy cái ngày đó. Virginia Hauser chính là Virginia Hill, đã một thời là tình nhân của các boss Mafia và là thiên tình sử của Benjamin Siegel, người đã chết từ lâu trước năm 1966.

Virginia Hauser có lưu lại hồi ký, nhưng không phải ở trong ngăn kéo bàn trang điểm, cũng không phải ở chỗ chõng ở ngoại ô Salzburg, mà là ở Hollywood. Howard Greer thuộc loại thợ may hoàng cung. Ông ta biết cách ăn mặc cho diễn viên để biến họ thành một ngôi sao điện ảnh. Greta Garbo, hoàng hậu Rumanian Marie, nghệ sĩ ba lê Isadora Duncan và cả Virginia Hill đều may đồ cho ông ta. Không ai biết giữa hai người có quan hệ gì, tại sao người đẹp Hollywood năm xưa lại tin nhiệm người thợ may thời thượng đến mức từ châu Âu nàng gửi bản thảo hồi ức cho chàng, để chàng nếu có thể, kiểm soát được chút gì trong đó. Hồi ký “dân Mafia” không trở thành bestseller [69], nhưng nó giúp chúng ta vẽ nốt bức tranh những năm hoang dại ở Hollywood và ở Las Vegas, khi vua là Benjamin Siegel, còn hoàng hậu là Virginia Hill.

Virginia Hill sinh ở Bessmer, Alabama. Cha của cô gốc Ailen pha chút máu da đỏ của bà, là người lái ngựa và là con ma rượu rất nguy hiểm khi uống say, lão vợ lấy súng và bắn tứ tung. Tường và trần nhà của lão thủng lỗ chỗ như tổ ong. Cảm thấy khó sống trong một gia đình như vậy, cô gái trẻ xinh đẹp Virginia đã chạy theo chàng trai đầu tiên tỏ tình. George Randall dạy cô yêu và “bơi” trong dòng đời. Sau đó chàng bỏ nàng, hay có thể nàng bỏ chàng, nhưng trước đó, cả hai chuyển đến một phòng cho thuê giá bình dân trong một ngôi nhà cũ kỹ. Ở đó, “kẻ thù số một của xã hội”, gangster John Dillinger đang lẩn trốn cảnh sát.

Cặp tình nhân không biết nghề ngỗng gì và không kiếm đủ tiền, thậm chí để uống nước xuông nữa. Thế là Virginia Hill bắt đầu bước đi đầu tiên trong cuộc đời giang hồ của mình. Họ cãi lộn, thậm chí còn tát nhau và Virginia bỏ đến một hãng loại taxi dance place [70] và bắt đầu như một taxigirl, tức là gái nhảy cho thuê. Những người đàn ông đơn độc đến quán nhảy và hãng này cho họ thuê bạn nhảy. Virginia thành công lớn và sau này cô khẳng định là cô chỉ nhảy với những người khách nhiệt tình trên sàn nhảy, chứ không phải trên giường nệm. Có lẽ Virginia sẽ tiếp tục cuộc đời của taxigirl, nếu như cô không gặp Nathan Coiner.

– Tôi làm được nhiều tiền, Virginia Hill nói, và thế là tôi cho phép mình ăn trong một nhà hàng kha khá, ở đó họ có món sườn nướng tuyệt vời. Một lần tôi vừa mới ngồi xuống bàn ăn, thì ca sĩ quán bar Fankie Lane đi đến và nói là Nathan Coiner muốn làm quen với tôi. Tôi hỏi người đó là ai, có phải ông già đeo kính đấng kia không? - Vâng, Lane nói, nhưng không già đâu. Ông ta là một trong các thầu khoán đua ngựa lớn nhất Chicago đấy.

Nathan Coiner hoàn toàn không già, y mới khoảng 30 tuổi. Virginia chưa tới 19. Y là bước ngoặt trong cuộc đời Virginia và, khó có thể nói là tốt hay xấu. Từ đầu y đã cho Virginia cả đồng tiền, còn cô ta thì không phải lúc nào cũng tỏ ra xứng đáng.

“Ban đầu không bao giờ chúng tôi gặp nhau một mình”, Virginia viết.

“Lúc nào anh ta cũng có bạn bè bao quanh. Họ nói chuyện liên tục về ngựa, về cá cược và về những người đàn bà từng ngủ với họ. Nathan Coiner đưa tiền cho tôi lần đầu tiên trong một nhà hàng. Tôi phải ra nhà vệ sinh, thế là anh ta dúm vào tay tôi một tờ bạc và nhắc tôi đừng quên cho tipping. Tôi không xem đó là tờ bạc gì và khi ra khỏi phòng vệ sinh, tôi ném nó lên đĩa.

Các tờ bạc Hoa Kỳ đều có kích thước giống nhau, từ tờ một dollar cho đến tờ 1.000 dollar, và được in bằng một màu xanh. Virginia Hill kể lại là

bất cứ khi nào cô ta ra phòng vệ sinh, và điều này khá là thường xuyên, Nathan Coiner đều đưa cho cô tờ 100 dollar và bao giờ cô cũng để lại trên đĩa ở nhà vệ sinh. Khi hiểu ra, Virginia thú nhận lăm lăm với Coiner. Y bật dậy khỏi ghế và giải thích, đây là tiền cho cô ta chứ không phải cho mấy mục giã ở ngoài nhà vệ sinh và y nghĩ ra cách đưa tiền tế nhị này để cô nhận mà không cảm thấy bị xúc phạm. Ngoài nhà vệ sinh nhẽ ra cô chỉ nên để lại nhiều nhất là một dollar và phần còn lại cất vào bóp. Sau đó Virginia theo Nathan vào phòng ngủ và sáng ra, khi y còn đang ngủ, ả lục khắp túi của y.

“Tôi sợ anh ta thả tôi “trôi sông”. Nat không làm thế. Anh ta vẫn giữ tôi lại mặc dù tôi đã trộm tiền của anh. Tôi tiếp tục cặp bồ với anh và anh mua cho tôi hàng núi quần áo. Nat thấy hạnh phúc. Anh ta tặng tôi áo lông, các đồ trang sức đắt tiền và tôi phụ thuộc hoàn toàn vào anh”.

Nhưng Virginia không chung tình với Nat. ả căm thù Nat với bất cứ người đàn ông nào trông kha khá từ triệu phú Col Henry Tempsey đến các bố giã Mafia Joe Adonis, Frank Costello hay em họ của Al Capone là Joe Fischetti. ả là tình nhân của gangster và chính ả tìm đến với chúng. Như ả thú nhận, chỉ có chúng mới kích động và làm ả thỏa mãn.

“Tôi đi bằng thang máy lên phòng của mình trong khách sạn Stevetis ở Chicago. Ở tầng một, một người đàn ông trông giống người Tây Ban Nha bước vào và lướt nhìn tôi từ đầu đến chân. Tôi thấy hay hay, nhưng trong quãng đường ngắn không đủ thời gian để làm quen. Tối hôm đó chúng tôi lại gặp nhau. Anh ta tên là Joe Fischetti, một trong ba anh em nhà Fischetti. Rocky, Charlie và Joe Fischetti là anh em họ của Al Capone. Trước đó một thời gian, họ đã tiếp thu các cơ sở làm ăn của người bà con về vườn. Họ là những gangster khét tiếng, và gangster là nỗi đam mê của tôi. Cuộc tình của tôi với Joe Fischetti xuất phát như tên lửa. Khi lần đầu tiên thấy tôi, anh phải cảm nhận ra là tôi chỉ nghĩ đến có một điều. Sau đó khi tôi đứng mặt đối mặt với anh, mắt tôi mờ đi. Năm phút sau, anh vào phòng tôi và chúng tôi đã nằm trên giường rồi. Tôi nghĩ là Fischetti có cảm giác tội lỗi. Joe

Fischetti là người Chicago và bạn của anh ta là Joe Adonis từ New York và Ben Siegel từ Los Angeles. Anh phải cực kỳ cẩn thận để khỏi mất chỗ đội mũ.

Nhưng rồi chúng tôi cũng phải nhanh chóng chia tay. Anh có việc ở Miami, còn tôi thì phải đến Los Angeles. Chúng tôi hứa với nhau là sẽ gặp lại. Vào thời gian đó tôi phải du hành liên tục trên tuyến Chicago - New York - Los Angeles - Mexico City và Acapulco.

Virginia Hill không phải chỉ là tình nhân của các boss Mafia, như ở khăng định trong hồi ký của mình, mà ả cũng làm việc cho Mafia nữa. Benjamin Siegel và cả Meyer Lansky và các đại diện “thương mại” của y mở rộng kinh doanh ma túy đến cả vùng California và đặc biệt là thành phố Las Vegas, và hiển nhiên là Virginia Hill làm việc như một liên lạc viên. Nếu không, tại sao cuối tuần nào ả cũng bay từ New York đến Mexico City, một cuộc dạo chơi dài khoảng 6.800 cây số cực kỳ tốn kém? Thứ hai ả đã lại có mặt ở New York rồi.

Sau này, những kết quả điều tra của ủy ban điều tra Kefauver cho thấy, Virginia nhận tiền từ gangster không phải chỉ do các dịch vụ yêu đương. Ở Mexico, ả quan hệ mật thiết với những người buôn lậu marlhuana [71] và lo chạy tiêu thụ trong giới diễn viên Hollywood và các triệu phú ăn chơi, ca sĩ và các nhạc công. Những khoản bạc triệu mà ả kiếm được để rồi phung phí, chính là phần ăn chia trong các vụ áp phe này. Người ta đồn ả có một “năng khiếu” đặc biệt, trong một đêm có thể “đốt” trong các quán bar một khoản tiền khó tin 10.000 dollar.

“Ở Hollywood tôi có nhiều bạn bè: Stana Laurel, anh em Kazinkovsly, những chủ phim nổi tiếng dưới biệt hiệu King Brothers, minh tinh màn bạc Ramon Novarra, đạo diễn Pasternak. Có trời mà biết tôi đã làm quen với Juan Romera ở đâu”.

Châu Mỹ những năm đó đầy dẫy những người giàu lên một cách bí ẩn. Không ai hỏi họ kiếm tiền bằng cách nào - họ có tài khoản trong ngân hàng, cho nên họ phải được kính nể. Cảnh sát quan tâm đến Juan Romera từ khi gã xuất hiện ở Beverly Hills. Người ta cho rằng gã chỉ là tấm bình phong, người đại diện hay môi giới của Mafia, vì gã có quan hệ thân thiện với các nhà chức trách địa phương. Gã mời họ đến dự những buổi dạ hội thác loạn trong ngôi biệt thự đồ sộ và lộng lẫy, trước kia thuộc về diễn viên đẹp trai Rudolf Valentine - thần tượng điện ảnh của các bà, các cô. Biệt thự này, với cái tên lạ tai Falcons Lair - Tổ chim ưng, là trụ sở của Mafia.

“Tôi chuyển đến chỗ Juan Romera. Trong ngôi nhà của anh ta có thừa chỗ ở và tôi đã sống bảy năm trong Tổ chim ưng. Chúng tôi là bạn với nhau, không hơn không kém. Anh ta sống như triệu phú. Trụ sở đồ sộ này phục vụ anh ta và sau đó là tôi, như một hậu trường kín đáo. Tôi nghĩ rằng anh ta bắt đầu ở Ý nhưng như một ma cô. Sau đó anh ta ngủ trong buồng của Rodolf Valentine. Đây là phòng trang bị rất tốn kém với hàng đồng đèn nện, thánh giá và tượng đức mẹ. Juan không thành công trong dự định biến tôi thành một phu nhân quyền quý. Anh ta nói rằng, với tính khoái khẩu và đam mê đàn ông cuồng nhiệt của mình, tôi là một trường hợp vô vọng, nhưng anh cũng thêm rằng tôi là người đàn bà “chân chính” nhất mà anh gặp trong đời”.

Trong lịch sử, có những chỗ sẽ không bao giờ được tái hiện trên bản đồ. Tương tự, trong tiểu sử của Virginia Hill cũng có những khoảng trống đáng ngờ. Bỗng nhiên ả biến mất và không ai biết ả đi đâu, với ai và tại sao. Khi Hoa Kỳ, sau thất bại đau đớn tại Trân Châu cảng, chính thức bước vào chiến tranh thế giới thứ hai thì ả ở đâu đó trên đất Mexico, có lẽ ở Acapulco. Có phải cảm giác nghĩa vụ đối với tổ quốc trong giờ phút cam go đã khiến ả vội vã quay trở lại Hoa Kỳ? Chỉ biết rằng, mới đặt chân lên đất Mỹ, ả liền đi tìm ngay các tình nhân cũ Joe Adonis và Ben Siegel.

“Bọn họ không có khái niệm tôi sống như thế nào và tôi dự định sẽ lên mặt với họ. Tôi đến ga xe lửa ở Pasadena đón họ bằng xe cabriolet màu trắng mới tinh, với tài xế da đen đằng sau vô lăng. Sau đó chúng tôi đi đến Tổ chim ưng, nơi nằm tách biệt khỏi thế giới bên ngoài. Khi xe dừng trước biệt thự lộng lẫy, cả hai chỉ lắc đầu nhìn nhau, không biết tôi đã làm gì trong thời gian qua.

Tôi đã mời phân nửa giới thượng lưu Hollywood đến dự chiêu đãi đón tiếp họ. Vua Runaba Xavier Cugat đến với đàn nhạc lừng danh của mình, nữ danh ca Carmen Mirand trình diễn những bài hát ưa chuộng, Jimmy Durante thì chơi piano, còn Lana Turner và Tony de Marco thì biểu diễn bài nhảy tuyệt vời của mình. Franchot Tone, Van Helfin, Beni Rotschild và có trời mà nhớ được tất cả những ai có mặt hôm đó.

Dưới chân đồi, bá tước Romanoff cũng có một biệt thự lớn. Tối đó ông ta cũng tổ chức dạ hội, nhưng sau đó ông ta cùng khách khứa kéo hết đến chỗ tôi. Một người trong họ gọi riêng tôi ra chỗ vắng và, với thái độ hốt hoảng, hỏi thăm tôi. Bà có biết trong nhà bà có gangster không? Thì sao nào, tôi trả lời.

Giới quý tộc Hollywood thích nghi với mọi thứ trên đồi, đối với họ không định kiến nào tồn tại cả. Các ngôi sao màn bạc sống từ vụ tai tiếng này đến vụ bê bối khác, thậm chí họ còn thổi phồng chúng lên, vì đó là thứ quảng cáo thác loạn bao nhiêu thì tiếng tăm của họ càng nổi bấy nhiêu. Một người bình thường, với ví tiền xẹp lép, cũng thích đọc về những việc lố lăng của những người nổi tiếng. Virginia Hill cũng vậy, ả hoàn toàn không á náy về việc gangster có mặt ở buổi tiệc, ngược lại ả còn tự hào về chuyện đó.

“Tối đó giữa các mệnh phụ phu nhân, Ben Siegel nổi lên như một ngôi sao, đẹp trai, ăn mặc lịch sự, lại nói chuyện duyên dáng, hấp dẫn. Còn Adonis thì lại được vợ một quan chức nào đó say như điếu đổ, bà ta kéo Adonis vào một góc tối và ôm chặt lấy anh ta. Lần đầu tiên tôi thấy Joe

trong cảnh lúng túng như gà mắc tóc. Hiển nhiên là chồng của bà kia thấy nóng mặt và yêu cầu tôi can thiệp. Đây là vợ ông kia mà, tôi nói. Tại sao tôi lại phải thò mũi vào chuyện riêng của người khác? Ông hãy tự giải quyết lấy. Thế người đàn ông đó là ai, ông ta hỏi, Joe Adonis, một gangster khét tiếng ở New York, tôi nói. Trời, người chồng kinh hãi. Thôi bà đừng nói gì nữa. Kế họ muốn làm gì thì làm.

Thời gian đó Ben Siegel đã có trụ sở ở Los Angeles. Tuy có vợ và hai con gái, nhưng anh ta còn dính hôn với diễn viên Wendy Barrier và chung chạ với bá tước phu nhân Dorothy di Frasso. Anh ta trông không giống gangster và có những sở thích văn hóa. Siegel đọc đều đặn Readers Digest [72], đặc biệt là mục ưa thích: Bạn hãy kiểm tra vốn từ của mình. Mặc dù đã ngập lút đầu trong quan hệ với phụ nữ, khi Joe Adonis quay trở lại New York, Ben gọi điện cho tôi: Tôi muốn gặp em, anh ta gào bằng cái giọng say rượu. Tôi phải nói cho em biết tôi yêu em tới mức nào. Sau đó anh ta đến chỗ tôi.

Đến lúc này Ben Siegel đã là một nhân vật vai vế. Trong những người quen biết của y có cả Marlene Dietrich, Charles Boyer, Fred Astaire, Clinton Clark Gable và Jean Harlow. Y hối lộ các nghị sĩ quốc hội, đi lại với các quan chức cao cấp, quan hệ với các triệu phú có ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống chính trị. Và y kinh doanh. Mọi thứ và bằng mọi phương tiện. Y có khả năng kiếm lời trong mọi chuyện và biết cách đầu tư lời lãi tiền bạc của mình, điều mà hầu như tất cả những tên tội phạm đều làm. Với khoản tiền ăn cắp, chúng trở thành chủ nhân những hãng uy tín, những người môi giới có tiếng trên thị trường chứng khoán mua cho chúng cổ phần của các công ty phát đạt.

Trong hồi ký của mình, Virginia Hill đã tả lại một cách “sinh động” những cuộc tình trác táng của ả. Lần này ả cảm sùng Joe với Ben, lần sau thì ngược lại. Vụ tranh chấp tình nhân nghiêm trọng nhất xảy ra ở Miami: Joe Fischetti xuất hiện và dọa sẽ cho Ben Siegel về châu âm phủ, còn Ben,

khi biết được chuyện này, cũng muốn làm điều tương tự với Fischetti. Virginia Hill đã khôn ngoan ngăn chặn vụ đổ máu và lại chuyển tới Las Vegas.

“Vì không muốn sống ở Tổ chim ưng, tôi thuê một biệt thự sang trọng, trang hoàng lộng lẫy và Ben, khi đó đã ly dị, đến ở với tôi. Lúc này phương án xây dựng Las Vegas một khách sạn với casino đã hoàn toàn cuốn hút anh ta. Đó phải là sòng bạc tuyệt vời nhất thế giới. Ben tính rằng, toàn bộ công trình sẽ tốn một triệu rưỡi dollar. Anh bảo tôi nghĩ tên gọi cho khách sạn. Ở Mexico, một số bạn bè gọi tôi là Flamingo - chim hồng hạc và thế là Ben quyết định lấy tên Flamingo đặt cho khách sạn. Công trình này cuối cùng trở thành quá đắt và Ben phải trả giá cho nó bằng chính sinh mạng của mình”.

Khó có thể tin được những khẳng định trong hồi ký của một gái làm tiền, cho dù đây là dĩ thượng lưu đi chăng nữa. Họ khuếch đại, tô vẽ và tạo cho nó một vẻ ly kỳ. Sau đó đến lượt thợ hóa trang, họ chải chuốt bản thảo, thêm son bột phấn cho vừa mắt. Khi đó hồi ký tuy có hấp dẫn nhưng không phải lúc nào cũng đúng sự thật. Việc đặt tên khách sạn Flamingo ở Las Vegas cũng hoàn toàn khác. Ở một trong những trường đua ngựa lớn nhất thế giới Hialeah ở Miami của gangster có một cái hồ nhỏ với động đá và chim hồng hạc. Các boss Mafia rất tự hào về hòn ngọc thiên tạo này nên chúng đã chọn tên Flamingo cho khách sạn.

“Tôi không hiểu tại sao Ben Siegel lại muốn cưới tôi. Vừa mới ly dị, anh đã nói đến lễ cưới. Tôi tự nhủ, rằng mình đâu có điên mà lấy anh ta. Chúng tôi đâu có tin nhau, người này ghen người kia. Ảnh lục soát ngăn kéo, mở trộm thư. Có lẽ ảnh ghen cả với chiếc áo ngủ của tôi. Không ai được phép động đến tôi, trừ ảnh ra.

Tôi hoàn toàn không nghĩ đến chuyện cưới anh ta, nhưng một lần ảnh mang nhẫn đính hôn về nhà. Ảnh đeo vào tay tôi một chiếc, chiếc thứ hai cho mình và bảo tôi tự coi là vợ ảnh. Tôi không có ý kiến gì cả. Ảnh đã ở

tận đáy thần kinh rồi. Công trình điên rồ xây dựng khách sạn với casino ở Las Vegas đã làm ảnh phá sản hoàn toàn. Ban đầu chi phí được dự tính là hai triệu dollar, nhưng sau đó tăng lên tới sáu triệu. Ảnh rơi vào tình trạng nguy kịch. Tuy vậy ảnh vẫn ném tiền qua cửa sổ. Các đồng sự ngày càng trách ảnh không biết làm ăn, và họ cũng cảnh cáo ảnh. Có lúc tôi có cảm giác là tất cả những tên khốn nạn từ cả nước Mỹ tập trung về Las Vegas. Thành phố này không khác gì một nhà chứa khổng lồ. Ben thay đổi. Bây giờ ảnh luôn kè kè súng lục trong người, trước kia ảnh không có thói quen này. Cộng sự của ảnh là Meyer Lansky, Morris Rose, người cùng ảnh sáng lập hãng Murder Inc nổi tiếng, và bố già Mafia Frank Costello, ngoài ra còn có những gangster khác với mục lục tội ác viết đầy nhiều trang giấy. Và Ben cãi nhau với họ liên tục. Hai đứa chúng tôi cũng cào xé nhau thường xuyên hơn. Có bữa chúng tôi uống quá nhiều và bắt đầu cãi lộn, tôi vớ được dao và lao cả người vào Ben, anh ta đè tôi xuống đất. Tôi thoát được và lết vào nhà tắm, ở đó tôi thấy ống thuốc ngủ của Ben. Tôi nuốt hết và chẳng biết có bao nhiêu viên nữa. Sau đó tôi cầm súng lục của ảnh và quay lại phòng ngủ. Nhưng thuốc đã bắt đầu tác dụng và tôi lăn quay ra nền nhà. Bác sĩ Blank đã cứu tôi thoát chết. Khi tỉnh lại, tôi thấy Ben ngồi bên và hứa là sẽ không bao giờ đánh tôi nữa.

Nhưng sau đó ảnh lặp lại và tôi vớ lấy guốc đánh vào cổ ảnh. Tôi gọi bác sĩ. Ben hoàn toàn không nói được, thanh quản ảnh bị tê liệt. Lần ấy bác sĩ Blank tuyên bố rằng chúng tôi sẽ giết lẫn nhau nếu còn ở chung với nhau. Một lần, khi Meyer Lansky đến thăm, chúng tôi lại thượng cẳng chân, hạ cẳng tay. Ben dọa tôi: Nếu cô không cầm mồm thì tôi sẽ nhét cô vào đồng rác và cô sẽ biến khỏi thế giới này mà không để lại dấu vết gì. Tôi biết quá đi chứ, tôi nói và cũng đe lại ảnh điều tương tự. Meyer Lansky ngán ngẩm và chửi bới cả hai chúng tôi.

Nathan Coiner gọi điện cho tôi. Suốt 18 năm quen biết, anh ta luôn quan tâm đến vấn đề tài chính của tôi và không lúc nào rời mắt khỏi tôi. Anh ta nói Ben là đồ bán thiu, kể nhiều chuyện kinh khủng về Ben và khuyên tôi

bỏ Ben. Anh nài tôi đến Mexico, ở đó anh đang có công chuyện buôn bán gì đó. Tôi đi gặp Nat và sung sướng nghĩ rằng, mình thoát khỏi Ben ít ra là một thời gian. Khách sạn Flamingo quả đã đứng đó, nhưng sự vỡ nợ là không thể tránh khỏi.

Khi trở lại Las Vegas, tôi nhanh chóng nhận ra cái gì sẽ đến với Ben, nếu anh không rút chân khỏi công ty này. Tôi làm âm ỉ lên với anh ở phòng khách sạn. Du khách chạy đến và theo dõi vụ cãi lộn như đang xem phim. Ben kéo tôi vào một phòng bên cạnh, sau đó một chốc, tất cả gangster ở casino cũng kéo đến. Tôi chửi luôn cả họ. Tôi nói vào mặt họ: Các anh là những tên ăn cướp dơ dáy và tôi biết rõ mười mười là các anh đang giăng bẫy hại Ben. Tôi cũng nói là tôi đi khỏi nơi đây, vì tôi không muốn ở dưới cùng một mái nhà với những kẻ giết người kinh tởm, và đừng có ai đại dốt muốn làm cong dù chỉ một sợi tóc trên đầu tôi. Meyer Lansky và tất cả những tên khác đứng như trời trồng và không nói lấy một lời. Tôi nói với Ben là tôi ngán mọi chuyện tới tận cổ và hy vọng rằng chúng tôi chẳng bao giờ nhìn thấy nhau nữa. Tôi buộc lại vali và Ben, không nói một lời, đưa tôi ra khỏi khách sạn. Chúng tôi vội vã chia tay, toàn thân run run ớn lạnh. Đó là lần gặp gỡ cuối cùng của chúng tôi. Sau đó tôi không bao giờ nhìn thấy anh nữa”.

Virginia Hill chắc phải có một quan niệm độc đáo về tình yêu và thước đo đạo đức kỳ quặc. ả chia tay Ben và bay đến Pari cùng với Nicky, một thanh niên Pháp đẹp trai mà ả làm quen ở Hollywood. Nicky từng sống với Virginia trong biệt thự của ả ở Beverly Hills, Ben Siegel bắt được quả tang Virginia đi với Nicky và yêu cầu người yêu chấm dứt quan hệ này. Song Virginia có cái mũi thính, ả linh cảm Ben đang tụt dốc, không gì có thể phanh lại được.

Ở Las Vegas tôi cố gắng tìm hiểu những hoàn cảnh và bất đồng xung quanh công trình xây dựng khách sạn Flamingo và tôi ngạc nhiên vì sự sốt sắng cung cấp thông tin của mọi người. Hoa Kỳ là một đất nước khác và

người Mỹ suy nghĩ theo những mục chuẩn khác. Chuyện làm ăn có khi còn bản, chứ tiền thì lúc nào cũng sạch. Dòng họ nhà Morgan [73] không xấu hổ vì có ông cố là cướp biển, những trò biển lận tài chính của cha ông không làm cho con cháu nhà Rostchild [74] phải bận tâm. Một người dân bình thường trên phố chưa phải đã loại bỏ ngay tổng thống Nixon ngay cả sau vụ bê bối Watergate. Một số khác thì lại khoe rằng phần lớn tài khoản ngân hàng của họ là người ông, một con bạc bịp bợm, thắng được trong xóc đĩa. Tôi đã nghe kể về một người nhiều lần triệu phú, suốt đời chỉ có một “phát minh” duy nhất. Anh ta sản xuất và đăng ký bản quyền phát minh một loại ống nhỏ xíu bằng đường ăn, cho viên đường này vào quả chanh được khứa trước và chủ nhân điều phi thường này mút được một thứ nước chua chua ngọt ngọt. Trước và sau “phát minh vĩ đại” này anh ta không làm gì cả, chỉ có một sự khác biệt duy nhất: Khi đã có cả một gia tài nhờ “phát minh” này, anh ta đã đốt tiền trong các quán bar hơn trước đó nhiều lần.

Khách sạn Flamingo làm tôi thất vọng. So với những khách sạn hiện đại Sands Ceasars Place, Desert Inn hiện nay, thậm chí khách sạn MGM cho các ngôi sao màn bạc, Flamingo giống như bể bơi trang bị đầy đủ. Một hồ bơi lớn được viền xung quanh bởi hàng rào dừa, bãi cỏ xanh mượt, sau nó là tòa nhà ba tầng, các phòng ở sang trọng, với một sân thượng tiện nghi.

Có nhiều ý kiến khác nhau về chi phí xây dựng khách sạn. Nhưng đó không phải là điều cơ bản, cái chính là những hoàn cảnh đưa các bố già Mafia tới quyết định thanh trừng một gangster giàu có và năng lực như Benjamin Siegel. Trường hợp này không phải là vụ giết người bình thường mà chúng có thể đặt ở hãng Murder Inc. Ben Siegel là một trong số bọn chúng, có khi còn là một trong những tên tài ba nhất.

Khi giới lãnh đạo Mafia quyết định xây dựng khách sạn Flamingo, mỗi tên đóng góp vốn đầu tư theo tính toán của mình, chúng góp chung tiền vì chúng tin là vốn đầu tư sẽ ra lãi. Benjamin Siegel và Virginia Hill đăng cai làm chủ thầu. Chúng có nhiệm vụ đốc thúc để công trình tiến triển theo kế

hoạch, thanh toán tiền công cho hãng xây dựng Dell Webb, Virginia Hill chịu trách nhiệm trang bị nội thất, nhưng ả mua đồ gỗ, thảm trải nhà và riđô quá đắt, chi phí tăng lên gấp năm lần so với dự kiến.

Không phải bao giờ gangster cũng vung tiền không suy nghĩ. Chúng kéo đến và yêu cầu thông báo tình hình. Lansky đọc báo cáo và thông báo rằng, thay cho dự kiến ban đầu một triệu rưỡi dollar, chi phí xây dựng Flamingo lên tới sáu triệu, nhưng y không quên nhấn mạnh là mặc dù vậy, số đầu tư này sẽ được đền bù xứng đáng, khoản tiền bỏ vào sẽ được thu lại gấp nhiều lần.

- Ben Siegel đã chạy được thêm tài chính. - Meyer Lansky nói. - Nhiều diễn viên tên tuổi Hollywood cũng đầu tư vào công trình, không ai trong các anh phải lo sợ cả.

Lo lắng nhiều nhất là anh em Harry và Samuel Rothberg, họ bỏ vào công trình này nửa triệu dollar và như vậy, có cổ phần lớn nhất. Các thám tử tư mà anh em Rotheberg thuê đã xác minh là Virginia Hill thường xuyên bay đến Zuerich dưới danh nghĩa mua đồ gỗ cho khách sạn, nhưng thực ra là để gửi nửa triệu dollar vào tài khoản mật.

- Chúng tôi biết việc gì đã xảy ra, - sau này Doe Stacher tuyên bố với các ký giả ở Tel Aviv, nơi y sống. - Một phần tiền của chúng tôi nằm trong túi Bugsy. Virginia muốn làm gì anh ta thì làm, và chúng tôi thừa biết mục hám tiền đến mức nào. Anh ta yêu mục đến nỗi sẵn sàng làm bất cứ việc gì mục yêu cầu. Luật của thế giới ngầm là luật giang hồ. Trong trường hợp này chỉ có khả năng duy nhất: Tử hình Bugsy. Tất nhiên là Meyer Lansky biết điều đó, nhưng anh ta tìm mọi cách cứu bạn cũ, Lansky yêu cầu chúng tôi kiên nhẫn chờ đến lúc khánh thành khách sạn, để xem tình hình ra sao trước khi kết án Bugsy.

Gangster có mức sống cao, quan hệ với những nhân vật vai vế và cách sống của chúng cũng thay đổi. Nếu ai đó là thành viên của “high society”

[75] thì không thể bị xử như con chó ghẻ lở được.

- Meyer Lansky đề nghị mọi người đừng quá nghiêm khắc, - Doc Stacher, có mặt lúc đó, nói. - Lần đầu tiên tôi thấy giọng nói của Lansky run run vì cảm động. Meyer Lansky không thể im việc Bugsy chơi xấu, lợi dụng lòng tin của chúng tôi, song anh cũng nhắc lại công lao trong quá khứ của hẳn. Mọi người nghe, nhưng không nói một lời. Lansky biết là mọi người còn gia hạn để anh thử giải quyết chuyện này. Meyer nhanh chóng rời hội nghị và bay đến California. Khi trở về, anh nói với tôi rằng không thể cảnh tỉnh nổi Bugsy nữa rồi. Hẳn mê muội con đàn bà kia tới mức mù mẫm, không chịu nghe bất cứ lời khuyên can nào.

Meyer Lansky có lý khi nói đến “công lao” của Benjamin Siegel để cố gắng cứu vãn tình thế của hẳn. Khi vừa mới chân ướt chân ráo đến California theo sự phân công của Mafia, Siegel quan sát và lập tức bắt tay làm việc. Ban đầu y cũng chưa nghĩ ra gì mới cả. Y sống bằng tổng tiền và nhanh chóng kiếm được nhiều tiền. Y đến gặp diễn viên vừa mới ký hợp đồng với chủ phim, thuyết phục anh ta tin rằng đã bị hố và tiền công là quá thấp, và khuyên anh ta phải làm gì. Đến khi các công việc chuẩn bị đã xong, đạo diễn có thể bắt đầu quay phim, chủ phim đã đầu tư một số tiền đáng kể, thì diễn viên nọ từ chối không ra trước ống kính, viện cớ bị ốm chẳng hạn. Sau đó người của Siegel đóng phim với điều kiện chủ phim phải trả thêm cho anh ta 50 ngàn dollar.

Siegel đưa cho diễn viên 10 ngàn, phần còn lại 40 ngàn hẳn bỏ túi, và cả hai đều thoả mãn. Phương pháp tổng tiền hiệu quả này được lặp lại nhiều lần không cần che giấu gì cả. Ở Hollywood người ta tiêu tiền như nước, phim mang lại những món lời kéch xù. 50 nghìn dollar, nhiều hơn hay ít đi không nghĩa lý gì cả. Những cô gái ngây thơ, trở thành ngôi sao điện ảnh sau một đêm, có khi còn không kịp đếm xem mình thu được bao nhiêu tiền. Và Ben Siegel có thể sống bám vào môi trường như vậy một cách dễ dàng. Cuối cùng y trở thành thủ lĩnh công đoàn điện ảnh, có thể lực. Và với thế

lực đó, y có khả năng thu những khoản lời tiếp theo. Y có những tên giết người riêng, đảm bảo an toàn cho mình. Khi đã đứng vững chân và nhìn ra những khả năng kinh doanh mới, y gửi báo cáo về New York và lãnh đạo hiệp hội tội ác lập tức chi viện cho y. Một trong các phụ tá của y là Mickey Cohen, một gangster ở Brooklyn hèn nhát, nhưng rất thông minh. Gã có quan hệ tốt với giới chính khách và biết phải nhờ vả ai ở California. Mới tới Hollywood, gã lập tức giới thiệu Benjamin Siegel với Arthur H. Samisit, ông vua thật sự ở California, từ trong tâm cung điều khiển mọi hoạt động bên ngoài. Đây là sự xuất quân rầm rộ của gangster lên sân khấu và sự quen biết với người thế lực nhất California đã giúp ích cho Siegel rất nhiều.

Phụ tá thứ hai của Siegel là Jack. L. Dragna, chuyên gia về các trò chơi cờ bạc. Gã trưởng thành trong xã hội Mafia và biết mọi mảnh khoé. Ở California mọi thứ cờ bạc bị nghiêm cấm, nhưng Jack Dragna không chịu bó tay. Gã mua một tàu thủy cũ, thả neo cách đất liền hơn ba dặm hải lý, ở đó pháp luật Hoa Kỳ không còn giá trị nữa. Phía dưới boong tàu được gã biến thành sòng bạc và trong các cabin, những cô gái loại một, đủ các dân tộc sẵn sàng mua vui cho khách làng chơi.

Một trong những nguồn thu nhập chính của Mafia là cá ngựa. Các chủ thầu không bao giờ chơi đẹp cả, cho nên họ có một hệ thống điện thoại và điện báo chính xác với trình độ kỹ thuật lúc bấy giờ, rất hiện đại, Ben Siegel mở rộng hệ thống này ra cả vùng California.

Đây là một kỹ xảo hiệu quả với nguyên tắc đơn giản: Ai là người đầu tiên nhận được tin tức về kết quả đua ngựa, thì người đó có khả năng thao túng trò chơi. Chủ thầu có thể giở trò lừa đảo với ticket cá ngựa. Mafia thỏa thuận với chủ nhân các hãng điện báo và điện thoại, hối lộ nhân viên, hay trả thẳng lương thứ hai cho họ. Thế là ngay khi con ngựa đầu tiên tới đích, họ dành cho Mafia những đường dây trực tiếp, làm chậm trễ điện tín của người khác, không nối liên lạc liên thành phố trước khi người của Mafia

nhường đường dây. Nhưng tới lúc đó thông tin cho bạn hàng cạnh tranh đã trở nên lạc hậu rồi.

Ben Siegel mở rộng mạng lưới thông tin sang phía tây và đặt trụ sở ở Arizona và ở Nevada. Vươn tới Las Vegas, lập tức y mở sòng bạc tư, hàng tháng mang lại cho y 20 ngàn dollar tiền lời. Phụ tá của Siegel là Mickey Cohen và Happy Helzer lập trung tâm buôn thuốc phiện ở Las Vegas, sau này thậm chí nó còn được gọi là trung tâm ma túy quốc tế. Ai mà biết được thực hư thế nào?

Có điều chắc chắn là năm 1951 ở Las Vegas, cảnh sát, FBI và các nhân viên của Narcotics Bureau (Sở Ma túy) đã bắt vài chục thương gia ma túy đưa ra tòa và 21 người trong số đó bị kết án nặng. Trong quá trình xử án, người ta biết được phần lớn nha phiến được mua ở các chợ Thổ Nhĩ Kỳ, gửi đến Mexico và bằng ô tô hay máy bay chở qua biên giới Hoa Kỳ, khi thì trong va ly của Virginia Hill, lúc khác thì trong vỏ các xitec chở xăng dầu. Sau đó nguyên liệu được chế biến trong các phòng thí nghiệm của Mafia thành loại ma túy đắt tiền. Kinh doanh phát đạt, tiền như nước chảy. Đó là những công lao của Siegel mà Meyer Lansky dùng để bào chữa cho bạn hữu trước tòa án Mafia. Lãnh đạo Mafia không quên điều đó, nhưng chúng cũng nhận thức được là Siegel, với tính do dự không quyết đoán của mình, dễ dàng làm phương hại đến uy tín và quyền lợi của mình, cũng như của cả hội. Nhưng thành công ở Hollywood đã làm lóa mắt Siegel và y tự đánh giá mình quá cao.

Vấn đề thanh trừng Ben Siegel được các sếp Mafia, với sự có mặt của Lucky Luciano và danh ca Frank Sinatra, quyết định trong đại hội Mafia tổ chức ở khách sạn National ở La Habana, vào dịp Noel năm 1946. Chúng đi tới quyết định này còn vì những nguyên nhân khác. Lãnh đạo Mafia quyết định xây dựng ở La Habana và trên toàn Cu Ba một mạng lưới sòng bạc và khách sạn cho người Mỹ. Nghe đâu Ben Siegel cũng có ý đồ tương tự. Y trở thành kẻ cạnh tranh ngay đối với tổ chức của mình. Tính hiếu danh của

y đã vượt quá giới hạn cho phép, y tự cho mình là ông trời. Y đã ngộ nhận một cách tai hại.

Tác giả tiểu thuyết nổi tiếng “Bố già” Mario Puzzo, một người chơi cờ bạc đam mê, khách quen thuộc của các casino trên thế giới và là chuyên gia trong lĩnh vực này, đã đưa ra giả thiết khác về vụ Ben Siegel. Theo quan điểm của Puzzo, Siegel rơi vào hoàn cảnh gay cấn không phải vì lỗi lầm của mình. Ngay sau chiến tranh, ở Mỹ vật liệu xây dựng rất khan hiếm, Siegel khởi công xây dựng khách sạn với sòng bạc, vào thời điểm không thuận lợi và phải mua vật liệu xây dựng ngoài chợ đen. Y gặp khó khăn, khi người ta phát hiện ra nghị sĩ Pat Mac Garan giúp y lấy bớt số vật liệu dành để xây dựng Universal Studios - xưởng phim ở Hollywood.

Hơn nữa, nghe đâu Siegel một mực muốn Flamingo phải là công trình kiên cố, như thế nó sẽ tồn tại mãi mãi trên vùng sa mạc này. Đó cũng là nội dung hợp đồng với hãng xây dựng Dell Webb. Ở Las Vegas, người ta nói với tôi rằng Flamingo là một pháo đài bê tông cốt sắt, một khách sạn kiên cố nhất trong vùng, Siegel là khách hàng không kiên nhẫn. Y nôn nóng đốc thúc thợ xây, khăng khăng đòi rút ngắn thời hạn. Hãng Dell Webb lại đặt điều kiện là phải trả tiền mặt hàng ngày, Siegel đồng ý với điều kiện kỳ quặc đó, mặc dù y không thể kiểm tra công việc hàng ngày được. Vận chuyển vật liệu cũng gặp khó khăn. Trong quyển sách “Inside Las Vegas” (hậu cung Las Vegas), Mario Puzzo khẳng định rằng Siegel tội nghiệp, tuy là gangster khét tiếng nhưng không ai còn sợ nữa, bị tất cả móc túi. Tài xế xe tải buổi sáng chở vật liệu đến, ban đêm khi trời tối quay lại công trường chất gạch và xi măng lên xe, để rồi sáng hôm sau đi đến với vật liệu ăn cắp tính lần thứ hai. Nhân viên bảo vệ tất nhiên là có phần trăm trong đó. Sau này nghe đâu một tài xế tuyên bố rằng họ làm nhưng không phải vì tiền. Vật liệu xây dựng rất khó kiếm, và họ sợ phải thú nhận với Siegel sự bất lực của mình, biết đâu Siegel lại chẳng điên tiết lên cho họ ăn kẹo đồng. Cho nên họ phải chờ mãi, vẫn những viên gạch chuyển trước. Ngẫu nhiên mà họ

kiếm lời trong vụ này, nhưng không phải vì thế mà họ chơi không đẹp với Siegel.

Cho đến nay vẫn không ai xác định được kẻ nào đã ra lệnh giết Siegel bất kham. Theo lời khai của Stacher thì trong bữa đại tiệc ở khách sạn National ở La Habana, nghe đâu Lucky Luciano gọi Lansky ra chỗ vắng và nói:

“Tôi biết, Meyer ạ, anh nghĩ toàn điều tốt lành về Bugsy. Anh coi nó như em ruột và quý nó như con trai vậy. Nhưng đây là chuyện làm ăn, Meyer à, và Bugsy đã vi phạm luật chơi. Nó lấy tiền của chúng ta đem gửi ở Thụy Sĩ. Nó lừa gạt chúng mình. Anh biết quá rõ điều đó mà”.

Vợ của Siegel là Esther xác nhận Siegel thay đổi hẳn từ khi y yêu Virginia Hill. Từ lâu y đã là kẻ hám gái dan díu với không biết bao nhiêu diễn viên Hollywood và gái nhảy. Esther bỏ qua tất cả cho y, nhưng không thể chịu nổi quan hệ của y với Hill. Đây không phải chỉ là cuộc phiêu lưu một đêm trên giường. Y sống với Virginia Hill một thời gian dài và mọi lời khuyên can, góp ý đều như nước chảy đầu vịt.

Meyer Lansky còn cố cứu gỡ cho bạn cũ. Thậm chí y còn bay tới Chicago gặp đồng nghiệp cũ Joe Epstein, người phát hiện ra Virginia Hill, từng sống với ả, và tuy từ lâu ả đã đi với người khác, hẳn vẫn cảm thấy có trách nhiệm về cuộc sống của ả. Cả tên thầu cá ngựa này cũng bó tay, và Lansky tay không trở về. Y bàn bạc với vợ Siegel và thỏa thuận để Esther xin ly dị. Biết đâu biện pháp cực đoan này chẳng làm Bugsy tỉnh ngộ. Nhưng cả nước cờ này cũng không xoay chuyển được tình thế. Esther ly dị và quay về New York, Bugsy càng được tự do hơn.

– Anh cũng biết rõ như tôi, chúng ta phải hy sinh Bugsy. - Luciano nói với Lansky trong buổi dạ hội ở La Habana và nếu anh không đủ can đảm thì chính tôi sẽ phải thực hiện án tử hình này.

– Vài phút, sau cuộc nói chuyện này, - Doc Stacher khai, - tôi nhìn thấy Meyer, không thể tin nổi, mắt anh ta rưng rưng. Tôi định hỏi chuyện gì xảy ra, nhưng sau lại thôi. Lansky lên phòng của mình, khóa cửa và ở trong đó hai tiếng. Bữa tiệc chiêu đãi Sinatra tiếp tục vắng mặt anh. Tôi định ninh, Meyer đang trải qua cuộc khủng hoảng nặng nề, nhưng mãi sau này tôi mới biết anh còn cố tìm lối thoát cho Bugsy.

Trong khi mọi người uống sâm banh mừng Sinatra, thì từ khách sạn National, Lansky gọi điện đến Cleveand và nói chuyện với giám đốc khách sạn Hollenden là Lou Rothkop. Y yêu cầu liên lạc gấp với Mickey Chona, vệ sĩ và cũng là phó sếp của Siegel. Rothkop gọi đến Los Angeles và truyền đạt cho Mickey Cohen lệnh của Lansky.

– Anh không được rời mắt khỏi Siegel, ngày cũng như đêm, nghe không Mickey. Nếu xảy ra chuyện gì với nó thì anh sẽ mất chỗ đội nón đấy.

Ngày hôm sau ở Las Vegas tiến hành lễ khánh thành trọng thể khách sạn Flamingo. Tuy còn chưa được hoàn tất, nhưng rõ ràng đây là khách sạn hạng nhất, với các phòng được bọc gỗ quý, khung cửa bằng đồng với chạm trổ tinh vi và những tấm thảm trải nhà lộng lẫy, Siegel không tiếc tiền trong giai đoạn kết thúc. Y biết cảm giác đầu tiên có ý nghĩa như thế nào. Y mời thợ mộc, thợ sơn và thợ bọc nệm từ mãi tận San Francisco, Salt Lake City và Denver, ngoài tiền lương y còn trả thêm mỗi ngày 50 dollar tiền thưởng để cho trong ngày khánh thành mọi thứ đều phải bóng lộn.

Ngày 26-12-1946, khi các sếp Mafia còn mãi yến tiệc ở La Habana, trong khách sạn National, thì Benjamin Siegel và Virginia Hill long trọng cắt băng khánh thành Flamingo. Nhiều nhân vật tên tuổi nhận được giấy mời và một số bạn bè của Siegel và Hill có đến dự. Xavier Cugat và ban nhạc trổ tài trước đám quan khách mà trong đó không thiếu các minh tinh màn bạc từ Hollywood. Đầu bếp bay tới từ Pari, mang theo cả sâm banh.

Siegel là người từng trải, y biết là không thể tin vào may rủi, nhất là trong dịp Noel. Cho nên y thuê những máy bay chở khách tốt nhất loại Constellation để chở khách quý từ Los Angeles đến Las Vegas. Nhưng số y đen đui, hôm đó thời tiết xấu tới mức máy bay không thể cất cánh được. Thế là trong bữa tiệc khánh thành và sau đó, bên các bàn chơi bạc trong Casino có nhiều ghế bỏ trống. Lễ khánh thành kết thúc thảm hại, Siegel đã tính nhầm, những ngày lễ Noel không phải là thời điểm thuận lợi cho việc khởi sự casino. Họa vô đơn chí. Tai họa tiếp tục luôn 14 ngày sau. Vài tay chơi bài sành sỏi đã ăn hết số tiền đặt của Siegel, tới hơn 100 ngàn dollar. Siegel không chịu nổi và phải đóng cửa khách sạn.

Khi biết được sự thất bại trên, Meyer Lansky còn cố cứu vớt danh dự cho Siegel. Hội đồng tối cao Mafia Hoa Kỳ lại họp ở khách sạn National và Meyer Lansky, trong vai trạng sư của Siegel, đưa ra một đề nghị thâm thúy. Có thể cứu vãn được khách sạn Flamingo, casino sẽ thu lời, Las Vegas là mỏ vàng. Ben Siegel không gặp may và phạm nhiều sai lầm. Nhưng có thể sửa chữa được. Hội được coi là chủ nhân khách sạn sẽ bán đấu giá Flamingo. Các cổ động lập nên hội mới với số vốn như cũ và mua rẻ tất cả tài sản khách sạn. Sau đó cử giám đốc mới và mở lại khách sạn. Hoàn toàn không còn nghi ngờ rằng khách sạn sẽ mang lại những món lời đáng kể. Meyer Lansky đã tính đúng, từ nhỏ y đã có giác quan nhạy cảm trong các chuyện kinh doanh.

- Tôi nghe tin đồn - Doc Stacher khai. - Bugsy Siegel bay đến La Habana, để xin Luciano và Lansky cho cơ hội lập công chuộc tội. Điều đó không đúng. Siegel không bay tới La Habana, mặc dù hẳn biết chỗ đứng của mình đã bị lung lay nhiều rồi. Hẳn thu xếp bay cùng với Virginia đến Mexico và ở đó họ cưới nhau. Tôi có cảm giác là Virginia khuyên Siegel cùng ả bay sang châu Âu. Ở đấy họ có thể sống bằng số tiền gửi trong nhà băng Thụy Sĩ. Ấy tất phải nhận thức được rằng tính mạng Bugsy đang nghìn cân treo sợi tóc. Có một điều phải công nhận: Bugsy không phải thằng hèn. Hẳn quyết định ở lại Hoa Kỳ và chịu trách nhiệm về sự thất bại. Từ Mexico

hắn bay thẳng đến Las Vegas. Trong khi đó Meyer Lansky thuyết phục được lãnh đạo Mafia cho hắn cơ hội cuối cùng: mở lại khách sạn vào tháng ba. Nếu tôi nhớ không nhầm thì trong tháng năm hắn thu được 1/4 triệu tiền lời.

Hiển nhiên là Siegel đã nhận thấy Virginia làm y bỏ bê công việc quá nhiều, cho nên y để ả đi Pari và hứa sẽ sang với ả, hay gọi ả trở về, một khi tình hình khách sạn Flamingo trở lại sáng sủa. Sau một thời gian không lâu, khách sạn thật sự đã bắt đầu làm ăn phát đạt, Ben Siegel có thể báo cáo thẳng lợi cho lãnh đạo Mafia và những người ủng hộ y thở phào nhẹ nhõm. Chính y cũng tin rằng y đã ra khỏi vòng nguy hiểm. Siegel bay đến Los Angeles, gọi điện tới Pari cho Virginia là ả có thể trở về. Tối đó y ngồi tán gẫu với Allen Milley ở phòng khách, trong biệt thự của mình ở Beverly Hills. Một buổi tối yên tĩnh và dễ chịu. Vệ sĩ Mickey Cohan vắng mặt.

Bàn nhỏ kiểu rôcôcô, gương Ý lồng trong khung mạ vàng, đi văng lớn với vải phủ hoa giống như riđô trên cửa sổ. Thảm trải nhà Ba Tư. Trong góc phòng, tượng thần tình yêu bằng đồng giương cung như sắp làm tan nát trái tim của ai đó, trên bàn một tượng tiên nữ nhỏ đứng cùng với một vài tờ báo. Họ mới uống cà phê trước đó một lát, bây giờ thì Siegel, với cảm giác thỏa mãn, thả mình xuống đi văng và cầm xem tờ nhật báo Los Angeles Times. Trên tờ báo có ghi rõ ngày 20-6-1947. Bên ngoài là màn đêm im lặng. Không có láng giềng nào tổ chức hội hè ngoài vườn cả.

Không lâu sau 10 giờ, một tiếng động chói tai phá tan bầu không khí tĩnh mịch. Cửa sổ lớn vỡ tan, mảnh bay tung tóe trên sàn nhà. Bugsy nhìn lên, nhưng lúc đó y đã trúng đạn của một tay súng lạ mặt. Theo biên bản cảnh sát, kẻ giết người đã bắn sáu phát, trong đó có hai phát tử thương. Ben Siegel vẫn ngồi trên đi văng, mặt bê bết máu, chỉ có đầu là gục xuống.

Cảnh sát nhanh chóng có mặt, điều tra, nhưng không tìm ra gì cả. Các tay súng của Murder Inc, đã hoàn tất một vụ ám sát tuyệt hảo, không một sơ suất. Không phát hiện ra dù chỉ là một dấu vết nhỏ nhất, cảnh sát đành phải

cất vụ án vào kho hồ sơ lưu trữ. Nhưng trong thế giới ngầm người ta không tranh cãi ai là kẻ bắn súng, song lại quan tâm ai là người điều khiển vụ ám sát. Câu trả lời không đơn giản và cho đến hôm nay vẫn còn không ít kẻ bị tình nghi.

Cũng tối hôm đó, hai người đàn ông ăn mặc lịch sự đi vào khách sạn Flamingo và nói với thường trực rằng họ muốn nói chuyện với giám đốc Sedway. Họ tên là Moris Rosen và Gus Greenbaum và thông báo với viên giám đốc rằng khách sạn vừa mới thay đổi chủ nhân. Ông ta đã không phải lo lắng gì cả, tất cả vẫn hoạt động như trước. Du khách chẳng hơi đâu mà quan tâm khách sạn này là của ai.

Rosen và Greenbaum là người của Lansky, làm việc cho Lansky ở Miami, ở New York và ở La Habana. Làm thế nào họ biết về cái chết của Siegel khi mà một hai giờ trước y vẫn còn sống? Nghi vấn này dẫn đến kết luận đơn giản: Chính Meyer Lansky sắp đặt giết bạn cũ của mình. Y biết rằng Siegel sẽ chết, cho nên y có thể sắp xếp chính xác việc bàn giao khách sạn cho hội mới như chính y đã đề nghị ở La Habana.

Meyer Lansky thọ nhất trong số nhưng kẻ bị nghi vấn, cho nên y có điều kiện để tự vệ. Y khẳng định là y không dính líu gì tới cái chết của Siegel. Như vậy, người duy nhất ra lệnh giết Siegel là Lucky Luciano. Chỉ có Luciano mới có thể bố trí để vệ sĩ Mickey Cohen người chịu trách nhiệm an toàn của sếp, vắng mặt tối hôm đó. Thậm chí xuất hiện cả giả thiết, không phải không có lý, rằng chính Jack Dragna nhận lệnh giết Siegel từ Luciano. Nếu điều đó đúng, thì đây là một sự lựa chọn khôn ngoan. Chả là Dragna và Siegel không ưa nhau. Dragna tự coi là chuyên gia trong lĩnh vực các trò chơi cờ bạc và gã có cảm giác là Siegel cướp nghề của mình, cho nên gã sẵn sàng trừ khử Siegel. Luciano điều khiển vụ ám sát từ Ý, hay có thể y đã ra lệnh khi còn ở La Habana.

Lansky tự bào chữa, tất cả đều cố thoát khỏi vòng tình nghi. Khi các nhân viên FBI hỏi quả phụ của kẻ bị giết, Esther tuyên bố có lợi cho Meyer

Lansky: “Tôi biết Meyer Lansky có lẽ từ năm 1926 và tôi luôn quý trọng ông ta. Khi tôi lấy chồng năm 1928, ông ta còn làm nhân chứng cho chúng tôi. Ông ta và chồng tôi là những người bạn tốt cả trong chuyện làm ăn”.

Đáng ngạc nhiên là Virginia Hill xử sự như một quả phụ đau khổ thật sự, thậm chí ả còn định tự tử. Nghe đâu Joe Epsstein gọi điện từ Chicago đến Pari báo tin dữ cho ả và yêu cầu ả tạm thời đừng về Mỹ. Hơn nữa tên bợm già còn gửi cả cho ả điếm này một khoản tiền lớn để ả có thể tiếp tục những cuộc vui trác táng ở Montmartre.

Virginia Hill lại kể hoàn toàn khác về những sự kiện.

“Một bữa tôi cùng Nickey đi du lịch đến một thành cổ không xa Pari. Ở đó có nhiều người Mỹ. Bỗng nhiên một người trong bọn họ giơ cao tờ báo và nói: Gangster Ben Siegel đã chết. Tôi không thể tin nổi điều đó. Lập tức tôi và Nickey đến tòa soạn báo New York Herald Tribune ở Pari và hỏi người biên tập đầu tiên mà chúng tôi gặp, có phải đó là sự thật không. Anh ta hỏi lại, tôi là ai. Tôi xưng tên và nói rằng tôi rất quen Siegel. Thế thì tôi không ghen chút nào với bà, anh ta nói Siegel bị giết ngay trong biệt thự của bà.

Chúng tôi đi ngay đến khách sạn Westminster, nơi chúng tôi đang tạm trú. Tôi không biết phải làm gì. Tôi gọi điện cho Nat Coiner và anh ta khuyên tôi đừng có về Mỹ. Từ lúc đó các phóng viên bám sát chân tôi. Tôi mà xuất hiện ở đâu là lập tức từ các xó xỉnh họ chạy ra. Thậm chí một ký giả còn trèo qua cửa sổ vào phòng tôi. Tôi phải đi khỏi Pari”.

“Nickey đưa tôi đến Monte Carlo. Chúng tôi sống ở khách sạn Strand. Tôi đến casino đều đặn. Tôi thắng bài luôn, nhưng tinh thần thì hạ xuống dưới không độ. Thế là tôi nuốt cả ống thuốc ngủ và tỉnh dậy trong bệnh viện. Tôi cùng Nickey quay về Pari và một lần nữa tôi uống thuốc ngủ. Lần này tôi tỉnh dậy trong bệnh viện Mỹ ở Neuilly. Ra viện, tôi bay ngay về Mỹ. Mọi thứ đối với tôi lúc này đều là vô nghĩa”.

Tất nhiên là cảnh sát và FBI hỏi cung và cho người bảo vệ ả. Chưa an tâm, ả thuê vệ sĩ tư với 60 dollar mỗi ngày. Sau đó ả hiểu là đất Mỹ quá nguy hiểm đối với phụ nữ tai tiếng như ả, một tình nhân của gangster.

“Tôi bay sang Mexico, ở đó lúc nào cũng cảm thấy dễ chịu và có nhiều người quen biết. Trong số đó, có Chato Juarez con trai bộ trưởng tài chính, Rafael Qla bí thư của Tổng thống Alemán và Chato Amesco - phi công riêng của ngài”.

Virgienia Hill chạy trốn trước quá khứ của chính mình. Giống như người bị truy nã, ả thay đổi chỗ ở liên tục. Ở bãi biển lộng lẫy Acapulco, ả sống trong khách sạn sang nhất, nhảy đêm suốt sáng trong các buổi dạ hội điên loạn của giới thượng lưu, nếm trải thêm vài cuộc phiêu lưu tình ái. Sau đó, ả quay lại Chicago, xuất hiện ở New York, bị cảnh sát theo dõi. Khi ủy ban điều tra Kefauver khởi sự công việc, ả trả lời các câu hỏi liên quan đến các hoạt động của Mafia trước ống kính tivi và cả nước Mỹ được nghe lời khai của ả. Đã từ lâu, ả không còn là người tình hấp dẫn cỡ quốc tế của gangster nữa rồi, trên màn ảnh tivi người ta chỉ thấy một phụ nữ tàn tạ, mệt mỏi, mặc dù ả mới ở tuổi 35.

Ở trung tâm thể thao mùa đông Sun Valley, ả làm quen với cựu vô địch trượt tuyết Hans Hauser, và bây giờ là huấn luyện viên cho giới thượng lưu. Sau này họ lấy nhau có một người con trai, và chuyển về sống ở Áo, nơi gia đình Hauser có một quán ăn nhỏ. Ở đó ả tự sát bằng thuốc ngủ, kết thúc cuộc đời giang hồ có một không hai của mình.

Las Vegas có các ông bầu và chuyên gia quảng cáo của nó. Họ không tiết kiệm lời, với sự hãnh diện của những Businessmen [76] thành đạt, họ công nhận rằng ngày nay Las Vegas là mỏ vàng cho các nhà kinh doanh.

Thành phố này tạo điều kiện cho mỗi người thử vận may của mình, họ nói và không quên thêm rằng, liên tục suốt năm, mỗi ngày 24 tiếng, các máy bay chở khách cỡ lớn mang đến thiên đường cờ bạc sáu triệu du khách.

Bốn triệu nữa đi đến bằng ô tô ca và xe hơi. Các khách sạn và casino thu hàng năm tới hai tỉ tiền lời. Ở Las Vegas, ngoài khách sạn Flamingo đã mọc lên hàng tá khách sạn sang trọng và hiện đại hơn nhiều. Hầu hết đều thuộc về Mafia, số còn lại thì ít ra cũng có cổ phần của gangster.

Meyer Lansky và các cố vấn kinh tế của y đã sáng tạo ra một phương pháp kinh doanh thâm thúy. Tiền thuê phòng ở khách sạn chỉ có vài dollar, thức ăn rẻ hơn bất cứ chỗ nào khác, đồ uống cũng bán với giá hạ. Nhưng từ đường phố vào nơi đón tiếp, khách phải đi qua một sòng bạc, trước cửa các nhà vệ sinh có đặt các bàn xóc đĩa, và con đường đến thợ cạo được viền bằng hai hàng máy chơi tự động. Tất cả những thứ này đều là cạm bẫy đối với túi tiền của du khách, đáng tin cậy và hiệu quả hơn các hóa đơn thanh toán giá cao. Trong phần lớn các sòng bạc, những cô chiêu đãi viên trẻ đẹp phục vụ giải khát không mất tiền. Những cốc cocktail tưởng như cho không này cũng được tính vào chi phí của khách sạn. Ở những quán ăn tự động, các bàn ăn tưởng như muốn sập vì thức ăn quá nhiều, thực khách ăn bao nhiêu tùy ý, chỉ phải trả một giá chung rất hạ vào thời kỳ khi mà ở nước Mỹ giá một bữa ăn trưa khiêm tốn là sáu dollar bữa ăn tối tử tế không dưới 10 dollar, thì một số khách sạn ở Las Vegas tính có 65 cent cho một bữa ăn tối với nhiều món. Sự hào phóng được đền bù lại gấp nhiều lần. Mánh khoé kinh doanh tuyệt vời đã mang lại những món lãi kèch xù và chính du khách lại làm quảng cáo không công cho khách sạn trên khắp thế giới.

Ở đây cũng có những khách sạn dành cho khách nhiều tiền. Một trong số đó là đại khách sạn Metro Goldwyn Mayer tiện nghi lộng lẫy nhưng thiếu thẩm mỹ, với một phòng đồ sộ một loại đèn thờ các minh tinh màn bạc. Trong tủ kính được chiếu sáng sắc sỡ người ta thấy phục sức của Marlene Dietrich [77] trong phim “Thiên thần xanh”, súng lục và thắt lưng da của cao bồi điện ảnh Reagan, đồ hóa trang của diễn viên hề nào đó và giày của Ginger Togerse [78] dùng để nhảy khi quay phim với Fred Astaire [79]. Đồ trang sức của các ngôi sao, thư tình và chữ ký. Một sự phô bày rẻ tiền, thiếu thẩm mỹ. Nhưng ở đây khách hâm mộ đi rón rén trên đầu ngón

chân, thậm chí có người còn đứng mơ màng trước các “báu vật” trong một vẻ trầm tư thần bí. Thành công của Las Vegas còn xuất phát ở chỗ, các khách sạn và sòng bạc mở cửa cho tất cả mọi người không phân biệt giàu nghèo, hữu danh hay vô danh, thậm chí cho cả người da đen và dân Pooctorico.

“Strip” là một phố dài bảy cây số, khách sạn nối tiếp Casio, ở đó người ta chơi với đủ loại tiền đặt, lớn có nhỏ có. “Casino ở châu Âu chỉ dành cho dân khá giả”, Gus Petrie từ trung tâm thông tin nói. “Chúng tôi xây dựng casino cho tất cả mọi người. Ngài có thể đến chơi với một hay một triệu dollar, trong bộ smoking sang trọng hay vận quần soóc sờn rách. Không ở đâu trên thế giới mà ngài có thể dẫn con nhỏ đến casino. Nhưng ở Las Vegas thì được. Trong khi bố mẹ chơi bài, người của chúng tôi, đã tốt nghiệp lớp đào tạo chất lượng, chăm lo chu đáo con cháu của họ”.

Ở khách sạn Cireus Cifeuss, người ta tổ chức cả một chuyến du lịch hấp dẫn suốt đêm cho trẻ em. Các nghệ sĩ hạng một giải trí cho lớp khán giả nhỏ tuổi bằng các tiết mục đặc sắc của mình, để bố mẹ của chúng có thể hoàn toàn yên tâm sát phạt nhau. Các nhân viên quảng cáo khẳng định rằng ở Las Vegas, các trò chơi cờ bạc được chơi từ thuở khai thiên lập địa. Nghe nói dân da đỏ từ lâu đã chơi một loại xóc đĩa với các con xúc xắc và những que gỗ màu. Trên địa hạt bang Nevada, các trò chơi cờ bạc được pháp luật cho phép, trừ khoảng thời gian từ năm 1910 đến năm 1930. Cho nên ngay trong thời gian chiến tranh, nhưng đặc biệt sau chiến thắng, gangster đã đổ mắt đến Las Vegas. Các gangster Gus Greenbaum, Bugsy Siegel, Moe Sedway và Israel Alderman mua ở Las Vegas câu lạc bộ ban đêm đầu tiên El Cortez, mất không bao nhiêu tiền, vì bấy giờ Las Vegas còn chưa được nhiều người biết đến, nhưng cũng mang lại cho chủ nhân một khoản tiền không nhỏ. Chúng bán lại nó với giá hời, lập nên hãng Nevada Project Corporation để lo việc đầu tư xây dựng khách sạn Flamingo.

Tất cả các cố đồng là bạn hữu của Lansky, đại diện cho quyền lợi và tiền bạc của y. Alderman là một tên cướp của giết người với quá khứ dày đặc tội lỗi. Nhiều lần cảnh sát bắt hắn, hơn mười lần hắn phải ra tòa, nhưng lần nào cũng được tha vì thiếu bằng chứng. Sedway đã từng xây dựng và điều khiển một hệ thống điện thoại và điện báo cho băng thâu cá ngựa. Alderman là người cực cẩn, không nường tay với ai bao giờ. Một lần, hai tên cướp vô danh Tonny Tomhino và Tonny Brencato đến Las Vegas và cạy két Flamingo, Alderman coi hành động của các đồng nghiệp là sự xúc phạm cá nhân. Hắn không báo cảnh sát mà đi đặt hàng một tên giết thuê tên là Jimmy Fratianno, một tay súng chuyên nghiệp chỉ biết có tiền. Jimmy tìm ra hai tên ăn cắp cò con ở Los Angeles hay ở Hollywood, khi chúng đang uống mừng chiến lợi phẩm. Hắn chờ ở ngoài quán. Sau đó không nói một lời, hắn bắn chết bọn kia và đi về nhà.

Nghe đồn Gus Greenbaum là một thiên tài tài chính. Dưới sự điều khiển của hắn, trong năm đầu tiên khách sạn Flamingo thu được bốn triệu tiền lời. Đây là khoản chính thức phải chịu thuế, như vậy trong thực tế lợi nhuận còn lớn hơn nhiều lần. Nhưng Greenbaum cũng là kẻ nghiện rượu vô phương cải tạo. Hắn uống từ khi còn ở Chicago, từ đó hắn phải chạy trốn cảnh sát đến Phoenix ở Arizona. Hắn kiếm tiền bằng buôn lậu, tổng tiền và xổ số. Greenbaum cũng còn là tay máu me cờ bạc, hắn thua thường xuyên và thua những món tiền lớn. Lãnh đạo Mafia hài lòng về công tác phục hồi khách sạn Flamingo của hắn, nhưng không vừa lòng với cách sống của hắn. Hắn bị cảnh cáo, nhưng không chịu sửa chữa mà còn uống rượu nhiều hơn.

Hắn có cả một giới thân chủ thường xuyên, người quen của hắn đi đến Las Vegas từ mãi tận Chicago và cả Phoenix. Khoảng năm 1948 hay 1950, xuất hiện ở khách sạn Flamingo cả Barry Goldwater, thị trưởng Phoenix, đại tá không lực Hoa Kỳ và cũng là bạn của Greenbaum.

Mafia Hoa Kỳ thường chơi những canh bạc lớn. Nó mua chuộc các chính khách quyền thế, ủng hộ họ khi cần thiết, thậm chí có khi còn rắc hoa

trên con đường công danh của họ. Barry Goldwater là một trong những người đó. Ở Las Vegas, y được đón tiếp như nguyên thủ quốc gia, ở trong khách sạn Flamingo không phải trả tiền. Và để trả ơn, trong máy bay tư của mình, y chở đến khách sạn những khách chơi sộp. Ở đây y làm quen với các thương gia Mỹ tên tuổi và đóng vai một nhân vật quan trọng.

Barry Moris Goldwater sinh trưởng ở thành phố Phoenix, bang Arizona. Ban đầu y theo học tại học viện quân sự ở Staunton, bang Virginia. Sau đó, trong những năm 30, y học đại học tổng hợp ở Tuscon. Tốt nghiệp, y trở thành giám đốc một hãng buôn bán của gia đình - hãng Goldwater's Inc. Y là một thương gia thành công, trong chiến tranh phục vụ trong không lực Hoa Kỳ, sau đó y giải ngũ với quân hàm đại tá, tiếp tục binh nghiệp trong lực lượng tự vệ Arizona và được phong hàm thiếu tướng. Y là một chính trị gia quan trọng của đảng Cộng hòa từ năm 1948 đến 1950, là chuyên gia về các vấn đề người da đỏ ở Bộ Nội vụ. Năm 1953, y là thượng nghị sĩ quốc hội Hoa Kỳ, đại diện bang Arizona, với quan điểm cực tả. Sau này người ta mới biết chính Mafia đã tạo điều kiện cho y leo lên bậc thang danh vọng.

Năm 1951, xuất hiện ở Las Vegas một người đàn ông trạc tuổi trung niên, dáng vẻ nghiêm túc, tên là William Nelson. Là bạn của Greenbaum, Nelson đã nhanh chóng làm quen với Goldwater và đánh giá chính xác rằng chính trị gia hiếu danh từ Arizona là con ngựa mà y có thể yên tâm đặt cá, Y hứa sẽ ủng hộ Barry Goldwater.

Ngày nay khó có thể xác minh khi nào thì Goldwater nhận ra ngài William Nelson là một nhân vật đáng ngờ. Trong thực tế y tên là Willie Bioff, đã từng là vệ sĩ và cố vấn cho gangster Al Capone khét tiếng. Chính y đề nghị vua thế giới ngầm Chicago bắt đầu trò thao túng các tổ chức công đoàn. Y liên kết với George Borwn, chúng cùng nhau lũng đoạn công đoàn quốc tế IATSE ngành kịch và điện ảnh. Chúng tổng tiền thành công không những chỉ các chủ phim và chủ kịch, mà cả người quay phim, chiếu phim,

phục vụ, và như thế, chúng bỏ túi bạc triệu. Hàng năm, Bioff nộp cho Mafia, tổ chức bảo đảm an toàn cho y.

Cảnh sát biết các mảnh khoé tội lỗi của y, nhưng không sao có được bằng chứng. Mãi đến năm 1941, trong một lần kiểm tra bất ngờ, nhân viên sở thuế liên bang phát hiện ra giấy tờ khả nghi làm phương hại y. Cảnh sát bắt đầu tra hỏi Bioff và y không còn lối thoát nào khác là phải thú nhận. Đồng thời y đã phạm một sai lầm nguy hiểm. Y bắt đầu “hát”, tiết lộ tên một số tông phạm. Không rõ các bố già Mafia đã biết được sự phản bội của y từ lúc đó, hay mãi tận mười năm sau, khi y được ra tù.

Năm 1951, ra tù, y chuyển đến hành nghề ở Las Vegas, dưới cái tên William Nelson.

Y kết bạn với Goldwater, hứa sẽ ủng hộ và tuyên truyền các mảnh khoé cai trị các tổ chức công đoàn cho ứng cử viên Tổng thống tương lai. Một lần say rượu, Greenbaum đã thú nhận là có chi mỗi tháng 500 dollar tiền tiêu vặt cho thượng nghị sĩ Goldwater. Các ký giả thuộc đảng dân chủ đã không ngần ngại sử dụng thông tin trên chống lại Goldwater, nhất là sau khi thỏa thuận Pittsburg của đảng Cộng hòa năm 1963, ở đó dưới áp lực của các chính khách thân Mafia, Goldwater được bầu làm ứng cử viên tranh cử Tổng thống với J. B. Johnson, ứng cử viên của Đảng dân chủ. Nhưng Goldwater đã phạm sai lầm tai hại trong chiến dịch vận động bầu cử. Y công kích đường lối đối nội và đối ngoại của cố tổng thống J. E. Kennedy và người kế tục là Johnson, kêu gào trở lại thời kỳ chiến tranh lạnh, cự tuyệt các quan hệ hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa, chống lại chính sách nhân đạo đối với người da đen ở Mỹ. Con điều hâu hiệu chiến thảm bại. Chiếm tuyệt đại đa số phiếu bầu, Johnson đã thắng cử.

Trong thời kỳ Goldwater được bạn bè như Gus Greenbaum và Willie giúp đỡ, cùng chúng xuất hiện ở các hãng tên tuổi ở Las Vegas, y thề thốt với tất cả những người sẵn sàng nghe y rằng đến lúc được cầm lái, y sẽ lo thu xếp hủy bỏ thuế thu nhập cao, không cho phép tăng thuế thu nhập của

giới tri thức, các quy chế về thuế má sẽ được đổi mới có lợi cho các nhà kinh doanh. Sau đó xảy ra vụ cạy két khách sạn Flamingo và cảnh sát tình nghi Gus Greenbaum đã cho giết hai tên ăn trộm. Thượng nghị sĩ Goldwater được dịp trả ơn người cứu mạng mình, Y làm chứng trước tòa có lợi cho Greenbaum: Một người lương thiện và trọng danh dự như vậy không thể thuê giết người được. Greenbaum được tòa tha bổng vì thiếu bằng chứng, một phần cũng nhờ thượng nghị sĩ Goldwater.

Năm 1958, sự nghiệp của Goldwater càng lên cao bao nhiêu thì cuộc đời của Greenbaum càng lao xuống dốc bấy nhiêu. Nhà kinh doanh kinh nghiệm đã hoàn toàn ngập sâu vào rượu chè, cờ bạc, phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác. Khách sạn Flamingo không còn thu nhập như trước. Trong lúc đó, ở Las Vegas mọc lên nhiều khách sạn với casino sang hơn, đắt tiền hơn và với kiến trúc hiện đại hơn, thu hút du khách bằng những buổi biểu diễn cỡ “thế giới” với các nghệ sĩ nổi tiếng được trả tiền công cao tới chóng mặt. Chẳng hạn Marlene Dietrich, sống bằng vinh quang một thời là minh tinh màn bạc, bỏ túi 10 ngàn dollar sau mười phút biểu diễn.

Greenbaum giải quyết khó khăn theo ý mình. Y bổ nhiệm Bioff làm bí thư và cho rằng Bioff quay lại các biện pháp đe dọa và tống tiền như đối với công đoàn. Đây là nước cờ thiếu suy nghĩ. Các boss Mafia chắc hẳn phải biết ai là ngài William Nelson, và bấy giờ chúng đã có những thông báo chính xác về sự phản bội của Bioff trở nên nguy hiểm và Greenbaum cũng vậy. Các thành viên thế giới ngầm đang ráo riết chuẩn bị báo thù kẻ phản bội. Trước đó mười năm, khi bị Bioff bán rẻ, chúng phải nộp tới một triệu dollar vì tội trốn thuế.

Sáng ngày 4-11-1958, William Nelson, tức Willie Bioff, xách cặp bước ra khỏi nhà và ngồi vào xe con đỗ trước cửa. Trong tích tắc, khi y tra khóa vào ổ và vặn, xe nổ tung, Bioff chết ngay tại chỗ. Mafia hoàn tất bản án tử hình tên phản bội.

Gus Greenbaum là một chuyên gia thương mại số một và là ông bầu thành công. Ít ra là cho đến lúc đó. Không phải tất cả các nhà kinh doanh đến Las Vegas đều có đầu óc như y. Khi y cho nổi thêm một cánh gà với phòng ở cho khách và mở rộng casino ở Flamingo, khách sạn thu về những khoản lời khổng lồ, và y trở thành mẫu mực cho những nhà kinh doanh khác. Cho nên anh em Benjamin và Samuel Cohen từ Miami mời y đến kéo hăng đang chìm của họ lên bờ. Hai thương gia này bỏ ra mười triệu dollar xây dựng khách sạn Riviera, nợ ngập đầu và bất lực nhìn công ty phá sản. Gus Greenbaum xuất hiện như vị cứu tinh và sau một thời gian ngắn, khách sạn thu nhập giống như Flamingo. Doc Stacher khẳng định rằng Greenbaum đã cử Willie Bioff là phó sếp chính ở khách sạn Riviera và như vậy, thách thức các boss Mafia thanh toán Bioff.

Greenbaum cũng không thọ lâu hơn bạn hữu bao nhiêu. Y chơi bài và uống rượu, khi không có tiền đặt, y “mượn tạm” vài chục nghìn từ két của Mafia. Các boss nhanh chóng nhận thấy rằng cả Flamingo, cả Riviera, lúc này cũng thuộc về Mafia nhờ công của Greenbaum, không còn thu nhập như trước đó nửa năm. Chúng phái người đi điều tra và biết được Greenbaum nhét một phần “công quỹ” vào túi mình. Greenbaum đã tự xóa sổ mình.

Ngày 3-12-1958, như thường lệ, Pearl Ray, bà quản trị ngôi nhà mà vợ chồng Gus Greenbaum đang sống, mang thư lên cho ngài giám đốc khách sạn Flamingo. Bước vào nhà, bà ta suýt ngất vì nhìn thấy một cảnh tượng kinh khủng. Trên giường là xác chết của Greenbaum, chân đẫm đẫm máu. Tay y bị trói chặt và sau này theo kết luận của bác sĩ, có tới 30 nhát đâm trên thân thể. Cách đó vài bước là vợ của y nằm chết với viên đạn vào trán. Trên mặt nạn nhân biểu lộ kinh hoàng tới tột độ. Hiển nhiên là trước khi chết người đàn bà bị bắt phải chứng kiến vụ xử tử chồng mình. Cảnh sát không điều tra ra tên giết người nào cả. Trong đám tang. Greenbaum, thượng nghị sĩ Goldwater đã đọc một bài diễn văn thống thiết. Y khẳng

định rằng kẻ quá cố là một người bạn tốt, một công dân Mỹ yêu nước, một thương gia trong sạch.

Ngày nay sự có mặt của Mafia ở Las Vegas được ngụy trang kín đáo. Trên phố Strip dài 7km mọc lên hàng chục khách sạn và sòng bạc. New Frontier, Sands, Silver Slipper, Desert Inn, Stardust, Thunderbird, Tropicana công khai thuộc về các hãng kinh doanh dưới những tên gọi lương thiện. Chủ nhân thực sự che dấu tung tích của mình. Có điều chắc chắn là trong những năm 50 và 60, triệu phú Howard Hughes đã mua một phần đáng kể cổ phần; ông này giấu mình trong một apartment trên sân thượng khách sạn Desert Inn, cho tới lúc biến mất không để lại dấu vết gì. Meyer Lansky và các đồng học gangster từ New York, Chicago, Miami, Detroit hay Philadelphia đều có cổ phần ở đây. Dave Berman, từng ngồi tù ở Sing Sing vì tội bắt cóc, cũng có cổ phần trong các casino. Các hộp đêm, nghe đâu giá hạ nhất mà lại chất lượng nhất thế giới, thuộc quyền sở hữu của gangster Albert Abrams. Còn Morris Rosen, lấy con gái của Ben Siegel là Millicent, hiển nhiên là kế thừa gia sản của bố vợ. Các gangster Moe Dalitz, Phil Kastell, Kleinman, Longie Zwiliman và Doc Stacher, diễn viên Hollywood George Raft và danh ca Frank Sinatra là chủ nhân hay ít ra là cổ đông trong các khách sạn ở Las Vegas.

Cả khách sạn Flamingo cũng vài lần thay đổi chủ nhân. Khi tôi đến Las Vegas, nó đang được trùng tu và du khách lại được chứng kiến thêm một chuyện giết gân. Công nhân phát hiện một kho bí mật được ngụy trang kín đáo trong tường xi măng. Ben Siegel đã giấu tiền biển thủ ở đây, trước khi mang đến cho người tình tốn kém Virginia Hill, để ả ta đi phung phí với người khác.

CON ĐỔ ĐẦU CỦA CÁC “BỐ GIÀ”

Hồ Tahoe nằm trên xa lộ 50 từ San Francisco đến Carson City, lọt giữa một vùng núi cao. Reno, thành phố cờ bạc và ăn chơi lớn thứ hai ở Mỹ mọc lên cách đó chưa tới 30 dặm. Cũng như Las Vegas, nó nằm trên lãnh địa bang Nevada, nơi các trò chơi cờ bạc được cho phép. Tahoe là một hồ lớn, một nửa thuộc về Nevada, phần còn lại nằm trên đất California.

Câu lạc bộ nhan nhản khắp nơi. Một vài nhà gỗ một tầng với bể bơi, các bar, khách sạn rẻ tiền cho khách ô tô, nhà hàng drive in, ở đó thực khách có thể ăn uống no say mà khỏi cần ra khỏi ô tô. Câu lạc bộ ở Sacramento, câu lạc bộ ở Carson City và nhiều nhất là ở trên bờ hồ phía Nevada.

Đêm 8-12-1963. Ngoài trời băng giá và gió giật, bão tuyết hoành hành đã mấy giờ đồng hồ. Tuyết phủ đầy xa lộ, quanh biên giới Nevada và California, những đụn tuyết cao làm giao thông tắc nghẽn. Trong phòng hai người đàn ông còn trẻ đang ăn cơm tối.

Bỗng có tiếng chuông điện thoại.

– Cầm máy, John, - Frank Sinatra con nói và Foss, một người chơi kèn trompet được coi là ngôi sao tương lai của nhạc Jazz, đứng dậy nhắc ống nghe.

– Foss đây.

Anh ta chờ, nhưng không ai lên tiếng.

– Đây là John Foss, Apartment Frank Sinatra. Ai gọi đó vậy?

Anh ta lại chờ một lát nữa.

– Ai vậy? - Sinatra con hỏi.

– Chắc có sự nhầm lẫn. - Foss trả lời.

Họ tiếp tục ăn và không mấy may nghi ngờ cú điện thoại vừa rồi là một sự nhầm lẫn cố ý. John Foss là nhạc công chính của ban nhạc địa phương, còn người thứ hai là con của ca sĩ Frank Sinatra danh tiếng, có lẽ được hâm mộ nhất Hoa Kỳ từ trước đến nay. Mới 19 tuổi, có giọng tốt lại sẵn tên tuổi của bố, Frank Sinatra con quyết định nối nghiệp cha.

Người quay số điện thoại khách sạn đứng cách đó không xa, bởi vì chỉ mười mười lăm phút sau họ nghe có tiếng gõ cửa.

– Ai đó? - Frank Sinatra quát to, không thèm đứng dậy.

– Phục vụ.

– Vào giờ này à?

– Dạ, tôi đi thay khăn mặt.

Cánh cửa khẽ mở, rồi bỗng bật tung vì có người đá mạnh. Hai người đàn ông xuất hiện, súng lăm lăm trong tay.

– Ngồi yên! Và im lặng. - một người nói và người thứ hai thêm:

– Không được kêu! Nếu các anh nghe lời, sẽ không có gì xảy ra cả. - Hẳn hướng nòng súng vào Sinatra con:

– Còn anh mặc quần áo vào. Cho thơm tất. Ngoài trời lạnh đấy.

Chúng gật đầu ra hiệu cho nhau. Tên lớn hơn, mũ sụp kín trán, cầm súng theo dõi Sinatra con đang miễn cưỡng mặc đồ. Tên thứ hai trói John Foss vào ghế, lấy băng dính dán chặt miệng, sau đó hẳn còn lấy khăn bịt kín mắt.

Chúng nhìn lại hiện trường lần cuối, tóm lấy Sinatra con, mỗi đứa một bên tay và tên khoác áo bludông găng gọng:

– Nếu anh ngoan ngoãn, không việc gì phải sợ. Đi yên lặng. Cấm ho he.

Chúng quan sát hành lang, sau đó chạy ra cửa sau. Phía dưới, một chiếc Chevrolet trắng đã chờ sẵn. Sinatra con để ý đó là model mới nhất, năm 1963. Những tên bắt cóc, cũng trẻ như người bị bắt, quan sát xung quanh, đẩy nạn nhân vào xe, lấy khăn bịt mắt và tài xế nổ máy. Đường đầy tuyết, nhưng xe đi với tốc độ tối đa nhờ có xích kéo.

– Con đừng sợ. Không việc gì đâu. - tên lái xe nói. - Bố con trả tiền con lại chui vào chăn ấm thôi mà.

John Foss là vận động viên điền kinh. Anh ta chờ một lát, rồi đứng dậy cùng với ghế, nằm ra đất, vịn vẹo một hồi cho đến lúc rút được một tay ra cởi trói, lập tức anh nhảy ngay đến điện thoại.

Cảnh sát báo động. Các xe vũ trang lập tức đi chốt các ngã tư. Trung ương FBI cũng phái các thám tử xuống hiện trường, vì theo luật Lindberg, bắt cóc là tội ác liên bang cho nên nó cũng thuộc về nội vụ FBI. Mạng lưới quốc lộ quanh hồ Tahoe không dày và cũng không có mấy đường vắt qua núi. Chỉ vài phút sau. Báo động, các tổ cảnh sát đã đứng canh các ngã tư. Xe cảnh sát, đèn nhấp nháy liên tục, quần nát một vùng tuyết trắng.

Những người đàn ông trong xe chevrolet trắng không nói một lời. Tài xế phải cố gắng hết sức để giữ tốc độ trong bão tuyết. Những mảnh tuyết trắng cuồn cuộn trong ánh pha dài.

– Mẹ kiếp, - tài xế bỗng nói và phanh xe lại.

Hai trăm, có thể là ba trăm mét phía trước, đèn xe cảnh sát nhấp nháy. Tài xế, bình tĩnh dừng xe và bắt đầu thực hiện biện pháp nghi binh.

– Barry, mày hãy nhảy ra và nấp trong hố. Nhưng mày hãy cởi khăn cho nó đã. Còn mày, Frankie, ngồi im nếu không muốn ăn kẹo đồng. Mày giả đồ như đang ngủ. Rõ chưa. Cấm hó hé. Cũng đừng mở miệng nếu không đó sẽ là lần nói chuyện cuối cùng của mày trên thế giới này.

Barry giấu mình sau đụn tuyết. Frank Sinatra con ngả người trên ghế đệm, mắt nhắm. Xe cảnh sát đi đến.

– Có chuyện gì đấy? - một cảnh sát hỏi tài xế đang quỳ trên bánh trước phía trái và tháo lắp gì đó.

– Cái xích chết tiệt - tài xế dùng tay nhìn lên. - Đồ dỏm mà bán cắt cổ. Cái khóa này, chốc chốc lại bật cả ra. Tức như bò đá.

Viên cảnh sát mỉm cười thông cảm. Chữa xe trong thời tiết như thế này có sung sướng gì, thế mà anh chàng lại không có găng tay, cứ gọi là tê cứng. Y nhìn vào trong xe, chỉ có một người nằm ở ghế sau.

– Ngủ như chết, - viên cảnh sát lắc đầu.

– Con ma rượu. Nó say sưa rồi nằm liền hai ngày như chết.

Viên cảnh sát lên xe.

– Sao? - đồng nghiệp sau vô - lảng hỏi anh ta.

– Hai thằng nhỏ. Một đứa say bí tỉ.

– Nhưng đây là xe chevrolet trắng, năm 1963.

– Nhưng chỉ có mỗi hai người. Tài xế và một hành khách. Thôi đi. Bão tuyết chết tiệt, tao mù cả mắt rồi này.

Barry còn chần chừ thêm một lát. Khi đèn xe cảnh sát chìm hẳn trong bóng đêm, hấn bò ra và để chắc chắn, chui vào một vali lớn. Chúng lại bật

mắt Sinatra con và để anh ta nằm trên ghế sau. Từ xa trông giống như tài xế đi có một mình. Viên cảnh sát đã phạm một sai lầm không thể tha thứ: Không lục soát “người say rượu” đang ngủ. Có thể là do thời tiết. Trong bão tuyết như đêm 8 tháng 12 bữa đó, chẳng ai muốn đứng lâu ngoài trời.

Theo xa lộ 50 từ hồ Tahoe đến Sacramento khoảng 130 dặm. Đi tiếp 80 dặm nữa là đến ngoại ô San Francisco. Trước rặng đông, xe dừng cách thành phố 30, 40 dặm gì đó. Chiếc chevrolet trắng, model 1963, biến sau cửa ga ra. Hai thanh niên và Sinatra con đi vào một nhà gỗ nhỏ. Đối với tất cả các vụ bắt cóc, và ở Mỹ loại hình tội ác này không phải là ít, các thám tử FBI đều áp dụng một bài bản giống nhau. Họ không can thiệp vào các cuộc mặc cả giá giữa người bắt cóc và thân nhân nạn nhân. Họ không để lộ mình khi theo dõi trao tiền, vì từ thực tế, họ biết như vậy sẽ nguy hại đến tính mạng con tin. Cuộc điều tra bắt đầu khi nạn nhân được thả về nhà. Theo công thức này, nhiều vụ án nổi tiếng đã đi vào lịch sử hình sự. Lần này đối thủ của những kẻ bắt cóc là triệu phú Sinatra - một ca sỹ lừng danh, một nhà kinh doanh thành công. Đây không phải là một đối thủ bình thường, Frank Sinatra có quan hệ chặt chẽ không những với giới chính trị thế lực và cả với thế giới ngầm nữa. Người ta nói rằng Sinatra cộng tác với Mafia và tổ chức này đã giúp ông ta xây dựng sự nghiệp một cách hiệu quả.

Cái tên Sinatra là một khái niệm ở Hoa Kỳ, có lẽ vì vậy mà giám đốc FBI Hoover trực tiếp chỉ huy điều tra vụ án. Các thám tử FBI lần ra dấu vết và chờ đợi những kẻ bắt cóc lên tiếng. Ngay sáng hôm sau, có tiếng chuông điện thoại trong trụ sở của Sinatra ở California, một thành phố nhỏ lộng lẫy với nhiều nhà, bể bơi, sân chơi tennis và golf. Khi người hầu da đen nhắc ống nghe, các kỹ thuật viên FBI sẵn sàng ghi âm, nhưng chờ mãi không thấy ai nói cả. Chắc có ai quay nhằm số, mọi người nghĩ thầm. Nhưng không. Các tên tội phạm lặp lại phương pháp thử liên lạc như ở khách sạn bên bờ hồ Tahoe.

Sau đó vụ án tiếp diễn giống như mọi trường hợp khác. Ngày 10 tháng 12, một người đàn ông không quen biết gọi điện thoại và yêu cầu Frank Sinatra cho nộp 240.000 dollar tiền chuộc, bằng các tờ bạc nhỏ và dùng rồi. Để cho Sinatra cha tin, chúng còn cho Sinatra con nói vài lời trong điện thoại.

Tin tức tiếp theo, người cha nhận được ở biệt thự vợ cũ, mẹ của đứa con bị bắt cóc. Ông ta phải cho một người quen mang vali dollar đến sân bay Los Angeles. Sau khi tính toán một hồi lâu, người ta quyết định phái một cảnh sát mặc thường phục đi. Dù sao thì một thám tử chuyên nghiệp cũng có giác quan phát hiện các chi tiết có thể đóng vai trò quan trọng cho việc điều tra sau này.

Người mang tiền đi tới sân bay bằng taxi. Anh ta đi vào phòng hải quan rộng lớn. Giữa văn phòng thuê xe của hãng Hertz và quầy đổi tiền National Chase Bank có một buồng điện thoại. Trong đó anh ta tìm thấy những hướng dẫn cụ thể. Trên xa lộ 15, theo hướng Pasafen có nhiều trạm xăng, nhưng sẽ có một xe ca rỗng đậu trước một trạm phía bên phải, Người chuyển tiền sẽ đặt vali dollar phía phải xe hướng ra vệ đường. Theo một tài liệu khác thì tiền chuộc được giao nhận trên bãi cỏ trước bệnh viện Veterans Administration Hospital. Những kẻ bắt cóc nhận tiền chuộc ở đâu, điều đó không mấy quan trọng. Cái chính là chúng giữ lời và trả lại tự do cho Sinatra con.

Bel Air là khu phố toàn những biệt thự của các triệu phú ở ngoại ô Los Angeles. Chỉ hai tiếng rưỡi sau khi thám tử FBI trong vai người chuyển tiền đặt vali dollar xuống chỗ giao hẹn, và chỉ một giờ sau khi anh ta quay lại biệt thự của mẹ Sinatra con, một cảnh sát viên trong xe tuần tra nghe có tiếng kêu từ trong màn đêm. Viên cảnh sát dừng xe, bật đèn và thấy một thanh niên đang chạy tới. Đó là Sinatra con.

Giám đốc FBI Hoover ra lệnh điều tra. Đầu tiên cảnh sát lục vấn người bị bắt cóc, Sinatra con tả lại hình dạng hai tên bắt cóc. Trong nhà gỗ có ba

người, chúng cãi nhau luôn và tên có vẻ là sếp không được hai tên kia phục tùng tuyệt đối. Sinatra con còn nhớ cả tên thánh của chúng: John, Joe và Barry. Tất nhiên đó có thể là biệt hiệu, nhưng như sau này ta biết đây là tên thật của chúng.

Khi các nhà báo biết tin vụ bắt cóc Sinatra con, lập tức xuất hiện các giả thiết. Những kẻ bắt cóc là ai? Tổ chức hay cá nhân? Hay là Mafia, tổ chức mà danh ca Sinatra có quan hệ chặt chẽ? Ai có đủ lý do và can đảm? Bởi vì tiền chuộc không phải là nhiều. Kẻ chuyên nghiệp có thể đòi giá cao hơn mấy lần. Chính điều này khiến có ý kiến cho rằng đây là màn kịch, điều này là chuyện thường ở Hoa Kỳ và nhất là trong giới Hollywood. Lý do cũng không ít: Một liều thuốc tiếp sức cho vinh quang đang tắt dần của Sinatra, hay là sự cảnh cáo của các “bố già” Mafia về tội không nghe lời, hay đó chỉ là một tội ác bình thường.

Khó mà kể hết các vụ áp phe của Frank Sinatra. Sau vụ bắt cóc, thậm chí xuất hiện cả giả thiết cho rằng chính “bố già” Mafia Sam Giancana, thân với gia đình Sinatra tới mức được Sinatra con Sinatra con gọi bằng chú, chở Sinatra con đến khu phố Bel Air. Sau này người ta phát hiện rằng các quan hệ giữa Sinatra và Giancana không phải là thánh thiện. Danh ca Sinatra xuất hiện ở Las Vegas trong các vụ kinh doanh lớn như là con bài của Giancana và bằng tên tuổi, danh tiếng và các quan hệ thế lực của mình, y che đậy các phi vụ bẩn thỉu của những tên tội phạm.

Trong khi các nhà báo còn tranh cãi về hậu trường vụ án thì các thám tử FBI bắt được những tên bắt cóc và đưa ra trước tòa. Barry Keenan là kẻ lười nhác. Từ nhỏ y đã tránh lao động và ở tuổi 23, y chưa có nghề nghiệp gì cả. Song y không thích sống thiếu tiền và thế là trong những đêm dài không ngủ, y vạch kế hoạch trở thành triệu phú. Joseph Amsler cũng mới 23. Tên này có nghề chính là đánh cá nhưng cũng không muốn kiếm bánh mỳ bằng mồ hôi lao động.

Barry Keenan là sếp. Y có thần kinh vững như thép, điều đó thể hiện trong lần gặp cảnh sát đêm bão tuyết. Y lớn lên trên đường phố, khát danh tiếng và cả tiền bạc, cho nên đã nghĩ ra trò bắt cóc Sinatra con.

John Irwin nhiều hơn một tuổi. Y học nghề trang trí phòng ở, nhưng lại muốn nhiều tiền mà tay chân không muốn lấm sơn, nên y đã nhập hội Keenan và đóng vai thương thuyết.

Ở Hoa Kỳ, những tên tội phạm không phải đi đâu xa để tìm hình mẫu sống. Hàng ngày báo chí tường thuật tỉ mỉ các tình tiết tội ác, và bắt cóc là tội ác có truyền thống lâu đời. Theo bài bản của những vụ án trước đó ban đầu những kẻ bắt cóc tiến hành theo dõi nạn nhân, xác định thói quen và lịch sinh hoạt hàng ngày của Sinatra con. Chúng lại gặp may khi hành động. Vụ bắt cóc nghiệp dư kết thúc thắng lợi. 240.000 dollar chui vào túi chúng một cách dễ dàng.

Nhưng sau đó các thám tử FBI, số này không phải là ít, đã truy tìm dấu vết những kẻ phạm pháp với một nhiệt tình hiếm có. Dù sao thì Sinatra cũng là danh ca được hâm mộ nhất nước Mỹ và hơn nữa, chính giám đốc FBI Hoover đích thân chỉ huy vụ này. Họ khoanh vùng khu vực nghi vấn, kiểm tra từng nhà và cuối cùng tìm ra ngôi nhà gỗ nhỏ mà những tên tội phạm thuê mượn. Chủ nhà tả lại chính xác một tên trong bọn phù hợp với các thông tin của Sinatra con, song chi tiết chính xác hơn. Mặc dầu vậy, vẫn không thấy tăm hơi lũ phạm pháp đâu cả, như thể chúng có tài độ ẩn. Thế là FBI quyết định áp dụng chiến thuật chiến tranh thần kinh, một phương pháp đã được thực tế kiểm nghiệm. Ngày lại ngày, trên báo chí xuất hiện các chi tiết về cuộc điều tra mà theo đó thì vòng vây đang được xiết chặt lại.

Những tên bắt cóc bán loạn tâm thần, John Irwin đầu hàng đầu tiên. Ngay ngày 13 tháng 12, y đã thú nhận với người anh trai. Người anh khuyên y nói mọi chuyện với cảnh sát vì tự thú sẽ được giảm nhẹ tội. John nghe lời. Ngày 7 tháng 3 năm 1964, cả ba đã phải ra trước vành móng ngựa

và chánh án kết án Amsler và Keenan tù chung thân, còn Irwin thì chỉ phải ngồi tù 16 năm.

Nhưng vụ bắt cóc Sinatra con không phải đã kết thúc. Xuất hiện tin đồn cho rằng ba thanh niên trên chỉ là những con tốt thí, đằng sau vụ bắt cóc là mâu thuẫn giữa Sinatra cha và Mafia. Thậm chí nghe đâu chính Sinatra đặt hàng bắt cóc con mình để chiếm cảm tình dư luận và tranh thủ “bảo hiểm” 240.000 dollar. Bằng vụ bắt cóc này, Sinatra muốn chứng minh là ông ta không có chung đụng gì với thế giới ngầm và chính ông ta cũng trở thành nạn nhân. Mưu đồ không thành. Ngược lại, các phóng viên lao đi điều tra và phát hiện tiếp các mối quan hệ khác giữa danh ca và Mafia. Chính hiệp hội tội ác của một danh ca và minh tinh màn bạc. Triệu phú Sinatra, bạn của Tổng thống, vua chúa và các nhà công nghiệp ketch xù phải biết ơn thích đáng Mafia. Chính Sinatra, với sự tháp tùng của anh em Fischetti, đã mang đến La Habana cho Lucky Luciano một vali hai triệu dollar, món tiền phải chằng của thuộc hạ đối với sếp.

Sinatra, tên thánh là Francis Albert, sinh ngày 15-12-1915 trong một gia đình dân cư nghèo từ Sicilie. Mẹ cậu tên là Natalie, còn bố là võ sĩ quyền anh chuyên nghiệp, sau này chuyên làm vệ sĩ cho các nhà giàu. Cậu bé lớn lên ở Hoboken, một khu phố không được sạch sẽ, văn minh cho lắm. Cậu thích chạy chơi ngoài phố hơn là mài quần trong trường học và dần dần cậu trở thành “sếp” một băng gồm những đứa trẻ cùng lứa tuyệt đối nghe lời cậu. Nếu có đứa nào dám cãi lại, Frankie sẽ “hữu nghị” giải quyết mâu thuẫn bằng nắm đấm.

Tiểu sử của các danh ca và nghệ sĩ nổi tiếng Hoa Kỳ thường được sửa đổi theo “gu” các cố vấn quảng cáo. Trong trường hợp Sinatra, sự chuyên cần và nỗ lực phi thường của chàng trai nghèo quyết tâm trở thành triệu phú được nhấn mạnh, Sinatra đã đạt được ước mơ của mình. Cho đến ngày nay ông ta là một trong những người giàu nhất ở lĩnh vực công nghiệp tiêu khiển và có chỗ đứng vững chắc giữa các ngôi sao điện ảnh Hollywood.

Khi còn nhỏ, Francis được người bà có quầy bán hoa quả nhỏ nuôi dạy. Thời gian đó, bố cậu thường tham dự các giải quyền anh với cái tên Marty Óbrian. Có thể và khâm phục người cha, hay cũng có thể vì mang dòng máu nóng Sicilie trong mình mà Francis đã nổi tiếng từ bé. Cậu sẵn sàng tham dự mọi cuộc ẩu đả và đã khiến cảnh sát để ý.

“Một lần tôi cùng lũ bạn đang đứng ở góc phố Hoboken”, - sau này Sinatra kể lại với các nhà báo. “Tôi diện bộ đồ mới tinh làm cho tất cả phải phát ghen lên. Chúng tôi không làm gì càn quấy cả. Bỗng có hai cảnh sát đi đến và hỏi chúng tôi làm gì ở đó, mặc dù họ quá rõ đấy là đường phố của chúng tôi. Các ông mù à, chúng tôi có làm chó gì đâu, tôi phải trả lời và bị họ đánh tới mức bộ đồ mới thấm đầy máu”. Nghe nói lúc đó Sinatra nghiêng răng thề trả thù. Có điều chắc chắn là cho đến ngày nay, ông ta vẫn ghét cay ghét đắng cảnh sát.

Giống như mọi người Ý khác, Frankie rất thích hát, hơn nữa cậu lại có một giọng hát du dương tình cảm. Cậu hát khắp nơi, ở nhà, trên đường phố, trong các cuộc hội hè và sau đó, trong một bar nhỏ ven đường ở New Jersey, nơi cậu làm bồi bàn. Ở đó, chỉ huy ban nhạc Harry James Band phát hiện ra năng khiếu của Sinatra và tạo điều kiện cho cậu phát triển. Chính ở nơi đây bắt đầu sự nghiệp chói ngợp của danh ca Sinatra, thần tượng của các bà, các cô. Cậu có năng khiếu lại đẹp mã, thừa lòng can đảm, dám cãi lộn nhưng cũng biết cách luồn lót. Cậu không mấy quan tâm tới khía cạnh đạo đức các hành động của mình. Mục đích biện minh cho phương tiện mà. Frank Sinatra có những đặc tính được người Mỹ đánh giá cao. Cậu được hâm mộ. Thời gian này, dàn nhạc Tomay Dorsey đã có tên tuổi và có cả khán giả nữa. Tất nhiên, chàng ca sĩ trẻ đầy hứa hẹn là miếng mồi hấp dẫn đối với bất cứ ông bầu nào. Dorsey tỏ ra khôn ngoan khi đề nghị với Sinatra một hợp đồng có lợi, còn chàng ca sĩ thì phạm sai lầm khi hạ bút ký giao kèo cho nhiều năm. Sau này khi muốn huỷ bỏ cam kết vì các đề nghị khác hấp dẫn hơn, Sinatra vấp phải bức tường không nhân nhượng của Dorsey. Không chịu bó tay, ca sĩ đi tìm bạn đồng minh khả dĩ có thể lôi anh ta ra

khỏi cảnh tù túng. Khó có thể tin rằng một ca sĩ lại liên minh với Mafia, tuy vậy rõ ràng là hiệp hội tội ác đã giúp đỡ Sinatra. “Bố già” Mafia ở New Jersey là Quarico Moretti, biệt hiệu “Willie”, đã giải quyết vấn đề theo cách của mình. Một lần, sau buổi biểu diễn, Moretti chờ Dorsey trong phòng thay đồ, và dưới áp lực của họng súng côn, y đã mua lại bản hợp đồng của Sinatra với giá tượng trưng một dollar. Frankie Sinatra được tự do, song đồng thời ca sĩ lại bị sang tên cho Mafia và dù muốn hay không, anh ta cũng đã hợp tác với tổ chức tội ác này suốt đời.

Ai có quen biết đáng kể, người đó leo cao lên các bậc thang trong xã hội. Trong trường hợp Sinatra, phải nói rằng anh ta đã chạy nước rút lên đỉnh cao chói ngời của sân khấu kịch hát. Nhưng anh ta cũng phải trả giá cho sự giúp đỡ “số mệnh” đó. Mafia đã sử dụng con bài Sinatra dưới nhiều hình thức. Danh ca nổi tiếng được coi là “người mẫu” quảng cáo dùng để quan hệ với các nhân vật tiếng tăm, để gây ảnh hưởng trong dư luận công chúng. Con tính rất đơn giản: Một người Mỹ bình thường, khi nghe hay đọc ở đâu đó rằng thần tượng hát của họ cùng hội cùng thuyền với Mafia, sẽ không tin những điều kinh khủng nói về Mafia. Anh ta sẽ tự lập luận; nếu Mafia kinh tởm như vậy thì đời nào một danh ca nổi tiếng lại đi kết bạn với các “bố già” của nó.

Một phương pháp sử dụng tên tuổi nổi tiếng nữa cũng không mấy phức tạp. Ai cũng biết Sinatra có thu nhập khổng lồ. Báo chí Mỹ không bao giờ quên ca ngợi ai đó kiếm được nhiều tiền nhanh chóng dễ dàng. Sinatra đã thu về tới nửa triệu mác chỉ sau một đêm biểu diễn ở Tây Đức. Con người giàu có và được trả lương rất hậu này có thể, thậm chí bị bắt buộc, đầu tư kinh doanh, để các tờ bạc không nằm yên một cách biếng nhác. Song không ai biết là Sinatra đầu tư không chỉ tiền của mình, mà cả của gangster Sam Giancana vì những khoản tiền trộm cướp dù sao cũng phải được hợp pháp hóa bằng các giấy tờ tài chính Sinatra còn là chủ nhân khách sạn sang trọng Sands và có cổ phần trong nhiều khách sạn và casino khác ở Las Vegas.

Khởi nghiệp như một ca sĩ vô danh với 125 dollar mỗi tuần, sau vài năm, Sinatra đã trở thành triệu phú. Dinh thự của ông ta trên bờ biển trông giống như một thành phố lồng lẩy với bến cảng và sân bay riêng cho trực thăng. Trong chiếc Boeing 707 của mình, ông ta cả bar, hai buồng ngủ và rạp chiếu phim. Ông ta cũng có địa vị và ảnh hưởng trong công nghiệp điện ảnh Hollywood. Thậm chí còn có ý kiến cho ông ta là một lãnh chủ giấu mặt trong giới phim ảnh, từ trong hậu trường quyết định số phận các diễn viên, ảnh hưởng tới sự nghiệp của các ngôi sao điện ảnh thượng hạng như Clark Cable và Gregory Peck.

Em chú bác của Sinatra là bác sĩ Thomas Sinatra kết hôn với Phullis, con gái của “bố già” Carlo Gambino, hình mẫu của nhân vật chính trong tiểu thuyết lừng danh “Bố già”. Chúng ta biết rằng Frank Sinatra đã tham dự đại hội gangster ở La Habana, rằng ông ta là bạn của Lucky Luciano và Meyer Lansky. Về các quan hệ của Sinatra với Mafia, ban đầu chỉ là những lời đồn đại, sau đó xuất hiện trên báo chí. Danh ca nổi tiếng bị các thám tử FBI, thậm chí cả ủy ban hạ nghị viện hỏi cung. Chả là khi Lucky Luciano chết bất ngờ, và đến giờ vẫn còn là điều bí ẩn, trên sân bay Neapoli, cảnh sát đã tìm thấy trong túi của y một hộp đựng thuốc lá bằng vàng với đề tặng: “To my dear pal Lucky, from his friend Frank Sinatra” [80].

Gangster Sam Giancana biệt hiệu là “Mommo” thừa hưởng cả gia tài của Al Capone khét tiếng trong khu vực Chicago và chắc chắn là y đã không phụ lòng sủng ái của mình. Y bị tình nghi là đã giết hay cho giết 55 người. Khi bị cảnh sát và FBI truy nã, y đã lần trốn trong các khách sạn của Sinatra ở Las Vegas, thậm chí sau đó y còn làm giám đốc một khách sạn và Sinatra đã hối lộ nhà chức trách chứ không dám thái hời Giancana. Hiển nhiên là ông ta không thể tự tiện vì Mafia nắm ông ta trong lòng bàn tay. Gangster ủng hộ và bảo vệ Sinatra, song đồng thời cũng tống tiền ông ta. Ủy ban điều tra quốc hội Mỹ đã xác minh là Frank Sinatra cho đến tháng tư 1962, đã ký cho anh em gangster Fischetti 71 séc với tổng chi là 38.340 dollar. Khi bị hỏi lý do, Sinatra đã từ chối không trả lời.

Năm 1972, Frank Sinatra lại được các thám tử FBI đến “thăm”. Một tên đâm chém của Mafia là Joseph Barbona biệt hiệu “Nam tước” bị xử và kết án 15 năm tù. Khi bị hỏi cung, tên này đã tiết lộ hậu trường một số phi vụ của Frank Sinatra với boss Mafia ở New Jersey là Patriarca. Đó là những vụ chuyển khoản phi pháp tuy nhiên Patriarca đã phủ nhận lời buộc tội và FBI không có bằng chứng để có thể kết tội hai bạn hàng.

Frank Sinatra đã đi vào lịch sử Hoa Kỳ như là một danh ca, một ngôi sao điện ảnh với giải “Oscar” cho vai chính trong phim “Mãi mãi từ đây”. Song ít người biết rằng Mafia đã gây áp lực bắt đạo diễn trao vai chính cho Sinatra. Lúc đầu khi người đạo diễn ngậy thơ từ chối không làm theo ý Mafia, một tối ông ta sững sốt thấy trên giường ngủ của mình chiếc đầu máu me của con ngựa yêu.

Diễn viên và ca sĩ Sinatra có các quan hệ thế lực. Một trong những bạn thân của ông ta trong giới diễn viên Hollywood, Peter Lawford, là em rể tổng thống tương lai J.F.Kennedy. Khi khởi sự chiến dịch vận động tranh cử, Kennedy tiếp nhận sự ủng hộ của Sinatra lừng danh với sự thỏa mãn hiếm có. Một nhân vật nổi tiếng như Sinatra quả là cái loa tuyên truyền hạng nhất. Sinatra đặt cược vào Kennedy và đã giúp ông ta với hết sức của mình. Sinatra nghiêm nhiên trở thành ngôi sao trung tâm của chiến dịch tranh cử. Khi Kennedy giành được quyền ứng cử, Sinatra đã tổ chức một buổi lễ với chương trình biểu diễn đặc sắc. Giá vé vào cửa dao động từ 100 đến 10.000 dollar và ông ta đã nộp tất cả 1,4 triệu dollar thu được vào quỹ bầu cử. Bởi vậy không có gì ngạc nhiên khi Kennedy nhận chức tổng thống, Nhà Trắng bao giờ cũng rộng cửa với Sinatra. Thậm chí còn có nguồn tin cho biết tân tổng thống có hứa dành cho Sinatra một ghế đại sứ quan trọng. Nhưng rồi sự đổ bể của tình bạn, hay đúng hơn là của một vụ hôn phối lý trí đã xảy ra.

Người em trai của Tổng thống là Robert Kennedy, ngay sau khi nhậm chức bộ trưởng tư pháp đã bắt đầu chiến dịch chống tổ chức tội ác ở Hoa

Kỳ. Ngày 3-8-1962, giám đốc FBI Hoover nhận được báo cáo của mật vụ FBI mang mật danh LAT-79. Theo báo cáo này, Frank Sinatra có quan hệ thường xuyên với mười “bố già” Mafia thế lực. Các cuộc hội đàm của các sếp Mafia bị ghi âm cũng khẳng định sự thật này. Những mối quan hệ mờ ám đã được lôi ra ánh sáng.

Sinatra là cộng sự viên của bố già Mafia Sam Giancana ở Chicago. Họ là chủ nhân của câu lạc bộ lộng lẫy, đắt tiền Cal Neva cho giới quý tộc ở Nevada. Chỉ có Sinatra công khai đứng lên vì Sam Giancana có tên trong sổ đen của FBI và không được phép kinh doanh khách sạn. Trường đua ngựa Berkshire bề ngoài là thuộc về Sinatra và diễn viên Hollywood Dean Martin. Nhưng các ông chủ thật sự của nó là các gangster quyền thế Caetano Luchese và Raymond Patriarca.

Sinatra còn che chở cho một gangster khác. Chúng ta đã biết rằng ông ta quan hệ với anh em Fischetti, bà con với Al Capone, có phần ăn chia trong các phi vụ mờ ám của chúng. Nhưng đây là luật có đi có lại: Khi được giúp đỡ thành công trong một chương trình biểu diễn vô tuyến, Sinatra đã đồng ý cho Joe Fischetti nhận tiền thưởng của “người phát hiện năng khiếu”.

Liên minh giữa diễn viên và ca sĩ Sinatra, với Tổng thống Kennedy không kéo dài bao nhiêu. Em trai Tổng thống là Robert Kennedy đã có trong tay các tài liệu tai tiếng. Anh em Kennedy không phải hoàn toàn liêm khiết như người ta vẫn viết về họ. Tổng thống Kennedy có tình nhân là Judith Campbell. Chính Frank Sinatra đã xe duyên cho mối tình này. Nhưng cô này đồng thời cũng là tình nhân của “bố già” Mafia Sam Giancana và em trai Tổng thống có bằng chứng về vụ này. Tổng thống bị phản bội đem lòng căm ghét Mafia và tất cả những ai liên quan tới tổ chức tội ác này, kể cả Frank Sinatra.

Ngay từ năm 1603 ở đất thánh Jerusalem đã mọc lên khách sạn “Maria Latina”. Không có gì đáng ngạc nhiên cả. Thời bấy giờ khách hành hương đã qua lại vùng này và được các tu sĩ phục vụ trong vai đầu bếp, hầu bàn và

quét dọn. Nhưng rồi trước cổng thành xuất hiện tướng Hannibal La Mã. Sau đó, những người thiên chúa giáo xây dựng lại khách sạn. Năm 1913, “giám đốc” khách sạn là Gérard được giáo hoàng đích thân trao văn bản sản nghiệp. Đó là buổi đầu khai sinh của hội hiệp sĩ Malta, một tổ chức kỳ quặc với cương lĩnh không rõ ràng nhưng lại có đặc quyền đặc lợi đáng kể. Đầu thế kỷ này, các “hiệp sĩ” định cư ở các nước châu Âu và cả châu Mỹ, chăm nom các đoàn tàu quân y; ở Praha trong thời kỳ cộng hòa thứ nhất, họ quản lý các xe cứu thương, họ làm việc như những hộ lý và có đại diện ngoại giao ở nhiều quốc gia. Một sứ giả của hội tên là Ivan Markovics, người Hungari. Ông này đi khắp nơi ở châu Âu cũng như châu Mỹ để mộ hội viên.

Đối với những kẻ giàu có, danh hiệu hiệp sĩ chắc phải rất hấp dẫn. Hội viên được quyền đeo trên cổ chữ thập Malta, ngà kim tuyến vắt qua ngực và trong túi là hộ chiếu bọc da đỏ, chi phí cho tất cả các đồ trang điểm đó khoảng 10.000 dollar. Đối với triệu phú, đây là khoản không đáng kể. Đối với Frank Sinatra cũng vậy.

Ông ta giàu có, nổi tiếng và được hâm mộ, nhưng chưa được gần mê đây, không được phong tước quý tộc và cũng không thể có hộ chiếu ngoại giao để khỏi bị những nhân viên hải quan tò mò quấy rầy. Cho nên đã lâu ông ta ao ước trở thành hội viên của cái hội đặc biệt này. Một phần có lẽ cũng để làm tấm bình phong che đậy sự hợp tác của ông ta với Mafia. Song cuộc sống sao mà éo le. Đề nghị cho Sinatra nhập hội hiệp sĩ Malta lại do chính Mafia, cụ thể là Jimmy Fratianno, một gangster tên tuổi và là một trong các boss Mafia, đưa ra.

Vào thời gian này, Fratianno là sếp Mafia ở Los Angeles và là chiến hữu của các “boss” ở Cleveland, Chicago và New York. Dưới danh nghĩa thành viên ban quản trị liên hiệp công nghiệp, các sếp gangster đều đặn gặp nhau trong các buổi họp định kỳ để giải quyết các vấn đề chung. Tuy nhiên đề nghị Sinatra trở thành hiệp sĩ, Fratianno còn có ý đồ riêng.

Nhà hát Westchester Premier Theatre có 3.500 chỗ ngồi. Các buổi hòa nhạc, biểu diễn của các ca sĩ danh tiếng thường được tổ chức ở đây. Chủ rạp là Tom Marson, song các boss Mafia lại có cổ phần. Thời kỳ này rạp hát đang bị thất thu và Jimmy Fratianno đưa ra sáng kiến để tăng doanh thu. Theo luật có đi có lại, y chuẩn bị một đề nghị với Sinatra, nhưng y tâm lý chờ đến sau lễ phong tước.

Ivan Markovics là một người oai nghiêm. Giống như hầu hết những kẻ phiêu lưu chuyên nghiệp, ông ta cư xử như các quý tộc Tây Ban Nha. Ông ta mặc trên người bộ lễ phục đắt tiền, đeo dải lụa đỏ ngang ngực và trên nền túi trắng là chữ là thập Malta bằng vàng đính kim cương. Áo khoác bằng tơ đỏ ngang vai và găng tay trắng muốt với chiếc nhẫn giống như một hoàng đế thật sự chứ không phải là một sứ giả đáng ngờ của một hội đáng ngờ.

Frank Sinatra đến dự lễ phong tước cùng với con gái và số đông bạn bè, Jimmy Fratianno ra đón ông ta tận ngoài cửa. Y ôm hôn Sinatra thăm thiết, sau đó trình trọng đưa ông ta tới chỗ Markovics. Ông này giữ trong tay văn bằng được làm từ một thứ da quý, trong đó có ghi văn bằng được làm từ ngày tháng năm này, Frank Sinatra trở thành hiệp sĩ Malta và được quyền mang băng đỏ, chữ thập Malta và hộ chiếu bọc da đỏ, đồng thời được sử dụng danh hiệu sir [\[81\]](#) Francis. Ca sĩ hài lòng mỉm cười. Ông ta đã đạt được điều mong muốn. Chỉ có một điều nhỏ làm ông mất vui. Hộ chiếu đỏ không phải hộ chiếu ngoại giao và không bảo đảm đặc quyền ngoại giao, cho nên các nhân viên hải quan vẫn sẽ tiếp tục khám xét hành lý của ông.

Sau lễ phong tước, sâm banh nổ bom nổ, rượu tràn cốc, nhưng lời tâm bốc lên chín tầng mây, nhưng đồng thời cũng là sự thực hiện giai đoạn hai kế hoạch của Fratianno. Y kéo sir Francis ra một góc và giải thích tình trạng tài chính khó khăn của hội hiệp sĩ Malta và của cả Mafia ở Los Angeles, nơi y làm “boss già”. Các hiệp sĩ và gangster cần nhiều tiền và Sinatra có thể giúp chúng bằng ba bốn buổi trình diễn ở Westchester Premier Theatre.

Sir Francis không thể, và có lẽ ông cũng không muốn từ chối. Ông ta biết rõ rằng trên thế giới này không có gì cho không cả, và thế là sau vài ngày, ông ta yêu cầu Fratianno giúp đỡ. Andy Celantano, biệt hiệu “Bandzo”, là một trong các vệ sĩ của Sinatra trở chứng gây phiền hà. Hắn chơi cá ngựa nhiều hơn làm việc, cho nên bị Sinatra thái hời. Bây giờ hắn đến và dọa sẽ kể với các nhà báo về mặt trái của Sinatra. Fratianno gật đầu, Celantano biến mất. Có thể là người ta chỉ đánh hắn một trận như tử để hắn nhận thức được rằng, sếp bao giờ cũng là sếp, là hắn khôn hồn đánh bài chuồn.

Sir Francis, bạn của tất cả các Tổng thống Mỹ còn sống và là đồng nghiệp Hollywood của diễn viên điện ảnh Ronald Reagan, nhẽ ra phải bị truy tố vì tội trốn thuế và thu nhập phi pháp 50.000 dollar. Nhưng Frankie có những quan hệ thế lực và khá nhiều tiền. Ông ta biết về các nhân vật quan trọng nhiều hơn mức cần thiết.

Thế là tất cả vẫn giữ nguyên như cũ, Ranh giới giữa cái tốt và cái xấu, cái hợp pháp và phi pháp nhiều khi quá mờ, đến mức người ta không phân biệt được. Năm 1972, khi Sinatra bị đưa ra trước ủy ban điều tra của hạ nghị viện Mỹ, ông ta phủ nhận tất cả, và người ta cũng không có đủ bằng chứng buộc tội ông.

LA HABANA

Khi ngồi trong nhà hàng “The Embers” ở Miami Beach, y cư xử như một công chức nhà băng cần mẫn với thu nhập tương đối. Khi dắt chó đi dạo trong khu phố Herzlija ở Tel Aviv, trông y giống như một kẻ hưu trí an phận. Song trong thực tế, Meyer Lansky là một nhân vật chủ chốt trong lịch sử Mafia, là người tổ chức giấu mặt mọi phi vụ tài chính quy mô. Y cũng còn là đạo diễn trong hậu trường các sự kiện chính trị, rõ ràng nhất là ở Cuba.

Hòn đảo mặt trời và các bãi biển trắng với các cô gái xinh đẹp là đất làm ăn lý tưởng của Mafia. Lansky quyết định mở rộng vương quốc của mình và xây dựng, theo mẫu Las Vegas, trên đất Cuba những casino khổng lồ, khách sạn lộng lẫy và hộp đêm tiện nghi. Nhưng y cần có một chính trị gia Cuba thế lực khả dĩ có thể ủng hộ và tạo điều kiện thực thi ý đồ Mafia. Lansky biết một người như vậy, thậm chí họ còn là bạn thân của nhau. Người đó tên là Batista và sau này đã trở thành tên độc tài khét tiếng. Đầu những năm 50, Batista sống lưu vong ở Florida.

Năm 1948, ở Cuba có sự thay đổi trong dinh tổng thống. Carlos Frio Socarrás nhậm chức Tổng thống thay cho Ramón Grau San Martin. Sự thay đổi này có lợi cho Mafia và Lansky, vì tân tổng thống là bạn của Batista, mà Batista lại là bạn của Lansky. Lansky khởi sự “chiến dịch La Habana” với sự hào phóng đặc trưng cho những triệu phú dễ dàng kiếm nhiều tiền. Y hối lộ Tổng thống một biệt thự lộng lẫy cực kỳ, trị giá hai triệu dollar, trong khi thu nhập hàng năm của Tổng thống không quá 25.000 dollar. Lansky không đầu tư thiếu tính toán.

Trước đó, y đã thông báo cho Tổng thống điều kiện của mình: Batista phải được phép trở về Cuba. Chỉ Batista mới có thể bảo đảm cho Mafia “khí hậu” thuận lợi để kinh doanh, chỉ Batista mới có khả năng duy trì trật tự trên đảo, và chỉ Batista mới bảo đảm thực hiện phương án quy mô của

Mafia. Thế là gangster và bố già Mafia Meyer Lansky đã tác động vào lịch sử Cuba và ảnh hưởng tới đường lối chính trị tương lai trên đảo.

Fulgencio Batista Zaldivar là một trong những tên độc tài nguy hiểm và tệ hại nhất vùng Caribe. Y sinh năm 1901 ở phía đông hòn đảo. Cha y là một thợ cạo lành nghề, còn y thuở thiếu thời đã từng làm thợ nề, thợ may và cũng có lúc cầm rựa chặt mía như một machetero [82] chính cống. Năm 1920 y nhập ngũ, tốt nghiệp trường hạ sĩ quan và trở thành cán bộ tham mưu của bộ tổng hành dinh. Sau đó y được Tổng thống Gerardo Machado chọn làm thư ký riêng. Trong nửa sau của những năm hai mươi, y tham gia tổ chức quân sự tiến hành đảo chính. Ngày 4-9-1933 tên độc tài Machado chạy trốn khỏi đảo, Batista được cử làm thủ tướng chính phủ và tổng chỉ huy quân đội. Từ đó cho đến năm 1939, y là “người hùng” số một và là tên độc tài quyền lực vô hạn ở Cuba. Năm 1940 y được bầu làm Tổng thống. Thắng lợi đã không tái diễn, trong đợt bầu cử năm 1944, y thất bại và đã phải đi cư trú chính trị ở Florida cho đến tận năm 1948. Ở Florida y đã thỏa thuận với Mafia và với sự ủng hộ của Meyer Lansky, một lần nữa y dẫn thân vào con đường danh vọng.

Con đường dẫn đến quyền lực của Batista đã lát bằng dollar. Meyer Lansky đã đặt cược vào con ngựa của mình bằng cả một gia sản, y làm môi giới, hối lộ bất cứ ai có thể, để tạo ra một không khí chính trị thuận lợi cho Batista. Ban đầu tình hình có vẻ không được như ý, nhưng Lansky vẫn kiên trì đầu tư. Cuối cùng, hoa mắt vì tài khoản ketch xù (có được bởi số tiền hối lộ) trong nhà băng Thụy Sĩ, đến Tổng thống Socarrás phải chạy trốn khỏi đảo và Batista lại chễm trệ trên ngôi độc tài với quyền lực vô biên. Năm 1959, bị phong trào cách mạng do Fidel Castro lãnh đạo lật đổ.

Tình báo Hoa Kỳ đã biết Meyer Lansky từ hậu trường việc chuẩn bị đổ bộ lên đảo Sicilie của Đồng minh Tây phương. Không có tổ chức tình báo nào lại rời mắt khỏi các công sự viên khi trước của mình cả, bởi vậy không phải không có lý khi nói rằng, trong khi dọn đường cho Batista trở lại Cuba,

Meyer Lansky đã nhận được chỉ thị và hướng dẫn của các ông bạn cũ. Sau này Doe Stacher khẳng định rằng Meyer Lansky đã dự một số cuộc họp với các quan chức chính phủ cao cấp và là người môi giới của Washington với tên độc tài Batista.

Lansky đã tạo ra một thế đứng thuận lợi. Ngay cả trong chính trị, quy luật có đi có lại cũng được thực hiện. Kinh nghiệm thành công từ Las Vegas tỏ ra vô cùng hữu ích: Khách sạn hạng nhất với giá hạ, nhà hàng với các món ăn hảo hạng và phục vụ khôi ngô, hộp đêm cùng với tất cả những gì liên quan tới khái niệm đó, những cuộc biểu diễn của các ngôi sao tên tuổi Hoa Kỳ. Độc tài Batista là một bạn hàng tham lam. Trong quá khứ y đã quen ăn chia với Mafia và lúc này y nghiễm nhiên trở thành một cộng sự viên ngầm. Không rõ ai là tác giả của sáng kiến này, chỉ biết người đứng đầu nhà nước và Mafia đã thỏa thuận một sự hợp tác hết sức đơn giản: Mỗi dollar đầu tư của Mafia có một dollar trong ngân sách quốc gia Cuba đi kèm. Tuy nhiên, thỏa thuận tài chính không dừng lại ở đó. Một quy ước đặc biệt giữa người đứng đầu nhà nước có nghĩa là cả chính phủ Cuba, với đại diện của hiệp hội tội ác được ký kết, đảm bảo, quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên hữu quan. Mỗi khách sạn mới, với chi phí xây dựng hơn một triệu dollar, được nghiễm nhiên cấp giấy phép “hành nghề” cờ bạc. Khách sạn với casino được giải phóng khỏi nộp thuế. Cộng hòa Cuba còn cam kết cho nhập miễn thuế từ Hoa Kỳ vật liệu xây dựng trang bị bên trong và tiện nghi khách sạn. Các nhân viên khách sạn và casino từ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không phải trả bất cứ thứ thuế nào cả.

Meyer Lansky hiểu rõ đồng nghiệp của mình. Chúng cần phải hợp pháp hóa hàng triệu dollar bất minh và Lansky tạo cho chúng cơ hội. Y mời các chiến hữu thân cận đến La Habana, dẫn chúng tham quan khách sạn và casino và cho phép chúng trở thành cổ đông. Thế rồi chiến dịch đổ bộ của Mafia Hoa Kỳ lên đảo Cuba được thực thi. Các thành viên hiệp hội tội ác đã nhanh chóng chiếm lĩnh thủ đô La Habana. Quý tử của Lansky, Jake đã nghiễm nhiên nhậm chức giám đốc National, khách sạn lâu đời nhất, đồng

thời y có trách nhiệm trông coi việc nộp tiền lời từ các sòng bạc. Bạn hữu Moe Dalitz bay đến và trở thành chủ nhân một casino lớn. Tuy nhiên gangster Santos Trafficante từ Florida đã không thành công với ý đồ xây dựng casino ở La Habana. Trafficante không được cấp giấy phép, bởi vì Meyer Lansky đã thoả thuận trước với Batista rằng y sẽ đích thân thăm tra từng người một trong lĩnh vực kinh doanh này.

Sam Tucker, giám đốc tài năng của Beverly Hills Club ở Los Angeles, cũng chuyển đến La Habana để giúp Lansky và đồng bọn cai quản các sòng bạc, hộp đêm và quán bar. Hiển nhiên là sếp lớn Lansky dành cho mình những phần béo bở nhất. Y sở hữu các khách sạn lớn Sevilla Biltmore và Habana Hilton (ngày nay là Habana Libere), đồng thời y còn bỏ ra 14 triệu dollar để xây dựng khách sạn khổng lồ Riviera. Tuy vậy, cả trong sổ sách thổ trạch, danh mục sản nghiệp và cả trong các tài khoản ngân hàng, không bao giờ xuất hiện tên Meyer Lansky.

Cuba những năm đó là của người Mỹ và Mafia. Một cầu hàng không đã nối liền đảo mặt trời với Florida cách đó chỉ có 140 cây số. Trên sân bay hiện đại mới xây, máy bay hạ cánh đều đặn, mang theo du khách Mỹ, trong đó có người chỉ đơn thuần đi nghỉ thứ bảy chủ nhật. Đảo mặt trời, một trong những thiên đường cuối cùng, đã nhanh chóng nhận biệt hiệu “nhà thổ châu Mỹ”.

Các nhà báo viết tiểu sử Lansky gồm Eisenberg, Dan và Landen có khuynh hướng nhấn mạnh các mặt tốt và hợp pháp, trong việc kinh doanh của y. Thậm chí họ còn đi xa tới mức tuyên bố: Bố già Mafia là một nhà kinh doanh tài giỏi, có thiện chí giúp đỡ nhân dân Cuba và đã giáo dục con đẻ của mình sống lương thiện như công dân kiểu mẫu Hoa Kỳ.

Bề ngoài có vẻ như thế thật. Con của Lansky là Buddy chỉ làm thường trực hay thậm chí chỉ ngồi trực điện thoại trong các khách sạn của bố ở Las Vegas, ở Florida hay ở Cuba. Nhưng đó không phải là sự khiêm tốn, bởi vì hai vị trí trên là các đầu mối thông tin. Người thường trực biết nhân vật nào

đang trọ trong khách sạn, quan hệ với ai và tại sao. Nhân viên điện thoại thì có thể nghe trộm, bởi thế người này có một vị trí đặc biệt. Ngay chính tỉ phú Aristotle Onassis thuê hẳn vi cũng làm nhân viên điện thoại trong một khách sạn sang trọng ở Buenos Aires. Ông này nghe trộm mệnh lệnh các chủ nhà băng cho các nhân viên chứng khoán, theo đó mà đầu cơ, trục lợi và bằng cách đó, có được số vốn ban đầu. Buddy Lansky và anh trai là Jake canh giữ tài sản của bố và báo động cho y biết mỗi nguy hiểm có thể đe dọa công cuộc kinh doanh. Nhưng chúng đã không tính đến khả năng Cách mạng, và chỉ nghe đến tên Fidel Castro khi mà Cách mạng đã giành được chính quyền trên toàn Cuba. Thế là trong 36 chức, chức chuẩn là hơn.

Batista gói ghém những gì gói ghém được và biến mất. Các thành viên Mafia chủ nhân khách sạn và sòng bạc nổi gót y, Meyer Lansky rời khỏi đảo bằng một trong những máy bay cuối cùng. Sau này y tuyên bố rằng trong cuộc chạy trốn hỗn loạn khỏi Cuba, y đã để lại La Habana 17 triệu dollar tiền mặt, một phần tiền lời là các sòng bạc. Quả là một điều khó tin. Nếu đúng là y còn tiền mặt thì y vẫn có thể mang theo trong chuyến bay cuối cùng. Con trai y là Jake, giám đốc khách sạn National, vẫn còn ở lại đảo. Một số nữa cũng ở lại để canh giữ của cải Mafia. Các nhân viên CIA cũng ở lại.

Tất nhiên là báo chí Mỹ lợi dụng cơ hội và thổi phồng mất mát của Mafia. Xuất hiện các con số, dự đoán của ký giả và những chuyện giật gân bịa đặt. Một trong những tin vịt đó phao đồn rằng ngay sau khi trốn khỏi Cuba, Meyer Lansky đã đến gặp những người quen cũ ở CIA với đề nghị thanh toán Fidel Castro theo bài bản của hãng Murder Inc. Nghe đâu y tin chắc rằng các tay súng nhà nghề của Mafia sẽ thừa sức giải quyết lãnh tụ Cách mạng Cuba, cách mạng sẽ tàn lụi sau cái chết của Fidel, độc tài Batista sẽ trở lại ngai vàng và Mafia sẽ quay lại với khách sạn và sòng bạc.

Trước khi tái hiện các sự kiện thật sự dẫn đến các kế hoạch ám sát Fidel Castro. Lúc bấy giờ, chúng ta hãy chú ý đến một khẳng định nữa của những

người viết tiểu sử Lansky. Họ viết rằng ngay từ những ngày đầu tiên của chính phủ Castro, Meyer Lansky đã sử dụng tất cả những ảnh hưởng chính trị của mình hòng “lật đổ chính phủ Castro”. Y đã chọn con đường vòng vèo và vô vọng. Một trong những người được Lansky đặt cá là Richard Nixon, Tổng thống Mỹ sau này. Trong những năm 50, Nixon cũng mò đến Cuba tìm cơ hội làm ăn và trước đó ông ta đã có quan hệ với Mafia. Khi còn là luật sư ở California, Nixon đã làm quen với gangster Bugs Salvatore. Sau này vệ sĩ của Siegel là Mickey Cohen có khoe khoang đã giúp Nixon vào Nhà Trắng bằng số tiền đóng góp vận động tranh cử.

Casino Sanssouci ở La Habana cũng thuộc về Meyer Lansky. Ở đây đã xảy ra một việc phiến toái đối với nhân vật thứ hai được Meyer Lansky tuyển để lật đổ chính phủ cách mạng Cuba. George Smathers là nghị viện quốc hội Hoa Kỳ, hơn nữa y còn là bạn thân của Nixon. Điều hành casino này là Norman Rothman, một người giàu kinh nghiệm và tin cậy. Nghị sĩ Smathers chơi quá mức cho phép, thua to và không có tiền trả nợ. Theo tiền lệ, Rothman dọa sẽ kiện y. Thế là luật sư và sau này là Tổng thống Nixon phải can thiệp, ông ta gọi điện tới sứ quán Mỹ yêu cầu gây áp lực để giám đốc casino từ bỏ ý đồ kiện cáo. Rothman đành phải “ngậm bồ hòn khen ngọt”. Nghe đâu Smathers trả lời bằng cách thuyết phục bạn thân là Tổng thống Mỹ John F.Kennedy bật đèn xanh cho vụ đổ bộ vũ trang lên Cuba. Nếu như đó là sự thật thì Smathers đã nhọc công vô ích. Ngày nay có quá nhiều tài liệu chứng minh rằng Tổng thống Kennedy không ngời đợi ai đến thuyết phục cả.

Đề nghị ám sát Fidel Castro lần đầu tiên được đại tá lính thủy đánh bộ Mỹ Jack Hawkins và nhân viên DDP (Deputy Directorate for Plans) [83] Jacob Esterline đưa ra. Họ tính đến việc sử dụng dân di tản Cu Ba và tung vào đảo các toán thám báo nhà nghề. Trong vụ đổ bộ lên bãi biển Girón, cách mạng Cuba đã chiến thắng huy hoàng, còn Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, CIA và cá nhân Tổng thống Kennedy đã phải nếm mùi thất bại nhục nhã.

PHƯƠNG ÁN MONGOOSE

Mongoose là tên một loại cây nhỏ nhưng vô cùng nhanh nhẹn, nó có khả năng thặng được cả rắn độc lớn. Có lẽ vì vậy mà các nhân viên mật mã Cục tình báo trung ương CIA đã lấy tên nó làm mật danh cho phương án ám sát Fidel Castro. Ở Ấn Độ, người ta nuôi mongoose trong nhà để phòng rắn độc, những người làm xiếc thường có mongoose bên cạnh khi làm trò biểu diễn với rắn hổ mang và mai gầm. Con vật bốn chân này lanh lợi và thông minh hơn đối thủ rắn, nó có thể xoay chuyển mọi tình huống. Tuy nhiên, phương án mongoose không thông minh và cũng không thực hiện nổi, cho dù CIA, với sự hợp tác của các chuyên gia sừng sỏ, đã khai thác triệt để mọi khả năng. Họ cũng không ngần ngại sử dụng khả năng cuối cùng, hợp tác với Mafia và những tên giết người chuyên nghiệp.

Lịch sử một trong những chiến dịch nhục nhã nhất, sau bao năm được giữ bí mật cẩn thận, cuối cùng đã được đưa từ bóng tối kết sắt hồ sơ lưu trữ ra ánh sáng ban ngày. Dư luận thế giới đã kịch liệt lên án sự tàn bạo và trắng trợn của chiến dịch này. Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ với sự phê chuẩn của các quan chức cao cấp nhất, kể cả tổng thống, đã thực thi đường lối khủng bố các chính trị gia của các nước có chủ quyền không ăn cánh với Mỹ.

Trong báo chí Mỹ xuất hiện các bài báo lên án các hoạt động bất hợp pháp của CIA và dư luận đòi hỏi sự giải thích. Cuối cùng, không thể lẫn tránh mãi được, chính quyền Washington buộc phải điều tra vụ việc. Tháng 11 năm 1975, ủy ban đặc biệt thượng nghị viện Hoa Kỳ gồm có đại diện của hai đảng Cộng hòa và Dân chủ đã phát hành tài liệu về hoạt động của Cục tình báo trung ương CIA. Dưới sự chủ tọa của thượng nghị sĩ Frank Church, ủy ban điều tra đã đi đến kết luận rằng CIA thật sự có dự án thủ tiêu các nhà lãnh đạo quốc gia nước ngoài với sự đồng ý của các quan chức chính phủ Hoa Kỳ. Các kế hoạch khủng bố này đã trở thành một bộ phận

của chính sách đối ngoại USA. Ủy ban điều tra đã hỏi cung các nhân chứng 60 ngày liền, các lời khai được ghi đầy tám nghìn trang và sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng các hoạt động bí mật của CIA từ năm 1959 đến 1972, Ủy ban đã đi đến kết luận rằng Cục tình báo trung ương đã cố gắng thực thi các chiến dịch mật bằng mọi phương tiện.

Giống như trong các vụ tai tiếng khác, cả trong vụ này các nhà báo đóng một vai trò không nhỏ. Mở đầu, một trong những bình luận viên có tiếng Drew Pearson nhận được một tin đáng chú ý. Luật sư Edmund Morgan thông báo cho Pearson rằng một thân chủ của ông ta tuyên bố: “Fidel Castro âm mưu ám hại Tổng thống John F.Kennedy”. Lúc đầu, nghe đâu Morgan do dự không tiết lộ tên người đưa tin, vì đó là người ủy thác của ông ta, nhưng rồi cuối cùng luật sư đã cho biết tin này được nói ra từ miệng bố già Mafia John Roselli. Drew Pearson lập tức đến Washington gặp chánh án tòa án tối cao Hoa Kỳ Earl Warren (nổi tiếng vào thời kỳ sau, khi ông làm chủ tịch ủy ban điều tra vụ ám sát Tổng thống Kennedy), ông này liền liên lạc với sếp tình báo James J. Rowley và yêu cầu thẩm tra vụ việc.

Rowley đã cố gắng hỏi cung Morgan, nhưng viên luật sư từ chối không khai. Thế là ngày 13-2-1967 Rowley thông báo tình hình cho giám đốc FBI J. Edgar Hoover. Trong khi đó, Drew Pearson quyết định công bố sự thật giật gân. Ngày 3 tháng 3, bài báo, trong đó tác giả nêu lên nghi vấn liên quan đến mục đích vụ ám sát Tổng thống ở Dallas được đăng tải. Nghe đâu em trai Tổng thống quá cố, thượng nghị sĩ và là bộ trưởng tư pháp có thể đã chuẩn y việc thực thi vụ ám sát (trong bài báo không nói rõ là ám sát ai), song kế hoạch không thành và mưu đồ “đã vòng trở lại giống như bumerang [84] và trúng phải anh trai”.

Tổng thống Johnson và Robert Kennedy liền ra lệnh cho giám đốc FBI Hoover điều tra vụ án. Ngày 20 tháng 3, hai thám tử FBI đến văn phòng luật sư Morgan để thẩm vấn. Morgan từ chối không nêu tên thân chủ nhưng lại tuyên bố rằng thông tin của thân chủ gồm có hai phần: Kế hoạch sát hại

Kennedy của Castro và sự tham gia của thân chủ trong chiến dịch của CIA với mục đích ám hại Fidel Castro. Tuyên bố này quả là hòn đá cuối cùng gây nên vụ lở tuyết dư luận. Ngay cả đối với các thám tử “chi” FBI, đây cũng là tin sét đánh. Họ khẩn trương ngày đêm lần theo dấu vết các nghi vấn khác và ngày 22 tháng 3, Tổng thống Johnson đã nhận được báo cáo về vụ luật sư Morgan và cả về hoạt động đáng ngờ của CIA. FBI thông báo cho Tổng thống biết rằng thực sự tồn tại phương án của CIA và Mafia Hoa Kỳ nhằm sát hại Fidel Castro.

Vẫn ngày hôm ấy, khi Tổng thống Johnson đã đọc xong báo cáo của FBI với nghi vấn CIA dàn dựng các vụ ám sát chính trị gia nước ngoài, thì hai đại diện cao cấp của CIA bước vào Nhà Trắng: Giám đốc Richard Helms và Nicholas de B. Katzenbach. Quả là họ có thảo luận về vấn đề tài trợ các tổ chức sinh viên phục vụ mưu đồ phá hoại của CIA, nhưng tổng thống đã yêu cầu họ báo cáo chi tiết về vai trò của CIA trong các vụ mưu sát Fidel Castro. Đây là câu hỏi khó chịu thứ nhất. Câu hỏi thứ hai liên quan đến sự tham dự của Cục tình báo trung ương và các vụ thủ tiêu các tên độc tài Ngô Đình Diệm và Trujillo ở Dominic.

CIA không giữ kín được mọi chuyện. Người ta đã xác định được nội dung của Allen Dulles - giám đốc CIA lúc bấy giờ, Richard Helms, sếp tương lai của CIA, và các sĩ quan cao cấp khác của CIA, một tướng Tây Đức, mà tên được giữ kín, đề nghị CIA thủ tiêu Tổng bí thư Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức lúc bấy giờ là Walter Ulbricht. Đại diện CIA đã bác bỏ đề nghị trên.

Trong những năm sáu mươi, cố vấn của tổng thống Mỹ về các hoạt động tình báo của USA ở ngoại quốc Robert Murphy thậm chí đã đưa ra đề nghị ám sát lãnh tụ Việt Nam Hồ Chí Minh.

“Hồ Chí Minh là cả một vấn đề. Hay không phải như vậy? - Murphy tuyên bố. - Các anh có thể bằng cách nào đó xóa sổ ông ta không? Theo chỗ tôi biết các anh có thể làm việc đó. Thế thì các anh hãy tiến hành đi!”

Trường hợp Robert Murphy được ủy ban điều tra Church bàn đến nhưng không được đưa vào báo cáo cuối cùng vì CIA đã không duyệt đề nghị của ngài cố vấn tổng thống. Điều thú vị là các quan chức cao cấp CIA đã tốn nhiều thời gian giải thích cho cố vấn tổng thống, người mà lẽ ra phải là chuyên gia trong hoạt động tình báo, tại sao không thể ám sát Hồ Chí Minh được. Cả thế giới lập tức sẽ hiểu ngay ai đã sát hại lãnh tụ Việt Nam và vì lý do gì.

Livingston Merchant là bí thư chuyên trách các vấn đề chính trị trong chính phủ Eisenhower. Ngày 3-11-1960, vào thời gian chuẩn bị đổ bộ lên Cuba, trong một cuộc họp của Ủy ban đặc biệt theo dõi các chiến dịch mật CIA, Merchant đã hỏi các sếp CIA:

“Tồn tại các kế hoạch cụ thể thủ tiêu Fidel, Raul và Che Guevara? Nếu bỗng nhiên ba người này biến khỏi bề mặt trái đất thì lãnh đạo Cuba sẽ như rắn mất đầu.”

Không lâu sau đó, thậm chí có thể trong cùng một thời điểm, CIA tiến hành việc chuẩn bị ám sát lãnh tụ cách mạng Cuba. Âm mưu của chính phủ Kennedy sát hại Fidel Castro xuất hiện chính thức từ ngày 10.8.1962, giữa thời kỳ “khủng hoảng Cuba”. Một ủy ban đặc biệt mở rộng được triệu tập đến văn phòng ngoại trưởng Mỹ Dean Rusk để nghiên cứu “Chiến dịch mongoose”. Bộ trưởng quốc phòng Robert McNamara bỏ phiếu thuận, còn giám đốc cơ quan thông tin USA Edward A. Murrow thì bỏ phiếu chống. Số còn lại bỏ phiếu trắng.

Việc chuẩn bị “chiến dịch mongoose” được giao cho một nhóm đặc biệt gồm các nhân viên CIA từng trải trong phòng Task Force W (lực lượng đặc nhiệm W). Trưởng nhóm này là William Harvey nhận lệnh trực tiếp từ Edward G. Lansdale, người được bộ trưởng tư pháp Robert Kennedy ủy nhiệm chỉ huy chiến dịch.

Năm 1962 Richard Helms được cử làm sếp CIA trong một tình hình bất lợi, cố giám đốc CIA phải từ chức sau thất bại Vịnh Con Heo và người ta chờ đợi tân giám đốc phục hồi uy tín CIA.

Ngay từ mùa thu 1961, anh em Kennedy đã ra lệnh cho giám đốc CIA xóa sổ Fidel Castro. Ý muốn tương tự cũng đã được truyền đạt tới cố giám đốc CIA McCone. Anh em Kennedy là một liên doanh mạnh. Robert Kennedy là bộ trưởng tư pháp cứng rắn, kiên quyết chống lại tổ chức tội ác và sự tham gia của các chính trị gia vào các vụ làm ăn mờ ám của thế giới ngầm. Chính ông ta đã tuyên chiến với Mafia và đang mưu đồ thôn tóm cả quyền lãnh đạo Cục tình báo trung ương.

Từ tháng 12 năm 1961, CIA vạch kế hoạch thủ tiêu Fidel Castro dưới sự giám sát trực tiếp của Nhà Trắng. Phương án đã được dự thảo ở mức chuyên môn trong hoạt động tình báo. Chiến dịch được duyệt vào loại tuyệt mật và người ta cố gắng để sao cho số người tham dự là ít nhất. Công tác bảo mật quả là hoàn hảo, chiến dịch được giữ kín hơn mười năm. Nay chúng ta biết rõ rằng cả Richard Helms cũng không thành công, anh em Kennedy thì bỏ mạng trong những hoàn cảnh bi thảm và cho đến ngày nay, vẫn chưa được giải thích thỏa đáng. Tuy vậy Helms đã thành công trong việc giữ bí mật “chiến dịch Mongoose” trước các ký giả tò mò.

Đó là một nhiệm vụ không dễ dàng chút nào, chính anh em Kennedy lại làm tiết lộ bí mật. Ngày 20.4.1964, Tổng thống Kennedy, trước thành viên của Hội các chủ báo Mỹ đã nói bóng gió về quyết định chống Cuba bằng mọi phương tiện. Tháng 12 năm 1962 ông ta đã đảm bảo với thánh giá ở Miami Beach rằng dân di cư Cuba sẽ trở lại La Habana trong khúc nhạc chiến thắng.

Sau này có ý kiến cho rằng “chiến dịch Mongoose” là dự án lớn nhất trong lịch sử CIA. Chúng ta không có điều kiện để thẩm tra ý kiến đó, có điều chắc chắn là chuyên gia lành nghề nhất đã tham dự chiến dịch, song các phương pháp thực hiện lại quá ngây thơ và vô hiệu.

CIA không nắm vững tình hình trên đảo. Họ muốn gây rối loạn phá hoại kinh tế, làm suy yếu Nhà nước mới bằng các vụ phá hoại. Việc này rất khó khăn và mạo hiểm, vì trên đảo không tồn tại một lực lượng chống đối nào cả.

Trong khi đó, anh em Kennedy lại thiếu kiên nhẫn, liên tục thúc giục CIA hoạt động. Robert Kennedy đã nói trắng ra rằng ông ta quan tâm đặc biệt đến các vụ phá hoại ở mỏ đồng Matahambre.

Joe Kennedy, bố của Robert, John, là một thương gia tài năng. Gia đình Kennedy sở hữu nhiều hãng phát đạt, trong đó có cả Hội khai thác mỏ Anaconda ở Chile. Điều này giải thích một phần các mảnh khoe hậu trường trong việc dàn dựng đảo chính và sát hại tổng thống Allende ở Chile, đồng thời nó cũng là nguyên nhân của sự quan tâm đặc biệt đến việc làm tê liệt hãng cạnh tranh ở Cuba, Matahambre nằm ở phía tây đảo. Kennedy ra lệnh cho thám báo đánh mìn các thiết bị quan trọng ở mỏ. Nghe đâu ngày nào ông ta cũng gọi điện đến trụ sở CIA hỏi chiến dịch đã tiến triển đến đâu, các toán phá hoại đã cho mìn nổ chưa. Những tên phá hoại rất cuộc không hoàn thành nhiệm vụ và mỏ vẫn làm việc liên tục.

Nhiều nguồn tư liệu cho thấy sự mù quáng hiển nhiên của “phương án Mongoose”. Ở Florida mọc lên một chi nhánh đồ sộ của CIA với 600 gián điệp tinh nhuệ, chỉ huy tương lai của ba nghìn biệt kích. Lansdale là một kẻ thực dụng già đời và y có thừa những tên phá hoại dày kinh nghiệm, có thành tích từ các chiến trường Philippines và Việt Nam, tuy vậy y vẫn không có mảy may cơ hội ở Cuba.

Trong hồ sơ của ủy ban điều tra xuất hiện vài điểm tiết lộ sự thiếu nghiêm túc và thiếu thông tin của chiến dịch. Những tên gián điệp chuẩn bị phao tin thất thiệt trong dân chúng Cuba rằng ngày phán xử cuối cùng đang đến gần. Chúa Giêsu sẽ hiện thân ở Cuba với điều kiện dân Cuba lật đổ Fidel Castro. Trong đêm Chúa hiển hiện ở Cuba, một tàu ngầm Mỹ sẽ tiến gần bờ biển Cuba, các nhân viên CIA sẽ phóng tên lửa lên trời để cho sự hạ

thể của chúa có vẻ như thật. Pháo hoa sẽ thuyết phục dân Cuba tin rằng đã bắt đầu ngày phán quyết cuối cùng. Một sáng kiến ngây thơ đến mức đó thiết tưởng không cần lời bình.

Những tốp phá hoại nhỏ thỉnh thoảng cũng đột nhập vào bờ biển Cuba và đốt phá các đồng mía. Nhưng mọi âm mưu của kẻ thù cách mạng đều bị thất bại. Trong thời kỳ gian nan đó tôi cũng có mặt ở Cuba. Cả dân tộc cảnh giác, mọi người đi làm việc đều mang theo vũ khí. Những người tình nguyện ngày đêm canh giữ bờ biển. Những tên biệt kích không có cơ hội phá hoại. Lặng lẽ tẩu thoát không bị sút đầu mẻ trán là điều may mắn lớn đối với chúng rồi. Fidel Castro đã dạy cho anh em Kennedy một bài học không lấy gì làm dễ chịu và trở thành tử thù của họ. Trong bối cảnh như vậy, áp lực ngày càng tăng của Washington đối với Task Force W là một điều dễ hiểu. Mưu sát Thủ tướng Cuba là một phương án vô liêm sỉ nhất lúc bấy giờ.

Theo hồ sơ của ủy ban điều tra Church, các nhân viên CIA đã tiến hành mưu sát lãnh tụ cách mạng Cuba ít nhất là tám lần. Thậm chí trụ sở CIA ở Langley thuộc Virginia đã treo giải thưởng 10.000 dollar cho ai dàn dựng được tai nạn xe hơi để giết em của Fidel là Raul Castro. Đầu độc bằng thức ăn tẩm thuốc độc cũng được CIA xét đến.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi các nhà kế hoạch CIA nảy ra sáng kiến sử dụng các chuyên gia giết người lành nghề. Người môi giới là đại tá Sheffield Edwards, giám đốc phòng bảo vệ CIA. Edwards liên lạc ngay với Robert Maheu, một cựu tình báo viên FBI nhiều chiến tích.

- Chúng ta có 150 ngàn cho việc này, - Edwards nói.
- Ngài nghĩ rằng món đó lớn lắm hay sao? - Maheu cười mỉm.
- Một biệt thự đấy.

– Ừ, nhưng có khi cùng là một viên đạn vào trán. Tôi sẽ tìm người cho các ngài.

Maheu đứng ra tổ chức sự hợp tác đen tối của CIA với Mafia. Ông ta khuyến CIA tìm gặp gangster từng trải John Roselli, sau đó tên này bắt liên lạc với Santos Trafficante và Sam Giancana. Bọn này đặc biệt thâm thù cách mạng Cuba và Fidel Castro, bởi vì, cho đến lúc phải vấp chân lên cổ tháo chạy, trước đây chúng đã dễ dàng kiếm được hàng triệu ở các sòng bạc La Habana.

Ngay từ tháng 10-1961, các thám báo CIA đã nếm mùi thất bại đầu tiên. Khi đó ở La Habana người ta đang chuẩn bị một cuộc mít tinh chính trị lớn trước dinh tổng thống cũ. Fidel Castro sẽ phát biểu trong buổi lễ này. Mọi người khẩn trương dựng lễ đài. Treo cờ, trưng biểu ngữ. Cách đó không xa, trên tầng tám ngôi nhà số 29 phố Avenida de las Misiones, biệt kích CIA cũng đang bố trí đặt một khẩu bazoka với mưu đồ sát hại không những Fidel Castro mà cả các nhà lãnh đạo Cuba khác tập trung trên lễ đài. Vụ ám sát đã không được thực hiện. Tên nữ gián điệp có nhiệm vụ nổ súng đã bị bắt trước lúc xảy ra sự biến, ả bị bắt quả tang khi đang đặt thuốc nổ vào cửa hàng bách hóa Sears. Bị hỏi cung, ả đã khai ra kế hoạch ám sát và tên chỉ huy Juan Izquierdo Diaz. Các chiến sĩ an ninh lập tức hành động. Một giờ sau Diaz bị bắt và khai ra đồng bọn. Tất cả nhóm biệt kích bị tóm gọn cùng với vũ khí và chất nổ.

Sau thất bại trên, CIA và Mafia từ bỏ ý đồ dùng súng và quay sang yêu cầu phòng thí nghiệm hóa học CIA chuẩn bị những điều xì gà tẩm thuốc độc với mưu đồ đầu độc Fidel trong thời gian ông tham dự hội nghị của tổ chức Liên hợp quốc. Theo cảnh sát Michael J. Murphy ở New York, thuốc nổ còn được gài vào hộp đựng xì gà. Khi mở, lập tức hộp sẽ nổ tung.

Ủy ban điều tra Church đã xác minh rằng ngày 7-10 phòng thí nghiệm CIA thực sự đã “chế biến” các điều xì gà đặc biệt dành cho Fidel. Ngoài ra, nó còn sản xuất các viên thuốc độc botulin mà tác dụng đã được thử nghiệm

trước đó ở khi. Tất cả những mặt hàng này của phòng thí nghiệm CIA đã được đại tá Edwards trao cho gangster John Roselli tại khách sạn Fontainebleau, sau đó Roselli lại chuyển hàng cho các tên khác theo các đường dây mật của Mafia. Cuối tháng hai 1961. Roselli đã gửi cho các ông chủ CIA báo cáo sau:

“Các viên botulin đã trao cho một người trong phạm vi lân cận Castro, nhưng sau đó người này đã trả lại với lý do y bị mất chức và không thể tiếp cận lãnh tụ Cuba được”.

Năm 1963, những nhà vạch kế hoạch CIA lại nghĩ tiếp một số “thực đơn” ám hại Fidel Castro. D. Fitzgerald, chỉ huy đội đặc biệt “W” có sáng kiến lợi dụng sự say mê môn thể thao bơi lặn của Fidel. Ai cũng biết Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Cuba rất thích săn cá dưới mặt biển Caribe, ông thường lặn xuống những ghềnh đá ngầm và săn các loại cá san hô bằng harpuna [85]. Ông còn nhặt cả những con sên đẹp, các vỏ sò hồng lớn, những thứ ngày càng hiếm ở vùng nước Caribe. Các kỹ thuật viên của đội đặc nhiệm đã nghiên cứu nghiêm túc phương án đặt thuốc nổ vào trong một vỏ sò không lồ để bẫy Castro.

James Donovan là một luật sư tài giỏi thường được chính phủ mời làm cố vấn trong các vụ gay gắt. Ông đã gặt hái nhiều thành công rực rỡ trong sảnh đường tòa án cũng như trong các nhiệm vụ chính thức hoặc nửa bí mật. Trước đó vài năm ông đã bào chữa xuất sắc cho tình báo viên Xô Viết Abel ở tòa án New York. Sau này ông còn xuất hiện vai người trung gian trong vụ trao đổi Abel với gián điệp Hoa Kỳ, phi công Powers. Lần này ông phải đóng một vai miễn cưỡng, chả là ông đang chuẩn bị đến La Habana để đàm phán với Fidel và các nhà lãnh đạo cao cấp khác về vấn đề trao trả tù binh trong cuộc đổ bộ thất bại lên Vịnh Con Heo.

Các kỹ thuật viên CIA tham dự chiến dịch Mongoose gói vào hành lý của Donovan một bộ đồ lặn cao su mới nhất. Luật sư sẽ trao nó cho Fidel Castro với danh nghĩa là quà biếu của Hoa Kỳ. Mặt trong của bộ đồ

lặn đã được cấy các loại vi rút nguy hiểm gây nên những bệnh hiểm nghèo vô phương cứu chữa, còn mũ và ống thở thì đã bị nhiễm vi khuẩn lao.

Luật gia James Donovan quả có mang đến La Habana một bộ đồ lặn, nhưng đó là bộ đồ khác do ông bỏ tiền túi ra mua. Bộ đồ nhiễm độc ông bỏ lại nhà. Ông không đến nổi ngây thơ như các nhân viên đặc biệt CIA, và ông hiểu rõ rằng mọi cố gắng ám hại Fidel Castro và biến Cuba thành chư hầu của Mỹ đều vô ích.

Ngày nay, các phương pháp mà gián điệp Mỹ định sử dụng hòng ngăn chặn quá trình cách mạng Cuba có vẻ nực cười. Có thể nào các nhân viên CIA lão luyện lại vô học, mù quáng và điếc lác đến mức tin rằng tên thám báo Lash sẽ đến được gần Fidel Castro để bí mật dùng xi lanh dấu trong bút bi, chích thuốc độc vào người ông?

Tất cả cố gắng đều vô ích. Liên minh với Mafia cũng không giúp gì cho CIA. Các boss Mafia tham dự chiến dịch Mongoose đều bị giết chết. Dao phủ không để lại dấu vết gì. Lại thêm một vết nhơ lên bộ mặt không lấy gì đẹp đẽ của CIA.

LIÊN DOANH CÔNG ĐOÀN MAFIA

Victor Riesel là một trong các nhà báo Mỹ nổi tiếng nhất. Từ năm 1936, ông chuyên viết về các vấn đề tổ chức tội ác. Ông góp phần đáng kể phanh phui các vụ giết người, ăn cướp và tống tiền của Mafia Hoa Kỳ. Không hề biết bao nhiêu lần ông rơi vào hoàn cảnh nguy hiểm đến tính mạng, bị những kẻ nặc danh dọa dẫm hoặc hối lộ để ông im lặng. Ông không lùi bước và tránh được tất cả mọi cạm bẫy. Năm 1958 ông lần ra dấu vết dẫn đến một vụ tai tiếng: Sự cộng tác giữa các sếp Mafia với các chính trị gia. Trên báo chí, sau đó là trong các buổi phát thanh, xuất hiện tên những kẻ tội phạm và tay sai của chúng. Dân Mỹ khâm phục lòng dũng cảm của nhà báo và ủng hộ ông.

Mọi người đều biết rằng các tổ chức công đoàn bị Mafia lũng đoạn. Ngay cả Viện các vấn đề công đoàn cũng do Giovanni Dioguardi - biệt hiệu Johnny Dio, một chuyên gia tống tiền lành nghề, một kẻ phát minh có năng lực các phương pháp thâm hiểm để lấy tiền của người khác - sáng lập và kiểm soát.

Y đã tốt nghiệp các trường gangster hệ chính quy. Buổi đầu y là sếp một băng thiếu niên lưu manh ở New York. Là một gangster tháo vát và bền bỉ, chẳng bao lâu Dioguardi trở thành một trong những tên giết người thành thạo của hãng Murder Inc. Năm 1937 y bị bắt quả tang, phải ra tòa và bị tống vào nhà đá Sing Sing. Ở đó y làm với Lepke Buchalter và được tên này bổ sung các kiến thức còn khiếm khuyết. Ra tù, Dioguardi chuyên về các tổ chức công đoàn. Dọa nạt, tra tấn và giết người là những phương tiện này thường dùng để bắt các chủ hãng và cả những người lãnh đạo công đoàn nộp tiền. Y bị chánh án điều tra gọi lên mấy lần, song lần nào sau khi hỏi cung cũng được thả về nhà. Nhưng rồi trên vũ đài tân văn xuất hiện Victor Riesel, các bài báo của ông được 192 tờ báo và tạp chí Mỹ đăng tải. Năm 1956, Riesel tìm ra tài liệu về các thủ đoạn gian lận trong liên hiệp

công đoàn cơ khí ở Long Island, nơi bố con King trị vì với bàn tay sắt. Trong thực tế, chúng tên là Koenig và làm việc cho Giovanni Dioguardi. Riesel tìm được các nhân chứng sẵn sàng khai báo và cảnh sát đã hỏi cung họ. Họ là những công nhân cảng Peter Batalis và William Wilkens. Những lời khai vào biên bản của họ đã làm cho dư luận bàng hoàng.

Để cho phát hiện của mình gây hiệu quả lớn hơn, Riesel đã mời các công nhân cảng đến đài phát thanh chuẩn bị một chương trình đặc biệt. Tối ngày 4.4.1956, chương trình này được phát ra và gây nên sự chú ý trong công chúng, đặc biệt là các boss Mafia. Sau buổi phát, Victor Riesel và nữ thư ký Bely Nevins cùng hai công nhân đi đến Broadway và cùng nhau uống cà phê ở nhà hàng “Lindy’s Restaurant”. Khoảng hai giờ sáng họ chia tay và Riesel cùng với Nevins đi đến phố 51, nơi họ để ô tô.

– Xin ông bà thương hại...

Một người ăn xin. Gã chặn đường họ, mặt cúi xuống đất, còn một tay chìa ra phía trước đáng chờ đợi. Victor Riesel tìm tiền lẻ trong túi. Nhưng chỉ đợi có thể, gã ăn mày lập tức hất cả một chai coca cola vào mặt nhà báo và biến mất. Riesel ôm mặt lăn lộn. Chai coca cola đựng đầy acid sunfuoric đậm đặc. Riesel được chở tới bệnh viện thánh Clara, ở đó mấy tuần liền ông vật lộn với cái chết. Cuối cùng, các bác sĩ cứu được ông thoát chết, song trả lại thị giác cho ông đã vượt quá khả năng của họ.

Vụ án đã gây nên một làn sóng căm phẫn trong dư luận. Riesel nhận được 750.000 bức thư biểu lộ sự đồng tình, còn Tổng thống Eisenhower đã ra lệnh cho giám đốc FBI bằng mọi phương tiện truy nã phạm nhân. Thật không dễ dàng điều tra hậu trường tội ác kinh tởm này. Mọi nơi các thám tử đều vấp phải bức tường im lặng. Tuy nhiên cuối cùng họ cũng tìm ra một vài nhân chứng sẵn sàng cung khai và nhờ vậy, chúng ta có thể dựng lại các sự kiện lúc bấy giờ.

Condolfo Miranti là chủ cửa hiệu bánh kẹo ở phía đông New York. Y không chỉ bán kem Ý, bánh gatô và các thứ đồ ngọt khác, mà đằng sau chiếc bàn mặt đá cẩm thạch hồng, y còn giải quyết các vụ làm ăn mờ ám. Tháng 3.1956, Dioguardi với sự tháp tùng của Charles Tusa, đến cửa hiệu gặp Miranti. Chúng ngồi xuống bàn, làm một châu kem Neapoli chính hiệu và đặt hàng giết người với chủ hiệu, với giá 1.000 dollar.

Maranti chỉ là người môi giới. Đơn đặt hàng được trao cho gangster Domenico Bando, và tên này lại giao tiếp cho Joseph Carlin. Cho đến gangster Abraham Telvi thì tiền công chỉ còn có 500 dollar. Người ta nói với gã rằng một việc vặt như việc trả thù sự không chung thủy không thể cao giá hơn. Bando, Carlin và Telvi chờ trước tòa nhà đài phát thanh nơi Riesel phát chương trình của mình. Khi nhà báo cùng với nữ thư ký và hai công nhân cảnh đi ra, chúng theo sát họ đến tận nhà hàng “Lindy’s Restaurant”. Sau đó một mình Telvi chờ nhà báo, còn hai tên tông phạm thì giấu mình trong ô tô ở bãi đỗ xe khoảng giữa phố 50 và phố 51.

Khi Telvi hắt acid vào mặt Riesel, lập tức gã cũng cảm thấy rất bỏng trên mặt. Một vài giọt acid đã bắn lên trán và má gã. Gã lấy tay áo chùi mặt và chạy đến bãi đỗ xe. Nhưng vào lúc ấy ở góc phố xuất hiện một tốp tuần tra. Telvi lanh lẹ biện báo rằng gã vừa bị những người lạ mặt trấn lột và gã chỉ hai công nhân cảnh. Tốp cảnh sát chạy đến chỗ Riesel còn Telvi thì chạy đến xe chờ sẵn và đồng bọn chở gã đến chỗ tình nhân Cruz để ẩn náu. Ở đó chúng biết được mặt Telvi cũng có dấu vết acid. Đối với cảnh sát, các vết sẹo đó sẽ làm bằng chứng nhận dạng khó lòng, chối cãi.

Olga de la Gruz là một phụ nữ thông minh và tính toán. Khi biết được từ tivi, ai là nạn nhân của tình nhân, ả nói với Telvi rằng gã bị bóc lột. Âm sát một nhà báo tiếng tăm như thế gã phải nhận được ít nhất là 40 ngàn, Telvi đồng ý và thế là Olga đến cửa hiệu bánh kẹo. ả gọi một cốc sinh tố và nói với chủ hiệu rằng Telvi đòi 50 ngàn dollar tiền công vụ tạt acid, không

được thiếu một chình. Miranti lắng nghe, không nói gì cả, nhẵn Telvi chịu khó chờ để y còn phải báo với cấp trên đã.

Vài ngày sau, một người đàn ông lạ mặt xuất hiện trước cửa nhà của Olga.

– Tôi đến gặp anh, - người lạ mặt nói với Telvi ở phòng khách. Sếp sai tôi đến. Cảnh sát đang truy nã anh. Anh phải đi trốn.

– Ở đâu? - Telvi hỏi.

– Ở Florida.

Họ ngồi vào chiếc xe lớn đậu trước nhà. Tài xế đi vòng vèo trong trung tâm thành phố và sau đó đi ra xa lộ. Telvi nhận ra xe không đi sân bay theo như người đưa tin và gã bắt đầu hoảng. Tuy vậy gã vẫn bình tĩnh và nảy ra một mẹo. Bỗng nhiên gã vỗ trán, yêu cầu tài xế dừng xe để gã gọi điện nói chuyện với Olga một lát. Xe dừng. Telvi đi đến điện thoại trong một hiệu tạp hóa, biến vào đám đông.

Lúc đầu gã xuất hiện chỗ bạn bè ở Ohio. Sau đó, gã bắt tăm hơi một vài tháng. Tháng 7 gã lại xuất hiện ở New York. Gã đinh ninh rằng Mafia đã quên yêu sách của gã, nhưng gã đã lầm. Ngày 18.7.1956, cảnh sát New York tìm thấy dưới cống phố Mulberry Sheet xác một người đàn ông lạ, đầu bị ba phát đạn, trên mặt có vài vết sẹo còn mới do acid sunfuric gây ra. Olga de la Cruz nhận ra nạn nhân. Đó là tình nhân Abraham Telvi của ả. Có lẽ để báo thù cho người tình, Olga đã khai một cách nhiệt tình tất cả những gì ả biết về vụ án.

Thứ sáu 16.8.1956 là một ngày đen đui đối với các gangster Miranti, Carlin, Bando và anh em Dioguardi. Cả bọn bị bắt giữ. Chúng im lặng trước chánh án điều tra, trước hội đồng dự thẩm cũng vậy. Mọi hứa hẹn, đe dọa đều vô hiệu. Domenico Bando tuyên bố không khai, còn Gondolfo Miranti thì hoàn toàn không mở miệng. Nữ nhân chứng không đến và thế là cả bọn

được thả vì thiếu chứng cứ. Mãi hai năm sau Dioguardi mới phải vào nhà đá, khi mà y bị kết án 15 năm tù vì tội trốn thuế.

Sau này người ta điều tra ra các mối liên quan khác. Trong vụ này Dioguardi chỉ là người trung gian. Tội nhân thật sự là chủ tịch công đoàn các tài xế Jimmy Hoffa, một người giàu có và thế lực, nhưng cũng rất tàn nhẫn, tội ác của y bị Riesel vạch trần trong các buổi phát thanh của mình. Đó là một trong nhân vật cỡ lớn của tổ chức tội ác Hoa Kỳ và một thời gian dài không ai làm gì nổi y. Mãi sau này y mới bị Robert Kennedy hạ đo ván.

International Brotherhood of Teamsters - Nghiệp đoàn quốc tế lái xe, hay còn gọi là Teamsters Union – Liên đoàn lái xe là một trong các hội công đoàn lâu đời nhất châu Mỹ. Hội này được thành lập vào thời buổi thịnh hành của xe ngựa và vẫn giữ nguyên tên cũ khi các thành viên của nó, thay các bác xà ích, là các tài xế xe tải, xe hơi và xe cứu thương. Ngay từ đầu nó đã là một tổ chức tai tiếng. Trong thời kỳ cấm rượu, gangster đã cai quản tổ chức Union có nhiều thành viên cho nên công quỹ rất lớn. Người ta đã làm gì với hàng triệu và sau này là hàng tỉ dollar tiền công đoàn phí? Một phần thì bị các lãnh đạo công đoàn thụt két chia nhau, một phần bị Mafia dùng để hối lộ, mua hàng hay đầu tư xây dựng các sòng bạc.

Khi được cử làm chủ tịch Ủy ban điều tra thượng nghị viện, John L. McClellan đã cùng với Robert Kennedy lần theo dấu vết tội phạm của các sếp Teamsters Union. Trưởng chi nhánh công đoàn ở thành phố Seattle là Frank Brewster, ủy ban điều tra có các bằng chứng về sự thụt két công đoàn có hệ thống của tên vô lại Dave Beck, chủ tịch của Teamsters Union ở Seattle. So với mức sống bình thường, y như sống ở thiên đường, chỉ ít như tổng giám đốc một liên hiệp xí nghiệp công nghiệp. Lương chính thức hàng năm của y là 50 ngàn dollar, một khoản không nhỏ vào năm 1956. Lương giám đốc đối với Beck còn quá ít, y đã lấy 163.000 dollar tiền công đoàn để xây cho mình một biệt thự lộng lẫy. Robert Kennedy và cố vấn của ông ta tìm thấy

các hóa đơn mua giường tủ, áo quần, đồ trang sức, vật dụng nhà bếp, máy giặt và tủ lạnh. Tất cả mọi thứ, Beck đều sắm bằng tiền công quỹ.

Quan điểm của Beck đối với các thành viên của Ủy ban điều tra đúng là kiểu Mỹ chính hiệu. Tên lừa đảo hoàn toàn không thèm nói chuyện với các nhân viên Ủy ban, y không cho biển thủ là phạm tội, không ai khiến các ngài nghị sĩ thò mũi vào tiền nong công đoàn, đã có chủ tịch công đoàn chịu trách nhiệm trước các công đoàn viên.

– Tôi sẽ yêu cầu nhà chức trách đuổi những kẻ đánh hơi này về nhà, - y dọa dẫm.

Beck không dọa nạt suông, Ủy ban điều tra thượng nghị viện, được ủy nhiệm điều tra việc biển thủ quỹ công đoàn, tuy không bị gọi về Washington, nhưng Beck không thể làm việc được, vì không một ai ở Seattle sẵn sàng giúp Robert Kennedy. Nhà băng, nơi các sếp Teamsters Union có tài khoản mật đóng cửa trước mũi các nhân viên điều tra. Hóa đơn chi tiêu, chứng từ thủ quỹ bỗng không cánh mà bay. Có lẽ tới hơn trăm luật sư được thuê để ngăn chặn bất cứ ai muốn nhìn vào ngăn kéo những tên ăn cắp.

Các sếp Teamsters Union thậm chí còn sử dụng chính trị để bóp méo hoạt động của ủy ban Mc Clellan. Trên báo chí đã nhanh chóng xuất hiện các bài báo, trong đó những tên bồi bút lên án những người điều tra vi phạm quyền lợi của giai cấp công nhân, coi họ là kẻ thù của tiến bộ đang đe dọa nền dân chủ Mỹ và bôi nhọ uy tín các tổ chức công nhân. Thậm chí chúng còn đe dọa sẽ tổ chức bãi công.

Tình hình quả là bất lợi, ủy ban điều tra Mc Clellan buộc phải quay về Washington và yêu cầu Quốc hội ủy nhiệm quyền lợi đặc biệt để có thể tiếp tục điều tra. Song chẳng bao lâu sau đó, một sự may mắn đã lật ngược thế cờ. Đối phương đã đi một nước thiếu suy nghĩ. Trong bài phỏng vấn của tạp chí “Le Figaro littéraire”, thượng nghị sĩ Kennedy kể lại:

“Chiều ngày 13-2-1957, một người đàn ông tuổi chừng 40 đến văn phòng chúng tôi. Ông ta xử sự rất lịch thiệp. Cô thư ký trình tôi xem tấm danh thiếp: John Cye Cheasty, trạng sư. Tôi liền mời ông ta vào.

Ông ta ngồi xuống ghế xa lông đen đối diện với tôi và thông báo rằng James Hoffa (chủ tịch Teamsters Union lúc đó) ứng trước cho ông 1.000 dollar để ông điều tra và cung cấp tin tức điều tra cho y. Cheasty nhận tiền và đến gặp tôi.

Đã một thời Cheasty làm việc ở cục tình báo hải quân. Bây giờ ông ta có văn phòng luật sư ở New York. Ông ta biết Hoffa qua đồng nghiệp Human Fishbach. Một thân chủ của Fishbach muốn quan hệ với thành viên nào đó của ủy ban Mc Clellan. Cho nên Fishbach mới hỏi Cheasty có quen ai không và ông có thể xin làm việc trong ủy ban được không. Đó là những câu hỏi không bình thường làm cho Cheasty phải cảnh giác. Trước hết, ông hỏi tên thân chủ Fishbach và được biết đó là James Hoffa ở Detroit. Hoffa mời Cheasty đến Detroit để thỏa thuận các điều kiện.

Cheasty, Fishbach liền bay đến Detroit. Xuống sân bay, họ lập tức được đưa đến văn phòng của Hoffa. Hoffa trao cho Cheasty 1.000 dollar và hứa sẽ trả mỗi tháng 2.000 nếu Cheasty lọt được vào chỗ chúng tôi. Ngay sau khi trở về, Cheasty liền đến khai báo.

Trong khi nói chuyện, tôi hiểu đây là người trọng danh dự hơn tiền bạc. Không gì dễ hơn việc lấy 1.000 dollar của Hoff rồi sau đó nói với y là không kiếm được việc làm trong ủy ban chúng tôi. Hay là ông ta cũng có thể im lặng làm việc chỗ chúng tôi và cung cấp tin tức cho Hoffa kiếm mỗi tháng 2.000 dollar. Khi đến gặp tôi, ông ta không được gì cả, ngược lại chỉ có mất đi. Ông ta có thể chứng nhận công khai rằng Hoffa định hối lộ nhân viên điều tra, chắc chắn đây là một cử chỉ cao thượng, nhưng như vậy, là luật sư, ông sẽ gặp nhiều điều khó chịu. Tuy nhiên, khi đến với chúng tôi, sự nghiệp trạng sư của ông cũng bị đe dọa, bởi vì thân chủ thường tránh những trạng sư không giữ bí mật nhà nghề.

Chúng tôi gọi điện cho Edgar Hoover. Ông này xuất hiện sau vài phút và nhận bàn giao điều khiển chiến dịch. Ngay tối hôm đó, các nhân viên FBI thẩm vấn Cheasty và sau khi thảo luận với Bộ tư pháp, chúng tôi quyết định tạo điều kiện cho Cheasty làm việc trong ủy ban điều tra và như vậy, thỏa mãn ý đồ của Hoffa. Cho đến thời điểm đó cả Hoffa, cả luật sư Fishbach chưa làm gì phi pháp. Lời khai của Cheasty chưa đủ. Chúng tôi cần phải có bằng chứng rằng Hoffa thật sự đòi hỏi Cheasty cung cấp tài liệu của Ủy ban.

Cheasty đồng ý với kế hoạch đó, mặc dù đối với ông ta, điều đó nghĩa là mất mát vật chất và vị trí bất lợi cho tương lai, ông ta phải từ bỏ thu nhập từ các thân chủ và thu nhập đó chắc chắn cao hơn nhiều so với 5.000 dollar mỗi năm mà ủy ban có thể trả cho ông.

Cheasty trở thành cố vấn của ủy ban Mc Clellan. Ngày 14-2, ông ta cam kết trung thành và sau đó quay lại New York chờ Hoffa và Fishbach. Hoffa thực sự đòi cung cấp tin tức. Tôi trao tài liệu cho Cheasty để ông ta mang đến cho Hoffa, còn hai nghìn mỗi tháng của Hoffa, Cheasty trao lại cho các nhân viên FBI. Chúng tôi cố gắng đưa cho Cheasty những tài liệu mà một điều tra viên có thể kiểm được, tất nhiên là những tài liệu đó không làm ảnh hưởng đến công việc của ủy ban.”

“Ông làm quen với Jimmy Hoffa ra sao và khi nào?”

“Tôi biết Jimmy Hoffa qua sự môi giới của luật sư Cheifetz. Từ đầu. Eddie Cheifetz làm hết sức để đánh lạc hướng sự chú ý của ủy ban đối với Jimmy Hoffa. Theo ông ta. Hoffa có một thời trai trẻ sôi nổi và không trật tự, quả là thời xa xưa y có phạm một vài tội nhỏ, nhưng bây giờ y đã khôn ra nhiều. Theo lời Cheifetz, Hoffa là một nhà lãnh đạo công đoàn hữu ích. Tôi không còn biết làm gì khác là gặp và nói chuyện với Hoffa, vì vậy tôi đồng ý sẽ ăn tối với Hoffa ngày 19 tháng hai, ở nhà Cheifetz.

Sau đó tôi muốn hoãn cuộc gặp với Hoffa nhưng ngày 13 tháng hai, Cheasty xuất hiện trong văn phòng và tôi nhận định rằng hoãn lại sẽ gây nghi ngờ, cho nên tôi đến chỗ hẹn.

Ngày hôm sau, ở Washington, Hoffa gặp Cheasty. Buổi sáng tôi trao cho Cheasty tên của bốn nhân chứng mà chúng tôi muốn mời đến thẩm vấn đầu tiên. Cheasty gọi điện cho Hoffa và hẹn gặp nhau ở góc phố Mười bảy và phố Một.

Sau này ở tòa, các thám tử FBI đã thuật lại cuộc gặp đó: Họ theo dõi hai người đàn ông, quay phim bằng các máy giấu trong một xe tải. Cheasty trao cho Hoffa mảnh giấy ghi tên người. Hoffa nói với ông ta là y biết ba người trong số đó. Sau đó Cheifetz đến đón Hoffa lại nhà, nơi chúng tôi gặp nhau trong bữa ăn tối. Sau cuộc gặp, Cheasty lập tức thông báo cho FBI, sau đó ông ta cũng gọi đến văn phòng của tôi, xác nhận là đã trao mảnh giấy với tên người. Vì chờ điện thoại của Cheasty nên tôi đến nhà Cheifetz có phần muộn.

Cheifetz và cả Hoffa cùng ra đón tôi, và khi tôi mới đặt chân vào nhà. Hoffa liền giơ tay bắt khá mạnh. Y nhỏ bé quá mức bình thường, tuy nhiên y biết cách xử sự lịch sự và niềm nở. Tối hôm đó, y ngoan cố tự bào chữa:

- Tôi không làm gì khác mọi người. Mọi người đối với tôi thế nào thì tôi cũng đối với họ như vậy.

- Nếu vậy có lẽ tôi phải mặc áo giáp sắt. - Tôi nói.

Sau bữa ăn, khi nói chuyện về công việc của ủy ban, Hoffa và cả Cheifetz nói với tôi là họ biết một thủ lĩnh Teamsters Union sẽ bị ủy ban gọi lên thẩm vấn. Đó là một trong bốn người mà tên của họ tôi trao cho Cheasty trước đó.

Ba tuần sau, Hoffa bị bắt. Các thám tử theo dõi và tìm thấy tài liệu của ủy ban điều tra ở nhà y, những thứ mà tôi trao cho Cheasty để ông ta giao

cho Hoffa.”

Anh em Kennedy có quan điểm riêng của mình về phương pháp đấu tranh chống tổ chức tội ác. Khác với Edgar Hoover không ưa các hành động phiêu lưu mạo hiểm, anh em Kennedy muốn dùng các hoạt động chống thế giới ngầm Mỹ phục vụ cho mục đích chính trị của mình. Họ không phải những người đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ. Nhiều người trước đó cũng hứa hẹn mạnh mẽ, nhưng khi đã có quyền lực trong tay họ, lại giảm bớt quyết tâm thực hiện.

Teamsters Union là tổ chức công đoàn đông nhất và mạnh nhất nước Mỹ. Chỉ cần một lệnh bãi công ban ra là hơn hai triệu tài xế trong tổ chức có thể làm tê liệt đời sống kinh tế Hoa Kỳ. Tất cả các ngành công nghiệp đều lệ thuộc vào vận tải. Vấn đề cung cấp thực phẩm nằm hoàn toàn trong tay cánh lái xe. Nếu họ từ chối không chở, dân chúng sẽ không có bánh mì, thịt, rau quả và nước uống. Đe dọa về việc lái xe bãi công là một vũ khí hiệu nghiệm và nguy hiểm về chính trị. Hơn nữa, tổ chức Teamsters Union có quyền lực tài chính đáng kể. Số vốn kinh doanh của nó lên tới hai tỉ dollar. Jimmy Hoffa là hoàng đế một vương quốc hùng mạnh và y hiểu rõ điều đó.

Jimmy sinh ngày 14-2-1913 tại bang Indiana thuộc Brasil, trong một gia đình công nhân, bố làm thợ mỏ còn mẹ thì đi giặt thuê. Khi Jimmy lên bảy tuổi, người cha chết và người mẹ phải đưa bốn con đến Detroit kiếm kế sinh nhai.

Sau khi học xong phổ thông cơ sở, mới 14 tuổi, y đã làm công nhân kho của hãng Kroger Food Company (Liên hiệp thực phẩm Kroger). Công việc trong hãng Kroger rất nặng nhọc, công nhân thì bị đối xử khắc nghiệt, chỉ một sơ xuất nhỏ cũng có thể bị đuổi việc ngay. Thế là Hoffa đã sớm hoạt động tuyên truyền chống lãnh đạo hãng và năm 1932, y lãnh đạo cuộc bãi công của tất cả 175 công nhân. Họ phản đối không chuyển dâu tươi vào các xe lạnh.

Chủ hãng đứng trước sự lựa chọn: Hoặc dâu bị hồng, hoặc tăng lương cho công nhân. Thủ lĩnh 19 tuổi Hoffa đã chiến thắng. Lãnh đạo hãng Kroger Food Company phải chấp nhận các yêu sách của công nhân, ngày hôm sau dâu tươi được mang đến các quầy bán. Đối với đồng nghiệp Hoffa trở thành người hùng ngày hôm đó, còn đối với chủ hãng y là người tổ chức bãi công nguy hiểm. Vì vậy trong một dịp thuận tiện, chủ hãng đã sa thải y.

Thực ra bị mất việc là dịp may đối với Hoffa. Vì đã có tiếng tốt trong công nhân cho nên y có thể lập tức làm việc trong chi nhánh ở Detroit của Liên hiệp lái xe. Trong lịch sử phong trào công nhân Mỹ, những năm 30 là thời kỳ đấu tranh quyết liệt vì công bằng và quyền lợi. Các phương tiện đấu tranh cũng rất Mỹ, theo kiểu miền Tây hoang dã. Khi công nhân bãi công chủ hãng bỏ tiền thuê vài tay súng đến “nói chuyện” với họ. Công nhân không còn cách nào khác là thuê những tay súng khác bảo vệ quyền lợi của mình. Thế là xảy ra ẩu đả giữa các băng gangster và nhiều tên đánh thuê đã phải nằm lại trên chiến trường. Một số không ít các “bố già” Mafia khét tiếng sau này cũng đã từng đánh thuê ăn lương của phía này hoặc phe kia.

Ban đầu Jimmy Hoffa thực sự hăng hái chiến đấu vì quyền lợi công nhân. Y tổ chức bãi công và thường xuyên đối đầu với cảnh sát. Song y đã thành công, bắt các chủ hãng nhượng bộ, tăng lương cho nhân viên. Uy tín công đoàn nổi như cồn và y trở thành một thủ lĩnh nhiều hứa hẹn. Vinh quang, quyền lực, tiền tài và đạo đức kinh doanh tàn bạo kiểu Mỹ đã đưa y vào con đường lầm lạc. Không cưỡng lại được sức hút của tiền bạc, y đã phản bội các đoàn viên của tổ chức công đoàn, mà dưới sự lãnh đạo của y, đã trở thành một trong các tổ chức mạnh nhất nước Mỹ.

Nhưng cả y cũng không tránh khỏi chạm trán Mafia. Y đã nhanh chóng làm quen với các phương pháp bẩn thỉu của tổ chức tội ác. Hơn nữa, y còn có sự ràng buộc cá nhân với Mafia. Bốn năm y sống với Sylvie Pagan và có với ả một con trai. Sau Hoffa, Sylvie lấy một tên Mafia vô danh, và chẳng bao lâu sau ả lại li dị để rồi làm vợ “bố già” Mafia vùng Detroit Frank

Coppola, một trong những gangster tên tuổi nhất thế giới tội ác. Sau này Sylvie là người liên lạc giữa Hoffa và Coppola.

Năm 1937, Hoffa đã gặp một dịp hiếm có để củng cố vị trí của mình. Tháng 4, ở Detroit đã nổ ra một cuộc bãi công của công nhân đoàn xe tải. Giống như mọi lần, chủ hãng thuê một tốp ấu đả chuyên nghiệp. Và bên phía công nhân có Jimmy Hoffa và những người đã chiến thắng hãng Kroger. Trong vụ này Mafia có thể đóng vai trò quyết định. Hiển nhiên Hoffa biết điều đó, cho nên y thuyết phục Frank Coppola không đứng về phe các chủ hãng.

Một trận chiến không thương tiếc nổ ra. Mafia im lặng quan sát, bởi vì Coppola biết rằng y sẽ được trả hậu hĩnh với thái độ trung lập của mình. Y đã không làm, công nhân chiến thắng, nhưng người chiến thắng trước hết là Hoffa. Báo tin ca ngợi hết lời sự vô tư của phong trào công nhân, nhưng càng ngày y càng nghĩ đến ích lợi của bản thân nhiều hơn quyền lợi công nhân. Y đã bị sự ham mê quyền lực làm cho mê muội.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới những năm 30 đã góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội ở Mỹ. Các tập đoàn monopoly ra sức đổ lỗi thất bại kinh tế cho giai cấp lao động. Nhưng đã từ lâu công nhân không chịu cúi đầu trước các ông chủ nữa. Trước tình hình một số tổ chức công đoàn ngả về phía các chủ hãng, tháng 11-1935, các thành viên tiến bộ của Hiệp hội lao động Hoa Kỳ AFL (American Federation of Labour) thành lập từ năm 1886 quyết định thành lập ủy ban hành động với tên gọi là ủy ban tổ chức công nghiệp (Committee for Industrial Organization). Cho tới năm 1938 thì ủy ban này trở thành tổ chức công đoàn Congress of Industrial Organisation. Cả lần này các chủ hãng lại yêu cầu Mafia giúp đỡ và các “bố già” đã gạt đầu đồng ý.

Đầu tháng 7.1939, những tên giết thuê của Mafia giết chết chín người. Ngày 6 tháng 7, một tên tội phạm lạ mặt bắn chết John Synnick, một thành viên của công đoàn thủy thủ. Một tuần sau ở Chicago, Eric Hessler bị giết

trước khi ủy ban điều tra thẩm vấn về điều kiện sống của công nhân hãng International Harvester Company một ngày. Ngày 14 tháng 7, những tên giết thuê của hãng Murder Inc đã bắt cóc và sát hại thủ lĩnh công đoàn Peter Panto. Những ngày tiếp theo đến lượt Bill Robert ở Sinafield, Frank Bryvan và Bradley Simpson ở Kentucky, thợ mỏ Daniel Noe ở Harlan bị các tay súng Mafia sát hại.

Trong khi đó, các thành viên của ủy ban thượng nghị viện tiếp tục công việc điều tra. Họ xác minh rằng chủ tịch công đoàn giao thông ở Seattle Frank Brewster đã biển thủ 400.000 dollar. Hơn nữa, y còn ép các thành viên Teamsters Union chỉ mua nhiên liệu ở các trạm xăng của y, Hãng nào không nghe lời, y dọa bãi công và trong trường hợp cần thiết, y đã tổ chức bãi công. Sau này người ta còn phát hiện ra rằng y đã dùng tiền công đoàn để mua ngựa đua, xây chuồng ngựa và trả tiền nhân công. Như vậy, y ăn cắp của công đoàn hơn nửa triệu nữa.

Các thủ lĩnh công đoàn với lương tâm không trong sạch chạy trốn trước ủy ban điều tra. Chủ tịch Dave Beck chạy ra nước ngoài trước tiên song cuối cùng sau một thời gian dài y quay về, giam mình trong biệt thự lộng lẫy ở Seattle và nhả tin với các điều tra viên rằng y bị ốm và không tiếp ai cả.

Teamsters Union là một cường quốc chính trị và cả kinh tế nữa. Ngay từ năm 1899 khi gia nhập tổ chức công đoàn tối cao AFL, nó đã là tổ chức đông nhất và mạnh nhất. Năm 1957 Teamsters Union có khả năng can thiệp vào nhiều ngành công nghiệp và ảnh hưởng tới chính trị nước Mỹ. Chủ tịch Dave Beck tự coi là tổng thống thứ hai ở Hoa Kỳ, y có nhiều người thân cận trong Quốc hội, y là khách thường xuyên của tổng thống Eisenhower ở Nhà Trắng. Trong khi đó ai cũng biết y biển thủ hàng trăm nghìn tiền công quỹ.

Trong thời gian Beck chạy trốn trước ủy ban điều tra, Jimmy Hoffa nghiêm nhiên trở thành quyền chủ tịch công đoàn. Y bước vào trụ sở công

đoàn, một tòa nhà lộng lẫy, đối diện với nhà Quốc hội Mỹ, do công đoàn bỏ 5 triệu dollar ra xây, và chờ thời cơ.

Và thời cơ đã đến. Các thành viên của ủy ban điều tra, đặc biệt là Robert Kennedy đã vô tình giúp y nhảy lên bậc thang danh vọng cao nhất. Robert Kennedy và các cộng sự của ông ta đã đưa được Dave Beck ra trước ủy ban điều tra để hỏi cung. Ban đầu y lần lữa, chối cãi các chứng cứ buộc tội, nhưng rồi các lời khai của y mâu thuẫn với nhau. Cuối cùng, y nhận tội và hứa sẽ trả lại tất cả số tiền biến thủ cho tới dollar cuối cùng. Y phải ra trước tòa và bị kết án tù giam vì tội biến thủ công quỹ. Tất nhiên là y bị mất chức chủ tịch công đoàn, chỗ của y đã có Jimmy Hoffa thay thế.

Tháng 12-1955, hai tổ chức công đoàn lớn nhất Hoa Kỳ là Liên hiệp lao động Hoa Kỳ (AFL) và Hiệp hội tổ chức công nghệ (CLO) hợp nhất. Trong tổ chức hợp nhất này, Teamsters Union có tiếng nói đáng kể và quyền chủ tịch Hoffa có quyền lực rất lớn. Ngày 4-10-1957, đại hội công đoàn tổ chức tại Miami ở Florida bầu y làm chủ tịch Teamsters Union.

Nhưng thắng lợi và cả vinh quang cũng có mặt trái của nó. Dư luận đã biết quá rõ về các thủ đoạn tài chính phi pháp và sự biến thủ công quỹ của các vị lãnh đạo Teamsters Union, cho nên chủ tịch đoàn AFL-CLO quyết định khai trừ Teamsters Union khỏi hàng ngũ của mình. Lý do? Hợp tác với Mafia chi dùng công quỹ bất minh.

Ủy ban thượng nghị viện tiếp tục điều tra. Trong thời gian Hoffa làm chủ tịch, tiền của công nhân tiếp tục bị ăn cắp. Trong năm đầu tiên trị vì của tân chủ tịch, hơn hai triệu rưỡi dollar không cánh mà bay. Công đoàn bỏ ra những khoản lớn để trả cho các luật sư bào chữa cho những tên tội phạm của Mafia hoặc của chính công đoàn. Tiền công đoàn còn dùng để tài trợ cho các hãng tư nhân. Hãng Marbury Construction Company nhận được 175.000 dollar, còn hãng tư nhân khác là Northville Downs Race Track Company cũng được 50 ngàn.

Chủ tịch công đoàn Jimmy Hoffa sở hữu một trang trại lớn, do vợ y cai quản, mà nhân công lại được trả lương từ quỹ công đoàn. Nhưng gai mắt nhất vẫn là sự liên minh với Mafia. Jimmy Hoffa đã thoả thuận với các boss Mafia và cả hai bên đều có lợi. Boss Mafia ở Chicago là Paul Ricca, biệt hiệu The Waiter (hầu bàn) được Teamsters Union “biểu” một dinh thự lộng lẫy trị giá 150 ngàn dollar.

Hoffa không từ bất cứ thủ đoạn nào. Khi ngồi lên ghế chủ tịch, y đã cố gắng lợi dụng vị trí của mình một cách toàn diện. Với sự giúp đỡ của Mafia, dưới cái ô công đoàn và bằng công quỹ, y xây dựng một hãng riêng. Hồi lộ, tống tiền và các trò lừa đảo là các biện pháp quen thuộc của y. Bằng cách đó, theo mẫu Mafia y đã bắt những người bán rau ở Michigan nộp thuế mười dollar hàng tháng bởi vì họ không muốn thuê các xe tải của Teamsters Union chở rau. Hoffa trở thành cổ đông của nhiều cửa hàng, nhà máy. Y mua và bán cổ phần, bất động sản. Trong mọi trường hợp, y tiến hành theo đúng cách thức hữu hiệu của Mafia: Mua chuộc hoặc thuê người thanh toán những kẻ cạnh tranh.

Chính sách phân biệt chủng tộc của y gây nên sự bất bình đáng kể. Chi nhánh Detroit của Teamsters Union cấm thuê các tài xế da đen. Các chủ xe buộc phải đuổi việc người da đen. Thậm chí những người da đen có xe tải riêng cũng không được phép đi xe của mình, ủy ban điều tra gọi Jimmy Hoffa ra hỏi cung và thư ký ghi lại câu trả lời hỗn xược của y: “Chẳng lẽ các ngài lại kết tội tôi vì dân Detroit không ưa người da đen. Đối với tất cả bọn mọi đó, tôi chỉ có một lời khuyên là đừng lộ mặt vô ích. Khí hậu Detroit không tốt cho chúng đâu”.

Chúng ta đã biết công đoàn công nhân cảng New York bị Mafia, đứng đầu là Albert Anastasia - Sếp hãng Murder Inc, tên giết người nhiều lần và gangster chuyên nghiệp, thao túng. Jimmy Hoffa đã liên kết với chính tổ chức công đoàn đó và bằng các thủ đoạn và áp lực thô bạo, y thâm tóm luôn

cả công đoàn thợ mỏ. Chi nhánh New York của Teamsters Union cũng liên minh với gangster.

Jack Parisi một thời hợp tác với băng của Lucky Luciano, phải ngồi hai năm rưỡi ở nhà tù Sing Sing vì tội tòng phạm với Lepke Buchalter. Y là một gangster tàn nhẫn với quá trình “hoạt động” phong phú. Công đoàn cơ sở khu Yonkers ở New York gồm phần lớn các tài xế xe vệ sinh. Trưởng chi nhánh này là John Acropolis. Một ngày đẹp trời, trong văn phòng của ông ta xuất hiện gangster Paris với tối hậu thư: Ngay lập tức tăng giá dọn rác. Mafia quyết định tiêu diệt cả địa hạt này.

Acropolis tự vệ. Cho đến lúc bấy giờ, Teamsters Union hợp tác với hãng Westchester Carting dưới sự điều khiển của gangster Alfred Ratteni, tên này đã từng bị tù bảy năm ở Sing Sing, cùng hội với Frank Costello. Acropolis quyết định cộng tác với hãng khác. Hãng này tên là Rex Carting Company chuyên về dịch vụ vệ sinh. Đó là một ngành kinh doanh lời lãi và Vua rác ở New York là sếp gangster Vincent J. Squillante, bạn hữu của Albert Anastasia.

Quân sư băng Squillante là gangster Modica, tên này nghe đâu có thời giảng bài ở một trong các trường tổng hợp ở Mỹ. Modica được đồng bọn gọi là “giáo sư” vì công lao đào tạo gangster, y dạy dỗ con cái của Albert Anastasia, Willi Moretti, Vito Genovese và Joe Adonis.

Khi John Acropolis cả gan chống lại quyền lợi Mafia và liên kết với hãng Rex Carling Company, gangster đã tuyên chiến với ông ta. Chúng đốt xe tải, hành hung tài xế và làm cản trở việc dọn rác đã chất thành đống trên các đường phố New York. Acropolis không chịu khuất phục. Cuộc chiến không cân sức kéo dài cả tháng. Một tối Acropolis trở về nhà. Ông xuống xe và đi về phía cổng nhà. Hai người lạ mặt xuất hiện, đứng chặn ngay trước mặt ông. Súng nổ và trên đường phố chỉ còn lại Acropolis nằm chết. Các bác tài đầu hàng và chịu tuân theo lệnh Mafia.

Sau đó, “giáo sư” Modica giúp Mafia độc quyền điều hành dịch vụ vệ sinh. Giá cả nhảy vọt và các bố già thu về hàng triệu dollar. Chúng đã hoàn toàn cai quản một số chi nhánh của Teamsters Union. Khi bị gọi ra trước ủy ban điều tra, Modica đã ngạo ngược tự xưng là nhà văn và là giáo sư. Tuy nhiên các thám tử FBI đã xác minh rằng trong quá khứ, y đã bị kết án vài năm tù vì hành nghề khám bệnh phi pháp. Ngoài ra y còn lãnh một án nữa là vì tội biển thủ.

Squillante tiếp tục hoành hành và ủy ban Mc Clellan bất lực. Y tổng tiền các chủ tải, bắt họ phải nộp mỗi người 250 dollar vào “quỹ tự vệ” và sau đó cuỗm luôn số tiền này. Khi nhận ra lửa cháy tới chân, y biến mất và không bao giờ xuất hiện nữa.

Jimmy Hoffa nắm trong tay số vốn lưu động một tỉ rưỡi dollar. Y đầu tư số tiền đó vào các loại kinh doanh và cho vay nặng lãi. Quỹ phúc lợi công đoàn biến thành một loại nhà băng, được liệt vào hạng lớn nhất Hoa Kỳ. Để cho tên của mình không bị xuất hiện trong các chứng từ kế toán. Hoffa đã ủy toàn quyền sử dụng công quỹ cho thành viên Mafia Allan Dorfman. Tên này rất rộng rãi với bạn bè của mình, gangster không phải trả nợ, bằng số tiền vay, chúng mua khách sạn, xây dựng casino ở Las Vegas. Còn chính bản thân Dorfman thì bằng số tiền công đoàn, y đã mua khẩu phần các công ty phát đạt, y sở hữu nhiều hãng bảo hiểm và xuất nhập khẩu. Trong khi đó các thành viên công đoàn lại bị từ chối cho vay những khoản nhỏ. Song đi đêm lắm cũng có ngày gặp ma, cuối cùng thì Hoffa đã phải ra trước tòa đối chất về những thủ đoạn phi pháp của y. Tuy nhiên, Hoffa có thừa tiền để hối lộ và cũng có nhiều quen biết thế lực, y được tha bổng vì thiếu chứng cứ.

“Theo pháp luật, không được phép coi là phạm tội, nếu hội đồng dự thẩm gồm mười hai công dân đáng kính không coi người đó là có tội”, sau này Robert Kennedy nói. “Kết quả vụ án không đáp ứng mong muốn của tôi. Chấp nhận kết luận của hội đồng dự thẩm, song tôi tin rằng Hoffa có tội”.

Bằng quỹ công đoàn, bạn bè của Hoffa trả tiền cho cựu vô địch quyền anh Louis. Từ Detroit, Louis đến Washington và làm quảng cáo cho Hoffa hai ngày liền ở sảnh đường tòa án. Thậm chí anh ta còn ôm hôn Hoffa trước đông đảo cử tọa. Chúng mời cả nữ luật sư da đen Martha Jefferson từ California và một luật sư danh tiếng khác. Một câu hỏi được đặt ra là tại sao luật sư bào chữa Andrew Williams, một trong các luật sư nổi tiếng nhất Hoa Kỳ, lại cần tới bấy nhiêu trợ lý và một sự vận động rùm beng như vậy. Hoffa đã chụp ảnh với nữ luật sư Jefferson và cho đăng trên một tạp chí của người da đen. Bài viết dưới bức ảnh giới thiệu Hoffa như là một người bạn lớn của người da đen, mặc dù trong thực tế, y thực thi chính sách phân biệt chủng tộc trong công đoàn.

Không chỉ có các tình tiết trên ảnh hưởng tới quan điểm của hội đồng thẩm phán. Đó cũng còn do nghệ thuật tuyệt vời của luật sư Williams, bản khai khôn khéo của bị can và sự bất lực của ủy viên công tố.

Trong khi thẩm vấn, Hoffa quả quyết rằng cho tới lúc bị bắt, y không hề biết Cheasty là thành viên của Ủy ban điều tra. Y khẳng định rằng đã trả cho ông ta 3.000 dollar để làm việc như luật sư, chứ không phải để thông báo hoạt động của ủy ban.

Ủy viên công tố không nắm vững nội dung hồ sơ và phạm sai lầm khi chuẩn y thành phần hội đồng thẩm phán. Chẳng hạn, một thẩm phán đã bị kết án mười bốn lần vì say rượu, một người nữa thì bị chín lần vì tội say rượu và hành hung. Con của một thẩm phán đang ngồi tù vì tội hút thuốc phiện, còn một ông nữa bị nghi là đồng tính luyến ái.

Bao nhiêu là cố gắng mà kết quả không ra gì. Ủy ban điều tra truy nã Mafia nhiều năm và đã thẩm vấn 1.500 nhân chứng tập trung đầy đủ bằng chứng và giao cho hội đồng thẩm phán. Nhưng lắt léo làm sao con đường công lý ở Hoa Kỳ. Tham nhũng, hối lộ, sự lệ thuộc chính trị hay tài chính, đó là những yếu tố thường đóng vai trò chính trong các vụ án. Vụ Hoffa

không phải là trường hợp đặc biệt. Tuy nhiên đến cuối năm. Hoffa lại phải một lần nữa ra tòa. Lần này là vì tội nghe lén phi pháp điện thoại.

“Thông qua trung gian là gangster Johnny Dio, y thuê một chuyên gia lắp máy móc nghe lén ở tổng hành dinh Teamsters Union ở Deroit”, Robert Kennedy nói: “Song hội đồng thẩm phán đã trả tự do cho Hoffa. Trong khi đó, rõ ràng là y hối lộ các thẩm phán. Hoffa biết cách “quan hệ” với chánh án thẩm phán và cả ủy viên công tố. Thông qua một hội từ thiện, y đã khéo “ ủng hộ” tiền cho một chánh án Michigan trong một đợt vận động bầu cử, còn các con của vị chánh án này cũng là luật sư, thì nhận được tiền thưởng, mặc dù họ chưa từng bào chữa cho y. Khi thấy tự mình không đảm đương được công việc, bao giờ y cũng tìm ra người trung gian, chẳng hạn Robert Scott”.

Đây là nhân vật quen thuộc của phong trào công đoàn ở Michigan suốt hơn 25 năm và y có nhiều bạn hữu trong giới chính trị gia. Một lần, Hoffa yêu cầu Scott tác động để thống đốc bang Michigan ân xá cho gangster Franck Camarato, một tên cướp đã từng bị hai lần trục xuất khỏi Hoa Kỳ.

Không khí chính trị nước Mỹ không dễ hiểu. Ở đó hiện hành những tiêu chuẩn khác với suy nghĩ của chúng ta, cho nên rất có thể rằng quyền lợi của chính khách và gangster gặp nhau và nhiều khi bổ sung cho nhau. Cả quan hệ giữa Mafia và các chính trị gia cũng không đơn giản. Ở đây tống tiền, hối lộ và gây sức ép từ thế mạnh đóng vai trò quan trọng.

“Hoffa còn phô bày sự hỗn xược của y trong cư xử với ủy viên công tố Rasid, khi ông này điều tra vụ tống tiền của một thủ lĩnh công đoàn”, Robert Kennedy cho biết. “Khi phiên tòa kết thúc, Rasid gặp Hoffa ngoài hành lang. Hoffa đã cảnh cáo Rasid: “Mỗi chính trị gia đều phải một lần đi qua văn phòng của tôi!” Y dọa rằng sẽ dùng mọi phương tiện cản trở đường công danh của vị ủy viên công tố.

Một lần vào chiều chủ nhật, Hoffa dự một buổi tọa đàm trên tivi Washington. Cuối buổi phát, một phóng viên hỏi y về tình hình vụ xét xử Glen Smith, một thủ lĩnh Teamsters Union ở Tennessee. Hoffa chớp lấy cơ hội khiêu khích: “Dư luận cần phải biết rằng bất chấp mọi cố gắng của ngài Kennedy, Glen Smith đã được tòa tha bổng”. Hàng triệu khán giả tivi chắc phải có cảm giác rằng ủy ban chúng tôi buộc tội oan ức cho Smith.

Trong thực tế, Glen Smith là một tội phạm có nhiều tiền án. Trước khi cầm rảnh trong công đoàn Teamsters Union, y đã bị kết án hai lần vì tội cướp giết. Sau đó y làm công tác tổ chức và đi khắp các thành phố. Trong thời gian này, trong danh mục hình sự của y có thêm vài vụ phạm pháp khác. Cuối cùng, y bị đưa ra tòa ở thành phố Chattanooga thuộc bang Tennessee vì tội hành hung. Điều khiển phiên tòa là chánh án Raulston Schoolfield. Sau nhiều mảnh khoé đáng ngờ, Schoolfield đã tha bổng Smith.

Tôi liền phái đến đó điều tra viên La Vertu Duffy. Duffy xác minh rằng Smith đã lấy 20.000 dollar từ quỹ công đoàn để hối lộ chánh án. Mặc dù Smith thú nhận điều đó, y vẫn không bị truất chức trong tổ chức công đoàn. Y tuyên bố rằng, y không hề vi phạm điều luật công đoàn.

Hội đồng thẩm phán biểu quyết Smith phạm tội, nhưng chánh án lại thay đổi quyết định. Ông ta nói rằng quả là Smith không có tư cách của một thủ lĩnh công đoàn, xử sự không đúng, nhưng đồng thời bản luận tội không được viết theo đúng quy chế.

Jimmy Hoffa cố gắng thuyết phục dư luận và chủ yếu các thành viên công đoàn rằng y có ý đồ tốt đẹp, rằng y ủng hộ các yêu sách của công nhân, rằng y chiến đấu vì sự tiến bộ xã hội của giai cấp công nhân. Y đã thành công không ngờ. Hoffa biết cách nói lời cuốn người nghe, trên màn ảnh tivi hay trên diễn đàn y xuất hiện bảnh bao lịch sự, y biết tác động khán giả Mỹ và gây cho họ cảm giác y là “người của họ”. Tất cả chỉ là đóng kịch. Mỗi sáng, y khoác mặt nạ đạo đức như là khoác bộ đồ lao động. Phải một thời gian dài, bộ mặt thật của y mới bị phát hiện.”

Thượng nghị sĩ Robert Kennedy nói tiếp: “Một thời gian Martin O’donoghue là luật sư của Teamsters Union. Trong giới công đoàn, ông là một trạng sư rất được kính nể. Ban đầu ông cho rằng Jimmy Hoffa vô tội. Song sau hai tháng, ông gọi điện cho tôi; “Ngài đúng hoàn toàn. Đây là thủ lĩnh công đoàn ăn hối lộ và thủ đoạn tệ hại nhất mà tôi gặp phải. Công đoàn không bao giờ khôi phục được uy tín khi mà Hoffa vẫn còn là chủ tịch”.

Chủ tịch liên hiệp AFL-CIO George Meany tuyên bố rằng Hoffa là kẻ thù số một của công đoàn. Có thể là chúng tôi mới chỉ phát hiện ra một phần nhỏ các hoạt động phi pháp của Hoffa. Nhưng chỉ phần nhỏ này cũng đã chứng minh hùng hồn rằng Hoffa phản bội các thành viên công đoàn, coi thường nguyên tắc dân chủ, biến thủ công quỹ hơn chín triệu rưỡi dollar. Hoffa và đồng bọn đã dùng các phương tiện tài chính của công đoàn để kinh doanh với quy mô lớn. Song y đã phạm tội nghiêm trọng nhất khi liên minh với những tên tội phạm khét tiếng Johnny Dio và Joe Glimco.

Teamsters Union có trong tay các phương tiện giao thông trong cả nước. Xe của Teamsters chở vợ đang chuyển dạ của anh đến nhà thương, xe khác thì chở người quá cố đến nơi an nghỉ cuối cùng. Tài xế Teamsters lái xe tải chở quần áo, thực phẩm và các vật dụng hàng ngày. Họ có thể gây ảnh hưởng tới sự cung cấp sữa, thịt đông, hoa quả tươi, tất cả các mặt hàng của hệ thống thương doanh. Họ thu tóm cả xe lửa, vận tải hàng không và cả đường biển. Cuộc sống của mỗi công dân Mỹ thực chất nằm trong tay Hoffa và các thành viên Teamsters. Tuyệt đại đa số thành viên của tổ chức này là những người đứng đắn, tuy nhiên dưới sự lãnh đạo của Hoffa, công đoàn thường xuyên đối lập với pháp luật”.

Năm 1961, khi John F.Kennedy, được bầu làm tổng thống Hoa Kỳ, em của ông ta là Robert Kennedy giữ chức bộ trưởng tư pháp, ủy ban điều tra do Robert Kennedy lập ra đã phát hiện rằng Jimmy Hoffa cộng tác với cả Cục tình báo trung ương CIA. Y lo việc môi giới giữa Mafia với các nhân

viên cao cấp CIA để vạch kế hoạch ám sát Fidel Castro. Trong thời gian đó, CIA đang chiêu mộ và huấn luyện các tổp biệt kích đổ bộ lên Cuba.

Biết được sự hợp tác giữa CIA với Mafia và vai trò của Hoffa trong chiến dịch Mongoose, Robert Kennedy đã chính thức cấm giám đốc CIA hợp tác với Hoffa. Nguyên nhân thật là đơn giản: Robert Kennedy không muốn dư luận biết sự hợp tác của Mafia với CIA trong vụ xét xử Hoffa.

Các thám tử FBI và các thành viên của ủy ban điều tra có trong tay đầy đủ tài liệu để ủy viên công tố có thể luận tội Hoffa. Y bị đưa ra tòa ở Nashville. Nhưng trong phiên tòa bỗng nhiên có một thanh niên lạ mặt tiến lên phía trước và bản bị cáo Hoffa bị thương nặng. Người ta không xác minh được đó là một tên giết thuê hay chỉ là một kẻ tâm thần muốn xuất hiện trên báo chí.

Hai năm sau, Hoffa lại phải ra tòa ở Chattanooga vì tội tổ chức tội ác và vi phạm tự do cá nhân khi làm công vụ. Các thám tử FBI đã cung cấp cho tòa những bằng chứng về việc những tên giết thuê được Hoffa trả tiền đe dọa các thành phần và nhân chứng, và chính Hoffa thì hối lộ họ.

Hoffa thuê các luật sư bào chữa nổi tiếng nhất Hoa Kỳ. Sau hai năm giằng co, cuối cùng vào tháng 12 năm 1966, tòa án tối cao Hoa Kỳ đã chuẩn y bản sơ án. Jimmy Hoffa lập tức tự vệ theo kiểu của mình. Tay chân của y tổ chức tổng bãi công trong Teamsters Union hòng gây áp lực giải phóng sếp. Song Hoffa vẫn phải chịu án và bị giải đến nhà tù ở Lewisburg và các tài xế “trung thành” lại bãi công. Hàng năm vào ngày sinh nhật của Hoffa, xuất hiện trên nhà tù máy bay mang theo lời chúc mừng sinh nhật.

Y vẫn chưa chịu đầu hàng. Ngày 26.10.1967, y lại bị đưa ra tòa ở Chattanooga. Nhưng Mafia đã khủng bố tinh thần các nhân chứng, không cho họ khai chống lại bị cáo. Tất cả, chỉ trừ có nữ thư ký công đoàn Mary Gordone. Mary dám can đảm chống lại sếp cũ, và biết nhiều chuyện bê bối

về y. Sau phiên tòa cô ta yêu cầu cảnh sát bảo vệ nhưng bị từ chối. Chỉ sau vài tiếng đồng hồ, cô bị một tài xế tên là Andrew Pulton cán chết.

Người ta đồn rằng trong phiên tòa 19.3.1962 Hoffa đã hối lộ mỗi thẩm phán 10 nghìn dollar và y được tha bổng. Sau này vụ đó bị phát hiện và ngày 12.3.1964 Hoffa bị kết án tám năm tù và bị phạt 10 nghìn dollar. Sau năm tháng, các thám tử FBI tìm ra thêm các bằng chứng biến thủ công quỹ và Hoffa lãnh thêm năm năm tù giam nữa.

Thế là cuối cùng Robert Kennedy đã chiến thắng, mặc dù suýt nữa ông ta bị thiệt mạng. Sau này người ta đã xác minh rằng Hoffa có chuẩn bị ám sát đối thủ của mình, rằng y có ý đồ thiêu cháy dinh thự của Kennedy, rằng y đã sẵn sàng thuê một hội giết người thanh toán địch thủ.

Jimmy Hoffa phải ngồi tù 13 năm chẵn. Y bàn giao quyền hành cho bạn hữu Frank Fitzsimmons. Nhưng giống như các “bố già” Mafia, y tiếp tục điều khiển kinh doanh từ trong tù, và các đồng tiền ăn cắp lại để ra lời lãi. Bộ trưởng tài chính của Teamsters Uninon vẫn là ông bạn già Allan Dorfman, và điều đó là một đảm bảo rằng quyền lợi của Hoffa vẫn được coi trọng. Tất nhiên là y không chịu an phận với bản án và đã thuê các luật sư có tiếng bào chữa trong phiên tòa phúc thẩm với ý đồ thay đổi kết quả. Y đã cố gắng vô ích, cuối cùng vẫn bị giải đến nhà tù Lewisburg.

Song Hoffa chỉ ngồi tù có 3 năm. Ngày 13.12.1971, Tổng thống Nixon đã ký lệnh ân xá cho y. Sau này khi xảy ra vụ bê bối Watergate, dư luận được biết các “mánh khóe bẩn thỉu” của Tổng thống Nixon. Teamsters Union đã góp một triệu dollar vào quỹ tranh cử của Nixon. Đó là phần thưởng cho Tổng thống đã ân xá tên gangster nguy hiểm Jimmy Hoffa.

Khi được ra tù, Hoffa phải cam kết không hoạt động công đoàn nữa. Song vừa mới chân ướt chân ráo về nhà, y đã gây chuyện chống lại chủ tịch công đoàn Fitzsimmons và nối lại quan hệ với Mafia. Nhưng Mafia đã khai trừ Hoffa. Và không phải chỉ Mafia. Cục tình báo trung ương, sau các vụ bê

bối, đang cố gắng xóa mọi dấu vết về sự hợp tác với Mafia. Trong thời gian đó, một số bạn hữu của Hoffa, từng làm trung gian giữa CIA và Mafia, bị mất mạng trong những hoàn cảnh rất đáng ngờ, và cảnh sát không điều tra được vụ nào cả.

Hoffa vẫn tự tin rằng y là nhân vật có thể lực chính trị với các khả năng tài chính vô hạn. Trong khi đó, cả ủy ban pháp lý thượng nghị viện, Cục hình sự Bộ tư pháp và trước hết là thuế quan, đều quan tâm đến các thủ đoạn mờ ám của Teamsters Union.

Jimmy Hoffa sống trong một biệt thự hai tầng ở Lake Orion, phía đông nam Michigan City. Sáng ngày 30-7-1975, sau khi tắm rửa ăn sáng, y thẳng bộ comple xanh thẫm, ngồi vào chiếc xe con màu xanh lá cây đi đến nhà hàng Red Fox, y có cuộc hẹn ở đó. Vợ y còn nhìn theo qua cửa sổ và sau này đã khai rằng hôm đó y không được bình tĩnh, như thể sắp có một cuộc hội đàm quan trọng.

- Hai rưỡi chiều, Jimmy gọi điện, - vợ của Hoffa khai - và hỏi Anthony Giacalone có gọi điện không. Tôi nói rằng không và anh ấy yêu cầu tôi nhắn với Giacalone là anh đang chờ ông ta ở nhà hàng Red Fox, nếu ông ta có gọi. Đó là tất cả. Từ lúc ấy tôi không nhìn thấy anh ấy nữa.

Từ giây phút đó không một ai nhìn thấy Hoffa. Y mất không để lại dấu vết gì. Các thám tử FBI cố gắng lý giải sự bí ẩn, song kết quả không được công bố. Lý do rất hiển nhiên: Sự hợp tác giữa gangster và CIA cần phải được giấu kín.

Trong thực tế hôm đó, Hoffa có hẹn gặp trong nhà hàng Red Fox với thủ lĩnh công đoàn Anthony Provenzana và “bố già” Mafia Anthony Giacalone từ Detroit. Chúng sẽ thảo luận cách thức chống lại chủ tịch Teamsters Union Fitzsimmons. Hoffa vẫn luôn tin rằng y sẽ quay lại cương vị cũ. Với người tình đầu tiên, y có con trai tên là Charles O’Brien và nghe đâu đó là một trong số ít người y tin tưởng. O’Brien là bạn của Giacalone,

nhưng y cũng làm việc với Fitzsimmons trong Teamsters Union với lương hàng năm là 45.000 dollar. Thực chất Fitzsimmons đã cứu mang O'Brien vì hồi đó O'Brien bất đồng với cha đẻ và không có một xu dính túi. Sau vụ Hoffa mất tích O'Brien bắt tắm hơi suốt năm ngày.

Jimmy Hoffa chờ trong nhà hàng Red Fox đã lâu mà không thấy ai đến cả. Y lo lắng không biết việc gì xảy ra, cho nên y gọi điện cho vợ. Không lâu sau đó, Charles O'Brien đi đến và nói với Hoffa rằng Giacalone ở nhà. Bố con lên xe đi đến nhà “bố già” Giacalone. Ở đó, ba tên giết thuê Tomaso Andretta, anh em Salvatore và Gabriel Brigugli đang chờ sẵn. Chúng bắn chết Hoffa, nhét xác vào thùng đựng dầu rồi chở đến bãi sắt vụn xe Ford khu Dearborn ở Detroit.

Mafia lũng đoạn các tổ chức công đoàn ở Mỹ. Bằng chứng biến thủ công quỹ có từ năm 1880. Báo cáo của Bộ lao động từ năm 1971 “Ảnh hưởng Haffenden trong công đoàn Teamsters Union” nêu tên 35 công đoàn bộ phận mà ở đó Mafia có tiếng nói quyết định. Năm 1972 Allan F. Dorfman ở Chicago bị kết án vì tội nhận hối lộ 55.000 dollar và sử dụng công quỹ phi pháp. Dorfman cộng tác với Nick Civelli, sếp băng Mafia ở Kansascity quản trị một nhà băng bí mật chuyên nhận tiền hối lộ. Một cộng tác viên vào ghế chủ tịch công đoàn.

Báo cáo của FBI về Mafia có dẫn ra các mảnh khoe hậu trường như sau, “Những người muốn vay tiền được dẫn đến Civelli hay một tên Mafia khác, những tên này lại tiếp tục gửi họ đến chỗ Dorfman. Sau đó Dorfman giải quyết công chuyện với các nhân viên thủ quỹ. Song Civelli là một trong nhiều thành viên Mafia quyết định việc sử dụng các phương tiện của Teamsters Union”.

Ở New Jersey một cán bộ cũ của công đoàn là Anthony Provenzano lo việc liên lạc giữa Mafia và công đoàn. Y nổi tiếng với biệt hiệu “Tony Pro”. Ủy ban thượng nghị viện đã xác minh rằng y là thành viên gia đình Mafia

Vito Genovese. Các em trai của y Munitio và Salvatore cũng làm việc trong tổ chức Teamsters Union.

Từ năm 1961, Provenzano đã đứng đầu một trong các chi nhánh công đoàn mạnh nhất New Jersey và y giành được quyền lực bằng cách thuê bắn chết chủ tịch công đoàn hồi đó là Anthony Castellito biệt hiệu là “Nâu ba ngón”. Tuy nhiên lúc đó chánh án không có đủ bằng chứng để đưa ra tòa. Mãi đến vụ Jimmy Hoffa mất tích năm 1978, y mới bị kết án tù giam vì tội ăn hối lộ và giết người. Song người kế tục lại chính là con gái của y, như vậy trong thực tế, y tiếp tục điều hành các công việc làm ăn mờ ám từ trong tù.

Các thám tử FBI biết rõ ai đã giết Jimmy Hoffa. Nhưng họ không có đủ bằng chứng. Như mọi lần, Mafia đã bảo hiểm bằng cách thủ tiêu một trong ba tên tội phạm là Salvatore Brigugli.

Trong khi điều tra, FBI đã phát hiện ra các vụ biến thủ công quỹ và sự lệ thuộc của các công đoàn khác vào Mafia. Lãnh đạo Công đoàn lao động chân tay thế giới là Angelo Fosco. Người này nhận lệnh trực tiếp từ Mafia Chicago. Mỗi quyết định quan trọng đều phải được Mafia phê chuẩn.

Chúng ta đã tìm hiểu tình hình công đoàn công nhân cảng trong thời gian chiến tranh. Phó chủ tịch là Anthony Scotto. Y xử sự và ăn mặc lịch lãm, có nhiều bạn trong giới chính trị, thường xuyên đi lại với thống đốc bang New York là Hugh Carey. Thế nhưng y lại là thành viên của băng Carlo Gambino. Và năm 1976, y phải vào tù vì tội ăn hối lộ 225.000 dollar.

Scotto không phải là con cừu đen duy nhất trong các cán bộ công đoàn, hơn một phần ba ban lãnh đạo phải ra trước vành móng ngựa. Chủ tịch Liên hiệp công đoàn ngành giấy thế giới (The Paperworkers International Union) Joseph Tonelli cũng là nhân vật quen biết. Với danh nghĩa cố vấn chính thức của cơ quan bảo vệ môi trường và thành viên ban lãnh đạo liên hợp FAL- CIO, thậm chí y đã được đích thân Giáo hoàng Paven VI trao huân

chương. Trong khi đó, y biển thủ ít nhất là 340.000 dollar. Khi có nguy cơ phải ra toà, công đoàn đã thuê cho y hai luật sư bào chữa giỏi nhất ở Atlanta. Các luật sư này quen biết tổng ủy viên công tố và nhận khoản tiền thù lao béo bở để có thể gây ảnh hưởng với các viên chức cao cấp Nhà trắng. Vụ việc đổ bể, Tonelli phải ngồi một năm trong nhà tù liên bang ở Atlanta Wood thuộc bang Pennsylvania. Cùng với Tonelli, nửa tá tay chân của y cũng bị kết án tòng phạm.

Từ năm 1959, quốc hội Mỹ đã duyệt y “đạo luật Griffin” (thượng nghị sỹ Landrum Griffin đưa ra) nhằm ngăn ngừa các thủ đoạn sử dụng tài chính công đoàn một cách phi pháp. Song Mafia Hoa Kỳ thông thạo trong việc né tránh pháp luật. Trong 10 năm qua, chỉ có khoảng 500 cán bộ công đoàn bị kết án, mặc dù cho đến giờ, một loạt vụ án nhân sự với tổng số bồi thường 170 triệu dollar biển thủ đang được xét xử.

Tân khách sạn Hyatt Lincolnwood nằm ở trung tâm Chicago. Thứ năm ngày 20-1-1983, khoảng sau 12 giờ trưa, từ cửa chính đi ra hai người đàn ông, họ hướng tới bãi đậu xe. Khi đến gần dãy xe đầu tiên, bỗng trước mặt họ xuất hiện các tay súng bịt mặt nạ. Súng nổ. Một người ngã xuống và thở hơi cuối cùng. Người đó tên là Allan Dorfman, 60 tuổi, và bác sĩ hình sự đếm được bảy phát đạn trên thi thể nạn nhân. Người còn lại, Irwin Weiner, chạy đến xe không trúng đạn. Những kẻ giết người trong mặt nạ biến mất và cho tới nay cảnh sát vẫn không tìm ra dấu vết gì về chúng cả.

Allan Dorfman sống thọ hơn Jimmy Hoffa và người kế tục y là Frank Fitzsimmons. Y chính thức trở thành “cố vấn đặc biệt” của chủ tịch công đoàn Teamsters Union Roy Williams. Bằng tiền công đoàn, y buôn bán đất đai và bất động sản ở Las Vegas, Florida và New Jersey. Song cuối cùng kẻ cắp đã gặp bà già.

Quốc hội bắt đầu thảo luận đề nghị đạo luật mới về giá cả giao thông. Đối với tài xế xe tải, đạo luật mới không có lợi. Williams và cả Dorfman tìm người có thể lực khả dĩ có thể ít ra là làm chậm sự phê chuẩn đạo luật

này. Thượng nghị sĩ Howard Cannon là người được chọn mặt gửi vàng. Ông ta sống ở Las Vegas và muốn mua một khu đất thuộc về công đoàn Teamsters. Dorfman nhảu với Cannon rằng ông ta sẽ nhận được khu đất với giá rẻ hơn 400.000 dollar nếu như ông ta làm cho đạo luật không được thông qua ở quốc hội. Nhưng các thám tử FBI đã thọc tay vào kế hoạch hối lộ ngài thượng nghị sĩ.

Đã một thời gian dài FBI nghe lén điện thoại của các thủ lĩnh Teamsters vì họ đã biết từ lâu sự hợp tác của công đoàn với Mafia. Những cuộc nói chuyện liên quan tới việc hối lộ thượng nghị sĩ Cannon bị ghi âm và được trao cho toà. Cannon mất 400.000 còn Allan Dorfman và chủ tịch công đoàn Teamsters bị gọi ra toà. Ngài “cố vấn đặc biệt” bị buộc tội, được tạm tha bằng tiền chuộc và kết thúc cuộc đời trước khách sạn Hyatt để y không bao giờ nói nữa. Y biết mình quá nhiều và biết đâu khi bị hỏi cung chéo, y lại chả tiết lộ điều gì đó.

Vụ Allan Dorfman khẳng định rằng con đường tiến thân của Jimmy Hoffa không phải là duy nhất. Hoffa và cả Dorfman trưởng thành trong xã hội Hoa Kỳ, nơi mà lợi nhuận được đặt lên vị trí hàng đầu. Cả Robert Kennedy chắc chắn cũng không chiến đấu vì quyền lợi dân lao động. Khi phát động chiến dịch chống Mafia trong công đoàn, ông ta biết rằng, trong vai người bảo vệ quyền lợi và công lý, ông sẽ chiếm được cảm tình của cử tri. Chiến đấu chống tội ác, thập tự chinh chống chiến dịch tranh cử. Tất cả các chính phủ Mỹ trong 50 năm qua đều tuyên bố chống Mafia để chiếm cảm tình của các cử tri. Phần lớn các lời hứa vẫn nằm nguyên trên giấy tờ. Và thế là các vụ kiểu Hoffa lại được lặp lại.

NHÂN CHỨNG CHẾT

Một người mặc áo blu của công ty sữa, đầu tóc rối tung, hốt hải chạy đến đồn cảnh sát. Ngay từ ngoài cửa, ông ta đã kêu lớn:

– Giết người, thưa ngài chỉ huy!

– Ở đâu, khi nào, ai? - Chánh cảnh sát Growes hỏi.

– Đi theo tôi, tôi sẽ chỉ cho các ông thấy.

– Khoan đã, ông sẽ chỉ cho chúng tôi thấy cái gì?

– Xác chết.

– Ai bị giết?

– Tôi không biết, thưa ngài. Nhưng cái xác chết ấy được kéo đến trong bao tải!

– Ai kéo xác đến?

– Đàn ông: Mặc áo bành tô da lạt đà ngắn, và mũ...

Ừ, mũ cũng giống bành tô.

Cảnh sát liền đi đến công viên và tìm thấy trong bụi cây một bao tải. Họ quan sát hiện trường và kết luận rằng thủ phạm không giết người. Hắn chỉ mang xác chết đến đó thôi. Chắc phải là một người to lớn, vì bao tải nặng không bị kéo lê trên đất. Nhân chứng mặc áo blu đi đi lại lại một chốc rồi biến mất. Trong khi đó cảnh sát mở bao tải và lôi ra một xác người không tay, không chân và cũng chẳng có đầu.

- Dễ hiểu thôi mà. Không để lại vân tay. Không thể nhận diện được. Nhưng, xin các ngài chú ý...! - thám tử Growes ngẩng lên nhìn mọi người chờ đợi. Không thấy ai lên tiếng, ông nói tiếp, - Thủ phạm đã phạm một sai lầm tai hại. Các ngài hãy xem đây hẳn quên mất cái này. Chú rồng con này sẽ đi tìm hắn.

Ở trên cổ tay, nơi các thủy thủ thường chạm mỏ neo và các nàng tiên biển với tên người yêu, nạn nhân có chạm một con rồng kiểu Trung Quốc.

Năm 1967, ở cục hồ sơ FBI ở Pennsylvania Avenue người ta đã xử dụng hệ thống điện tử nhận dạng bằng các ký hiệu. Họ có nhiều nhất là hai ba trăm con rồng Trung Quốc. Và thế là cảnh sát nhanh chóng tìm ra nạn nhân tên là William Kerr, cánh tay phải của bố già Mafia Joseph Bonanno. Vài tuần nữa Bonanno phải ra trước toà vì tội giết người, hối lộ và buôn ma tuý.

Ngày hôm sau người mặc áo blu lại xuất hiện ở đồn cảnh sát.

- Tôi phải xin lỗi ngài, thưa ngài chỉ huy, nhưng hôm qua tôi sợ quá nên quên mất, hẳn ta đi đến bằng xe Chrysler màu xanh đen. Đây là số xe. Tôi đã ghi lại cho chắc ăn.

Cái gì quá dễ dàng cũng đáng ngờ, nhất là trong nghề hình sự. Nếu cái đó có liên quan tới thế giới ngầm Mỹ hay thậm chí Mafia, thì lại đáng ngờ gấp hai lần. Growes gọi điện đến phòng quản lý xe máy và được biết chiếc xe Chryslers xanh đen là của Roge Spilsbury một phụ tá thành thạo của Bonanno. Gangster thanh toán “nợ nần”? Tại sao lại nhét xác vào bao tải? Tại sao lại mang xác đến công viên Những gangster nhà nghề không bao giờ làm như thế cả.

Những nghi vấn của thám tử Growes được sáng tỏ khi ông được biết Spilsbury và Kerr đều là những nhân chứng quan trọng trong vụ án xét xử Bonanno sắp tới. Sau đó, Growes nhận được báo cáo là cảnh sát đã lần ra nơi ẩn náu của Spilsbury. Người ta xông vào khách sạn nơi Spilsbury trốn,

dưới một tên giả, nhưng y nhả đạn như điên vào cảnh sát và cuối cùng bị cảnh sát bắn chết.

Trong phòng có treo bành tô da lạc đà. Có vương vài sợi chỉ gai của bao tải đựng xác chết. Thế là đã rõ ai là hung thủ, song người ta vẫn thắc mắc, tại sao Spilsbury lại giết đồng bọn là Kerr và tại sao y lại để lại nhiều dấu vết ngây thơ vỡ lòng như vậy.

Hai nhân chứng chết. Ngẫu nhiên mà hai tên Mafia bất đồng thanh toán lẫn nhau? Có thật cảnh sát vụng về đến mức không bắn vào chân khi bắt Spilsbury? Chẳng phải những chuyện ngẫu nhiên là quá nhiều sao? Nhất là đằng sau vụ giết người, có thể cảm thấy bàn tay của Mafia và Joe Bonanno?

Vậy tên bố già Mafia đáng sợ, lúc nào cũng ăn diện và xử sự như ông chủ nhà băng với những móng tay trau chuốt cầu kỳ đó là ai?

Sự nghiệp của Bonanno bắt đầu chính xác vào thời điểm mà ngôi sao chiếu mệnh của Adonis tàn lụi, Joe Adonis, tên tội phạm tàn ác, không bao giờ bị bắt quả tang. Cảnh sát không thể thu thập được các bằng chứng thuyết phục để luận tội y. Nhưng tên gangster xảo quyệt một việc vụn vặt và y phải trả giá đắt cho sự vô ý đó. Năm 1953, Joe Adonis đến Cuba, nơi y có cổ phần trong các casino. Trong hộ chiếu của y có ghi rằng công dân Hoa Kỳ Joe Adonis sinh năm 1901 tại nhà số 26, đường State Street, thành phố Passaic thuộc bang New Jersey. Có trời mà biết tại sao số liệu đó làm cho các nhân viên sở di tản nghi vấn và họ đã gọi điện hỏi cảnh sát địa phương. Bức điện trả lời mới bất ngờ làm sao. Năm 1901, đường phố State Street chưa có, như vậy không thể có ngôi nhà số 26 để Joe Adonis ra đời ở đó được. Mảnh khoé này không phải là mới. Hàng trăm nghìn, có thể là hàng triệu dân di tản bất hợp pháp đã làm giấy khai sinh giả, chỉ tốn khoảng vài chục dollar, và làm như họ đã sinh ra ở châu Mỹ.

Joe Adonis là một người có thể lực. Từ năm 1935, y là chủ nhân của hãng Automotive Conveying Company of New Jersey, trong nhiều năm,

độc quyền chuyên chở xe “Ford” từ nhà máy ở Edgewater đến các cửa hàng ở vùng bờ biển phía đông. Đây là một ngành kinh doanh béo bở. Hàng trăm xe tải khổng lồ, hai tầng đầy ắp xe Ford mỗi xuất xưởng, chạy liên tục 24 trên 24 giờ. Nhưng tại sao Ford Company lại ký hợp đồng dài hạn với gangster Adonis? Người ta đã điều tra được là ban quản trị của hãng không còn đường nào khác.

Adonis giành được vị trí độc quyền của mình một cách đáng ngờ. Một hãng cạnh tranh khác là New Carriers Company cũng có ý định ký hợp đồng. Trong cuộc họp đầu tiên, ủy ban liên bang phải hoãn việc xét các đề nghị hợp đồng và đến phiên họp sau một tháng thì hãng cạnh tranh đã không còn tồn tại.

Adonis tên thật là Giuseppe Dotto, người Sicilie và y đến Hoa Kỳ bằng con đường bất hợp pháp. Y là bạn hữu của các bố già Mafia Frank Costello và Meyer Lansky. Nhưng rồi cuối cùng mọi phản đối và hối lộ đều vô ích. Năm 1956, y bị trục xuất khỏi Hoa Kỳ trên tàu thủy “Comte Bianca Mono” đến Janoy. Phần lớn các kinh doanh chuyển sang tay Joe Bonanno. Bonanno trở thành một trong năm, nhiều nhất là bảy, bố già quan trọng nhất của Mafia. Song năm 1967, y phải ra trước tòa vì các tội ác của mình.

Bonanno không mấy may lo sợ. Hai nhân chứng quan trọng nhất là Kerr và Spilsbury đã vĩnh viễn im miệng và thế là y cùng bốn luật sư bào chữa có tiếng nhất Hoa Kỳ bình tĩnh ngồi vào chỗ của mình. Hàng ngày báo chí tường thuật cuộc đọ sức giữa các luật sư bào chữa của Bonanno và ủy viên công tố Kimbell. Bonanno có uy thế và y cũng theo đó mà xử sự. Y lơ đãng không thèm để ý đến các nhân chứng, thậm chí còn ngủ gật và bị cảnh cáo là coi thường tòa án.

Ngày thứ tư của phiên tòa, một xe cảnh sát bọc kín xuất hiện và với sự hộ tống của hai hàng cảnh sát ken dày, hai người đàn ông lưng còng đội mũ sụp đi đến sảnh đường tòa án. Ủy viên công tố Henry Kimbell đã chờ họ ở cửa ra vào. Họ chào nhau rồi tiến vào bên trong.

- Thưa tòa. Thưa các ngài thẩm phán, - viên công tố bước ra trước tòa.-
Tôi yêu cầu thẩm vấn các nhân chứng.

- Nhân chứng nào? - Chánh án hỏi.

- Họ tên là Kerr và Spilsbury.

- Họ đã chết rồi mà! - Chánh án kêu to.

- Không, thưa tòa. Họ sẽ khai trước tòa.

Sự xôn xao ở sảnh đường và sự kiện giật gân ở trang nhất các báo. Các ký giả chạy vội đến máy điện thoại. Vào thời điểm đó, Joe Bonanno và các luật sư bào chữa hiểu rằng họ không có cơ hội chiến thắng. Ủy viên công tố Henry Kimbell đã đưa họ vào bẫy. Ông đã dàn dựng thành công hai vụ giết người.

Màn kịch thứ nhất xảy ra ngày 12.9.1967. Khoảng 4 giờ chiều có tiếng chuông điện thoại trong văn phòng ủy viên công tố Kimbell và một người đàn ông lạ lên tiếng. Người đó không chịu nói tên, nhưng thông báo là có một tin rất quan trọng. Vì các lý do an toàn, anh ta không muốn và cũng không thể đến chỗ Kimbell cho nên đã đề nghị gặp nhau ở một chỗ trung lập ngoài New York.

Đó quả là một đề nghị kỳ quặc, song ủy viên công tố Kimbell là một người từng trải. Ông không sợ rơi vào bẫy và đã thỏa thuận hẹn gặp với người nọ.

- Tôi đã tố giác hắn, thưa tòa - Spilsbury nói trước tòa.

- Anh đã tố giác ai?

- Joe Bonanno.

- Về việc gì, nhân chứng Spilsbury? - chánh án hỏi.

– Tôi tố giác rằng Joe Bonanno đã ra lệnh cho tôi giết Billy Kerr.

Chắc chắn là trong lịch sử tư pháp Hoa Kỳ không thiếu chuyện bất ngờ. Song cho đến bây giờ còn chưa xảy ra chuyện nhân chứng chết ra khai trước tòa. Vì vậy ủy viên công bố Henry Kimbell phải giải thích việc tâm không bình thường của mình. Ông ta phải yêu cầu tòa chấp nhận phương pháp mới nghe tưởng chừng không hợp pháp.

Kimbell biết là ông không có hy vọng chống lại Mafia. Giống như nhiều vụ khác, các nhân chứng của ông sẽ không sống đến ngày xử án bố già Bonanno. Cho nên ông đã vạch ra kế hoạch đánh lừa bị cáo Bonanno và các luật sư của y.

Spilsbury được lệnh giết Kerr để tên này không thể khai chống lại Bonanno trước tòa. Tên giết thuê biết rõ mình có thể trở thành nạn nhân tiếp theo vì y còn lạ gì người đặt hàng. Biết là mạo hiểm nhưng cuối cùng, y đã gọi điện cho ủy viên công tố Kimbell, tìm gặp Kerr và thông báo rằng hẳn đã bị Bonanno kết án tử hình. Billy Kerr biết rằng y không thể chống lại bọn giết thuê. Nếu Spilsbury không giết y thì đã có kẻ khác. Cho nên y quyết định giả chết để rồi chờ đợi tình hình sáng sủa trong nơi ẩn trốn an toàn.

Trong khi dàn dựng vụ giết người, ủy viên công tố Kimbell biết rằng kịch bản phải giống sự thực cho đến từng điểm nhỏ, rằng cảnh sát phải nhập vai thật khéo, khiến cho những ký giả săn tin giật gân không mấy may nghi ngờ. Nghĩa là ông phải đạo diễn một vụ giết người hoàn hảo.

Ông đi gặp người quản lý nhà xác ở Brooklyn. Họ chọn một xác đàn ông, được dành cho Viện nhân chủng học làm thí nghiệm, và tiến hành các phẫu thuật cần thiết. Cắt đầu và bàn tay không khó, chạm một con rồng Trung Quốc lên cánh tay tử thi mới là công việc vất vả. Nhưng cuối cùng thì người ta cũng làm xong việc đó. Spilsbury chờ bao tải đựng xác chết đến

công viên trong xe Chrysler xanh đen, sau đó y gọi điện cho Bonanno báo tin hoàn thành nhiệm vụ.

Bonanno ra lệnh cho Spilsbury “lặn” ngay, càng sớm càng tốt. Tên này chuyển đến ở trong một khách sạn rẻ tiền ở Harlem. Một người bán sữa phát hiện ra xác chết và đi báo cảnh sát. Nhưng đây là người của Kimbell, một vai trong vở kịch, cảnh sát đi đến hiện trường và cùng với họ là các ký giả, không may mắn nghi ngờ họ đã làm nốt phần công việc thứ hai cho Kimbell. Họ đã làm cho dư luận, nhưng trước hết là cho Bonanno và các luật sư bào chữa tin rằng một nhân chứng nguy hiểm sẽ không xuất hiện trước tòa.

Bây giờ đến lượt Spilsbury. Y chờ những kẻ tới giết mình trong phòng ở khách sạn. Lần này không phải là những tên giết thuê của Mafia. Theo kịch bản, Spilsbury sẽ bị cảnh sát vô ý bắn chết trong khi vây bắt. Cả người y run bần bật vì sợ hãi, y không tin rằng mọi chuyện sẽ xảy ra đúng theo phương án. Làm sao y biết được ai sẽ gõ cửa phòng khách sạn?

Khoảng sáu đến tám giờ sau khi xác Kerr giả được phát hiện, trong hành lang khách sạn tranh tối tranh sáng, bỗng vang lên tiếng chân người. Sau đó có tiếng gõ cửa.

– Mở cửa, cảnh sát.

Họ đã thoả thuận, tất cả chỉ được phép có đạn giả, Spilsbury cũng vậy. Nhưng y sẽ tự vệ bằng cái gì nếu như phía bên kia không giữ lời? Biết đâu không phải là cảnh sát mà là tay chân của Bonanno, bởi vì sếp đã biết được sự phản bội của y?

Màn kịch kết thúc tốt đẹp. Sau một lúc do dự, Spilsbury mở cửa và hai người lạ mặt cầm súng lục bước vào. Họ mỉm cười thân thiện và chìa súng lên trần nhà bắn vài phát. Spilsbury thở phào, y cũng bắn vài viên đạn giả. Sau đó theo kịch bản, y nằm xuống sàn nhà.

Vừa mới có tiếng súng nổ, trên hành lang đã xuất hiện những kẻ tò mò, thậm chí có cả phóng viên. Cảnh sát không cho ký giả vào trong, bởi vì “xác chết” chưa nằm đúng kiểu. Spilsbury, vẫn chưa lấy lại bình tĩnh, nằm ngửa, mắt quả có nhắm giả vờ chết, nhưng lòng mi vẫn còn rung rung. Người ta khuyên y nằm úp mặt xuống đất.

– Thế là hết đời - một cảnh sát nói và ra hiệu cho ký giả chụp ảnh.

Lúc này đã có hàng chục nhân viên khách sạn và cả khách trọ nữa, tụ tập ngoài hành lang và mọi người có thể làm chứng cho việc cảnh sát trong khi tự vệ đã bắn chết tên gangster. Cảnh sát gọi điện đến nhà xác thành phố để họ đến lấy xác.

Những người làm công mặc áo choàng trắng mang quan tài vào trong phòng và đóng cửa lại. Spilsbury ngồi dậy và nằm vào trong quan tài có lót nệm. Người ta đóng nắp quan, khiêng quan tài xuống dưới, ra cửa sau. Một chiếc xe packard đen chờ sẵn chờ quan tài về nhà xác. Khi trời nhá nhem tối. Spilsbury được đưa ra cửa sau, ủy viên công tố cùng hai phụ tá đã chờ sẵn trong xe. Họ đi đến một kho vũ khí quân đội được canh gác cực kỳ nghiêm ngặt, dành làm nơi trú ẩn cho Spilsbury và Kerr cho tới phiên tòa xét xử Joe Bonanno. Ở đó hai tên gangster đã viết hơn 400 trang hồ sơ kể lại các tội ác của Bonanno và băng của hắn.

Trước tòa án ở Mỹ, bản khai hoàn toàn không có giá trị, cho nên Kerr và Spilsbury phải nhắc lời khai trước hội đồng thẩm phán. Joe Bonanno và các luật sư bào chữa hiểu rằng họ đã bị mắc bẫy. Bởi thế họ đã linh hoạt thay đổi chiến thuật. Bị cáo Joe Bonanno bỗng khó thở, gục xuống rên rỉ, hai tay ôm ngực, mắt trợn ngược và bất tỉnh nhân sự. Một cơn đau tim. Người ta khiêng y ra ngoài không khí mát mẻ, làm y tỉnh lại. Các luật sư bào chữa yêu cầu tạm ngừng phiên tòa. Họ yêu cầu gọi bác sĩ đến ngay tức thời, thân chủ của họ vì quá phẫn nộ với sự “tráo trở” trắng trợn của ngài ủy viên công tố đã lên cơn đau tim.

Joe Bonanno nằm xuống sàn nhà. Bác sĩ pháp y đến khẳng định triệu chứng đau tim. Ủy viên công tố yêu cầu bắt giam Bonanno và đưa vào bệnh viện nhà tù. Nhưng chánh án theo quy chế xử án, đã hoãn phiên tòa và cho phép đưa Bonanno đến nhà thương tư.

Henry Kimbell không tin là đã thua cuộc. Song các nhân chứng Kerr và Spilsbury hoảng sợ đã từ chối làm chứng. Họ biết rằng ủy viên công tố không thể giấu họ mãi trong kho vũ khí được, vì thế họ quyết định im lặng. Mọi cố gắng của Kimbell đều vô ích, và thế là ông quyết định phươg án khác. Ông cho giải hai người vào tù và sáng hôm sau giám đốc nhà giam đưa cho họ quyết định bắt họ, ủy viên công tố nghĩ rằng bằng cách đó ông bảo đảm sự tham dự của các nhân chứng trong phiên tòa. Dù sao thì ông cũng có hơn 100 trang tự thú và ít ra thì có thể buộc họ tội tòng phạm.

Nhân chứng thì bị cùm còn Joe Bonanno thì được tự do. Dù bị đau tim thật hay chỉ làm ra vẻ như vậy, Bonanno và các luật sư đặc lực của y chắc hẳn không ngồi bó tay. Ngay ngày hôm sau đã xuất hiện trong văn phòng ủy viên công tố Kimbell hai người mặc thường phục, họ trình thẻ CIA và đưa ra quyết định của chánh án liên bang tối cao Earl Warren bắt Spilsbury và Kerr vì tình nghi tham dự một vụ làm bạc giả lớn.

Mặc dù cuộc điều tra được giữ cực mật, Kimbell được biết đó là vụ làm bạc giả với tối thiểu 50 triệu dollar đã được đưa ra sử dụng. Số lượng tiền giả tổng cộng được ước đoán tới năm tỉ dollar.

Chúng ta biết quá rõ sự hợp tác giữa CIA và Mafia Hoa Kỳ, Bonanno thì có những ngón tay dài. Không khó khăn gì trong việc nhét vài túi bạc giả vào nhà Kerr và Spilsbury. Và cũng không gì dễ hơn việc tiết lộ với cảnh sát hay trực tiếp với CIA, như là khoản nợ phải trả, rằng hai người này có dính líu vào một vụ áp phe, rằng chỉ cần khám nhà họ thì rõ.

Ủy viên công tố Henry Kimbell mất hai nhân chứng chủ yếu, còn Joe Bonanno, bình phục sau cơn đau tim, tự tin bước vào sảnh tòa. Ngày 21-12-

1967, hội đồng thẩm phán hai mươi người tuyên bố: Vô tội. Chánh án đã phải tha bổng bố già Mafia vì thiếu bằng chứng.

Ngày 12.1.1968, người phát ngôn của Cục tình báo trung ương CIA triệu tập một cuộc họp báo ở New York và thông báo với các phóng viên rằng các cơ quan an ninh Hoa Kỳ đã phát hiện được một vụ áp phe tiền giả khổng lồ. Trên sân bay Kennedy ở New York, các điệp viên CIA đã bắt giữ luật sư Joe Lee, định bay ra ngoại quốc với 4,7 triệu dollar giả, 50 triệu dollar đã tìm thấy ở nhà những người trung gian. Phần lớn gangster tham dự vụ áp phe đã bị bắt, trong đó có William Kerr và Roger Spilsbury.

CÁI CHẾT CỦA DON GIOVANNI

“Bố già” Sam Giancana là chủ nhân của dinh thự kiểu Tây Ban Nha cổ ở khu phố Oak Park dành riêng cho các triệu phú ở Chicago. Ngày 19-6-1975 khoảng nửa đêm, ông chủ già nằm chết trong bếp.

Suốt tối hôm đó, quản gia Dispersio cùng vợ xem vô tuyến. Trước khi đi ngủ, ông ta còn ra vườn và thấy trong bếp có ánh sáng. Ông ta liền vào bếp để tắt điện. Ông kinh hoàng thấy ông chủ nằm trong vũng máu. Giancana mặc áo sơ mi ngắn tay màu trắng và mang giày đi trong nhà, rõ ràng là y đi xuống bếp lấy bia. Dispersio lập tức quay số điện thoại của cảnh sát.

Sau vài phút, một tốp điều tra đi đến hiện trường. Trong khi xem xét tử thi, chánh cảnh sát Peter Vaire xác định rằng Giancana bị bắn một phát vào đầu từ phía trước và nằm phất vào gáy. Sau khi kiểm tra kỹ hiện trường toàn bộ khu biệt thự, cảnh sát xác minh kẻ giết người lọt vào bên trong không phải bằng sức mạnh. Hẳn được chính Giancana mở cửa cho vào. Như vậy Giancana phải biết kẻ giết người. Có lẽ họ còn uống rượu với nhau nữa, vì trên bàn còn hai cốc uống dở.

Kích thước vũ khí giết người cũng quá nhỏ, không phải kiểu thường dùng của những tên giết người chuyên nghiệp. Bọn này hầu như chỉ dùng các súng lục cỡ lớn. Nhưng nếu đó không phải là kẻ giết thuê, thì ai đã hạ sát bố già Mafia? Cảnh sát không tìm ra một dấu vết nào khả dĩ có hy vọng. Tuy nhiên nhiều giả thiết có thể suy ra từ các sự kiện trước đó gợi ý cho hướng điều tra, và thế là thám tử tiếp tục điều tra. Họ không tìm thấy bằng chứng mà chỉ xác minh được rằng Sam Giancana có tham dự chiến dịch tội ác của Mafia và CIA nhằm ám hại Fidel Castro và trong những ngày sắp tới y sẽ bị ủy ban thượng nghị viện hỏi cung. Người ta sợ y tiết lộ bí mật? Tất nhiên là như vậy.

Vào thời gian này, bố già Mafia quyền lực đã ở tận cùng sức lực của mình. Trước đó không lâu, y đã bị mổ mật, cần phải được yên tĩnh hoàn toàn để điều trị. Nhưng chẳng bao lâu nữa, Giancana phải ra trước ủy ban điều tra và thế là các thám tử FBI và những người lạ mặt khác nữa liên tục đến gặp và đặt câu hỏi cho y. Y quyết định quay về biệt thự ở Chicago, mặc dù vẫn còn rất yếu, chắc chắn là kẻ giết người không phải vất vả lắm.

Vậy thực tế gangster Giancana là ai mà leo cao đến thế trong thang bậc xã hội? Làm thế nào mà một tên tội phạm bố già Mafia nổi tiếng lại có thể can thiệp vào chính trị và tham dự mưu đồ đen tối của CIA với hiệp hội tội ác chống nước Cuba cách mạng.

Sự nghiệp của Salvatore Giancana biệt hiệu là Momo, Mos hay Mooney, tương tự như tiểu sử các tên gangster khác của thế giới ngầm Hoa Kỳ. Y bắt đầu như tên ăn cắp vặt, lớn lên trên đường phố, nơi hiện hành luật rừng không thương tiếc “ai thắng ai”. Khi còn niên thiếu, y đã là thành viên của “băng 42” khét tiếng, hành hoành còn trước cả băng Al Capone. Mới chưa đầy 20 tuổi, y đã ba lần bị tình nghi giết người. Nhưng lần nào y cũng được tha vì thiếu bằng chứng. Thỉnh thoảng y cũng phải vào tù một thời gian ngắn, khi thì vì tội trốn lậu, lúc thì vì nấu rượu lậu. Khi phát hiện ra nguồn thu nhập dễ dàng bằng xổ số bất hợp pháp, y đã tổ chức một mạng lưới văn phòng xổ số khổng lồ, tiêu diệt các hãng cạnh tranh, mang lại cho Mafia hàng triệu dollar. Y là tên gangster bách nghệ và được bố già Mafia Accardo phong chức phó tướng.

Hiệp hội tội ác ở Chicago có tiền thân là băng Al Capone từ những năm 20 và 30 khi phải vào nhà tù Alcatraz, vương trượng của y được bàn giao cho Frank Nitti và tên này trị vì thế giới ngầm Chicago một cách khôn ngoan và tàn nhẫn cho đến năm 1943. FBI thu thập được của y các bằng chứng tổng tiền các hãng phim và đang chuẩn bị đưa ra tòa thì Frank Nitti không vững thần kinh đã tự sát. Tony Accardo, Biệt hiệu là “Big Tuna” (cá

ngừ lớn) nguyên là vệ sĩ của Al Capone lên thay Frank Nitti. Năm 1957, bị thuế quan truy nã, y hoảng sợ bàn giao quyền hành lại cho Giancana.

Vào thời gian này, Sam Giancana đã là một “bố già” với tất cả những gì thuộc về khái niệm đó. Y và các thứ trưởng của mình sống trong những biệt thự rộng lớn bên cạnh các triệu phú khác. Chúng có văn phòng đầy đủ tiện nghi những ngôi nhà đắt nhất, trên các đường phố cũng đắt nhất. Ban quản trị hiệp hội tội ác tiến hành các cuộc họp trong các phòng họp rộng lớn như của các nhà băng lớn. Doanh thu thì cũng thế hoặc lớn hơn, còn lãi thì nhiều hơn thu nhập của các liên hiệp công nghiệp. Tiền bất hợp pháp được chúng đầu tư vào tất cả các ngành kinh doanh hợp pháp.

Cho đến năm 1937 Tony Accardo quả là một “sếp lớn”, sống trong biệt thự rộng rãi giá nửa triệu dollar ở River Forest. Biệt thự có hai mươi hai phòng tiện nghi đắt tiền, hai sân chơi golf, bể bơi có mái che, nhà chơi bi a và sáu bể tắm bằng đá quý. Khóa và vòi nước đều bằng vàng.

Khu đất rộng lớn được một hàng rào cao bao quanh, lúc nào cũng có sáu con chó bécgiê Đức canh giữ. Những người làm vườn mặc quần bò xanh, đội mũ rơm đều là các vệ sĩ vũ trang của y. Mặc dù tự nguyện về hưu, ý kiến của y vẫn được tôn trọng. Y có ảnh hưởng đáng kể và quyền lực lớn. Y chỉ bị ngồi tù duy nhất có một đêm.

Năm 1929, trong cuộc chiến tranh các hăng ở đường phố Chicago, y bị tình nghi giết người, sáng ra Chánh án đã thả y về nhà.

Các bạn hàng, cộng sự và đồng phạm của Sam Giancana và Tony Accardo cũng đáng được nhắc đến. Chúng hoàn toàn không phải là những kẻ mới vô nghề, Murray Humphreys từng làm cố vấn tài chính và tư pháp cho Al Capone. Sau đó y làm việc cho Accardo và Giancana. Y có những quen biết đáng kể trong giới chính trị bao giờ cũng tìm ra những khe hở trong rừng luật pháp Hoa Kỳ và biết cách hối lộ bất cứ ai.

Murray Humphreys sống trong căn hộ đắt tiền ở Chicago hoặc trong biệt thự ở Florida. Riêng hệ thống báo động điện tử đã trị giá 200.000 dollar. Không bao giờ y bị luận tội cả. Một lần y bị rắc rối vì trốn thuế và chánh án có nhân chứng quan trọng là người môi giới chứng khoán Irving Vine, chồng cũ của vợ Humphreys Betty Jane có thể buộc tội được Humphreys trước tòa. Một phần Vine có bằng chứng cụ thể, một phần y hận Humphreys phồng mất vợ. Song Vine đã không ra trình trước tòa. Một thủ phạm lạ mặt đã giết Vine một ngày trước khi phiên tòa xử Humphreys. Vine bị đánh bất tỉnh nhân sự rồi bị dán kín mồm, mũi bằng băng y tế. Nhân chứng Vine bị chết ngạt. Hung thủ biến mất và phiên tòa xử Humphreys phải dừng lại vì thiếu bằng chứng.

Mafia vẫn còn trị vì ở Chicago. Nó có mặt ở khắp nơi. Bít tết bạn mua ở nhà hàng là của hiệp hội tội ác. Whisky và bia cũng ở hiệp hội. Dịch vụ vệ sinh phải nộp 10 dollar, người giữ đồ cũng phải nộp thuế. Các hiệu giặt, là khăn bàn là của Mafia. Mafia nắm cả việc đổ rác, quảng cáo, gara, mua vé máy bay và lắp ráp thiết bị. Hàng năm, ba tỉ dollar qua tay các “bố già”. Như trong quá khứ, các chủ quán ăn, quầy thịt bị bắt buộc mua hàng của Mafia với giá định trước. Mỗi người đều biết sẽ không sống nổi nếu dám chống lại Mafia, và thế là mọi người chịu khuất phục áp lực của nó. Nhiều người khác lại không biết mình là khách hàng của Mafia.

Trung tâm Chicago là quận Một, nơi tập trung hầu hết đời sống buôn bán và văn hóa. Nhà băng, rạp hát, trung tâm thương mại Sears và Wollworths, khách sạn và nhà hàng sang trọng chen chúc trên các phố ngay từ thời Al Capone, người bảo vệ quyền lợi của Mafia.

Ngày nay Chicago vẫn không thay đổi mấy so với thời Al Capone. Các vụ giết người còn tiếp tục diễn ra trên đường phố, các xác chết còn tiếp tục được ném xuống hồ Michigan. Một trong các nhà hàng nổi tiếng nhất Chicago là “The Living Room”. Các nhân vật tiếng tăm cỡ thế giới, từ các tù trưởng da đỏ, các ông hoàng từ Ấn Độ cho đến Frank Sinatra và Liz

Taylor đã từng ăn trưa hay ăn tối ở đây. Cách đây không lâu, chủ nhân nhà hàng vẫn là Arthur Adler. Ông ta không làm ăn với thế giới ngầm và hiển nhiên là phải va chạm với Mafia. Một hôm ông ta biến mất không để lại dấu vết gì. Cảnh sát điều tra không kết quả. Sau hai tháng những người vét cống phát hiện ra xác của ông ở trong một đường cống chính. Mặc dù xác chết bị lột hết quần áo và đã bắt đầu phân rã, người ta vẫn nhận ra ông.

Cảnh sát Chicago tiến hành điều tra nhưng không phát hiện ra dấu vết nào cả và thế là người ta đưa ra hai giả thiết. Rush Street thuộc vùng kiểm soát của Mafia. Mở nhà hàng “The Living Room”, Adler đã làm ăn cạnh tranh với Mafia. Sau này khi ông ta mở cả nhà hàng “The Black Onyx”, gangster đã hăm dọa bắt ông phải trả tiền “bảo hiểm”. Nghe đâu lúc đầu Adler có trả. Nhưng sau đó ông ta gặp khó khăn về tài chính, hay có thể ông ta giả vờ như vậy, và dọa sẽ tố giác Mafia trước tòa.

Giả thiết thứ hai cũng có thể xảy ra. Các thành viên thế giới ngầm thường hội họp trong các bar ban đêm để bàn chuyện làm ăn. Một tay Mafia không rõ tên đã ăn cắp trong một khách sạn sang trọng các đồ trang sức giá trị. Hẳn mang đến nhờ Adler bán hộ. Nghe đâu Adler đã ăn bớt một phần không nhỏ và như thế, ông ta đã tự ký bản tử án.

Bác sĩ pháp y cho rằng Adler bị chết ngạt. Song sau này cảnh sát biết được từ một điểm chỉ viên rằng trước hết gangster đã tra tấn Adler, bắt nộp tất cả tiền. Sau đó chúng chở ông ta đến nhà lạnh ướp thịt, bơm nước vào tai rồi ném xác xuống cống. Năm 1957, chủ nhà hàng Leon, Marcos, bị bắt cóc và sau khi đàm phán về tiền chuộc không kết quả, ông bị giết chết. Marcos là một trong những người sáng lập và là cổ đông chính của hãng Southmor Bank and Trust đóng tại Chicago. Tên giết người đã sơ suất không lục túi nạn nhân, cảnh sát đã tìm thấy không những sáu nghìn dollar tiền mặt mà cả bản sao phiếu nhận 100.000 dollar. Điều đó có nghĩa là, chủ nhân thật sự của khách sạn River Road là bố già Mafia. Còn tên giết Marcus phải trả giá cho sự sơ suất bằng sinh mệnh của mình. Hai tuần sau cái chết

của Marcus, cảnh sát đã phát hiện xác chết của Salvatore Morett, vệ sĩ của Giancana.

Vương quốc tội ác của Giancana được tổ chức như một lĩnh vực công nghiệp phát đạt. “Bố già” chia nó ra làm ba vùng do các thủ lĩnh địa phương cai trị. Đích thân Giancana quản lý West Side (Miền Tây), sếp North Side (miền Bắc) là Ross Prio, còn Frank La Porta chỉ huy South Side (miền Nam). Cả hai có chức vụ “Caporegime” (sếp vùng) giống như các thứ trưởng của Giancana. Prio là chuyên gia đặt thuốc nổ và gây ra các đám cháy. Y sống trong một biệt thự lớn ở Glenview với vườn cây tuyệt đẹp. Các con của y tốt nghiệp đại học, tham gia tích cực của hoạt động xã hội.

Còn La Porta thì mua một biệt thự sang trọng trị giá 100.000 dollar ở Elise Moor thuộc bang Illinois, y là tên gangster được bảo vệ cẩn thận nhất, tiểu đội vệ sĩ của y gồm hơn một tá tay súng thiện nghệ. Các phóng viên và cảnh sát thì không sao chụp ảnh được y. Y làm giàu bằng kinh doanh mãi dâm và cờ bạc.

Cảnh sát ước đoán Giancana có chừng 500 thuộc hạ. Đối thủ của y là hơn 5.000 cảnh sát địa phương, cảnh sát bang và cảnh sát liên bang. Mặc dù vậy, đây là trận chiến không cân sức, Phe chiếm ưu thế lại là gangster.

Chánh thanh tra cảnh sát Wilson tuyên bố: “Hiện nay chúng tôi bất lực đối với các “bố già” Mafia. Tổ chức nhiều tầng đảm bảo an toàn cho chúng. Chúng tôi không thể tiếp cận chúng được. Trong hoàn cảnh như vậy, chúng tôi cố gắng hạn chế hoạt động của chúng bằng cách truy nã mãi dâm và cờ bạc. Chúng tôi không ngừng tổ chức vây ráp”.

Sam Giancana ở trên đỉnh cao quyền lực trong những năm 70. Các điệp viên CIA yêu cầu y hợp tác vì y là người có thế lực cả trong hậu trường chính trị Hoa Kỳ. Trên bình diện chuyên nghiệp, y xếp ngang hàng với thống đốc Chicago Richard Daley, người trị vì Chicago từ những năm 50 và là chính khách hàng đầu của đảng Dân chủ ở bang Illinois. Giancana đã ủng

hộ chính sách của Daley với tất cả khả năng của mình. Trong cuộc bầu cử năm 1960, ứng cử viên Kennedy thắng cử ở vùng Chicago, số phiếu bầu ông ta nhiều hơn cả số cử tri. Trò gian lận này là công việc của tay chân Giancana.

Gangster những năm hai mươi đã biến khỏi vũ đài. Ngày nay, chúng ăn mặc sang trọng chẳng khác các chủ ngân hàng hay các nhà công nghiệp. Chúng được xã hội chấp nhận, giúp đỡ các chính khách và ngược lại được các chính khách giúp đỡ. Thống đốc Daley bổ nhiệm chức giám đốc cảnh sát Chicago cho Agnew Signorel, anh họ của gangster Rocky Prann. Còn cháu của Giancana là Anthony de Tolve thì trở thành nghị sĩ bang Illinois.

Các cuộc nói chuyện của phóng viên báo chí với những tên tội phạm là món “đặc sản” Hoa Kỳ. Thậm chí còn xuất hiện cả những bài phỏng vấn hung thủ giết người đang bị cảnh sát bắt lực truy nã. Những tên gangster và boss Mafia, với mức độ khác nhau, cũng thích nổi danh. Al Capone thì kiêu căng như một minh tinh màn bạc, còn Giancana cũng không từ chối phỏng vấn. Tờ Chicago Tribune (Diễn đàn Chicago) đã đăng bài bào chữa cho hội nghị Mafia: “Tại sao mọi người lại nghĩ rằng hiệp hội làm việc gì xấu? Tôi đi gặp bạn bè là lập tức bị nghi ngờ ngay. Các thương gia thỉnh thoảng phải hội họp chứ”.

Tháng 1 hăm 1965, Carlo Gambino triệu tập hội nghị thượng đỉnh Mafia ở nhà hàng Capri tại thành phố Cedarhurst thuộc bang New York. Trong chương trình nghị sự có một vấn đề kỳ quặc, chưa từng có trong lịch sử Mafia. Boss Carlo Gambino cử Sam Giancana làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền chuyên trách các vấn đề nước ngoài. Thế là cấp cao nhất Mafia đã thông qua việc hợp tác với Cục tình báo trung ương chống lại Cuba, đặc biệt là Fidel Castro.

Robert Maheu, một trong những người đề xướng “chiến dịch Mongoose” có quá khứ đáng ngờ. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Maheu là điệp viên của FBI, sau đó thành lập văn phòng điều tra tư, trong

khi đồng thời là chỉ điểm của CIA. Maheu quen biết nhiều gangster và đã đề nghị thu dụng John Roselli biệt hiệu don Giovanni cho “chiến dịch Mongoose”.

Tại sao Roselli lại đồng ý tham gia một chiến dịch nguy hiểm như vậy? 150.000 dollar tiền thưởng của CIA cho ai ám sát được Fidel Castro không phải là nhiều đối với gangster cỡ Roselli. Chúng ta hãy thử đi tìm lý do.

45 năm, John Roselli giữ kín tung tích của mình. Nhưng rồi một ngày đẹp trời, điệp viên FBI Jack Barron đến gõ cửa và Roselli giật mình: Bí mật đã không còn là bí mật nữa. Y tên thực là Filippo Sacco, sinh năm 1911 ở tỉnh Esterie, nước Ý. Lên sáu tuổi, Sacco cùng mẹ đến Hoa Kỳ, nơi người bố đã sinh sống vài năm ở East Boston. Bố Sacco chết sớm và người mẹ đi bước nữa. Bố dượng là một gangster của thế giới ngầm và Sacco được ông ta nhanh chóng truyền nghề.

Y rất ham học và chịu khó. Y đốt nhà bố dượng, lấy tiền bảo hiểm, mang theo tấm hình mẹ, người đã nuôi dưỡng y từ lúc còn ẵm ngửa, rồi trốn mất. Y trở thành người của băng Al Capone. Y kinh qua mọi chức vụ trong Mafia và khét tiếng dưới cái tên John Roselli.

Jack Barron là thám tử FBI có nhiệm vụ theo dõi Roselli và bạn của y là Fratiano. Không rõ Barron làm thế nào có được thông tin đó, chỉ biết một hôm anh ta đến nhà Roselli và đưa ra tấm hình mà tên gangster hơn bốn mươi năm qua giữ gìn như vật hộ mệnh. Roselli hiểu rằng một người thân tín đã phản y.

FBI nắm y trong lòng bàn tay. Hoặc là y phải làm việc cho FBI như người đưa tin, hoặc là y sẽ bị trục xuất khỏi Hoa Kỳ như dân di cư bất hợp pháp. Không còn đường nào khác, y phải cầu cứu Jack Barron. Thế là ngày 4.9.1960, ở nhà hàng Brown Doray Beverly Hills, Roselli nhận từ Robert Maheu nhiệm vụ đầu tiên.

Don Giovanni tiến hành việc tuyển mộ những tên giết thuê chuyên nghiệp. Y giao cho Richard Cain 90 nghìn dollar để lo việc tổ chức và y lui vào hậu trường. Cain mộ lính từ dân di tản Cuba và người Puerto Rico, vì điều kiện đầu tiên là biết tiếng Tây Ban Nha. Y chọn những tên giết người đã được thử thách trong thế giới ngầm Chicago và New York, một số thật sự có tập luyện trong các trại huấn luyện của CIA.

Richard Cain đã phải trả giá đắt cho hoạt động của mình. Bốn ngày trước Noel năm 1973, y ngồi uống bia với thịt nướng trong quán Rose Sandwich Shop ở Chicago. Bỗng hai người đeo mặt nạ bước vào, dí súng vào cổ Cain và bóp cò. Vũ khí giết người là loại súng săn Sicilie. Mafia trả thù? Cain đã làm gì chống lại Mafia? Đến nay người ta vẫn chưa tìm ra câu trả lời.

Sam Giancana bị giết chết ngày 19.6.1975 trong biệt thự của mình. Trước đó không lâu, chủ tịch ủy ban điều tra thượng nghị viện Mỹ Frank Churche đã gửi trát đòi y lên khai về các quan hệ giữa Mafia và CIA. Năm ngày sau cái chết của Giancana, Don Giovanni ra trước ủy ban điều tra. Trong áo vét xanh, quần nỉ xám và với cặp ngoại giao đen trong tay, trông y giống như ông chủ nhà băng. Ngày 24.6.1975, y xác nhận sự có thật của “chiến dịch Mongoose”. Y khai về việc tuyển mộ một gangster và các vụ mưu sát Fidel Castro. Y thú nhận là CIA có che chở cho những tên gangster hợp tác với CIA. Ngày hôm sau, y biến mất. CIA giúp y tránh sự trả thù với giấy tờ giả mang tên Kenneth Banstock. 11 tháng Don Giovanni sống yên tĩnh như một hưu trí giàu có ở bang Oregon. Chỉ có CIA và một vài cảnh sát biết được bí mật của y. Nhưng rồi một đêm tối trời, một tay súng lạ đột nhập vào nhà, bắn chết Don Giovanni trên giường và cẩn thận xóa hết các dấu vết. Sau đó hung thủ mang xác Don Giovanni xuống cầu thang, cho vào xe và đi mất. Không ai để ý thấy hung thủ và xe của hắn, cảnh sát đành chịu bó tay.

Ngày 7.8.1976 các ngư dân nhìn thấy trên vịnh Biscayne Bay một thùng to bập bênh trên sóng và dây xích cọ vào nhau leng xeng. Họ đến gần và nhận thấy mùi hôi thối bay ra. Người ta kéo thùng vào bờ và mở ra thì thấy một xác chết bị chặt mất chân, để nhét được vào thùng. Sau này cảnh sát xác minh đó là Don Giovanni - John Roselli.

NGƯỜI TÌNH CỦA TỔNG THỐNG

Trong lịch sử Mafia chỉ xuất hiện rất ít phụ nữ. Theo tập quán Ý, vợ những tên gangster chỉ lo việc bếp núc và không để ý tới công việc của chồng. Tình nhân gangster biết rõ họ có vinh dự bắt bớ với ai, cho nên tốt hơn hết là im lặng. Trường hợp Virginia Hill góp phần dẫn đến sự sụp đổ của gangster Bugsy Siegel và Judith Campbell Exner, tình nhân đồng thời của bố già Sam Giancana và Tổng thống J.F.Kennedy, là các trường hợp đặc biệt. Còn người thứ ba thì mãi sau cái chết của mình, bí mật mới được tiết lộ. Người đàn bà đó tên là Marilyn Monroe.

Milo Sperilio, giám đốc văn phòng điều tra “Nick Harris”, trong cuộc họp báo ngày 4.6.1982, tuyên bố rằng sau 10 năm điều tra, người ta nghi rằng ngôi sao màn bạc Monroe bị ám hại. Lý do? Marilyn Monroe là tình nhân của Tổng thống J. F. Kennedy và sau này còn bắt bớ với em trai của Tổng thống là Robert Kennedy, Bộ trưởng tư pháp. Monroe đã biết về kế hoạch ám sát Fidel Castro và sau khi chia tay với Robert Kennedy, bà ta dọa sẽ tiết lộ bí mật.

Giám đốc FBI Edgar Hoover đã 66 tuổi khi Robert Kennedy, mới 45 tuổi, trở thành sếp của ông ta. Kennedy có quyết tâm hơn và cũng nhiều phương tiện hơn những người trước ông trong việc chống tổ chức tội ác. Có lẽ Hoover ghen tức, bởi vì ông ta tự coi mình là một nhà hình sự có khả năng và không phạm sai lầm, duy nhất có quyền quyết định.

Bộ trưởng Kennedy là người hiếu thắng, nôn nóng, nhúng tay vào mọi công việc, ông ta coi giám đốc FBI là người hình thức hão và đạo đức cứng nhắc. Về phần mình, Hoover coi cả hai anh em là những playboy [86] và theo dõi cẩn thận các hành vi “thoải mái” của họ. Hoover có những thông báo tin cậy về các buổi dạ tiệc ở dinh thự của dòng họ Kennedy, Hickory Hill. Ông ta biết rõ từng người khác và bạn bè của họ. Hai anh em Kennedy luôn ra mắt công chúng như những người cha của các gia đình hạnh phúc,

họ thường chụp ảnh cùng vợ con. Song theo quan điểm của sếp FBI, họ là dân ăn chơi đàng điếm được bao quanh bởi các phụ nữ hấp dẫn.

Diễn viên Hollywood Peter Lawford là em vợ Tổng thống. Anh ta dẫn đến Hickory Hill một hội ngôi sao Hollywood như Sammy Davis con, Dean Martin và cả Frank Sinatra. Trong khi đó, việc Sinatra quan hệ với Mafia không còn là bí mật nữa. Nghe đâu chính Sinatra đã giới thiệu John Kennedy với mình tình màn bạc những năm 50 và 60, Marilyn Monroe. Hoover có chỉ điểm ở khắp nơi, thu thập tài liệu phương hại đến danh dự các nhân vật chính trị và tài chính tiếng tăm. Và ông ta cũng được biết sự có mặt của Marilyn Monroe trong lễ sinh nhật Tổng thống. Người đẹp mặc áo bó sát người may bằng loại vải trong suốt rất khôu gợi uống rượu nhiều và nhiệt tình hát điệp khúc “Happy birthday to you” [87], sau đó cùng Tổng thống biến vào phòng ngủ.

Không rõ tại sao Robert Kennedy lại tiếp sức cho ông anh trong cuộc tình với Marilyn Monroe. Tình cảm của Bộ trưởng tư pháp với người đẹp tóc vàng mãnh liệt tới mức ông ta cho đặt đường dây điện thoại trực tiếp chống nghe lén tới nhà người yêu. Khi Robert Kennedy không còn quan hệ với Monroe nữa thì đường dây điện thoại đó bị cúp và cú điện thoại cuối cùng trước khi chết của Monroe bị thu vào băng ghi âm.

Băng ghi âm này là bằng chứng chính về quan hệ của Marilyn Monroe với anh em Kennedy và về việc Monroe biết được bí mật kế hoạch mưu sát Fidel Castro. Vợ Tổng thống, Jacqueline, lúc này đã là bà Onassis cũng xác nhận giữa J. F. Kennedy và Marilyn Monroe tồn tại một quan hệ thân thiết, để lại những dấu ấn sâu đậm.

Marilyn Monroe không phải là người tình duy nhất của Tổng thống. Ông ta còn duy trì các mối quan hệ tình cảm với những diễn viên Ava Gardner và Jane Mansfield, quan hệ với tất cả những cô gái bình thường nhưng hấp dẫn. Một trong những tình nhân kiểu đó là Judith Campbell Exner.

Judith xuất thân từ một gia đình được coi là tốt ở Mỹ. Ở Los Angeles có ít kỷ niệm kiến trúc đáng chú ý, song đền thánh Vincent quả là một công trình hiện đại đặc sắc. Người đề nghị xây dựng đền chính là bố của Judith. Mẹ Judith là người mẫu của một người trong các hãng may nổi tiếng và đắt tiền nhất, còn người chị thậm chí là diễn viên điện ảnh thành công.

Mới 17 tuổi, Judith đã nổi tiếng với các tình sử bê bối của mình, sau đó ả lấy diễn viên William Campbell.

Trong thời kỳ tột đỉnh vinh quang, Frank Sinatra là giáo chủ của giới quý tộc Hollywood! Họ ăn chơi chè chén, truy hoan từ dạ tiệc này đến dạ tiệc khác, từ bể tắm hơi đến bãi tắm trường. Dean Martin và Bill Campbell cũng là các thành viên tích cực của nhóm. Tất nhiên là người đẹp Judith đóng vai nữ chính trong các buổi ăn chơi. Cuộc sống ngọt ngào lại dẫn đến kết cục đắng cay, Judith li dị và chuyển đến ở với Frank Sinatra. Nghe đâu đó là tình yêu lớn với đam mê cuồng nhiệt, không tránh khỏi cãi vã và thậm chí cào xé lẫn nhau. Song cuộc sống là thế mà. Đặc biệt lại là cuộc sống Hollywood.

Sinatra giới thiệu Judith Campbell với John Kennedy ngày 7-2-1960 trong khách sạn Sands ở Las Vegas và chàng nghị sĩ trẻ, đẹp trai với tương lai xán lạn lập tức trúng tên thần tình yêu. Ngày hôm sau, họ cùng nhau ăn trưa và chỉ một tháng sau lần gặp đầu tiên, cặp tình nhân đã sống với nhau trong phòng số 1651, khách sạn Plaza ở New Hampshire. Tổng thống tương lai được người đẹp kỷ niệm hộp đựng thuốc bằng vàng. Một hộp giống hệt như vậy cũng được Judith trao cho người tình khác là bố già Sam Giancana. Thậm chí cả Kennedy và Giancana cùng hút loại thuốc lá “Schimmelpenninck”. Tạm thời cả hai chưa biết tình địch của mình.

Judith Campbell cho biết ả thường gặp John Kennedy tại nhà riêng ở khu phố quý tộc Georgetown N-Street 3307, và cũng có khi ở ngay trong Nhà Trắng. Các cuộc gặp gỡ được thư ký của Tổng thống là Evelyn Lincoln thu xếp.

Người giới thiệu Judith với Sam Giancana cũng là Frank Sinatra. Trong những năm 1961-1962, ả duy trì quan hệ yêu đương với cả hai người đàn ông đứng đầu nước Mỹ, Tổng thống Hoa Kỳ và chủ tịch thế giới ngầm. Lúc đó ả 26 tuổi, còn Sam Giancana đã 51, nhưng mua tình yêu bằng những món quà đắt tiền.

- Bà đã giấu không cho hai tình nhân biết về nhau?
- John không biết gì cả. Còn Sam thì có biết.
- Giancana không có ý đồ lợi dụng quan hệ của bà với Tổng thống?
- Tôi không để ý thấy có biểu hiện gì cả. Nhưng tôi không cho rằng ông ta quan hệ với tôi chỉ vì tôi đi lại với Tổng thống.
- Sam Giancana nghĩ về Tổng thống như thế nào?
- Rất xấu. Ông ta khăng định Kennedy là tên lừa đảo lớn nhất châu Mỹ. Đồng thời ông cũng nói rằng chính ông đã giúp Kennedy vào Nhà Trắng.
- Cái gì? Sam Giancana?
- Ông ta nói là Tổng thống có được sự nghiệp như vậy là nhờ Dick Daley, và Dick Daley không bao giờ trở thành thống đốc Chicago nếu không được Sam giúp.
- Nghĩ là bố già Mafia ở hậu trường chính trị Hoa Kỳ. Bà có biết Sam Giancana là ai không?
- Tất nhiên. Có khi cả tháng ông ta vắng mặt. Tôi không biết ông ta ở đâu và làm gì. Nghe tôi trách, Sam không giải thích gì, chỉ nói rằng tốt hơn hết là tôi đừng biết gì cả.

Khi những tin tức đầu tiên về tình nhân tổng thống được công bố, mới đầu tưởng như đó là những lời nói xấu có dụng ý. Nhưng cả ủy ban điều tra

Churche cũng ghi nhận là trong báo cáo của FBI có tin sau: “Một người bạn rất thân của Tổng thống đồng thời cũng quan hệ với cả Roselli và Giancana. Nhân vật này được gọi vào Nhà Trắng tất cả bảy lần”. Tháng 12-1975, Judith Campbell xuất hiện trên tivi và tuyên bố rằng “có quan hệ cá nhân mật thiết với Tổng thống Kennedy và thường gặp ông ta ở Nhà Trắng hoặc tại dinh thự ở Palm Beach”.

Judith Campbell đã sắm một vai không dễ trên trường đời. Khi quyền lợi các tình nhân gặp nhau và họ liên kết để chống lại nước Cuba cách mạng, người đẹp Judith như đứng trên lớp băng mỏng. Tháng 11- 1963, Tổng thống Kennedy bị bắn chết ở Dallas, tháng 6-1975, đến lượt Giancana bị ám hại. Judith không chịu được căng thẳng và phải vào nhà thương điên. Có phải Judith bị đau thần kinh thật hay đó là cách thanh toán để ả không tiết lộ bí mật? Bởi vì bác sĩ Max Jacobson, người chữa bệnh cho ả, ăn lương của Mafia. Nghe đâu ông ta dùng một loại thuốc phiện nguy hiểm để điều trị bệnh nhân.

Tổng thống Kennedy đã kết thúc quan hệ với Judith Campbell ngay từ năm 1962. Em trai ông ta là Robert bộ trưởng tư pháp, đã trình lên Tổng thống kết quả điều tra cho thấy Judith cũng là tình nhân của Sam Giancana. Tuy là con nhà triệu phú, từ nhỏ sống trong nhung lụa, nhưng Robert Kennedy chiến đấu chống tổ chức tội ác một cách nghiêm túc. Nhưng vì thế mà có nhiều kẻ không ưa, trong đó có giám đốc FBI Hoover đầy quyền lực, và biết đâu chính ông lại chĩa mũi nhọn cái chết của mình. Những tình tiết cụ thể ám sát Robert Kennedy đến nay vẫn bị phủ một lớp màn bí mật.

AI ĐÃ BẮN TỔNG THỐNG

Ngay từ đầu thế kỷ, thành phố Dallas thuộc bang Texas đã trở thành thiên đường rộng lớn với những ngôi nhà chọc trời của các nhà kinh doanh. Lý do rất dễ hiểu: Ở ven vịnh Mexico, người ta phát hiện ra dầu. Ngày nay ở Dallas có hơn 500 triệu phú, họ xây dựng những biệt thự lộng lẫy và các cửa hàng đồ sộ. Một vũ đài quyền anh mọc lên trên chỗ trước kia là quán rượu có chương trình thoát y vũ Carousel Club.

Carousel đã đi vào lịch sử hình sự Hoa Kỳ cùng với vụ ám sát Tổng thống John Kennedy. Chủ quán là Jacob Rubinstein, nổi tiếng với biệt hiệu Jack Ruby, đã bắn chết người bị coi là hung thủ vụ ám sát. Ngày 14.11.1963, vài ngày trước cái chết của Tổng thống, một số người đã tụ họp ở Carousel Club. Hôm đó có mặt viên cảnh sát Tippitt, người sẽ đóng một vai kỳ quặc; phóng viên cực tả Weisman, chuyên đả kích chính sách hòa hoãn với Cuba của Kennedy bằng giọng văn thô tục trên tờ Morning News (Tin tức buổi sáng). Người thứ ba là Jack Ruby, trong những ngày tới thường thấy xuất hiện trong giới báo chí. Trong ngày xảy ra ám sát, 22.11.1963, người ta thấy y có mặt ở trụ sở biên tập đài phát thanh KLIF, ở văn phòng Morning News và Dallas Times Herald.

Vậy cái gì đã khiến chủ nhân dạ quán quan hệ với các ký giả? Người ta chỉ tìm ra được mối liên quan duy nhất là nghe đâu dưới danh nghĩa phiên dịch cho các báo Israel, y cùng các nhà báo lựa chọn khác được phép vào trụ sở giám đốc cảnh sát, nơi Oswald được canh giữ nghiêm ngặt.

Jack Ruby là người của Mafia. Thậm chí y còn giữ chức thủ quỹ địa phương. Như vậy phải chăng hiệp hội tội ác đứng đằng sau vụ ám sát ở Dallas?

Mỗi nhà hình sự sáng suốt đều lập luận theo nguyên tắc “cui bono” có lợi cho ai. Mafia có lý do để căm thù Tổng thống. Với các phương án chống

Cuba cách mạng, các “bố già” hy vọng trở lại thời đại hoàng kim trên hòn đảo mặt trời, thế mà sau thảm bại ở Vịnh Con Heo, Kennedy đã từ chối không tiếp tục các hoạt động vũ trang.

Mới đây đã xuất hiện những bằng chứng mới về quan điểm của Tổng thống và về các mối liên quan quan trọng khác. Trong vụ đổ bộ lên Cuba, khi nhận ra tình hình tuyệt vọng của mình, những tên xâm lược đã cầu cứu không lực Hoa Kỳ. Tổng thống Kennedy đã từ chối đề nghị của CIA và Lầu Năm Góc. Vì vậy, phó giám đốc CIA, tướng Charles Cabell đã đến biệt thự bí thư chính phủ Dean Rusk vào lúc nửa đêm để đề nghị Rusk can thiệp. Dean Rusk quay số điện thoại Nhà Trắng và một lần nữa chuyển đến Tổng thống yêu cầu của CIA. Tổng thống từ chối và ngoại trưởng Rusk đưa ống nghe cho Cabell. Cabell đã cố gắng thuyết phục Tổng thống ủng hộ đội quân di tản Cuba. Nhưng Tổng thống vẫn không cho phép không quân can thiệp.

Phó giám đốc CIA, tướng Charles Cabell, rất thất vọng bởi quyết định của Tổng thống, và ông ta không cần che giấu quan điểm của mình, thậm chí Cabell còn gọi Tổng thống là đồ phản bội. Không có gì mâu thuẫn cả khi sau vụ đó, Cabell nhảy sang phía kẻ thù của Tổng thống.

Trong vụ ám sát Kennedy, em của Charles Cabell là Earl Cabell đóng vai trò không nhỏ. Earl Cabell lúc đó là thị trưởng thành phố Dallas vào thời điểm cuối cùng, bất chấp sự phản đối của các cố vấn an ninh của Tổng thống, ông ta đã thay đổi tuyến đi trên đường phố Dallas, khiến cho đoàn xe Tổng thống phải đi qua những chỗ mà cảnh sát và an ninh mật không thể bảo vệ được. Trong phạm vi CIA, tướng Charles Cabell chịu trách nhiệm về thất bại ở Cuba, còn ở Dallas thì em của ông ta đưa xe Tổng thống đi tuyến đường khác với tuyến đã được các chuyên viên an ninh thông qua.

Chúng ta hãy nhắc lại tóm tắt sự kiện ngày 22.11.1963.

Tổng thống Kennedy bay đến Texas mặc dù ông ta biết rằng không phải chỉ có bạn bè chờ ông ở đó. Song ông ta muốn nói chuyện với cử tri để cầm chắc phiếu bầu của họ. Chiếc chuyên cơ đặc biệt “Air Force One” chở Tổng thống hạ cánh xuống sân bay Love Field ở Dallas lúc 11 giờ 30. Một xe bọc thép biển số GG-330, loại xe cabriolet dùng để duyệt binh có mui gấp, chở Tổng thống rời khỏi sân bay. Đường đi đã được các chuyên viên an ninh chọn và Tổng thống phê chuẩn trước đó một tuần. Song đến phút cuối cùng, đã có sự thay đổi: Đoàn xe đi đến quảng trường theo đường khác, vòng qua nhà kho “Texas School Book”, Và ở đó, vào lúc 12 giờ 30, đã vang lên tiếng súng đầu tiên.

Ủy ban đặc biệt nghị viện Hoa Kỳ đã phát hiện ra khá nhiều bằng chứng chứng minh rằng không phải chỉ có một người duy nhất thủ phạm đơn độc Lee Harvey Oswald - mà là ba hoặc bốn tay súng chuyên nghiệp của CIA hoặc của Mafia, hoặc của cả hai, đã bắn vào Tổng thống. Các kết quả điều tra cùng vạch ra sự không khách quan của ủy ban Warren [88], thay cho việc làm sáng tỏ vấn đề, đã phủ một lớp sương mù lên vụ án trong vài năm. Đó là ngẫu nhiên, cố ý hay chỉ là vô trách nhiệm?

Cuốn phim nổi tiếng của Zapruder ghi lại diễn biến vụ ám sát đã được tìm thấy và qua đó các chuyên gia vũ khí và âm thanh xác nhận rằng, lúc đó có nhiều tay súng cùng bắn từ nhiều hướng, kể cả từ phía trước. Giả thiết thủ phạm đơn độc sụp đổ. Song như vậy, bàn tay của Mafia trong vụ ám sát càng lộ rõ. Oswald hoàn toàn không phải là người loạn trí, thần kinh không ổn định theo như báo cáo của Ủy ban Warren. Thực ra Oswald và các chi tiết về phát hiện này đã được Ủy ban điều tra nghị viện công bố ngày 30.12.1978.

Boss Carcello Marcello có thể lực rất lớn và y liên lạc với Oswald thông qua ba người: Charles Marret, David Ferrie và Guy Bannister.

Marret là một nhân vật đáng ngờ. Trong báo cáo của ủy ban Warren y được coi là chú của Oswald. Theo sự tìm hiểu sau này, thực tế y là người

cha thứ hai của Oswald, kẻ được y nuôi dưỡng và rất gắn bó về tình cảm với y. Marret là phó sếp của Marcello nổi tiếng buôn bán chứng khoán ở New Orleans, tham dự nhiều áp phe phi pháp. Oswald phải biết các quan hệ của ông chú với Mafia. Ngoài ra, Marret còn sống bằng nghề xổ số phi pháp và ngành kinh doanh này từ lâu đã nằm trong tay hiệp hội tội ác. Chúng ta cũng biết rằng Carlo Marcello có quan hệ với Meyer Lansky, một Gia Cát Lượng của Mafia, nổi tiếng đa mưu túc kế.

Jack Ruby là người của Mafia có lẽ từ thời niên thiếu. Ruby sinh ở Chicago, ở đó ban đầu y làm đầu sai cho băng của John Roselli. Năm 1947, y chuyển đến Dallas và làm việc cho Paul Raymond Jones, sếp băng chuyên buôn lậu ma túy. Đứng đầu tổ chức tội phạm ở bang Texas và Louisiana, bao gồm cả Dallas và New Orleans, lúc bấy giờ là Carlo Marcello, thứ trưởng thứ nhất của “bố già” Sam Giancana. Sếp gangster ở Dallas là Joe Civello.

Chúng ta đã biết về vai trò của “bố già” Sam Giancana. Song mãi đến gần đây, vẫn không ai ngờ rằng Jack Ruby quan hệ trực tiếp với Giancana và được chính “bố già” Mafia ủy nhiệm giải quyết các vấn đề kinh tế. Tháng 8.1959, Ruby bay sang Cuba để tìm hiểu khả năng đàm phán với Fidel Castro về việc mở lại các sòng bạc. Đó là, một nhiệm vụ nguy hiểm. Vào thời kỳ đó ở Cuba, một số gangster ở Dallas, sau đó leo lên chức giám đốc sòng bạc lớn nhất ở Cuba, đang ngồi trong xà lim chờ bị trục xuất khỏi đảo.

Với vai trò sứ giả Mafia, Jack Ruby đã đến Cuba nhiều lần. Y đi đến kết luận rằng con đường duy nhất phục hồi lại đế quốc Mafia ở Cuba là lật đổ chế độ cách mạng, thủ tiêu Fidel Castro, báo cáo của y là một trong các nguyên nhân dẫn đến sự liên minh giữa Mafia và CIA chống lại Cuba. Chúng ta biết rằng Mafia là một “chính phủ vô hình” ở Mỹ, có khả năng và ảnh hưởng rất lớn, Jack Ruby đã khai trước ủy ban Warren rằng y đến Cuba theo lời mời của bạn thân là Lewis Mc Willie. Song tên này cũng là thành

viên Mafia, giám đốc sòng bạc ở La Habana có cổ phần của Meyer Lansky và Santos Trafficante.

Ngày 16.11.1963, nhà báo Anh John Wilson đã thông báo cho đại sứ Mỹ ở Luân Đôn một tin quan trọng. Năm 1959 Wilson bị tạm giữ ở Cuba khi các tên Mafia Trafficante và Meyer Lansky đang bị cầm tù. Jack Ruby có đến thăm Trafficante trong tù.

Mafia có quá nhiều lý do để thanh toán Tổng thống Kennedy. Năm 1961, Bộ trưởng tư pháp đã trục xuất bố già nguy hiểm Santos Trafficante, có lẽ sau Giancana, là sếp hiệp hội tội ác có quyền lực nhất. Các thám tử FBI phục kích bắt y trên đường phố New Orleans và lập tức áp tải y vào máy bay tới Guatemala. Trên báo chí xuất hiện quan điểm cho rằng phương thức trục xuất Trafficante là không hợp pháp. Mafia đã tìm được các luật sư tháo vát và những tên bồi bút biến hành động thành công của cảnh sát thành một hành vi phi pháp.

Sau hai tháng, Santos Trafficante trở lại Hoa Kỳ trên chiếc máy bay tự do do David Ferrie lái, người mà sau này chúng ta sẽ có dịp gặp lại. Bố già Mafia đã đệ đơn kiện bộ trưởng tư pháp. Y thắng kiện và được phép đi lại tự do trên đất Mỹ. Mafia như được chấp thêm cánh, dù sao thì nó đã chiến thắng bộ trưởng tư pháp hơn nữa lại là em trai Tổng thống, trở thành kẻ thù của hai anh em Kennedy. Tháng 9-1961 y mời đến New Orleans các nhân vật quan trọng của Mafia để vạch kế hoạch chống anh em Kennedy. Hội đồng Mafia đã tuyên án tử hình họ.

Một chỉ điểm FBI có mặt tại cuộc họp đã báo cáo nội dung bàn bạc cho giám đốc Hoover, và Hoover đã truyền đạt lại cho Bộ tư pháp. Mafia tuyên chiến, song Rober Kennedy cũng cương quyết thực hiện ý đồ. Trong thời gian ông làm bộ trưởng tư pháp, hơn 2.300 thành viên Mafia đã phải ra tòa và đó là kỷ lục chưa từng có.

Mafia không thể tự mình thực hiện một kế hoạch khó khăn như vậy. Các “bố già” Mafia hiểu mọi người dễ dàng đoán ra ai đã thuê người giết Tổng thống. Bởi thế chúng đi tìm đồng minh và chẳng phải đi đâu xa. Các ông chủ công nghiệp và ngân hàng từ lâu đã coi Tổng thống Kennedy là kẻ thù số một, vì ông ta dám động đến quyền lợi thuế má của họ.

Giống như “chiếc dịch Mongoose” mưu sát Fidel Castro, CIA và lại lần nữa liên kết lực lượng cùng nhau tổ chức vụ lật đổ dẫn đến giết người ở Dallas. Sau đó họ cùng nhau xóa các dấu vết. Và trong vụ này “dấu ấn” của Mafia quá rõ. CIA và Mafia thỏa thuận phân chia công việc. Mafia lo việc tìm những tay súng tinh nhuệ, có nhiều kinh nghiệm trong nghề. Còn CIA thì lo việc che chở bịt đầu mối, tìm một con cừu hy sinh, nhận hết tội lỗi, để người ta không điều tra ra kẻ giết người thực sự. Con cừu hy sinh đó chính là Lee Harvey Oswald.

Giám đốc CIA lúc bấy giờ là Allen Dulles. Nghe đâu Dulles đã thỏa thuận với giám đốc FBI Hoover để các thám tử FBI không nhúng mũi vào công cuộc điều tra Quan hệ giữa Hoover và anh em Kennedy cũng không thấy gì tốt đẹp, cho nên có thể ông ta đã hứa giúp đỡ Dulles. Ít ra là nhiều sự kiện phù hợp với giả thiết đó FBI đã nhắm mắt làm ngơ đúng vào thời điểm quyết định.

Hoover tỏ vẻ ngạc nhiên, làm như không biết Oswald là ai. Trong khi đó, Lee Harvey Oswald là chỉ điểm viên của FBI, mang số 302. Một người đã từng sống ở Liên Xô, sau đó trở về với vợ Nga, tất nhiên là chịu sự giám sát của FBI. Chỉ riêng việc y công khai ủng hộ Fidel Castro, phân phát truyền đơn ca ngợi cách mạng Cuba và là người tổ chức quá lộ liễu các hành động chống dân di tản Cuba, cũng đã để làm cho cảnh sát chú ý rồi.

David Ferrie là phi công riêng của Marcello và là chỗ quen biết của Oswald. Ngoài nhiệm vụ đối với Marcello, y còn lãnh việc đào tạo phi công tuyển từ những người di tản Cuba cho kế hoạch đổ bộ lên Vịnh Con Heo. Trong chiến tranh, Oswald là lính một đơn vị không quân do Ferrie làm chỉ

huy và huấn luyện. Sau này vào năm 1963, cả hai lại gặp nhau ở New Orleans. Các nhân chứng xác nhận là đã nhìn thấy Oswald cùng với Ferrie ở Clinton bang Louisiana. ở New Orleans, Ferrie và Oswald đã thuê chung một văn phòng ở Camp Street 544, nơi đóng đại bản doanh tổ chức chống Fidel Castro của dân di tản Cuba. Địa chỉ này cũng được in trên các truyền đơn mà Oswald phân phát trên phố. Quyền lợi Mafia và tổ chức dân di tản Cuba được phối hợp bởi bàn tay của Guy Bannister, trước kia từng có trong biên chế FBI, còn lúc này là chủ một văn phòng điều tra tư. Liên lạc với ban lãnh đạo đảo chính được tiến hành thông qua hòm thư 30.061 đứng tên Oswald.

Lee Harvey Oswald xuất hiện ở Dallas từ ngày 2 tháng 11 và những tên giết thuê Mafia lục tục kéo đến trong những ngày tiếp theo. Đội hành quyết có khoảng 6 đến 7 tên, với chỉ huy là David Ferrie. Một tên đã lo thu xếp để ngày 11.14, Oswald được nhận vào kho sách giáo khoa, nơi sau một tuần nữa, đoàn xe của Tổng thống sẽ đi qua.

Sự quan hệ giữa Jack Ruby, kẻ sau này bắn chết Oswald với Mafia còn được thấy rõ từ một sự thật khác. Hai ngày trước vụ ám sát Tổng thống Kennedy, Ruby đã liên lạc bằng điện thoại với một số nhân vật quan trọng của Mafia ở Chicago, ở Florida và cả ở New Orleans. Ngoài ra, y còn nói chuyện với chuyên gia giết người có tín nhiệm Barney Barker, với Jimmy Hoffa và đặc biệt, y bàn bạc lâu với tên giết người thuê của bố già Mafia ở Chicago Sam Giancana, là Lenny Fatrick, với thứ trưởng của Marcello là Nofie Pecora và với đại diện cho Trafficante là Mc Willie. Jack Ruby cũng nói chuyện với Murray Miller. Hai ngày trước vụ ám sát, Ruby đã tiếp thành viên Mafia Paul Roland Jones trong dạ quán Carousel của y. Ngày tiếp theo, tức một ngày trước vụ ám sát, Ruby còn ngồi uống Whisky với một người vừa mới nói chuyện bằng điện thoại với David Ferrie xong. Như vậy, sự tham dự của Mafia trong giai đoạn chuẩn bị vụ ám sát là quá rõ ràng. Song cả trong giai đoạn hai, giai đoạn bịt đầu mối “dấu ấn” của Mafia là không thể chối cãi. Để bắt các nhân chứng phương hại im lặng, những

tên giết thuê, đã tiến hành theo đúng bài bản cũ được Mafia áp dụng thành công trong quá khứ. Như mọi người đều biết nạn nhân đầu tiên là Oswald. Đây là trích báo cáo của ủy ban Warren về vụ giết người được hàng triệu khán giả tivi trên thế giới chứng kiến.

Khi các máy quay tivi vừa được chuẩn bị xong khi Oswald, theo kế hoạch định trước, sẽ đi qua trước ống kính đến xe đã chờ sẵn. Bên phải bộ đỡ máy quay phim là phố Main Street, bên trái là phố Commerce Street. Khoảng 11 giờ 20 được cảnh sát hình sự hộ tống Oswald đi ra từ xà lim nhà tù cảnh sát và hướng tới chiếc xe cảnh sát đã được chuẩn bị sẵn. Khi Oswald đến trước ống kính, chói mắt bởi ánh sáng đèn pha tivi, thì bỗng một người lạ mặt chạy ra từ phía bên phải máy quay tivi, nơi tập trung các nhà báo. Người đó cầm trong tay phải khẩu Colt cỡ 38, nháy sát đến Oswald và nổ súng vào bụng y. Oswald kêu lên đau đớn, ngã xuống bất tỉnh nhân sự. Sau 7 phút, nạn nhân được đưa tới bệnh viện Parkland Hospital, ở đó bác sĩ xác nhận nạn nhân chết lúc 13 giờ 7 phút. Trước đó, Oswald không lúc nào tỉnh lại cả.

Người giết Oswald tên là Jack Ruby, y bị bắt ngay tại chỗ và vài phút sau, bị giam vào một xà lim trên tầng năm nhà tù cảnh sát. Bị hỏi cung, y tuyên bố rằng việc y bắn Oswald không liên quan gì tới vụ ám sát Tổng thống Kennedy. Y bắn Oswald trong khoảnh khắc mất tự chủ, trong trạng thái tâm lý khủng hoảng và phần nộ gây ra bởi cái chết của Tổng thống.

Ngay sau khi ám sát, cảnh sát Dallas đã bắt một số người tình nghi. Trên tầng một tòa nhà “Dal Tex Building”, người ta bắt một người đàn ông tự khai là Jim Braden. Hai kẻ bị tình nghi nữa, một người có tóc quăn đen và người thứ hai đội mũ nhàu nát cầm bao tải, quả có bị giải lên đồn nhưng đã sớm được thả. Một ký giả ngẫu nhiên chụp ảnh hai kẻ lạ mặt này. Trông họ giống như hàng trăm người hành khất khắp đất Mỹ. Không có gì khả nghi cả. Nhưng người ta đã nhận dạng được hai kẻ lạ mặt trên ảnh đó. Họ chính là các điệp viên sừng sỏ CIA Frank Sturgis và Howard Hunt, chuyên

thực thi các phi vụ bắn thiêu tối kỵ ánh sáng ban ngày. Sau này họ nổi tiếng như là các nhân vật chính đột nhập vào tòa nhà Watergate và không những chỉ gây nên vụ tai tiếng, mà còn mở cửa sau cả mánh khoé hậu trường và các hành động phạm pháp của Nhà Trắng. Tổng thống Nixon phải nhục nhã rời bỏ chức vụ cao nhất. Hai người này lúc đó làm gì ở Dallas? Họ có gì liên quan đến chuyến đi thăm của Tổng thống không? Họ có phải là thành viên của đội hành quyết có nhiệm vụ thanh toán Tổng thống hay không?

Jim Braden rõ ràng là một cáo già lồi đời. Y khai với cảnh sát rằng y đến Dallas từ Los Angeles, đang xem đoàn xe của Tổng thống thì nghe tiếng súng nổ, y liền chạy vào ngôi nhà “Dal Tex Building” để gọi điện. Cảnh sát xin lỗi và thả y ra.

Trong thực tế, y tên là Hale Brading và không phải hoàn toàn vô tội trong vụ này. Y đã có một số tiền án, ngay từ năm 1934, đã bị buộc tội ăn cắp ở bang Kansas. Y trở thành người của Mafia, làm việc cho các bố già Mafia và năm 1963, y giữ chức bí thư cho bố già Meyer Lansky và đó không phải là chức vụ bình thường.

Ngày 21.11.1963, một ngày trước vụ ám sát, Hale Brading đến thăm tỉ phú H.L.Hunt, vua dầu bang Texas, kẻ được coi là giàu thứ hai trên thế giới. Hunt không giấu quan điểm cực hữu phản động của mình, ông ta chống lại chính sách của Kennedy và trong một buổi dạ tiệc tại biệt thự của mình, Hunt tuyên bố: “Không còn đường nào khác. Chúng ta phải trừ khử những tên phản bội trong chính phủ, chúng phải bị bắn bỏ”. Đó không phải là sự đe dọa ngẫu nhiên, vấn đề là sự còn mất của hàng triệu dollar mà tỉ phú Hunt phải trả nếu như Tổng thống Kennedy thực thi các cải cách thuế má. Nhiều nhà báo coi vua dầu Hunt là thủ lĩnh giấu mặt của phe đối lập chống Tổng thống. Hunt thích can thiệp vào chính trường, là thành viên “Hội John Birch”, một tổ chức phát xít phân biệt cho ủy ban Mc Carthy chuyên truy nã các hoạt động hòa bình.

Vậy sứ giả của Meyer Lansky có gì chung với tỉ phú Hunt?

Không thể là chuyện ngẫu nhiên, khi cùng ngày hôm đó, trong văn phòng vua dầu, xuất hiện Jack Ruby. Ủy ban Warren có thẩm tra “sự ngẫu nhiên” đó nhưng không có kết quả. Jack Ruby khai rằng y dẫn đến văn phòng của Hunt một người đàn bà đang tìm việc làm, rằng y không quen biết ai tên là Brading, cái tên ấy y mới nghe thấy lần đầu.

Khi đến Dallas theo sự ủy thác của sếp Mafia Meyer Lansky, Brading trọ trong khách sạn Cabana. Tối hôm đó, ở trong khách sạn còn có Lawrence Meyer và tình nhân Jean White. Cả anh của Lawrence là Edward Meyer, chủ nhà máy sản xuất nước giải khát Pepsicola, cũng đến Dallas. Tối ngày 22.11, Jack Ruby đến thăm và dùng cơm với anh em Meyer cùng với con của Edward Meyer, một cộng tác viên của phòng điều tra lục quân Hoa Kỳ. Tối hôm sau họ lại gặp nhau. Không rõ Brading có ăn tối với họ hay không, nhưng một mối liên hệ quan trọng được phát hiện. Jean White, tình nhân của Lawrence Meyer, sống ở Chicago. Ngày 24-8-1963, hai tháng trước sự cố ở Dallas, theo hồ sơ lưu trữ của hãng điện thoại Bell, David Ferrie đã gọi điện cho White theo số YX-4970. Số điện thoại này cũng được Lawrence Meyer sử dụng. Như vậy rõ ràng White là người liên lạc cho bộ ba Ferrie-Meyer- Ruby.

Vài tuần trước các sự kiện ở Dallas, Brading có ở New Orleans và thuê một văn phòng trong tòa nhà Pier Market Building. “Thám tử tư” David Ferrie cũng có văn phòng của mình ở cùng tầng tòa nhà, và cũng trên tầng đó có văn phòng của bố già Mafia ở New Orleans là Carlos Marcello. Quả là vô lý, nếu Lansky không có liên lạc với Marcello và đường dây Lansky - Brading - Ferrie - Ruby không thể là ngẫu nhiên. Sự tham dự của Mafia vào việc chuẩn bị vụ ám sát là không thể chối cãi.

Bây giờ chúng ta thử phân tích sự có mặt “ngẫu nhiên” của E.Howard Hunt ở Dallas vào thời gian xảy ra sự cố. Chúng ta biết rằng Oswald chỉ là con tốt thí trong ván cờ. Theo kế hoạch của những kẻ đảo chính y làm mọi việc để được coi là một người thân cộng ủng hộ Fidel Castro. Ngày 24.9, y

được cấp thị thực xuất cảnh và lên xe đi Mexico. Theo hồ sơ lưu trữ của hãng Bell, cũng ngày hôm đó David Ferrie gọi điện đến số YX-4940 Chicago và ngay sau đó gọi liên tục vài lần cho Howard Hunt, lúc bấy giờ là chỉ huy phó CIA ở Mexico.

Đến Mexico, Oswald liền tới gặp Howard Hunt và nhận lệnh đến sứ quán Cuba xin cấp thị thực nhập cảnh vào Cuba. Để thêm sức thuyết phục, Oswald mang đến sứ quán những bài báo về các hoạt động tuyên truyền cho cách mạng Cuba của mình. Nhưng vô ích. Oswald vẫn phải xếp hàng chờ như những người khác. Đó là sự trục trặc nhất định trong tính toán của bộ chỉ huy đảo chính. Nhẽ ra Oswald phải đến Cuba và nhanh chóng trở về để được coi là điệp viên mật của Cuba. Thời hạn chuyển đi của Tổng thống tới Dallas đã đến gần, cho nên Howard Hunt truyền lệnh cho Oswald lập tức trở về Dallas. Ở Dallas George Mohrenschild trực tiếp chỉ huy và một người quen của cả hai là Ruth Payne gọi điện cho thủ kho Roy Tully và Oswald nhận chỗ làm trong ngôi nhà mà từ đó y bắn tử thương Tổng thống.

Oswald sắm vai của mình nhưng y không nắm toàn bộ vở kịch. Nhiều kẻ giết người chuyên nghiệp đã nổ súng vào Tổng thống và phát đạn tử thương được bắn từ phía trước, chứ hoàn toàn không phải từ kho sách giáo khoa. Những tên sát nhân đã rình con mồi trên quả đồi không xa đường hầm xe lửa, và không phải chúng không bị nhìn thấy.

Khoảng một giờ trước khi đoàn xe Tổng thống đến, bà Julie Anna Messer lái xe qua phố Elm Street, lúc này đang bị tắc nghẽn vì quá nhiều xe và ngẫu nhiên mà bà dừng xe bên cạnh một xe chở hàng màu xanh, gần đường hầm xe lửa. Một người đàn ông trạc tuổi trung niên bước ra khỏi xe, mang một vật dài gói trong giấy màu nâu đi đến bụi cây trên đồi, Messer đoán chắc đó là súng, nhưng lại nghĩ rằng người đàn ông đó là cảnh sát bảo vệ đoàn xe Tổng thống. Sau đó bà ta để ý thấy người tài xế xe hàng, người này quay sang và cả hai nhìn nhau một vài giây. Sau này, khi chứng kiến vụ sát hại Oswald trên tivi, Messer nhận ra kẻ bắn Oswald chính là người tài

xế xe hàng nọ. Ngay ngày hôm sau, Messer đến văn phòng FBI thông báo phát hiện của mình. Một thám tử FBI thăm vấn và đưa ra ảnh 10 người đàn ông, và bà ta nhận ra Ruby. Hồ sơ cùng với lời khai của Messer đã không cánh mà bay.

Vụ ám sát Tổng thống diễn ra theo đúng bài bản Mafia. 12 giờ 30, xe limousine bọc thép chở Tổng thống và phu nhân rẽ từ phố Houston Street sang phố Elm Street. Khi xe cách chỗ vòng khoảng 41 mét thì vang lên tiếng súng đầu tiên và Kennedy giơ hai tay ôm cổ. Viên đạn được bắn từ bụi cây trên đồi. Tổng thống bị thương vào cổ. Ngay sau đó, một tay súng bắn từ phía sau, từ ngôi nhà Dal Tex. Phát đạn trúng vai Tổng thống. Hầu như cùng lúc, một viên đạn khác được bắn ra từ nhà kho sách giáo khoa, không trúng Tổng thống, nhưng làm bị thương thống đốc Connally. Phát đạn thứ tư bắn ra từ ngôi nhà Dal Tex không trúng đích. Viên đạn thứ năm từ bụi cây nói trên là phát đạn tử thương, xuyên qua bên phải gáy Tổng thống. Tất cả xảy ra trong vòng sáu giây.

Cảnh sát nhận ra súng bắn từ đâu, hai cảnh sát Weisman và Smith chạy lên đồi với súng đã mở chốt an toàn. Ở đó họ chỉ tìm thấy một người duy nhất. Người này trình giấy chứng minh cảnh sát với tên Baker, và nói rằng ở khu đồi không có gì khả nghi. Nhưng sau này người ta đã xác minh, không tồn tại điệp viên Baker nào cả, và người đó chính là thành viên của đội hành quyết có nhiệm vụ chặn hậu cho cả đội rút lui an toàn. Địa điểm rút lui của những tên giết người là một sân bay nhỏ dành cho máy bay tư ở Galveston. David Ferrie đã chờ sẵn chúng ở đó. Biên giới Mexico cách xa khoảng 500 cây số. Sau bốn giờ, Ferrie đã quay lại và gọi điện báo cáo cho bạn của Ruby là Blake Wall biết nhiệm vụ đã hoàn thành. Wall được Ruby phái đến Galveston kiểm tra việc tẩu tán những tên giết thuê ra ngoài biên giới. Chỉ trong trường hợp đó, cái chết của Lee Harvey Oswald mới có ý nghĩa. Khi đã chắc chắn việc chạy trốn thành công, Ruby lên trụ sở cảnh sát lạnh lùng bắn chết Oswald.

Kết quả phân tích vụ ám sát Tổng thống khẳng định rằng các bằng chứng đã được chế biến lại, những lời khai quan trọng bị mất, thay vào đó là những lời khai giả. Các nhân chứng quan trọng cho việc đánh giá sự tham gia của Mafia trong vụ ám sát có thể dẫn cảnh sát tìm ra dấu vết những kẻ giết người đều bị “bịt miệng” theo luật Mafia: Nhân chứng tốt là nhân chứng chết.

Nạn nhân đầu tiên là Oswald. Theo kế hoạch ban đầu, Mafia sẽ tạo ra tình huống gay cấn để cảnh sát bắn chết Oswald trong rạp hát. Nhưng Oswald đã bị cảnh sát bắt sống. Nếu chẳng may Oswald khai rằng trong thực tế những kẻ đảo chính đã chọn hắn làm vật hy sinh, thì người ta sẽ phát hiện ra bàn tay vấy máu Mafia. Bởi vậy, Oswald phải chết.

Nancy Rich - Perrin phục vụ trong quán Carousel Club của Ruby. Chồng của thị buôn lậu vũ khí. Y cũng bán vũ khí cho bọn phản động Cuba hoạt động lật đổ Fidel Castro. Có lần y đàm phán với một đại tá quân đội Mỹ và đòi tiền đặt trước là 25.000 dollar. Viên đại tá gật đầu và gọi điện cho ai đó. Sau một lúc, Jack Ruby đến đưa tiền cho Perrin. Vợ chồng Perrin không lạ gì luật Mafia và hiểu rằng, họ là các nhân chứng nguy hiểm và Ruby biết điều đó. Vì thế, họ lẩn trốn từ thành phố này đến thành phố khác và cuối cùng định cư ở New Orleans. Ở đó Perrin đã chết một cách đáng ngờ. Cảnh sát thông báo rằng Perrin tự tử bằng thuốc độc acsen. Song các chuyên gia nghi ngờ, bởi vì acsen tác dụng rất lâu. Không ai lại chọn cái cái chết đau đớn dai dẳng cả.

Ngày 18-11-1963, tức bốn ngày trước vụ ám sát, cảnh sát phát hiện trên xa lộ gần thành phố Eunice, bang Louisiana một người đàn bà nằm bất tỉnh. Trong bệnh viện, Rosa Cheramie, tên nạn nhân, khai là bị tay chân của Ruby vứt từ trên xe xuống vì bà ta không muốn dính líu vào vụ ám sát Tổng thống mà bọn chúng đang chuẩn bị. Nhân viên bệnh viện đã không thông báo lời khai quan trọng đó cho cảnh sát, bỏ lỡ cơ hội cứu sống Tổng thống. Sau vụ ám sát, Rosa Cheramie rời bệnh viện, chạy trốn bàn tay trả thù của

Mafia, nhưng cũng không được bao lâu. Đến ngày 4.9.1965, tức gần hai năm sau, Cheramie đang lái xe trong thành phố Bigsandy, bang Texas thì bị một xe tải lạ chèn ra vệ đường. Nhân chứng quan trọng chết ngay tại chỗ, còn hung thủ thì lái xe chạy mất.

Trái với dự tính của mình, Jack Ruby vẫn bị giam và ngày 3.1.1964 y chết một cách bí ẩn trong bệnh viện nhà tù. Trong hồ sơ bệnh án chỉ vền vện có hai chữ ung thư. Cái chết của Ruby khiến người ta liên tưởng đến cái thí nghiệm của David Ferrie. Phải nói tên gangster từng trải này là một người học thức và toàn diện. Y có tới 2.000 chuột trắng trong phòng thí nghiệm và viết các bài báo khoa học. Đồng sự của y là bác sĩ Mary Sherman bị một hung thủ lạ mặt đâm chết trong nhà của mình ở New Orleans. Biết đâu Ruby cũng là nạn nhân của y? David Ferrie chết ngày 22.2.1967, nghe đâu vì bị vỡ mạch máu não. Song người ta đã tìm thấy trong nhà của y hai bức thư chứng tỏ rằng y qua đời không phải bằng cái chết tự nhiên.

Cùng ngày ở Miami bang Florida, một chính khách của chế độ Batista là Eladio Del Valle bị giết chết. Một hung thủ lạ mặt đã bắn vào tim và còn dùng rìu bổ vào đầu nạn nhân. Trước đây Del Valle đã thuê Davie Ferrie 1.500 dollar một lần bay vào không phận Cuba.

Bill Hunter là phóng viên tờ báo địa phương ở Dallas “The Long Beach Independent Press Telegram”. Cùng với những người săn tin giật gân khác, đêm 24-4-1964, Bill Hunter còn ngồi ở sở cảnh sát Long Beach, trong phòng dành cho ký giả. Chàng phóng viên cần mẫn đọc một tờ báo vu vơ, đốt thuốc liên tục và sốt ruột chờ đợi. Bỗng hai cảnh sát bước nhanh vào và một người rút súng bắn chết Hunter.

Hung thủ bị ra tòa nhưng được tha bổng. Nghe đâu đó chỉ là sơ xuất đáng tiếc: Anh ta cá với đồng sự xem ai rút súng ra khỏi bao nhanh hơn và súng bị cướp cò. Nhưng thực ra Bill Hunter chỉ là nạn nhân tiếp theo của Mafia và CIA. Chủ nhật ngày 24-12-1963, tức hai ngày sau vụ ám sát Tổng

thống, Hunter tham dự một cuộc họp bí mật ở nhà của Jack Ruby, kẻ giết Oswald. (Theo một nguồn tin khác thì Hunter đột nhập vào lấy các tài liệu phương hại khi chủ nhà vắng mặt). Cùng với Hunter, còn có ký giả Jim Koetlie của tờ “Times Herald”. Gangster George Senator cũng có mặt. Người ta không rõ nội dung cuộc họp, có điều chắc chắn là các ký giả đã có được các thông tin gì. Ngày 21.5.1964, anh ta bị một tên sát nhân nhà nghề hạ sát bằng một cú karate vào cổ họng, ngay tại nhà của mình. Hung thủ biến đi không để lại dấu vết và cảnh sát phải ngừng điều tra.

Có mặt trong cuộc họp bí mật đó còn có Tom Howard, và người này, tháng 5 năm 1965, đã chết trong hoàn cảnh đáng ngờ. Một người lạ mặt chở Howard đến bệnh viện rồi đi mất không để lại tên tuổi. Nghe đâu Howard chết vì bị nhồi máu cơ tim. Mặc dù theo các nhân chứng, trong hai ngày cuối cùng, Howard xử sự không bình thường. Chánh án không cho phép mổ tử thi. Vì thế không thể làm sáng tỏ cái chết của Howard được.

Warren Reynolds có cửa hàng ô tô cũ ở Dallas. Tình cờ mà ông ta chứng kiến vụ cảnh sát Tippitt bị bắn chết, thậm chí ông còn đuổi theo hung thủ một lúc cho nên ông biết chắc chắn đó không phải là Lee Harvey Oswald [89]. Theo văn bản chính thức, Tippitt bị Oswald bắn chết, nhưng ngày 21-1-1965, Reynolds tuyên bố với điều tra viên rằng không phải Oswald bắn chết Tippitt, rằng chính mắt ông nhìn thấy hung thủ. Rõ ràng Reynolds đã trở thành nhân chứng phương hại. Hai ngày sau, khi Reynolds đang làm việc trong gara thì một tay súng lạ đến gần và nổ súng. Xe cứu thương đưa nạn nhân đến bệnh viện.

Cảnh sát đã thành công đặc biệt và tìm ra thủ phạm. Gã tên là Darell Wayne Garner, uống rượu say, lang thang khắp các quán rượu và kêu to rằng Reynolds xứng đáng bị trừng trị. Cảnh sát bắt Garner, song gã lại có alibi. Gái nhảy Nancy Kane Mooney xác nhận là Garner có ở trong phòng thị khi xảy ra sự cố. Garner được thả, nhưng một tuần sau Mooney bị bắt, nghe đâu vì tội làm rối loạn trật tự ban đêm. Người ta giải Mooney lên đồn

và giam vào xà lim. Hai giờ sau gác ngục mở cửa và thấy tù nhân bị treo cổ. Nghe đầu Mooney tự sát vì những lý do không rõ. Nhưng lý do gì đã khiến Mooney phải chết nếu không phải trong quá khứ thị đã từng làm việc ở dạ quán Carousel và biết quá nhiều bí mật?

Reynolds may mắn sống sót nhưng không được yên ổn làm ăn. Những bức thư nặc danh, những cú điện đe dọa, và số phận đứa con gái mười tuổi đã làm ông mất tinh thần. Tháng 7-1964, ông tuyên bố rút lại lời khai trước và từ đó không ai quấy nhiễu ông nữa.

Wanda Joyce Killam cũng là gái nhảy ở dạ quán của Ruby. Thị có tình nhân là đồng sự của chồng John Carter. Carter sống trong cư xá ở North Beckley Avenue 1026, nơi Oswald đến ở khi y từ New Orleans đến Dallas. Đây lại là sự ngẫu nhiên nữa chẳng. Killam và Carter cùng làm việc với nhau, họ có thể trao đổi nhiều điều bí mật. Nhưng Killam đã biết được những gì từ Carter để rồi cảm thấy tính mạng bị đe dọa? Killam hoảng sợ, chạy trốn, trong khi vợ anh ta vẫn làm việc trong dạ quán Carousel. Một hôm anh ta gọi điện cho vợ từ Pensacola thuộc Florida, báo tin là đã tìm được việc làm, lương bổng cao. Ngày hôm sau, người ta tìm thấy Killam nằm chết trên phố, cổ bị cửa đứt. Cảnh sát tuyên bố là nạn nhân ngã vào tủ quảng cáo hàng và bị mảnh kính vỡ cửa đứt cổ. Những ai quen thuộc với các phương pháp giết người Mafia đều biết rằng đây là kiểu giết người Sicilie.

Cảnh sát Dallas kết luận một cách nhanh chóng đáng ngờ rằng Oswald là hung thủ duy nhất bắn chết Tổng thống và cả viên cảnh sát Tippitt, nhưng tài xế taxi William Whaley lại khai khác hẳn. Whaley khẳng định rằng Oswald không thể bắn Tổng thống và Tippitt từ một lý do đơn giản: ngày 22-11, từ 12h30 đến 12h45, Oswald ngồi trong xe của Whaley. Theo số theo dõi, Whaley đã chở Oswald từ bến ô tô buýt gần kho sách giáo khoa đến phố North Beckley.

Người ta hỏi cung Whaley nhiều lần và cố gắng thuyết phục anh ta thay đổi lời khai. Nhưng người tài xế vẫn bảo lưu lời khai của mình, hoàn toàn không phù hợp với kết luận “một hung thủ tâm thần”. Mafia không còn đường nào khác. Ngày 18-12- 1965 đã xảy ra một tai nạn giao thông. Một tài xế xe tải đã “vô tình” đâm vào taxi của Whaley và nhân chứng nguy hiểm mãi mãi không nói nữa.

Dorothy Kilgallen là một nữ phóng viên hạng một chuyên phỏng vấn những kẻ nổi tiếng. Có lẽ vì thế mà chánh án Brown cho phép cô ta gặp Ruby. Thậm chí họ còn được vài phút nói chuyện tay đôi. Sẽ không bao giờ có ai biết được nội dung câu chuyện và Ruby đã tiết lộ cho nữ phóng viên những gì. Ngày 8- 11-1965, Dorothy chết trong phòng ngủ của mình, nghe đâu vì uống quá liều thuốc ngủ. Nhưng sau này bác sĩ xác nhận là cô không chết vì ngộ độc thuốc ngủ. Tuy vậy, vụ án vẫn bị đình chỉ.

Lee Bowers là người làm công miễn cán của hãng “Union Terminal”. Ngày 22-11-1963, Bowers trực trên tháp điều độ cao 14 foot [90] và từ trên cao nhìn thấy toàn bộ diễn biến của tấm thảm kịch. Hơn nữa, mọi điều trông thấy đều được anh ta, theo thói quen nghề nghiệp, ghi vào thông báo. Thông báo này không khớp với văn bản chính phủ, bởi vì cảnh sát chẳng đã bột phát chạy lên đồi có bụi cây đó sao?

Thậm chí họ còn bắt giữ ở đó hai người đàn ông, nhưng sếp cảnh sát hình sự ở Dallas là Fritz đã thả họ khi nghe báo hung thủ là Oswald. Hai kẻ tình nghi này là các điệp viên CIA Surgis và Hunt.

Năm 1966, Bowers nhận được giấy mời đến gặp Ủy ban điều tra, nhưng trước đó vài ngày anh ta đã bị một tai nạn khó hiểu. Chiếc xe cũ của anh đang đi ngon lành trên xa lộ không xa Dallas bỗng giở chứng tăng tốc vọt ra khỏi lòng đường. Lee Bowers chết ngay tại chỗ. Thế là chánh án không còn dịp để thẩm vấn nhân chứng quan trọng, cả biên bản cảnh sát về tình trạng kỹ thuật của xe sau tai nạn cũng biến mất.

Không chỉ “bố già” Mafia Carlos Marcello, mà cả chủ nhân văn phòng điều tra tư Guy Bannister và Hugh Ward có văn phòng ở ngôi nhà số 544 trên phố Camp Street. Trong thời gian sống ở New Orleans, Oswald cũng lai vãng tới ngôi nhà đó. Số phận hai chàng thám tử tư trong năm 1964, Hugh Ward chết trong một tai nạn máy bay ở Mexico, còn Guy Bannister thì không qua nổi một cơn đau tim.

Xung quanh vụ ám sát Tổng thống J.F.Kennedy còn nhiều điều bí ẩn chưa được sáng tỏ, song cũng đã xuất hiện nhiều dấu vết dẫn tới Mafia. Diễn biến của sự cố đã loại trừ giả thiết một tay súng duy nhất. CIA và Mafia có không thiếu lý do và thừa phương tiện để cùng với những chính khách thâm cung thực hiện ám sát vị Tổng thống không mấy dễ chịu với tập đoàn tư bản lái súng và những con điều hâu khát máu ở Mỹ.

KẺ THÙ SỐ MỘT CỦA MAFIA

Thứ năm 4.12.1958 trở thành một ngày lịch sử trong lịch sử chống Mafia Hoa Kỳ. Một gangster tiểu tốt tên là Charles Lichtman khai trước tiểu ủy ban điều tra Mc Clellan. Người hỏi cung là một cố vấn luật của tiểu ủy ban, Robert Kennedy.

– Lichtman, lần đó anh quyết định giành lại các máy nhạc tự động của mình. Anh có đi đến đó lần nữa chứ? - Robert Kennedy hỏi.

– Tôi còn đi đến đó nhiều lần nữa, nhưng tôi hiểu là ngài Geltan không chịu nhượng bộ. Ông ta đã thuê vài tên côn đồ can thiệp. - tên gangster trả lời.

– Anh có nhắc đến một người đàn ông tên là Valachi?

– Vâng, thưa ngài.

– Valachi là ai vậy? - Robert Kennedy hỏi.

– Tôi tình cờ làm quen với lão ở Harlem. Lão hứa sẽ giúp tôi giải quyết vụ tranh chấp.

– Valachi từng cộng tác với Anthony Stroll biệt hiệu Bender. Y cũng là bạn thân thiết của Vincent Maur, - Robert Kennedy nói. - Năm 1956, FBI đã bắt y vì tội vi phạm luật pháp liên bang cấm buôn bán ma túy. Y bị kết án 5 năm tù. Y đã 17 lần bị bắt giữ và 5 lần bị kết án tù giam. Chính y lại chìa bàn tay giúp đỡ cho anh?

– Vâng, thưa ngài.

– Sau đó y đã làm gì?

– Lão mời tôi đến quán bar ở góc phố 180 và đại lộ Phương Nam.

– Anh đã gặp ai ở đó?

– Tôi thấy ở đó Geltan và cả Blackie. Sau đó Valachi đến và tất cả đi ra phía sau bàn bạc.

– Những ai có mặt bữa đó?

– Tôi không rõ. Tôi chỉ biết có ba người đó.

– Jimmy Alo, biệt hiệu “Mắt Xanh”, cũng có mặt ở đó?

– Tôi không nhìn thấy hẳn. Tôi thấy có Tommy Milo.

– Tên gangster từ New York?

– Vâng, chính hẳn.

– Họ gặp nhau để quyết định ai được kiểm soát các tủ nhạc ở Westchester?

– Vâng, chính xác như vậy.

– Họ quyết định thế nào?

– Theo như họ nói với tôi, cả Valachi cũng nói thế, thì bạn hàng của tôi là Jimmy Caggiano đã bán đứng tôi lấy 500 dollar. Tôi không có cơ hội giành lại các máy nhạc tự động. Tôi bị trắng tay hoàn toàn. Ông biết đấy, khi ông không có tổ chức làm chỗ dựa thì một mình ông không thể tồn tại được.

– À, ra thế. Valachi cũng có tiếng tốt đấy chứ? - Robert Kennedy kết thúc buổi hỏi cung.

Robert Kennedy tiếp tục cuộc chiến chống tổ chức tội ác với nhiệt tình hiểm có và đã hạ đo ván Valachi. Với thành công đó, ông đã trở thành ngôi

sao số một trong lịch sử hình sự Hoa Kỳ. Ngược lại, Joseph Valachi biến thành con cừu đen Mafia, một kẻ phản bội bị nguyên rủa. Robert Kennedy đã thuyết phục được con cáo già Mafia phản bội lại luật sắt Mafia “omertà” và tố giác đồng bọn. Thậm chí, y còn nói trước ống kính tivi, 18 tháng trời y viết lại tất cả những gì y biết về Mafia và với thành công đó, Robert Kennedy trở thành kẻ thù số một của Mafia.

Sau này khi đã là bộ trưởng tư pháp, Robert Kennedy tuyên bố về vụ Valachi như sau:

“Lần đầu tiên trong lịch sử có người vi phạm luật thiêng “im lặng” của Mafia. Hơn nữa đó lại là người được thông tin đầy đủ trong đế chế Mafia. Tuy nhiên lời khai của Valachi còn có ý nghĩa khác. Nó giúp chúng ta dựng nên bức tranh khổng lồ về Mafia, phát hiện ra những mối quan hệ ngầm khác, và nhìn nhận sự việc sâu sắc hơn. Bản cung khai của Valachi có giá trị lớn và nhiều sự kiện cũ nhận được ý nghĩa khác chính xác hơn. Đây là một bức tranh kinh tởm. Bức tranh về hiệp hội tội ác, một tổ chức được gọi không chút thối phồng là chính phủ vô hình, với thu nhập nhiều tỉ dollar hàng năm. Một quái thai sống bằng sự cùng cực của nhân loại và tồn tại nhờ sự suy đồi, thoái hóa của đạo đức nhân phẩm”.

Johnson, cũng giống như các tổng thống trước, khi nhậm chức đã thay tất cả các viên chức chính phủ cao cấp bằng người của mình, cả em trai vị tổng thống quá cố cũng được gọi ý từ chức. Robert Kennedy rời ghế bộ trưởng, nhưng không có ý định từ bỏ sự nghiệp chính trị và ngay trong năm 1964, ông đã ứng thẳng cử, bắt đầu phê phán đường lối của Johnson và chuyển sang phái đối lập. Năm 1968, Robert Kennedy quyết định ra ứng cử Tổng thống.

– Tôi quyết định ứng cử Tổng thống không phải vì tôi đứng bên phe đối lập, - ông tuyên bố với các nhà báo trong một cuộc họp báo - mà là vì tôi muốn thực hiện đường lối chính trị mới. Đất nước chúng ta đang bị lái sang

con đường nguy hiểm. Cho nên tôi phải làm tất cả những gì nằm trong khả năng của mình.

Công việc thuận buồm xuôi gió. Robert Kennedy chiến thắng trong tất cả các cuộc bầu cử sơ bộ, trừ ở bang Oregon, rồi cùng vợ con và bộ tham mưu tranh cử, tiếp tục cuộc hành quân thắng lợi đến California. Khi nhà báo Romain Gary của tờ báo Pháp Le Figaro đề nghị phỏng vấn, Kennedy đã nói: “Tôi biết rằng ở đâu đó có kẻ cầm dao rình tôi. Chúng ta sống trong thời đại có khuynh hướng không bình thường, thiên về bạo lực. Ở chỗ chúng tôi, King [91] bị giết hại và lập tức ở bờ bên kia đại dương, ở Đức quốc, một kẻ bệnh hoạn định giết người phát ngôn của sinh viên Đức”.

Đây không phải là tuyên bố màu mè của một chính trị gia đang lên như điều, mà là lời khẳng định sự thật. Robert Kennedy biết rằng thế giới ngăm bực tở Hoa Kỳ căm thù ông hơn bất cứ ai khác. Không giống những người khác thường dừng lại ở nửa đường, ông đã đạt được ít ra là thắng lợi bộ phận trong cuộc chiến với tội ác. Ngày 5-8-1968, Robert Kennedy đến khách sạn Ambassador (Đại sứ) ở Los Angeles.

Sau này khi được tận mắt quan sát hiện trường, khách sạn trên đại lộ Wilshire làm tôi thất vọng. Nó làm người ta nhớ tới các khách sạn cổ ở châu Âu với ban công và một tượng hầu tước loè loẹt ngay trên cửa ra vào.

Robert Kennedy đi đến trong chiếc xe Roll-Royce sang trọng của người bạn là đạo diễn điện ảnh Frankenheimer. Các em gái của Kennedy là Pat và Jean cùng hai ông chồng - ông bầu của chiến dịch tranh cử Fred Dutton và nhà vô địch Rugby [92] hâm mộ Roosevelt Grier, vô địch Olympic thể thao mười môn Raffer Johnson, các ký giả và một vài thượng khách được chọn lựa kỹ càng, đang hồi hộp chờ đợi trong một phòng trang hoàng lộng lẫy. Ở tầng dưới, cả hai hội trường khiêu vũ chật ních các cử tri trẻ, họ đến để chúc mừng chiến thắng của Bobby [93] yêu mến.

Bỗng đoàn ra khỏi thang máy và đi vào. Mọi người vỗ tay, hô khẩu hiệu chào mừng. Đi bên cạnh Robert Kennedy là bí thư báo chí Frank Mankiewicz, còn phía bên kia là vệ sĩ Thane Cesar. Trong hội trường dàn nhạc đang chơi bài “Khi các thánh thần xuống đường” của gia đình Kennedy. Cô bé Lisa Lynn Urse là người đầu tiên nhìn thấy hung thủ, một người nhỏ bé, da nâu, mặc sơmi xanh. Hắn chen đến gần Robert Kennedy, vươn tay ra như thể muốn bắt tay Tổng thống trong tương lai như những người hâm mộ khác. Nhưng đó lại là bàn tay cầm súng. Một vài tiếng nổ và Robert Kennedy quy xuống sàn nhà.

Có lẽ không cần thiết phải nhắc lại diễn biến tiếp theo được nhiều tài liệu mô tả. Hung thủ bị cảnh sát bắt giữ, xe cứu thương chở Kennedy vào bệnh viện Hộ lý từ thiện cách đó không xa, các nhà giải phẫu thần kinh giỏi nhất nước đã quyết định mổ não, họ cố gắng cứu sống nạn nhân nhưng không thành công vì vết thương quá nặng. 1 giờ 30 phút sáng 7 tháng 8, bà Kennedy nằm tay vĩnh biệt chồng. 18 phút sau, trước các ký giả và ống kính tivi, bí thư báo chí Mankiewicz, bằng một giọng mệt mỏi, thông báo: "Tôi được ủy nhiệm tuyên bố: Thượng nghị sĩ Robert Kennedy đã qua đời".

Hung thủ chỉ cao có 1.55 cm, da nâu, nặng hơn 50 kg, mắt đảo qua đảo lại lo lắng. Và gã câm lạng. Gã không tiết lộ tên tuổi, hoàn toàn không muốn khai báo. Giám đốc cảnh sát ở Los Angeles là Thomas Redin biết rằng cứ tra hỏi mãi tên ám sát da nâu nhỏ bé này cũng không dẫn đến đâu, liền cho chụp ảnh gã và vài phút sau trên màn hiện hình của hàng triệu tivi Mỹ xuất hiện ảnh kẻ giết người cùng câu hỏi: Ai biết người này?

Đồng thời, các chuyên gia đã cố gắng nhận hình vũ khí giết người và phân tích vân tay trong catalog của FBI. Khẩu colt tám phát Johnson - cadet, modet 55, cỡ 5-6mm, có lẽ là loại vũ khí thông dụng nhất ở Mỹ. Nó được sản xuất và lưu hành từ thời miền Tây hoang dã đến nay, trị giá có vài dollar. Chủ nhân đầu tiên là Albert Hunt, sau này ông ta trao lại khẩu súng cho con gái. Cảnh sát tìm ra cô gái ở phố nhỏ Woodacre gần San Francisco

và được biết cô đã tặng súng cho George Erhard ở Pasadena, một thanh niên mới 18 tuổi.

Các thám tử lại dong ruổi đến Pasadena và tìm được George Erhard.

– Ở đây, ở Pasadena, trong cửa hàng bách hoá có một thanh niên nhỏ bé, tóc đen, đang làm việc. Anh ta tên là Joe. Anh ta mê khẩu súng. Thế là tôi bán nó cho anh ta, - Erhard nói.

Trong khi đó, một khán giả tivi nhận ra người trên ảnh và gọi điện thông báo địa chỉ: Pasadena, phố Howard Street, số nhà 699. “Joe” tên thật là Abdel Sirhán, người Jordan và hiển nhiên là có lương tâm trong sạch.

– Khẩu súng ấy đâu rồi? - cảnh sát hỏi.

– Tôi cho em trai mượn, - Joe bình tĩnh trả lời.

– Em của anh tên gì?

– Bishara Sirhán.

Cảnh sát giơ ảnh ra.

– Có phải người này không?

– Vâng thưa ngài.

Đã hơn 15 năm trôi qua kể từ ngày xảy ra vụ ám sát, khi mà sự phẫn nộ bột phát, sự kết luận nông nổi được thay thế bởi đầu óc tỉnh táo, chín chắn, người ta thấy có cái gì không bình thường ở kẻ được coi là thủ phạm duy nhất. Tại sao hắn lại không muốn nói? Bất kỳ ai dám phạm một tội ác như thế, hoặc vì lòng tin vào lí tưởng, hoặc tự kỷ ám thị cho mình được thay đấng tối cao trả thù, trừng phạt và tiêu diệt một bạo chúa, đều có cảm giác cần thiết tự quảng cáo. Nhưng Sirhán im lặng. Quả là kẻ giết

người bàng quang không thể tưởng tượng nổi. Cái gì nấp sau bộ mặt bất động kia?

Sirhán sinh ngày 18.3.1944 tại làng Silvan ở Jordan, không xa Jerusalem. Khi cậu 13 tuổi, gia đình cùng đường phải sang Mỹ kiếm kế sinh nhai. Người bố không làm sao thích nghi với môi trường Mỹ, đã quay lại cố hương để lại vợ và các con ở Pasadena. Cậu đi đến trường ở đó. Sau đó, vì nhỏ nhẹ cân, cậu làm chân cưỡi ngựa đưa trong một trường đua ngựa ở California. Cũng như các trường đua khác ở Califonia, trường đua này thuộc về Mafia. Có thời gian Sirhán làm thủ kho ở một hiệu tạp hoá, ở đâu gã cũng làm việc chăm chỉ, và được các ông chủ hài lòng. Gã ít nói, không quan tâm đến gì cả, chỉ có quan điểm chính trị hay đúng hơn, tôn giáo là đặc biệt.

Trong báo cáo của FBI có phần xác nhận rằng gangster chuẩn bị vụ ám sát cực kỳ cẩn thận và ghi chú mọi chi tiết vào một sổ nhỏ. Quyển sổ này cũng chứa quan điểm chính trị lộn xộn và một câu đáng chú ý sau: “Kennedy phải chết trước ngày 5.6.1968”. Quả là một tuyên bố lộ liễu và một bằng chứng không ngờ. Đó là ngày kỷ niệm một năm bắt đầu cuộc xung đột Israel-Arab ở Cận Đông. Song Robert Kenedy có gì liên quan đến vụ xung đột giữa Israel và thế giới Arab? Suy cho cùng đó chẳng phải là sự đánh lạc hướng có tính toán sao?

Các điệp viên FBI đã xác định rằng Sirhán đi đến khách sạn Ambassador trong chiếc xe Desoto cũ, model 1956. Gã đậu xe, đi vào trong, dừng lại bên quầy giải khát mua cocktail, rồi với cốc nước trong tay, gã hoà mình vào đám đông. Gã chờ con mồi của mình và nổ súng. Ngay từ đầu đó đã là cách giải thích không thể tin được. Vì cửa chính bị tắc do quá đông người, nghị sĩ Kennedy cùng đoàn hộ tống có cả vệ sĩ Cesar đi cửa bếp phụ. Sirhán đã chờ sẵn ở đó. Làm thế nào hung thủ biết được con mồi của mình sẽ đi qua chính lối phụ này? Giám đốc khách sạn Ambassador đã quyết định đi lối đó ở phút chót. Như vậy đó không phải tuyến định trước,

không phải dự định mà chỉ là sự linh hoạt bột phát mà thôi. Tồn tại đáng tối cao chỉ đường cho Sirhán chẳng?

Người đầu tiên làm súp đổ giả thiết một hung thủ “duy nhất” là điện ảnh gia thời sự T. Charles Charach. Ông ta chọn một số đoạn phim tình cờ quay được vụ ám sát, chiếu cho các ký giả xem và cố gắng chứng minh rằng Bishara Sirhán không phải là người bắn duy nhất, rằng đó là sự lật đổ có chuẩn bị, rằng Kennedy bị chính vệ sĩ của mình là Cesar bắn tử thương. Có phải ngẫu nhiên mà Cesar có cùng một kiểu súng như Sirhán? Theo một giả thiết khác, thì đây là vụ lật đổ có tổ chức, có nhiều tay súng chốt ở các địa điểm. Sirhán là một trong những kẻ giết thuê canh giữ đoạn đường nhà bếp và Kennedy đã đi vào họng súng của gã. Cả giả thiết này cũng không được chứng minh. Nghi vấn sự việc xảy ra khác với báo cáo chính thức của FBI được củng cố bởi các sự kiện bí ẩn sau đó.

Hội đồng thẩm phán ở Los Angeles sau này đã thông báo cho ủy viên công tố J. Busch rằng một số tài liệu điều tra quan trọng bị mất cắp và sự đánh giá của các chuyên viên vũ khí cũng không theo đúng quy chế tư pháp.

Nhưng chúng ta hãy nhìn nhận sự cố ở khách sạn Ambassador từ một góc độ khác. Rõ ràng là động cơ ám sát của Sirhán không đứng vững. Song ai có thể mong muốn đặc biệt cái chết của em trai cố tổng thống và chắc chắn sẽ là Tổng thống tương lai? Mafia.

Thông qua tổ chức công đoàn Teamsters Union, Mafia thâm nhập tất cả các ngành buôn bán ở Hoa Kỳ. Sân bay Kennedy ở New York là một hãng kinh doanh khổng lồ, hàng ngày nhập vào và xuất đi hàng nghìn tấn hàng hoá các loại. Mafia kiểm soát tất cả các tài xế Teamsters Union và nắm độc quyền ăn cắp hàng máy bay khoản tiền lên tới hàng tỉ mỗi năm. Theo báo cáo FBI, một phần ba hàng điện tử, thực phẩm, đồ da và đồ trang sức rơi vào tay Mafia. Teamsters Union bảo đảm việc ăn cắp trót lọt trên quy mô toàn quốc và chủ tịch công đoàn Jimmy Hoffa đã bỏ túi 385 triệu dollar.

Nhưng rồi trên vũ đài xuất hiện một đối thủ nguy hiểm - Bộ trưởng tư pháp Robert Kennedy và Jimmy Hoffa quyết định bằng mọi giá tiêu diệt Kennedy. Hoffa đã tiết lộ mưu đồ sát hại Bộ trưởng tư pháp cho phó sếp Andrew Grody Partin và người này sau này đã tố giác:

“Ban đầu Hoffa định cho bắn Kennedy bằng súng tầm xa, bởi vì bộ trưởng tư pháp hay đi xe mui trần và là mục tiêu tốt cho các tay súng. Sau đó y thay đổi quan điểm và dự định cho nổ tung biệt thự Kennedy ở Virginia, thiêu cháy Kennedy cùng cả gia đình. Khi tôi nhắc Hoffa rằng như vậy cả trẻ con cũng không tránh khỏi chết cháy y trả lời: Thế thì sao, bọn nhóc ấy cũng là Kennedy mà”.

DỌA NẠT

Edward Moore Kennedy là người con trai thứ ba của dòng họ Kennedy. Cái chết của hai người anh trai trên vũ đài chính trị vẫn không làm ông ta từ bỏ ý đồ tiếp tục sự nghiệp chính trị, và điều đó làm Mafia không hài lòng. Có nhiều khả năng Mafia đã quyết định thanh toán ông ta, mặc dù cũng như hai trường hợp trước, người ta chưa thu được các bằng chứng không thể chối cãi được về những ngón tay dài của hiệp hội tội ác.

Lãnh địa của dòng họ Kennedy nằm trải rộng trên vùng đất nhô ra Đại Tây Dương ở bờ biển đông nam bang Massachusetts. Họ sở hữu những khu rừng bạt ngàn và những cánh đồng thẳng cánh cò bay. Kế cận là dinh thự của các gia đình triệu phú khác, các trí thức và nghị sĩ giàu có, nơi tụ họp ăn chơi của tầng lớp thanh niên công tử và các playboys [94] trung niên.

Không xa thái ấp Kennedy là một đảo nhỏ mang tên Chappaquiddick với cảng Edgartown. Và cạnh nó chỉ cách con kênh nhỏ Poucha Pond - là thiên đường của những kẻ khá giả - đảo Martha's Vineyard.

Chiều thứ sáu ngày 18.7.1969, thượng nghị sĩ Edward M.Kennedy bay đến đảo Chappaquiddick dự hội đua thuyền do câu lạc bộ “Edgartown Yacht Club” tổ chức. Sau cuộc đua, ông ta thuê một nhà nghỉ và tổ chức dạ tiệc cho bạn bè thân cận. Họ ăn mừng chiến thắng trong cuộc thi vừa rồi, đồng thời muốn bày tỏ sự biết ơn đối với các cô gái nhiệt tình tham gia chiến dịch vận động bầu cử của Robert Kennedy năm trước.

Bữa tiệc tiến hành theo đúng chương trình. Rượu chảy như suối, nhạc giạt gân âm ỉ và các cặp ôm nhau đậm dật. Tất cả đàn ông, kể cả thượng nghị sĩ Edward Kennedy, đều không mang theo vợ. Khoảng gần 12 giờ đêm thì Edward Kennedy và cô gái tóc vàng Mary Jo Koepchne lĩnh trốn mọi người.

Không ai ngạc nhiên cả, anh em nhà Kennedy xưa nay vẫn nổi tiếng trắng hoa mà. Cả hai ngồi lên xe oldsmobile 88 đen của Kennedy và biến vào bóng đêm.

Sáng sớm thứ bảy, các ngư dân phát hiện thấy chiếc xe Limousine đen nằm lật ngược dưới cầu qua kênh Poucha Pond, cách nơi dạ tiệc khoảng hai cây số. Họ thông báo cho cảnh sát và sếp cảnh sát địa phương Dominick Arena lập tức đến hiện trường. Thợ lặn lôi từ trong xe bị nạn ra một xác phụ nữ, trong túi xách có chứng minh thư cho phép được vào trụ sở của thượng nghị viện Hoa Kỳ. Nạn nhân chính là Mary Jo Kopecne, một thời làm thư ký riêng cho Robert Kennedy.

Khoảng 10 giờ sáng hôm đó, thượng nghị sĩ Edward Kennedy đến đồn cảnh sát ở Edgartown thông báo rằng xe ông bị tai nạn ở cầu Dyke Bridge và yêu cầu giữ kín tin đó trong vòng ba tiếng đồng hồ. Sau này khi được công khai, lời khai của Kennedy không có sức thuyết phục cho mấy. Edward Kennedy kể rằng ông cùng Mary Jo Kopecne rời khỏi dạ tiệc vào khoảng 23 giờ 15. Ông định đi đường Main Street đến cảng Edgartown, nhưng vì không thạo đường nên đã đi lạc sang đường đất Dyke Road. Khi đi được vài trăm mét đường đồng và đi xuống dốc thì bỗng xuất hiện một cầu nhỏ, không có thành chắn. Ông không giữ vững tay lái, làm xe rơi xuống nước lật ngược và chìm xuống đáy. Ông đã vùng vẫy hết sức để mở cửa và không nhớ mình thoát ra ngoài xe như thế nào nữa. Khi nổi lên mặt nước và sức nhớ trong xe còn Mary Jo Kopecne, ông lặn xuống mấy lần định cứu cô ta nhưng vô vọng. Trời quá tối. Ông không nhớ rõ chi tiết, vì bị choáng và quá kiệt sức.

Ông chỉ nhớ lơ mờ là sau đó cũng lết được đến ngôi nhà nghỉ, ngồi lên một xe đỗ trước cổng và yêu cầu ai đó lái xe đi, cuối cùng tỉnh lại thì thấy mình nằm trong phòng ở khách sạn.

Cùng đi với Edward Kennedy đến đồn cảnh sát còn có luật sư Paul Markham, cũng có mặt trong buổi dạ tiệc. Từ đồn cảnh sát, Kennedy gọi

điện chia buồn đến gia đình nạn nhân, sau đó ông lên máy bay riêng bay về thái ấp của dòng họ Kennedy.

Sếp cảnh sát Dominic Arena đã tiến hành xem xét hiện trường, không phát hiện có vết phanh xe, các dấu vết xác nhận tai nạn cũng không. Tuy vậy, Arena không hỏi Kennedy một câu nào cả và tuyên bố rằng đó là tai nạn giao thông đáng tiếc. Tất nhiên là uy tín của thượng nghị sĩ Kennedy là một đảm bảo cho cảnh sát rằng lời khai của ông ta về tai nạn tối hôm đó là chính xác và đúng sự thật.

Tuy nhiên trong hồ sơ xuất hiện vài điểm mâu thuẫn. Kennedy khẳng định rằng ông đi từ nhà nghỉ vào khoảng 23 giờ 15 để kịp chuyển phà sang đảo Marthas Vineyard. Nhưng phó sếp cảnh sát Ch. Lock lại khai rằng khoảng 0 giờ 40, anh ta nhìn thấy gần khu nhà nghỉ chiếc xe oldsmobile đen sau một lát lưỡng lự rẽ sang đường đất dẫn đến cầu Dyke Bridge. Còn chỉ huy cứu hỏa A.M.Silva thì khẳng định rằng tai nạn không thể xảy ra trước 1 giờ kém 15.

Vậy Kennedy và Koepchne đã làm gì từ 23 giờ 15 đến 0 giờ 50? Làm sao thượng nghị sĩ Kennedy có thể nhầm đường được khi mà ở ngã tư có biển dạ quang chỉ đường. Chuyển phà cuối cùng đến lúc giữa đêm. Kennedy còn tìm cái gì ngoài đồng vào lúc 1 giờ kém 15?

Kennedy tuyên bố là đã cố gắng cứu Mary Jo Koepchne một cách tuyệt vọng. Sau đó trong cơn sốc và mệt mỏi, ông quay trở lại nhà nghỉ. Nhưng đoạn đường mà ông phải đi qua không nằm trên sa mạc. Hai bên đường có nhiều nhà nghỉ và mọi số vẫn còn đèn. Nghị sĩ Kennedy quả đã kiệt lực tới mức không còn biết làm gì tiếp? Nếu như vậy, tại sao ông không gõ cửa nhà gần nhất yêu cầu giúp đỡ mà lại phải lết hai cây số đến chỗ dạ tiệc làm gì?

Edward Kennedy khẳng định là đã yêu cầu ai đó chở về Edgartown. Một câu hỏi được đặt ra là - những người tham dự dạ tiệc được biết về tai nạn khi nào và tại sao họ không báo cảnh sát? Nhà nghỉ ở trên đảo

Chappaquiddick, nhưng sáng sớm Kennedy đã có mặt ở khách sạn trên bờ bên kia kênh, Kennedy qua kênh bằng cách nào khi chuyển phà cuối cùng rời bến lúc 24 giờ?

Edward Kennedy tuyên bố là đã bơi qua kênh và đến khách sạn lúc 2 giờ sáng, ngủ một lúc, sau đó gọi điện cho luật sư của gia đình là Burk Marshall. Song chủ nhân khách sạn là Russel E. Peachney lại khẳng định rằng ông ta nhìn thấy thượng nghị sĩ Kennedy về khách sạn lúc 2 giờ 25 và quần áo không bị ướt.

Kennedy khai rằng ông lạc đường và bị bất ngờ bởi chiếc cầu hẹp qua Poucha Pond. Nhưng ngày 18.7. Kennedy đã đi trên quốc lộ ở Chappaquiddick ba lần và qua đường đất Dyke Road và cầu Dyke Bridge hai lần. Như vậy ông phải biết chính xác là cầu hẹp và không có thành chắn.

Khi khám nghiệm tử thi Mary Jo Kopechne, các bác sĩ xác minh rằng cô uống rất ít, có lẽ chỉ hai, ba cốc cocktail. Trên áo sơ mi trắng có vết máu không bị nước xóa nhòa. Điều đó chứng tỏ cô bị thương lâu trước khi rơi xuống nước. Edward Kennedy có nhiều vết đánh trên đầu và gáy. Thậm chí trong đám tang Mary Jo Kopechne và khi phát biểu trên tivi, cổ ông còn quần băng. Theo các chuyên gia thì những vết thương như vậy không thể xảy ra dưới nước khi Kennedy cố thoát ra khỏi chiếc xe bị chìm.

Xung quanh tai nạn trên đảo Chappaquiddick và lời khai của Kennedy có nhiều điểm mâu thuẫn tới mức khiến các nhà hình sự đặt vấn đề nghi vấn. Họ cảm thấy Kennedy cố giữ bí mật các sự kiện, rằng ông không muốn, hay không thể nói về một số chi tiết. Bởi vậy người ta đã thử, xuất phát từ các lời khai của nhân chứng và kết quả điều tra, tái dựng lại các sự kiện xảy ra đêm hôm đó. Trên sân khấu xuất hiện Mafia.

Hai tên giết người chuyên nghiệp giấu mình sau bụi cây trước nhà nghỉ. Khi nghị sĩ Kennedy và tình nhân Mary Jo Kopecline đi ra xe, chúng liền nhảy ra và đánh họ gục ngã. Các vết máu trên áo của Mary Jo và vết thương

ở gáy Kennedy bởi một đòn karate đã xác nhận giả thiết này. Sau đó, các hung thủ chở hai nạn nhân đến cầu và đẩy xe xuống kênh. Nước lạnh làm Kennedy tỉnh lại và ông ta may mắn thoát chết, còn Mary Jo thì chết chìm trong xe.

Nhiều tình tiết đã khẳng định giả thiết trên. Phó sếp cảnh sát Leck nhìn thấy nhiều người trong xe. Thợ lặn tìm thấy Mary Jo ở ghế sau. Thật là khó tin, khi trong xe chỉ có hai người mà chàng ngồi sau vô lăng còn nàng lại ngồi ở ghế sau.

Edward Kennedy im lặng. Hiển nhiên là ai đó đã dọa sẽ cho ông nổi bước các anh nếu ông tiết lộ sự thật. Họ nhắc ông nhớ lại tai nạn máy bay mà ông may mắn thoát chết, trong khi phi công và bí thư của ông thiệt mạng. Dư luận không bao giờ biết được nguyên nhân thật sự của tai nạn. Người ta cho rằng có kẻ đã cố ý phá hỏng cơ chế điều khiển máy bay.

Kennedy đã lo sợ thật sự khi biết rằng đến lần thứ ba thì ông sẽ không sống nổi? Có điều chắc chắn là ông quyết định rời bỏ con đường danh nghiệp. Ông biết rằng Mafia không muốn thấy bất cứ Kennedy nào trong Nhà Trắng cả. Các sự kiện tiếp theo đã khẳng định điều đó.

“Khách vắng lai” ở Dallas, Howard Hunt, trở thành nhân vật nổi tiếng nhờ vụ bê bối “Watergate”. Y chính là cố vấn của Tổng thống Nixon và tác giả của nhiều mảnh khoé bản thiêu.

Khi các tài liệu mật của Lầu Năm Góc về chiến tranh Việt Nam bị báo chí tiết lộ ngày 13.6.1971, người ta đã nổi trống báo động ở Nhà Trắng và tiến hành truy tìm lỗ rò thông tin. Một đơn vị đặc biệt, đội điều tra của Nhà Trắng - White House Special Investigation Unit đã ra đời. Nó đóng đô ở phòng số 16, tầng ngầm ngôi nhà hành chính, bên cạnh Nhà Trắng, Emil Krogh được chỉ định làm chỉ huy, còn phó sếp là David Young, người của Kissinger trong Hội đồng an ninh quốc gia. Tiếp đến là các điệp viên sừng sỏ Jack Caulfield và Tony Vlasewicz, những con cáo già từng hoạt động lâu

nằm trong đơn vị đặc biệt của cảnh sát New York Bureau of Special Service and Investigation [95]. Họ có một nhiệm vụ duy nhất là ngăn cản, làm nhục và hăm dọa người Kennedy cuối cùng. Ở ngôi nhà số 321 phố 19 có người khách trọ mang tên Thomas A. Watkins. Người này thuê dài hạn phòng số 11C với giá 370 dollar hàng tháng. Phòng được trang trí một cách đặc biệt với thị hiếu có lẽ của một độc giả nhiệt thành của tạp chí Playboy [96].

Ngài Thomas A. Watkins bí ẩn đi đến rồi lại vắng mặt không đều, vài lần dẫn theo cả khách, song nhân viên thường trực đâu có biết rằng những “người bạn” của Watkins là các chuyên gia đến để lắp những máy quay phim và các hệ thống nghe lén bí mật trong phòng. Ngài Watkins tên thực là Tony Vlasewioz và y đang bài trí một màn kịch cho Margaret Carroll, Esther Newberg và một số cô gái khác đã tham dự dạ tiệc do Kennedy tổ chức ở đảo Chappaquiddick. Các điệp viên dự định sẽ chuốc say những người đẹp của Kennedy, chụp ảnh, ghi âm những lời kể của họ về tối ăn chơi trên đảo. Như vậy, không những chỉ ngăn cản mà còn thanh toán về mặt chính trị Edward Kennedy. Ai đã thuê các điệp viên này? Tổng thống Nixon bằng quỹ vận động bầu cử, hay còn một kẻ thế lực nào khác trong hậu trường không muốn thấy Kennedy trên vũ đài chính trị? Họ không để ông ta yên. Cáo già Howard bước lên sân khấu. Y đã chế biến lại hơn 240 tài liệu mật của FBI và Bộ ngoại giao thành các tài liệu phươg hại đến uy tín hai anh em Kennedy đã chết, và như thế cũng hạ bệ uy tín của người còn sống là Edward Kennedy, y thay đổi tên tuổi, các sự kiện và trao photocopy các tài liệu giả cho các báo. Màn kịch với các người đẹp của Edward Kennedy cũng do chính y đạo diễn.

Tháng 12.1982, khi tôi đang viết bản thảo quyển sách này thì báo chí đưa tin: “Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Edward Kennedy thông báo không ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ 1984-1988, vì những lý do và cá nhân gia đình”.

NHÂN CHỨNG SỐNG

Tháng 5.1962. Công trường xây dựng xa lộ ở bang Georgia. Các xe ủi đào đất và những xe tải lớn chở đất đi. Xa lộ đi qua nghĩa địa và những người chết được dời đến chỗ khác. Đã hơn 10 năm nay người ta không mai táng ai ở đây cả. Nhưng khi mở một ngôi mộ người ta thấy trong đó có hai xác chết. Người thứ hai chết chưa lâu, có lẽ mới được nửa năm, mặc bộ đồ tù và được ai đó lén chôn vào ngôi mộ cũ.

Đây là người trạc 60 tuổi, trên sọ có vài vết thương, rõ ràng là bị đánh chết. Pháp y được gọi đến và xác minh xác chết đã nằm trong mộ khoảng sáu tháng. Mặt đã biến dạng, vân tay cũng không còn sau một thời gian dài như vậy. Số tù trên áo cũng bị xé mất. Làm thế nào để nhận dạng nạn nhân?

Vào thời gian này, ủy viên công tố Henry Kimbell bắt đầu sự nghiệp ở Durham, bang Bắc Carolina. Trẻ tuổi, đầy tham vọng, ông bắt tay điều tra vụ án với quyết tâm của một luật sư trẻ tuổi muốn nổi danh. Ông lập luận: Tù nhân trong ngôi mộ nhất định phải vắng mặt ở đâu đó. Hàng ngày các nhà tù đều có đếm số người ăn, và phải biết tù nhân nào thiếu. Ông gửi công văn cho tất cả các nhà giam ở Mỹ và chẳng bao lâu được biết rằng không nhà giam nào mất tù nhân cả.

Luật sư Henry Kimbell liền quay sang cách khác. Ông cho nghiên cứu phân tích bộ đồ tù đã quá cũ. Cả phương pháp này cũng không giúp ông tiến xa hơn, bởi vì tất cả đồng phục tù nhân đều được may bằng một loại vải. Hơn nữa, chưa chắc nạn nhân đã là tù nhân. Hung thủ có thể đã dùng bộ đồ tù để đánh lạc hướng điều tra.

Một giả thiết mới xuất hiện. Án mạng xảy ra trong khi chuyên chở tù nhân. Một kẻ nào đó đã giết người tù xấu số để đội lốt nạn nhân chịu một án nhẹ thay cho án chung thân mà có lẽ hung thủ đã lãnh. Trong tất cả các

nhà tù đều có phiếu nhận dạng có ảnh. Đồng bọn của hung thủ làm việc trong nhà tù lo việc thay ảnh trên phiếu nhận dạng.

Henry Kimbell kiên trì lần lượt khắp các nhà tù, nghiên cứu hồ sơ tất cả các tù nhân trước đó khoảng nửa năm bị chuyển chỗ giam. Ông tin rằng sẽ tìm ra hung thủ. Các ký giả theo dõi và tường thuật từng bước đi của nhà thám tử, luôn giữ độc giả trong trạng thái căng thẳng hồi hộp, ủy viên công tố không phiền lòng nếu như họ có cường điệu chút ít, bởi vì dư luận cũng là một bộ phận chiến thuật của ông. Ông chờ người tù giả lo sợ và phạm sai lầm.

Con thú đã bị đánh động. Ngày 22.6.1962, ở nhà tù Atlanta bang Georgia xảy ra sự kiện đáng chú ý. Trước tám giờ sáng, tù nhân xếp hàng trên sân nhà tù để kiểm tra. Một tù phạm tóc xám, vẻ điềm đạm nghiêm chỉnh, bỗng rút trong túi ra một ống sắt, nháy bổ đến tù nhân Sydney Potter và chỉ với vài cú đánh, đã giết chết người này. Hung thủ tên là Elmer Cheasty. Y bình tĩnh cho giải đến phòng giám đốc nhà tù, ngồi một cách nặng nhọc xuống ghế và xin thuốc hút.

– Tôi không biết cái gì đã xảy ra với mình. Bỗng nhiên tôi lên cơn và tôi phải giết một người nào đó.

Hung thủ bị điên? Chỉ huy trung tâm hình sự không tin điều đó. Kimbell cũng không. Quả là có tù nhân bị điên trong thời gian ở tù, nhưng tên này không có vẻ như vậy. Nếu như y không điên thì tại sao y lại giết người? Y bị kết án một năm tù vì tội trộm cửa hàng và chỉ còn vài tuần nữa là được ra tù. Người ta chuyển y từ Albana tới Atlanta, ở Albana thiếu chỗ giam.

Thậm chí hung thủ Cheasty và nạn nhân Potter còn ở chung xà lim từ ngày hôm trước, Làm thế nào mà Potter lại được chuyển đến xà lim Cheasty, khi mà Potter đã ngồi tù được 18 tháng? Potter yêu cầu giám ngục cho ở cùng với Cheasty vì, theo y nói, họ từng là bạn chiến đấu với nhau trong quân đội, họ sẽ có chuyện để quên đi những ngày dài trong tù.

Ủy viên công tố hồi hộp khi cầm trong tay hai phiếu nhận dạng của hung thủ và nạn nhân. Ông cảm thấy chúng khác nhau. Một phiếu dường như dày hơn và có bề mặt thô hơn. Các phiếu nhận dạng lập tức được gửi đến phòng thí nghiệm FBI, và người ta xác minh phiếu của Cheasty là giả. Cũng giống như giấy bạc, séc và các giấy giá trị khác, các phiếu nhận dạng tù nhân có những ký hiệu đặc biệt của nhà in Quốc gia. Phiếu của Cheasty không có những ký hiệu đó. Người ta xem xét hồ sơ tù nhân. Dấu tay và ảnh không đúng với tù nhân mang tên Cheasty. Từ đó dễ dàng suy ra rằng, xác chết trong mộ gần xa lộ là tù phạm Elmer Cheasty, còn kẻ giết Sydney Potter không phải Elmer Cheasty mà là tù nhân khác. Vậy kẻ đội lốt Elmer Cheasty thực tế là ai?

Kẻ bí hiểm này tên thực là Joseph Valachi và sau này trở thành ngôi sao truyền hình của Mafia. Ông bầu và đạo diễn buổi hỏi cung công khai trước các ống kính máy quay là Bộ trưởng tư pháp, thượng nghị sĩ Robert Kennedy. Việc chuẩn bị kéo dài cả năm, song đã được đền bù xứng đáng. 120 triệu khán giả trong nước và hàng trăm triệu khán giả truyền hình trên khắp thế giới hồi hộp theo dõi cuộc đời sóng gió của con người lần đầu tiên trong lịch sử quyết định vi phạm luật sắt im lặng của Mafia và tiết lộ các bí mật của hiệp hội tội ác. Một nguyên nhân nữa dẫn đến sự phản bội Mafia là các “bố già” đã âm mưu giết Valachi ở ngay trong tù. Nghe đâu Sydney Porter là kẻ giết thuê được đưa vào tận xà lim, nhưng Valachi đã nhanh tay hơn.

Valachi tuyên bố rằng y không biết gì đến cái tên Elmer Cheasty cũng như xác chết trong ngôi mộ. Còn việc hồ sơ thực, giả, đây không phải trách nhiệm của y. Sydney Porter cũng không tồn tại. Valachi đã giết nhầm một người tên khác và không liên quan gì đến Mafia. Y bị buộc tội giết người và ủy viên công tố đề nghị hình phạt cao nhất: Tử hình. Để cứu mạng, Valachi quyết định “hợp tác với chính phủ liên bang” phản bội Mafia. Thế là bí mật xác chết trong mộ bị lãng quên bên cạnh sự kiện giật gân số một này. Chương trình tự thú của Valachi trên truyền thông quả là một sự kiện có

một không hai và không có gì đáng ngạc nhiên cả, khi toàn bộ gia đình, từ cháu đến ông cả ngày ôm tivi để theo dõi lịch sử “chính phủ vô hình Hoa Kỳ” Mafia.

Câu chuyện thực của Joseph Valachi, biệt hiệu Joe Cago, không chỉ là một bằng chứng vô giá, mà còn là tấm gương phản chiếu xã hội Hoa Kỳ. Nó có một vị trí quan trọng trong lịch sử chống tổ chức tội ác. Joe Valachi là kẻ giết thuê từ thời Al Capone, y có khả năng nhớ tên ngày và sự kiện cực kỳ chính xác. Hơn nữa, y sẵn sàng khai tố và khán giả truyền hình không để ý rằng, y chỉ nói về những tội ác đã được pháp luật khóa sổ.

Joseph Valachi sinh ngày 22-9-1904 ở khu phố Harlem thuộc New York, trong một gia đình, như y thường nói pha chút cường điệu “nghèo nhất thế giới”. Mẹ của y, một phụ nữ Ý to lớn, tên là Maria Casale, còn bố y tên là Domenico, một con sấu rượu với bộ râu xồm vĩ đại. Domenico đi làm thuê, kiếm được xu nào thì uống hết xu ấy, luôn thượng cẳng tay hạ cẳng chân với vợ con. Anh cả của Valachi là Anthony chết trong nhà thương điên trong nhà tù Dannernore, bang New York. Em út Johny là tay du đãng, một buổi sáng cảnh sát thấy nằm chết trên phố. Ba chị em gái của y sống bình thường, mới trưởng thành họ đã lấy chồng và chuyển đi nơi khác.

Cũng như tất cả những tên gangster khác, Valachi lớn lên trên đường phố, trở thành thành viên của băng thanh niên du đãng, bị đưa vào trại cải tạo, họa hoằn mới cấp sách đến trường. Lên 18 tuổi, y cầm đầu một nhóm trộm cướp đáng gờm được các nhà báo đặt tên là “Minuteman găng” - Băng Một phút. Chúng chuyên về các vụ cướp nhỏ, không kéo dài quá một phút. Chúng đập tú kính, vơ vôi vàng áo lông hay đồ vàng bạc. Sau một phút biến mất.

Trong các vụ cướp sau này, Joe Cago có tiếng là một tài xế nhanh nhẹn và kinh nghiệm. Y len lách tài tình trên đường phố, chở đồng bọn và hàng ăn cướp đến nơi an toàn. Chúng hoành hành vô sự ba năm trời trên đường phố New York cho đến khi bị đại úy cảnh sát hình sự Stetter lần ra dấu vết.

Theo hồ sơ FBI số 544, Joseph Valachi bị kết án ba năm tù và y ngồi tù trong nhà giam quốc gia Sing Sing ở Ossining, bang New York từ 9-4-1925 đến 15-6-1928. Ngày 14-3-1929, y lại bị cảnh sát New York bắt giữ, song được thả ngay ngày hôm sau.

Y lại trở về với nghề cũ, dành tiền mua chiếc Packard cũ từ năm 1921 để có thể nhanh chóng biến khỏi hiện trường. Nhưng số y đen đui. Trong một vụ cướp cửa hàng đồ lông có sự trục trặc, y phải ở lại hiện trường hơi lâu, nhân viên bảo vệ xuất hiện và lập tức nổ súng. Valachi trúng đạn vào đầu và đồng bọn tưởng y đã chết. Chúng liền bắn lên trời để đánh lạc hướng cảnh sát rồi biến mất.

Khoảng sau một giờ, đồng bọn quay lại hiện trường thấy Valachi còn nằm thoi thóp thở trên vỉa hè. Valachi được đồng bọn chở đến bác sĩ và sau hai tháng, y mới có thể đi lại được. Sau khi bình phục, y làm quen với Dominick Petrilli, nổi tiếng với biệt hiệu “The Gap”. Petrilli trở thành thầy học và nổi bất hạnh của y. Petrilli không dạy gì hay cho y, không mang lại gì tốt đẹp cho y. Con đường của Petrilli lại dẫn y đến nhà đá.

Cả hai vạch kế hoạch cướp kho vải. Một cú làm ăn lớn với hàng nghìn dollar. Chiếc xe Packard của Valachi không đủ chỗ để chở hết đồ ăn cắp, thế là chúng kéo theo cả Chủ xe hơi Joseph Cagliano, biệt hiệu “Pip” và một vài tên khác. Tất cả tiến hành theo đúng kế hoạch, chúng lạng lẽ chất từng súc vải lên xe, lòng khấp khểnh như năm từng xấp dollar trong tay. Bỗng bảo vệ kho xuất hiện và thông báo xe cảnh sát đang đến. Lũ trộm vội vàng chạy trốn. Nhưng “con ngựa già” Packard của Valachi không chịu nổ máy. Chúng phải bỏ nó lại trên phố và tẩu thoát bằng xe của Cagliano. Cảnh sát xác minh ra chủ chiếc xe Packard và Valachi một lần nữa phải vào Sing Sing.

Y vào tù như thể về nhà, ở đây y có nhiều người quen, phần lớn là dân Ý, và y ngạc nhiên rằng không ai trách y đã làm ăn với băng Ailen. Gangster Ý coi đó là sự phản bội.

- Thế là tôi lại vào Sing Sing, Valachi kể trên truyền hình - tất cả vẫn như trước. Tôi đọc báo và để ý đến tin một người của băng chúng tôi là Frank La Pluma bị giết chết. La Pluma bị bắn chết khi đang ngồi trước nhà. Quả là khó hiểu. Tôi không biết tại sao người ta lại thủ tiêu nó. Sau đó, chưa hết ngạc nhiên vì cái chết vô lý của Pluma, thì chiến hữu của tôi. Hogey khăn gói vào tù. Lão bị 20 năm tù. Các ngài thấy đấy, cái gì có thể xảy ra khi người ta nhắm mắt bắn loạn xạ. Lão thật một cớm và chính mình cũng trúng đạn. Tôi vào nhà thương tù nhân thăm lão và trò chuyện khá lâu.

Joe Valachi được biết rằng băng cũ của mình đã gạch tên y và Frank La Pluma. La Pluma đã bị bắn chết. Lần này đến lượt Valachi. Hogey còn tiết lộ, chính Ciro Terranova được cử thi hành bản án và dặn y phải cẩn thận.

- Không lâu sau đó, một hôm tôi cùng Dolly Dimpels lau sàn nhà, - Valachi kể tiếp, - Dolly chạy đầu đó ra ngoài và Angelo, người giúp chúng tôi quét dọn vừa mới ra nhà cầu. Có tiếng gõ cửa, Pete La Tempa bước vào, hắn nói là để tìm gì đó dưới giường. Tôi biết hắn. Hắn vào nghề sau tôi, nhưng tôi không làm ăn gì chung với hắn. Cho nên tôi không bận tâm và tiếp tục lau nhà. Bỗng tôi cảm thấy đau nhói ở dưới vai trái. Tôi quay lại và thấy La Tempa cầm dao trong tay. Trong lúc đó, Angelo đã quay lại từ nhà cầu và kinh hoàng đứng ngó như trời trồng. Gã định nói tôi bị thương mà lấp bắp mãi không thốt ra nổi. Tôi sờ vào bả vai thấy vết thương khá sâu, máu chảy nhiều, toàn máu là máu.

Valachi vùng đuối theo thủ phạm, còn La Tempa vừa chạy vừa kêu vết thương rất nguy hiểm, có lẽ hắn nghĩ như vậy Valachi sẽ sợ mà dừng lại. Song Valachi còn đủ sức đuối kịp hắn và thoi mảy thoi vào mặt. Sau đó Valachi kiệt sức ngã lăn ra đất. Người ta khiêng y lên tầng trên vào bệnh viện nhà tù.

- Ai đâm mày, Joe? - Giám ngục hỏi Valachi.

- Tôi không để ý. - Valachi trả lời.

– Tại sao lại không để ý?

– Tôi không biết nữa, - Valachi không chịu tố giác La Tempa. Các phóng viên không bỏ lỡ cơ hội chụp ảnh các vết sẹo và đếm vết khâu trên người Valachi. Tất cả khoảng 38 vết. La Tempa lo sợ bị trả thù, bởi vậy y làm mọi việc có thể để được chuyển đến nhà giam khác. Cuối cùng y cũng được toại nguyện.

Một trong những tên gangster tầm cỡ đầu tiên ở Brooklyn Alessandro Volero ngồi tù chung thân ở Sing Sing. Trong chiến tranh các băng, Volero đã bắn chết anh của Ciro Terranova. Bây giờ đêm đêm y truyền nghề gangster cho Valachi, nói úp mở rằng tồn tại một tổ chức to lớn mà Valachi có thể gia nhập. Và khi được ra tù. Valachi sẽ trở thành tên tội phạm có trình độ, được đào tạo thành tài.

Theo hồ sơ lưu trữ ở sở cảnh sát New York, 20 giờ 10 phút ngày 26-2-1930, một thủ phạm lạ mặt đã bắn chết Gaetano Reina, 40 tuổi, ở nhà số 3184, đại lộ Rochambeau ở Bronx. Hung thủ rình trong bóng tối và bắn bằng súng cưa nòng, sau đó biến mất, không để lại dấu vết gì.

Joe Valachi biết thủ phạm, Giuseppe Masseria muốn thị bạn hữu để chiếm lãnh địa. Reina là sếp băng kiểm soát các hãng đại lý nước đá ở New York, một loại kinh doanh phát đạt trong thời buổi chưa có tủ lạnh. Hàng thịt, hàng cá, hàng đông lạnh và các tiệm ăn hoàn toàn lệ thuộc vào sự cung cấp nước đá, chỉ cần một hai ngày bị gangster “cấm vận” là thực phẩm hỏng thối hết. Sau một lần như vậy, ai cũng sẵn sàng nộp thuế. Gaetano Reina không muốn khuất phục Masseria, cho nên y phải chết. Sau này Joe Valachi lấy con gái của Reina, cho nên có lẽ y biết về vụ này nhiều hơn người khác. Masseria đặt người của lão là Joseph Pinzolo vào chỗ của người chết. Song các cựu chiến binh Tom Gagliano Thomas Luchese và Dominick Petrilli ngoài mặt tỏ ra cam chịu nhưng ngầm ngầm chống lại quyết định đề bạt này. Ngay từ đầu, chúng đã vạch kế hoạch thủ tiêu

Pinzolo. Nghe đâu Pinzolo là một lão béo gớm ghiếc, ria rậm rì, lúc nào cũng hôi mùi tởi, xử sự như ông vua con và lúc nào cũng chạy theo gái.

Khoảng 9 giờ tối ngày 9-9-1930, cảnh sát đã phát hiện thấy trong ngôi nhà số 1487 phố Broadway xác chết của Joseph Pinzolo. Lão bị bắn vào đầu vào cổ. Nơi Pinzolo bị bắn chết, Thoms Luchese đứng thuê cho một hãng bán hoa quả khô.

Cảnh sát tìm thấy Luchese và hỏi cung y. Họ muốn buộc Luchese tội giết người nhưng không có chứng cứ. Valachi biết thủ phạm. Hắn tên là Bobby Doyle và tâm sự với Valachi rằng hắn hên hết sức, khi bắt gặp Pinzolo chỉ có một mình trong phòng.

Vụ án dưới cái tên “Peter Morelio” mang số 1226 trong hồ sơ cảnh sát. Pietreo Morello là một gangster đã ngoại ngữ tuần. Lão sống trong ngôi nhà số 1115, đại lộ Areadian Way, thành phố Palisades, Bang New Jersey. Ngày 15-8-1930, khoảng 3 giờ rưỡi chiều, Morello đang ngồi trong căn phòng của lão ở phố 116. Đồng thời một người lạ mặt bước vào, bắn chết Morello và khử luôn nhân chứng nguy hiểm có mặt trong văn phòng lúc đó. cảnh sát bất lực không tìm ra dấu vết thủ phạm.

Joe Valachi biết kẻ giết Morello. Tên đó là Buster, từ Chicago đến, trông giống như sinh viên trường nhạc. Hắn mang súng tiểu liên trong hộp đựng violon. Sau này Buster kể lại với Valachi rằng hắn bắn cả băng đạn mà Morello vẫn chạy lung tung trong văn phòng, cho nên hắn cứ phải bắn liên hồi kỳ trận, một hồi lâu Morello mới chịu gục xuống.

Tất cả các vụ giết người này đều xảy ra trong giai đoạn chiến tranh các băng, cảnh sát không quan tâm mấy đến các án mạng đó, các nhà hình sự biết rằng gangster giết nhau tranh giành quyền lực, và họ không cố gắng lắm trong khi điều tra. Ngược lại, Valachi cố gắng tìm hiểu tình hình. Chẳng bao lâu nữa, y sẽ trở thành thành viên Mafia chính thức và phải tỏ ra xứng đáng với vinh dự đó. Thế là y nhận một nhiệm vụ mật: Theo dõi kẻ

thù của băng, một tên Ferrigni nào đó. Người ta thấy Ferrigni thường xuyên ở vùng Pelham Parkway và Valachi được lệnh truyền đến đó điều tra chỗ ở của Ferrigni.

Valachi tìm ra nhà ở của Ferrigni là thuê ngay một phòng ở nhà đối diện, chỉ cách có cái sân. Thế là y có thể thoải mái theo dõi Ferrigni mà không bị chú ý. Joe Valachi không rình con mồi một mình. Những tên gangster khác, trong đó có Joe Profaci, cùng đến đó. Chúng giết thời gian bằng các câu chuyện về thời cuộc và thế là Joe Valachi được biết các chi tiết trong hậu trường Mafia, Maranzano cố gắng thanh toán băng cạnh tranh Masseria, còn ở Chicago, Joseph Acello bị sếp Al Capone làm thịt.

Valachi và đồng bọn theo dõi Ferrigni 24 trên 24 giờ. Cuối cùng, cơ hội đã đến. Theo hồ sơ cảnh sát New York, ngày 5-11-1930, vào lúc 14 giờ 45, Steve Ferrigni và Alfred Mineo bị bắn tử thương, khi họ đi ra từ nhà Ferrigni. Cảnh sát tìm thấy vũ khí giết người, ba khẩu súng săn Ý bị cắt nòng, song các hung thủ đã trốn mất.

Joe Valachi tuyên bố rằng, Ferrigni và Mineo bị Buster, Bobby và Nick Capuzzi biệt hiệu “Kẻ cắp” bắn chết. Chúng bắn bằng súng săn cỡ 12. Sau đó chúng chạy mỗi đứa một hướng, Buster bị xui song cũng gặp hên. Hắn bị cảnh sát giữ lại nhưng đã nhanh trí chỉ sang phố đối diện và nói ở đó đang bắn nhau, hấn sợ đạn lạc nên chạy trốn.

TUYÊN THỆ

Họ ngồi im lặng trong xe. Sally và Nicky ở ghế sau. Joe Valachi bên cạnh tài xế. Họ đi rất lâu, khoảng 140 cây số qua miền quê hoang vắng. Xe dừng trước ngôi nhà uy nghi màu trắng, được xây theo kiểu thuộc địa. Xung quanh là đồng không im ắng, xa xa phía sau có một cánh rừng nhỏ. Không một bóng người, chỉ có vài chục xe hơi đậu đây đó trước nhà. Họ bước vào phòng khách và ngồi chờ. Sau vài phút, một người đàn ông ăn mặc bảnh bao, xuất hiện:

– Đi Joe, đến lượt mày rồi đó.

Họ đi qua hành lang đến một phòng rộng. Xung quanh tường có một vài cái ghế, ở giữa nhà là một bàn tiệc dài ít nhất mười mét đã được bày sẵn. Cốc, chén, thìa, đĩa, vò thủy tinh đầy ắp rượu vang và khoảng 40 người đàn ông ăn mặc chỉnh tề, Joe Valachi bước vào. Tất cả im lặng nghiêm trang đứng dậy. Valachi nhận ra Tomny Luchese, Joe Profaci, Joe Steve Runelli và “The Gap” Petrilli, người mới từ Sing Sing trở về được một năm. “Bố già” Maranzano ngồi ghế chủ tọa, Joe Valachi tiến lên phía trước.

– Đây là Don Salvatore Maranzano, bố già vô địch, người sẽ dẫn dắt chúng ta qua mọi đèo cao vực thẳm, - người dẫn đường giới thiệu. Sau đó gã cúi người nói với sếp:

– Đây là Joe Cago.

Gangster biết nhau qua tên lóng và tên này Valachi có từ thời niên thiếu. Cậu bé nghịch ngợm Valachi đã chơi trò lấy cái hòm nhỏ xếp thành xe rồi ngồi lên trượt xuống đồi. Cho nên bạn bè gọi cậu là Joe Cargo (xe tải), sau đó chúng đơn giản thành Joe Cago.

“Bố già” Maranzano chỉ chiếc ghế trống bên tay phải. Valachi và mọi người ngồi xuống. Người dẫn đường đặt dao và súng trước mặt Valachi. Tất cả đứng dậy nắm tay nhau thành vòng tròn và bố già Maranzano nói bằng tiếng Ý:

– Súng và dao sẽ cùng con đi suốt cuộc đời, con sẽ chết bởi súng và dao. Con bóp cò bằng ngón tay nào?

– Ngón trỏ phải, Valachi nói.

– Chìa tay ra.- “bố già” ra lệnh. Lão đặt một mẫu giấy nhàu nát vào lòng bàn tay Valachi và lấy lửa đốt. Giấy bùng cháy, và Valachi bắt đầu tung tung quả cầu lửa.

– Hãy nhắc lại theo ta: Nếu tiết lộ bí mật Mafia, con sẽ bị thiêu cháy như mẫu giấy này.

– Con sẽ bị thiêu cháy như giấy, nếu con tiết lộ bí mật Mafia. - chàng tân binh ngoan ngoãn nhắc lại.

– Ta sẽ nói gần ngọn - “bố già” nói. - Con phải nhớ một số nguyên tắc. Phản bội nghĩa lớn của chúng ta nghĩa là bản án tử hình không cần xét xử. Quan hệ với vợ đồng ngữ, nghĩa là tử hình không cần xét xử. Tất cả đứng dậy. Giơ ngón tay lên. Từ một đến năm.

– Hai mươi bốn, - lão thông báo và bắt đầu đếm người vòng quanh bàn. Người thứ 24 là Joe Bonanno. Maranzano chỉ Bonanno và nói với Valachi.

– Đây là bố già của con.

Joe Bonanno đi vòng quanh bàn đến cạnh Valachi.

– Giơ ngón tay bóp cò ra.

Joe Cago chìa ngón trỏ tay phải ra, Bonanno cầm kim chích một mũi. Một giọt máu ứa ra.

– Tất cả chúng ta cùng một dòng máu. Tất cả chúng ta là một gia đình. Chúng ta là anh em máu mủ.

Lễ kết nạp kết thúc. Valachi ngồi vào bàn, người khác bước vào phòng và thủ tục được lặp lại.

“Sau đó người ta dọn súng, dao đi và mang thức ăn tới”, Joe Valachi kể lại. “Tôi không thấy người đàn bà nào cả, và tôi tò mò đi xuống bếp. Nhưng tôi hiểu ra ngay giới hạn của mình và quay lại bàn ăn. Hầu bàn đã mang những tô bằng bạc lớn đầy mỳ spaghetti với tỏi và dầu ô liu, sau đó gà quay, thịt lợn, thịt bò, Whisky và rượu vang trong các chai bầu dục”.

Chúng ăn, uống và nói chuyện vui vẻ. Khi mọi người đã đạt trạng thái vui vẻ nhất, Maranzano gõ cốc ra hiệu im lặng và lão lên tiếng. Lão nói rằng chúng tập trung ở đây cùng vì một kẻ tử thù. Sếp băng cạnh tranh Joe Masseria, đã kết án tử hình tất cả. Cho nên tất cả thành viên “gia đình” phải sẵn sàng đón nhận những thử thách máu lửa. Đối phương có nhiều tiền, nhưng đây không phải là tất cả. Lão nói về chiến thuật chiến đấu với đối phương. Lão tự hào có hơn năm trăm lính. Các tên lính tốt chuyển đến các ngôi nhà trong phố như những đội tuần tiễu vòng ngoài. Chúng sẽ mở to mắt đi trên phố. Mỗi đứa sẽ có số điện thoại tổng hành dinh và thông báo không chậm trễ mỗi tin tức nóng hổi. Tân binh sẽ được phân đến các cựu chiến, những người biết rõ mặt kẻ thù.

Buổi họp kết thúc, Valachi cùng với Dominick Petrilli và một tân binh nữa đến một nhà do sếp phân ở Bronx River Parkway. Chúng có nhiệm vụ chiến đấu như những tên lính thường trong chiến tranh các băng ở đường phố New York. Từ câu chuyện về Lucky Luciano chúng ta đã biết, cả Masseria, cả Maranzano không ai sống sót qua cuộc chiến, Luciano trở thành bố già Mafia, thâm tóm hiệp hội tội ác và trị vì nhiều năm. Song lời

khai của Valachi giúp chúng ta vẽ nên bức tranh hoạt động của hiệp hội tội ác.

Chính Valachi cũng có những món nợ chưa thanh toán từ thời kỳ mới hành nghề gangster. Một người của băng Masseria là Joseph Rao buộc tội Valachi liên kết với băng Ailen cạnh tranh và thậm chí trong một vụ cướp, còn lái xe chở bọn cướp tẩu thoát. Đấy cũng là nguyên nhân La Tempa đâm y trong tù. Khi trở thành thành viên chính thức Mafia, nơi trong khuôn khổ “gia đình”, nguyên tắc “mình vì mọi người và mọi người vì mình” được tuân thủ, Valachi có cơ hội trả thù, không phải chờ lâu. Valachi mới chân ướt chân ráo chuyển đến Bronx River Parkway thì 5 giờ sáng, một trinh sát gọi đến báo tin Joseph Rao và Big Dick Amate, tay chân Masseria đang nhậu nhẹt trong nhà hàng Pompei ở Harlem.

Valachi đánh thức chiến hữu Shillitano và cả hai lên xe đi đến Harlem. Trước nhà hàng đã đóng cửa, một xe con đang đỗ và Joseph Rao chuẩn bị đi khỏi cùng tình nhân của mình. Valachi lái xe đi chậm và nói Shillitano chờ hẵn trên đường đi. Nhưng Shillitano đang ngái ngủ liền bóp cò mà không mở chốt an toàn. Hiểu rõ sự tình, Valachi rút súng lục bắn liền bốn phát. Y bắn cũng không chính xác, chỉ một viên trúng lưng Rao. Nghe súng nổ, khách ăn từ nhà hàng đổ ra. Valachi biết rằng y đã bỏ lỡ cơ hội, không còn cách nào khác, đành phải dẫn ga biển vào góc phố.

Lần ra quân đầu tiên thất bại nhục nhã. Cả chuyến thứ hai cùng kẻ giết thuê kinh nghiệm Steve Runelli cũng không phục hồi được uy tín. Trong lúc đó, y nhận lệnh chuyển đến tổng hành dinh ở Yonkers, nghĩa là được thăng cấp. Một hôm y đang đi cùng Steve Runelli qua Harlem, bỗng Steve chú ý một xe Lincoln và tài xế.

– Quay xe và đi theo nó! - Runelli ra lệnh.

– Ai đấy? - Valachi hỏi.

– Một bố già băng cạnh tranh.

Màn kịch quen thuộc thời kỳ chiến tranh các băng diễn ra. Valachi đuổi kịp xe Lincoln và Steve nổ súng. Tài xế Lincoln thụp xuống sau vô lăng. Valachi có cảm giác Steve bắn không trúng đích thủ, song y vẫn nhấn ga muốn chạy khỏi hiện trường. Nhưng khi vượt lên trước, chắn hậu của xe Valachi móc vào chắn trước xe Lincoln và y phải kéo xe đối phương vài chục mét. Sau này y được biết tài xế sau vô lăng Lincoln là Paul Gambino, một gangster vô danh bị Runelli bắn vào vành tai.

Joseph Catania, nổi tiếng với biệt hiệu Joe Baker, là một trong các phó sếp của Masseria. Maranzano muốn thanh toán hẳn băng mọi giá. Valachi được Buster cho biết kế hoạch. Buster cũng giải thích rằng sở dĩ sếp thâm thù Baker vì trong thời kỳ cấm rượu Catania đã hót tay trên của Maranzano mất mấy chuyến rượu lậu, và đó là tội lỗi không thể tha thứ được. Valachi nhận lệnh giết Baker.

Một sáng tháng giêng sương mù giá buốt, Buster, Valachi cùng hai tay súng nữa lên xe đến một phòng trống ở khu Fordham ở Bronx. Phía đối diện là văn phòng một cố vấn tài chính của băng Masseria. Baker đến đó đều đặn vào buổi sáng, làm việc chừng mười, mười lăm phút, sau đó mang một túi tải bằng giấy nâu cứng đi ra. Cả bọn theo dõi con mồi.

– Đúng rồi, nó đấy, - Valachi xác nhận.

Chúng theo dõi liền một tuần, bao giờ cũng một quang cảnh vào khoảng 10 giờ sáng: Catania đến tay không, mang túi đi ra, quẹo vào góc phố. Các tay súng ở vị trí bất lợi. Căn phòng mà chúng định bắn từ đó ở tận tầng năm. Chúng phát hiện thấy ở ngôi nhà đối diện có một phòng trống ở tầng mặt đất mà Baker thường đi qua. Thế là đội hành quyết đột nhập vào căn nhà đó. Nhưng bên trong có các họa sĩ đang vẽ. Thế là một tên trong bọn chìa súng bắt mọi người đứng yên, Valachi và Buster chạy lại cửa sổ.

Trước văn phòng cố vấn tài chính, Joe Baker đang đứng với một phụ nữ nào đó. Họ chia tay nhau.

– Đây là vợ của nó. - Joe Valachi nói, khi người đàn bà đã đi đến xe đỗ ở góc phố. Valachi đi theo vợ Catania và ghe thấy súng nổ. Khi y quay lại thì mọi việc đã xong xuôi. Y có nói đúng sự thực? Y đi theo vợ Baker làm gì? Đúng hơn là y không muốn thú nhận rằng y đã hèn nhát sát hại người quen cũ, Baker tắt thở trong bệnh viện Bronx, ngay ngày hôm đó. Theo hồ sơ số 122 của cảnh sát New York, ngày 3-2-1931 vào lúc 11 giờ 45, Joseph Catania biệt hiệu Joe Baker, 29 tuổi, bị trúng sáu phát đạn trước ngôi nhà số 647, đại lộ Crescent Avenue. Nạn nhân chết trong nhà thương Fordham Hospital. Mặc dù trước khi chết vẫn còn tỉnh táo và có thể nói được, Catania từ chối tiết lộ tên hung thủ.

Mafia đã dành cho Catania một trong những tang lễ long trọng nhất lịch sử tổ chức tội ác. Quan tài được làm từ loại đồng dày trị giá 15.000 dollar. Các phóng viên thông thạo khẳng định trong các bài báo rằng đó là quan tài đẹp nhất để chôn một tên giết người Mafia. Lễ tang do viện tang lễ nổi tiếng nhất New York tổ chức. Hơn 10 xe tải lớn chở hoa và vòng tang. Kim tự tháp hoa đẹp nhất là của Ciro Terranova, chiến hữu của Baker. Nó cao khoảng bốn mét và trang hoàng toàn bằng hồng trắng và hồng đỏ. Hơn 10 nghìn người tò mò đi theo sau quan tài. Đó là tổn thất lớn lao đồng thời cũng là vinh quang bất diệt, Mafia biểu dương sức mạnh và quyền lực trên đường phố New York.

Masseria chết, Maranzano bị giết và Valachi bỗng dưng không có sếp chỉ huy. Y bàn bạc với đồng bọn và Petrilli khuyên y gia nhập băng đảng lên của bố già Genovese. Chúng gặp nhau trong khách sạn Cornish Arms ở phố 23 Đông và Vito Genovese nhận Valachi vào “gia đình” của lão.

Các vụ giết người tiếp tục. Gangster thanh toán cái món nợ cũ và mới. Theo hồ sơ lưu trữ sở cảnh sát New York, ngày 10-9-1931, vào ngày Maranzano bị giết, lúc 17giờ 46, James Le Pore, biệt hiệu Jimmy Marino,

lãnh trọn 6 phát đạn khi y muốn vào hiệu làm tóc ở phố Arthur Avenue ở Bronx, Le Pore chết ngay tại chỗ.

Đồn cảnh sát ở New Jersey gửi về sở cảnh sát báo cáo sau: Ngày 13-9-1931, hai xác chết được tìm thấy ở eo biển Newark Bay. Sau này người ta xác minh đó là Louis Russo và Samuel Monaco, cả hai đều bị thương nặng vào đầu và cổ bị cắt. Nạn nhân bị trói bằng dây đai dùng để chuyển nhà và bị đá kéo chìm xuống nước. Monaco mất tích ngày 10-9, khi cảnh sát phát hiện chiếc xe của y trên phố 46 không xa Park Avenue. Cả hai vụ giết người là một phần của việc thanh trừng quen thuộc khi một “bố già” mới lên ngôi. Những kẻ trung thành nhất của vua cũ phải chết vì không ai tin chúng nữa. Đó là tập quán Mafia.

Vito Genovese là người của đại gia đình do Lucky Luciano đứng đầu. Được thu nhận, Valachi có hy vọng thăng quan tiến chức nhanh. Một sự nghiệp gangster tương lai đang chờ đợi y, dù sao thì y cũng mới 26 tuổi và đã có ít nhiều kinh nghiệm. Thậm chí y còn gặp cơ hội làm việc nghĩa hiệp, và điều đó không xảy ra hàng ngày giữa các gangster.

Alessandro Volero bị kết án tù chung thân vì tội giết anh của Ciro Terranova. Sau 14 năm ngồi tù, y được ân xá và thả về nhà. Hiên nhiên là y sợ bị trả thù. Thế là y nhớ đến Valachi, người y truyền nghề và kinh nghiệm trong tù, và yêu cầu cậu học trò giúp đỡ. Valachi coi lão gangster già, từng chỉ bảo y trong tù như bố của mình. Thế là Valachi đến gặp “bố già” Genovese đề nghị che chở cho Volero. Vito Genovese gật đầu. Volero không phải sợ gì nữa vì từ thời điểm đó lão đã được che chở.

Alessandro mời Valachi đến nhà, mắt rơm lệ cảm ơn và tổ chức việc tiếp đón. Tiếp đó toàn thể gia đình Volero gọi Valachi là ân nhân. Sau này họ không còn nhìn thấy nhau nữa. Sau mười bốn năm trong song sắt nhà tù, Volero nhận thức ra rằng những kẻ giết người không sống hạnh phúc. Lão quay lại Ý, lao động và chết trong yên tĩnh.

ĐÁM CƯỚI GANGSTER

Gangster cũng yêu, xây dựng gia đình và con đàn cháu đống. Khi Valachi trốn cảnh sát trên gác nhà Reina, người đẹp Mildred, ái nữ của sếp băng quá cố, thường xuyên thăm hỏi và săn sóc y. Một tình yêu lớn, song suýt nữa kết thúc bi thảm. Mẹ, anh và chú Mildred cương quyết phản đối, không cho người đẹp lấy một kẻ giết thuê mặc dù Valachi là một thanh niên đẹp trai và nhiều hứa hẹn. Bởi thế, ban đầu chàng gangster Romeo tổ chức cướp người yêu Juliet, song không thành. Mildred tuyệt vọng uống hết chai i-ốt, vì nàng không muốn sống thiếu chàng. Người ta đưa Mildred vào bệnh viện và cứu sống nàng. Cực chẳng đã, Joe Valachi yêu cầu bố già Genovese can thiệp. Đẳng nào thì lão cũng phải đồng ý cho Valachi lấy vợ. Đây là tập quán vùng quê Sicilie mà những tên gangster mang theo mình đến thế giới mới.

Những tập quán từ Sicilie nhập vào Mỹ giúp ta hiểu phần nào suy nghĩ của những người một mặt thì quá sùng đạo và đạo đức nghiêm khắc, mặt khác thì giết hàng tá người thân không ghê tay. Thước đo giá trị méo mó được họ mang theo đến thế giới mới, nơi mà ngoại cảnh và ý chí tồn tại trong cạnh tranh bắt họ phải giết để tự vệ. Tất nhiên, họ có bản năng gây tội nhưng đóng vai trò chính là môi trường sống, nơi họ cảm thấy bị đe dọa, cuộc sống không tương lai và trong sự cô lập, họ tụ tập nhau lại như bầy cừu bị sói tấn công.

Ban đầu, gia đình Mildred định khuất phục nàng bằng roi vọt. Em gái của nàng là Ross gợi đồ đạc định chạy trốn khỏi nhà, vì như cô nói “cô sợ Mildred bị đánh đến chết mất”. Chú rể không hợp gu gia đình, các chú có quan điểm khác về người cháu rể tương lai. Joe Cago không đủ giàu và thế lực để được gia nhập gia đình sếp băng vừa bị giết chết. Họ linh cảm thấy hay ít ra cũng nghi ngờ chàng rể tương lai có nhúng tay vào vụ này. Valachi quả có biết kẻ giết Reina. Nhưng sau chuyến đến thăm bố già Genovese

trong văn phòng ở phố Thompson Street, mọi việc xoay sang chiều hướng tốt đẹp.

– Đừng bận tâm nữa, để tao lo cho. - bố già Vito nói. Tao biết cách thuyết phục họ.

– Nhưng bố nói con hay...?

– Tất nhiên. Đi lo công chuyện đi và đừng lo nghĩ gì. Đừng có gây lộn và cãi nhau với họ. Không được nổi nóng. Họ chỉ chờ có chùng đó. Tao biết lũ con gái này quá. Họ nuôi chúng như chim trong lồng. Chẳng đi đâu cả, chẳng biết gì cả. Cái duy nhất mà thỉnh thoảng chúng được phép là đi xem phim ở góc phố.

“Vài ngày sau, Vito gọi tôi đến và nói rằng các ông chú của Mildred đã đầu hàng”, Joe Valachi nói. “Vito khuyên họ đừng nhúng mũi vào việc này. Họ có thể cưới vợ, thì Joe cũng có thể lấy Mildred. Nếu như Joe không xứng đáng thì không một ai trong chúng tôi xứng đáng cả. Vito còn nói sẽ làm nhân chứng cho hôn lễ, rằng đã thông báo việc này cho Luciano và lão ta cũng cùng quan điểm. “Tao còn muốn làm cho mày nhiều hơn nữa, - Vito nói với tôi. - Tao sẽ đến nhà nói chuyện với mẹ của nó. Mày định thời gian đi”. Tôi thu xếp cuộc gặp, lão đi đến và nói với họ hàng Mildred rằng lão sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm. Bà già vẫn còn gây khó khăn. Bà ta yêu cầu sau đám hỏi, chúng tôi còn phải chờ sáu tháng mới được cưới. Cho đến lúc cưới, chúng tôi không được phép gần nhau một mình, dù chỉ một giây. Tôi chỉ có thể thăm Mildred mỗi tuần một lần, vào chủ nhật, tại nhà.

Thú thực, tí nữa thì tôi đầu hàng. Khi tôi đến thăm Mildred vào chủ nhật, chúng tôi hoàn toàn không có cơ hội ngồi một mình với nhau. Sau bữa ăn, tất cả vẫn ngồi lại bàn. Chúng tôi phải nói chuyện với nhau ở đó, dưới sự soi mói của bao cặp mắt. Khi tôi và Mildred ngồi hơi gần nhau một chút là họ tìm đủ lý do để gọi nàng ra khỏi phòng. Tôi cũng không còn nhớ, tôi

chịu đựng tất cả những khó chịu đó như thế nào nữa. Lễ cưới được ấn định vào ngày 18.9.1932”.

Hôn lễ cử hành trong nhà thờ lớn. Cha cố ban phước trao nhẫn rồi những cái hôn. Ở nhà hàng sau là vài tá những tên giết người Mafia. Chúng rút mùi xoa lau những giọt nước mắt cảm động và đội những chiếc mũ đen vành rộng lên đầu. Tất cả lên taxi rời nhà thờ.

Nhà hàng “Vườn Dừa” trên phố 52 có gian phòng lớn cho thuê một đêm 1.000 dollar. Vào những năm 30, đó không phải là ít, nhưng gia đình nhà gái đồng ý trả tiền thuê.

– Tôi thuê hai dàn nhạc, - Valachi nói - để khách có thể nhảy liên tục. Trên bàn, bánh mì, pho mát, patê chất hàng đóng, và mặc dù đang cấm rượu, chúng tôi uống hàng thùng Whisky và rượu vang. Một người gửi biểu tôi 25 thùng bia. Lễ cưới được tổ chức một năm sau cái chết của Maranzano, và tất cả vẫn còn nhớ như in trước mắt vụ án mạng kinh khủng ấy. Thời gian đó, mọi người còn nhiều bất đồng, cho nên tôi phải tính toán hết sức thận trọng trong việc mời khách. Mọi sự diễn ra tốt đẹp. Rất đông người đến dự và ai không đến được cũng gửi phong bì đến mừng.

Vito Genovese không thể đến nhà thờ được. Tony Bender đã thay mặt lão đến dự tiệc. Tommy Brown và Tom Cagliano cũng đến dự tiệc. Lucky Luciano gửi phong bì. Willie Moore, Frank Costello, Joe Bonanno và Joe Profaci cũng gửi phong bì. Anh em Raos đích thân đến dự. Buster không đến được, nó đã chết rồi. Nhưng Albert Anstasia và Carlo Gambino có đến. Bobby Doyle, Tommy Rye, Frank Livorsi, Joe Bruno, và tất nhiên “The Gap”, Mike Miranda cùng tất cả lũ bạn trong hội Bender đều có mặt. Bây giờ không dễ gì nhớ hết tất cả tên mọi người, chỉ biết nhà hàng đầy những khách là khách.

Sau đó với số tiền mừng cưới, chúng tôi thuê nhà, sắm đồ gỗ, thậm chí còn mua cả thảm Ba Tư, thế mà vẫn còn thừa 3.800 dollar. Chỉ có một việc

tôi không ưng ý là Mildred thuê nhà ở đại lộ Brigs Avenue ở Bronx, chỉ cách nhà bà già khó tính vài bước.

Trong lễ cưới, tất cả xử sự lịch sự, tế nhị, không nói tới công việc gangster, họ ôm nhau, theo tập quán Sicilie, hôn cả hai má, họ cười hạnh phúc khi chúc mừng đôi vợ chồng trẻ. Trong khi đó, họ là những tội phạm xứng đáng lên ghế điện. Làm sao các giá trị đạo đức trái ngược như vậy lại có thể thống nhất trong họ? Những kẻ giết người Mafia có thể sống cuộc sống bình thường được không? Quả có khó hiểu, nhưng họ sống được. Người phụ nữ hoàn toàn tuân thủ tập tục nghiêm khắc ở Sicilie và cả ở khắp nước Ý. Họ chỉ quanh quẩn ở nhà dạy dỗ con cái kính Chúa và nghe lời cha. Ông bố, mặc dù là kẻ cướp và giết người, nhưng lại được kính nể, tôn thờ. Công chuyện làm ăn không được phép động chạm đến cuộc sống riêng tư. Thế là kẻ sát nhân, vừa mới giết người đồng hương đêm trước, ngồi thành kính cùng gia đình cầu kinh, sau đó cùng vợ và những đứa con hồng hào ngoan ngoãn bước ra khỏi nhà thờ. Tất nhiên họ cùng vợ con yên ổn về nhà nếu không xuất hiện cảnh sát với giấy truy nã trong túi, hay xe hòm đen cùng với các tay súng băng cạnh tranh, và ông bố đáng kính không phải rút súng để bắn mở đường máu giành hoạt động tự do.

Joe Valachi cưới vợ và yên ổn hưởng tuần trăng mật. Nhưng có cuộc vui nào không đến lúc tàn. Y nhận lệnh giết người. Tony Bendes, chỉ huy trực tiếp của Valachi, gọi y đến và nói:

– Mà có cơ hội đây, Joe. Thằng cha này tên là Little Apples, khoảng 22 tuổi. Mà biết nó không?

– Không.

– Tốt rồi. Nó thường đến quán cà phê đường 110.

– Thế tại sao...?

– Đừng có hỏi. Mà chỉ tuân lệnh thôi. Nhưng đây là lần đầu tiên nên tao nói cho mày biết tại sao. Thằng cha Little Apples có hai anh trai trước đây vài năm xích mích với Luciano và Genovese, và bây giờ, hừm, các “bố già” sợ nó trả thù cho các anh.

Có lẽ đúng là chẳng cần biết tại sao phải giết nó. Vô liêm sỉ không thể hiểu nổi, mặc dù lúc đó ở Mỹ, mạng người không có giá trị cho lắm. Nhưng các phương pháp thực hiện và sự chuẩn bị tội ác còn khó hơn nhiều nữa. Ai nhận lệnh giết người có thể tự vạch kế hoạch, song cũng phải chịu trách nhiệm thi hành mệnh lệnh. Sau này, cảnh sát báo một tin khó khăn: Ngày 25.11.1932, vào khoảng 21 giờ, Michael Reggione biệt hiệu Little bị giết chết. Tuần tra phát hiện xác chết trong hành lang ngôi nhà số 340, phố 110. Nguyên nhân chết: Trúng đạn vào đầu. Không rõ thủ phạm.

Joe Valachi thận trọng chọn trợ lý cho nhiệm vụ đầu tiên. Pete Muggins và Johnny D. có dự đám cưới, hơn nữa chúng quy phục Luciano cùng lúc với Valachi. Cả bọn ba đứa cần phải tỏ cho sếp biết chúng thành thạo trong nghề. Valachi bắt đầu đi uống cà phê ở quán nọ, làm quen với Little Apples, cùng nhau nói chuyện và mời thuốc. Valachi kín đáo quan sát xung quanh, tìm địa điểm thuận lợi để có thể yên tĩnh làm thịt con mồi. Cách quán chừng vài dãy nhà có một ngôi nhà cũ, bốn thiu và một sân nhỏ. Tầng mặt đất không có người ở. Muốn vào sâu trong phải qua một hành lang dài và tối. Muggins và Johnny D. chờ sẵn ở đó.

Ngày 25.11.1932, như thường lệ, khoảng 10 giờ tối Valachi đến quán cà phê.

– Chào, - y gật đầu chào Little Apples, gọi cà phê và nói với người quen mới. - Đi dạo một chút đi, ngồi mãi cũng chán.

– Đi đâu?

– Nghe đâu ở đây có bàn xóc đĩa lớn.

– Ở đâu? - Little Appples hỏi.

– Cách đây một đoạn.

– Thế thì đi. Đẳng nào thì tớ cũng chẳng có việc gì làm cả.

Hiển nhiên Valachi khẳng định rằng, y không bắn mà chỉ dẫn nạn nhân đến trước họng súng đồng bọn của y.

– Tôi đi sau nó vài bước và bỗng nghe súng nổ, - Joe Cago nói trước ủy ban điều tra và trên màn ảnh tivi. Y làm ra vẻ một người đứng đắn bị bọn xấu lôi kéo, dụ dỗ.

– Thế ông làm gì sau khi Michael Reggione bị sát hại, ông Valachi?

– Hừm, có việc gì nữa đâu? Tôi đi về nhà. Lúc đó đã muộn rồi, mà tôi đâu có độc thân nữa. Tôi không muốn Mildred nghĩ rằng tôi đã chán cô ấy.

Y sống cuộc sống gangster bằng các mảnh lối lừa đảo trên trường đua ngựa, đặt cược vào những con ngựa chắc chắn phải thắng vì cuộc đua đã bị bán trước rồi, tham gia điều hành các sòng bạc phi pháp với hàng trăm ngàn dollar mỗi lần chơi, thu tiền “bảo hiểm” từ các thương gia phải trả tiền ra trước họng súng đe dọa, y có mặt khi boss Mafia Lucky Luciano leo cao lên đỉnh cao danh vọng, y cũng có mặt khi thần tượng Luciano sụp đổ. Y sống qua bình minh và cả xế chiều của nhiều tên Mafia khét tiếng. Y kiếm được nhiều tiền và tiêu xài cũng không ít. Năm 1950, y đã có một địa vị nhất định và nghĩ đến việc sắm sửa cơ ngơi.

– Đã đến lúc phải có cái nhà tử tế rồi đó, - vợ y cứ nhắc y hoài. Vào thời gian đó phần lớn những tên gangster giàu có về sống ở vùng quê, chúng mua dinh thự đồ sộ trong các khu biệt thự triệu phú và cư xử như những thương gia đứng đắn thành công.

Mildred tự đi xem nhà.

- Có một cái ở Yonkers, Joe, em mê lắm, - Cô nói với chồng.

- Cái gì em thích là anh cũng thích, - Y trả lời.

- Ừ, anh chỉ được cái nịnh vợ là giỏi. Nhưng họ đòi 28 ngàn, Joe.

- Tốt thôi, Milli, em cầm năm ngàn đặt cọc trước, Joe Valachi hài lòng với cuộc sống, vợ chồng y hoà thuận, có một đứa con trai ngoan không mảy may nghi ngờ rằng cha của mình sống bằng nghề gangster. Cũng như nhiều người dân di tản gốc Ý, Valachi có một nhà hàng tên là Lido.

- Con trai tôi tốt nghiệp phổ thông trong một trường tốt nhất ở New York, - Valachi khoe, - Đó là trường Mount St. Michael. Nếu tôi không nhầm thì học phí mỗi năm là 1.600 đến 1.800 dollar. Đó là trường nội trú, cho nên thằng bé chỉ ở nhà khi nghỉ hè. Tôi muốn thằng bé ở càng xa đường phố New York càng tốt.

Xong phổ thông, tôi hỏi: Con có thích học nữa không, nhưng thằng bé muốn đi làm. Nó đi học thợ cơ khí, nhưng không kiếm được bao nhiêu. Thế là tôi kiếm cho nó nghề khác, ngon ăn. Tôi sẽ không kể ở đây nó làm gì, nhưng nó có thể tiếp tục cho đến chết, và theo như những gì tôi nghe được thì nó sống không đến nỗi nào. Thằng bé lấy vợ sớm và tôi xây thêm cho vợ chồng nó ba phòng trong nhà của tôi ở Yonkers. Ba phòng đó tôi làm hết 10 ngàn dollar, 2.500 dollar nữa cho tu bổ, sơn sửa. Tóm lại, tôi bận túi bụi chuyện nhà cửa. Ai có nhà chắc cũng thông cảm với tôi, Sau đó tôi còn xây tường bốn bên, trồng cây và lát bê tông đường vào nhà, sơn bên ngoài và cả bên trong bằng loại sơn tốt nhất. Tôi thạo các việc gia đình, cho nên lúc nào ở nhà, tôi không khi nào ngơi tay. Cộng tất cả các khoản, tôi tốn khoảng 40 ngàn cho cái nhà ấy. Nó còn trị giá hơn nhiều. Đây là cái nhà tuyệt vời ở góc phố Schultzaawnee Avenue 45.

Tôi lúc nào cũng lịch sự với hàng xóm láng giềng. Tất nhiên là họ hỏi Mildred tôi làm nghề gì, vì họ thường xuyên thấy tôi ở nhà. Cô ấy nói tôi là

chủ nhà hàng Lido, và thế là thỉnh thoảng họ đến đó và ai cũng khen ở đó nấu ăn ngon. Đây là nhà hàng lịch sự. Phụ nữ có thể đến đó mà không cần người hộ tống. Nếu ai dám chọc ghẹo phụ nữ, chúng tôi tống cổ ra liền. Bây giờ nhớ lại thời dĩ vãng, tôi có thể nói: Tôi sung sướng là đã dạy dỗ con trai nên người, không có một chút gì gần với cuộc sống của tôi cả.

Y nghĩ rằng vận may đã đến, và đám cưới là bắt đầu một tương lai vui vẻ. Nhưng y đã nhầm.

ĐẶT HÀNG GIẾT NGƯỜI

Trong kho lưu trữ của sở cảnh sát New Jersey có hồ sơ về các sự kiện ngày 4.10 ở nhà hàng Lido của Joe Valachi. Khoảng 11 giờ trưa, một vụ giết người đã xảy ra ngay ở bàn ăn. Nạn nhân là William Moretti bị hai viên đạn xuyên qua đầu. Trước khi xảy ra sự cố trong nhà hàng có ba người da trắng, một người ngồi ngay chỗ quầy bán và hai người nữa ngồi ở bàn xa hơn. Người đàn ông chỗ quầy bán ra ngoài một lát rồi trở lại cùng Moretti. Người đó giới thiệu Moretti với hai người đàn ông trong quán. Nhân chứng duy nhất là bà chủ quán và cô hầu bàn, lúc đó đang đi xuống bếp. Họ nghe tiếng nổ và chạy ra phố. Thực khách biến mất, chỉ còn Moretti nằm lại trên sàn nhà. Cô hầu bàn nói rằng một trong ba người nọ có lẽ là Robilotto, nhưng cô ta không chắc chắn cho lắm. Trên bàn ăn còn lại hai chiếc mũ dạ. Một chiếc có mác của hiệu chải ở Avenue of the American. Cảnh sát không thận trọng, để thông tin này lọt vào tay các ký giả quá sớm và bị tiết lộ trên báo. Thế là khi các điều tra viên đến hiệu giặt nọ, tờ copy hóa đơn chải mũ đã biến mất. Robilotto bị bắt ra tòa và tháng 6.1952, bị buộc tội giết người. Ngày 14 tháng 10, Joe Valachi cùng một số tên khác bị cảnh sát quốc gia New Jersey hỏi cung. Y tuyên bố không biết một ai trong số tình nghi, kể cả Robilotto. Y được tha vì thiếu bằng chứng.

Willie Moretti là một gangster “độc thân”. Gã trưởng thành trong gia đình Luciano, làm ăn với Frank Costello và sống cũng không đến nỗi tồi. Sau đó gã chuyển đến New Jersey làm ăn riêng rẽ, chỉ huy khoảng 50 tên tội phạm chuyên ăn cắp, cướp giật và hành nghề xổ số phi pháp. Không ai phàn nàn rằng gã không may bị lây bệnh giang mai. Mặc dù bệnh gã chưa đến thời kỳ nguy hiểm cuối cùng, lúc mà thần kinh bị suy nhược hoàn toàn, song đã có lúc gã làm nhảm không biết mình nói gì. Cái đó rất nguy hiểm. Frank Costello ra lệnh cho tay chân trong trường hợp như vậy phải đưa gã vào viện ngay cho các bác sĩ tin cậy giám sát.

Frank Costello tưởng đã cách ly Moretti một cách hoàn hảo, song thượng nghị sĩ Estes Kefauver mở màn hỏi cung trong cả nhà thương điên và thế là Moretti, có bác sĩ và y tá đi kèm, phải ra trước ủy ban điều tra. Gã chưa tiết lộ gì cả, nhưng rõ ràng gã không quanh co được bao lâu nữa và rồi sẽ “hát”. Thời gian gần đây lão nói quá nhiều. Gã thích được các phóng viên chú ý, sung sướng thấy tên mình được đưa lên báo. Gã bắt đầu tự mãn.

Đây là lý do tử hình? Không dễ dàng đặt hàng giết một thành viên lâu năm của hiệp hội tội ác được yêu mến như là Willie Moretti. Gã không làm méch lòng ai cả, có lúc gã không hoàn toàn tự chủ, đấy là do căn bệnh rui ro có phải tại gã đâu.

Frank Costello và Vito Genovese ngấm ngấm tranh giành quyền lực. Đối với Willie Moretti, chúng có quan điểm trái ngược nhau. Vito Genovese biết rõ là cái chết của Moretti sẽ giúp y leo lên bậc thang cao nhất, cho nên đi đâu y cũng nói xấu Moretti, chuẩn bị dư luận. Khi đưa ra đề nghị trừ khử Moretti trong hội đồng tối cao Mafia, không một ai phản đối.

Trong những trường hợp tương tự, đội hành quyết được chỉ định. Song vụ giết Moretti là trường hợp đặc biệt. Ai cũng có thể bắn được tên bố già bệnh hoạn để tăng công với sếp. John Robilotto là bạn làm ăn với Valachi và là thành viên của hãng Murder Inc của Anastasia. Chính hắn cùng với hai tên khác đã bắn chết Moretti trong nhà hàng Lido. Valachi tuyên bố rằng y không dính líu gì tới vụ giết Moretti cả. Cảnh sát đành phải làm ngơ vì không có bằng chứng. Đám tang Willie Moretti rất lớn, hàng đoàn xe chất đầy hoa tiễn y đến nơi an nghỉ cuối cùng. Còn đối với Vito Genovese thì con đường dẫn đến quyền lực được mở rộng.

Greenwich Village là một khu phố của các nghệ sĩ và cũng của các triệu phú. Ở đây có các nhà hàng sang trọng, câu lạc bộ tiện nghi, nơi các nhân vật nổi tiếng tụ họp.

Ở Thompson có nhà hàng nổi tiếng Rocco. Một ngày tháng 9.1952, Tony Bender mời Valachi đến Rocco bàn công chuyện.

– Phải bịt mõm Gianini, - Tony Bender nói.

– Eugenio? Nó đã làm gì? - Valachi hỏi.

– Phản phé.

– Thế nào, phản phé?

– Hẳn nói lộ hết?

– Với các điệp viên Sở ma túy,

– Về thuốc phiện?

– Ừ.

– Ai nói với anh điều đó, Tony?

– Vito. Còn lão thì được Lucky Luciano nói lại. Lão nói hẳn là đồ chó ghê, một thằng chỉ điểm. Hẳn chỉ điểm cho cóm đã vài năm rồi.

– Thế cơ à!

– Ừ! Chỉ điểm cho lũ điệp viên. Chúng mình phải thanh toán hẳn. Hẳn và tất cả đồng bọn của hẳn.

Hầu bàn mang rượu đến và rót ra cốc. Joe Valachi tỏ vẻ lo lắng.

– Tại sao anh lại nói chuyện đó với chính tôi?

– Anh biết, nó có nợ chú tiền.

– Vài nghìn. Nhưng tại sao?

– Gianini từ Ý trở về và lặn mất. Chúng không thể tìm ra hắn?

– Và tôi phải tìm hắn?

– Ừ, chính chú, Joe. Nó sẽ không nghi chú. Nó sẽ cho rằng chú tìm nó để đòi tiền. Chú tìm nó chứ, Joe?

– Tôi sẽ tìm ra nó, - Joe Valachi nhận lời và sau này y thanh minh rằng y không thể thoái thác được.

Gianini đúng là kẻ phản bội. Ngay từ năm 1942, hắn đã bị bắt vì tội buôn lậu ma túy. Sau 15 tháng ăn cơm mắt dò trong tù, cuối cùng hắn đồng ý hợp tác với Sở ma túy. Ra tù, hắn tiếp tục nghề cũ, nhưng thỉnh thoảng lại chỉ điểm cho các điệp viên Sở ma túy.

Năm 1950, Eugenio Gianini sang châu Âu. Ở Ý, hắn sống bằng chợ đen, buôn Penicilin, Sulfamid và các thứ thuốc khác từ Mỹ sang châu Âu, bán dollar Mỹ, thật có mà giả lại còn nhiều hơn. Hắn kiếm được những khoản kếch xù và dùng tiền đó mua bạch phiến tuồn vào Mỹ. Một sự quay vòng lời lãi. Nhưng công dân Hoa Kỳ Gianini bị cảnh sát ý theo dõi và bắt giữ vì tội buôn dollar giả. Hắn phải ra tòa và không hiểu sao, được tòa tha bổng. Chắc chắn không phải hắn vô tội và Lucky Luciano tin chắc rằng Gianini đã phản bội.

Valachi nhận lệnh tìm gặp kẻ phản bội. Chẳng bao lâu, Joe Cago đã biết địa chỉ tên phản bội. Sau đó mọi việc tiến hành trơn tru. Y gọi điện hẹn gặp Gianini. Họ gặp nhau ở góc phố Castle Hill Street và Westchester Avenue ở Bronx, chỉ cách nhà hàng Lido có vài nhà. Valachi thận trọng quan sát xung quanh và thấy một xe lạ đỗ gần ngã tư và không ai xuống xe. Valachi nhìn Gianini ra hiệu và kéo hắn đến quán bar gần đó nói khẽ.

– Tôi có cảm giác anh bị theo dõi!

– Làm sao anh biết?

– Mũi tôi thính loại này lắm. Tốt hơn là chúng ta chia tay. Tôi sẽ điện cho anh sau vài ngày nữa.

Gianini lên xe đi khỏi. Valachi lách vào chỗ khuất ở cửa ra vào của ngôi nhà lớn. Chiếc xe hơi lạ nỡ máy, đi cùng chiều với Gianini.

Lần thứ hai họ gặp nhau trong bar Casbach, lần này các tay súng có nhiệm vụ ám sát Gianini đã được chỉ định. Đó là anh em Pagan, Pasquale, Joseph và Piore Siano, cháu của Valachi. Joseph Pagan được Valachi mời đến để làm quen với nạn nhân và để Gianini mất cảnh giác với người quen khi xảy ra ám sát. Valachi giới thiệu họ với nhau, rồi những kẻ đi ăn cùng ngồi uống rượu, nói chuyện với con mồi của mình. Gianini thú nhận là dạo này "rách quá", không còn lấy một xu dính túi. Valachi đưa cho hắn 100 dollar, sau đó họ chia tay.

Gianini là con bạc máu mê. ở New York, các trò chơi cờ bạc bị cấm, ai muốn mở sòng bạc phải chắc chắn không có chỉ điểm ngồi ở mâm chơi. Bởi thế những kẻ máu mê tụ họp trong một dạ quán. Họ ăn uống gì ở đó một lúc, người dẫn đường bí mật quan sát và khi đã chắc chắn an toàn, gã thông báo địa điểm chơi bạc. Sau đó, mỗi khách chơi đi đến ngôi nhà định trước bằng xe của mình.

Ở trung tâm Manhattan có dạ quán Gold Key Club. Gianini được mời đến đó thử vận đỏ đen. Valachi chuẩn bị vụ ám sát đến tận chi tiết cuối cùng. Y bố trí sẵn xe và tài xế gần nơi chơi bạc để ngay sau sự cố chở hung thủ đến nơi an toàn. Còn hai tay súng thì chờ nạn nhân ở sát ngay chỗ chơi. Tối 18-9-1952, Valachi chở anh em Bagan và Siano đi nghiên cứu hiện trường. Y chỉ cho những tên kia thấy cửa vào chính và hành lang dẫn đến cổng sau ra phố 111, nơi xe chờ sẵn.

Ngày 20 tháng 9, Valachi phát lệnh hành động và đội hành quyết lên đường còn Valachi thì quay về nhà hàng để có alibi. Hai mươi, ba mươi thực khách sẽ chứng nhận y có mặt cả tối ở nhà hàng và phục vụ khách

nhiệt tình. Khoảng bốn giờ sáng, người cháu họ Siano gọi điện báo là đã gặp cô và sẽ đi vài ngày khỏi New York, Valachi đóng cửa hàng và đi về nhà.

Sáu giờ sáng, xe tuần tra cảnh sát phát hiện Eugenio Gianini nằm chết trước ngôi nhà số 107 ở phố 221. Nạn nhân bị bắn hai phát vào đầu. Cảnh sát điều tra và xác minh rằng một cuộc đấu súng xảy ra ở đại lộ Hai gần ngã tư với phố 112, sau đó thủ phạm mang nạn nhân đi khỏi hiện trường. Gianini là tội phạm đang bị cảnh sát truy nã.

Một điều bí ẩn là tại sao những kẻ giết người lại mang xác chết đi xa như vậy. Ban đầu, trong giới Mafia xuất hiện tin cho rằng những kẻ hành nghề cờ bạc phi pháp đã hối lộ cảnh sát 10 nghìn để họ đừng để ý đến địa điểm sòng bạc. Mãi nhiều năm sau, sự thật mới được Valachi tiết lộ. Gianini bị thương nặng, nằm trên vỉa hè và những kẻ canh gác sòng bạc không rõ hẳn là ai. Thấy nạn nhân còn thở, họ khiêng lên xe định chở tới bệnh viện. Nhưng Gianini tắt thở giữa đường và những người kia sợ phiền toái, đã để hẳn lại trên đường.

Cảnh sát không tiến mấy trong vụ điều tra. Không ai nhiệt tình khai báo. Thậm chí ông quản gia, lúc đó rắc cát lên máu, cũng không nhớ gì cả. Năm 1965, Joseph Pagano bị tù năm năm về tội buôn ma túy. Cháu họ Valachi là Fiore Siano thì bị mất tích từ năm 1964, không bao giờ thấy xuất hiện lại. Pasquale Pagano mấy lần phải vào tù, nhưng lần nào cũng chỉ vài tháng, ở trong tù gã không nói gì, ra tù gã lại càng kín tiếng.

Đây không phải vụ giết người duy nhất mà anh em Pagano và Fiore Siano thực hiện theo lệnh Mafia. Sự kiện sau đây bắt đầu gay gắt và không bình thường trong lịch sử Mafia. Vito Genovese sống với vợ ở Atlantic Highlands bang New Jersey. Họ không sống nổi với nhau, người vợ đệ đơn ly dị và trước tòa, mụ nói không thể sống với tên gangster chai đá. Mụ khai rằng lão có thu nhập phi pháp khổng lồ, rằng lão gửi tiền trong các nhà băng Mỹ và châu Âu, rằng băng thứ "xổ số Italy" bấp hợp pháp, lão bỏ túi

20 đến 30 ngàn dollar mỗi tuần. Tiết lộ này hết sức nguy hiểm cho Mafia và Genovese may mắn vô cùng khi từ phiên tòa ly dị lão không phải đến thẳng nhà giam. Lão có quen biết và thừa tiền để hối lộ.

Vợ Genovese có một số dạ quán ở Greenwik Village, do Steve Franse phụ trách. Ngoài những lý do khác, vợ Genovese còn buộc tội Genovese âm mưu trả thù Franse. Lão đặt hàng giết Franse cho Tony Bender, tên này lại trao giấy đặt hàng cho Valachi với lý do Franse là đồ chó ghẻ. Ngày hành quyết sẽ được Bender ấn định qua điện thoại.

“Tôi nhớ đã chờ 16 đêm liền ở nhà hàng và lần nào Tony cũng gọi điện bảo tôi về nhà, - Valachi kể lại. Đêm thứ 17. Tony ra lệnh tôi ở lại. Tôi đóng cửa quán, kéo rèm và ngồi chờ. Khoảng sau 4 giờ sáng có tiếng gõ cửa. Tôi mở cửa và thấy Pat Pagano và Fiore. Steve Franse đi cùng với họ”.

- Này Joe, - Pat nói - Steve muốn tham quan cái quán của anh.

Thế là tôi ra sau quầy bán pha cocktail. Chúng tôi vừa uống vừa nói chuyện làm ăn. Sau tôi dẫn Steve Franse đi xem mọi chỗ, cuối cùng chúng tôi xuống bếp. Steve nhỏ người còn Pat thì to quá cỡ. Từ đằng sau, Pat chộp lấy cổ áo Steve như kiểu cảnh sát bắt người, còn Fiore thì mắt mũi nhắm lợi thụi vào mặt vào bụng Steve. Chúng tôi gọi kiểu này là “giã thịt”. Chỉ sau một lúc Steve tắt thở.

Người chết được đưa lên chính xe của mình và chở đến Manhattan. Ngày hôm sau, 19-6-1953, trước 10 giờ sáng, cảnh sát phát hiện một người ngồi chết trong xe trước ngôi nhà 154 ở phố 164 Đông. Nạn nhân là Steve Franse, 58 tuổi, sống ở Bronx. Nguyên nhân chết: Ngạt thở, toàn thân thâm tím, xương sườn bị gãy.

Nội tình vụ án mạng thứ ba cũng được giữ kín cho đến khi Valachi quyết định khai báo. Theo hồ sơ cảnh sát New York, vào khoảng 3 giờ 50 sáng 3-12-1953, ba người da trắng lạ mặt bước vào quán bar số 634 phố

183 Đông, cả ba đều đeo kính râm đen. Vừa vào trong quán, họ liền rút súng bắn tử thương Dominick Petrilli. Hung thủ rút khỏi hiện trường cũng chớp nhoáng như khi xuất hiện. Chủ quán là Albert Maurielli đợi thủ phạm đi xa rồi mới báo cảnh sát.

Chúng ta biết rằng Petrilli là bạn thân thiết của Valachi. Năm 1942 y bị tòa án kết án và sau khi ra tù bị trục xuất về Ý vì y không phải là công dân Hoa Kỳ. Cuối năm 1953, “The Gap” Petrilli bí mật trở lại Mỹ quốc. Mafia được biết rằng Petrilli bị bắt quả tang buôn ma túy ở Ý và y phản phé, đồng ý về Mỹ làm chỉ điểm cho cảnh sát. Tony Bender nói với Valachi rằng khi nào Petrilli đến gặp thì báo ngay cho y. Bender còn dặn Valachi phải cẩn thận, vì có thể Petrilli giấu trong túi máy ghi âm.

Petrilli chuẩn choáng xuất hiện trong nhà hàng Lido, ôm hôn bạn cũ Valachi và hàn huyên.

– Tớ vừa mới xuống tàu. đi thẳng đến đây. Tại sao tớ tìm cậu? Chẳng phải cậu là bạn tớ sao, hay không phải vậy? Tớ không thể sống nổi ở Ý nữa. Tớ phải đi khỏi đó. Cậu có biết 27 ngày đêm dưới khoang tàu chở hàng nghĩa là gì không? Và tớ còn phải thí cho chúng 3.000.

– Tuyệt, nhưng bây giờ thì sao?

– Cậu sẽ trở mắt ra mà xem. Tớ cần cậu bố trí gặp Vincent Maur và Paddy Moceia, chúng là người của Bender mà. Tất cả chúng mình sẽ thành triệu phú. Joe, tớ biết một món hàng lớn. Chúng mình sẽ đi Cuba mang nó về. Hai thằng mình, Joe.

Valachi nhớ lại lời Bender, y mở các áo khoác của Petrilli, giả vờ ngạc nhiên vì thằng bạn chỉ còn da bọc xương, đồng thời y yên tâm rằng Petrilli không có máy ghi âm. Y khuyên Petrilli đi Cuba một mình và đi ngay lập tức, vì đường phố New York quá nóng với gã. Theo phim “Nhân chứng

Valachi” của đạo diễn Peter Maas thì Valachi gọi điện cho Bender khi The Gap vừa ra khỏi nhà hàng Lido.

- Nó vẫn còn ở đằng ấy? - Tony Bender hỏi.
- Không, đi khỏi rồi.
- Tại sao chú không báo ngay khi nó còn ở đó?
- Tôi đã nói với anh rằng tôi không muốn dính vào vụ này.
- Nó không nói đi đâu à?
- Không.

Sau đó Valachi đóng quán và đi về nhà ngủ. Trời chưa sáng rõ hai điều tra viên đã đánh thức y dậy để thẩm vấn. Họ nói rằng Petrilli đã chết. Valachi không biết gì cả, ngược lại y được cảnh sát cho biết tối hôm đó Petrilli chơi bài ở quán Maurielli. Petrilli vừa thắng bài, đang vơ 1.300 dollar nhét vào túi thì ba người lạ mặt vào quán. Vừa nhìn thấy chúng, Petrilli đã hiểu ngay sự tình và định chạy ra nhà vệ sinh, nhưng ở đó gã bị dồn vào chân tường, không kịp rút hết tiền trong túi nạn nhân. Khi cảnh sát thẩm vấn các nhân chứng, không ai nhìn thấy gì hết, không ai còn nhớ gì cả. Tất nhiên mà, khi các thành viên Mafia thanh toán nợ nần với nhau, tốt hơn hết là nhắm mắt làm ngơ.

CÁI HÔN THẦN CHẾT

Trước pháp luật, y là chủ nhân ba nhà hàng, một nhà máy dệt và mạng lưới máy chơi tự động đặt khắp các dạ quán và khách sạn. Trước ống kính máy quay, y tỏ vẻ chân thành và hiền lành như cha cố, trong khi đó y nói dối và còn lâu mới tiết lộ hết những điều y biết. Nhiều tội ác không được Joe Valachi giải thích, một số thậm chí còn bị y làm rối rắm thêm. Y quanh co tránh thú nhận, dù là nhỏ nhất, rằng y có liên quan đến buôn lậu ma túy. Những gì y nhút nhát nói ra thì các thám tử Sở ma túy đã biết từ lâu. Và thế là chuyện giật gân về một cáo già Mafia sẵn sàng tiết lộ bí mật hiệp hội tội ác chỉ là quảng cáo của bộ trưởng tư pháp Robert Kennedy và giám đốc FBI Edgar K. Hoover. Cả hai, mặc dù theo đuổi các mục đích khác nhau, đều là những kẻ hiếu danh.

Năm 1956 Joe Valachi bị bắt và kết án 5 năm tù về tội buôn lậu ma túy. Song y không ở lâu trong tù, bởi vì sự sau phiên tòa kháng án, y lại được tha.

Nội tình một trong các vụ buôn bán bạch phiến lớn của Mafia mới được sáng tỏ cách đây vài năm. Nó giúp chúng ta nhìn thấu hậu trường Mafia và hiểu rằng các nguyên tắc của “Hiệp hội đáng kính” thực chất là luật rừng cá lớn nuốt cá bé.

Một hôm, Salvatore Shillitani, người trước đây cùng Valachi dự lễ kết nạp thành viên mới vào hiệp hội tội ác, đến gặp Valachi và nói rằng y biết một nơi có thể mua bạch phiến cực rẻ. Nguồn cung cấp ở Marseille và nhiều khả năng, đó là Dominique Relssent, người đảo Corse.

- Tuyệt vời, Joe, - Salvatore Shillitani nói. - Mỗi kg chỉ phải trả có 2.500, và ở đây có thể bán sỉ với giá 11 ngàn dollar.

Một món lời lớn. Joe Valachi và Shillitani thỏa thuận cử Pat Pagano đến Pháp để đàm phán việc mua bán. Vì đây là áp phe mật, chúng xé đôi tờ dollar, một nửa gửi đến Marseille cho Dominique, nửa kia đưa cho Pat mang đi để liên lạc. Khi hai bên ráp khớp hai nửa dollar, họ có thể đàm phán không lo ngại gì. Việc mua bán được ký kết và ở New York, các tay áp phe nóng ruột chờ...

- Vợ Dominique đã đến. - sau vài tuần Pat Pagano gọi điện cho Valachi.
- Bà ta đang ở khách sạn và muốn gặp tôi.

- Thế thì anh hãy đi gặp bà ta, sau đó báo cáo lại tôi hay.

Bà Relssent đòi tiền cọc 8.000 dollar cho 15 cân bạch phiến, một khoản tương đối. Valachi bao giờ cũng hành động thận trọng. Y biết rằng bố già Genovese không muốn thuộc hạ tự ý làm ăn. Valachi đối phó với cấp trên một cách khôn ngoan. Y đề nghị Tony Bender tham gia làm ăn. Bender nhanh chóng tính toán tiền lời và đưa cho Valachi 8 nghìn dollar để đặt cọc, lão ta còn đưa thêm 1.000 dollar cho Pat Pagano.

Bốn tuần sau, Valachi được tin rằng tàu thủy United States sẽ cập bến ở Manhattan vào sáng thứ hai. Y liền đến báo Bender và lão nói y không phải bận tâm vì đã có Paddy Moccio lo tất cả. Người thủy thủ chuyển hàng đổi mỗi kg 1.000 dollar, anh ta không chịu mang bạch phiến lên bờ với giá rẻ hơn. Cũng đành chịu vậy. Cái chính là nguy hiểm đã có người khác gánh chịu. Lãi khổng lồ, 15 kg bạch phiến bán sỉ được 165.000 dollar.

“Sau đó, con chó Tony Bender đã lộ nguyên hình. - sau này Valachi nói. Khi còn đang chờ lâu, hấn sốt sắng lắm. Nhưng khi đã nắm hàng trong tay, hấn bắt đầu quanh co”.

Bender gọi Valachi đến và nói:

- Joe này. Có một việc cần bàn với chú. Vito Genevese nợ Frank Costello 20 ngàn. Anh nghĩ rằng bố già sẽ rất hài lòng nếu chúng ta trích

tiền lời trả món nợ đó cho cụ. Ở đây còn có vài người xứng đáng được hưởng chút ít. Chẳng hạn như Vinnie, Mauro, Sandiao, Johan Tropelli và tất nhiên cả Paddy Moccio.

Valachi im lặng. Bỗng nhiên có thêm năm bạn hàng và phải chia lời với họ. Tiền lời giảm xuống còn 91.500. Vài ngày sau, tình cờ gặp Tropelli, Valachi hỏi:

- Thế nào, mà nhận tiền chưa?
- Tiền gì?
- Cái gì, mà không nhận được đồng nào à? Mà cũng có phần cơ mà.
- Thôi xin lỗi, mà nghe ai nói vậy?

Lúc này Valachi đã rõ là y bị Tony Bender hốt tay trên. Sau này trong tù, Valachi cũng gặp Paddy Moccio. Cả tên này cũng không nghe nói gì đến tiền lời trong vụ áp phe bạch phiến. Vito Genovese và Tony Bender đã lừa Valachi lấy món tiền lời, chúng yêu cầu thuộc hạ phải hành động quân tử, nhưng chính chúng lại không thèm để ý đến nguyên tắc làm ăn bình đẳng.

Trong danh mục tội lỗi, Joseph Michael Valachi đã bị tình nghi buôn lậu ma túy từ lâu. Chỉ trong tháng 11.1959, y bị bắt và hỏi cung ở nhiều nơi: Ở tổng hành dinh của văn phòng ma túy, ở Brooklyn, ở văn phòng ma túy Washington, ở New Haven, bang Connecticut và ở nhà tù Atlanta. Ở Atlanta, y bị kết án 15 năm tù và mang số tù 82811.

Tháng 5.1959, vợ của bạn hàng ma túy John Freeman gọi điện nói khê:

- Tôi không thể gặp anh tối nay. Người ta đã thu hết xe chúng tôi.

Báo động! Báo động ở thời điểm cuối cùng. Valachi để ý rằng đã mấy tuần y bị theo dõi, Y thận trọng, song y tin vào sức mạnh Mafia và sự tháo

vát của các trạng sư, cho đến lúc ấy bao giờ cũng giúp y thoát khỏi lưới pháp luật. Nhưng lần này nghiêm trọng hơn và y biết điều đó. Bởi vậy, y đã nhanh chóng bàn giao việc quản lý các tù nhạc tự động cho một người tên là Sally. Y gói ghém một số đồ dùng cần thiết nhất và trong đêm tối, dừng xe ở bãi tận Wingdalen, biên giới bang Connecticut. Y và tình nhân ở đó cả tháng trời. Sau đó y mua thêm rơ moóc và đi sang Connecticut, cắm trại ở Thompsonville. Không ai biết y cả. Thậm chí cả cô tình nhân cũng tin rằng y tên là Charles Charbano, như y khai ở khách sạn. Một thời gian y sống bình yên, làm quen với những người tử tế và tổ chức vài buổi dạ tiệc thác loạn. Cuộc sống ở Thompsonville đang vui vẻ thì y biết lại có bàn tay của Vito Genovese trong vụ này. Song, đây chưa phải sự bất ngờ lớn nhất.

Sally là người được Valachi tin tưởng giao điều hành mạng lưới tù nhạc tự động. Gã không những phải báo cáo đều đặn tình hình làm ăn mà còn phải nộp tiền thu được cho Valachi, mỗi tuần khoảng 500 dollar. Cuối tháng 11, khi đến gặp Valachi để thanh toán, gã báo tin:

- Ralph muốn nói chuyện với anh, Joe.
- Sao, Ralph Wagner? Hẳn cũng dính vào vụ này mà.
- Ừ, có lẽ chính vì thế.
- Thôi được, Sally, nhưng nó muốn gì?
- Không biết. Tôi không tò mò công chuyện người khác.
- Anh bảo nó gọi điện cho tôi.
- Đến đâu? Đến cái xe thồ này của anh à?

- Tôi sẽ đưa cho anh số buồng máy điện thoại. Nó ở không xa nơi cắm trại. Nói nó gọi cho tôi vào thứ sáu, mười một giờ đêm. Nhưng phải đúng giờ đấy. Tôi sẽ chờ gần đó.

Valachi chờ, thậm chí y còn đến sớm hơn một chút. Trời tối đen như mực, xung quanh không một bóng người. Gió tuyết lạnh buốt. Y thu người trong áo bành tô, sốt ruột chờ tiếng chuông điện thoại. Bỗng y giật bản người. Từ trong bóng tối, mấy người đàn ông cầm súng bước ra và một người nói:

– Anh đã bị bắt, Joe Valachi. Từ giờ phút này, mọi hành vi và lời nói phản kháng đều không có lợi cho anh. Anh hãy yên lặng đi theo chúng tôi, đừng gây ồn ào vô ích.

Họ quay lại chỗ Valachi đậu xe, khám xét kỹ lưỡng mọi nơi, sau đó lên xe đi về Hartford. Valachi hiểu ra, đồng nghiệp đã phản bội y. Ralph Wagner bị bắt giam đã vài tuần và cảnh sát hứa sẽ giảm án hoặc thậm chí tha bổng nếu hắn thành thực khai báo. Wagner là cá nhỏ làm mồi để bắt cá lớn.

Bị hỏi cung, Valachi chối phăng tất cả. Vì chưa đủ bằng chứng, y được tạm tha với tiền bảo đảm là 25.000 dollar. Như vậy, Valachi có thừa thời gian để chuẩn bị hầu tòa. Nhưng y lại lên tàu đi Buffalo, giam mình trong khách sạn và chờ Mafia bố trí cho y vượt biên giới trái phép sang Canada. Y qua biên giới bình yên. Một người của Mafia là Agueci đã chờ sẵn, đưa y về Toronto. Ở đây, hàng ngày Valachi dạo chơi, đi chợ và nấu ăn, vì đấy là sở thích của y, tối tối, y đi xem phim hoặc chui vào bar nào đó giải trí.

Tối đó, y ở lại trong phố lâu hơn mọi khi và mãi sau nửa đêm mới đi taxi về nhà. Agueci sốt ruột chờ y vì cả chiều người ta gọi điện từ New York.

- Tony, Joe đây. Có chuyện gì vậy?
- Anh có thể trở về.
- Về là thế nào?

– Chúng tôi thu xếp ổn thỏa rồi. Anh chỉ bị 5 năm tù thôi. Anh ra tòa, nhận án và sau vài tháng đã ở nhà rồi.

– Khi nào phải ra tòa?

– Qua rồi. Hôm nay. Nếu anh đến được thì chúng ta xong mọi chuyện rồi.

– Nhưng, tôi không biết nữa, Tony, 5 năm cũng không phải là ít. Tôi còn phải suy nghĩ đã.

Tony Bender có quyền lớn trong Mafia, nhưng Joe Valachi biết hẳn là kẻ lật lọng khó tin. Hẳn chỉ biết có mình và lừa gạt bất cứ ai hẳn gặp. Bởi vậy, Valachi không suy nghĩ lâu và nói thẳng với Agueci rằng, y không quay về Mỹ. Agueci đi ra ngoài và mang về tin buồn. Các thám tử của Văn phòng ma túy đã lần ra dấu vết Valachi, y phải lập tức lên máy bay về New York.

Cả tháng trời lẩn trốn, cuối cùng Valachi cũng phải ra tòa. Nếu như lần trước y hối lộ 5.000 dollar thì chỉ bị nhiều nhất 5 năm tù. Lần đó y từ chối đề nghị để bây giờ lĩnh án 15 năm tù và khăn gói vào nhà đá Atlanta. Ở đây, y gặp nhiều người quen cũ. Vào thời gian này có khoảng 80 tên Mafia, đứng đầu là Vito Genovese, ngồi tù ở Atlanta. Năm 1959 “bố già” Vito cũng bị kết án 30 năm tù vì tội buôn lậu ma túy.

Các nhà tù Mỹ không thể so sánh được với các trại cải tạo châu Âu. Chúng ta biết rằng nhiều “bố già” vẫn tiếp tục điều hành công việc từ xà lim được trang bị tiện nghi đầy đủ, thậm chí chúng có thể, sau chấn song nhà giam, ký án tử hình những kẻ vô lễ. Trong nhà tù quốc gia Atlanta, bang Georgia, Vito Genovese là ông vua con, địa vị này của lão không chỉ được tù phạm Mafia công nhận mà các giám ngục cũng vậy. Công việc sẽ dễ dàng hơn đối với họ nếu bố già một mình cầm cương được 80 tên tội phạm nguy hiểm.

Trong khi đó, bên ngoài, Ralph Wagner bị giết và cái chết của Wagner làm Valachi cực kỳ lo sợ. Wagner cũng bị xử trong cùng phiên tòa, bị tình nghi hợp tác với cảnh sát, sau đó y được ân xá. Tháng 10.1964, y ra tù đi về nhà. Hai tuần sau y biến mất. Từ đó không ai nhìn thấy y nữa. Cảnh sát xác minh được rằng ngày 19 tháng 10, vào lúc 4 giờ sáng, y còn ngồi uống rượu với mấy người lạ mặt trong một quán ở Manhattan. Sau đó, người ta tìm thấy chiếc xe của y ở góc phố Broadway và phố 72. Trong xe không có ai cả.

Tony Bender tên thực là Anthony Strollo. Ngày 8.4.1962, y khoác áo vét mỏng đi ra ngoài và dặn vợ là sẽ về ngay. Y không bao giờ về nhà nữa. Cảnh sát tìm thấy xác chết của y trên hè phố. Cũng như mọi khi thủ phạm không để lại dấu vết gì. Đó là những tin tức xấu. Vito Genovese thủ tiêu các nhân chứng nguy hiểm và tiếp tục trị vì đế chế của mình từ nhà tù.

Joe Valachi lo sợ. Một tù nhân nói với y rằng bây giờ đến lượt y lên đoạn đầu đài, bởi vì có tin đồn y phản phé, chạy sang phía Văn phòng ma túy. Valachi không hiểu tại sao lại có sự nghi vấn này. Có người cho rằng chính các thám tử Văn phòng ma túy tung tin này trong các tù nhân để dồn Valachi vào đường cùng, phải tiết lộ các đường dây đưa bạch phiến vào Hoa Kỳ. Khả năng thứ hai là một đồng bọn của Valachi trong khi bị hỏi cung đã tiết lộ bí mật để được án nhẹ hơn và chính y lại phải gánh chịu hậu quả. Dù là nguyên nhân gì đi nữa, các sự kiện sau đây sẽ minh họa quan hệ giữa các thành viên Mafia ở trong nhà tù Hoa Kỳ.

Trong năm 1962 đã xảy ra ba lần mưu sát Valachi. Một chiều, Joseph Di Palermo, biệt hiệu Joseph Beck, đưa cho Valachi một bánh mì nhồi thịt thơm phức. Beck nói rằng hẩn thó từ nhà bếp và dành biếu anh hai Valachi như thể hẩn quý Valachi lắm. Trước đó chưa bao giờ hẩn thèm nói một lời với Valachi. Valachi vứt bánh mì vào sọt rác và từ đó, y không ăn thức ăn nhà tù. Y mua đồ hộp ở căng tin, dù sao loại này cũng khó bị tẩm thuốc độc.

Các buồng tắm trong tù cũng là nơi nguy hiểm, cho nên Valachi không dám đi tắm nữa. Một lần Johnny Dio người phân phát đồ lót sạch cho tù nhân, vừa bí ẩn nhìn y vừa hỏi tại sao y bỏ hai lần tắm. Valachi coi đó là bằng chứng việc đao phủ chờ sẵn y ở buồng tắm. Càng ngày Valachi càng lo sợ hơn và y đã nghĩ đến việc yêu cầu giám đốc nhà tù bảo vệ. Trong khi đó tù nhân cố tình khiêu khích ầu đả để có cơ hội “làm thịt” Valachi. Bao giờ y cũng may mắn chạy thoát.

Sau đó, Vito Genovese thu xếp với quản trị nhà tù chuyển Valachi sang xà lim của lão. Một đêm bố già kể câu chuyện về quả táo thối trong sọt táo. Nếu không loại bỏ kịp thời, nó sẽ làm hư những quả táo khác. Valachi hiểu lời cảnh báo. Sau đó không lâu, Vito Genovese thân thiện ôm hôn Valachi, như lão nói, họ là những người quen biết cũ, lão chẳng đã làm nhân chứng trong hôn lễ của Valachi đó sao. Valachi biết rằng Vito Genovese đã kết án tử hình y. Trong những thời xa xưa của Mafia, những cái hôn như vậy được gọi là cái hôn thần chết. Theo nguyên tắc cũ, người sắp bị giết được đối xử tử tế. Bởi vậy, Valachi quyết định tự vệ bằng mọi giá: Ngày 16 tháng 6 y yêu cầu giám ngục nhất riêng.

– Người ta muốn giết tôi. - y nói.

Valachi được giam riêng một mình. Y viết hai bức thư, một cho vợ và một cho phó giám đốc văn phòng ma túy George Gaffney rằng y sẵn sàng cung khai. Cả hai thư đều không ra khỏi nhà tù. Giám ngục M.J Cliot sau này thú nhận rằng ông ta trả lại Valachi bức thư gửi cho Gaffney để y viết lại rõ ràng hơn. Trong xà lim độc thân, y không thể mua đồ hộp ở căng tin và hầu như không ăn uống gì. Y mệt mỏi, mất ngủ, suy nhược thần kinh. Y hành động trong trạng thái như vậy.

Tính mạng bị đe dọa, song Valachi không chịu đầu hàng số phận. Y quyết định tấn công và đổi mạng với kẻ thù. Một trong những kẻ y chọn thí mạng là Joseph Di Palermo, người được Vito Genovese nhắm làm kế vị. Bi kịch xảy ra ngày 22 tháng 6. Sau này Valachi kể lại.

“Lúc đó tôi ở phía dưới sân, không xa sân bóng. Tôi để ý thấy ba người đang rình ở sau khán đài cách tôi khoảng 50 mét. Sau đó họ đi lại chỗ tôi. Tôi ngồi xuống giả vờ nhặt cỏ và thủ sẵn ống sắt. Một đứa đến gần tôi và nói: “Chào, Joe!” Đằng sau trông nó giống như Joe Beck. Tôi thầm nghĩ ít nhất cũng đổi mạng với thằng này. Tôi phang một cú trời giáng vào đầu và nó nằm quay lơ ngay. Sau đó, tôi đuổi theo hai thằng kia. Một thằng có dao. Nhưng khi tôi chạy được khoảng 10 mét thì chúng bỏ chạy. Tôi quay lại chỗ thằng nằm trên cỏ và còn nện cho nó vài lần nữa. Tôi không nhận ra nó là ai. Người nó toàn máu”.

Giám ngục dẫn Valachi lên văn phòng. Y vẫn còn lăm lăm ống sắt trong tay. Ở đây Valachi được biết y đã giết nhầm. Nạn nhân tên là John Joseph Saupp bị tù vì tội cướp bưu điện, nhưng người này không liên quan gì với Mafia. Ngày hôm sau, Saupp tắt thở. Valachi bị buộc tội giết người và chánh án đề nghị án tử hình.

Valachi quyết định đi nước cờ cuối cùng. Một người trung gian giấu tên thông báo với Bộ tư pháp rằng Valachi “sẵn sàng hợp tác với chính phủ Liên bang”. Sau đó, ngày 13 tháng 7, ủy viên công tố khu vực Nam New York, Robert Morgenthau, nhận được báo cáo chi tiết. Trong phiên tòa ngày 17 tháng 7, Valachi được hai trạng sư giỏi nhất New York bào chữa và chánh án tuyên án: Chung thân.

Ủy viên văn phòng ma túy là Frank Selvagi một thời gian làm vệ sĩ cho Valachi. Ông ta cùng bay với y đến nhà tù quốc gia ở Westchester cách New York vài cây số về phía bắc. Valachi được giao cho giám ngục dưới cái tên Joseph De Marco. Cả một tầng của bệnh viện nhà tù được dành riêng cho Valachi và một tiểu đội đặc biệt tinh nhuệ được lệnh bảo vệ người tù quan trọng.

Tám tháng liền. Valachi bị Flynn, một trong những thám tử tài ba nhất FBI, hỏi cung. Tám tháng liền, Valachi kể lại cuộc đời Mafia của mình.

“Mafia xử tệ nên y muốn trả thù, - sau này Flynn viết. Một phần đây cũng là sự tính toán: Y muốn sống, nên phải tố giác Mafia. Không thể coi y là một tội phạm thành thực ăn năn hối lỗi. Đây là tên giết người không từ một thủ đoạn nào. Y khó tính và chống lại mọi kẻ thế lực. Y sống trong thế giới sợ hãi và nghi ngờ. Đặc biệt sự sợ hãi đã ghi dấu ấn nặng nề trong y”.

Văn phòng ma túy trao Valachi cho FBI vào tháng 9 và từ thời gian đó, Flynn hỏi cung y mỗi tuần bốn ngày cho đến tháng giêng. Sau đó Joe Cago chuyển chỗ ở đến Fort Monmouth, một căn cứ quân sự được canh gác nghiêm ngặt ở bang New Jersey. Một đội gác tù tinh nhuệ được huy động đến bảo vệ Valachi, trước hết để tránh sự trả thù của Mafia. Thám tử Flynn cũng chuyển đến Fort Monmouth. Ban đầu ông ta định ở căn cứ quân sự ba tuần, nhưng cuộc hỏi cung kéo dài đến tận mùa xuân. Từng giọt, từng giọt. Valachi tiết lộ các quan hệ bí mật của Mafia.

Từ đầu cuộc hỏi cung, người ta lưỡng lự không biết có nên công bố các điều bí mật được phát giác hay không. Một sự ngẫu nhiên đã quyết định thay cho các cơ quan trách nhiệm. Một phóng viên được bạn làm việc ở Văn phòng ma túy thông báo về vụ Valachi. Anh ta liền đăng một phóng sự giật gân và bí mật không còn là bí mật nữa.

Ngày 9-9-1963, Valachi mặc đồng phục cảnh sát quân sự giống như những người bảo vệ y. Tất cả lên trực thăng quân sự bay đến trụ sở tòa án bang Columbia ở Washington. Ở đó, ủy ban điều tra hạ viện, đứng đầu là thượng nghị sĩ John Mc Clellan của bang Arkansas đang chờ hỏi cung Valachi. Đồng phục đẹp mắt, đoàn cảnh sát hộ tống và được thượng nghị sĩ tiếp đón, tất cả những thứ này đã tác động mạnh Valachi. Y có cảm giác được bước vào thế giới mới. Nhưng Valachi thất vọng khi chủ tịch ủy ban điều tra yêu cầu y đừng đi động đến các tội ác liên quan đến thành phố Hot Springs ở Arkansas, vì đại diện cho bang này ở thượng nghị viện là Mc Clellan.

Báo chí Mỹ coi việc Valachi ra trước ống kính máy quay là tiết mục giải trí hấp dẫn. Chương trình truyền trực tiếp nặng nề quảng cáo đã làm cho lời khai mất trọng lượng và độ tin cậy. Hơn nữa, nhân vật chính của chương trình rối trí, nhầm lẫn số liệu, ngày tháng, nói lắp và dính chính liên tục, còn các thượng nghị sĩ thì chộp lấy cơ hội để quảng cáo cho bản thân. Nhân chứng Valachi trở thành một phần chiến dịch tranh cử của họ.

Mafia treo giá đầu kẻ phản bội 100.000 dollar, nhưng Valachi may mắn thoát khỏi sự trả thù. Y sống những năm cuối cuộc đời ở nhà tù “La Tuma Federal Penitentiary” ở bang Texas. Đây là ngôi nhà nhỏ, ẩm ướt, tù nhân phần lớn là người da đỏ và dân Mexico. Giám ngục cũng là người Mexico. Nhà tù ở gần bình nguyên màu mỡ, quanh năm nắng gắt, nhưng Valachi suy sụp, mất cả hy vọng cuối cùng, lúc nào cũng cảm thấy lạnh. Y sống trong xà lim lớn sát ngay bệnh viện, có buồng tắm riêng, tivi, thảm trải nhà và lò sưởi điện. Trong tù, Valachi kết bạn với một kẻ cùng cảnh ngộ là Vincent Teresa. Tên này cũng trở thành chỉ điểm của FBI, và tiết lộ các bí mật khác của Mafia. Joe Valachi, biệt hiệu Joe Cago, chết ngày 3-4-1971.

Sếp của Valachi, bố già Vito Genovese đã chết trước đó hai năm, ngày 14-2-1969, trong nhà tù Springfield bang Missouri, thọ 71 tuổi, sau một cơn đau tim nặng. Nhưng Mafia Hoa Kỳ vẫn tiếp tục hoành hành, trở thành vấn đề xã hội đau đầu ở Mỹ, còn nguy hiểm hơn thời Genovese và Valachi.

MAFIA Ở TEL AVIV

Y sống ở Miami Beach, bang Florida, trong ngôi nhà Apartment House Seasons South ở đại lộ Collins. Trong căn hộ rộng lớn đầy đủ tiện nghi có rất nhiều tranh và đồ cổ giá trị. Bố già Lansky sưu tầm đồ thủy tinh cổ và rất tự hào về bộ sưu tập cốt ly lịch sử của mình. Thoạt nhìn, người ta tưởng đây là cuộc sống dễ chịu.

Nhưng mỗi bước đi của y đều bị theo dõi. Trước ngôi nhà, ngày cũng như đêm, luôn có hai thám tử FBI túc trực trong xe. Họ nghe radio, đọc báo. Khi Lansky dắt chó đi ra, một người ngồi lại sau vô lăng bên máy đàm thoại, người kia ra khỏi xe theo sát y. Họ nghe lén điện thoại của y, đọc thư từ của y. Họ cố tìm lý do, dù là nhỏ nhất nhất, để đưa y ra tòa. Một hôm, y bỗng biến mất.

Acapulco, thành phố của triệu phú và mặt trời quanh năm mọc lên quanh vịnh được coi là đẹp nhất thế giới. Ngày 15-2-1970, Meyer Lansky ngụ tại khách sạn Hilton, phòng 993. Các phóng viên đã đánh hơi thấy y mặc dù y lánh họ. Lansky bay đến đó một mình, cố vấn luật của y là Moses Polakoff ở phòng kế bên trong khách sạn. Sau đó ở Hilton liên tiếp xuất hiện các du khách từ Mỹ và cả từ Canada. Vừa mới đến, họ lập tức gặp Lansky và cố vấn luật của y. Người ta xì xầm với nhau rằng Mafia Hoa Kỳ tiến hành đại hội ở Acapulco thuộc Mexico. Không có bằng chứng xác nhận điều đó. Tôi đi tìm nhân chứng ở Acapulco, nhưng không một nhân viên khách sạn Hilton nào nhớ gì cả.

– Không, senor [\[97\]](#), họ là du khách như những người khác thôi. Khi thì họ hóng mát trên gác thượng, lúc thì uống bia ở bar. Họ nghỉ ngơi giải trí. Một lần họ cùng nhau bơi thuyền. Ồ, ở đây bất cứ ai cũng nghỉ ngơi như vậy cả mà.

Bức tường im lặng. Mãi sau này, người ta mới phát hiện ra các mối quan hệ. Meyer Lansky ở phòng 993 từ ngày 15 đến 28 tháng 2. Hàng ngày, một tài xế mặc đồng phục sang trọng đánh chiếc xe hơi mới nhất đón y đến biệt thự gần đó. Ngôi biệt thự này do công dân Canada Leo Berkovitch mua cách đây không lâu và bây giờ được dùng làm nơi hội họp của Meyer Lansky và khách của y. Họ bàn chuyện làm ăn liên quan tới các sòng bạc ở Las Vegas, trên quần đảo Bahamas và cả ở London, Monte Carlo hay San Remo. Trong những năm này, thu nhập của hiệp hội tội ác lên tới 40 tỷ dollar hàng năm, vượt cả những tổ hợp công nghiệp khổng lồ. Meyer Lansky điều hành tài chính và là cổ đông chính của hiệp hội.

Phải công nhận Lansky có năng khiếu kinh doanh. Khi phải đầu đón từ bỏ cơ ngơi ở Cuba, y chuyển sang quần đảo Bahamas, một thuộc địa của Anh ở gần Florida và cũng không xa Cuba. Ở đây, dưới thời thống đốc Stafford Sands, người ta mua bán tất cả mọi thứ, kể cả các quan chức chính phủ cao cấp. Meyer Lansky là một nhà chiến lược thận trọng và lúc nào cũng ngấm ngầm đứng sau hậu trường. Y cử sứ giả là Wallace Groves đến quần đảo Bahamas mua các khu đất rộng lớn với giá nực cười, mười héc ta chưa đến một dollar và bằng hối lộ, mua cả giấy phép mở casino. Thế là người ta thành lập và đăng ký hãng kinh doanh Amusements Bahamas Ltd, và thống đốc Stafford Sands trở thành cổ vấn luật pháp của hãng. Lansky thưởng cho ông ta ngay một lúc hai triệu dollar. Một viên chức cao cấp khác là Ronald Simons cũng nhận lương của hãng này.

Lansky không hào phóng viên vông. Trên quần đảo Bahamas, y kiếm được hàng chục triệu dollar. Các con bạc từ Mỹ, châu Âu, châu Úc bay đến đây như khi xưa họ đến Cuba. Thủ phủ quần đảo Bahamas là Nassau trở thành nơi ăn chơi của giới thượng lưu trên toàn thế giới.

Mọi người chơi và thua, chỉ có Meyer Lansky thắng tuyệt đối. Y kiếm bạc triệu và tìm cách làm cho tiền lại đẻ ra tiền. Hình như không tin tưởng các nhà băng địa phương cũng như các két sắt ở Mỹ. Người của y chở

dollar đến Genève đều đặn và gửi tiền vào tài khoản mã số trong nhà băng International Credit trên đại lộ Tổng hợp. Tài khoản có mật hiệu “Bear”, vừa có nghĩa là con gấu, vừa có nghĩa là người đầu cơ chứng khoán. Giám đốc ngân hàng Tibor Rosenbaum là người của Mafia Do Thái, một đại diện tin tưởng các quyền lợi của hiệp hội tội ác ở châu Âu.

Cảnh sát cố gắng thu thập bằng chứng, cả trong thời gian Lansky ở Acapulco, nhưng không có kết quả.

– Một hôm, ba nhân viên cảnh sát đến tìm tôi, - Lansky nói. - Họ gõ cửa và nói họ điều tra một vụ ăn trộm tranh ở viện bảo tàng Mexico City. Có người tố giác tôi tham dự vụ này.

Họ xem xét các phòng ở, kiểm tra hành lý, chụp ảnh, song không tìm thấy một tài liệu phương hại nào. Meyer Lansky thừa khôn ngoan và kinh nghiệm để chỉ mang theo người các đồ dùng cá nhân. Mặc dù vậy, cảnh sát không chịu đầu hàng. Ngày 5 tháng 3 Lansky bay đến Miami Beach. Trên sân bay International Airport hải quan kiểm tra tất cả các vali của y. Người ta tìm bạch phiến, nhưng chỉ thấy có thuốc Donatal mua theo giấy bác sĩ. Mặc dù vài ngày sau Lansky có bị bắt và bị còng tay giải đến tòa, nhưng y lại được trả tự do vì thiếu bằng chứng.

Từ những năm 50, các thám tử FBI đã cố gắng làm sáng tỏ cuộc sống bí ẩn và các tội trạng của bố già Mafia, nhưng không kết quả. Thế là họ chuyển hướng điều tra. Họ tìm hiểu hoàn cảnh Lansky được công nhận quốc tịch Hoa Kỳ. Một chi tiết bị phát hiện. Trong đơn xin nhập quốc tịch. Lansky đã im năm lần y bị buộc tội vật và bao giờ cũng được nhanh chóng trả lại tự do. Y tham gia chiến tranh các băng trên đường phố. Ngày 9-3-1928, y bị tố giác có mưu đồ giết người.

John Barrett tố cáo y hành hung trong một dạ tiệc. Daniel Francis Ahearn bị một tay súng lạ mặt bắn bị thương, còn Barrett thì được mời đi “dạo” rồi đưa thẳng đến nhà thương. Bạn hữu của Ahearn là Peter Bender khẳng định

rằng chính Siegel và Lansky bắn. Vài ngày sau, Bender biến mất , không để lại dấu vết gì. Ngày 9 tháng 3, Lansky bị buộc tội mưu sát nhưng nhân chứng quan trọng John Barrett đã từ chối làm chứng. Người ta không tìm thấy xác Bender, vì thế phiên tòa xử Lansky phải bị bãi bỏ.

Sau chiến tranh thế giới, Lansky lại ra tòa vì tội hành nghề cờ bạc trong câu lạc bộ “La Bohème”. Nhưng luật sư bào chữa đã chứng minh được rằng công ty này là của em Lansky, Jake Lansky. Meyer được thả, còn Jake bị phạt 1.000 dollar, nhưng sau đó người ta cũng tha không phạt nữa. Năm 1952, Lansky chịu án tù nghiêm trọng nhất. Người ta buộc tội y cùng với Joe Stacher cũng vì chuyện cờ bạc ở quán Arawhead Inn thuộc liên hiệp lọc dầu Saratogy. Stacher bị phạt 10 nghìn dollar và một năm tù treo, còn Lansky thì phải khăn gói vào tù. Ngày 21-7-1953, y ra tù và chuyển đến Florida.

Từ năm 1950, các thanh tra thuế đã cố gắng lật tẩy sự trốn thuế của Lansky. Joseph D. Delfino kiểm tra tài khoản của Lansky trong nhà băng Manufactures Trust Bank ở New York và phát hiện các khoản nhập và phát rất lớn. Meyer Lansky giải thích rằng đó là các khoản tiền thắng bạc hoặc tiền thưởng cho những người môi giới. Y không lưu lại chứng từ. Người ta tính thuế, Lansky trả tiền và mọi chuyện lại đầu vào đấy.

Nhiều biện pháp, thậm chí cả nghe lén điện thoại, được áp dụng để thu thập bằng chứng chống Lansky, song cuối cùng, người ta chỉ được biết rằng anh em Jerry và Gene Cateno có thu nhập cao nhất, tiếp đến là Meyer Lansky, 150.000 dollar mỗi tháng. Thực tế thu nhập của Lansky còn cao hơn nhiều. Tôi có dịp nghiên cứu một số tài liệu của FBI, kể cả “Memoranda FBI - Meyer Lansky” do ủy viên chính phủ và trưởng phòng điều tra 18 trực thuộc Bộ tư pháp Robert J. Campbell lập nên. Cả tập hồ sơ dày cộp này cũng không có gì nhiều hơn những điều chúng ta đã biết về cuộc sống và hoạt động của bố già Mafia. Rõ ràng là pháp luật bất lực hoặc là thế lực Lansky quá mạnh, y biết hồi lộ đúng chỗ và kịp thời, cho nên ra

tòa bao giờ y cũng là người chiến thắng. Mặc dù vậy, y biết chắc rằng các thám tử FBI và Văn phòng ma túy sẽ không buông tha y, rằng các thanh tra thuế đang rình chờ cơ hội chộp y. Y quyết định rút lui. Lansky bay đến Israel.

Tại sao lại đến Israel? Theo luật từ năm 1950, bất cứ ai có mẹ là người Do Thái đều được phép đến Israel và nhập quốc tịch ở đó. Nhưng năm 1962, có sự thay đổi các điều kiện nhập quốc tịch. Dr. Robert Soblen, một điệp viên đáng ngờ, quan tâm đến dollar hơn là hoạt động tình báo, bị kết án ở Mỹ, song chạy thoát được về Tel Aviv. Theo luật hiện hành, Soblen tự nhiên trở thành công dân Israel, bởi vì y là người Do Thái và sinh ra trong gia đình Do Thái. Nhưng bộ trưởng tư pháp hồi ấy là Robert Kennedy đã gửi công hàm cho Thủ tướng Israel, David Ben Guion, yêu cầu nộp ngay điệp viên đã bị xử án. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cũng trao cho đại sứ Israel ở Washington đề nghị của chính phủ Mỹ.

Quan hệ Israel - Mỹ là quan hệ của chực hầu đối với chính quốc. Israel đang vũ trang, trang bị của quân đội Israel phụ thuộc vào sự cung cấp vũ khí của Mỹ, cho nên chính phủ Israel phải chịu khuất phục. Soblen ở lại Tel Aviv chỉ có ba ngày. Sau đó y được một điệp viên FBI hộ tống lên máy bay đến Hoa Kỳ. Khi các chiêu đãi viên phục vụ bữa tối và mọi người đang chăm chú ăn. Soblen lén giấu được dao ăn. Y quấn mình trong chăn giả vờ ngủ và cắt mạch máu ở cổ tay. Tuyến bay từ Tel Aviv đến New York có trạm dừng ở Luân Đôn. ở sân bay Heathrow, người ta khiêng Soblen lên xe cứu thương và chở đến bệnh viện, ở đó Soblen trút hơi thở cuối cùng. Dự luận Do Thái lên án hành động bất hợp pháp của chính phủ Israel và quốc hội quyết định sửa đổi luật nhập quốc tịch. Chỉ có người Do Thái trong sạch không tiền án mới được nhập quốc tịch Israel. Sự sửa đổi pháp luật này đã đảo lộn một cách tai hại ý đồ của Lansky.

Lansky có thừa bạn bè và quen biết thế lực dọn đường cho y đến Israel. Ở Tel Aviv, trước hết phải kể đến Joe “Doc” Stacher, một gangster không

chỉ rất giàu mà còn có cả thế lực. Khi Lansky gọi điện cho y biết ý định của mình, Stacher nhiệt tình ủng hộ, Lansky cũng không đến với hai bàn tay trắng. Ngoài khoản tiền lớn đã chuyển sang nhà băng Israel, y còn có công lao với chính phủ Israel.

Jehuda Arazi là điệp viên của cơ quan tình báo Israel Mossad. Năm 1948, Arazi đến New York với nhiệm vụ bí mật thúc đẩy việc vận chuyển hàng hóa quân sự và vũ khí cho quân đội Israel. Arazi có kinh nghiệm lâu năm trong nghề. Trước đây, Arazi đi khắp thế giới mua vũ khí cho các du kích quân chiến đấu chống lại ách đô hộ Anh ở Palestin. Đầu tháng 6 năm 1948 viên tình báo chuyển đến khách sạn Fourteen (Mười bốn) trên phố 60 dưới tên giả Albert Miller. Một hôm Arazi gọi điện cho Meyer Lansky.

- Tôi muốn gặp ông càng sớm càng tốt, Arazi nói.
- Khi nào?
- Hôm nay. Ở câu lạc bộ Copabana.

Meyer Lansky cười thầm. Cái quán này y quen thuộc như lòng bàn tay. Thế giới ngầm New York tụ họp ở đây và không ít hành động làm phẫn nộ dư luận đã ra đời ở trong quán bar này. Trước kia, Frank Costello, Bugsy Siegel, sếp Murder Inc Joe Adonis và cả bố già của các bố già Lucky Luciano cũng thường đến đây, kẻ thì chỉ để giải trí, người thì chờ cơ hội làm ăn. Arazi phải nắm vững tình hình Mafia khi y chọn chính dạ quán này làm địa điểm gặp gỡ. Meyer Lansky còn chưa biết rằng tình báo Israel đã đặt tổ chức thu mua bí mật của mình ở ngay trong khách sạn Fourteen.

- Có việc gì vậy? - Lansky hỏi, khi họ ngồi xuống chiếc bàn nhỏ được chiếu sáng bởi ngọn đèn bàn đỏ.
- Về việc giao hàng Mỹ, - Albert Miller, tức Arazi, trả lời.
- Tôi không có gì liên quan đến vấn đề này.

– Tôi không nói về hàng cho Israel mà về vũ khí Hoa Kỳ bán cho Ai Cập. Quân đội chúng ta tuy ít người nhưng đang anh dũng chiến đấu ở vùng Gary và trên bán đảo Sinai chống lại người Ai Cập, vũ khí của họ được mua tại Mỹ và chở đi từ cảng New York.

– Theo tôi biết thì việc vận chuyển vũ khí đến vùng Cận đông bị cấm - Lansky phản đối.

– Thì bởi. Nhưng quân đội Ai Cập nhận được mọi thứ. Họ đưa được tất cả qua biên giới.

– Được rồi, nhưng thưa ngài Miller, tôi thì có liên quan gì đến việc này? Chắc ông biết rõ rằng tôi không quan tâm đến các buôn bán kiểu này. Tôi cũng không hiểu chúng nữa.

– Nếu ông muốn giúp chúng tôi và theo một người bạn của tôi nói thì ông muốn, tôi sẽ cho ông địa chỉ một người Mỹ. Người này sống ở Pittsburgh và cung cấp cho người Ả Rập một số lượng lớn vũ khí.

– Để làm gì? - Lansky hỏi.

– Tôi không biết cụ thể phải làm gì, nhưng tôi biết Mafia không kiểm soát vùng cảng New York. Tôi cũng được thông tin chút ít về sự hợp tác của Mafia với tình báo hải quân Hoa Kỳ trong chiến tranh thế giới thứ hai. Tôi biết các ông đã làm gì để góp phần tiêu diệt chủ nghĩa phát xít. Nhưng tôi cần các ông giúp cả chúng tôi. Chắc chắn các ông sẽ không khó khăn gì trong việc xác minh lô hàng nào trong kho ở Manhattan là của Ai Cập. Lên tàu khác đi đến Haifa chứ không phải Alexandrie [98]. Ông có thể giúp chúng tôi việc này không, thưa ông Lansky? Chính phủ Israel sẽ không quên ông.

Lansky đi gặp Adonis, Anastasia và thế là nhiều container hàng thay đổi người nhận. Vũ khí và đạn dược được chở đến cảng Haifa ngày một nhiều, công nhân cảng New York đã ưu tiên xếp lên tàu các hòm vũ khí do các

điệp viên Israel mua trong các cửa hàng ở Mỹ, Meyer Lansky có công lớn đối với chính phủ Israel và y tin chắc rằng sẽ được đền đáp xứng đáng.

Vài năm trước đây, Joseph Stacher cũng có những vấn đề tương tự như Lansky. Trước nguy cơ bị kết án tù nhiều năm vì tội trốn thuế. Stacher nộp thuế, hối lộ những khoản đáng kể và được phép đến ở Israel. Y mua biệt thự ở thành phố nghỉ mát Casarea, thuê dài hạn apartment trong khách sạn Sheraton ở Tel Aviv, y có thừa tiền để xài sang và bây giờ y có cả ảnh hưởng đáng kể. Các nhà báo viết rằng Mafia Hoa Kỳ chuyển đến Israel, rằng chi nhánh Mafia Israel được thành lập tại Tel Aviv. Theo tên gọi Sicilie “Cose Nostra” [99], xuất hiện cái tên “Kosher Nostra” [100].

Buổi đầu Mafia ở Israel được đánh dấu bởi một vụ bê bối. Đó là thời gian Joseph Stacher may mắn thoát khỏi vòng cương tỏa của pháp luật Hoa Kỳ và bắt đầu nghĩ đến việc xin nhập quốc tịch Israel. Những người Do Thái bình thường đến Israel được tự động công nhận quốc tịch Israel và chỉ sau vài tháng là có giấy tờ. Nhưng Stacher là gangster. Mọi người đều biết điều đó, các nhà báo chộp mọi cơ hội để viết về y. Cho nên Stacher cần một người lo chạy giải quyết đơn xin nhập quốc tịch của y.

Người được Stacher chọn mặt gửi vàng tên là Menachem Porush, là người thuộc nhóm Do Thái chính thống, dân biểu đảng cực hữu Agudat Israel. Họ làm quen với nhau năm 1966, khi bạn bè của ca sĩ Frank Sinatra yêu cầu Porush giúp đỡ. Porush với bộ râu rậm trông giống như thầy bói thời trung cổ, nhưng lão rất thành thạo công việc của mình và bất chấp các quan điểm của tập quán bảo thủ, lão biết cách xoay xở làm ăn. Năm nào lão cũng đi khắp Hoa Kỳ quyên tiền các nhà giàu Do Thái để ủng hộ Israel. Frank Sinatra là một trong những người đóng góp đều đặn. Bởi vậy, Porush không nghĩ ngại gì lâu và hứa giúp Stacher.

Nhưng cả ở Israel, hay có lẽ chính tại đó, không có gì mà không phải bỏ tiền ra cả. Dân biểu Porush dẫn bố già Mafia đến vùng ngoại ô nghèo Mea Shearin. Ở đó những người Do Thái chính thống sống trong các túp lều,

những người này tặng bốc bố già Mafia lên chín tầng mây, khi y mua tặng họ vài tủ lạnh, tivi và radio. Đây không phải một hành động từ thiện vô tư. Porush và Stacher biết rõ việc họ làm, cơ quan quyết định việc nhập quốc tịch là bộ nội vụ nằm hoàn toàn trong tay những người Do Thái cực bảo thủ này.

Chưa đủ, Porush gợi ý Stacher góp tiền xây dựng nhà ở cho các gia đình Do Thái chính thống mới, và “bố già” Mafia phải ngậm đắng nuốt cay xì ra 100.000 dollar. Song Porush không chỉ là một người Do Thái sùng đạo và dân biểu quốc hội, lão còn là một tay kinh doanh thành công. Thế là lão lấy số tiền hối lộ đó đầu tư xây dựng khách sạn Merkaz ở Jerusalem. Chứng từ 100.000 dollar được xác lập ở Lichtenstein, nơi dân biểu Porush sở hữu hãng Nachalat Israel Trust. Chính chi tiết này đã gây phương hại cho lão.

Joseph Stacher đạt được điều y muốn, được nhập quốc tịch Israel, nhận hộ chiếu đi lại. Từ lúc đó, y làm như không biết dân biểu Porush. Y đòi Porush trả lại tiền, buộc tội lão không trả lãi, vụ việc xé to đến mức phải ra tòa và các nhà báo có thêm một vụ giật gân cho độc giả của mình. Hai bạn hàng khi xưa nay đã kích nhau. Thật là nhục nhã, Joe Stacher thắng kiện và Porush phải trả lại số tiền hối lộ. Vụ án đã lật tẩy thực chất Mafia Israel và luật sư bào chữa của Porush hoàn toàn đúng khi ông ta khẳng định rằng Stacher là một tội phạm nguy hiểm. Ở Israel, Stacher vẫn là thành viên Mafia.

Stacher có hai tình nhân, một là sinh viên khoa luật Dolly Gurevitz và người thứ hai là thư ký Helena Cole. Cả hai đều tôn thờ y và được y chăm lo chu đáo. Sau này Helena Cole kể lại rằng Joe là người bạn đường tốt, lúc nào cũng vui vẻ không thể cưỡng lại được

– Khi Frank Sinatra đến Israel, - Helena Cole nói, tôi cùng Joe đi xem anh ta biểu diễn ở Jerusalem. Sau đó chúng tôi và anh ta đi ăn tối với nhau. Thoáng nhìn cũng đủ biết Joe và Sinatra là bạn cố tri. Joe nói với tôi rằng Frank cũng như thể anh trai của anh vậy.

Dolly Gurevitz cũng rất yêu ông chủ già, thích cùng y đi hội hè. Đây là cuộc sống nguy hiểm và cũng lộ liễu nữa. Joe lúc nào cũng gây chú ý bất lợi bằng các áp phe tài chính và làm cho dư luận Israel tin rằng Kosher Noshers không phải là huyền thoại mà là sự thật.

Meyer Lansky đến Israel trong tình hình như vậy. Y tin tưởng vào sự giúp đỡ của ông bạn già. Nhưng y đã chọn nhầm, ở Bộ Nội vụ người ta đang vò đầu bứt tai vì lỡ duyệt đơn xin nhập quốc tịch của Stacher thì Lansky đến nộp đơn và thế là họ có trên bàn trường hợp thứ hai tương tự. Mọi người lắc đầu và chờ.

Trong khi đó, New York buộc tội Lansky trốn thuế các sòng bạc ở Las Vegas tổng cộng 32 triệu dollar. Ngày 18-5-1971, Lansky nhận được thư của sứ quán Mỹ ở Tel Aviv thông báo hộ chiếu của y đã hết hạn và sẽ không được gia hạn. Meyer Lansky có các quen biết thế lực và thế là vài ngày sau bộ trưởng Bộ Nội vụ Israel Josel Burg bay đến Washington để nói giúp Lansky.

Nhưng phía Mỹ hoàn toàn không muốn đàm phán, Bộ trưởng Burg được cung cấp các tài liệu đủ để biết Meyer Lansky là người như thế nào. Trước hết là sự hợp tác cực kỳ bí mật giữa Tibor Tosenbaum và Lansky bị tiết lộ, và điều này làm ngài bộ trưởng giật mình. Sự liên minh này có thể làm mất uy tín ban lãnh đạo Israel, bởi vì Tibor Rosenbaum giữ vai trò quan trọng trong việc mua vũ khí phi pháp trong khi y là đại diện cho Bộ Quốc phòng Israel ở Genève. Trước đây Rosenbaum giữ chức giám đốc chi nhánh Genève về dân di cư đến Israel, thậm chí cả hộ chiếu ngoại giao. Sau khi thôi chức, y được Tổng thống Liberia cử làm lãnh sự tại trụ sở Liên Hợp Quốc ở Genève. Thế là Tibor Rosenbaum có thể tiếp tục phục vụ Mafia Hoa Kỳ và Meyer Lansky nói riêng.

Nhưng sự hợp tác êm thấm không kéo dài được lâu. Năm 1967, các nhà báo phát hiện các trò biến lận tài chính. Chi tiết cụ thể được tạp chí Life (Đời sống) đăng tải. Dư luận được biết về sự hợp tác của các quan chức

Israel với Mafia Hoa Kỳ. Khi Meyer Lansky đệ đơn xin nhập quốc tịch Israel, những vụ việc trên có ảnh hưởng không lợi cho y.

Cả những món quà bằng tiền đáng kể cũng không giúp được Lansky. Y đóng góp một khoản tiền lớn xây dựng trường đại học tổng hợp Brandeis, 300.000 đồng bằng Israel cho tổ chức Ilan của trẻ chậm phát triển góp phần xây dựng nhà thờ ở Jerusalem và bệnh viện Tel Hashomerr. Y đã vớt tiền qua cửa sổ. Bộ trưởng tư pháp Jakow Shimshon Shapira phản đối việc công nhận quốc tịch cho Lansky, còn nữ Thủ tướng Golda Meir nhường quyền quyết định cho tòa án. Vụ việc được nói tới nhiều và bị đưa cả lên báo chí quốc tế. Mọi người chờ xem chính phủ Israel xử sự thế nào. Nó sẽ vâng lời hay dám bỏ ngoài tai lời khuyên của ông bạn lớn USA? Từ các chương trước, chúng ta đã biết kết cục việc này. Song cũng cần tìm hiểu các phương pháp, phương tiện và cả những nhân vật thế lực mà bố già Mafia huy động xung trận.

Người đầu tiên ủng hộ Lansky là triệu phú nhiều lần Sam Rothberg. Lão phát lên nhờ nấu rượu Whisky trong thời gian cấm rượu, là người của Mafia, hay ít ra cũng hợp tác với Mafia. Lão có ảnh hưởng lớn, bởi vì nhiều hàng công nghiệp Israel phụ thuộc vào sự tham gia tài chính của lão. Lão năn nỉ, dọa dẫm, nhưng cũng không có chuyển biến gì. Ở Tel Aviv, người ta không muốn dư luận biết về sự tồn tại của Mafia Israel và sự tham dự của nó trong thương mại Israel. Cái ô rất mạnh thứ hai của Lansky là Louis H. Boyar, một thương gia ở San Francisco. Ông ta có cơ sở đặc biệt để có thể thành công: Boyar là bạn cố tri của thủ tướng Golda Meir.

Boyar là cổ đông lớn nhất của hãng Israel Investors Corporation, là phó chủ tịch hội “những người bạn Mỹ của trường tổng hợp Hebrej” và là ủy viên hội đồng nhà trường, đóng góp nửa triệu dollar xây dựng phòng thí nghiệm nhà trường. Ông ta còn là chủ tịch ủy ban giám sát của tổ chức lớn và thế lực “Israel Bond Organisation” và một trường trung học ở Jerusalem, Mac Boyar High School, mang tên người vợ quá cố của ông ta. Nhận được

điện của bạn hàng Rothberg yêu cầu giúp Lansky, Boyar lập tức lên máy bay đến Tel Aviv.

Ở Jerusalem, trong khu phố Bet Hakerem có một nhà hàng nhỏ nhưng nổi tiếng “Goulash”. Không phải ai cũng có thể vào đây. Thực khách phải được đích thân giám đốc nhà hàng mời. Louis Boyar ngồi chờ trong vườn nhỏ, núp dưới bóng các cây ô liu cổ thụ. Sau đó, chiếc xe limousine của Thủ tướng Golda Meir dừng trước nhà hàng. Các nhân viên an ninh kiểm soát từng xó xỉnh nhà hàng, đứng gác xung quanh rào và sau đó vệ sĩ của Meir nhận lệnh hộ tống Thủ tướng đi vào.

Họ ngồi đơn độc bên chiếc bàn nhỏ. Họ ăn uống và ôn lại những kỷ niệm cũ. Họ nói chuyện thoải mái, tình bạn cũ làm họ xích lại gần nhau, cả hai trước đây vài năm đều bắt đầu từ hai bàn tay trắng, Boyar ở lại Hoa Kỳ, theo đuổi kinh doanh và trở nên giàu có. Golda Meir về Israel và trở thành một trong số ít phụ nữ được cả thế giới nhắc đến, hoặc khâm phục hoặc lên án. Boyar thường xuyên đến Tel Aviv và không khi nào quên viếng thăm người bạn gái thời trai trẻ. Bà Thủ tướng trăm công ngàn việc lúc nào cũng dành thời gian, dù chỉ rất ngắn, để gặp bạn xưa Lou. Trong một lần gặp nhau sau khi vợ Boyar chết, ông ta có ướm lời cầu hôn Golda Meir. Meir rất cảm động và kiêu hãnh với đề nghị đó, song bà ta từ chối. Bà ta đã một lần có chồng, khi mới 19 xuân, và đã quyết định đó là lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng.

– Bờ phải biết cuộc sống lúc bấy giờ thế nào chứ. Golda, - Boyar cố gắng thuyết phục bà bạn Thủ tướng.

– Ở Mỹ có cả đồng dân Do Thái nghèo và tất cả đều muốn sống. Tôi biết Meyer Lansky không phải thần thánh gì, nhưng tôi tin ông ta không bao giờ chủ tâm làm hại Israel đâu.

Boyar năn nỉ, thuyết phục, hứa hẹn nhưng thấy đều vô ích. Tình bạn cũ không giúp được gì. Golda Meir giải thích rằng những kỷ niệm xao xuyến

cũ không có ý nghĩa gì, đây là vấn đề chính trị cần được quyết định trên bình diện chính trị. Mọi sự thiên vị đều không đúng chỗ. Tòa án sẽ quyết định việc công nhận quốc tịch. Các nhà báo Einsenberg, Dan và Landa trong tiểu sử Lansky đã nhận xét rằng cuộc đối thoại không phải hoàn toàn vô ích, Meyer Lansky không phải ngay lập tức rời Israel, ít ra y có thể chờ kết quả tòa án và cũng có thể tác động đến nó. Louis Boyar không quen rút lui. Khi không thuyết phục được Golda Meir, ông ta đến gặp bộ trưởng nội vụ Burg và thuyết phục ông ta thay đổi quan điểm. Ở đây Boyar cũng không thành công.

Tháng 9-1972, tòa án tối cao Tel Aviv quyết định bác bỏ đơn xin nhập quốc tịch của Lansky. Lansky đã cố gắng giải thích cho các ký giả nỗi oan ức của mình, rằng trong quá khứ, y cống hiến bao nhiêu cho đất nước Israel mà nay người ta trả ơn như thế đó. Vô ích. Trên bàn cân không phải chỉ có quyền lợi của Mafia.

Tháng 7-1967, bất chấp sự phản đối của dư luận và chính khách tên tuổi, trong đó có Tổng thống Pháp de Gaulle, quân đội Israel đã tấn công các nước Ả Rập láng giềng và chiếm đoạt một vùng đất rộng gấp ba lãnh thổ Israel. Sự xâm lược này đã gây nên làn sóng phản nộ trên toàn thế giới và dẫn Tổng thống Pháp đến quyết định ngừng bán hàng quân sự cho Israel. 50 máy bay phản lực chiến đấu kiểu Mirage sản xuất theo đơn đặt hàng của Israel nằm lại Pháp và quân đội Israel chỉ còn trông chờ vào các máy bay “Con ma” của Mỹ. Chính phủ Israel không thể làm méch lòng Hoa Kỳ, vì vậy Tel Aviv phải nghe lời Washington và trục xuất Meyer Lansky.

Bố già bay khỏi, song Mafia ở lại. Nó tồn tại ở Israel đến ngày nay và ngày càng có ảnh hưởng lớn hơn. Meyer Lansky phải ra trước tòa án Mỹ nhưng được trắng án vì thiếu bằng chứng. Và thế là Mafia lại một lần nữa qua mặt công lý.

“BỐ GIÀ” MAFIA VÀ CÁC CHỦ NHÀ BĂNG VATICAN

Họ xả hơi đến hai giờ khuya. Sau đó họ quay về apartment đợi ở khách sạn Palace. Họ đang vui vẻ nên tài xế taxi được một khoản puốc boa quá mức tưởng tượng và bác thường trực được họ mời một chiếc bánh kem loại một, không dưới năm dollar.

Họ cởi áo vét, tháo cravat, cởi giày. Người cao lớn trẻ và gầy hơn đổ rượu Whisky Chivas Regal ra tay.

– Có phải bia đâu? - người nhiều tuổi hơn mỉm cười ngạc nhiên hỏi.

– Whisky là thứ nước đa năng. Đặc biệt loại Chivas Regal cất cách đây 5 năm. Thứ này bác sĩ cho phép xài cả vào những ngày ăn chay.

Một cú áp phe, mà có lẽ ngay cả đại bố già Mafia cũng chỉ gặp một lần trong đời đang chờ họ, Lucky Luciano không dám mơ tới một cơ hội như vậy, còn Vito Genovese thì không thể tưởng tượng ra một mảnh siêu đến thế. Người kế vị chúng là Matteo di Lorenzo, biệt hiệu “bác Matty”, đang có cơ hội trong tầm tay. Y uống cạn cốc, nhắm nháp miệng và bằng một cử chỉ điệu bộ đặt cốc xuống bàn.

– Những một tỉ dollar. Winnie! - y sung sướng như thể đang cầm các xấp bạc trong tay.

– Không đúng, bác Matty. Bác đừng có phóng đại. Chính xác là 950 triệu.

– Thôi mà. Winnie! - bố già di Lorenzo cười. - Cũng du di 50 triệu chứ.

Y cúi xuống rót rượu và châm thuốc, sau đó nhìn lên trần nhà và như thể đọc những tên gọi trong ánh lấp lánh của chiếc đèn chùm phalê, y chậm

rãi nói:

– Occidental Petroleum Corporation, Pan American World Airways, American Telephone and Telegraph Company...

– Bác đừng quên General Electric Corporation, National Aviation, Unishops, California Computer Corporation, Coca Cola Bottling, tóm lại là tất cả những gì tên tuổi, những gì đó có giá. Nhưng, thưa bác Matty ai đã đưa quả này cho bác? Winnie!

Gã trẻ hơn đứng dậy, nhảy lên xiêu vẹo sau mười cốc rượu trắng bavor và hai ly Whisky, gã vỗ ngực kêu to như kẻ truyền đạo.

– Nếu bác không biết, bác Matty, thì hãy nghe đây. Winnie là cả kho báu. Winnie kiếm cho bác bạch phiến, súng lục, bazoka và thuốc nổ đủ loại, xe tăng ca nông và con ma, tên lửa điều khiển, tất cả đều do một tay Winnie lo liệu, và dollar giả, cổ phần giả, giấy quý giả, bác muốn bao nhiêu cũng có. Đây, chỉ để bác biết, bác đã chọn một người đồng sự như thế nào thưa sếp.

Winnie trẻ hơn, khoảng 48 tuổi, có tên Ý là Wincent Rizzo và gã cũng có điệu bộ như dân Ý. Rizzo mặc đồ mới mới nhất, may ở nhà may mới nhất, gã chỉ đeo có một chiếc nhẫn duy nhất, cố gắng nhũn nhặn như một viên chức bình thường. Mới thấy gã không ai nghĩ đây là một gangster ranh ma quỷ quyệt, từ nhỏ đã là thành viên Mafia New York, thuộc hạ của bố già di Lorenzo. Gã lớn lên trên đường phố Lower East Side ở New York và thành thực nghề gangster vào loại số một.

Bây giờ gã ngồi trên xa lông đệm trong apartment sang nhất của khách sạn Palace ở Muenchen [101], vươn vai dạng căng trước sếp và nghĩ rằng trên đời không ai hơn gã. Rizzo không may may biết rằng ở phòng bên cạnh, vài cảnh sát Muenchen và hai thám tử từ New York đang nghe và ghi âm từng lời ba hoa của gã, bởi vì các phương tiện nghe lén đã được cài đặt

giữa các lá pha lê lấp lánh của chiếc đèn chùm Czech từ hôm trước. Cảnh sát Muenchen được thanh tra cảnh sát Joe Coffey từ New York thông báo về hai tên Mafia ranh ma đang chuẩn bị một cú hattrick [102] trong đời. Khác với các đồng nghiệp Đức, Coffey đã theo dõi hai thầy tớ Mafia từ lâu và biết rõ địch thủ của mình. Giờ đây Coffey đang chăm chú nghe trong tư thế nửa ngồi nửa nằm, còn hai tên Mafia thì chắc chắn rằng không ai biết chúng đang mưu đồ gì.

Mafia thay đổi và các bố già cũng thay đổi. Trong những năm 70 và 80, nó không còn là “Hội những kẻ giết người chuyên nghiệp” mà là một trust quốc tế tổ chức cao với doanh thu hàng năm 120 tỉ dollar và có lĩnh vực kinh doanh rộng lớn. Các trò chơi sát phạt trong các casino trên toàn thế giới, buôn bán ma túy ngày một phát triển, mua bán các cổ phiếu giả và ăn trộm, đó là các lĩnh vực kinh doanh chính của tổ chức tội ác, có trụ sở ở khắp nơi trên thế giới. Các siêu Monopole thế giới, các ngân hàng quốc tế, các con xóc tư bản, các hiệp hội công nghiệp chiến tranh, cả thầy đều thay đổi chiến thuật và cả phương tiện. Để thu được lợi nhuận cao nhất, các chủ tịch những hiệp hội thế giới này không từ bất kỳ thủ đoạn nào. Mafia có thể thích ứng dễ dàng với luật chơi mới. Các con bạc ở đây ăn thua những món tiền khổng lồ và nhiều khi cả tính mạng đối phương hay kẻ cạnh tranh.

Bộ máy cảnh sát Hoa Kỳ, những binh đoàn đặc biệt chống Mafia và các thám tử FBI chiến đấu trên các mặt trận chống “chính phủ vô hình USA”. Hơn 150 thám tử tinh nhuệ chui được vào các tổ chức tội phạm, nhiều người khác theo dõi các đường dây bí mật buôn lậu ma túy, hàng năm thanh tra cảnh sát truy nã các gangster tình nghi và cố gắng bắt quả tang chúng. Trong nhiều trường hợp họ thành công, những kẻ phạm tội phải ra tòa và vào tù. Song nhiều dấu vết biến mất trong cát bụi, cảnh sát bất lực vì không có đủ các bằng chứng thuyết phục. Có khi cảnh sát chỉ tóm được những con cá nhỏ chưa từng nhìn thấy chỉ huy của mình ở trong thâm cung. Và cứ thế, các ngài ăn mặc bánh bao như Rizzo hay di Lorenzo tổ chức các chiến dịch phi pháp lớn của chúng, hôm nay ở Muenchen hay Los Angeles, ngày mai ở

Viên, London, Rome hay Buenos Aires. Thật không dễ gì theo dõi các chuyến “công vụ” của chúng qua các thủ đô trên thế giới để bắt quả tang chúng phạm pháp.

“Chiến dịch Gretchen” bắt đầu trong ngày lễ Noel ở New York, cùng một lúc trong dinh tổng ủy viên công tố và trong tổng hành dinh của binh đoàn đặc biệt chống tổ chức tội ác ở phố Leonard Street vùng Manhattan.

Chỉ huy chiến dịch là Ủy viên công tố Frank Hogan, các phó sếp là Gerard Hinckley, William Aronwald và Paul Vitrano, sếp binh đoàn đặc biệt, song người đóng vai chính trong chiến dịch lại là chàng thanh tra trẻ và tài ba Joseph Coffey, biệt hiệu Joe.

Coffey làm việc ở đây đã bốn năm và thuộc vào loại thám tử có năng lực nhất. Anh có trí nhớ tuyệt vời và khả năng phối hợp của kiện tướng cờ quốc tế, việc gì đã bắt tay vào, anh kiên gan làm đến cùng mới thôi. Coffey cao 193 cm, có khuôn mặt giống người Ailen và thân hình vận động viên điền kinh. Trẻ tuổi nhưng anh đã có kinh nghiệm phong phú. Anh nổi tiếng trong các đợt truy nã những tên khủng bố Cuba chống Castro, những tên giết thuê Mafia và các con buôn ma túy. Hơn nữa, anh thuộc loại người không bao giờ ăn hối lộ.

New York. Trời mưa dầm dề từ sáng sớm. Thanh tra Coffey cùng Anthony Saranier đi tuần tra trong chiếc civic. Ở phố 12 có dạ quán Columbia Vivic League Club, cảnh sát biết rằng trên vùng đất trung lập này, các bố già của năm gia đình Mafia New York thường gặp nhau để giải quyết bất đồng hay phối hợp kế hoạch. Các chiến dịch sắp tới của Mafia Hoa Kỳ được thảo luận trong các bữa ăn tối ở đây.

Coffey dừng xe phía bên kia phố và quan sát cửa ra vào. Trên vỉa hè xuất hiện một người đàn ông mặc áo măng tô màu be cổ đứng. Coffey huých khẽ cùi tay vào đồng nghiệp.

– Rizzo - anh nói khẽ.

Vincent Joseph Rizzo là con cá lớn. Thanh tra Coffey biết rằng gã đến Columbia Vivic League Club không phải vì ở nhà gã không còn gì ăn. Họ chờ và theo dõi gã. Gã đi thêm một phố, bước vào một hiệu tạp hóa và đi đến buồng điện thoại. Coffey liền cho đồng nghiệp Saranier đi theo Rizzo và khi Rizzo bắt đầu quay số thì Saranier cũng đã ở trong buồng điện thoại bên cạnh. Cảnh sát được luyện tập nghe đoán số điện thoại. Sau này họ xác định rằng Rizzo gọi đến quán cà phê ở đại lộ A, số 201, quán này là của gã và gã sống ở đó, trên tầng hai. Đây là dấu vết mà cảnh sát có thể lần theo. Con cá lớn Mafia đặt dưới sự giám sát của cảnh sát.

Thanh tra Coffey lớn lên ở New York, anh biết quá rõ sân chơi, nơi đã từ lâu diễn ra trận đấu giữa những người bảo vệ pháp luật và những tên tội phạm. Anh nhập vào cách suy nghĩ của chúng, biết rằng những thói quen, ưu điểm cũng như yếu điểm của chúng, bởi vì chính bố anh, chỉ thiếu chút nữa là trở thành một người trong bọn chúng.

Joe Coffey bố lớn lên trên bãi rác tội ác trong khu phố ổ chuột Lower East Side ở New York. Người bạn nổi khối của ông là Eddie Mc Grath sau này trở thành sếp băng Ailen. Ông quen biết với Meyer Lansky và cả với Lucky Luciano. Trong thời kỳ cấm rượu, ông lái xe chở rượu lậu cho Dutch Schultz. Năm 1938, khi con trai ông là Joseph ra đời, ông là thành viên Teamster Union và có thể được trả lương hậu dưới trướng tên giết người khét tiếng John “Cockey” Dunn, sau này bị xử tử trên ghế điện. Ông từ chối, Mafia cho người bắn ông. Nhưng ông gặp may vì tay bắn thuê bắn trượt. Tuy nhiên ông bị thương mù mắt và sau này ông nói tránh là do cửa thủy tinh bật phải. Người bố ở lại bên phía luật pháp, con trai được dạy dỗ trong tu viện, làm thợ sửa chữa trong hãng Western Electric, hoàn thành nghĩa vụ quân sự, cưới mối tình đầu Patricie Flynn, sau đó đi thi và được nhận vào cơ quan cảnh sát. Anh trở thành thành viên của đơn vị tinh nhuệ Tactical Patrol Force (Lực lượng tác chiến chiến thuật), hoạt động trong khu

phố bất an ninh nhất New York Bedford-Stuyvesant ở Harlem. Sau đó người ta chuyển anh đến đơn vị ủy viên công tố nổi tiếng và đáng gờm Frank Hogan.

Bedford - Stuyvesant là địa phận của thanh tra Coffey và cả của tên Mafia Vincent Rizzo, và thế là hai đối thủ hoặc sớm hoặc muộn gặp nhau trên đấu trường.

Rizzo cùng bố mẹ không xu dính túi chuyển đến Lower East Side, gã ra đời và hiểu rằng ở Mỹ tiền là tất cả. Vì không biết nghề gì, gã bắt đầu ăn trộm.

Mặc dầu vậy, khác với những tên khác, ban đầu Rizzo cũng cố gắng sống bằng lao động. Gã bán báo, bán thịt, sửa xe, sau đó tình nguyện vào hải quân. Gã hy vọng được chiến đấu trong chiến tranh Triều Tiên, nhưng đơn vị gã lại bị chuyển đến Bắc California, và gã được phân làm giám ngục trong nhà tù quân đội Camp Le June. Ở đây bắt đầu xuất hiện khuynh hướng tội lỗi của gã. Rizzo rất dã man đối với tù nhân, gã hành hạ họ, một người bị gã đánh gần chết. Thế là từ giám ngục, gã trở thành tù nhân và trong tù gã nói năng như người tâm thần. Gã bịa ra các chuyện kỳ quặc, khi thì tự coi là cha cố, lúc thì là thẳng lừa đảo thậm chí có khi còn là nạn nhân của tình báo thù địch. Người ta đưa gã đến bệnh viện tâm thần, ở đó người ta tính hệ số trí tuệ của gã dưới trung bình (58) và phát hiện các dấu hiệu tâm thần. Tháng 9.1952, gã trở lại via hè đại lộ A và bắt đầu bươn chải để có cuộc sống khá hơn bố mẹ xưa kia.

Ban đầu là “lính tốt” của gia đình Mafia di Lorenzo, sau đó thậm chí gã trở thành cộng sự và phó sếp cho di Lorenzo. Nhà Lorenzo có ba anh em: Matteo biệt hiệu “bác Matty”, Gerardo Lorenzo biệt hiệu “Jerry” và Anthony biệt hiệu “Hickey”. Chú út Anthony là sếp hãng Metropolitan Import Truckmens Association, độc quyền cung cấp thực phẩm và nhiên liệu tại sân bay Kennedy ở New York, chú giữa Lorenzo là bạn thân và cộng sự của sếp Teamsters Union Tommy Hoffa. Năm 1971 Lorenzo không

may bị bắt vì tội ăn cắp cổ phần hãng IBM trị giá một triệu dollar, y phải vào nhà giam, song ngồi tù chưa đến một năm. Khi người ta dẫn y đến phòng nha để trám răng, y bỏ chạy mất và từ đó không ai trông thấy y cả. Thế là Rizzo thế chỗ Lorenzo, trở thành một trong những tên cho vay nặng lãi lớn nhất vùng Lower East Side. Gã mua và bán cocain [103], vũ khí và cổ phần giả mạo. Công việc thuận buồm xuôi gió. Gã có nhà đẹp ở phố và dinh thự ở vùng quê, gã đi xe mercedes lộng lẫy nhưng đứng tên một nhân viên của mình. Người ta đồn gã là triệu phú. Có lẽ đúng như vậy, Rizzo cho vay tiền với lãi 8% hàng tuần, như vậy lãi hàng năm vượt quá 400%.

Thanh tra Coffey theo dõi Winnie Rizzo và nhanh chóng xác minh là hàng ngày gã “làm việc” ở quán bia “Jimmys’ Lounge”. Ở đó gã tiếp khách hàng, nhận tiền lãi và gọi điện liên tục, mỗi giờ hơn mười lần. Cảnh sát mật ghi nhận cả những lần gặp gỡ của gã với các nhân vật trọng yếu của Mafia: Bố già Joseph Colombo, Tommy Eboli, Carmine Persico biệt hiệu “Rắn”, Phil Tartaglia và Nicholas Frustachi. Các quan hệ của Rizzo với tổ chức tội ác ở cấp cao nhất càng làm cho thanh tra Coffey tin rằng anh đang lần theo một đầu mối nóng bỏng.

Quán bia “Jimmy’s Lounge” nằm trên đại lộ A. Ở vùng Peter Cooper Village gần đây người ta đang xây cất nhà cửa, trên quảng trường Tompkins thường xuyên có những người làm vườn làm việc. Giờ nghỉ trưa một số công nhân đến “Jimmys’ Lounge” uống bia. Điều này giúp Coffey tiếp cận đối phương. Anh đội mũ có chữ Axxon, mặc quần Jean đã sờn rách, đứt cờ-lê mở-lết vào túi quần, ngang lưng đeo túi da đồ nghề và đi đến quán bia, ngồi gần điện thoại. Ngày đầu tiên, những khách hàng quen thuộc Rizzo soi mói quan sát anh, ngày hôm sau, họ chỉ nhìn một cái gọi là và vài ngày sau, chẳng ai còn để ý đến anh nữa. Coffey lúc nào cũng tỉnh táo và lắng nghe. Anh nghe được vài đoạn đàm thoại, tuy không rõ ý nghĩa nhưng cũng là manh mối tin rằng Rizzo là một tên Mafia rất hoạt bát, có quan hệ làm ăn rộng và được các bố già tin tưởng. Cần phải thu được bằng chứng.

Coffey quyết định đề nghị sếp cho phép nghe lén điện thoại ở quán Jimmy's Lounge. Chánh án Harold Birns đọc báo cáo và chuẩn y đề nghị. Thế là một xe camion chở bàn ghế giường tủ và các hòm đen đựng máy móc nghe lén đến một kho gần đó. Trưa 8 tháng 2, các kỹ thuật viên bắt đầu ghi âm các cú đàm thoại của Rizzo.

Cocain, bạch phiến, marihuana [104], bạc giả, cổ phiếu đen, hăm dọa con nợ và hàng đống những tên quen thuộc. Isadore Marion có ở Las Vegas một hiệu tóc sang trọng nhất. Theo các đàm thoại với Rizzo thì tên này tham dự các phi vụ mờ ám của Mafia. Theo lệnh Mafia qua đường dây điện thoại, Marion đòi tiền các con nợ ở các casino Las Vegas. Ai không trả hay không muốn trả đều bị đe dọa, có trường hợp con nợ bị trừng phạt tới mức kết thúc cuộc đời trên bàn cấp cứu. Nhiều cú đàm thoại khác lật tẩy các mối quan hệ làm ăn giữa các gia đình Mafia và khẳng định nghi vấn. Song ba ngày sau khi chiến dịch mở màn, 11 tháng 2, các chuyên gia có thể hài lòng với mẻ lưới nặng cân nhất. Rizzo quay số điện thoại đại diện hãng hàng không Tây Đức Lufthansa ở New York.

- Tôi muốn đặt trước vé bay đến Muenchen.
- Khi nào, thưa ngài?
- Sau hai tuần.
- Tức ngày 26. Đúng thế không, thưa ngài?
- Đúng.
- Ngài gặp may đấy, chúng tôi còn chỗ trống. Tuyến bay 409 khởi hành từ sân bay Kennedy vào 17 giờ 45 phút. Được chứ, thưa ngài?
- Tôi nghĩ rằng được.
- Ngài có muốn vé khứ hồi không? Như vậy sẽ rẻ hơn.

– Vâng, cả vé khứ hồi. Tôi sẽ lưu lại khoảng một tuần. Vâng, khứ hồi sau một tuần. Khoảng 4 tháng 3.

– Xong rồi, thưa ngài. Ngày bay về trên tuyến 408, ngày 4 tháng 3, vào lúc 18 giờ.

– Rất tốt.

– Còn gì nữa không, thưa ngài, ngài muốn bay dạng du lịch hay hạng một?

– Du lịch. Tí nữa tôi quên mất, cô có thể đặt phòng khách sạn trước cho tôi không?

– Dĩ nhiên, thưa ngài. Vé đi và khứ hồi với một tuần ở khách sạn Palace.

– Khách sạn ấy thế nào? - Rizzo hỏi.

– Mới hoàn toàn. Bên cạnh khu đại hội Olympic sắp bắt đầu ở Muenchen mùa hè năm nay.

– Bao nhiêu?

– Hai trăm hai mươi dollar. Ngài đồng ý chứ?

– Tất nhiên. Tên: Rizzo. Vincent Rizzo.

Thanh tra Coffey tin chắc rằng Rizzo bay đến châu Âu không phải để hóng mát. Gã đặt phòng cho cả tuần, như vậy chắc là gã sẽ đàm phán một phi vụ phức tạp ở đây. Không dễ gì thuyết phục cấp trên về sự cần thiết phải theo dõi Rizzo cả ở Muenchen, song cuối cùng thì thanh tra Coffey cũng lên máy bay đến Muenchen trước Rizzo hai ngày. Anh có thể liên hệ với cảnh sát Muenchen và yêu cầu các bạn đồng nghiệp giúp đỡ.

Sau này thanh tra, Coffey thú nhận rằng cả anh, cả các sếp không hề có khái niệm Rizzo đang mưu đồ gì. Họ đoán rằng đây là vụ buôn bán vũ khí phi pháp lớn, đại diện Mafia Hoa Kỳ sẽ gặp một lái súng nào đó của hãng sản xuất vũ khí Krupp. Song tất cả phát triển theo hướng khác. Vụ án đã trở thành nguyên nhân nhiều sự bất đồng, đề tài tranh luận trong quốc hội về luật cho nghe lén điện thoại công dân Mỹ. Các nghị sĩ khẳng định rằng cả cảnh sát, cả FBI đều không làm ăn được nếu không được phép nghe lén.

Về nguyên tắc họ nói đúng. Diễn biến tiếp theo của “chiến dịch Gretchen” xác nhận điều đó. Thanh tra Coffey bay đến sân bay Muenchen sáng 25 tháng 2. Trước đó Ủy viên công tố đã thông báo vụ việc cho các đồng nghiệp ở Muenchen biết cho nên Coffey được thanh tra Klaudenaus Peter đến đón tại sân bay và chở chằng đến khách sạn Palace. Ở đó, trong phòng 354, cảnh sát Tây Đức tiến hành lắp ráp hệ thống nghe lén.

Điều này không dễ. Ở Cộng hòa liên bang Đức, nghe lén điện thoại chưa phải là công việc. Trong khi các đồng nghiệp Đức lúng túng thì thanh tra Coffey nảy ra sáng kiến cầu cứu chi nhánh CIA ở Muenchen. Các điệp viên Cục tình báo trung ương có đầy đủ các phương tiện kỹ thuật hiện đại và chỉ sau một thời gian ngắn, căn phòng đặt trước cho Vincent Rizzo được bố trí hệ thống nghe lén tinh vi, đảm bảo không để lọt một lời nào. Trong chiến dịch quan trọng này, chỉ nghe lén điện thoại thôi thì chưa đủ. Cần phải ghi lại tất cả những gì được nói ra trong địa điểm mấu chốt này. Cho nên các chuyên viên hình sự phải đặt khắp nơi những micro với máy phát cực nhỏ, trong tiếng lóng chuyên môn được gọi là “bọ chó”. Những con “bọ chó” này được cài vào đèn bàn, đèn chùm, được dính lên khung ảnh, đặt trong nhà vệ sinh, buồng tắm, chúng nhỏ như cái cúc và hoạt động rất mạnh, chỉ có nhược điểm là làm việc không tới 24 tiếng, bởi vì mạch đóng điện liên tục và pin chỉ có tuổi thọ hạn chế.

Cảnh sát bám sát đối tượng mà vẫn chưa có gì xảy ra. Vincent Rizzo quả có điện thoại mấy lần, nhưng không có gì đáng chú ý cả. Song gã vẫn

kiên trì trụ trong phòng như thể đang chờ tín hiệu liên lạc. Lần đầu tiên các kỹ thuật viên lọt được vào phòng để thay pin là khi Rizzo đi ăn tối. Sau đó, khi gã đi ăn trưa, người ta xuống thay pin lần thứ hai. Nhưng khi một chuyên viên hình sự Tây Đức đến gần cửa phòng Rizzo thì người phục vụ xuất hiện và mở cửa phòng vào dọn dẹp. Thời gian trôi nhanh và Rizzo có thể sẽ về bất cứ lúc nào. Cần phải làm sao cho người phục vụ ra ngoài một lát. Thanh tra Coffey thông minh cầm cốc thủy tinh ném xuống sàn nhà. Mảnh vỡ tung toé. Anh chạy ra hành lang gọi người phục vụ đến dọn mảnh vỡ. Trong khi đó chuyên viên kỹ thuật kịp thay pin.

Công việc vừa xong thì Vincent Rizzo trở về cùng hai người Đức. Cả Alffred Barg, cả Winfried Ense đều không mảy may hay biết rằng thanh tra Coffey và các đồng nghiệp Tây Đức đang ghi âm từng lời của họ. Qua đó, cảnh sát biết rằng, trước đây Vincent Rizzo và người của gã cho hai người Đức này vay cổ phiếu Hoa Kỳ ăn cắp mà đến nay họ vẫn chưa trả. Rizzo đòi 350.000 dollar, nhưng họ không trả nổi, vì họ không có tiền. Rizzo hăm dọa và các con nợ nài nỉ. Trong cuộc đối thoại xuất hiện nhiều cái tên quen thuộc, và thanh tra Coffey hiểu rằng đây là vụ áp phe lớn các cổ phiếu giả và ăn cắp, rằng Mafia Hoa Kỳ chuyên về ngành kinh doanh mới này với các khoản tiền khổng lồ. Anh báo cáo về New York cho sếp và yêu cầu chi viện. Frank Hogan lập tức cử điệp viên kinh nghiệm FBI Dick Tammar lên đường. Hỏi cung hai người Đức nợ, Tammar và Coffey được biết về mạng lưới nhiều tầng những tên gangster và các hạng lừa đảo, những người có địa vị cao, chủ nhà băng và chính trị gia. Họ thu được hàng triệu nhờ buôn bán cổ phiếu giả và ăn cắp. Trong bối cảnh này, lần đầu tiên xuất hiện từ “Vatican”

Công việc tuy thú vị nhưng đòi hỏi kiên trì. Điều tra kéo dài hàng tháng, có hàng chục chuyên gia chống Mafia của ủy viên công tố Hogan tham gia, thám tử nhiều nước truy nã những kẻ tình nghi ở một số quốc gia và cuối cùng đưa được nhiều bị cáo vào tù. Từ các băng ghi âm, hồ sơ cảnh sát, tài

liệu công bố, chúng ta thử dựng lại vụ áp phe nổi tiếng của Mafia Hoa Kỳ với các quan chức cao cấp của nhà nước Vatican.

Những cái tên đầu tiên, Ricky Jacobs và Leopold Ledt, mà thanh tra Coffey nghe được đều xa lạ với anh. Sau khi điện về Trung tâm cảnh sát hỏi, anh được biết mình có hân hạnh đối địch với ai. Khó có thể nói ai trong số hai tên lừa đảo đang làm ăn với Rizzo này lưu manh hơn ai. Ricky Jacobs, một trong những tên lừa đảo lớn nhất trong những năm 70, chuyên buôn ma túy, giấy bạc giả và cổ phiếu ăn cắp. Y sinh năm 1920 ở Philadelphia và có vẻ ngoài chất phác. Với bạn hàng y đối xử lịch sự niềm nở và bằng cách xử sự lịch lãm chiếm được cảm tình của bất cứ ai. Khi còn là thanh niên, Jacobs kiếm sống trên đường phố và tận dụng mọi cơ hội kiếm tiền dễ dàng và nhanh. Y sớm làm quen với thức ăn thiu thối trong tù vì các vụ cướp vặt và trấn lột vài trăm dollar. Song những việc này chỉ là trò cò con, thu nhập không đáng kể. Thế là y chuyển đến California, giữa các triệu phú, y sống dễ chịu hơn. Ở đây, nhiều người giàu lên rất nhanh và không biết làm gì với những đồng dollar tự nhiên rơi vào lòng họ. Ngu dốt, vô học và cả tin, họ là những con mồi béo bở cho đủ các loại lừa đảo. Con buôn Ricky Jacobs bắt đầu săn mồi giữa những người này.

Buôn bán cổ phiếu giả hoặc ăn cắp là ngành mới rất lời lãi của Mafia Hoa Kỳ. Theo báo cáo của sở giám sát thị trường chứng khoán, có thể khẳng định rằng doanh thu của chúng trong lĩnh vực này lên tới 50 tỉ dollar hàng năm. Cổ phiếu mất cắp được thông báo trong sổ đen các nhà băng thế giới, mặc dù vậy người ta vẫn buôn bán chúng. Con buôn mua những cổ phiếu này với giá rẻ, sau đó bán lại cho những tên triệu phú hoặc nhà kinh doanh thiếu thông tin để họ gửi vào nhà băng như là vật đảm bảo các khoản vay. Một số hăng, và cả nhà băng nữa, lâm vào khó khăn tài chính, đã dùng cổ phiếu giả để cân bằng cán cân thu chi. Mỗi tập phiếu đều kèm theo phiếu đề số và tổng giá trị. Với vai trò lừa đảo này thì cổ phiếu giả thích hợp hơn, vì cổ phiếu ăn cắp dễ bị phát hiện.

Mafia Hoa Kỳ có thợ in hạng một, trang bị cho các xưởng in của mình máy móc tối tân nhất, Ricky Jacobs và đồng bọn có khả năng cung cấp cổ phiếu giả hầu như không thể phân biệt được với cổ phiếu thật.

Leopold Ledl là người thủ đô Viên, nước Áo. Y sinh năm 1935, trong một gia đình nghèo, sau vài năm phấn đấu trở thành tên bịp bợm cỡ quốc tế. Thời thơ ấu, cậu bé Ledl đã phải trải qua những ngày đói rách tủi nhục dưới ách đô hộ của phát xít Đức, những năm tháng chiến tranh, rồi tới sự cai quản của Đồng minh. Tốt nghiệp phổ thông, cậu đi học nghề đồ tể. Từ nhỏ cậu đã có thân hình hộ pháp, nặng tới một tạ. Song chẳng bao lâu, Ledl bỏ nghề bán thịt vì bị những vùng đất xa lạ hấp dẫn. Y kiếm chân bồi bàn trên tàu và đi đến những vùng biển phía nam. Y quan sát các ông to bà lớn trong cabin sang trọng, xem cung cách họ xử sự, ăn mặc, và y bắt chước họ. Ledl có biệt tài bán chác. Bất cứ thứ gì cho bất cứ ai. Y ăn nói có duyên và cả những con buôn sói già cũng thường mắc bẫy y. Leopold Ledl có khả năng chiếm lòng tin người khác.

Thương gia có tiếng gốc Hung Karoly Kascó sống trong biệt thự ở Aarao, Thụy Sĩ. Người ta không xác minh được hai người quen biết nhau như thế nào, cũng không rõ Ledl phát minh ra bàn chải xoa bóp như thế nào và ở đâu. Có điều chắc chắn là Ledl bán phát minh của mình khéo đến nỗi triệu phú Kascó mời y đến biệt thự bàn chuyện hợp tác và trong bữa ăn tối đã hứa giúp đỡ tài chính. Đây là bước đi đầu tiên của Ledl trong giới tài chính. Những bước sau tất phải nhanh hơn.

Từ bao đời này, Thụy Sĩ là nơi trú ngụ của những ông vua thoái vị, những tổng thống bị lật đổ. Cố vương Burundi [105], có thể là Mambutse IV, hoặc Ntare V, cũng sống bên hồ Lac Léman ở Genève, Ledl làm quen với ông hoàng thoái vị và chịu khó ngồi hàng giờ nghe ông ta than vãn. Họ kết bạn với nhau, liên minh với nhau vì cùng quan tâm đến một chuyện. Cố vương túng quẫn cần tiền và Leopold Ledl cũng cùng cảnh ngộ. Cố vương đến từ châu Phi và không sánh các quan hệ ở châu Âu, trong khi đó trình độ

của Ledl thì đạt mức vô địch thế giới. Cố vương Burundi phong Ledl làm tổng lãnh sự danh dự, có quyền cấp hộ chiếu ngoại giao và bằng lái xe Burundi. Cậu học nghề đồ tể thành Viên khi xưa này trở thành cố vấn tài chính cho ông hoàng thoái vị.

Đầu tiên “lãnh sự” Leopold Ledl cho in ba trăm bằng công nhận lãnh sự danh dự có vương triện Burundi rồi đem bán cho những kẻ trưởng giả háo danh mỗi tấm 10.000 dollar. Y có khách hàng ở Áo, Ý và tận cả Hy Lạp. Tiền lời y ăn chia với cố vương Burundi. Với sự ủng hộ của Kascó, có thể cả về tài chính, Ledl lập hãng Caravelle Service Company. Hãng này quảng cáo sản xuất và cung cấp loại bàn chải xoa bóp kỳ diệu, chưa ai nhìn thấy bao giờ, song thực ra nó quan tâm đến các loại kinh doanh mờ ám. “Lãnh sự” Ledl cấp hộ chiếu ngoại giao và bán biển xe ngoại giao. Khi đã vào nghề, bản thân Ledl cũng cần phải trang điểm. Y mua từ một tay lừa đảo khác bằng tiền sĩ danh dự của trường đại học tổng hợp quốc gia ở Toronto, Canada. Thế là y nghiêm nhiên trở thành “lãnh sự, tiến sĩ Leopold Ledl”.

Ledl buôn bán học vị và “viện” của y cung cấp, với giá kha khá, bằng thạc sĩ triết học, thần học, luật học của trường tổng hợp Rome, trường tổng hợp Vatican, trường đại học thánh Thomas Leteran, hai trường tổng hợp ở London và một số trường khác. Hãng làm ăn phát đạt vì càng ngày càng nhiều những kẻ háo danh thích học vị hàn lâm hơn chiếc nhẫn lớn mặt đá kim cương 3 cara.

Ngoài Caravelle Service Company, Ledl còn có nhiều bằng ma khác. Những hãng này không có gì cả ngoài cái tên gọi rất kêu và giấy tờ thư tín với tiêu đề bằng chữ vàng. Đó là Wesiropa Construction Company of Vienna, Intercontinental Rami Etablissement và Etablissement Proco, có trụ sở ở Lichtenstein, nơi không phải trả thuế. Hãng hàng không Interterra của y có trụ sở ở Monrovia và không sở hữu một máy bay nào cả. Mặc dù vậy các hãng này cũng thu lời đáng kể. Các hãng của Ledl nhận cung cấp

các bảng phân tích kinh tế, hướng dẫn tài chính, buôn bán trong lĩnh vực khách sạn và du lịch ở Kenia, Nigeria và Ghana [106]. Ledl tung tin trong giới kinh doanh thành viên rằng chính tĩ phú nhiều lần Aristoles Onassias [107] quan tâm việc bán bàn chải xoa bóp ở Hy Lạp. Mặc dù đây chỉ là tin vịt, tiếng tăm của Ledl, một nhà kinh doanh kinh nghiệm, nhờ đó mà càng tăng lên.

Những người trong cuộc nói rằng Leopold Ledl sống bằng tiếng tăm của y một cách khéo léo, rằng các hãng kinh doanh của y chỉ là cái vỏ che đậy những thực sự, rằng phần lớn thu nhập của y là nhờ buôn bán vũ khí, và cộng sự đằng sau hậu trường của y là một tướng Mỹ, một trong các sĩ quan cao cấp khối NATO. Sau đó có tin tiết lộ rằng Ledl và các hãng ma của y chuyên buôn bán tiền giả và cổ phiếu giả hoặc ăn cắp. Lần này thì không phải tin vịt hay nói xấu nữa.

Maria Ansbach là dinh thự vùng quê, công viên rộng lớn, biệt thự sang trọng kiểu Baroque, bể bơi, đài phun nước, gara cho nhiều xe, nhà cho người ở và nhà nhỏ cho người làm vườn. Nghe đâu Ledl trả một triệu dollar cho bất động sản. Ledl chuyển chỗ ở. Ở Viện, y chỉ để lại căn hộ năm phòng làm chỗ tạm trú. Y đi xe mercedes, nhưng y cũng có xe thể thao jaguar. Vợ y lái xe lincoln màu ngà voi, các con gái y thì có xe minicooper. Y tổ chức lễ tiệc ngoài vườn, khiêu vũ trong nhà. Y mời giới quý tộc từ khắp thế giới đến dự dạ tiệc, champagne chảy như suối, song chính y lại chỉ uống có sữa. Bất kỳ lúc nào và ở khắp mọi nơi, y luôn tỏ ra lịch sự niềm nở. Học vị và chức vụ của y ngày càng nhiều thêm: Y được bổ nhiệm làm cố vấn chính thức của giáo chủ ở Alexandrie, cố vấn của tổng giám mục vùng Trung Phi. Tóm lại, Ledl là tên lừa đảo loại thượng thặng, vì thế, y vô cùng nguy hiểm.

Ledl đi làm ăn khi thì bằng xe, khi thì bằng máy bay. Ở Roma, y làm quen với một người cùng hội cùng thuyền. Mario Foligni, bá tước từ San Francisco, là người Ý điển hình với mũi nhọn và tóc quăn. Y tự giới thiệu là

tiến sĩ thần học và văn bằng của y cũng cùng một lò với học vị của Ledl. Foligni xử sự như một bá tước thật sự, có thể còn tốt hơn, mặc dù y kinh qua không ít vụ đảo điên. Tuy nhiên, y rất táo tợn và có thần kinh vững như thép. Một lần, Foligni bị tình nghi buôn bán cổ phiếu ăn cắp, cảnh sát đến khám nhà và tìm thấy séc bị mất trong vụ cướp nhà băng.

– Ông có thể giải thích điều này không? - thanh tra hỏi.

– Không, thưa các ngài - Foligni tỏ vẻ ngạc nhiên. - Tôi không biết những tờ séc này lọt vào đây bằng cách nào. Tôi không biết thực mà.

Cảnh sát không có bằng chứng nên không thể đưa Foligni ra tòa, mặc dù rõ ràng là y tham gia tổ chức quốc tế buôn bán cổ phiếu ăn cắp. Trong lần tình nghi khác, khi cảnh sát mở hộp an toàn nơi y giấu các tập séc ăn cắp từ nhà băng, thì ngay lập tức, xuất hiện thư đảm bảo của Đức Giáo hoàng Paul VI. Thế là việc điều tra bị đình lại. Trong khi đó cảnh sát biết rằng Foligni quan hệ với tên lừa đảo nổi tiếng Tomas Amato và kẻ mối lái hàng giả trên thị trường quốc tế Remigie Begni. Foligni cũng làm việc cho Carlo Pesenti, chủ nhân các hãng bảo hiểm và buôn xi măng với quy mô lớn, y làm trung gian các áp phe béo bở và ăn chia với Pesenti. Khách hàng thế lực thứ hai là đồng chủ nhân khách sạn Leonardo de Vinci, tỉ phú Alfio Marchini.

Mario Foligni còn có quen biết thế lực lớn hơn. Ở Napoli có hội từ thiện Maddaloni với đại diện là Salvatore d'Angelo. Vì các lý do thương mại, người này thường ở lại Vatican vài ngày mỗi tuần. D'Angelo là bạn thân của thư ký quốc gia, tổng giám mục và sau này là hồng y giáo chủ Gionanni Benelli. Thế là con đường dẫn Foligni đến các giáo chức cao cấp nhất của Nhà nước Vatican đã mở rộng.

Ledl và Foligni có nhiều điểm giống nhau. Ledl có các hãng ma, còn Foligni thì là sếp hãng bảo hiểm Nuova Sirce có trụ sở ở Roma, chi nhánh ở Muenchen. Ở Roma Foligni còn có hãng đầu tư Intercommerce Group. Chủ

tịch cả hai hãng là thương gia Mỹ quen thuộc chủ nhân các khách sạn. Joseph Vetrano sống ở Bristol bang Connecticut. Người này là bạn của giám mục Chicago Paul Marcinkus và trở thành một trong những vai quan trọng trong màn kịch mà Mafia Hoa Kỳ và các nhà băng Vatican dàn dựng.

Paul Marcinkus, cao 190 cm, là một giáo chức với thân hình đô vật. Năm 1970, trên sân bay Manila (thủ đô Philippines), chỉ bằng tay không, Marcinkus đã đánh gục tên khủng bố định ám sát giáo hoàng Paul VI. Lập tức ông ta được đưa lên trang đầu báo chí thế giới và được giới ký giả tặng danh hiệu “Minsignore Gorillo” (ngài vệ sĩ). Paul Marcinkus là một giám mục khác đời. Ông ta trở thành vệ sĩ của giáo hoàng, mỗi ngày hút hai bao Marlboro, thích uống Whisky và chơi golf, ăn mặc và xử sự giống dân chơi sành sỏi hơn là con chiên ngoan đạo.

Marcinkus sinh ở Cicero, gần Chicago, bang Illinois. Người cha sống bằng nghề rửa chén bát thuê và người con quyết tâm bằng mọi giá leo lên bậc thang danh vọng. Không có điều kiện học hành, Marcinkus chọn con đường duy nhất là nhập đạo thiên chúa. Ông ta học lớp bồi dưỡng ở Mundelein, bang Illinois, trở thành cố đạo, sau đó được phong chức cha xứ. Nhưng Marcinkus còn tham vọng lớn hơn. Ông ta nhanh chóng được người đại diện tối cao của Chúa ở Mỹ là Hồng y giáo chủ Samuel Strich và những người kế tục là Meyer và Cody chú ý. Năm 1950, người ta gửi ông ta đến Vatican học luật. Sau khi tốt nghiệp, Marcinkus ở lại cơ quan ngoại giao của chính phủ Vatican, trở thành vệ sĩ của giáo hoàng. Năm 1968, Marcinkus được bổ nhiệm chức bí thư nhà băng Vatican: Istituto Perleopre di Religione - Viện các vấn đề tôn giáo. Năm 1971, ông ta giữ chức giám đốc viện tiền tệ này. Đây là chức vụ cao, giám mục Marcinkus nắm trong tay phương tiện tài chính khổng lồ của đạo thiên chúa, và vị giám đốc chỉ chịu trách nhiệm trực tiếp với giáo hoàng. Marcinkus cũng có quyền lực lớn.

Giám mục Marcinkus có một người bạn ngoại đạo, chủ nhà băng, nhà công nghiệp và tài chính Michele Sindonna, được đánh giá như một thiên tài tài chính đi trước thời đại. Sindonna làm cố vấn cho Marcinkus trong việc chuẩn y hay bác bỏ các khoản vay mượn, đầu cơ trên thị trường chứng khoán và táo tợn sử dụng cả tiền không phải của mình. Năm 1974, Sindonna phải vào tù ở Mỹ vì tội biển lận.

Michele Sindonna không có tiếng tốt. Trong giới tài chính châu Âu người ta nói rằng y không từ thủ đoạn nào. Y cứng rắn và tàn nhẫn, mỗi quan tâm duy nhất của y là lợi nhuận, các quan hệ của y cũng rất đáng ngờ, bởi vì y hợp tác với Mafia Hoa Kỳ.

Sau này, “lãnh sự tiến sĩ” Leopold còn quan hệ với nhà báo Alberto Barbieri của tờ Edizione Paolini ở Vatican. Cũng là cha cố, nhưng nhà báo này là cha cố ăn chơi. Barbieri đặt may áo choàng ở hiệu may tốt nhất, đi trong những xe hơi lớn và đắt tiền, thích đàn bà và thường xuyên đến các nhà hàng sang trọng hay hộp đêm đắt tiền ở Roma. Với bộ tóc quăn trắng, Barbieri có cùng một mối quan tâm: Tiền trong túi người khác.

Năm 1969, ở Roma nổ ra vụ áp phe tai tiếng. Khối Thị trường chung châu Âu gửi 60 tấn bơ giúp trẻ em thiếu dinh dưỡng và những người hưu trí nghèo Ý. Thông qua một tổ chức từ thiện Vatican, Barbieri và đồng bọn bán hàng viện trợ và chia nhau tiền. Quả là Barbieri có mang tiếng nhục nhã cướp miếng ăn của trẻ em, nhưng y không bị trừng phạt gì hơn. Dần dần người ta cũng quên đi vụ bê bối đó của Barbieri.

Không rõ Leopold Ledl làm quen với Ricky Jacobs và Barbieri như thế nào. Tất nhiên là Barbieri muốn Ledl về phe mình, cho nên y chủ định phô trương các quen biết thế lực của mình. Y đưa Ledl đi dự lễ tiệc, làm quen với giám đốc kinh tế, hồng y giáo chủ Vagnozzi và hồng y giáo chủ Cicognani, bí thư chính phủ già nhất (90 tuổi) và được trọng vọng nhất. Tên đại bịp Ledl còn thiết lập các quan hệ hứa hẹn với hồng y giáo chủ Tisserant, một cộng sự thân cận nhất của Giáo hoàng Paul VI.

Tại sao Ledl lại xuất hiện ở Roma và ra mắt các giáo chức cao cấp Vatican? Tại sao chính nhà báo Barbieri lại nhiệt tình săn sóc đón khách “quý” và cố gắng chiêm cảm tình của y? Tài chính Vatican lâm vào tình hình khó khăn mà người có lỗi chính là giám mục Paul C.Marcinkus, và “lãnh sự tiến sĩ” Ledl được chọn giúp nhà băng chúa trời ra khỏi hoạn nạn.

Nước Vatican với khoảng 1.000 công dân là trung tâm tài chính của thế giới tư bản. Không có ngành công nghiệp hay thương nghiệp nào ở Ý mà Vatican không tham dự. Vatican sở hữu ít nhất một nửa cổ phần các công ty ở Ý, buôn bán trên thị trường chứng khoán thế giới với vốn lưu động khoảng 5 triệu dollar. Ba phần tư hãng xây dựng lớn nhất Ý Società Generale Immobiliare thuộc về Vatican. Các nhà băng lớn nhất Ý, Banco di Roma và Credito Commerciale, các hãng Monopole Montedison, Finmare, Finsider Finmencaica hay SNIA-Viscosa cũng chịu sự điều khiển của Vatican. Tài sản của giáo hội Vatican rất lớn. Chỉ riêng phái Jésuites đã sở hữu 640.000 hécta đất canh tác ở Ý, 100.000 hécta ở Anh quốc, 540.000 hécta ở Pháp, 670.000 hécta ở châu Mỹ la tinh, 250.000 hécta ở Tây Đức, 1.150.000 hécta ở Mỹ và 6.000.000 hécta ở Tây Ban Nha và Bồ đào Nha.

Tư bản Vatican có mặt trong nhiều ngành công thương nghiệp: Dệt, cao su, thép, xi măng, thực phẩm, chất dẻo nhân tạo. Các cha cố còn buôn bán ở cả tên lửa và thuốc ngừa thai, loại thuốc bị giáo hội công khai lên án. Trên báo chí nhiều lần xuất hiện các bài báo vạch trần các thủ đoạn mờ ám của các chủ nhà băng Vatican: Lừa đảo và trốn thuế, đầu cơ bất động sản và giá cả đất đai. Theo lời một nhà báo, các tội chúa “ngoan đạo” này sẵn sàng buôn bán với cả quý sứ.

Mặc dù giáo hội chính thống có tài sản đồ sộ và tài chính đáng kể, trong những năm 70, nhà băng Vatican lâm vào cảnh khó khăn. Mậu dịch châu Âu không hứa hẹn điều gì tốt đẹp cả. Và Vatican đầu tư những khoản lớn vào các công ty ngoại quốc, nhất là ở Mỹ. Đây không phải là quyết định

chín chắn, sếp ngân hàng Vatican Paul Marcinkus còn phạm sai lầm tai hại nữa là giao phó việc đầu tư cho Michele Sindona.

Sindona xuất thân từ Sicilie, và từ hai bàn tay không, leo lên đỉnh cao của thế giới tài chính. Năm 1972, tài sản động của y ở Ý và Mỹ được ước đoán hơn 25 tỉ dollar. Năm 1974 Sindona thất bại lớn, mất hơn 25 tỉ dollar và nhà băng Vatican bị vạ lây mất khoảng 250 triệu dollar. Thế là các chủ nhà băng khoác áo thầy tu tìm cách cân bằng cán cân thu chi.

Leopold Ledl đánh hơi thấy cơ hội làm ăn và mò đến Vatican. Ngược lại, các giáo chức quyền thế Vatican coi như vị cứu tinh và muốn y sửa chữa lỗi lầm mà giám mục Marcinkus phạm phải. Thế là trên điện thờ chúa trời, xuất hiện Mafia Hoa Kỳ.

Theo lời khai của Ledl thì các giáo chức Vatican nhờ y giúp đỡ. Khi thấy y im lặng, Mario Foligni đến hỏi thẳng:

- Quả thực ông không có biện pháp gì gỡ giùm chúng tôi?
- Cần phải có vật đảm bảo đủ lớn. - Ledl nói.
- Chúng tôi cũng biết như vậy. Chúng tôi biết rằng cần phải kiếm được giấy quý, trị giá khoảng...
- Ông nói tới thứ giấy quý nào? - Ledl hỏi.
- Loại một. Tốt nhất trên thị trường. Của các hãng Mỹ là hay nhất.
- Cái này không dễ đâu. cổ phiếu loại này không phải lúc nào cũng có, - Ledl hiểu Foligni hướng tới đâu cho nên y gợi ý.
- Thế còn loại giả? - Foligni không úp mở nữa.
- Khoảng bao nhiêu? - Ledl hỏi.

– Gần một tỉ dollar. Chính xác là 950 triệu. Một nửa cho Marcinkus và nhà băng của ông ta, nửa kia cho ngân hàng Ý. Ở đây cũng bị hụt cán cân thanh toán nhau, vì ông cũng biết đấy, mọi thứ đều liên quan với nhau, cả hai viện này cần một “liều trợ lực”.

– Ông chắc biết, thưa ngài Foligni, - Ledl hạ giọng, - rằng một số lượng lớn bạc giả như thế này thì chỉ có duy nhất...

– Chúng tôi không quan tâm ai cung cấp. - Foligni ngắt lời - Điều chúng tôi quan tâm là khi nào thì có. Còn mọi việc khác là chuyện của ông, thưa ngài lãnh sự.

– Ông và những người bạn Vatican có xét đến khả năng bí mật bị tiết lộ, cái gì sẽ xảy ra khi mọi người biết nhà băng Vatican dùng bạc giả để bù lấp hao hụt? Các ông có rõ đây là việc rất mạo hiểm không? Khó có công ty nào có thể cho phép mình làm điều này. Thế mà Vatican...?

– Chính Vatican lại có thể. Hay ông nghĩ rằng chính phủ Hoa Kỳ dám cả gan buộc tội giáo hội buôn bán cổ phiếu giả? Ngay cả khi người Mỹ xác minh được cổ phiếu giả nằm trong các két nhà băng Vatican, chắc chắn họ cũng tin rằng Vatican là nạn nhân của một tên đại bịp.

– Tốt. Tôi mạo hiểm phần tôi, các ông mạo hiểm phần các ông. Bây giờ tôi muốn biết giá cả thế nào. Các ông định thế nào? Bạn bè các ông định thế nào?

– 65% thực giá. Chúng ta có 625 triệu dollar. Trong số đó, những người tham dự ở Vatican được chia 150 triệu dollar. Như vậy, ông còn 475 triệu.

– Tôi sẽ cố gắng hết sức, thưa ngài, - Ledl nói và y có cảm giác như vừa giật giải vô địch thế giới. Chúng đã biết nhau hơn nửa năm nay và rất hiểu nhau, Richky Jacobs cần con buôn thế giới Ledl như tình báo viên ở thị trường châu Âu, cần lãnh sự tiến sĩ Ledl như người chuyển hàng có hộ chiếu ngoại giao, đảm bảo đặc quyền ngoại giao, có thể mang bất cứ số

lượng cổ phiếu giả nào mà không bị hải quan chú ý. Chúng đã làm ăn chung một vụ trị giá 100.000 dollar để kiểm tra lẫn nhau và hài lòng với kết quả.

Chúng gặp nhau ở Zuerich trong khách sạn Dolder, một người bạn của Ledl tên là Maurice Ajzen làm phiên dịch.

– Trong thời gian tới đây ông có thể cung cấp được bao nhiêu bạc giả? - Ledl hỏi thẳng.

– Ông phải biết rằng gì chứ chuyện này thì tôi có khả năng hầu như vô tận. Ông cần bao nhiêu? - Jacobs cao giọng.

– 950 triệu dollar, - Ledl nói chậm rãi, nhấn mạnh từng từ một.

– 950 triệu? - Jacobs nhắc lại - Lạy chúa, ông định làm gì với số tiền đó? Đây là một đồng tiền không lỗi!

– Tôi bán nó cho nhà băng Vatican. - Ledl thân nhiên thông báo.

– Cái gì? Vatican? - Jacobs không tin ở tai mình nữa.

– Nói một cách chính xác là cho các tăng lữ Vatican.

– Cho ai, ông có thể cho tôi biết được không?

– Đây là việc của tôi. Nhưng tôi có thể đảm bảo với ông rằng họ là những nhân vật tên tuổi. Họ biết họ muốn gì, và họ cũng biết làm thế nào để đạt được điều họ muốn.

– Ông hoàn toàn chắc chắn?

– Hoàn toàn.

– Họ thực sự quan tâm đến cổ phiếu giả?

- Họ chỉ đơn thuần muốn có chúng.
- Đây là đơn đặt hàng khổng lồ. Tôi sẽ phải cần... tôi không biết nữa, có lẽ giấy chứng nhận đặt hàng để đồng nghiệp tin tôi. Ông hiểu cho, vì đây là khoản không bình thường.
- Tôi rất sung sướng đích thân xác nhận với họ điều này, - Ledl tuyên bố.
- Ông có thể gặp họ ở New York không?
- Không thể được. Nếu họ muốn, họ phải bay đến đây.
- Tốt, thưa ông Ledl, nhưng những người này, ông biết không... người cung cấp hàng cho tôi là Mafia.
- Ông cho rằng tôi không biết điều đó? - Ledl điềm nhiên nói - Ngay từ đầu tôi đã rõ, khó có ai khác có thể cung cấp đồ giả tuyệt vời như vậy, với số lượng lớn đến thế.

Thế là bố già Mafia Hoa Kỳ Matteo di Lorenzo và phụ tá Vincent Rizzo đến khách sạn Palace ở Muenchen nơi thanh tra cảnh sát New York Coffey, người theo dõi hoạt động nghi vấn Rizzo đang sốt ruột chờ chúng. Nhưng trước đó, ngày 29.6.1971, còn có cuộc họp của các bên hữu quan.

Cú áp phe lớn đòi hỏi phải chuẩn bị thận trọng. Vì thế đại diện Mafia Hoa Kỳ và các bạn hàng châu Âu gặp nhau tại khách sạn Churchill ở London. Leopold thiết lập bộ tổng tham mưu ở Roma gồm có Foligni, Barbieri và người mối lái Remigio Begni. Cùng bay với bộ ba này còn có Marina Giurati Neubert, cố vấn của Bộ trưởng tư pháp Ý, Spadaro, vợ goá một sĩ quan cao cấp quân lực Tây Đức, thành viên tổng hành dinh NATO ở Roma. Có mặt ở cuộc hội đàm về phía Ledl còn có Maurice Ajzen và Winfried Ense, những người, có nhiệm vụ làm việc với chưởng bạ nhà băng Vatican Rudolph Cuschall trong việc giao nhận cổ phiếu giả. Ricky Jacobs

bay đến, vì ở Mỹ, Jacobs đang có nguy cơ ra tòa. Bố già Mafia Matteo di Lorenzo tự giới thiệu với những người có mặt là tiến sĩ Greenwald từ Los Angeles, Vincent Rizzo im lặng theo dõi đàm phán. Trước khi trả lời bất cứ câu hỏi nào, Jacobs đều thảo luận với Rizzo.

Mafia đòi có bảo đảm. Các bố già muốn đảm bảo chắc chắn rằng những khoản tiền lớn trả cho thợ khắc mẫu, thợ in, thợ giấy, người chuyển hàng và vệ sĩ không bị bỏ ra vô ích. Ledl đã tính đến điều này.

- Tôi hiểu, thưa các ngài, - y nói, - tôi vừa mang bảo đảm từ Roma đến, các ngài hãy xem xét đi, - Sau đó y đưa bức thư cho người gần nhất và nói: - Ông làm ơn chuyển vòng quanh cho mọi người.

Sau này bản chính xuất hiện trước tòa như là tang chứng. Hiện nay nó nằm trong Cục lưu trữ hồ sơ của FBI ở Washington. Với tiền đề “Sacra Congregazione del Religiosa” đây là đơn đặt “hàng” trị giá 950 triệu dollar và ấn định thời gian giao hàng như sau:

09.03.71 100

(tất nhiên đây là chuyển thử nghiệm)

10.09.71 200

10.10.71 200

10.11.71 250

10.12.71 200

Trong đó những số cuối cùng có nghĩa là triệu dollar.

Văn bản thứ hai có dấu ấn hãng Rami Establishment, ngoài những điều trên còn cam kết trả 1% tiền phạt nếu thời hạn không được tuân thủ.

Đại diện Mafia hài lòng. Trước mắt chúng là cú áp phe thế kỷ với lời lãi tương xứng. Chúng có thể quay về Mỹ đặt hàng in cổ phiếu giả cho Vatican. Kỹ thuật thì đã có chuyên gia hàng giả nổi tiếng với kinh nghiệm và thiết bị hoàn hảo đảm nhận. Mafia trao nửa đơn đặt hàng cho Lonis Milo, chủ xưởng in ở góc phố 12 và đại lộ A, gần nhà ở của Rizzo. Nửa thứ hai được trao cho Ely Lubin ở Los Angeles, người này có xưởng in ở đại lộ Marlose. Cả hai thợ in được yêu cầu chuẩn bị lô hàng mẫu đầu tiên gồm cổ phiếu các hãng American Telephone and Telegraph Company, Chrysler Corporation, General Electric Company, Pan American World Airways.

Họ làm việc ngày đêm. Khi đơn đặt hàng được thực hiện xong, những người chuyển hàng Mafia đến các xưởng in nhận hàng. Khi xem xét các mẫu hàng giả, những tên đại bịp Ricky Jacobs, Vinnie Rizzo hay bố già di Lorenzo cũng phải tấm tắc khen rằng cổ phiếu giả giống y như thật, rằng chuyên gia kinh nghiệm nhất mới nhìn cũng không phát hiện ra. Hàng được chuyển đến London, rồi sau đó bằng máy bay hãng Lufthansa, qua Muenchen đến Roma. Trong khi đó, Ledl chuẩn bị giai đoạn hai của chiến dịch. Ý chọn Marina Neubet làm cộng sự.

Marina gọi điện thoại cho chương bạ Rudolph Gusechall thông báo kết quả. Ngày 9 tháng 7, ả cùng Ledl đến gặp Gusechall, ả thậm chí mang theo cả máy chữ để viết giấy bàn giao cổ phiếu (vẫn còn chưa in) trị giá 14 triệu 410 ngàn dollar.

Khi đại diện Mafia xuất hiện với vali cổ phiếu, Ledl gọi điện đến Vatican và hẹn gặp Barbieri. Chúng gặp nhau trong quán cà phê và thỏa thuận cách thức trao nhận hàng. Ngày 20.7.1971, Leopold, Maurice Ajzen, Amato và Begni đến cổng thành Vatican. Chúng đi qua hai, ba phố, vào lâu đài gặp một vị giám mục không rõ tên tuổi. Ông này tiếp chúng và nhận hàng. Song khi trả tiền thì xảy ra hiểu lầm. Mafia có điều kiện của mình mà nó cương quyết không nhượng bộ và Leopold Ledl nhất định đòi sáu triệu

(sau khi trừ phần ăn chia cho Vatican) phải được trả bằng dollar Mỹ hay mark Tây Đức.

- Tôi rất lấy làm tiếc, thưa ngài, - tổng giám mục nói, - trong cả Vatican, thậm chí trong cả nước Ý, các ông không chạy đâu ra số dollar lớn như vậy nội nhật một ngày. Tiền lira thì có ngay lập tức.

- Thưa cha tôn kính, - Ledl phản đối, - xin cha thứ lỗi. Nhưng tôi đã thoả thuận các điều kiện với người giao hàng và tôi phải tuân thủ. Nếu theo tỷ giá dollar hiện nay mà chúng tôi nhận tiền lira thì chúng tôi phải mang ra khỏi đây khoảng ba tỷ năm trăm triệu lira và phải một xe tải lớn mới chở hết.

Họ thoả thuận cách khác. Nhà băng Vatican thu xếp chuẩn bị tiền ở Turino, tạm thời các con buôn hãy cứ giữ vali cổ phiếu giả và đại diện Vatican sẽ nhận hàng khi trả tiền. Chúng bay đến Turino, trọ trong khách sạn Piemote. Sau đó chúng được báo đi gặp các giáo chức tại một nhà thờ cũ ở ngoại ô. Ở đó chúng đàm phán vài giờ với một vị tổng giám mục lạ mặt, cả bọn Amato, Neubert, Ajzen, Barbieri và Ledl có cảm giác trực trặc trong tổ chức. Không rõ tại sao các giáo chức Vatican bỗng nhiên do dự.

Có hai giả thiết. Họ lo ngại hợp tác với Mafia Hoa Kỳ hoặc họ cho là chất lượng “hàng” không đảm bảo. Giả thiết thứ hai có vẻ không thuyết phục lắm. Đúng là họ định dùng cổ phiếu giả làm vật đảm bảo, không định bán tiếp, nhưng sau này thì sao? Nếu loại bạc giả này không bao giờ được đưa ra thị trường thì giá mua chúng lại quá đắt. Hay là ở Vatican, người ta biết chiếc thông lọng của thanh tra Coffey đang thít dần trên đầu những tên Mafia Hoa Kỳ?

Các cổ đông vụ án áp phe lớn nghi ngờ lẫn nhau. Chúng có trong vali cổ phiếu giá trị 14 triệu và nôn nóng chờ nhận tiền. Thế rồi chúng phạm sai lầm tai hại, bởi vì chúng cố gắng bán bớt một phần. Như vậy, chúng đã không tuân theo Mafia. Các bố già tức tối và bỏ mặc chúng chết chìm.

Theo một nguồn tin thì người giữ vali cổ phiếu giả là Murice Ajzen. Vicent Rizzo chỉ thị rõ ràng cho y không được rời vali cho tới khi được trả tiền bằng dollar. Song sự cảm dỗ của đồng tiền quá lớn và người đầu tiên bị khuất phục là Ledl. Ledl thuyết phục Ajzen đưa y vài cổ phiếu để y bán cho một nhà băng Ý, đặt kiểm tra chất lượng “hàng”. Chuyển khoản tiến hành thắng lợi. Có lẽ vì thế cả Mario Foligni cũng lấy một tập cổ phiếu và nói với Ajzen rằng xét cho cùng thì ai mua “hàng” và ai trả tiền thì cũng thế thôi, điều quan trọng là có dollar. Y đến Zuerich, đưa xấp cổ phiếu cho ngân hàng thương nghiệp và chuyển 1,5 triệu dollar sang tài khoản chung với luật sư Mario Fornassarl. Ở đó người ta biết Foligni là người tin cậy của các giáo chức cao cấp Vatican.

Việc chuyển khoản do một nhân viên ngân hàng to béo thực hiện. Ông ta xem xét các cổ phiếu và thấy ngờ ngợ. Thế là ông ta lập tức gửi vài tờ đến New York cho viện giám sát thị trường chứng khoán nơi có danh mục tất cả các cổ phiếu phát hành và số các cổ phiếu bị mất cắp, ở đây còn có một nhóm chuyên gia có khả năng phát hiện các loại giấy giả. Bức điện khẩn gửi cho ngân hàng thương nghiệp ở Zuerich đã gây nên báo động. Các cổ phiếu mới mua vào vô giá trị, vì chúng là đồ giả.

Ở Roma, Foligni cũng lặp lại việc chuyển khoản tại ngân hàng Roma và kiếm được hai triệu rưỡi dollar.

Ngược lại, các lời khai của các nhân chứng lại phươg hại trước hết cho Vatican. Các giáo chức cao cấp bị buộc tội lừa đảo và thực hiện các mảnh lối tài chính phi pháp. Người chỉ huy sau hậu trường là Marcinkus, chủ nhà băng Vatican, vệ sỹ của giáo hoàng. Ông ta biết cụ thể về hoạt động của Mafia Hoa Kỳ, đồng ý với nó, thoả thuận và phê chuẩn các chi tiết kỹ thuật, là người đề xướng ít nhất là hai vụ lừa đảo.

Khi bị hỏi cung, để tự vệ, Mario Foligni tuyên bố rằng vụ lừa đảo ở ngân hàng thương nghiệp Zuerich được chính giám đốc nhà băng Vatican, giám mục Marcinkus vạch kế hoạch và chỉ huy. Ông ta muốn xác minh chất

lượng cổ phiếu giả và xem nó có thể sử dụng được trên thị trường tiền tệ hay không. Đồng thời Foligni tuyên bố rằng khoản cổ phiếu giả không lớn đến như vậy và chúng chỉ phải mua với giá 5% thực giá. Foligni còn đàm phán chuyển khoản được với một giám đốc nhà băng là Line Buzzolini. Người này không có ý định kiểm tra xem cổ phiếu thật hay giả mà chỉ ra lệnh cho một nhân viên hỏi Viện giám sát thị trường chứng khoán xem chúng có thuộc loại bị mất cấp trên sổ đen hay không. Song người nhân viên đã sốt sắng yêu cầu kiểm tra cổ phiếu thật hay giả.

Khoảng một tháng sau, theo lệnh Marcinkus, Foligni lại thực hiện chuyển khoản tương tự ở nhà băng Roma. Người tổ chức chính vụ lừa đảo này là Maro Barone, một trong các lãnh đạo nhà băng Roma và là bạn thân của Marcinkus. Chương bạ Rudolf Guschall được Marina Neabert mời đến Roma gặp tỷ phú Marchini trong văn phòng ông ta. Ngài chương bạ (sau này bị cách chức và rút phép thông công) không hỏi gì cả, ông ta đóng dấu và xác nhận đồ giả là cổ phiếu thật. Foligni đến nhà băng gửi số cổ phiếu giả này và mở tài khoản đứng tên Alfio Marchini. Tên tuổi nhà tỷ phú được coi là sự đảm bảo nghiêm túc. Nhưng không. Sự việc ở Zuerich được lặp lại. Một nhân viên quá sốt sắng gửi cổ phiếu đến New York kiểm tra. Điện trả lời tác động như bom nổ. Tất cả đều là đồ giả.

Trước các ký giả, tỷ phú Alfio Marchini đóng kịch, bẻ tay, rút râu rên rỉ bị mắc lừa và dọa đưa bọn lừa bịp vào tù.

Cả hai lần thử nghiệm kết thúc nhục nhã. Song trong vali của Ajzen còn hơn mười triệu dollar cổ phiếu. Joe Goffey và đồng sự cố gắng truy tìm nhưng không kết quả, như thế chúng biến xuống đất. Bởi vậy, không loại trừ khả năng rằng nhà băng Vatican đã nhận “hàng”. Song cũng rất có thể là những kẻ tham dự áp phe chia nhau khoản còn lại. Ít ra thì một vài sự kiện sau này xác nhận khả năng đó.

Ngày 15.2.1972, một người tên là Edoard Cattaneo đến chi nhánh liên hiệp ngân hàng Thụy Sĩ ở Lugano để bán cổ phiếu của các hãng American

Telephone and Telegraph Company, Pan American World Airways và Chrysler Corporation. Ngân hàng kiểm tra và phát hiện đây là cổ phiếu giả.

Chỉ hai ngày sau, một người ý là Stefano Colombo mang cổ phiếu giả đến Banco Commerciale Italiano ở Milan. Khi bị hỏi, Colombo nói rằng anh ta nhận số cổ phiếu này từ luật sư Oswald Pedroni, luật sư thì nhận từ thân chủ Adriana Radaelli, bà này lại nhận từ Bifani. Dấu vết biến vào cát bụi, không dẫn đến Mafia, cũng không đến cổng thành Vatican.

Còn xuất hiện một số cổ phiếu nữa, nhưng tổng cộng tất cả chưa tới một triệu dollar. Khoản còn lại đi đâu mất? Mafia Hoa Kỳ chẳng đã cho in cổ phiếu trị giá 950 triệu dollar sao?

Michale Sindonna là tên đầu cơ cỡ thế giới. Y có khoảng 140 hãng buôn ở mười nước, nhiều khách sạn ở các thành phố lớn trên thế giới, y là chủ nhân công trình Watergate ở Washington, được dùng đặt tên cho vụ bê bối chưa từng có trong lịch sử. Y mua lại của Marcinkus hãng Condotte Daqua cung cấp nước cho thủ đô Roma. Cả hai là cổ đông của hãng Edilcentro International ở Bahamas, nơi giám mục Marcinkus đồng thời là giám đốc nhà băng Cisalpine Overseas Bank of Nasau. Họ cùng chung cổ phần hãng Fasco International Holding ở Luxemburg, các nhà băng Banque de Financement de Genève, Banco Unione ở Milano và Banco Privato Finanziario Italiano. Tất cả những cơ quan tiền tệ này cùng với các nhà băng khác như Continental Illinois National Bank and Trust Company ở Chicago và Hambros Bank ở London phục vụ những mưu đồ mờ ám. Sindonna và Marcinkus gian lận biến thủ với quy mô khổng lồ. Khi phó giám đốc nhà băng Vatican Luigi Mennini bị ra tòa, Sindonna bị phát giác lợi dụng nhà băng Vatican để làm sạch những đồng dollar như bản và đấm máu của Mafia Hoa Kỳ và Mafia Sicilie. Hàng triệu dollar thu được do buôn lậu thuốc phiện đã được nhập vào các tài khoản nhà băng Vatican, chẳng lẽ sếp nhà băng Vatican, giám mục Marcinkus không biết điều này. Sindonna vừa là bạn thân và là chiến hữu của ông ta cơ mà.

Họ đỡ đòn cho Mafia và Mafia lại đỡ đòn cho họ. Khi vụ bê bối Sindona bùng nổ, Mafia đã chia lửa cùng y bằng cách cho thủ tiêu năm điều tra viên. Sindona bị ra trước vành móng ngựa vì tội sử dụng tiền bất hợp pháp của Mafia, song đồng bọn không bỏ rơi y. Giám mục Marcinkus và hai hồng y giáo chủ đã cung cấp cho luật sư bào chữa các lời khai của mình trên băng video. song cuối cùng Sindona bị phạt 207.000 dollar và kết án 25 năm tù. Vụ án Sindona đã dẫn đến kết luận như lời tổng úy viên công tố John Kennedy, rằng nhà băng Vatican đã tham dự các vụ chuyển khoản phi pháp “hoàn toàn phản lại giáo lý của giáo hội chính thống La Mã”. Thanh tra Joe Coffey, một số chuyên gia và cả cấp trên của họ tin chắc rằng Mafia Hoa Kỳ đã trao cho những kẻ đặt hàng tất cả cổ phiếu giả và chính những đồ giả này đã đóng vai trò quan trọng trong các trò gian lận của Mafia, nhà băng Vatican và tên đại bại Sindona.

Vincent Rizzo, Ricky Jacobs và bố già di Lorenzo có thu nhập cao một cách đáng ngờ trong thời gian này. Nếu chiến dịch thất bại, các bố già Mafia khó mà tha tội cho Rizzo và Jacobs, và theo truyền thống hiệp hội tội ác, không tên nào có thể sống sót được. Nhưng ngược lại, uy tín của chúng tăng lên. Song không được bao lâu.

Joe Coffey có các bằng chứng về tội ác của Rizzo. Anh bắt y ra toà và Rizzo lãnh án 15 năm tù, không phải vì tội lừa đảo và hợp tác với nhà băng Vatican, mà vì tội nhúng tay vào vụ giết một người tên là Joe Brocer và tội buôn dollar giả. Bố già di Lorenzo thì phải ngồi tù 12 tháng.

Leopold Ledl cũng phải vào nhà đá. Điều ngạc nhiên là y không bị buộc tội buôn cổ phiếu giả, mà bị kết án vì tội in và lưu hành băng đại học giả và chức vụ ngoại giao phi pháp. Trước khi ngồi tù, y đã giúp thanh tra Coffey có được một thông tin đáng chú ý.

Trong một chuyến “công cán” đến Tây Đức, di Lorenzo và Rizzo ở tại khách sạn Bayerischer Hof ở Muenchen. Chúng đã bị thanh tra Coffey và cảnh sát địa phương nghe lén. Mùa xuân năm 1971, Leopold Ledl và

Maurice Ajzen đến khách sạn này để bàn bạc chi tiết một vụ chuyển khoản. Trong hội trường khách sạn, chúng nhìn thấy Ricky Jacobs. Tên này đang tranh luận gì đó với một người đàn ông cao lớn, tóc muối tiêu, mặc comple trắng. Chúng gặp nhau tay bắt mặt mừng và Jacobs giới thiệu ông bạn đồng hành như là “cố vấn tài ba trong các vấn đề tài chính”. Chúng hàn huyên một lúc rồi chia tay nhau.

Sau này, khi Maurice Ajzen bay đến New York để khai báo về Vincent Rizzo và đồng bọn, thanh tra Coffey nói ai là người nói chuyện với Jacobs, Ajzen lắc đầu.

– Ông có thể nhận ra người đó trên ảnh?

– Chắc chắn là nhận ra.

Người ta cho Ajzen xem 12 ảnh. Y không do dự chọn ngay một ảnh.

– Người đó đây này, - Ajzen khẳng định.

– Ông chắc chắn không? - Thanh tra Coffey còn hỏi lại.

– Hoàn toàn.

Đây là ảnh John Connally, cố thống đốc bang Texas. Năm 1963, Connally nổi tiếng thế giới vì ở Dallas, khác với tổng thống John F.Kennedy, ông ta sống qua vụ ám sát. Sau đó Connally giữ chức bộ trưởng tài chính Hoa Kỳ và là một trong những cố vấn quan trọng của Tổng thống Nixon.

Bộ trưởng tài chính và thành viên Mafia Ricky Jacobs, cả hai có thể có gì chung? Tại sao gangster và tên đại bịp Jacobs lại nói rằng người đàn ông tóc hoa râm nọ là cố vấn tài chính tốt nhất của y? Thanh tra Coffey tường trình lại với sếp là ủy viên công tố Frank Hogan. Ông này biết rằng đây là

con cá quá lớn, và thế là ông đến Washington để bàn bạc với bộ trưởng đang có những lo lắng khác.

Washington. Đêm 16 rạng ngày 17-6-1972, vụ bê bối Watergate bùng nổ. Những khoản hối lộ khổng lồ mà các cố vấn tổng thống hứa với những kẻ đột nhập vào văn phòng đảng Dân chủ bị tiết lộ và phải ra toà. Hogan và phó sếp của ông là William Aronwald hoàn toàn không gặp nổi Bộ trưởng tư pháp, vì họ phải quay về New York và tể nhị ra lệnh cho thanh tra Coffey và những người dưới quyền không được điều tra quan hệ giữa bộ trưởng tài chính John Connally và Mafia Hoa Kỳ.

Nhưng Coffey là thám tử chuyên nghiệp cả thể chất lẫn tinh thần, nên ít ra thì anh không bỏ qua một chi tiết. Coffey xác minh được rằng đúng vào ngày Ledl và Ajzen gặp Jacobs với cố vấn tài chính của hãn, Connally quả có ở Muenchen. Sau đó không lâu, Connally bị buộc tội nhận 10 triệu dollar hối lộ của hội sản xuất sữa và thanh tra Coffey tin chắc rằng bộ trưởng tài chính hợp tác với cả Mafia Hoa Kỳ. Nếu được cấp trên cho phép điều tra, nhất định Coffey sẽ thu thập được các bằng chứng về chuyện làm ăn giữa Connally và tên Mafia Jacobs.

Thanh tra Joe Coffey không thể bằng lòng với kết quả nửa vời đó. Hơn nữa, anh có thể dựa vào ủng hộ của các sếp Hogan và Aronwald. Mọi người đều biết điều tra trên đất Vatican không dễ dàng và cảnh sát Hoa Kỳ chưa chắc được phép vượt qua biên giới giáo hội. Bởi vậy, trước hết họ yêu cầu đại diện chúa trời Mỹ là Hồng y giáo chủ Terence Cooke giúp đỡ, nhưng vị tổng giám mục đã lịch sự từ chối. Thế là Aronwald lại phải khăn gói đến Washington gặp bộ trưởng tư pháp và bộ trưởng ngoại giao. Lần thứ hai Aronwald đến thủ đô trong thời điểm không thuận lợi. Trong ba tháng đầu năm 1973, vụ Watergate đã phát triển tới mức nguy kịch cho vị trí đang lung lay của Tổng thống Nixon. Các bộ trưởng chính phủ Nixon bị buộc tội và đang chờ ra toà, các cố vấn tổng thống đã bị hỏi cung. Sếp FBI Patrick

Gray, người mà sau khi Hoover chết đã được quốc hội bổ nhiệm ghế Giám đốc FBI, phải từ chức.

Sau đó Aronwald còn được biết rằng chủ nhà băng Michele Sindona là bạn thân của Tổng thống Nixon, và ông ta hiểu không thể đạt được gì ở đất Washington hỗn quan hỗn quân này. Trong những năm 60, Richard Nixon là đồng chủ nhân một văn phòng luật ở New York. Khi các thân chủ của Nixon cần một chuyên gia ngân hàng và tài chính, bao giờ ông ta cũng giới thiệu họ với Sindona. Trong quá trình điều tra vụ Watergate, người ta được biết Sindona đã tặng quỹ tranh cử của Nixon một triệu dollar. Giám mục Marcinkus và Sindona cũng quan hệ mật thiết với bộ trưởng tài chính đầu tiên của Nixon là David Kennedy, trước đó là giám đốc ngân hàng Continental Illinois National Bank and Trust Company mà Sindona có cổ phần. Thế là Aronwald tay không quay về New York.

Khi không qua được cửa chính, Joe Coffey và các sếp của anh ta tính đến chuyện lọt vào Vatican bằng cửa sổ. Họ đề nghị cấp trên chính thức yêu cầu cho phép thăm vấn một vài giáo chức ở Vatican. Không xuất hiện một trở ngại nào cả và hồng y giáo chủ Villot nhắn rằng ở Vatican người ta đang chờ các nhà hình sự Hoa Kỳ. Nghe đâu Vatican đồng ý vì được ngoại trưởng Henry Kissinger đảm bảo rằng đó chỉ là thủ tục hoàn toàn hình thức.

Joe Coffey chỉ là một thanh tra cảnh sát nên anh phải ở nhà. Aronwald và Tamaro tháp tùng giám đốc phòng chống tội ác thuộc Bộ tư pháp, William Lynch đến Vatican. Ngày 25-4-1973, họ ra mắt phó bí thư chính phủ, giám mục Giovanni Benelli. Benelli niềm nở tiếp ba thám tử Hoa Kỳ và dẫn họ đến gặp ba vị giám mục Edward Martinez, Carlo Laubero và Justino Tigalli. Cả ba đều không hay biết gì cả, họ không nghe biết chuyện buôn bán cổ phiếu giả. Khi cảnh sát viên bắt Leopold Ledl, người ta tìm thấy trong nhà y đơn đặt hàng cổ phiếu giả trị giá 950 triệu dollar, ghi kèm thời hạn giao hàng. William Lynch đưa đơn đặt hàng này cho các giám mục và yêu cầu giải thích. Họ lắc đầu không biết, mặc dù giám mục Martinez

thứ nhận rằng bức thư với dấu ấn Sacra Congregazione del Religiosi trông giống như thật. Khi Lynch đưa ra danh mục số các cổ phiếu giả và đề nghị lãnh đạo ngân hàng Vatican kiểm tra xem trong các kết sổ ngân hàng có các cổ phiếu này không thì các giám mục phản đối. Việc này không thuộc quyền hạn của họ, chỉ duy nhất giám mục Marcinkus có thể quyết định mà thôi.

Ngày hôm sau các thám tử Hoa Kỳ gặp Marcinkus và cũng không đạt kết quả gì hơn. Marcinkus kể chuyện, phàn nàn về quan hệ ở Vatican và địa vị khó khăn của mình. Nhiều người ghen tức vị trí đặc biệt của ông ta nên họ thọc gậy bánh xe. Ông ta không quên nhấn mạnh đến lòng yêu nước Mỹ và tình cảm của mình. Còn về các lời buộc tội buôn bán cổ phiếu giả, thì đấy là những lời nói xấu.

“Thưa các ngài. Đức cha thiêng liêng có hỏi tôi có nghe tới một đề nghị nghi ngờ nào về cổ phiếu giả không. Tôi nói với Ngài rằng tôi hoàn toàn không hay biết gì về những việc loại này. Và nếu tôi có biết điều gì thì tại sao tôi lại phải nói với chính các ngài nhỉ”.

Giám mục Marcinkus chiến thắng. Sau này trước ủy ban điều tra của thượng nghị viện, Aronwald tuyên bố rằng Vatican không liên quan gì đến vụ áp phe cả.

Giám mục Marcinkus vẫn đứng vững ở vị trí của mình dưới thời giáo hoàng Paul VI, và người kế tục ông ta là John Paul II. Khi giáo hoàng tiếp theo John Paul II đến New York, trên sân bay Kennedy, giám mục to cao Marcinkus đứng sau giáo hoàng như là vệ sĩ. Mùa hè năm 1982, người ta lại bắt đầu nghi ngờ các kinh doanh của nhà băng Vatican và giám mục Marcinkus. Ngân hàng tư nhân lớn nhất Ý, Banco Ambrosiano ở Milano, bị phá sản, vì nó trả một khoản vay mạo hiểm tới một tỉ năm mươi triệu dollar. Dư luận công khai bàn tán về sự lừa đảo và biển thủ.

London, ngày 18-6-1982. Cảnh sát phát hiện một người đàn ông treo cổ ở chân cầu Blackfrias. Theo vẻ ngoài và cách ăn mặc thì đây không phải người không có tiền. Quả vậy, cảnh sát lục soát thấy hơn hai mươi nghìn dollar trong túi nạn nhân. Theo hộ chiếu, cũng ở trong túi, thì đây là công dân Ý Gian Roberto Calvini.

Các nhà hình sự Scotland Yard xác minh rằng nạn nhân mang hộ chiếu giả và nhanh chóng xác định nạn nhân thực tế là ai. Chẳng là Roberto Calvi bị mất tích từ ngày 10 tháng 6. Không những cảnh sát Ý mà cả Interpol (cảnh sát quốc tế) cũng tìm ông ta. Roberto Calvi là chủ tịch nhà băng Banco Ambrosiano ở Milano, nắm trong tay những ngân khoản khổng lồ, đi lại với các nhà công nghiệp và chính trị tên tuổi. Calvi còn có quan hệ rất mật thiết với nhà băng Vatican và giám mục Marcinkus. Các nhà báo đã đặt cho ông ta biệt hiệu “chủ nhà băng chúa trời”. Banco Ambrosiano và nhà băng Vatican làm ăn chung nhiều vụ.

Năm 1981, giám đốc Calvi ra tòa, bị kết án bốn năm tù và nộp phạt 11,7 triệu dollar vì tội xuất bất hợp pháp tư bản Ý. Song Calvi có thừa quen biết thế lực và trong phiên tòa phúc thẩm, ông ta được tha bổng. Tháng 5-1982, ủy ban kiểm tra ngân hàng quốc gia Ý phát giác một vụ lừa đảo tài chính khổng lồ trong sổ sách Banco Ambrosiano. Giám đốc Calvi cho các hãng ma ở Panama vay gần một tỷ rưỡi dollar: 200 triệu dollar từ ngân khố Banco Ambrosiano và một tỷ hai trăm triệu do Calvi vay các nhà băng châu Âu khác. Cả đồng tiền khổng lồ biến mất và đến nay vẫn chưa được tìm ra.

Đêm ngày 20-9-1982, Roberto Calvi đổi tên thành Gian Roberto Calvini và bay qua thủ đô Nam Tư, Áo và Thụy Sĩ đến London. Một tuần sau, nữ thư ký của ông ta tự sát. Ủy ban kiểm tra ngân hàng quốc gia Ý và cảnh sát Ý, trong quá trình điều tra vụ lừa đảo, đã phát hiện rằng giám mục Marcinkus, với tư cách giám đốc nhà băng Vatican, đã ký các thư bảo đảm mà Calvi phải trình để các ngân hàng châu Âu cho ông ta vay một khoản lớn như vậy. Đây hiển nhiên là một kiểu trả nợ, bởi vì trước đó vài năm

Calvi môi giới cho Sindona bán hai đại lý với giá hời 100 triệu dollar và Sindona đã chia 5 đến 6 triệu dollar cho “một giám mục Hoa Kỳ và một chủ nhà băng ở Milano”. Câu hỏi tai hại này là do Giorgio Ambrosoli, người được chính thức chỉ định kiểm kê tài sản của Sindona, phát ra. Mặc dù ông ta không tiết lộ tên tuổi, ai cũng biết ông ta ám chỉ giám mục Marcinkus và giám đốc Calvi. Các nhà hình sự hy vọng rằng cuối cùng họ có thể vén bức màn bí mật nhà băng Vatican. Song có lẽ chỉ vài giờ sau khi Ambrosoli báo cho cảnh sát Hoa Kỳ biết về các phát hiện của mình, ông ta đã bị ba người lạ mặt bắn chết trên đường phố. Vụ án mạng xảy ra năm 1979. Mùa hè năm 1982, cảnh sát tìm ra hung thủ William Arico, một tên giết thuê của Mafia. Tháng 6, 1982 hắn bị bắt, nhưng không chịu cung khai.

Cái chết của Calvi mà theo thông báo chính thức của cảnh sát là do tự sát cũng rất đáng ngờ. Ở địa điểm nơi người ta tìm thấy Calvi bị treo cổ, chỉ có những người làm xiếc nhào lộn mới có thể tự treo mình được. Hơn nữa người sắp tự nguyện chết không thể có trong túi 20 nghìn dollar và vé máy bay tới Rio de Janeiro cho ngày hôm sau. Một nhà tâm lý học hình sự tuyên bố rằng cách thức tự sát không tương xứng với địa vị xã hội và tính cách một nhà tài chính tinh tế và sành đời. Tại sao ông ta chọn cách tự sát thô tục, đau đớn và khó thực hiện về mặt kỹ thuật như vậy? Có thể giả thiết cho rằng chính Mafia đã thủ tiêu Calvi để bảo vệ lợi ích của mình. Điều này không được chứng minh cũng không được bảo hộ. Và thế là lịch sử tổ chức tội ác với quyền lực luôn lớn mạnh, lại thêm một chương tội ác nữa.

Chú Thích:

[1] FBI: Tên gọi tắt của Cục điều tra liên bang Mỹ.

[2] Capo Mafia (Tiếng Ý): Nghĩa là sếp Mafia (N.D).

[3] Alibi là bằng chứng chứng minh sự vô tội (N.D).

[4] Capo di tutti capi (Tiếng Ý): Nghĩa là sếp của mọi sếp (N.D).

[5] Có tư liệu là ngày 24.11.1897.

[6] Ghetto là tên gọi phần đất trong thành phố dành riêng cho dân Do Thái ở một số nước, từ thời trung cổ tới cuối thế kỷ 19. Trong đại chiến thứ hai, phát xít Đức khôi phục lại hệ thống ghetto (Varsava, Terezin) N.D).

[7] Hatchet Men: Người cầm rìu (tiếng Anh), tiếng lóng chỉ thành viên một tổ chức tội ác người Hoa (N.D).

[8] Murder Incorporated: Tên gọi một tổ chức Gangster chuyên làm thuê việc giết người ở Mỹ (N.D).

[9] Antipasto (Tiếng Ý): Món ăn trước (N.D).

[10] Chianti Rufina: Tên một loại rượu ngon Ý (N.D).

[11] Polpetti (Tiếng Ý) : Một loại thịt băm viên rán (N.D).

[12] Polcicipolline al forno (Tiếng Ý): Thịt heo nướng với hành.

[13] Pasta colle sarde (Tiếng Ý) : Một món patê cá mòi (N.D).

[14] Cassata (Tiếng Ý): Kem hoa quả nướng (N.D).

[15] Fruit cake (Tiếng Anh): Bánh hoa quả nướng (N.D).

[16] Alibi - xem chú thích ở phần (Chiến dịch Luciano) (N.D).

[17] Gaius Julius Caesar (100-44 tr. C.N) - hoàng đế La Mã, một chính trị gia toàn năng, một nhà quân sự đại tài, đồng thời còn là một nhà văn, nhà thơ lớn (mười tác phẩm lớn của ông còn được lưu lại tới ngày nay), một kỹ sư tài ba (chính ông đã thiết kế cầu quan sông Ranh trong chiến dịch chinh phục Giécmanh). (N.D).

[18] Charles Đại đế (Charlie le Grand, 742-814) - vua đế quốc Pháp từ năm 768, Hoàng đế La Mã từ năm 800, là nhà quân sự nổi tiếng với hơn 50 chiến dịch. (N.D)

[19] Judas là một trong 12 giáo đồ của thánh Jesus, bán thầy của mình, tức Jesus, cho bọn tà giáo để lấy 30 đồng tiền. Y là biểu tượng của sự phản bội (theo thánh kinh) (N.D).

[20] Big business (TiếngAnh): Vụ làm ăn lớn (N.D).

[21] Rockefeller và Morgan: Các trùm tư bản lớn ở Mỹ (N.D).

[22] Đêm Thánh Bartolomeo là vụ người Công giáo thảm sát đẫm máu những người Tin lành tại Pari đêm 23 rạng 24 tháng 8 năm 1572, 21-8 là ngày lễ Thánh Bartolomeo - một trong 12 giáo đồ của Chúa Jesus (N.D).

[23] Atlantic City: Thành phố biển phía đông Washington (N.D).

[24] Chinatown: Khu phố Tàu ở New York (N.D).

[25] Spaghetti, maccheroni: Các món mỳ Ý (N.D)

[26] Bien-chen: Một loại kem (N.D).

[27] Maccheroni (Tiếng Ý): Mì sợi. Vì đây là món ăn ưa thích của người Ý nên nó cũng dùng để ám chỉ dân Ý (N.D).

[28] Vua Mafia (Der Kocnig der Mafia, Muenchen 1979).

[29] Thử nghiệm Wassermann dùng để xác định phản ứng của bệnh giang mai (N.D).

[30] Wehrmacht (Tiếng Đức): Tên gọi các lực lượng quân sự Đức (N.D).

[31] Abiwehr: Cơ quan tình báo phát xít Đức (N.D).

[32] Canaris: Cục trưởng cục tình báo quân sự phát xít Đức (N.D).

[33] Don (Tiếng Ý): Nghĩa là ngài với ý tôn kính (N.D).

[34] Zu Caló (Tiếng Đức): Nghĩa là gửi cho Caló (N.D).

[35] Cosa Nostra (Tiếng Ý): Nghĩa là “việc của chúng ta” một tên gọi khác của Môngiliép (ND).

[36] US Army : Quân đội Mỹ (N.D)

[37] Carl Zeiss (1916-1999) nhà cơ học và quang học Đức, ông đã phát minh nhiều loại kính quang học (N.D).

[38] Simulator: Máy bắt chước các hoạt động của máy khác.

[39] Poker: Một loại bài.

[40] Các danh hiệu hiệp sĩ của Ý (N.D).

[41] Các danh hiệu hiệp sĩ của Ý (N.D).

[42] Interpol: Tổ chức cảnh sát quốc tế (N.D).

[43] Qui cerca troya (Tiếng Ý): Nghĩa là “tìm thì được" (.N.D).

[44] Casino: Những nơi ăn chơi, cờ bạc ở các nước tư bản (N.D).

[45] Monte Carla: Một thành phố nghỉ mát ở bờ biển Địa Trung Hải thuộc Monaco, nổi tiếng bởi các sòng bạc (N.D).

[46] San Remo: Thành phố nghỉ đông thuộc Ý, nổi tiếng là nơi ăn chơi (N D)

[47] Dean Martin: Ngôi sao màn bạc Hollywood.

[48] Mossad: Tên gọi cơ quan tình báo của Israel (N.D).

[49] Menachem Begin: Giám đốc tình báo Israel (N.D).

[50] Eggs (Tiếng Anh): Nghĩa là trứng (N.D).

[51] Tiếng Pháp: Chỉ một món cá rút xương nấu với nấm.

[52] Các loại rượu Whisky nổi tiếng của Scotland.

[53] Antonia Cermak là tên Czech của Anthonny Cermak, ông này là người Czech di cư sang Mỹ (N.D).

[54] Dolat bhota là nơi sinh của Cermak.

[55] Rodoma và Gomora là các thành phố gần Biển Chết, tượng trưng cho sự đồi bại đạo lý, và theo thánh kinh, bị Đức chúa trời trừng phạt (N.D).

[56] Motorest: Chỗ nghỉ cho xe máy, ô tô.

[57] Sandwich: Một loại bánh mì phết bơ kẹp pho mát hoặc thịt.

[58] Các đơn vị đo lường cũ của Anh; 1 inch = 0,25 cm, 1 foot = 12 inch, 1 pound = 0,49 kg.

[59] The Detective Division, Police Department, New York City, phòng điều tra sở cảnh sát thành phố New York.

[60] Y dis: Hỗn hợp tiếng Đức, tiếng Do Thái và các thứ tiếng Xlavơ được người Do Thái ở các nước Đông Âu sử dụng.

[61] Keplovy Vary là thành phố nghỉ mát nổi tiếng ở phía Tây Czech (N.D).

[62] Marihuana (Tiếng Tây Ban Nha): Một chất lấy từ một loại thực vật ở Mexico, có tác dụng kích thích như ma túy (N.D)

[63] Các trò chơi cờ bạc.

[64] Các trò chơi cờ bạc.

[65] Các trò chơi cờ bạc.

[66] Bon giorno (Tiếng Ý): Chào ban ngày (N.D).

[67] Tiamo (Tiếng Ý): Em yêu anh (N.D).

[68] Duce (Tiếng Ý): Lãnh tụ (N D).

[69] Bestseller (Tiếng Anh): Quyển sách bán chạy nhất (N.D).

[70] Taxi dance place: Quán nhảy cho thuê bạn nhảy khác giới.

[71] Marihuana: Một chất có tác dụng kích thích như thuốc phiện.

[72] Một loại tạp chí phổ thông ở Mỹ (N.D).

[73] Những dòng họ tư bản kéch xù ở Mỹ.

[74] Những dòng họ tư bản kéch xù ở Mỹ.

- [75] High society: Tầng lớp trên.
- [76] Businessmen (Tiếng Anh): Người kinh doanh (N.D).
- [77] Các ngôi sao điện ảnh Hoa Kỳ (N.D).
- [78] Các ngôi sao điện ảnh Hoa Kỳ (N.D).
- [79] Các ngôi sao điện ảnh Hoa Kỳ (N.D)
- [80] Kỷ niệm bạn hữu Lucky của Frank Sinatra (N.D).
- [81] Sir: Danh hiệu giới quý tộc Anh (N.D).
- [82] Machetero (Tiếng Tây Ban Nha): Thợ chặt mía.
- [83] Cục dự thảo kế hoạch.
- [84] Bumerang: Tên gọi một loại vũ khí săn bắn bằng gỗ của thổ dân Úc, nếu không trúng đích nó sẽ bay lại chỗ xuất phát (N.D).
- [85] Harpuna: Một loại vũ khí bắn tên bằng hơi nên dùng để săn cá dưới biển (N.D).
- [86] Playboy (Tiếng Anh): Dân ăn chơi đàng điếm.
- [87] Chúc mừng sinh nhật
- [88] Ủy ban do chánh án tòa án tối cao Earl Warren làm chủ tịch, được thành lập để điều tra vụ ám sát Tổng thống Kennedy (N.D).
- [89] Theo biên bản của Ủy ban Warren thì Oswald đã bắn chết viên cảnh sát Tippitt trên đường chạy trốn (N.D).
- [90] Đơn vị đo chiều dài 1 foot- 0,9m (N.D).

[91] King Martin Luther (1929-1968), một lãnh tụ da đen đấu tranh cho quyền lợi người da màu. Bị ám sát năm 1968 (N.D).

[92] Rugby là một loại trò chơi bóng tập thể ở Mỹ (N.D).

[93] Bobby: Tên gọi thân mật của Robert Kennedy (N.D).

[94] Playboys: Dân ăn chơi trụy lạc ở Mỹ (N.D).

[95] Sở điều tra đặc biệt (N.D).

[96] Một tạp chí khiêu dâm ở Mỹ. (N.D).

[97] Senor: Ngài (Tiếng Tây Ban Nha) (N.D).

[98] Hafia: Cảng của Israel, còn Alecxandrie là cảng Ai Cập (N.D).

[99] Một tên gọi khác của Mafia ở Sicilie (N.D).

[100] Một tên gọi khác của Mafia ở Israel (N.D).

[101] Muenchen: Thủ phủ xứ Bayern, Tây Đức (N.D).

[102] Hatrick: Nghĩa đen trong bóng đá chỉ việc một cầu thủ ghi ba bàn trong một trận, ở đây nghĩa là một vụ siêu áp phe (N.D)

[103] Cocain: Chất kích thích có hạt như ma túy.

[104] Marihuna: Chất kích thích có hại giống ma túy (N.D).

[105] Burundi: Một quốc gia Trung Phi

[106] Các nước ở Châu Phi (N.D).

[107] Tỉ phú Hy Lạp, sau này lấy vợ góa của Tổng thống Kennedy (N.D).